

DIỀU VĨNH QUÂN - DIỀU CHU HUY

Bí ẩn của

Chiêm mộng & Vu thuật



**ĐẠI
ĐIỆN
TÍCH** **VĂN HÓA
TRUNG HOA**

BÍ ẨN CỦA CHIÊM MỘNG & VU THUẬT

**ĐẠI ĐIỂN TÍCH
VĂN HOÁ THẦN BÍ TRUNG HOA**

**BÍ ẨN CỦA
CHIÊM MỘNG & VU THUẬT**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong vài năm gần đây, nhất là từ khi chúng ta bước vào thời kỳ chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường, một số hiện tượng mê tín dị đoan, có một thời tạm lắng xuống, nay lại có dấu hiệu xuất hiện trở lại.

Đây đó, những cuốn sách in trái phép như: Tử vi, Tướng số, Lịch vận sự, Xem tướng tay tướng mặt... được lên lút bày bán.

Kinh nghiệm cho thấy, để chôn lại có hiệu quả những tàn tích của văn hoá lạc hậu, cần phải xây dựng một nền văn hoá văn minh, khoa học và tiến bộ.

*Với mục đích trên Nhà Xuất bản Văn Hoá-Thông tin cho ra mắt bạn đọc **ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA**. Trong bộ sách này, các tác giả - những học giả lớn của Trung Quốc đương đại- đã trình bày một cách có hệ thống những nghiên cứu công phu về những hiện tượng văn hoá mang tính chất thần bí sâu đậm.*

Bằng việc vận dụng các quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, với thái độ khách quan khoa học, các tác giả đã chỉ ra những yếu tố hợp lý cần kế thừa trong số các kinh nghiệm và tri thức của người xưa để lại trong các thuật Phong thủy, Trạch cát, Quyển mưu, Chiêm tinh, Chiêm mộng... đồng thời cũng chỉ ra các điểm vô lý mê tín dị đoan, các lý luận mâu thuẫn và phản khoa học trong các thuật đó.

Đây là bộ sách rất đồ sộ, dày tới hàng vạn trang, trong đó không khỏi có đôi điều thiếu sót. Nhà Xuất Bản Văn Hóa-Thông Tin rất mong được các bạn đọc lượng thứ và góp ý để có được những ấn phẩm tốt hơn.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LỜI TỰA BỘ SÁCH

ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HOÁ THẦN BÍ TRUNG HOA

Văn hóa Trung Hoa không chỉ nổi tiếng vì lâu đời, phong phú, mà còn được người Trung Quốc và nước ngoài ngưỡng mộ vì tính chất thần bí sâu đậm của nó. Nói thần bí, có nghĩa là thần kỳ và bí ẩn. Tất cả những nền văn hoá mang màu sắc thần bí, đều có thể gọi là văn hoá thần bí. Tam hoàng ngũ đế, hậu phi thê thiếp, thái giám ngoại thích (họ ngoại nhà vua), thuật sĩ thấy mơ, ẩn sĩ tiên nhân, thiện nam tín nữ, bang hội, tam giáo cứu lưu, tam phần ngũ điển, mật tịch cấm thư, dị đoan tà thuyết, âm dương ngũ hành, thiên nhân cảm ứng, kỳ môn độn giáp, tiên tri cảm kỳ, tập tục hủ lậu, xem tướng đoán chữ, luyện đan dưỡng sinh, chiêm tinh phong thủy, việc lạ chuyện kỳ, võ thuật khí công, đều là văn hoá thần bí.

Bất cứ văn hóa nào, do tính chất đặc biệt của nó, đều có chỗ đứng nhất định. Văn hoá thần bí Trung Hoa là một bộ phận quan trọng cấu

thành văn hoá Trung Hoa. So với nền văn hoá tao nhã lấy Nho học làm hạt nhân, thì có thể gọi nó là văn hoá đời thường; so với văn hoá quan trường khoa cử, thì có thể gọi nó là văn hoá đại chúng; so với dòng văn hoá chính thống do các nhà cầm quyền đề xướng qua các thời đại, thì có thể gọi nó là mạch ngầm; so với văn hoá hiện đại của nền đại công nghiệp, thì có thể gọi nó là văn hoá truyền thống; so với nền văn hoá Tây phương gió Âu mưa Mỹ, thì có thể gọi nó là văn hoá bản địa.

Trong lâu đài văn hoá, không có một nền văn hoá nào khiến người ta say mê, đắm lấy hồn vía, lôi kéo người ta đi sâu tìm hiểu, khiến người ta ngạc nhiên thần phục như văn hoá thần bí. Hán Vũ Đế trong bài "Thơ du tiên" viết: "Thủy Hoa cứu linh áo, Dương Tinh trắc thần bí" - Thế nào là "cứu" "trắc"? Cổ kim vội bóp nghẹt bao nhiêu tao nhân mặc khách. Có người từ nhỏ đã dán thân vào đây, như "Tấn thư - Trần Huấn truyện", có ghi: Huấn từ nhỏ thích đọc những chuyện thần bí, thiên văn lịch pháp, âm dương, xem thời tiết, môn nào cũng tới mức tinh thông". Có người trở thành nhà thông thái, tài cao học rộng như Mao Dĩnh mà Hàn Dũ chép trong "Xương Lê tập" quyển 36: "Dĩnh có trí nhớ tốt, lại kiên trì, biên soạn các truyện, từ thời kết nút dây thừng để nhớ, đến các công việc nhà Tấn, không sót chuyện nào. Âm dương, bói toán, xem tướng, y lý, sắc tộc, sơn kinh, địa chí, chữ viết, đồ hoạ, cứu lưu bách gia, thiên nhân thư, phù đồ, Lão tử, các thuyết của nước ngoài, thầy đều cận kề".

Văn hóa thần bí là một cái kho biến ảo thần kỳ, người theo nghiệp học nhìn thấy ở đây ánh hào quang của trí tuệ; người cầm quyền qua đây mà tổng kết những quyền mưu gìn giữ chính quyền; người kinh doanh lấy từ đây vô vàn của cải; kẻ mê tín thì xin ở đây sợi dây để tự trói mình. Nhìn qua xã hội bây giờ, ở Trung Quốc cũng như ở nước

ngoài, không ít người bận rộn với văn hoá thần bí, và thành quả cũng không nhỏ. Rất tiếc và đáng giận, trong cánh huyền não ấy, có một số tên vô lại trà trộn vào, chúng là những tên bất học vô thuật, nhưng lại biên soạn những sách nhỏ "Ngũ hoa nhập môn" in giấy nền để tuyên truyền mê tín, đảo lộn trắng đen, đầu độc dân chúng, nhằm vét tiền đầy túi. Kê tiểu nhân làm bậy, người quân tử nghĩ sao? Một số người thừa chữ coi văn hoá thần bí là "không phải học thuật" "văn hoá thấp kém", thậm chí cho rằng "thịt chó không thể bày trên mâm chính", sợ ảnh hưởng đến thanh danh cao quý của mình. Mặc cho kẻ tiểu nhân hò hét trên đất bụi, người quân tử nhắm mắt làm ngơ. Thế là, văn hoá thần bí càng huyền hồ, càng xám xịt, càng không thể thấu hiểu, thậm chí rơi vào vùng bùn đen.

Trước tình thế ấy, chúng tôi bắt tay vào nghiên cứu văn hoá thần bí.

Màu sắc thần bí rất sợ bị sự thật phá vỡ, đồng rác mê tín phải được khoa học quét sạch. Mây mù tư tưởng không thể dùng búa chém chết, những hiện tượng lịch sử phải từ góc độ lịch sử mà giải thích. Những hiện tượng văn hoá thần bí đang diễn ra trước mắt chúng tôi, là một thể cộng đồng phức tạp, quái gở li kỳ, là hình thái ý thức pha trộn giữa tinh hoa và thô thiển. Nó có truyền thống thâm căn cố đế, có thị trường mà tất cả ngóc ngách đều lọt vào, có khả năng tái sinh từ suy vi đến hưng thịnh. Từ sau khi nước Trung Quốc mới ra đời, văn hoá thần bí đã một thời bị phiêu bạt, nhưng nó chuyển từ trên mặt đất xuống dưới mặt đất, từ chỗ đang lan tràn rút về tam thời co lại. Một khi mở cửa, trào lưu lịch sử bùng ra, mạch ngầm này sẽ hoà nhập với phong tục ngoại lai từ Hồng Kông, Đài Loan thừa cơ tràn vào, loang khắp hàng cùng ngõ hẻm, tổ chức truyền thống hoà trộn với màu sắc hiện đại, xấu tốt khó mà

phân biệt. Nếu không xem xét ngọn nguồn, không làm rõ đúng sai, không hướng dẫn đúng đắn cho quần chúng, thì những phong tục cũ kỹ lạc hậu và những tập tục phong kiến sẽ hồi phục trong dân, nó sẽ bồi đắp và thay thế dần phong tục xã hội chủ nghĩa đã vun đắp được trong bốn mươi năm, rồi thay thế hẳn. Đây là điều nguy hiểm. Để phối hợp với việc xây dựng nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa, phối hợp với việc trừ sáu cái hại, nên tích cực, hành động, nghiên cứu văn hoá thần bí. Nhất là những người làm công tác khoa học xã hội ở bậc cao học, học thuật, phải phục vụ bốn hiện đại hoá, phục vụ cho cải cách, mở cửa, phục vụ xã hội, nhân dân; nghiên cứu văn hoá thần bí là nghĩa vụ và trách nhiệm của chúng ta. Hướng hỏ, bản thân văn hoá thần bí là một hiện tượng văn hoá, các học giả ở bậc cao học không nghiên cứu thì ai nghiên cứu?

Mấy năm gần đây, chúng tôi đang nghiên cứu "Văn hóa thần bí và Văn minh phương Đông", hai đề tài lớn. Đúng lúc đồng chí Âu Vi Vi (Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã) đặt chúng tôi viết: "Những bí ẩn của bát quái - (Chu Dịch)". Sau khi in ra, dư luận đánh giá tốt, rất nhiều học giả và quần chúng công nông viết thư khen ngợi và cổ vũ, mong muốn có nhiều loại sách mang tính khoa học, có tính chất học thuật, dễ đọc như thế. Để khỏi phụ lòng bạn đọc, chúng tôi quyết định ra loại sách này.

Loại sách này do Vương Ngọc Đức chủ biên, Diêu Vĩ Quân phó chủ biên, được Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã hết sức ủng hộ, nhất là được đồng chí Âu Vi Vi, Chủ nhiệm Phòng Biên tập văn, sử giúp đỡ cụ thể. Trong loại sách này, chúng tôi cố gắng vận dụng quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, với thái độ khoa học, thực sự cầu thị và phương pháp học thuật nghiêm túc, kết hợp với nhiệm

vụ xây dựng văn minh tinh thần, phối hợp với hiện thực xã hội, khai thác tư liệu lịch sử, nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh từng vấn đề trong văn hoá thần bí, cần phê phán thì phê phán, cần kế thừa thì kế thừa, để cận hã phải lắng xuống, để hủ lậu hoá thành thần kỳ, để học thuật trong đục rõ ràng, để văn hoá Trung Hoa toả sáng.

Người xưa nói: "Đường đi ngàn dặm, bắt đầu từ đôi chân". Khi loại sách này ra đời, chúng tôi cảm thấy đây mới chỉ là bước đầu của việc nghiên cứu văn hoá thần bí, vất vả gian truân, đường xa gánh nặng. Do công việc nghiên cứu này mới chỉ khởi đầu, lại thêm trình độ có hạn, loại sách này chắc chắn có chỗ sai sót, rất mong bạn đọc gần xa thông cảm, giúp đỡ, cùng chúng tôi ra sức nêu cao nền văn hoá Trung Quốc.

VUÔNG NGỌC ĐỨC

Phòng Nghiên cứu tư liệu lịch sử

Trường Đại học Hoa Trung

Tháng 10 năm 1990

DIÊU VĨ QUÂN

PHẦN I

BÍ ẨN CỦA CHIÊM MỘNG

Bàn luận rộng về văn hóa mộng

Người dịch: LÝ KHÁC CUNG
Hiệu đính: NGUYỄN NGỌC SAN

LỜI NÓI ĐẦU PHẦN I

(CUỐN BÍ ẨN CỦA CHIÊM MỘNG)

Thời cổ Hy Lạp có chuyện thần thoại được phổ biến sâu rộng: Đất nước Thèbes có một nữ yêu mặt sư tử, thân người gọi là Sphinx. Nàng hùng cứ trên một mỏm đá cheo leo phía ngoại thành, gieo rắc cho những khách qua lại vô vàn điều huyền bí. Nếu ai đi qua không đoán ra được điều huyền bí bị mê hoặc, sẽ bị nàng xé nhỏ ra rồi ăn thịt. Biết bao nhiêu người vô tội đã bị chôn vùi trong bụng yêu nữ. Về sau mọi người gọi những vấn đề nan giải thần bí là những điều thần bí Sphinx.

Xưa nay, các nhà triết học, văn hoá, toán học v.v., cho rằng hiện tượng mộng mị là những lĩnh vực khó tham dò nhất trong những bí mật của thần bí Sphinx ... họ đã dùng nhiều kiểu lý luận, đoán định tương tượng để giải thích hiện tượng mộng mị. Nhưng tất cả những sự giải thích đó đều chỉ có thể thoả mãn yêu cầu nhất thời của mọi người. Thời gian qua đi, cảnh vật biến đổi làm xuất hiện những sự giải thích mới. Những sự giải thích cũ qua đi. Đặc biệt là

với hiện tượng chiêm mộng lại càng đậm thêm màu sắc thần bí chủ nghĩa và mê tín tôn giáo.

Những từ về chiêm mộng trong các sách "giải mộng" không nhất trí với nhau tùy theo thời gian và địa phương, lại càng làm tăng sự mê hoặc đối với những lớp người sau. Như vậy, đã hình thành nổi mê đắm trong việc nghiên cứu về văn hoá và tâm lý giấc mộng cho đời sau.

Nhìn lại quá trình phát triển của văn hoá các giấc mộng, chiêm mộng là hiện tượng văn hoá được phát sinh sớm nhất. Hơn nữa, trong quá trình lịch sử lâu dài của Trung Quốc, chiêm mộng cũng là hiện tượng văn hoá phát sinh ra sớm nhất, mà những sử liệu ghi chép về chiêm mộng trong cả chiều dài dằng dặc của lịch sử cũng vô cùng phong phú. Chỉ cần ta lật qua mục lục các sách qua nhiều triều đại, từ "Hán thư - nghệ văn chí" là chúng ta thấy rõ. Các phương pháp chiêm, bói khác được gộp lại làm một và người cổ gọi là "thuật số". Những sử liệu đó cho thấy rõ thuật chiêm mộng có nguồn gốc lâu dài, xa xưa. Nó có duyên phận không tách ra được với văn hoá truyền thống từ buổi rất hoang sơ.

Từ đời Tần, là thời kỳ lịch sử mà Trung Quốc mới tới ngưỡng cửa của văn minh, ở đất nước Trung Hoa rộng lớn, việc quyết định những "chính sự" của giai cấp thống trị không phải do cá nhân chuyên chế, cũng không phải do các quý tộc trong triều quyết định mà là thỉnh thị thần thánh quyết định qua những phương pháp chiêm, bói đặc biệt. Chiêm, bói là sản phẩm có tác dụng tâm lý của người xa xưa dưới sức đè nén đe dọa của giới tự nhiên và xã hội mà cảm thấy yếu đuối, bất lực trong cảnh ngộ gặp phải, hoặc sau một hậu quả sự việc mà mình không làm bắt được. Do vậy, người ta hy

vọng nhiều vào sự mách bảo của thần thánh nào đó để gặp được điều lành, tránh điều dữ, tiêu trừ được tai nạn, gặp phúc đức. Tuy nhiên, trong các thuật chiêm, bói đời Tần, thuật chiêm mộng là quan trọng nhất. Như trong "Hán - thư nghệ văn chí" có nói: Nghệ thuật chiêm và bói không chỉ có một chiêm - mộng là điều lớn nhất. Thí dụ như: quan sát điều lành, dữ của đất - nước quyết định kế hoạch lớn trong quân sự, lựa chọn quan chức v. v... đều thường lấy việc chiêm mộng ra mà quyết định. Vì vậy mà việc chiêm mộng đã chiếm một địa vị cực kỳ trọng yếu trong sinh hoạt chính trị đời tiền Tần. Nó không chỉ là một bộ phận thần học tôn giáo của giới quan trên hiểu biết mà cũng là thủ đoạn quan trọng trong các cuộc vận động chính trị thời Tần. Thời kỳ này là thời kỳ thuật chiêm mộng phát triển và thịnh vượng.

Đến đời Hán có bị sa sút do bắt đầu có luận thuyết Vô thần. Thêm vào đó, có sự phát triển của tâm lý học và sinh lý học cổ đại Trung Quốc. Một số nhà khoa học thuộc phái duy vật có những nhận thức thô thiển về sự hình thành và sự mê tín của thuật chiêm mộng. Họ đưa ra luận thuyết và viết sách, làm cho thuật chiêm mộng mất đi cái ma lực thuở xưa. Địa vị của thuật chiêm mộng càng ngày càng xuống dốc. Sau đời Hán, thuật chiêm mộng từ trong tay những thế lực to lớn, của quan - cửa phủ... đã chuyển về lưu hành trong dân gian và trở nên một loại mê tín thế tục được dân gian phụng dưỡng, thịnh hành.

Thuật chiêm mộng cổ đại Trung Quốc tuy là loại tẩm, cam trong văn học truyền thống Trung Quốc, nhưng chúng ta không thể có thái độ phủ định một cách đơn giản loại tẩm, cam này. Vì, kỳ thực, những trường hợp làm thí dụ của thuật chiêm mộng phản ánh

giá trị văn hoá truyền thống Trung Quốc. Dưới tác dụng của một loại văn hoá định hình và đặc biệt, phản ánh mộng mị của dân gian Trung Quốc, nó đã trở nên một hiện tượng văn hoá nhân văn. Những nhà chiêm mộng giải thích cho mọi người về thực chất cũng là việc giải thích về văn hoá. Nếu chúng ta là người trong cuộc, được nhà chiêm mộng đoán cho mình, sẽ chẳng khó gì mà phát hiện ra cơ cấu tâm lý dân gian, dân tộc truyền thống Trung Hoa. Dựa vào những điều đó mà cuốn sách này sẽ trình bày một cách hệ thống những khuôn mặt trọng điểm.

Những công việc nghiên cứu khoa học và giải thích giấc mộng một cách chính xác, có phê bình, bàn luận về chủ nghĩa duy tâm và hoạt động mê tín Trung Quốc... đều có ý nghĩa quan trọng. Sau khi nhân loại tiến vào thế kỷ thứ 20, khoa học được phát triển chưa từng có, luận thuyết giải thích về giấc mơ của F.Reud ra đời làm cho giấc mộng hư ảo vô lường đã có được sự giải thích tương đối hợp lý và khoa học. Tuy vậy, dựa vào giấc mơ mà có những hoạt động mê tín kiểu "phong kiến" vẫn không hề bị chấm dứt. Ở các nước phương Tây văn minh, hiện đại vẫn tồn tại những hoạt động mê tín phong kiến như chiêm mộng, đoán số mệnh v. v..., máy tính tương trưng cho sự tiến bộ khoa học cũng được dùng để đoán số mệnh.

Nước Mỹ còn phát minh ra máy thăm dò giấc mộng. Ngày 23 tháng 11 năm 1990 "Văn hồi báo" có giới thiệu: "Có vị giáo sư trường đại học Stanford nước Mỹ đã phát minh ra bộ phận máy móc gây giấc mơ cho mọi người, nó có thể hỗ trợ cho người ngủ mơ thấy bất cứ một giấc mơ nào. Nó được gọi là máy thăm dò các giấc mộng".

Như vậy, những hiện tượng về giấc mơ vẫn còn đang đợi mọi người nghiên cứu và nhận thức. Sau đây, ta thấy lời giải đáp cho các vấn đề về một hiện tượng văn hoá sâu sắc, huyền ảo, bao la... như về giấc mơ, hãy còn xa vời lắm. Cuốn sách này mới chỉ là một sơ thảo nghiên cứu hoặc chỉ là ném ra một viên gạch để dẫn đến việc tìm được ngọc quý. Hy vọng những cuốn sách khác sẽ ra đời làm cho sự mê hoặc của giấc mơ sớm được trình làng rõ ràng và triệt để hơn.

QUYỀN THƯỢNG

1

CỘI NGUỒN VÀ SỰ BÍ HIỂM CỦA THUẬT ĐOÁN MỘNG

Thuật đoán mộng có trên đất nước Trung Hoa đã từ lâu. Ngay trong xã hội cổ đại, tổ tiên chúng ta đã có một quan niệm (ấu trĩ) về "hồn" và "mộng". Họ cho rằng nằm mộng là lúc linh hồn lìa thân xác mà đi chu du bên ngoài. Việc linh hồn đi ra khỏi xác là do sự sai khiến của quỷ thần. Nằm mộng là do quỷ thần gợi ý cho người nằm ngủ, vì vậy có thể căn cứ vào hình ảnh trong giấc mộng, đoán ý của thần mà dự báo ra điều lành hoặc dữ.

1. THUYẾT "VẠN VẬT HỮU LINH" CỦA E.P.TAYLOR

Phân tích lý luận về sự phát minh ra thuật đoán mộng, ta thấy nó liên hệ chặt chẽ với thuật phù phép của người nguyên thủy. Nhưng, nghiên cứu tận gốc gác thì nó không thể tách rời quan niệm "vạn vật hữu linh" của người cổ sơ. Vào thế kỷ trước, E.P.Taylor người Anh được mệnh danh là "người cha" của nhân loại học - văn

hoá sau khi đề ra luận điểm "vạn vật hữu linh" thì lý luận này đã được sử dụng rộng rãi để giải thích về cách phù phép nguyên thủy và nguồn gốc của tôn giáo. Cho đến tận ngày nay, giới học thuật vẫn cho rằng quan niệm "vạn vật hữu linh" là sự kết tinh phức tạp giữa sinh hoạt xã hội với sinh hoạt tâm lý của người thượng cổ. Nó đánh dấu một loại tín ngưỡng tập thể vô ý thức, chi phối cả lĩnh vực hình thái ý thức của xã hội nguyên thủy. Hình thái ý thức nguyên thủy lấy lý luận "vạn vật hữu linh" làm cơ sở, bao gồm cả các kiểu sùng bái giới tự nhiên, sùng bái động và thực vật, sùng bái quỷ thần, mê tín điểm báo trước, các loại hình phù phép và nghi thức v. v... Trong đó, một bên là các đối tượng được sùng bái đại diện cho thần linh có sức mạnh siêu nhiên. Còn một bên là các thuật phù phép, các nghi thức, đại diện cho sự cố gắng chủ quan của loài người, tức là sự cố gắng mở đường nối thông giữa người và thần linh. Tổ tiên xưa cho rằng một khi người và thần linh có sức mạnh kết hợp lại được với nhau thì sẽ chiến thắng được bệnh tật, đánh thắng trận hoặc được mùa, linh hồn được lên trời và biết trước được tương lai. Những người tế lễ, đồng cốt được coi là những người có thể liên lạc được với thần linh. Họ có rất nhiều phương tiện phong phú để liên lạc được với thần linh. Mê tín điểm báo trước là một trong những phương tiện. Về sau này, mê tín điểm báo trước trở thành nguồn gốc sâu xa của thuật đoán mộng.

Cái gọi là mê tín điểm báo trước là quan điểm sai lầm, lấy việc sùng tín điểm báo làm cơ sở hình thành nên kiểu mê tín về nhận thức nhân quả đối với sự vật dưới tác dụng của thần linh. Với người dân của các xã hội sơ khai, những điểm báo được mê tín là những hiện tượng đột nhiên phát sinh ra trong giới tự nhiên mà mọi người không có cách nào khống chế được, như sao đổi ngôi, sao

chối, nguyệt thực, nhật thực, động đất, nằm mơ, mất nháy, sự xuất hiện các động vật và thực vật trong lúc khí hậu và thời tiết không bình thường, sự thay đổi biến dạng của các loại động vật và thực vật quen thuộc v. v... Những hiện tượng xảy ra mà không có cách nào giải thích được đều được nội người cho là những gợi ý và báo hiệu của thần linh. Và cả những sự việc phát sinh ra sau những hiện tượng đó được coi là sự trừng phạt hoặc sự ban thưởng của thần linh đối với con người.

Như vậy, sự mê tín vào điềm báo trước chuyển hoá thành sự mê tín điềm báo trong mộng mị như thế nào để hình thành một mớ lý luận phức tạp về đoán mộng? Một khâu quan trọng trong đó gắn liền với quan niệm về mộng, hồn của tổ tiên chúng ta xưa kia.

2. QUAN NIỆM VỀ HỒN, MỘNG CỦA NGƯỜI XƯA

Nhân loại cổ xưa đã gắn liền mộng với linh hồn như thế nào thì đến bây giờ cũng không có cách nào tìm ra được chứng cứ trực tiếp. Nhưng chúng ta có thể căn cứ vào trình độ trí lực của người cổ xưa mà suy ra, hơn nữa chúng ta còn có thể tìm thấy được một số "hoá thạch sống" trong tập tục tôn giáo của người cổ xưa nguyên thủy. Trong cuốn sách "Lútwich Fơ bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức", Ăngghen (Engels) căn cứ vào những tài liệu về người nguyên thủy ở Bắc Mỹ để phân tích quan niệm về hồn mộng của người xưa. Ông nói: "Trong thời đại đại viễn cổ, mọi người còn chưa biết gì về cấu tạo của thân thể mình, hơn nữa chịu ảnh hưởng của cảnh tượng trong mộng mà quan niệm: tư duy và cảm giác của họ không phải là hoạt động thuộc thân thể của họ mà là hoạt động của linh hồn dạng đặc biệt ở trong cơ thể của họ khi thân thể ấy

chết. Người nguyên thủy qua sự suy ngẫm về giấc mộng mà hợp thành nên quan niệm về linh hồn, ngược lại, họ lại dùng quan niệm về linh hồn mà giải thích về hoàn cảnh và hình tượng trong giấc mộng. Quan niệm về hồn, mộng của người nguyên thủy được liên hệ chặt chẽ với nhau, không thể tách rời ra được".

Theo như sự phân tích đó của Engels, tại một số khu vực biên khu không phát triển trong xã hội hiện đại của Trung Quốc cũng còn có thể tìm thấy một số dấu ấn "hoá thạch sống". Với bộ tộc Li Li ở phía Tây Nam đất nước vào thời trước giải phóng, đại bộ phận đã tiến lên xã hội phong kiến, nhưng có địa khu cục bộ hãy còn dừng lại ở trình trạng cây bàng dao, đốt rẫy. Tập tục của họ, ngoài tôn thờ thần linh còn có thuyết "giết hồn" ở trong mộng. Họ cho rằng có hạng người được gọi là "khẩu bắt", linh hồn của nó là con quỷ chim ưng, vì trong mộng, chim ưng có thể "giết chết hồn". Do vậy, người ta rất sợ hãi và căm phẫn kẻ bị gọi là "khẩu bắt". Nếu người nằm mộng do đó lăn ra ốm hoặc bị tử vong thì tức là người nằm mộng đã bị "khẩu bắt" giết mất hồn. Để chứng minh một người nào đó là "khẩu bắt" hoặc để truy cứu trách nhiệm, những phù thủy, đồng cốt cử hành một lễ nghi rợn người, trong đó có việc ném vạc dầu gọi là "thần phán". Người là "khẩu bắt" bị trừng phạt nghiêm khắc vì đã giết "hồn". Đó là một loại hoạt động về linh hồn của mộng giữa người nằm mộng (mình) và người bị mộng thấy (bắt gặp trong giấc mộng).

Lại như, xã hội loài người Kinh Pô và tộc Dao đã được phát triển đến trình độ tương đối cao nhưng vẫn còn những địa phương cá biệt rất lạc hậu. Trong họ còn phổ biến quan niệm hồn mộng và mê tín vào diêm trong đó cũng là tập tục từ thượng cổ để lại, cho

nên cũng coi như một sự rơi rớt lại của quan niệm nguyên thủy. Dân tộc Kinh Pô gọi linh hồn là "Nam La". Họ cho con người sở dĩ nằm mộng là vì linh hồn xa rời khỏi xác thịt. Nếu linh hồn không rời khỏi xác thịt thì không có mộng. Có lúc người ta ngủ mà không thấy mộng là vì linh hồn có ra khỏi xác nhưng không gặp hoặc không thấy gì. Nếu linh hồn rời khỏi xác mà gặp một quái vật gì đó thì người nằm ngủ sẽ thấy mộng. Theo tập tục của người Kinh Pô, nếu người nằm ngủ mơ thấy dao, mác gì đó là điềm tốt lành, là điềm vợ sẽ sinh con trai. Nếu mơ thấy nổi bằng kim khí và kiềng ba chân sẽ là điềm lành, vợ đẻ con gái. Nếu nằm mơ thấy bí, bầu, dưa triu quả, mình gánh vác một sọt nặng tức là điềm xấu. Mơ thấy mặt trời lặn, rụng răng hoặc uống rượu, ăn thịt... đều là điềm dữ, trong nhà hoặc làng giồng có người chết.

Người Dao có cách giải thích về điềm mộng triệu của họ, nghe nói nếu thấy mặt trời lặn xuống phía dưới gốc thì cha mẹ gặp tai nạn. Mơ thấy gió thổi, mưa rơi hoặc mơ thấy ăn ăn với con gái thì bản thân mình gặp tai nạn. Mơ nghe thấy ca hát thì sẽ cãi nhau với người khác, mơ thấy mình ăn cơm thì sẽ phải làm việc vất vả suốt ngày, thấy đi đại tiện, thấy rắn bò hoặc mình ném các mẫu gỗ hoặc những hòn đá xuống dưới chân núi... đều là triệu chứng thất tài. Ngược lại, mơ thấy đánh rắn hoặc nhà bị cháy là điềm phát tài hoặc được tiền tài. Mơ thấy lửa rừng đốt núi hoặc thấy cha mẹ, trời sắp mưa, thấy người chết hoặc mình chết, thì người nằm mơ hoặc người thấy trong mơ được sống lâu và có hồng phúc. Mơ thấy linh khóc cũng có phúc v.v..

Quan niệm về hồn, mộng của tộc Hơ Chơ phía Đông Bắc lại cũng có ý nghĩa điển hình. Trước đời Thanh, tộc Hơ Chơ còn ở thời

kỳ tiền sử. Trong tín ngưỡng của họ, mỗi con người có 3 linh hồn. Một là linh hồn sinh mệnh. Linh hồn thứ hai là linh hồn chuyển sinh. Thứ ba là thứ linh hồn quan niệm và tư tưởng. Họ cho rằng linh hồn sinh mệnh cho người ta sinh mệnh. Linh hồn chuyển sinh chủ trì việc chuyển đổi cuộc sống sang đời sau. Linh hồn quan niệm cho người ta có cảm giác và tư tưởng. Khi người ta ngủ, thân thể không động đậy, tai và mắt không có trí giác là vì linh hồn quan niệm đã ra khỏi thân xác. Người ta sờ dĩ nằm mơ và trong giấc mơ có thể nhìn thấy nhiều điều thậm chí thấy cả những người thân đã chết, là vì linh hồn quan niệm rời khỏi xác thịt mà đi đến nơi khác, tiếp xúc với thần linh và những linh hồn khác.

Chính vì trong mộng, linh hồn có thể tiếp xúc với thần linh, có thể tiếp xúc với linh hồn của tổ tiên cho nên mọi người coi hình tượng giấc mộng là sự gợi ý, báo hiệu của thần linh hoặc của tổ tiên nên rất có ý nghĩa đối với người nằm mơ. Với người Hơ Chơ, có những giấc mộng tốt lành như mơ thấy mình uống rượu, được tiền là dự báo sẽ săn bắn được đầy bị trở về. Mơ thấy người chết, khiêng quan tài là nhất định sẽ báo được dã thú. Những giấc mộng có triệu chứng xấu là khi nhìn thấy gấu đen có nghĩa là tai nạn giáng lên đầu, trong nhà sẽ có người chết hoặc người thân thích chết. Nằm mơ thấy đi ngựa lững thững là đi săn tay không trở về. Sự mê tín đối với điềm trong giấc mộng này của dân Hơ Chơ rõ ràng có liên hệ chặt chẽ với cuộc sống săn bắn mà cũng gắn liền với phương thức tư duy cổ xưa của họ. Qua những thí dụ về mộng triệu như đã nói trên có thể thấy rằng mộng triệu là phản hưởng bắt nguồn từ kinh nghiệm sống. Có mang được con mồi về mới có tiền, có rượu. Ngược lại, mộng thấy uống rượu và được tiền chỉ ứng nghiệm khi nào mang được con mồi về nhà. Cũng vậy, giết dã thú, phải khiêng

về như khiêng người chết, khiêng quan tài về. Ngược lại mộng thấy khiêng người chết và quan tài chỉ ứng nghiệm sau khi bản chết đã thú. Điều cần nói thêm là người nguyên thủy thường thích giả trang mình thành con thú rừng hoang dã. Dưới con mắt họ, khiêng con thú chết với khiêng người chết chỉ là một.

Dân tộc Ngạc Luân Xuân ở trong rừng rậm vùng núi Hung An cũng có quan niệm về linh hồn như vậy. Họ giải thích hồn mộng một cách đại thể cũng giống cách giải thích của người Hơ Chơ. Có điều, họ nhấn mạnh linh hồn chủ yếu về mặt quan niệm. Họ cho rằng khi người ta ngủ, linh hồn lìa khỏi thể xác và gặp một vật gì đó. Nhưng tại sao vẫn gặp lại người đã chết ở trong mộng thì họ cho rằng người thân tuy đã chết nhưng chỉ chết về thể xác còn linh hồn thì vẫn tồn tại (tham khảo cuốn "Tin vào giấc mộng và tìm hiểu về giấc mộng" của Lưu Văn Anh).

Trong những văn bản cổ xưa của dân tộc Hán, ta cũng có thể tìm thấy một số đoạn ghi chép về hồn mộng. Như trong Các chương Cửu chương, Tích Tụng... sách Sở từ có viết: "Trước ta mộng thấy lên trời chừ, hồn giữa đường mà không có xuống". Ở đây, hồn và mộng ghép làm một. Dùng mộng cho hồn bay. Trong bài Trường môn phú của Tư Mã Tương Như có câu: "Bỗng ngủ thức mà mộng tưởng chừ... Hồn thấy như có chàng ngay bên cạnh". Cũng là mộng và hồn gắn liền với nhau. Lấy mộng mà cảm hồn. Ta thấy quan niệm hồn mộng có ảnh hưởng sâu sắc và rộng rãi trong thời cổ đại của Trung Quốc.

3. MÊ TÍN ĐIỂM MỘNG CHUYỂN HÓA THÀNH TẬT THUẬT ĐOÁN MỘNG

Quan niệm về hôn mộng là cơ sở tư tưởng của mê tín mộng triệu. Bản thân nó không phải là mê tín mộng triệu. Vì quan niệm hôn mộng chỉ là nói mộng để cho hôn di ngao du, chứ không nói hôn ngao du có thể dự báo triệu chứng lành hay dữ. Họ gắn liền quan niệm hôn mộng và quan niệm quý thân lại với nhau. Coi mộng là gợi ý, báo triệu của thần linh hoặc hôn quý cho người nằm mộng. Do đó mới xuất hiện sự mê tín mộng triệu. Đương nhiên mối liên hệ này của người nguyên thủy thật là tự nhiên. Vì họ phải trả lời câu hỏi: linh hồn đã cư trú vào xác thịt con người, sao nó lại lìa khỏi thân thể con người? Điều đó phải tìm nguyên nhân hoặc sức mạnh bên ngoài hôn mộng của người nằm mộng. Tại sao họ có thể đi tới đó để gặp thần linh? Điều đó không chỉ liên hệ với quan niệm "vạn vật hữu linh" của Taylor mà còn liên hệ với đặc điểm bản thân của giấc mộng.

Ai nấy đều có thể nghiệm như sau: Một mặt giấc mộng không tự giác với người nằm mơ. Người nằm mơ không biết đến anh ta bước vào cảnh giấc mộng ra sao. Mặt khác, người nằm mơ đều có cảm giác với hình tượng trong giấc mộng. Nhưng nó hiện ra vừa linh thiêng vừa thực. Hơn nữa, hình tượng giấc mộng hư ảo, ly kỳ, biến hoá vô thường. Người nằm mơ cảm thấy có một sức mạnh mờ ảo chi phối mình. Cái sức mạnh mờ ảo ấy dĩ nhiên chỉ có thể là thần linh. Người Hơ Chơ cho rằng linh hồn là do thần linh ban cho, hoạt động của linh hồn tất nhiên cũng do thần linh chi phối. Khi người Li Li gặp phải ác mộng, họ liền cúng lễ "hôn mộng". Khi người

Kinh Pô gặp ác mộng, họ liền khấn "quý". Như vậy là linh hồn lìa xác thịt đi chơi có liên hệ với quý thân. Bài Chiêu hồn trong "Sở từ" có nói về thân "giữ mộng" là thuộc hạ của Thượng đế. Lại chú thích là: Chúc quan Thượng đế cho qua giấc mộng mà trông nom về hồn, phách. Như vậy càng thấy rõ giấc mộng là do Thượng đế hoặc quý thân ban cho.

Ngày nay nhiều học giả đã nhận thấy rõ sự liên hệ giữa quan niệm hồn mộng với quan niệm thần linh. Nó có ý nghĩa phổ biến đối với tôn giáo nguyên thủy của tất cả các dân tộc. Trong cuốn sách "Tư duy nguyên thủy" của Lévibôliu, sau khi đã dẫn ra mấy cách nhìn về mộng của các dân tộc nguyên thủy, ông cho mộng là sự giao tiếp giữa người nằm mơ với tinh linh, tri linh hồn, thần... Mộng là phương pháp thường dùng của thần để thông tri cho mọi người về ý chí của mình. Thời xa xưa, người Anh - diêng ở Bắc Mỹ nhận lời gọi ý và báo hiệu của thần trong giấc mộng. Trước khi nằm mộng, người ta phải qua tắm hơi, trai giới 3 ngày. Khi nằm ngủ phải kiêng và tránh phụ nữ, phải ở một mình. Tổ tiên của chúng ta cũng như các tộc chủng nguyên thủy khác, lúc mới sơ khai đều đi từ quan niệm hồn mộng quá độ sang mê tín điểm mộng.

Thoạt đầu, người dân xưa hoàn toàn không tự giác đối với mê tín điểm mộng. Những giấc mộng được họ coi là dự báo cho lành, dù chỉ hạn chế trong các giấc mộng có nội dung đặc biệt và là những giấc mộng có liên quan mật thiết với cuộc sống. Những giấc mộng khác đều không được chú ý tới. Nhưng rồi, cuộc sống của con người càng trở nên phức tạp hơn, số người muốn bói xem dự báo của mọi sự việc càng ngày càng tăng lên nhiều. Những điều dự báo đưa vào giấc mộng cũng tăng lên từng ngày. Từ lúc tự phát mê

tín một số điểm mộng, người ta đi đến tự giác tìm các loại điểm mộng. Đi từ giải thích tính tập quán của điểm mộng tới việc phân tích, biện luận một cách phức tạp điểm mộng. Thế là mê tín điểm mộng nguyên thủy chuyển hoá thành mê tín đoán mộng.

4. SỰ LIÊN HỆ VÀ KHÁC BIỆT GIỮA MÊ TIN ĐIỂM MỘNG VÀ THUẬT ĐOÁN MỘNG

Mê tín điểm mộng và thuật đoán mộng đều dựa trên cơ sở tư tưởng và phương pháp mà thần linh có thể dùng các điểm dự báo gợi ý cho người dân biết xu hướng phát triển của sự vật. Nhưng giữa hai điều đó có sự khác nhau rõ ràng. Mê tín điểm mộng là hình ảnh điểm báo được phát sinh tự nhiên từ thân thể con người, có tính ngẫu nhiên tương đối. Nội dung dự báo cũng hạn chế bởi hình ảnh điểm báo tương ứng. Còn đoán mộng là do ngoài tạo ra, nội dung của nó là do con người quy định trước. Người ta có thể tiến hành bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu mà không bị thời gian và không gian hạn chế. Mê tín điểm mộng là bị động tiếp thu lời chỉ bảo, gợi ý của thần linh. Thuật đoán mộng là mọi người chủ động xin thần linh ban cho sự gợi ý, chỉ bảo.

Mê tín điểm mộng chuyển hoá thành thuật đoán mộng. Một mặt, vì tính chất hư ảo khác thường của mê tín điểm mộng quyết định, nó phải phức tạp hoá trong quá trình phát triển để không ngừng giữ lòng tin với mọi người. Mặt khác, cũng do nhân tố tác động tất yếu của xã hội, tùy theo sự mở rộng của phát triển xã hội và phạm vi sản xuất, phạm vi cần biết trước về sự phát triển và biến hoá của sự vật, của con người cũng lớn hơn. Chỉ dựa vào mê tín điểm mộng tự phát sinh ra từ cơ thể con người sẽ không thoả mãn

được nhu cầu mở rộng như trên đã nói. Trước những sự việc cần phải làm, người ta muốn hạ quyết tâm, hoặc tăng niềm tin, thậm chí để tự an ủi mình mà lại chưa thấy xuất hiện điềm báo gì, người ta buộc phải tìm ra những người có thể sáng tạo ra được nội dung hình ảnh của điềm báo ngay trong hoàn cảnh mê tín chiêm mộng. Họ cho thêm vào chút phân tích chủ quan và chủ động cầu trợ sự phù hộ của thần linh. Qua một thời gian phát triển, thuật đoán mộng hình thành nên một loạt lý luận hoàn hảo về chiêm mộng. Như vậy, mê tín chiêm mộng nguyên thủy đã quá độ sang thuật đoán mộng do con người tiến hành. Do vậy, ta thấy có khác biệt giữa mê tín chiêm mộng với thuật đoán mộng.

2

QUAN HỆ GIỮA CÁC LOẠI HÌNH CHIÊM, BÓI VỚI ĐOÁN MỘNG

Chiêm, bói là các loại hình mê tín cổ lão nhất. Chúng gắn liền không gỡ ra được với nền văn hoá truyền thống của Trung Quốc. Chúng ta chỉ cần giờ mục lục sách từ phần "Nghệ văn chí" trong Hán thư, chúng ta sẽ thấy những cuốn sách nói về chiêm, bói đã chiếm một tỷ lệ không nhỏ.

Thế nào là chiêm, bói? Sách "Thuyết văn giải tự" giải nghĩa Chiêm là nhìn vào điềm, là hỏi (có chữ bốc (bói) và chữ khẩu (nói), từ đó biết hoạ phúc. Do đó ta thấy chiêm liên quan trực tiếp mật thiết với điềm. Điểm còn được coi là hình tượng, điềm - "Cái lộ ra ngoài". Chữ cổ viết chữ điềm (triệu) giống chữ "bốc". Với triệu chúng lúc trước (tiền triệu), nhưng chiêm và bốc có liên hệ với điềm. Nhưng cũng có điểm khác nhau, biểu hiện chủ yếu: Chiêm và bốc đều là mê tín quỷ thần, có thể dùng một dấu hiệu nào đó để dự báo một sự việc nào đó cho người dân. Điều khác nhau là điềm báo

đặc trưng của mê tín, điềm báo nguyên thủy là tự phát, là hiện tượng xuất hiện ngẫu nhiên mà chiêm và bốc nguyên thủy lại cho rằng có thể dùng một phương pháp nào đó mà thỉnh cầu thần quỷ phát ra một dấu hiệu, cái điềm cho con người. Hình tượng điềm báo của "chiêm" là hiện tượng tự nhiên. Còn hiện tượng về "bốc" là do người chế tạo ra. Hiện tượng chiêm tinh tuy là người làm ra, nhưng chiêm tinh không thuộc về "bốc" và "chiêm" nguyên thủy. Hơn nữa, mê tín điềm báo trước nguyên thủy chịu sự hạn chế của việc xuất hiện hay không của điềm báo trước và cũng chịu sự khống chế của nội dung và phạm vi của sự dự báo. Còn "chiêm" và "bốc" nguyên thủy thì do mọi người căn cứ vào sự việc muốn được dự báo cho người muốn biết mà cầu xin quỷ, thần phát xuất ra hình tượng điềm báo tương ứng để mong tìm câu trả lời.

"Chiêm" và "bốc" nguyên thủy được hình thành trong sự phát triển của mê tín điềm báo nguyên thủy, không phải do một cá nhân nào sáng tạo ra. Do đó chiêm, bốc của các quốc gia dân tộc đều có tính cộng đồng. Trong thời kỳ mê tín điềm báo thuộc tín ngưỡng nguyên thủy, người ta phát hiện thấy có nhiều điềm do con người sáng tạo ra một cách vô ý thức. Mọi người để giải quyết những điều nghi ngờ có thể có ý thức sáng tạo ra nó. Có nhiều dạng điềm tồn tại thường xuyên, chỉ vì người ta thiếu sức quan sát hoặc không chú ý mà bị bỏ quên. Loại chế tạo ra một cách có ý thức điềm mộng hình tượng nội tạng động vật, mộng thấy vô cớ bị vỡ khi đập quả có vỏ cứng...

Mê tín điềm báo nguyên thủy do một số người có ý thức tạo ra nói trên. Trước tiên, chuyển hoá vào "chiêm" và "bốc" nguyên thủy. Trong đó, mê tín điềm báo rất dễ dàng chuyển hoá thành cách

đoán mộng. Quá trình chuyển hoá của nó chỉ cần mở rộng ngoại diện điểm mộng ra, biến thành cách nghĩ: không có giấc mộng nào không có điểm báo là được. Ngoài ra, đối với điểm báo thường xuyên tồn tại mà bị bỏ qua, con người chú ý quan sát và lợi dụng chúng cũng trở thành một loại hình "chiêm, bốc".

Do các chủng loại mê tín điểm báo nguyên thủy chuyển hoá sang "chiêm, bốc" quá nhiều nhưng không phải là tất cả các mê tín điểm báo đều có thể chuyển hoá sang "chiêm, bốc". Những dạng mê tín điểm báo nào có thể chuyển hoá sang "chiêm, bốc", điều này do điều kiện sống cụ thể của các dân tộc và mê tín điểm báo vốn có của chúng quyết định. "Quy sách liệt truyện" trong sách Sử ký có viết: Thị tộc Khương man di, không biết đến thứ hạng quan thần mà cũng có "bốc" (bói). Nơi dùng đá vàng, nơi dùng thảo mộc. Trong nước không giống nhau về phong tục. Tuy vậy, họ vẫn có thể chiến đấu, chinh phạt, công kích, tiến quân để chiến thắng. Mọi nơi đều thờ thần của mình để biết tương lai. "Chiêm, bốc" của các dân tộc lạc hậu cận đại và "chiêm, bốc" thời cổ đại nói lên hoàn cảnh sống, truyền thống, tập quán của các dân tộc khác nhau, sản sinh ra kiểu "chiêm, bốc" khác nhau. Nếu điều kiện sống gần nhau thì "chiêm, bốc" cũng gần giống nhau. Ví dụ các dân tộc sống về chăn nuôi là chính, ở thời cổ đại thường sử dụng phương pháp "chiêm, bốc" bằng xương thú. Với các dân tộc sống bằng hái quả, trồng cây thì dùng phương pháp "chiêm, bốc" bằng cây cỏ. Lại có dân tộc thường ném xuống đất những phiến đá, ván gỗ hoặc vài thứ gì đó rồi cào cựa vào mặt sấp hay mặt ngửa hoặc vị trí phiến đá, miếng gỗ mà có cách bói ra điều hung, cát. Đó là phương pháp phổ biến vì nó không chịu sự hạn chế của điều kiện sinh sống. Lại có cách bói lành, dữ qua việc xem xét số lẻ, số chẵn, số lượng nhiều hay ít, lớn nhỏ hoặc ngắn dài.

Ở nước ta, trước đời Tần, các loại chiêm, bốc rất nhiều, chưa có chức quan nào chuyên phụ trách về chiêm, bốc, dùng thủ đoạn mê tín làm phương pháp quyết định chính sự. "Chiêm nhân" (người bói) căn cứ vào "Thiên, Xuân quan, Bốc nhân" sách Chu Lễ có ghi: "Người giữ mai rùa" chuyên xem các quẻ bằng cò thi, mai rùa biết lành dữ. "Bốc nhân" dựa vào những ghi chép trong "Xuân quan, Tự quan" sách Chu Lễ, được sự trợ giúp của Thái bốc, Bốc sư mà hành sự. Trong quan chế nhà Chu có hai người là đại phu bốc sư, 4 người là thượng sỹ, 8 người là trung sỹ, 16 người là hạ sỹ. Trong "Thiên Ngọc Tảo" sách Lễ Ký có ghi lại: "Bốc nhân định quy" là chức quan làm việc chiêm, bốc. Đủ biết tập tục chiêm, bốc ở nước ta đã có từ lâu. Bốc quan lại chia ra các chức như: Bốc chính, bốc đoãn, Bốc sư.

Thời cổ đại đặt quan chức chiêm, bốc đã thừa kế các tín ngưỡng cổ đại. Đại loại có: chiêm thiên, chiêm tinh, chiêm mộng, chiêm nhật, chiêm nguyệt, chiêm niên, bốc tuế, bốc sỹ, bốc hữu (bên phải), bốc chiến, bốc trạch (đất cát, nhà ở), bốc trúc (xây dựng), bốc lão, bốc tự (thờ tự), bốc danh, bốc thê (vợ), bốc cư (nơi ở), bốc giới (điều kỵ), bốc kỵ (giỗ và lễ tết), bốc chúc, bốc thực, bốc tế, bốc lân, chiêm hầu v. v... Hầu như chẳng có điều gì không chiêm, cũng chẳng có gì không bói (bốc). Chiêm, bốc thời tiền Tần thật là nhiều.

Cho đến triều Hán, thuật chiêm bốc của nước ta được dần dần quy phạm hoá. Trong "Nghệ văn chí", "sổ thuật lược" sách Hán thư, đã phân chia ra 6 loại chiêm bốc lớn: Thiên văn, Lịch phổ, Ngũ hành, Thi quy, Hình pháp và Tam chiêm... Thiên văn chỉ việc xem mặt trời, mặt trăng, tinh vân, khí. Lịch phổ căn cứ vào thời lịch mà phân định ra điều lành hoặc dữ. Ngũ hành căn cứ quan hệ tương

sinh tương khắc giữa Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ mà suy ra điều lành dữ. Thi quy là kiểu bói bằng xương thú, mai rùa và cách "phệ" trong "Chu dịch". Hình pháp là thuật xem địa hình, người, khí cụ, vật dụng và lục súc. Nội dung của "tập chiêm" rất rộng, bao gồm tất cả các nội dung không có trong năm loại lớn nói trên. Đoán mộng liệt vào loại tập chiêm. Hàng nghìn năm sau, đời Hán xuất hiện nhiều thuật chiêm bốc mới. Nhưng những loại hình thì không có biến động gì lớn. Ví như: "Tứ khố toàn thư, Tỳ bộ, Thuật số loại" chia ra làm nhiều chủng loại: Số học, chiêm hẩu, tướng trạch và tướng mộ, chiêm bốc, mệnh thư, tướng thư, âm dương ngũ hành, tập kỹ thuật. Những nội dung này đại loại đã có nguyên hình trong việc phân loại của Hán thư, Nghệ văn chí - sách Hán thư...

Trong những thuật chiêm bốc này, thuật đoán mộng được phát đạt nhất. Do đó trong sách Hán thư có câu, "nghề chiêm không chỉ có một, nhưng lớn nhất là bói mộng". Đến thời Chu lại đặt ra quan chức chuyên môn giải thích mộng và phân chia mộng ra thành 6 loại như: Chính mộng, tư mộng, tầm mộng, ác mộng, cụ mộng (sợ), hỷ mộng. Ai nằm mộng mà không hiểu ý nghĩa của mộng sẽ mời người đến giải thích và đoán mộng. Thực tế đó là hoạt động của phù thủy đoán mộng trên cơ sở tâm lý coi mộng là điềm báo, vì mộng là một loại thể nghiệm tự thân của con người. Đoán mộng sử dụng các loại thể nghiệm tự thân đó mà liên lạc, thông linh với thần nhân, làm môi giới cho việc dự báo lành, dữ. Cho nên, so sánh với các loại hình chiêm, bốc khác, đoán mộng là loại có tính thần bí đặc thù và sức mê hoặc to lớn. So với các loại hình chiêm bốc khác, hành phần duy tâm chủ nghĩa của nó càng rõ nét và lộ liễu.

3

HOẠT ĐỘNG ĐOÁN MỘNG THỜI ÂN, CHU

Ở thời Ân, Chu, đoán mộng là công cụ chủ yếu để quan sát điều lành, dữ của quốc gia và để quyết định những đại sự của đất nước. Do đó, nó trở thành một bộ phận tổ thành của thần học tôn giáo quan phương. Chỉ từ đời sau, đoán mộng mới thành thứ mê tín thế tục. Hoạt động mộng sau thời Ân, Chu không những giữ lại những đặc điểm nổi chung của thuật đoán mộng Ân, Chu mà còn hoà trộn vào với thần học tôn giáo khác để trở thành một loại hình hoạt động mê tín có ảnh hưởng to lớn. Cho nên nắm bắt rõ ràng tình hình hoạt động đoán mộng thời Ân, Chu có một ý nghĩa quan trọng trong việc nắm bắt hoạt động đoán mộng rắc rối, phức tạp của hậu thế sau Ân, Chu.

1. BÀN QUA VỀ LÝ LUẬN ĐOÁN MỘNG

Khoa học ngày nay coi con người là một sinh vật. Trong thân thể người ta có một số hiện tượng sinh lý mà tự bản thân con người

không thể khống chế được một cách chủ động như: nằm mộng, tìm đáp, nháy mắt, ù tai, hắt hơi v. v... Những lúc khác thường gặp những hiện tượng không tự khống chế được dễ sa vào mê tín cho rằng đó là sự phát sinh ra một điềm báo. Ở thời kỳ rất cổ, hiện tượng ù tai hoặc hắt hơi cũng được coi là điềm báo. Kiểu mê tín này rất thịnh hành ở thời kỳ Tây Hán. "Nghệ Văn chí", sách Hán thư có ghi lại rằng trong thời Hán có 15 cuốn sách tập chiêm về ù tai và hắt hơi. Trong mê tín điềm báo của cổ nhân, mê tín điềm của giấc mộng là phổ biến và lưu hành rộng rãi nhất. Ai cũng có thể có giấc mộng. Nhưng người cổ cho mộng là hiện tượng khó lý giải hơn cả. Nội dung giấc mộng rất phức tạp. Nào mộng đẹp, mộng ác, mộng không lý giải nổi, bất kể giấc mộng nào cũng không thể tự do lựa chọn được. Tính thần bí này của giấc mộng khiến cho người xưa liên hệ những giấc mộng (trước) với những sự kiện mới phát sinh ra, thông qua việc tổng kết rồi liệt kê ra giấc mộng nào thuộc điềm lành và giấc mộng nào thuộc điềm dữ.

Trong tư liệu lịch sử của nước ta có ghi lại một loạt những lý luận về đoán mộng. Sau khi có được những lý luận ấy mới khiến cho mọi sự mê tín các điềm mộng nguyên thủy quá độ sang đoán mộng do người tạo ra. Nhưng loại lý luận đó sản sinh ra lúc nào thì các sử sách không nói được rõ ràng lắm. Chỉ có Thiên Xuân quan trong sách "Chu Lễ" mới tiết lộ một chút tin tức về phương diện này. Chúng ta biết rằng ở đời Chu đã lập ra chức quan làm việc giải thích điềm lành, dữ của các giấc mộng. "Thiên Nghệ Văn chí", sách Hán thư viết: "Các loại chiêm bốc không chỉ có một. Nhưng đoán mộng là điều lớn nên đời Chu mới có chức quan này".

Ở đời Chu, về việc phân tích điềm của giấc mộng đã có một số lý luận sơ bộ. "Xuân quan", sách Chu lễ viết: "Đoán mộng phải nắm bắt được cả thời thế, xem vận hội trời đất, biện rõ khí âm dương, quan sát mặt trời, trăng sao để đoán được điều hung, cát trong 6 loại mộng. Một là chính mộng, hai là ác mộng, ba là tư mộng tương, bốn là tầm mộng, năm là hý mộng, sáu là cụ mộng (sợ hãi). Có một đoạn ghi: "Cuối mùa đông. Sinh vương nằm mộng, hiển mộng lành dâng vua. Nhà vua bái nhận, ra lệnh gieo khắp cho bốn phương để trừ ác mộng". Qua đoạn ghi này, ta thấy rằng đời tiền Tần đã có lý luận đoán mộng có đầu có đuôi mà cũng tương đối phức tạp. Nó không chỉ dựa vào nội dung giấc mộng mà phán đoán hung, cát một cách cứng nhắc mà còn có thêm cả các yếu tố thời thế, khí tượng, thiên văn, âm dương v. v... Nhưng, về thời gian ghi thành sách của lý luận "Chu lễ" thì ý kiến của giới học thuật chưa nhất trí với nhau. Có người cho những điều lý luận đó là tác phẩm của đời Chiến Quốc và Tần, Hán. Nhưng tham khảo "Kinh thi" về điều có liên quan đến tài liệu ghi lại của "Chu lễ" về lý luận đoán mộng, ta thấy phù hợp với thời từ Tây Chu đến Xuân Thu. Cho nên ta biết rằng ở thời Tây Chu đã sơ bộ xây dựng được cơ sở lý luận đoán mộng.

2. HOẠT ĐỘNG ĐOÁN MỘNG SỚM NHẤT

Đoán mộng cổ đại ở Trung Quốc bắt đầu có từ lúc nào, hiện nay rất khó đề ra khảo chứng vì thời gian quá dài, tài liệu ghi chép lại khiếm khuyết. Chỉ căn cứ vào ghi chép trong "Đế vương thế kỷ" của Hoàng Phủ Dật, chúng ta nhận thấy nhân vật đề cập đến đoán mộng sớm nhất là Hoàng đế. Trong đó có viết: "Hoàng đế nằm mơ

thấy gió lớn thổi quét tất cả bụi bẩn trong thiên hạ đi. Rồi lại thấy người cầm chiếc nỏ nghìn cân đuổi đàn dê hàng vạn con... Sau khi tỉnh mộng, Hoàng đế tự phân tích "Gió là hiệu lệnh, là người chấp chính vậy. Bụi bay khỏi đất đi theo sau (hậu). Thiên hạ làm gì có ai là họ Phong, tên là Hậu? Chiếc nỏ nghìn cân là sức mạnh dị thường. Đuổi đàn dê hàng vạn con, là kẻ có thể chân đất dân thành người lương thiện vậy. Thiên hạ làm gì có ai họ Lục tên là Mục? Thế rồi Hoàng đế dựa vào đoán mộng mà tìm được hai người là Phong Hậu và Lục Mục phong cho làm quan.

Hoạt động đoán mộng của Hoàng đế thuộc về truyền thuyết viễn cổ. Trong thời đại Hoàng đế, văn tự của nước ta vẫn còn là văn tự tượng hình hoặc văn tự đồ hoạ, làm sao có thể dùng cách phân tích văn tự mà chiêm mộng được?

Về hoạt động đoán mộng, những ghi chép sớm nhất là những bốc từ ở Ân Khư. Ở những văn tự Giáp cốt này đã thấy xuất hiện những từ về mộng tương đối có quy phạm. Ví dụ:

"Nhâm Ngọ bốc, Vương Viết Trinh, hựu mộng (Thiết tạng 26-3) (năm Nhâm Ngọ bốc, vua nói quy trình, lại nằm mơ). "Bính Tuất bốc, Cánh Trinh, Vương xuất mộng thị, bất" (Di chu 513). "Canh Mậu bốc, Cánh Trinh, Vương xuất mộng, bất giải hạ (Di chu 514) "... xuất mộng đế..." (Chính văn, Điền lễ 28).

Tiền sinh Hồ Hậu Tuyên là chuyên gia về Giáp cốt học nổi tiếng đã phát biểu trong bài "Khảo sát về đoán mộng của người Ân", viết: "Vua Ân rất quan tâm đến điều hung, cát trong giấc mộng. Mỗi khi có mộng, Ân vương lại cho chiêm, bốc ngay. Cho nên sinh hoạt chiêm bốc của Ân chiếm một địa vị quan trọng. Những từ vựng trong hoạt động đoán mộng của Hoàng đế đề cập rất

rộng về hoàn cảnh và hình tượng của mộng. Chúng gồm những từ ngữ về nhân vật, quý quái, hình tượng trên trời, dã thú, đồng cỏ, sân bắn, tế kỵ v.v.. Về mặt nhân vật gồm cả những người bên cạnh vua Ân như thê, thiếp, sử quan, tổ tiên đã khuất, tiên tỷ... Trong phạm vi hình tượng trên có bói toán về mưa, nắng.

Sách Lễ ký, Thiên biểu ký viết: "Đời Ân sùng bái quỷ". Nhìn qua văn từ trên bút tích Giáp cốt cũng thấy như vậy. Những giấc mộng về quỷ của vua Ân đặc biệt nhiều. Căn cứ vào bài: "Khảo sát về đoán mộng của người Ân" trong "Giáp cốt học thương sử luận từng sơ tập" do tiên sinh Hồ Hậu Tuyên công bố, có dẫn ra các lời bói từ về mộng quỷ và đoán mộng thật nhiều. Ví như:

Đinh Mùi bốc, Vương Trừng Trừng da quỷ mộng

Canh Thìn bốc, trịnh da quỷ mộng.

Theo cách nhìn của người Ân, sở dĩ vua Ân có nhiều mộng, chủ yếu là do những bậc tiên Công, tiên Vương hoặc tiên Tỷ được sùng bái. Cho nên mỗi khi Ân Vương có mộng đều phải đoán và xem xét xem mộng đến từ vị tiên tổ nào. Thông qua đoán và xem xét nếu thấy một vị tiên tổ nào được sùng bái mà thiêng thì nhất định phải cử hành tế lễ long trọng. Gắn liền với tâm lý sợ quỷ, hầu như việc đoán mộng của vua Ân cũng có chút đặc điểm là chú ý nhiều đến phương diện tiêu cực của mộng. Phạm khi vua Ân nằm mộng đều hỏi xem có họa hoặc loạn hay tai ương gì không. Đối với việc đoán và xem xét tình cảnh của giấc mộng hoặc hình tượng giấc mộng, cũng như hỏi xem có điều vui hoặc may mắn hay không.

Ở đời Ân có một truyền thuyết về mộng được ứng nghiệm như sau: Vua Vũ Đinh nhà Ân nằm mộng thấy Thượng đế ban cho

một lương hầu (quan giới). Vua bèn tìm lấy một người có tướng mạo đúng như trong giấc mộng rồi phong cho làm tể tướng và thu được nhiều thành công lớn. Sự kiện này được ghi trong thiên Thuyết Mệnh thượng sách "Thượng thư". Đó là điển hình của giấc mộng được ứng nghiệm và được lưu truyền rộng rãi. Những tài liệu khác cũng có ghi chép sự kiện này như ở sách Quốc ngữ, Sử ký, Ân bản ký và Hoàng đế thế kỷ. Những tình tiết về câu chuyện tương đối giống nhau. Chỗ khác nhau về các từ ngữ của câu chuyện là ở chỗ có sách lại nhấn mạnh vua Cao Tông có đức hạnh cao cả đã làm cho thần linh cảm động, làm động lòng cả Thượng đế cho nên thần linh đã thác mộng cho người.

Nhìn tổng quát nội dung chủ yếu các từ ngữ đoán mộng từ văn Giáp cốt đời Ân, có thể thấy rõ người đời Ân coi giấc mộng là nơi trọng yếu để tiếp nhận tin tức tin cậy của tiên nhân. Người phát ra những tin tức tin cậy gọi là tiên nhân có nghĩa là các bậc tiên Vương, tiên Công, tiên Tể và quỷ thần. Đoán mộng là đọc và giải những tin tức tin cậy của người trước (tiên nhân). Đoán mộng là căn cứ để thực hiện hành vi. Mộng là phương thức trí giác cao cấp trong tâm người Ân. Đoán mộng là ngôn ngữ cơ bản giao lưu giữa họ với các lực lượng thần bí bao vây lấy họ từ bốn phương tám hướng. Ai có thể nắm được loại ngôn ngữ đó, người ấy nắm được chính quyền. Như vậy, những "bốc từ" (lời bói), đã cho biết về quan niệm đoán mộng của người thời Ân. Nhưng không phải chỉ người đời Ân mới có quan niệm đó. Căn cứ vào các thư tịch cổ điển về các truyền thuyết thánh vương đời cổ, Chúng ta có lý do suy ra để thấy con người trước thời Ân, Thương đã có nhận thức sùng bái mê tín điềm mộng và đoán mộng.

3. THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI ĐỜI CHU ĐỐI VỚI ĐOÁN MỘNG

Người đời Chu rất coi trọng mộng và đoán mộng. Phàm có đại sự quốc gia, đều lấy việc đoán mộng ra mà quyết định. Chiêm bốc của người Chu là bốc mộng, bốc rùa, bốc kinh Dịch. Ba loại này cùng được sử dụng. Theo "Xuân quan, Chu lễ", Thái bốc là cấp trưởng của bốc quan nắm về bốc mộng, bốc rùa, bốc kinh Dịch và nắm pháp thuật của ba dịch". Lấy kết quả việc đoán ba mộng, ba điềm và ba dịch mà đoán điều hung, cát của quốc gia. Nếu là cát thì làm. Nếu là hung thì bỏ. Với điềm hung thì áp dụng phương pháp bổ sung. Cho nên, dưới chức Thái bốc, Chu vương đã bổ chức quan đoán mộng để phụ trách đoán mộng. Người thời Chu coi trọng đoán mộng, điều này có ý nghĩa sâu xa của nó. Nghe nói, trước khi nhà Ân bị diệt, Chu Văn vương và Chu Vũ vương đều qua nhiều cơn cát mộng dự báo trời cho người Chu thay thế Ân, Thương.

- "Đế vương thế kỷ" nói: Chu Văn vương từng thấy trong mộng có mặt trời và mặt trăng chiếu vào mình. Mặt trời và mặt trăng là tượng trưng của đế vương. Rõ ràng là Chu Văn vương nhận mệnh trời.

Trong "Trình Tẩm giải", "Dật Chu thu" có ghi rõ giấc mộng của bà mẹ Chu Văn vương là Thái tỷ. Kể rằng: Thái tỷ mộng thấy sân nhà Thương mọc cây táo, thái tử Phát (Vũ vương) nắm lấy cây táo ở sân nhà Chu. Trong lúc cây đu đưa, cây táo biến thành cây thông, cây bách, cây quế, cây táo. Lúc tỉnh dậy, báo với Văn vương. Ngài cho rằng thái tử Phát được cát mộng, nhận mệnh do Hoàng thiên Thượng đế ban cho. Táo là loại cây bờ bụi đại diện cho Ân, Thương. Táo là loại cây to, đẹp đại diện cho nhà Chu. Trong thời

Ân, Chu, cây tử là vật tượng trưng cho đất đai của quốc gia. Phẩm chất của cây tử nằm trong hàng những cây tùng, bách, hoặc táo là những loại cây được nhắc nhở đến nhiều trong kinh Thi. Các loại cây này thường là các loại cây trồng nơi làng xã như cây đa cây đề, gỗ để làm các việc xây dựng. Sau giấc mộng của Thái tử, Chu Văn vương cho cử hành nghi lễ để thái tử Phát bái cát mộng. Mọi người cho rằng Hoàng thiên thượng đế đã chuyển mệnh lớn của nhà Thương sang tay nhà Chu.

Rõ ràng, những giấc mộng nói trên mang mục đích chính trị. Không tránh được chúng có những thành phần hư cấu. Tuy vậy từ đó chúng ta thấy được thái độ của Chu Văn vương đối với giấc mộng càng nhận chân và cung kính hơn so với vua Ân. Chiếm mộng chiếm địa vị quan trọng trong hoạt động chính trị của nhà Chu.

Đoán mộng trở thành một trình tự trong vận động và hoạt động chính trị. Dùng chiêm tinh để chọn quan phụ chính. Đó cũng là một trong những thủ đoạn trị quốc của Chu Văn vương. Theo sách Trang tử, một hôm Chu Văn vương đi thị sát ở đất Tạng, phát hiện ra một người câu cá có tài trị quốc, muốn thu dụng về làm việc chính sự cho mình. Nhưng sợ các vị đại thần cùng với các hàng phụ huynh không yên lòng, Chu Văn vương nghĩ đi nghĩ lại rồi nói với một vị đại phu: "Trong giấc mộng hôm vừa qua, quả nhân thấy một người tài giỏi, mặt đen mà sắc nét, cưỡi con ngựa có đốm hay đi rong ruổi khắp chốn". Lại cho biết đó là một trượng phu đất Tạng. Đại phu vội vàng nói: "Lời của tiên quân đây rồi" Văn Vương lại nói: "Vậy ta bói chứ?" Đại phu bảo: "Đó là mệnh của tiên quân, nhà vua không thể không có người ấy được. Há cần phải bói nữa!".

Thế rồi vua đón người đất Tạng và thu nhận ngay trượng phu mặt đen. Đoạn văn này miêu tả câu chuyện cuộc hội ngộ quân và thần giữa Chu Văn vương với Khương Tử Nha Thái công Lã Vọng.

Sách "Thượng thư trung hâu" viết: khi Thái công chưa gặp Chu Văn vương, ông thường câu cá ở Bần Khê. Ban đêm, ông mơ thấy Bắc đẩu phụ tinh mách báo ông chinh phạt nhà Trụ. Như vậy là Thái công sẽ phải làm phụ thần do thiên thần sai khiến. Trong "Thái công Lã vọng biểu", còn nói huyền hoặc hơn: "Văn Vương mơ thấy thiên đế báo: "Xương! (tên của Văn Vương) ta cho người tên Vọng" (Thái công Lã Vọng). Văn vương cúi đầu bái Thượng đế. Thái công sau đó bái theo. Đó là đời sau hư cấu ra. Mục đích là dùng mộng để thần thánh hoá một danh thần của Tây Chu.

Sau khi nhà Chu thay nhà Ân, Vũ vương lại cần chọn người nối ngôi. Cần đến Thượng đế thác mộng để giải quyết mọi vấn đề rắc rối. Vua cho biết nội dung của giấc mộng: Bính Thìn xuất Kim chi. Sách ngọc mệnh chiếu Chu công là con nhỏ (Thành vương) kế tự. Giấc mộng nào nức những lời văn ca ngợi. Thật là đáng kính vậy ôi! Không được bỏ qua lời đáng kính đó! Sự thực trong mộng đã báo: mệnh chiếu Chu công kế nghiệp vị (kế vị vua) thì ai mà chẳng ủng hộ Thành vương.

Thời Chu sơ, nhà vua rất thành công trong việc dùng đoán mộng để giải quyết những vấn đề nan giải về chính trị. Văn vương đã gặp được người hiền tài, muốn trao chính sự quốc gia cho người ấy nhưng sợ các hoàng thân, khanh tướng đổ kỵ nên phải dùng thuật thác mộng. Vậy tại sao Chu Văn vương không dùng những thủ đoạn chiêm bốc khác? Chiêm bốc rùa và bốc đều có uy và hiệu lực như bốc mộng. Có điều bốc rùa còn lệ thuộc vào mục vạch. Mục

lại có khi là mực đặc mực loãng. Kim đâm vào mai rùa sâu hay nông, nung nóng già hay non. Nghĩa là có phần quyết định nhỏ nào đó của thuộc tính các công cụ. Lại nữa mai rùa cũng có thể cứng mềm... Bói dịch còn phải xem quẻ (bát quái), những nét ngang của bát quái, phải phối hợp âm dương, đòi hỏi phải có người lão luyện tiến hành. Như vậy, bói rùa và bói dịch không thể muốn làm thế nào thì làm, còn phải tuân theo nhiều chỉ số tỷ mỉ. Chúng khác với bói mộng. Giác mộng là từ trực giác thuần túy của con người. Có thể miêu tả lại hiện thực, có thanh có sắc làm cho người ta không có lý do để hoài nghi. Hệ số thành công rất cao. Điều đó thúc đẩy cho bói mộng phát triển. Từ vua Chu cho đến toàn dân trăm họ, ai cũng mê tín bói mộng.

4

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP ĐOÁN MỘNG CHỦ YẾU

Phương pháp đoán mộng kể từ thời kỳ tiền Tần cho đến tận Minh, Thanh có nhiều, không ngừng được phổ biến và cách thức mỗi ngày một phức tạp hóa.

Nhưng tổng kết lại chỉ có mấy phương thức chủ yếu dưới đây:

1. GIẢI THÍCH TRỰC TIẾP VỀ HÌNH TƯỢNG GIẤC MỘNG

Giải thích trực tiếp về hình tượng giấc mộng còn gọi là trực mộng, là phương pháp sớm nhất và đơn giản nhất. Đặc điểm của nó là trực tiếp giải thích hình tượng giấc mộng thành những sự việc của con người mà nó dự báo. Có loại hình tượng mộng nào, ắt có sự việc của con người tương ứng về nội dung và hình thức với hình tượng ấy và nhân hình tượng trong giấc mộng và sự việc của cuộc đời mà nó dự báo về nội dung và hình thức đều hài hoà và thống nhất với nhau. Vì hai phía có mối quan hệ thống nhất với nhau nên

phương pháp đoán mộng rất giản đơn. Nói chung người nằm mộng có thể tự đoán. Nếu không thể tự đoán được thì qua sự gợi ý của người đoán cũng có thể hiểu được rõ ràng. Đời Tống đã có Uỷ Kim Tử tuyển chọn những chuyện về trực mộng vào một cuốn sách tên là "Tân biên phân biên cổ kim loại sự", xin chọn một vài chuyện sau đây:

Chu Cẩn ngủ ban ngày

Thời Tấn sơ, Giả Sung đi đánh nước Ngô. Lúc phá đồn, Sung xông vào trong thành. Quân lính thấy Sung bị mất tích. Phía ngoài, nơi doanh trại, đô đốc Chu Cẩn ngủ ngày, mơ thấy hơn một trăm lính đi tìm Sung. Họ đi vào một con đường hẹp. Lúc tỉnh giấc được tin Sung chưa về. Ông cho mọi người đi tìm. Lăn vào một con đường hẹp hết như trong mơ và tìm thấy Sung (Tấn sử).

Trương Thốc cười lừa

Lúc thiếu thời, Trương Thốc thường nằm mơ thấy một con chim lớn bay tới và đậu trước sân. Con chim sặc sỡ năm màu sắc. Trương báo với người ông: Đó là mộng tốt lành vậy. Chim có màu tía là chính. Đó là màu hay dùng trong văn chương. Màu xanh dành cho chim loan, vàng cho chim uyển đang. Màu tía dành chỉ chim loan thốc. Loài chim này thường đi kèm ngay cạnh chim phượng. Ông của Trương báo: "Cháu sẽ làm phụ quan cho đế vương". Sau này, Trương Thốc đỗ tiến sỹ và được bổ làm phụ chính cho Kỳ vương. Một hôm lại nằm mộng thấy mình mặc áo đỏ, cười lừa. Lúc tỉnh dậy, thấy lạ vì thường thường mặc áo xanh và cười ngựa. Trương đầu có cười lừa và mặc áo đỏ. Sau đó, Trương được nhận chức Hồng Lô Khanh. Cười lừa là như vậy. Vì Lô là con lừa, là

quan ngũ phẩm, mặc áo đỏ là đúng. Tiền định là như vậy, đâu có thể dùng trí lực mà giành được (Đường dật sử).

Lưu Đan làm việc ngoại lang đất Thục, vốn tên là thám Nghĩa. Một lần nằm mơ thấy có người dẫn chàng đến phía trước cây đàn hương và bảo: "Trèo lên mau! "Lưu Đan liền trèo lên. Người kia lại ném vào bụng Lưu một chiếc áo đỏ và ra lệnh phải mặc vào. Sau đó, Lưu đổi tên là Lưu Đan. Chưa đầy một năm sau, Đỗ bình sự được sung chức phó quan, làm Trung thị ngự sử trong điện, được ban sắc màu đỏ. Lính của Đỗ ngỡ ngác. Đỗ phải giải thích rằng Đỗ và Đan không khác gì nhau. Bên trên lại ban cho một chiếc áo đỏ làm trang phục chính. Chiếc áo đúng như chiếc áo được người ta trao cho lúc trèo cây đàn hương. Sự thực đã phù hợp với giấc mộng (Thục dị ký).

Mộng ứng nghiệm vào bước thăng quan

Ngự sử đời Thục - Ngưu Hy Tế giỏi văn chương hơn người. Lúc còn trẻ không ra khỏi học viện để giúp các bạn đồng khoa. Một hôm, nằm mơ thấy người đẹp bằng vàng bảo: Lang quân chưa có khoa danh, bốn mươi lăm tuổi mới là quan áo xanh. Lại thật. Qua lúc loạn lạc, lang quân hãy về ngụ ở đất Thục, nhờ cha nuôi rồi ở trợ tại Ba Nam. Đừng có dự kiến cố tiến lên. Đó là thời cuộc an bài. Mười năm không thay đổi gì. Chịu khó, lang quân vẫn giữ chức Ngự sử đại phu...

Giấc mộng ứng nghiệm đến kỳ lạ! (Thành đô ký)

Lưu Vĩnh mộng thấy mình đi xem báng.

Lưu Vĩnh nổi tiếng nơi trường tri. Danh vọng thật lớn. Đêm hôm đó, ông nằm mơ thấy mình lên tỉnh thăm dò xem những ai sẽ

có tên trên bảng vàng. Mọi người đoán người này người kia sẽ đỗ cao hoặc đủ điểm. Ông cũng đi trong dòng người. Ông hỏi một người: "Ông Tiến có trúng không đây? Mà trúng trạng nguyên ấy". Người đó trả lời: "Chưa chắc, còn xem..." Ông lại đến sân tỉnh là nơi tổ chức thi, thấy sương khói mù mịt. Người đó vẽ lên mặt đất một vòng tròn, cắm xuống hai lá cờ trắng nhỏ, đốt đuốc một lát rồi tắt đi. Ông lại hỏi: "Vương Cù có đỗ không?" Người đó lại đốt đuốc, trong vòng xuất hiện một cục đá như nắm tay. Ông hỏi: "Vương Hiến liệu có đỗ không?" Trong vòng tròn lại có thêm cờ xanh. Đến lúc hỏi xem liệu Trương Doãn và Tống Tập có đỗ không thì ngọn lửa trong vòng tròn vụt tắt và rồi không còn vật gì ở giữa vòng tròn nữa. Người đó giăng giải mọi điều rồi nói: "Ông Tiến đậu trạng nguyên. Vương Cù đậu thứ ba. Vương Hiến đủ điểm. Cao Phụ Nhiều đậu thứ năm..."

Mấy hôm sau trường thi yết bảng. Những điều trong mộng đúng như điều viết trên bảng. Thánh quá! (Toạ thuyết).

Tập Thận được tặng thơ

Tập Thận lên kinh đô ứng thi, gặp cha. Hai cha con vui mừng được gặp nhau. Đêm đó, người cha nằm mơ được mời đến chơi một nhà bạn. Té ra ông bạn là Trương Tế Hiến ra đón và tặng ông mấy câu thơ, trong đó có:

Phụ hướng Thạch Cù, tán bái chức

Tử tùng Kim Điện, hạ đẳng khoa

Hai bố con cùng thấy giấc mộng chưa nghiệm. Đến mùa thu, họ đến Thiên phủ để nhờ giải. Tháng hai năm sau, người cha nhận mệnh nhiệm vụ ở miền xuôi Sơn Đông. Ngày hôm sau, người con

lại ứng thi cuộc thi có mặt nhà vua. Thế là một ít ngày sau đó, có một vị quan mang đến cho người cha một hòm sắc. Trong hòm sắc có một bức hoành môn đề cho người con: "Học sỹ tú tài đệ nhất đẳng" và đôi câu đối đề cho cả hai cha con:

Phụ hướng Thạch Cừ, tân hải chức

Tử từng Kim Điện, lựu đăng khoa

Giấc mộng thiêng thật! (Toạ thuyết)

2. GIẢI THÍCH, GIẢI BÀY CẶN KÈ VỀ HÌNH TƯỢNG GIÁC MỘNG.

Trong những sách về giải mộng còn lại cho đến nay, việc giải thích hình tượng giấc mộng có liên quan trực tiếp đến nhân và sự được dự báo không còn nhiều. Đa số nói về cách giải thích có giải bày hình tượng giấc mộng. Vì thông qua nhà đoán mộng trong một quá trình, hình tượng giấc mộng đã biến đổi đi. Nhà đoán mộng đã cho thêm vào việc chiêm bốc của mình một lời lẽ vòng vèo quanh co. Họ tùy ý làm sao cho phù hợp với yêu cầu. Cho nên phương pháp này làm cho sự giải thích hình ảnh một cách trực tiếp giấc mộng càng khiến mọi người bị mê hoặc. Phương pháp giải thích, giải bày hình tượng giấc mộng có nhiều, như: phương pháp chiết tự, phương pháp tượng trưng, phương pháp liên loại, phương pháp phi dịch v. v... Thi hành những phương pháp này đòi hỏi người đoán mộng phải có đầy đủ một sự tích lũy về văn hoá và tri thức tâm lý.

Ví dụ như phương pháp chiết tự là phương pháp thường dùng để đoán mộng. Ai cũng biết chữ Hán là do các nét và các bộ cấu tạo nên. Tự cổ chí kim vẫn thường phân tích và chiết tự chữ Hán. Sách

Tả truyện có kể chuyện. Sở Trang vương tách chữ Vũ (uy vũ) ra thành chữ chi (dùng lại) và chữ qua (guom giáo) để nói lên chữ Vũ. Đó là thí dụ sớm nhất được ghi lại.

Chiết tự không giống như nghiên cứu văn học. Căn cứ vào phương pháp khoa học mà phân tích hình của chữ rồi tìm kiếm nghĩa lý vốn có của chữ. Đó thuộc về văn tự học truyền thống. Mọi người tùy tâm tùy ý mà phân tích hình tượng chữ rồi phát huy thêm ra để làm chỗ dựa cho một quan điểm nào đó là chiết tự.

Chiết tự có đặc trưng rất rõ ràng. Phân tích hình tượng chữ của chiết tự chẳng qua cũng chỉ là một hình thức hoặc là tìm tòi một điểm tựa. Dự đoán được điều hung, cát mới là mục đích và nội dung. Nhìn qua bề mặt, hung cát là từ chữ mà ra. Thực tế mà nói, điều hung cát không là kết quả của chiết tự. Ngược lại một chữ được tách ra như thế nào là hoàn toàn căn cứ vào hình tượng giấc mộng mà quyết định. Chiết tự phục vụ cho việc dự đoán điều hung cát. Thoạt kỳ thủy nó liên hệ mật thiết với đoán mộng. Nhà đoán mộng đã lợi dụng chiết tự thành mẹo để phục vụ cho việc đoán mộng của mình, điều này đã có rất nhiều. Xin cử ra sau đây một số ví dụ:

Ba bông lúa của Tế Mậu

Tế Mậu nằm mộng thấy mình ngồi ở đại điện. Phía trên nhất có ba bông lúa (chữ hoà). Tế Mậu ngắt được một bông thoát lại đánh mất. Tế hỏi người chủ hạ là Quách Hạ. Hạ chúc mừng và nói: "Đại điện là hình tượng của cung phủ. Lúa ở trên là lộc của kẻ bề tôi. Bông lúa ở giữa là vị trí của Trung Đài. Mất (gồm chữ thất và chữ hoà) trừ chữ Trật, tuy là mất vẫn còn được hưởng lộc trật. Chức lớn còn trống sẽ được vua bổ vào. Một tháng sau, Tế được phong

chức Tư Đồ. Ngày xưa, Hoàng đế hỏi Kỳ Bá: Mộng là gì? Lúc đó, Kỳ Bá nói lên tinh thông như thần thánh, tinh xác mà làm cho người ta thông cảm, giải thích cách phán đoán bằng cả 4 phương pháp. Kể cả về điểm báo của những điều lành dữ. Có ý nói về tiên định. Điều dự báo thường ở trên giường ngủ. Há chẳng đáng tin sao! (Hậu Hán thư - Tể Mậu chuyện).

Ở nơi đây, Tể Mậu được chữ hòa. Chữ hoà với chữ thất (thất nghĩa là mất), thành ra chữ trật. Tể Mậu được trật tự ở mức áo xanh tức là được thăng quan. Người ta đã dùng chiết tự để chiêm mộng như vậy.

Doãn thao mộng bằng vàng (vào Giáp môn)

Trước khi đi dự thi, Doãn Thao ăn chay, đi bộ đến tận Thất Khúc Sơn, xin Thần Quân anh linh phù hộ. Đêm đến, nằm mơ thấy thần phán: Ta đã an bài để khanh được đỗ cao ở Giáp môn (chiếm bằng vàng). Năm sau đó, quả đúng vậy. Doãn Thao đã đỗ đầu bèn khắc chuyện giấc mộng lên hòn đá ở phía Tây miếu. Sau đó lâm bệnh rồi chết ở trấn Giáp Khẩu. Chữ giáp này là ghép chữ môn ở ngoài với chữ giáp nằm bên trong. Giấc mộng không chỉ báo mừng thi đậu mà cũng báo luôn cả điểm dữ. Thần tình vậy thay! (Linh nghiệm ký).

Ba con dao của Vương Tuấn

Học sĩ Vương Tuấn làm thái thú Quảng Hán, ban đêm thường nằm mơ thấy treo 3 con dao lên xà nhà ở trên đầu giường thoát chốc lại thấy thêm một con dao rồi tỉnh mộng, trong lòng rất sợ hãi.

Chủ bạ là Lý Nghị chúc mừng rằng: "Ba con dao ba chữ dao gộp lại thành chữ châu. Viết theo kiểu chữ "lệ" ba chữ dao sống

đứng với nhau gần gũi. Sau sau đó lại có thêm một con dao nữa là chữ ích tức là Vương Tuấn đến Ích Châu là có thể được thăng quan. Ở đây Lý Nghị đã dùng phương pháp chiết tự. Đương nhiên phương pháp chiết tự trong phân tích hình tượng giấc mộng không phải là phương pháp phân tích kết cấu hình tượng chữ của văn học tự học. Thông thường là tùy ý phân giải, cắt hình tượng chữ ra mà không bị cấu trúc truyền thống của chữ hạn chế. Có một số phương pháp chiết tự tỏ ra miễn cưỡng. Nhưng, những nhà chiết tự đoán mộng cho đó là đương nhiên vì nó bổ sung vào để phù hợp thêm mà cũng là trò chơi chữ.

Chiết tự đoán mộng có liên hệ nhất định với đoán mộng từ đồng âm. Phương pháp này cũng phục vị cho đoán mộng, đem hình tượng mộng chuyển hoá thành ngữ âm. Như nằm mơ thấy quan (quan tài có thêm chữ mộc) có thể nghĩ đến chữ quan là quan chức. Nằm mơ thấy chữ sai hoặc tài là tài liệu, lại nghĩ đến chữ tài là tiền tài (có bộ bối). Hoặc như nằm mơ thấy chữ tang là cây dâu, lại nghĩ đến chữ tang là đám tang. Xin cử thêm mấy ví dụ.

Cát Chiêm mơ thấy da hươu

Cát Sỹ Chiêm mơ thấy mình tích góp được 11 chiếc da hươu. Lúc tỉnh dậy nói vui: hươu là lộc, âm lộc. Lại có nghĩa là bóng lộc. Lúc tỉnh dậy nói vui:

"Ta sẽ được 11 lộc chẳng" Từ đó quan chức lại ngày một tấn tới, làm được chín năm. Đến năm Thiên Giám thứ hai, Cát đến hai quận Tây Dương, Vũ Xương nhận chức thái thú, lòng rất chán nản, quả nhiên bị ốm mà chết ở đó. (Nam Sử).

Văn công cạo trọc đầu.

Lý Văn Định có bộ tóc đẹp. Trước khi lên kinh dự thi, nằm mơ thấy mình bị cạo trọc đầu. Người giải mộng nói "Tú tài rồi phải lên trạng nguyên. Hiện nay, quan đầu tỉnh là trạng nguyên Lưu Từ, Lý sẽ đỗ trạng nguyên và thay vào chỗ trạng nguyên Lưu Từ. Cạo trọc đầu tiếng Hán là thế từ, cũng có nghĩa là thay Từ "Lưu Từ".

Trong sách giải mộng còn giữ lại và những sách theo phương pháp chiết tự đã bị thất lạc có số lớn cách bói từ đồng âm để chiêm. Ví dụ như quan (quan tài) lại đồng âm với chức quan. Chữ tài là tài liệu đồng âm với tiền tài. Ở Đôn Hoàn di thư, Cư gia tất dụng sử loại. Mộng trong thư còn ghi nhiều những chiêm từ theo phương pháp đó như:

Mộng kiến quan (quan tài) mọc, được làm quan quê lành.

Mộng quan tài vào nhà, chủ tài

Mộng báo quan tài, đại cát, được tài.

Phàm những giấc mơ thấy quan tài đều là đại cát, đại lợi, tâm lý này hãy còn ở một số địa phương cho đến tận ngày nay và vẫn đề ở trong lòng nhiều người. Đặc biệt là ở Đài Loan, Hương Cảng lại càng mê tín điều này. Nhiều người đến Quế Lâm, Quảng Tây để mua mấy chiếc quan tài mỹ nghệ phẩm xinh xắn để thoả mãn cái nhu cầu tâm lý đó.

Trong các thuật đoán mộng, phương pháp "phá dịch" tương đối khó khăn, phức tạp và sâu sắc hơn cả. Thường, người nằm mộng không rõ hàm ý của giấc mộng phải qua người "phá dịch" đoán mộng mới biết được. Đồi Tẩn có Sách Trăm là một chuyên gia đoán mộng bằng phương pháp phá dịch.

Sách Trăm người Đôn Hoàng. Lúc còn nhỏ đã du nhập học ở Kinh Sư, thụ nghiệp ở nhà thái học, đọc nhiều sách, thông nho, sử, rõ âm dương, thiên văn, giỏi thuật chiêm hẩu. Ông không chịu làm chức tư đồ vì biết đất nước Trung Quốc sẽ lâm vào cảnh loạn lạc nên tránh thế sự mà về quê xem điều hung cát cho mọi người. Cửa nhà ông tấp nập như cảnh chợ búa. Sách Trăm nói "Công, hồ dễ đã trọn vẹn. Giữ giới thì hại vào mình, không dính vào đa sự, đa sự sẽ hoạn nan". Ông bèn dùng ngụ ngôn hư thuyết. Duy chỉ có việc đoán mộng là không hồ thẹn với mình để không làm ngược lại với người đến hỏi. Tuy ông giỏi cả về thiên văn, âm dương, thuật số, chiêm hẩu, nhưng ông tinh thông nhất về môn đoán mộng. Vài thí dụ như sau:

Hiếu Liêm Lệnh hồ Xách, mơ mình đứng trên mặt băng và nói chuyện với người ở dưới băng. Trăm bảo: Trên mặt băng là dương, dưới băng là âm, đây là việc âm dương. Kẻ sĩ như lấy vợ. Lúc băng chưa tan là có chuyện vợ chồng. Ngài đứng trên mặt băng, nói chuyện với người dưới băng. Dương nói với âm là có chuyện mối giới. Ngài nên làm mai mối cho người. Đến khi băng tan là thành vợ thành chồng. Xách nói: "Lão phu già rồi không thể làm mối cho người". Lúc gặp thái thú Điền Điều nhờ Xách cầu hôn con gái Trương Công. Chừng đến giữa mùa xuân thì làm lễ cưới thật.

Trương Trạch mơ thấy mình cưỡi ngựa lên núi, vòng quanh nhà ba vòng, nhưng chỉ thấy toàn tùng bách mà không biết lối vào nhà. Trăm bảo: Mã thuộc nan, ly là hoá, hoá là hoạ vậy. Người lên núi, là chữ hung. Nhưng nhìn thấy tùng, bách là hình tượng của mỗ vậy. Không biết cửa vào đâu, là không có cửa. Ba vòng cũng là ba

năm. Sau ba năm, sẽ gặp đại họa. Quả nhiên sau Trạch bị kẻ mưu phản mai phục giết chết.

Sách Sung mơ thấy hai chiếc quan tài rơi xuống trước mặt. Trầm bảo: Quan ư! (quan tài) là quan chức đấy. Sẽ có quý nhân ở kinh sư về để cử ngài. Sẽ qua hai lần thăng chức. Bỗng có từ đồ Vương Mậu sai thái thú đề cử Sung về công tào, sau thăng chức Hiếu Liêm.

Tống Dũng nằm mơ thấy một người mặc áo đỏ ở trong nhà. Dũng cầm hai cái trượng đánh người đó rất mạnh. Trầm phán: trong chữ nội có thêm chữ nhân. Đó là chữ nhục. Màu thịt là màu đỏ. Đánh thật mạnh là ăn quá no. Giác mộng rất ứng nghiệm. Quả là sau đó. Tống Dũng đánh chén một bữa no thịt rượu.

Hoàng Bình hỏi Trầm: "Đêm qua tôi mơ thấy con ngựa múa ở trong nhà. Hơn 10 người vỗ tay reo, hướng về con ngựa. Mộng như vậy có nghĩa gì? " Trầm bảo: "Ngựa là hoả vậy. Múa là hình tượng lửa bốc lên. Mọi người phải cứu hoả đấy"... Hoàng Bình chưa kịp trở về, nhà đã bốc cháy.

Quận công Tào Trương Miêu làm quán sứ quan ở Chi Châu nằm mơ thấy chó sói cắn mất một chân. Trầm bảo: Chữ cước là chân bị mất đi bộ nhục thì thành chữ khư do nghĩa là bỏ đi. Nơi ở bị bọn làm phản quấy phá. Tào định đi nơi khác, Trầm bảo không đi đâu, cứ ở lại. Chẳng bao lâu giặc đi mất mà Tào cũng không phải đi đâu cả.

Những chuyện kể trên thật là huyền hoặc, không thể tin được. Nhưng chúng ta thấy trí thức của sách thật phong phú. Lúc còn trẻ Trầm đã đọc nhiều thư tịch. Đọc rất rộng nên có thể mang nhiều

điều trong sách cổ ra mà áp dụng. Ông còn dẫn cả kinh Thi ra. Đoán mộng của ông tuy chủ yếu là phương pháp phá dịch, nhưng ông tinh thông cả bát quái, ngũ hành, giải thích trên băng dưới băng mà ra âm dương. Ông không chỉ bó gọn trong một phương pháp đoán mộng mà còn dùng nhiều phương pháp thay thế, phối hợp với nhau. Căn cứ vào hình tượng giấc mộng khác nhau mà có những phương pháp đoán mộng khác nhau.

Sau này thái thú Dương Chiêm tìm ông để nhờ ông viết sách đoán mộng. Trăm trả lời: Xưa tôi vào nhà thảo học vì cha tôi làm chủ, không có gì không biết nhưng mai danh ẩn tích, là một ẩn sĩ. Tôi ở với cha tôi và học được thuật đoán mộng, chỉ là xem xét và quan sát, chứ không có sách vở gì. Dương Chiêm mời ông làm chức Đông Các tế tửu. Ông từ chối mà rằng: "Tôi muốn nuôi chí suốt đời... Không cầu danh vọng" Tuy vậy, trong lịch sử, ông cũng là một nhà đoán mộng nổi tiếng. Đặc biệt về phương pháp phá dịch của ông có ảnh hưởng lớn tới các nhà đoán mộng đời sau.

Trong các phương pháp đoán mộng được sử dụng nhiều nhất không phải là phương pháp tượng. Phương pháp này là "đưa ý nghĩa vào sự vật". Tức là dựa vào vật tượng cụ thể để biểu hiện những khái niệm, tư tưởng, vật chất tương tự hoặc tượng cận với nó.

Đoán mộng theo phương pháp tượng trưng có nguồn gốc từ rất sớm mà cũng rất phổ biến. Một là vì trong điều kiện đặc biệt, nhà đoán mộng không thể nói ra trực tiếp mà phải chọn phương pháp tượng trưng và lối nói, cách nói vòng vo, kín đáo để bình luận về hình tượng trong giấc mộng của người nằm mơ. Hai là phương pháp tượng trưng có thể biểu hiện một cách rõ ràng những hình tượng trừu tượng trong mộng. Đúng như Tiến Trung Thư đã nói

trong "Quán Chuy Thiên" "Dịch có hình tượng, lấy làm ví dụ để làm sáng lý, có thể ví về đạo nhưng không phải là đạo".

Trong phương pháp tượng trưng, gặp gấu là điềm con trai, gặp rắn là điềm con gái, đàn cá tượng trưng cho được mùa, gia thất dễ huê. Thời viên cổ, ở Trung Quốc cho việc mơ thấy gấu là sinh con trai, gặp rắn sẽ sinh con gái, mộng gặp cá sẽ được nhiều tiền. Đó là tập tục xa xưa được các nhà đoán mộng lợi dụng tâm lý dân tộc truyền thống để giải thích mộng.

Phạm vi hình tượng mộng và điềm của mộng bói qua phương pháp tượng trưng là rất rộng. Chẳng có cái gì không có nó. Ví dụ, trong Tả truyện có ghi lại: Tấn và Sở tranh nhau mảnh đất Yên Lăng. Tấn là Kỳ nằm mơ thấy mình bắn trúng mặt trăng. Nhà đoán mộng phán Họ Cơ là là mặt trời, họ Khác là tên họ. Đó là mặt trăng. Sở vương ắt bị bắn, sụt xuống bùn là chết. Vì xuống bùn là nhập nê. Nhập nê là vào đất. Nê và thổ là bùn đất. Nhà đoán mộng căn cứ vào rất nhiều yếu tố mà nói rằng: Lã Kỳ chết. Sau quả đúng thế. Trong các sách giải mộng truyền thống của nước ta, những từ ngữ về đoán mộng theo phương pháp tượng trưng rất nhiều. Dưới đây là một số từ ngữ:

Mộng thấy người mặc áo mới: tật bệnh

Mộng thấy người cười quần áo: khẩu thiệt

Mộng thấy người mặc áo xanh: quan chức

Mộng thấy người mặc áo vàng: đại hỷ.

Mộng thấy người mặc áo xanh lục: vợ có mang

Mộng thấy người mặc áo trắng: chủ đại cát

Mộng thấy người mặc áo đỏ: có chuyện kiện tụng

Mộng thấy người mặc áo của nữ: đại hung

Mộng thấy người đang mặc quần áo: đại cát

Mộng thấy người y phục rách: lo vợ có bệnh

Mộng thấy người đeo giải: chủ quan vị (có chức trưởng quan).

Mộng thấy người mới mang khăn lưng che đầu: tử vong.

Mộng thấy người khăn rách: hung, khăn mới: cát.

Mộng thấy giấy dếp: bách sự hoà hợp (mọi sự hoà hợp).

Mộng thấy người mang thất lưng: Hữu quan phủ (có việc quan).

Mộng thấy bố (tiền, vải): chủ khẩu thiệt

Mộng thấy chân, khăn,: hữu hỉ sự (có việc vui mừng)

Trong cuốn sách khảo cứu về tập tục dân gian Trung Quốc và dân tộc, cổ tục Đôn Hoàng của mình, tiên sinh Cao Quốc Phiên có nhắc đến điểm mộng có đáng nét những trang phục cổ xưa là đều có căn cứ truyền thống. Ví như câu:

Mộng thấy người mặc áo xanh lục: vợ có mang.

Áo xanh lục tượng trưng cho người vợ, vì ở thời cổ, người vợ thường mặc áo màu xanh. Trong kinh Thi cũng nhắc đến tà áo màu xanh lục, viết về một chàng goá vợ. Chàng nhìn thấy chiếc áo xanh lục của vợ mà dấy lên nỗi thương cảm, nghĩ đến những điểm tốt đẹp của người vợ nên càng thương nhớ. Chuyện tả qua 4 câu thơ:

Áo xanh lục mặc ngoài, áo xanh lục!

Sắc xanh lục áo ngoài, sắc vàng chanh áo trong

Nhìn thấy áo xanh, lòng anh đầy thương cảm

Làm sao anh có thể quên được em...

Áo màu xanh lục là áo người vợ thường mặc. Trong mộng nó trở nên bụi bặm dơ dối hơn và nghĩ đến người vợ có chửa.

Mộng thấy người mặc áo trắng: chủ đại cát.

Áo màu trắng tượng trưng cho văn nhân, học sỹ. Mặc áo trắng là những người cao quý. Màu trắng là màu cát lợi.

Mộng thấy người mặc áo xanh: đắc quan (được làm quan). Vì áo xanh tượng trưng cho các quan chức.

Trước thời Hán, Ngụy, tất cả các cấp quan trong giai cấp phong kiến đều được qui định mặc áo xanh. Đó là lễ phục của nhiều thời. Ở đời Đường, quan nhất phẩm và nhị phẩm trở lên mới được mặc áo xanh. Cô gái má hồng tựa vào người áo xanh là như vậy.

Mộng thấy người mặc áo đỏ: quan sự (việc quan). Ở đây, áo đỏ tượng trưng cho các sự việc của các quan chức. Về màu đỏ, đời Đường quy định: áo tứ phẩm có màu đỏ sẫm, ngũ phẩm có màu đỏ nhạt và có đai vàng.

Mộng thấy người mặc áo màu vàng: Đại hỷ... Màu vàng là màu của cát lợi. Trong phẩm chất của các màu áo thì màu vàng là màu cao nhất. Là màu hoàng đế thường dùng. Đây là chế độ định rõ ràng của đời Đường. Nhà Tuỳ cũng quy định áo màu vàng. Lúc Tống Thái tổ lên ngôi, cũng được khoác lên chiếc hoàng bào. Đến thời Minh, Thanh màu vàng được hoan nghênh và kính trọng. Người trong mộng mặc áo màu vàng, rõ ràng là hỷ sự. Màu vàng

còn là của hoàng thân quốc thích và người mặc áo cảm như mình được thần tiên phù hộ.

Gặp người trong mộng mặc áo màu vàng là điềm báo cát lợi vì thời cổ đại, mọi người sùng bái màu vàng. "Tây kinh tạp trở" ghi lại: Tư Mã Tương Như mơ thấy gặp một chàng áo xanh và Tư Mã tạng chàng ta một bài phú có những lời lẽ thần tiên. Quyển 228 trong bộ "Thái bình Quảng ký". Sở Thục ghi lại rằng mình bị ốm nặng vì có dịch bệnh, nằm mê man hơn 40 ngày. Ông mơ thấy một nữ sỹ mặc áo vàng nâng cái bình lưu ly lên cho Sở Thục uống và Sở Thục khỏi bệnh. Còn nhiều chuyện tương tự như vậy, nên người xưa cho màu vàng là màu của may mắn, vui vẻ. Phương pháp tượng trưng đoán mộng không chỉ hạn chế trong việc đề cập đến trang phục mà còn đến cả các loại động vật, thực vật, đồ dùng, mặt trời, mặt trăng, các vì sao, lâu đài, sân, hồ và ngay cả các bộ phận trong thân thể con người v.v.. Không phải chỉ người cổ đại dùng phương pháp tượng trưng để đoán mộng mà người cận đại, cũng dùng phương pháp này. Những loại vật chất có tính tượng trưng phát triển cùng với sự phát triển của khoa học. Xin mời xem cuốn "Thuật xem người" do nhà xuất bản Hoa Văn ở Bắc Kinh. Trong cuốn sách đó có mục: "Thuật xem người và sự hiện hình tượng trong giấc mộng - nhìn xuyên bản tính người trong mộng như thế nào trong đó đề cập:

Trong mộng xuất hiện một chiếc thang điện hoặc như lúc khởi động điện, tất phải có lúc thăng lúc giáng. Mà các nấc thang giáng ấy biểu thị một sự cảm ứng nào đó đối với hành động và sinh hoạt của con người (đặc biệt là chức nghiệp, hôn nhân).

Lúc tăng cao lên là lúc đường đi thuận lợi. Lúc hạ xuống là lúc gặp hoàn cảnh khó khăn, trục trặc.

Nếu trong giấc mộng có bối cảnh nhà tù, sở cảnh sát v. v... thì ý nghĩa tượng trưng của chúng là:

1 - Có cảm giác như mình có tội ác trong cách nghĩ và hành vi và tự nghĩ rằng mình phải bị trừng phạt.

2 - Coi thường những cái đó đang ở trong trạng thái thường ngày.

Nếu trong mộng thấy các quang cảnh như con đường dốc, hành lang dài, cổng ngầm v. v... ý nghĩa tượng trưng của chúng ta sẽ là:

1 - Có dự vọng tương đối mạnh muốn tránh sự bất ổn.

2 - Không yên lòng vì không có cách nào tránh khỏi sự ỷ lại vào mẹ.

Phi cơ tượng trưng cho sự vận động, nếu thấy có hành động hoặc bị bức phải hành động và biểu hiện cụ thể ra thành:

1 - Tượng trưng cho dã tâm muốn leo lên cao.

2 - Tượng trưng cho quyền lực muốn vươn lên địa vị cao.

3 - Dự vọng muốn thoát khỏi tay ai hoặc muốn thoát khỏi một sự kiện nào (nhổm dậy, bỏ đi).

4 - Tượng trưng cho sự tiến bộ (bay về phía trước).

5 - Tử vong (đi qua - tiến thẳng về phía trước).

Nếu thấy mơ thấy cảnh sát, ý nghĩa tượng trưng của giấc mộng sẽ là:

1 - Có tâm trạng tự giác tiếp nhận trừng phạt vì phạm pháp hoặc vì phạm đạo đức.

2 - Tượng trưng không tiếp nhận ảnh hưởng sự xung động của bản thân mình hoặc của người khác - dục vọng khẩn cấp muốn được bảo đảm.

3 - Nếu xuất hiện việc trình thám thì ý nghĩa cũng giống vậy.

Nếu thấy mình là một cái xác chết, ý nghĩa tượng trưng của nó là:

1 - Cảm thấy cần phải chịu hình phạt vì hành vi hoặc ý nghĩa của mình.

2 - Đối mặt với một vấn đề gay go, thấy chỉ còn có chết mới giải quyết được.

3 - Biểu thị sợ chết.

Nếu mộng thấy thi thể của người khác, ý nghĩa tượng trưng sẽ là:

1 - Có yêu cầu phải trừ khử nguyện vọng của người đó.

2 - Sợ mất người đó hoặc mất tình yêu của người đó.

Nếu nằm mơ thấy đồng hồ treo, đồng hồ đeo tay, quyền lịch, ý nghĩa tượng trưng sẽ là:

1 - Sợ chết hoặc cảm thấy không yên lòng.

2 - Lo lắng cho mình trong cuộc đời hoặc sợ thất bại trong một cơ hội đặc biệt nào đó.

Nếu mộng thấy cô gái làm bạn với mình, ý nghĩa tượng trưng sẽ như sau:

1 - Bản khoăn sợ không ai yêu anh ta (chị ta) hoặc sợ không ai kết hôn với anh ta (chị ta).

2 - Nguyên vọng muốn trưởng thành thật nhanh.

3 - Muốn xa rời người nhà, gia đình nhưng không yên tâm với tiền đồ trước mắt.

Ngoài ra, phương pháp đoán mộng lợi dụng mối liên hệ hỗ tương giữa các sự vật để giải thích điểm trong giấc mơ mộng và ý của con người. Cũng khá nhiều cách đoán mộng này thường gặp. Trong các sách đời Đường. Tổng như: "Đôn Hoàng giải mộng thư". "Thái bình ngự lâm". Bắc Đường thư sao "Sơ học ký", "Nghệ thuật loại tự" đều có những "chiêm từ" như:

Mơ bị đánh rơi, muốn được sai khiến.

Mộng thấy ngũ cốc, điềm tốt, có tài lộc.

Mộng thấy gái đẹp muốn lập gia đình

Mộng thấy chỗ đỗ (đồ xôi và cơm) muốn lấy vợ

Mộng thấy khay chén, sẽ có khách đến

Mộng thấy mình cầm cung, đàn, sẽ có bạn bè

Mộng thấy bếp núc, lo tìm vợ.

Đương nhiên những nhà đoán mộng cao tay không câu nệ vào một phương pháp đoán mộng nhất định, đã kể ở trên. Họ tổng kết tình hình cụ thể của các giấc mộng lại, cùng với phong tục tập quán truyền thống, tâm lý con người v. v... rồi sử dụng mỗi phương pháp một chút. Họ cố tình làm cho lời đoán trở nên hư ảo, huyền hoặc để cho người nghe giải mộng không nhận ra sự chấp vá của người đoán mộng.

5

PHẢN MỘNG

Từ ngữ phản mộng ra đời từ khi có cuốn "Tiềm phu luận mộng liệt" của Vương Phù. Sách nói: "Phản mộng có trực mộng, phản mộng". Thế nào là phản mộng? Tác giả viết: Âm cực là cát, dương cực là hung, gọi là phản (mộng), lấy ví dụ: Trong trận chiến ở thành Phác, Tấn Văn công mơ thấy Sở Tử mai phục, muối đắp lên tận ngực. Vốn là điểm dữ. Nhưng lại được đại thắng trong chiến đấu. Đó là phản mộng (ngược lại).

Năm Hy Công thứ 28, hầu tước nhà Tấn nằm mơ thấy mình đánh nhau với Sở vương. Sở vương nằm lên người hầu tước nhà Tấn, cán lên ngực hầu tước. Ông rất kinh sợ. Tử Phạm là người tùy tùng của ông liền đoán mộng bảo: "Đó là mộng tốt, chúng ta lên trời, nước Sở phủ phục nhận lời. Chúng ta đã thu phục họ một cách mềm dẻo".

Ở đây, Tử Phục vận dụng nguyên lý phản mộng để đoán mộng cho Tấn hầu. Ông cho rằng tuy Tấn hầu bị Sở vương đè lên trên. Nhưng mặt của Tấn hầu, nhìn lên trời. Tuy Sở vương ở trên người Tấn hầu, nhưng mặt nhìn xuống đất biểu thị phục tội. Do đó

giấc mộng này không phải là mộng dữ, là mộng lành, biểu thị Tấn quân có thể thắng được quân Sở.

Đời nhà Minh có Trần Sĩ Nguyên đỗ tiến sĩ vào năm Giáp Thìn. Gia Tĩnh, làm quan tri châu ở Châu Dịch. Ông đã tuyển được thành lập sách gọi là "Mộng chiêm dật chi". Tập sách có hai quyển nội thiên về lý luận đoán mộng và sáu quyển ngoại thiên về các loại điềm mộng. Cuốn sách thu thập nhiều chuyện về mê tín đoán mộng cổ đại. Nó tổng hợp các sách bàn về mộng của những chuyên gia ở nhiều thời đại. Ông căn cứ vào nguyên nhân khác nhau gây ra mộng và mối quan hệ khác nhau giữa mộng và điềm báo, quy nạp thành 9 loại mộng. Một là khí thịnh; hai là khí hư; ba là tà ngự; bốn là thể trệ; năm là tình dật; sáu là trực điệp; bảy là tỷ tượng tám là phản cực; chín là lịch yêu. Trong đó "phản cực" tức là phản mộng hoặc mộng cực phản. Ông còn quy nạp những lý luận về những giấc mộng phản cực. Ông nói thế nào là phản cực; trong tiệc vui nhân duyên, mơ thấy than khóc. Trong chuyện khóc lóc tranh cãi kiện tụng lại mơ thấy ca múa. Khi rét thì mơ thấy ấm. Khi đói thì mơ no đủ. Ốm đau, mơ tới thuốc thang. Khi lo lắng, buồn rầu thì mơ thấy áo bào màu đỏ giáng chiếu. Khi ăn mừng thì mộng thấy quần áo tang sớ... Đó là các giấc mộng phản cực.

Trong cuốn "Tâm biên phân môn cổ kim loại sự" có ghi một số thí dụ về phản mộng như sau:

Tô Hiệp mộng thấy "sáu"

Tô Hiệp đời Thục, nhà nghèo ham học, đỗ tiến sĩ vào năm Quảng Chính thứ 19. Trước khi đi thi một ngày, Tô nghỉ trong "tàng phòng" chùa Thánh Thọ. Ban đêm nằm mơ thấy trên bức bình phong có cuốn sách ngoài viết chữ "sáu", phía sau lại thấy một đồ

vật là rất to và cao. Tô tỉnh dậy rất lo. Thuật sỹ là Chu Thế Minh đoán cho và bảo: "Đó là điềm tốt đẹp". chữ "sâu" là điềm không lành, không vui. Lại có đồ vật lạ bay từ trên cao xuống. Đó là điềm người quân tử sẽ làm quan to. Sau đó, quả nhiên Tô Hiệp trúng tuyển, được làm quan, vào đại phủ, giúp việc quan chức cao. Đi đâu cũng có nghi vệ đường bộ, lại làm chức. Tào quan tại Quảng Đông. Năm năm sau, con của Tô Hiệp là Dịch cũng làm quan. Ông mất khi tuổi đã cao. Con trai ông được đưa vào "Đại nội chính", cháu chắt đều làm quan, vinh hiển một nhà (yên nhân lực).

Ở đây, thuật sỹ Chu Thế Minh đã dùng nguyên lý phản mộng mà đoán. Lại thí dụ như:

Lý Lương Bách mộng chữ Hỷ.

Lý Lương Bách là con trai tiến sỹ Trung Phòng. Khi cha làm tri châu tại châu Trịnh, Lý Lương Bách theo. Ban đêm, Lương Bách mơ thấy có người mang cho một bài thơ. Thơ rằng:

Cửu tiêu đan chiếu tam thiên cận

Vạn thất hồng hoa nhất dân khai

Nhật nguyệt sơn xuyên tu vấn giáp

Dĩ quân lai đảo tiểu bồng lai...

Lý Lương Bách khoe với cha về giấc mộng đẹp: Lý sẽ có tương lai tốt, đi xa khỏi châu Trịnh. Đến ngày 19 tháng sau, Lương Bách chết ở phủ thiên Ứng. Giấc mộng đẹp không thành. Buồn vậy! Về sau, Trương Quân Phóng cùng với đồng sự đi thuyền về phủ Thiên Ứng, hỏi rõ ngày chết và ngày đem chôn người chết rồi mới dịch, đoán được ra bài thơ và "tính" giấc mộng. Lương Bách sinh

năm Bính Tuất, năm 27. Trong thơ nói: "Cửu tiêu đan chiếu tam thiên cận". Ba lần chín là 27. Lương sống 25 năm, gần với 27 năm nên mới "Tam thiên cận". Câu Vạn thất hồng hoa nhất đán khai" thì là vạn cánh hồng đều một loại nở đến cùng hết cả. Ý nói là hoa tàn vì đã nở hết cả, sắp lụi đi. Năm đó vào tháng 6, nguyệt đức, nhật đức đều phải ở vào địa phận Giáp nên câu thơ: "nhật nguyệt son xuyên tu vãn Giáp" là rất trúng. "Dĩ quân thân đảo tiểu Bồng Lai vừa hư ảo vừa lạnh lẽo. Đó là nơi nghỉ của các linh hồn. (Tọa thuyết).

Khi đoán giấc mộng này. Trương Quân Phòng cũng vận dụng nguyên lý phản mộng. Lúc đầu, tưởng giấc mộng gặp chữ Hỷ. Không ngờ ngược lại.

Mơ thấy đầu bò chảy máu.

Theo "Tam quốc chí, Thục thư, chuyện Tường Uyên" ghi lại: Một lần Tường Uyên nằm mơ thấy đầu bò chảy máu. Cho là ác mộng, liền tìm đến nhà đoán mộng Triệu Trực. Ông này đáp: ông nhìn thấy máu, sự việc rõ ràng. Sừng bò hợp với cái mũi, hình thành chữ "công". Ông sẽ làm quan đến bậc "công". Vương Phù là người đầu tiên chủ trương lý luận phản mộng. Nhưng cách nói cho rằng hình tượng giấc mộng có phản chứng cũng đã có nguồn gốc lâu đời trong lịch sử nước ta.

Người đưa ra cách nhìn cho rằng thể nghiệm của giấc mộng thường được giải bày ngược lại những hoạt động ý thức của ban ngày là Trang Tử. Trong sách Tề vật luận, Trang Tử có nói: "Kẻ mơ uống rượu lại khóc hu hu, mơ thấy người khóc lại thấy người đi chân gia súc trên đồng". Cũng có hàm ý trẻ chăn gia súc lao động khó nhọc suốt cả năm, đưa vào phủ qui - Đó là kỳ trường dị giấc, vì

một người sống trong thanh bản, thiếu rượu, thiết thịt, chỉ tìm được những thức đó trong giấc mơ. Nếu nói về việc khảo sát giấc mộng cho nhu yếu sinh lý của thân thể con người, Trang Tử đã có nhiều lý luận.

Trong số chúng, có nhiều thành phần hợp lý. Trong "Quân chùng biên", Tiễn Chung Thư tiên sinh bàn về câu nói của Trang Tử rằng: Điều huyền bí là ở chỗ nếu quá xét nét kỹ càng về tình tiết, sẽ làm tổn hại đến sự hoàn chỉnh của đại thể. Trong "Chu mục Vương", Tiễn Chung Thư tiên sinh đưa ra một loạt thí dụ về phản mộng. Tuyển chọn một số như sau:

"Chủ về âm mộng hoà, chủ về tật mộng ăn, người uống rượu có điều lo lắng, người ca múa khóc than".

Theo "Sử ký - Triệu thế gia", Hiếu Thành vương mơ thấy "vàng, ngọc chất lên thành núi". Quan vu sư là Cầm đoán rằng: "Lo lắng đấy". Ông căn cứ vào sự lấy điểm từ phản tượng.

Sách Thế thuyết Tân ngữ chép: Có người hỏi Ân Hạo: "Tại sao đang có địa vị mà lại mơ thấy quan tài? Đang được lộc lại mơ thấy vật ô uế?"

"Trần Khánh chi truyện" trong sách Nam sử kể rằng ông thường mơ thấy mình đến nhà xí. Ông hoảng hốt cho là ác mộng. Lúc đó có người đoán mộng giới bảo rằng: "Ông sẽ trở nên đại phú quý".

Bác Tề thư chép: Tương sỹ mơ thấy tay cầm bó đuốc, đi vào mộ cha, nửa đêm sợ hãi tỉnh dậy, rất lo lắng. Sáng ra bảo cho thấy tu nghiệp, thấy bảo đó là cát mộng. "Hoành minh tập" ghi lại những chuyện như: Triệu Giản tử năm mơ thấy đưa bé con trần truồng, hát

ngheo ngao, Tần tiểu thần mơ thấy công lên trời nhưng thực ra Viên công đi đến chỗ lấy lợi, bắn thiêu... Nhiều chuyện đại loại như vậy.

Trong Thái bình quảng ký, tập 129 có ghi: Một người ở Tấn Dương mơ thấy mình bị hổ ăn thịt. Mẹ người đó bảo: Mè thấy chết thì sống. Giác mơ ngược lại mà. Đường Cao tổ mơ thấy mình ngủ dưới giường và bị các con bỏ ăn. Chí Mãn thiền sư bảo: "Người nằm dưới sàng (giường) là "sàng hạ", tức là "bệ hạ". Bị đàn bọ bầy quây quần tức là nhiều người đi theo một người. Nhiều người ngưỡng mộ một người". Sách Dị Uyển chép. Lương Thanh mơ thấy mình bị dây phân vào người. Đó là điềm sẽ có nhiều tiền bạc. Mơ thấy người đá, đó là điềm phải rời chỗ ngay.

"Chính sử dã kí" có ghi chép những thí dụ về giải mộng bằng phương pháp "phản cực" nhiều không sao kể xiết. Nay căn cứ vào từ chương và tiểu thuyết bạch thoại mà chép ra mấy câu chuyện: Trong tiểu thuyết "Hoàng minh bách gia" có Thất Phiến cười ngựa rống và nói: "Có người bảo với bạn là đêm hôm trước mơ thấy mình khóc lớn. Sợ là mộng xấu". Anh bạn bảo: "Không việc gì, không việc gì. Ban đêm nằm mơ thấy mình khóc lớn thì ban ngày sẽ cười lớn".

Sách "Phách án Kinh kỳ" viết mộng là ngược lại. Mộng thấy phúc là họa. Mộng thấy cười là khóc. Trong "Tĩnh thế nhân duyên truyện", Hồi Tiết Tổ mơ thấy hung thần bổ ngực mình ra, thay đổi trái tim. Hồi kinh hãi quá tỉnh mộng. Mẹ Hồi biết chuyện, an ủi: "Thấy điều hung trong mộng chính là điều tốt. Con không sợ".

Tiên sinh Tiên Chung Thư còn dẫn ra thí dụ phản mộng ở nước ngoài. Tiên sinh kể: Tục bên Tây cũng vậy. Tiểu thuyết "Con lừa vàng" thời cổ La Mã viết: "Mộng ban đêm biểu thị ngược lại những sự việc xảy ra lúc ban ngày. Sách cổ của Italia ghi lại: Có

người mơ được nhiều vàng. Nhưng khi tỉnh dậy chỉ là đôi bàn tay bị bôi bẩn. Trừ những điều kể trên ra, trong phong tục của một số dân tộc thiểu số ở nước ta cũng có nhiều chuyện về đoán mộng theo cách "phán mộng". Theo tập hai của bộ "Tuyển tập tư liệu tư tưởng xã hội và triết học các dân tộc thiểu số ở Văn Nam", chúng ta thấy rõ nhiều điều, người Dao nằm mơ thấy thấy cháy nhà là điềm tốt, sẽ phát tài. Mơ thấy người chết hay chính mình chết là điềm mình được hạnh phúc, sống lâu. Mơ thấy mình khóc là sẽ được phúc. Mơ thấy uống rượu, ăn thịt, đối với những Chỉnh - Pô là điều xấu, không phải nhà mình có người chết thì bên láng giềng cũng sẽ có người chết v. v...

Mộng ban đêm dự báo sự việc ban ngày xảy ra một cách ngược lại. Đó là lý luận đoán ngược lại hình tượng giấc mộng, giải thích ý nghĩa của mộng và thuyết minh con người và sự việc. Nó được vận dụng thường xuyên trong việc đoán mộng. Lúc thì nhà đoán mộng bỗng dùng vận dụng phương pháp trực mộng, lúc lại dùng phương pháp tượng trưng, lúc lại dùng phương pháp phản mộng. Như vậy làm cho tả hữu người được đoán mộng vẫn thấy được có nguồn gốc. Nhưng, chúng ta khảo sát phán mộng dựa vào các nguyên nhân sinh lý và tâm lý về hoàn cảnh trong mộng. Như vậy, chúng ta có thể nhận thấy cách nói phản chứng của mộng là không đủ sự hợp lý, toàn diện.

6

THẾ NÀO GỌI LÀ MỘNG LÀNH (CÁT), VÀ MỘNG DỮ (HUNG)?

Tất cả những phương thức chiêm, bốc trên đời này đều là dự báo ra những điều cát, hung, họa, phúc. Ví như: Thuật chiêm tinh dựa vào sự quan sát việc vận hành của tinh vân mà dự báo phúc họa cho con người.

Thuật chiêm, bốc có rất nhiều loại như bói mai rùa, tiền, bát quái v. v... là căn cứ vào dụng cụ bói mà sự đoán ra điều hung, cát. Như ở Trung Quốc có môn Văn Vương, môn bói bằng tiền. Phương Tây có môn xem quả cầu thủy tinh v. v... Môn bói bằng tiền là giải tiền ra, lắc, xếp nhìn xem đồng tiền ở mặt chính hay mặt sau thứ tự ra sao mà đoán ra điềm dự báo là cát hay hung.

Ngâm thẻ xem mệnh, đó là kiểu bói để một số trang giấy gấp lại trên một chiếc hòm con. Trên tờ giấy có ghi những dòng chữ chỉ ra những điều hung cát. Người ta mở lồng chim ra, cho con chim

ngậm lấy một que cho người muốn xem số phận của mình. Người đoán thế căn cứ vào những điều viết trên tờ giấy mà giải thích.

Bói sa bàn. Người ta đặt một cái ghế kiểu chữ "đỉnh" bằng gỗ lên trên một sa bàn. Mặt sa bàn có phác ra nhiều chữ ngoằn ngoèo. Đó là những dòng chữ của thánh thần dự báo những điều lành, dữ. Giá gỗ (hay một que tre) đặt vào chữ nào trên giấy là lời thánh ứng với số phận người đặt chiếc giá gốc vào sa bàn.

Chiết tự. Người ta có thể tăng, giảm nét trong một chữ Hán nào đó, cũng có thể tách chúng ra hoặc đảo cấu trúc của chúng rồi đoán điều hung, cát.

Xem tướng mặt, căn cứ vào diện mạo, ngũ quan xương cốt, khí sắc, thần thái, vân tay v. v... mà đoán ra lành, dữ, phúc họa của con người nhưng lấy tướng mạo làm chủ.

Xóc thẻ, trong ống gỗ sơn sơn có một số thẻ tre. Mỗi thẻ tre được cuốn vào một tờ giấy có viết sẵn. Người ta làm cho thẻ tre có tờ giấy rơi ra rồi đưa cho thấy số xem và giải thích cho.

Phê "tám chữ". Người ta hỏi người đến xem quẻ về ngày sinh, tháng đẻ, thiên can, địa chi rồi xếp ra 8 con chữ để đoán quẻ tốt xấu.

Tất cả những phương pháp chiêm bói đều có mục đích cuối cùng là đoán và phân ranh giới điều lành và dữ. Như Vương Phù đã nói trong "Bốc vị biên, Luận Hành": Đã "bói" là có cát, hung. Đã bói mai rùa có điểm số, nhìn vào là biết hung cát. Thế thì tiêu chuẩn hung, cát ra sao? Sách "Xuân quan - Chu lễ" sớm đã chỉ ra: thấy đoán mộng có nhiệm vụ nắm vững điều hung, cát của sáu giấc mộng. Hàng năm, tại phòng của Chu Vương, vào mùa đông thường

cử hành nghi thức "hiển mộng lành" và giải "mộng ác". Nhưng phân chia ranh giới hung và cát ra sao? Những tư liệu về văn đều này rất ít ỏi. Chỉ xin dẫn mấy thí dụ dưới đây trong cuốn "Mộng liệt biên, Tiền phụ luận" của Vương Phù cũng nêu ra mấy phương pháp phân chia: Cát mộng như gặp hỷ sự biểu hiện nơi tâm tình. Ác mộng hiển biểu hiện sự lo sợ, ưu thương. Các mùa xuân, hạ sinh trưởng, mùa thu đông buồn thương đều phảng phất vào giấc mộng.

Có những sự việc và hiện tượng lớn trong giấc mộng như: sạch sẽ, thanh cao, tươi tốt, khoẻ mạnh, mặt mũi sáng sủa, cây cối um tùm, cung thất đường bệ, các đồ đạc gọn gàng, ngay ngắn, sáng sủa, ấm áp, đi lên, hưng vượng. Những điều đó thuộc về cát mộng. Còn về ác mộng sẽ như sau: nơi chốn bẩn thỉu, mục nát, khô cằn nghiêng ngả, bề bết, u ám, có khuynh hướng đi xuống, buồn, công việc không thành, ưu tư lo lắng, chầy và bình không có gì để đựng. Còn có những hiện tượng như: yêu ma quỷ quái, đáng ghét, vẽ vờ lằng nhằng, ca hát và múa như điên, trẻ con chơi đùa, cười vui v. v. v...

Những điều nói trên của Vương Phù trong "Giải mộng thư" đã để lại nhiều ấn tượng cho hậu thế. Ví dụ như ông đề ra: Thanh khiết, tươi tốt, cây cối um tùm, cung thất đường bệ, các đồ đạc gọn gàng, đi lên hưng vượng... đều là ở cát mộng. Ngược lại thì: nơi chốn bẩn thỉu, mục nát khô cằn v. v... thuộc về ác mộng. Những nguyên tắc này lại còn tìm thấy được trong "Đón Hoàng" di thư "Giải mộng thư", "Cư gia tất dụng sự loại". Những thí dụ như sau:

Mơ thấy nước xanh, trong - đại cát lợi

Mơ thấy nước trong (cát mộng)

Mơ thấy nước đục (ác mộng)
Mơ thấy gọi dầu - đại cát, có tài
Mơ thấy thân mình nhân bóng - đại cát
Mơ thấy tắm gội, rời nơi ở - khỏi bệnh, thăng quan
Mơ thấy giặt quần áo: có việc uống rượu, ăn uống.
Mơ thấy tắm rửa, bệnh đỡ - bách sự cát (mọi sự tốt)
Mơ thấy cây cỏ tốt tươi - nhà cửa thịnh vượng (nhà đất vượng)
Mơ thấy trồng cây cối - chủ đại cát
Mơ thấy hoa nở - thân đại quý
Mơ thấy nhà đất được đổi mới - đại cát
Mơ thấy về nhà mới - đại cát, đắc cát
Mơ thấy mình đứng ra xây nhà mới - tốt lành
Mơ thấy ánh sáng mặt trời chiếu vào mình - khỏi bệnh
Mơ thấy trời hồng - cát, thấy trời tối đen - hung
Mơ thấy gương sáng: cát, gương ám hung:
Mơ thấy phần mộ gia đình: sáng cát - tối hung
Mơ thấy ánh sáng mặt trời chiếu vào nhà - đại quý
Mơ bay lên trời - chủ quý vị
Mơ lên, vào thăm mặt trăng - đại quý.
Mơ thấy mình đang bay - đắc trường an
Mơ thấy có người bay lên trời - sinh nam tử

Những điềm mộng ngược lại với trên, thuộc về những ác mộng:

Mơ thấy quần áo đầy bùn - thân bị nhục

Mơ thấy toàn thân toát mồ hôi - đại hung

Mơ thấy phân ở dưới bếp - tranh cãi

Mơ thấy cây cối chết - đại tang

Mơ thấy người chết ăn - bị bệnh hoạn

Mơ thấy gió thổi, nhà lắc lư - bị bệnh

Mơ xà nhà gãy - gia bị phá

Mơ thấy đất bị lún - nhà đất không yên

Mơ thấy màu đen khắp mặt đất - ôn dịch

Mơ thấy rơi xuống giếng, ngồi dưới giếng - đại hung

Mơ thấy mặt trời, mặt trăng lặn - cha mẹ chết

Mơ thấy mình rơi xuống đất, mất quan chức lo lắng - hung

Trên đây là tiêu chuẩn đại khái về sự phân chia ranh giới giữa cát và hung. Nhưng về sau, do mê tín điểm mộng càng ngày càng phức tạp nên phương pháp đoán mộng cũng càng ngày càng nhiều. Như trục giải, tượng trưng, phá dịch, chiết tự, hài âm v. v... Chỉ cần giải thích được thông, cát mộng có thể giải thích thành ác mộng và ngược lại. Như trong "Tả truyện": Tấn hầu đánh nhau với Sở vương. Sở vương mai phục, muối đắp lên tận ngực. Sở vương dè lên Tấn hầu. Tưởng là ác mộng. Nhưng Tử Phạm lại bảo đó là cát mộng. Tấn hầu được trời. Sở vương phục tội. Câu chuyện này chuyển từ ác mộng sang cát mộng do người đoán mộng giải mộng giỏi. Cho nên, trong cuốn "Mê tín về mộng và thâm dò giấc mộng" của tiên sinh

Lưu Văn Anh có viết: Hung và cát là xác định và cũng là không xác định. Nếu không, người đoán mộng sẽ mất đi ý nghĩa thần học cố hữu của mình. Nhưng bất cứ một ông thầy đoán mộng nào cũng không dám giữ khư khư lấy một tiêu chuẩn hung, cát nào đó. Nếu không giấc mộng được đoán khó được ứng nghiệm. Người ta sẽ không đi đoán mộng nữa.

Có điều, trong những sách nói về mộng của Trung Quốc cổ đại, đại bộ phận những từ ngữ về đoán mộng đều thuộc cát mộng. Về ác mộng tương đối ít. Nhà đoán mộng cũng nặng nề đoán cát mộng để phù hợp với tâm lý người đến nhờ đoán mộng.

Tóm lại, mộng hung, cát là một hiện tượng mê tín của xã hội. Nó có đặc trưng tự thân, có quy luật khách quan. Đối với hiện tượng mê tín đó, chúng ta nhận chân khảo sát, phân tích một cách khoa học là có thể nhận thức được sự nổi năng bày đặt nguy biến của các nhà đoán mộng. Từ ý nghĩa đó, hiện tượng mê tín đoán mộng và các hiện tượng mê tín khác nữa đều có thể hiểu được. Mộng không thể dự báo điều hung, cát. Mộng tượng lấy giấc mơ của con người ra mà dò đoán cát, hung, họa, phúc là việc làm phản khoa học dưới con mắt khoa học hiện đại.

7

NGUỒN GỐC VÀ NGHỊ THỨC CỦA VIỆC CẦU MỘNG LÀNH VÀ TRỪ MỘNG DỮ

Phương pháp cầu mộng lành (cát) và tránh mộng dữ (hung) đã có từ lâu. "Kỷ" là yêu cầu, mong mỏi cát mộng. "Nhượng" là bài trừ ác mộng. Cổ nhân coi hạnh phúc là do Thượng đế và thần thánh ban cho. Tai hoạ là do quỷ thần giáng xuống. Do vậy những người mơ phải ác mộng sợ bị báo ứng và sợ quỷ thần giáng hoạ nên chưa xảy ra chuyện gì, họ đã phải tìm nhà đoán mộng để qua thuật của nhà đoán mộng mà bài trừ ác mộng.

Phương pháp "kỷ" và "nhượng" phát sinh là do sự tồn tại quan niệm về linh hồn. Tư duy của con người nguyên thủy sáng tạo ra sự tồn tại siêu tự nhiên, hư ảo về quỷ thần. Trong khi mọi người nhận định có sự tồn tại của quỷ thần thì ở mọi nơi, mọi người đã tổn mất bao tâm tư về thần, quỷ. Họ coi như thế giới của quỷ thần cũng tồn

tại song song với thế giới của con người. Mà giữa hai thế giới đó có sự thông linh với nhau. Bất cứ quỷ thần nào cũng luôn hoạt động để có mối quan hệ với con người, không phải chỉ có quỷ thần do con người chuyển thành mới ra như vậy mà các loại linh tính trong giới tự nhiên cũng đi vào giấc mộng dưới hình thức quỷ thần. Do đó lôgic tư duy của con người viễn cổ, sơ dĩ người ta sản sinh ra mọi giấc mộng hung và cát, chủ yếu là vì quỷ thần tác quái, do đó cầu khấn quỷ thần ban cho cát mộng, trừ ác mộng là thái độ của người viễn cổ Trung Quốc đối với hai loại giấc mộng.

Các li "kỳ" và "nhượng" mộng bắt đầu hình thành từ đời Ân, Thương: Từ kho tư liệu Giáp cốt đời Ân, chúng ta được biết mỗi khi người đời Ân nằm mơ thấy ác mộng đều phải cúng lễ các hồn quỷ thiêng, xin cho tai hoạ đừng giáng xuống. Thực tế, đó là thuật trừ ác mộng sớm nhất.

Qua "Chu lễ", chúng ta biết rằng, cứ hằng năm, vào dịp đông chí, vương thất nhà Tây Chu cử hành đại lễ "hiển mộng cho vua" rất long trọng, nghiêm túc. Lúc này quan đoán mộng trình bày thuật hiển mộng lành cho vua và trừ ác mộng. Đại lễ này được cử hành ở "Nhà đường". Theo "Xuân quan, Chu lễ", có viết:

Đoán mộng phải biết tính tuổi, quan sát trời đất, biện luận âm dương, xem hung cát và cát của 6 loại mộng: Chính mộng, quái mộng, tư mộng, lâm mộng, hỷ mộng, cụ mộng.

Cuối cùng dâng mộng lành cho vua và vua bái rồi nhận. Vua ban cho cả thiên hạ bốn phương để giám trừ ác mộng.

Đoán mộng phải có những hiểu biết, quan sát mặt trời, mặt trăng, tình vận của 4 mùa, phân biệt khí âm dương, vị trí và thời

gian hội họp của mặt trời mặt trăng và tinh vân, đoán điểm cát và hung của 6 dạng mộng. Cuối năm, có ghi tổng kết những giấc mơ lành được ứng nghiệm. Cũng tổ chức lễ cuối năm và viết sách tổng kết dâng kính vua. Nhà vua bái và tiếp nhận. Trong buổi lễ cũng có nghi lễ trừ và giảm ác mộng cùng ôn dịch. Ôn dịch được biểu diễn dưới dạng "quỷ ác", là loại sản sinh ra ác mộng có cả một nghi thức tôn giáo trang nghiêm, tế lễ phục vụ cho lễ trừ ác mộng và dịch "quỷ ác", đánh đuổi dịch, tà.

Theo sách "Mê tính về mộng và tìm hiểu về mộng" của tiên sinh Lưu Văn Anh có giải thích về nghi thức đánh đuổi tà, dịch ghi trong "Lễ nghi chí, Hậu Hán thư". Theo ông, phong tục này có từ đời Đông Hán gọi là "đại nan", tức là "nan". Trong "Thời tắc huấn", sách "Hoài nam tử". Cao Dụ giải thích "nan" cũng có nghĩa là "trừ". Nội dung của đại nan Gồm việc trừ các loại ác quỷ, các loại ác mộng. Hoạt động của việc đánh đuổi quỷ ác mộng vô cùng náo nhiệt, thường có ý nghĩa của những ngày lễ tết. Trước khi nghi lễ bắt đầu, các tử đệ trong Hoàng môn cung được chọn lấy 120 nhi đồng làm những "thần tử" trừ khử dịch và quỷ. Bọn trẻ chít khăn đỏ, mặc quần áo đen, trong tay mỗi người cầm một cái trống bỏi. Vai chính là "tướng" và 12 thần thú vật. Trên đầu, "tướng" đội đa thú. Bên ngoài có 4 con mắt màu vàng lớn, áo trên màu huyền, quần đỏ. Mười hai con thú cũng hoá trang cẩn thận. Trên đầu mỗi con có một cái sừng. Thân đầy lông. Nghi thức được biểu diễn tại sân lớn trong cung. Đến tối, các quan văn võ chia ra làm hai hàng rồi thành một vòng tròn. "Tướng" và 12 thần thú vật múa ở giữa biểu thị họ đã đuổi, trừ 12 loài quỷ dịch (dịch bệnh). Sau đó, người trong Hoàng cung lĩnh xướng, mọi người cùng hát theo. Hát rằng "Giáp

tái thực (tiêu diệt) hung, Phạt vị thực hổ, Đàng gián thực bát tường, lâm chu thực cữu (tội lỗi) bá kỳ thực mộng..."

Sau cùng, trên sân xếp thành ba vòng tròn, mọi người hoan hô, tay cầm đuốc, xua đuổi quỷ ra khỏi cửa Đoan môn. Trong nghi thức trừ đại nạn này, câu hát Bá kỳ thực mộng tức là bá kỳ diệt tất cả các loại ác mộng xảy ra trong một năm và cũng là diệt trừ đại nạn.

Ở khu người Mán đen ở nước ta cũng có nghi thức xua đuổi ác mộng tương tự. Người Mán cho rằng những giấc mộng dưới đây đều liệt vào ác mộng:

- 1 - Mộng thấy hôn nhân hợp lứa tuổi
- 2 - Mộng thấy con trai mặc quần áo, con gái cỡi quần áo,
- 3 - Mộng thấy xuất binh, ngày tối đường cùng đường,
- 4 - Mộng thấy ăn uống trong yến tiệc
- 5 - Mộng thấy ăn uống trong yến tiệc
- 6 - Mộng thấy đàn ông gần gũi có lửa cháy, chân có tro tàn,
- 7 - Mộng thấy cô gái dùng tay làm gãy nhẵn đeo tay
- 8 - Mộng thấy răng cửa bị rụng

Những giấc mộng trên bị người Mán rất kiêng kỵ đáng phải được trừ. Cho nên, họ tế lễ, có nghi thức để xua trừ ác mộng. Người Mán làm cái công việc này gọi là bôi mao thấy cúng. Thấy cúng đến nhà cản trừ ác mộng. Tế con ngựa bằng rơm có người cưỡi ngựa làm bằng cỏ. Phủ lên người có những sợi vải xanh, đỏ, coi như người có mặc quần áo. Người Mán gọi người có là "kỵ tổ". Ngoài ra hai bên cột góc bánh có dán hai cái tai của cùng một cái đầu. Phía

dưới hai cái tai ấy có treo một sợi dây tơ. Đó là binh tướng của kỵ to. Người Mán gọi là "Bốc tổ".

Sau khi làm xong người cò, thầy cúng đứng giữa cửa chính của nhà đặt lên bên cạnh cửa một thùng thóc. Trên thùng thóc có đặt một bát cơm. Trên bát cơm là quả trứng gà và một chút muối. Bên cạnh lại đặt một chén rượu, thầy cúng đốt hai lá bách lạc rồi pha vào bát nước đó dùng thay nước trà. Thấy cắm vào phía trong nhà gần bầu cửa 3 cành bách lạc. Lại cắm kỵ tổ và bốc tổ ngay bên cạnh ba cành cây. Khi cắm, phải sao cho mặt người cò và đầu ngựa hướng vào trong nhà.

Sau khi đã bày biện xong xuôi, thầy cúng bắt đầu, niệm chú, bắt đầu nghi thức trừ tà. Bất luận điểm mộng đã ứng nghiệm hay chưa đối với chủ nhà, thầy cúng phải niệm chú. Cứ tụng niệm được một đoạn, thầy lấy chén rượu đặt trên cao nhất mà vẩy ra ngoài cửa, như vậy là hiến cho quỷ thiêng. Lúc đó, một người mang đến một con gà giò và bông lúa non. Người này quét tất cả mọi nơi, bắt đầu từ bàn thờ cúng thần nhà chủ. Quét cả đến chuồng súc vật. Như vậy là quét trừ những điều không hay và tai họa. Thầy cúng tiếp tục tụng kinh trừ ác mộng, mặt hướng về phía "kỵ tổ" và "bốc tổ" biểu thị "kỵ tổ" sẽ tiêu trừ tất cả những tội lỗi. Thầy cúng lại lấy một cục than gỗ, quán quanh nó bằng mấy bông lúa non, tưới nước trà và rắc muối lên cục than có bọc lúa non rồi ném mạnh ra phía ngoài cổng. Vậy là tất cả những tai họa đã bị xua hết. Một tay cầm con gà giò, một tay cầm cành bách lạc, thầy cúng đập vào các bức tường, vách, cửa v. v... Như vậy là đuổi nốt các quỷ thần ẩn náu ở các nơi khác trong nhà ra khỏi nhà.

Buổi tế lễ trong gia đình như thế là xong. Thấy cúng cầm lấy ky tổ và bốc tổ, đi ra ngoài đồng (dã ngoại) để tế lễ ở dã ngoại. sao lại phải có tế lễ dã ngoại? Như ai cũng biết: Kính quỷ thần thì kính thật nhưng phải xa họ ra. Kính nhi viễn chi mà! Người ta sợ quỷ thần tạo ra ác mộng, nhưng lại cảm thấy không nên làm khó dễ cho quỷ thần. Họ cũng sợ các quỷ thần thường xuyên lưu lại trong nhà với tư cách bậc linh thiêng nên họ phải tìm mọi phương pháp sao cho quỷ thần đi chơi xa. Trên cánh cửa có dán ảnh vẽ thần của và có khi in cả dấu tay. Ngoài ra, Khương Tử Nha (Thái công) là vị thần được người Mán tôn sùng nhất, người ta lại dán đôi câu đó ở ngoài cửa:

"Khương Thái công ở đây

Mọi tà quỷ hãy lánh!"

Nghe nói Khương Thái công là tổng quản của các tà quỷ, ác thần... Tuy nhiên đó mới là phương pháp phòng ngừa cái chưa đến. Khi tai họa đã đến thì chỉ còn cách tìm thầy cúng để tổng tiễn quỷ. Trước tiên là phải đuổi hết cả các tà quỷ ra khỏi nhà. Tuy nhiên lại sợ các quỷ quay trở lại làm hại, cho nên phải dẫn những vị ác thần đó ra bên ngoài (dã ngoại). Như vậy các quỷ thần đói khát lại trở nên béo tốt mà đi tuần du ở nơi xa.

Tóm lại, hoạt động cầu cát trừ hung có căn nguyên từ mê tín đoán mộng đã trở thành một thứ tập tục tôn giáo diễn biến trong lịch sử. Và do đó, nói lại mở rộng ảnh hưởng xã hội của mê tín, xã hội và câu thành một bộ phận trọng yếu của mê tín đoán mộng.

8

CẤM KỶ VÀ ÁC MỘNG

Cấm kỵ(húy) là một danh từ có ý nghĩa rộng rãi trong văn hiến cổ đại Trung Quốc. Nó là những quan niệm ước thúc, hạn chế và gọi tên chung về cách ứng xử của các hành vi xã hội, tín ngưỡng.

Cấm kỵ, là một loại tập tục mê tín. Trong xã hội nguyên thủy và xã hội ngu muội lạc hậu hiện đại có nhiều điều cấm kỵ hoặc quy ước ổn định. Mọi người dùng chúng để quy phạm hoá hành vi tín ngưỡng của mình. Tập tục cấm kỵ thông qua lời nói truyền lan đi và cùng với hành vi thị phạm. Nó đã được lưu truyền hàng vài nghìn năm ở nước ta. Sự việc và hiện tượng cấm kỵ thấm thấu vào mọi mặt sinh hoạt của nhân dân với trăm nghìn điều kỳ quái, quái đản. Trong cuốn "Dân tộc học Trung Quốc", U Bích Nam đã tổng kết tập tục cấm kỵ của nước ta và chia ra làm 5 phương diện:

Một là: Coi lực lượng tự nhiên trong giới tự nhiên hoặc vật tự nhiên như là thần thánh, sùng bái nó không thể xâm phạm. Như vậy, hình thành quan niệm và hành vi về cấm kỵ đối với mặt trời, mặt trăng, sao, gió, sấm, mưa, cầu vồng, nước, lửa, núi, đá v, v...

Hai là: Cõi những loài động vật và thực vật nào đó như là vật thần thánh có quan hệ gắn gũi họ hàng với tổ tiên thị tộc của mình. Từ đó hình thành những điều cấm kỵ như nghiêm cấm bắt hoặc giết, tức cấm phạm tới những loài động vật và thực vật nhất định. Như thái độ đối với hổ, báo, bò, dê, chó, thỏ, hạc, ung, quạ, công, thiên nga, nhạn, rắn, ong, nhện, cóc v. v... cùng với cây trúc và một số thực vật khác.

Ba là: Sự sùng bái tổ tông đưa đến sự cấm kỵ các tượng trưng và các di vật của tổ tông. Như người Mãn ở đông bắc thường treo lên tường ở phía đông một cái bảng để là "bản tổ tông". Trên đó có một cái "hộp tổ tông" (trong hộp đựng các vật tượng trưng, các bức họa và di vật của tổ tông) Đĩa thơm bằng gỗ với các hoa văn tộc Mãn... đó là những cấm vật.

Bốn là: Sự sùng bái linh hồn, quý, tinh linh đã đưa đến sự cấm kỵ về các quý, thần thánh cùng sự hoạt động và nơi đến hoạt động của các vị thiêng liêng đó. Tộc Li Li có quy định có người chết trong làng trại thì tất cả không ai được ăn ớt trong một khoảng thời gian. Ai ăn ớt sẽ bị coi là kẻ thù của người chết. Nhà có trẻ con chết, kỵ ăn thịt dê và hành, tỏi. Nếu không sẽ bị coi là xung phạm đến linh hồn của quý thiêng.

Năm là: Sự mê tín về số phận cát, hung, họa, phúc đã dẫn đến những điều cấm kỵ hình thành trên quan niệm cầu cát tránh hung. Như trong hôn nhân, cho rằng mệnh của cô dâu chú rể kỵ một số giờ và hợp với một số tân khách. Khi có mang kỵ ăn gừng hoặc thịt thỏ để tránh cho con sinh ra không bị 6 ngón hay có khuyết tật sinh lý như môi thỏ. Nếu không theo những điều cấm kỵ sẽ gặp tai họa. Hôn lễ kiêng ngày lẻ. Ngày vui không được đánh vỡ ấm chén.

Không cưới vào tháng 5, 7, và 9. Dân tộc Oa không cho mang những thứ như gừng, lá chuối tiêu, lá hồng mao, lá mặt hoa và lá trầu rừng vào trong nhà vì những thứ đó là những thứ của quỷ đưa vào nhà, không tốt. Dân tộc Oa không ăn thịt và trứng gà. Cũng cấm bán hai thứ đó vì cho rằng chúng là đồ quỷ dùng. Trong cuộc sống còn có nhiều điều cấm kỵ để dự phòng điều dữ. Từ những con đường này, đã ảnh hưởng đến với tâm lý và hành vi tín ngưỡng của mọi người.

Năm loại cấm kỵ này, hoặc ít hoặc nhiều đều để dấu vết trong hình tượng và sự việc của cuộc sống sản xuất và thẩm vào ý thức của mọi người về mộng mị. Cho nên, trong điều thứ 22 của chương ác mộng "Đôn Hoàng giải mộng thư" cho rằng tuân thủ các điều cấm kỵ, thì không gặp ác mộng? Sách dẫn ra 20 loại cấm kỵ như:

- 1 - Lấy gạch miếu thờ kê chân giường.
- 2 - Giường ngủ đối thẳng vào xà nhà
- 3 - Lấy gỗ cây thần làm giường
- 4 - Lấy dây thùng bên trái buộc đuốc
- 5 - Mặt nhìn về phía bắc của giường.
- 6 - Dưới giường ngủ có hài cốt
- 7 - Vì người mà đi theo tà
- 8 - Nuôi chó hoặc gà trắng trong nhà
- 9 - Nhà ở phía trước và phía sau miếu thần
- 10 - Ăn lục súc chết
- 11 - Giếng chộp gặp nhau

- 12 - Cây đào trồng gần giếng
- 13 - Nô tỳ chết, vứt sách xuống phía dưới
- 14 - Gia cụ hồng lâu năm không đốt
- 15 - Đất thiêng có nham thạch hoặc có đá cối xay
- 16 - Ăn cơm không chú nguyện
- 17 - Vô cớ giết rùa rắn
- 18 - Lưỡi dao để ngửa
- 19 - Ngồi lên thành giếng
- 20 - Mặc áo của kẻ hung dữ.

Hai mươi điều cấm kỵ này phản ánh các tập tục cấm kỵ. Điều thứ nhất, không được phạm vào nơi lễ bái thần linh và miếu, đền. Như kê chân giường bằng gạch, đá thiêng, ở trước và sau miếu thần, đất có nham thạch hoặc đá cối xay v. v...

Điều hai: Không được vô cớ giết rùa và rắn là những con vật hoá thân của thần. Ở nước ta, rùa là một trong bốn con vật linh thiêng. Đó là thần. Trong xã hội nguyên thủy, với thị tộc Cỏn, rùa là vật tô tem mà mọi người sùng bái. "Thiên quy sách liệt truyện" trong sách "Sứ ký" có câu chuyện huyền thoại kể về một ông già ở phương Nam ẩm thấp lấy 4 con rùa kê ở bốn chân giường. Sau hơn 20 năm ông lão chết, người nhà chuyển giường phát hiện thấy 4 con rùa còn sống mặc dù trong suốt ngần ấy năm, chúng chẳng ăn uống gì. Mới biết mệnh của rùa là sống lâu, do đó nhân dân ta dùng rùa tượng trưng cho sự trường sinh. Người ta khen nhau: "Tuổi hạc, tuổi rùa". Lại suy ra rùa sống lâu kinh lịch nhiều, lịch duyệt lắm... Vì vậy rùa có linh tính biết về tương lai nên tiến lên một bước nữa cho

rùa là "linh quy" có thể làm môi giới giữa người với thần thánh, cho rằng rùa từ trên trời rơi xuống. Trong "Quy sách liệt truyện" trong "Sử ký" ghi:

"Nguyên vương bảo: Rùa là thần linh, từ trên trời xuống".

Vì cho rằng rùa là thần linh từ trên trời xuống, là của quý trong thiên hạ, làm môi giới giữa người và thần thánh, nên trong cung thất nhà Ân đã lợi dụng mai rùa để bói. Đời Ân, bói bằng mai rùa được thực hiện với nghi thức cực kỳ thần bí và long trọng. Phải chọn ngày lành tháng tốt, quần thần phải chay giới, người trong cung vua phải tắm rửa rồi quỳ lạy. Tế trời và mặt trời rồi mới bàn đến vấn đề bói mọi mặt như: tế lễ, chiến tranh, ẩm thực, khí tượng, mùa màng, săn bắn, tai họa, phúc lợi v.v... Bóc sư dùng que gỗ đốt nóng dùi vào mai rùa đủ sức tạo ra những vết nứt và hằn. Đó là những hiện tượng đánh dấu những điều cần bói ra, gọi là những điểm báo trên mai rùa để phán đoán ra điều hung, cát.

Trên đây nói về loại rùa tự nhiên và phổ thông. Nếu như từ những báu vật tổ tem của những cư dân nguyên thủy dần dà được thần thánh hoá và cuối cùng diễn biến thành rùa thần mang chất linh thiêng.

Bởi người xưa coi rùa là vật thần linh và rắn cũng là con vật thần linh. Người xưa ghép rắn và rùa lại làm một, gọi là long xà. Phần sau cuốn sách này sẽ thuật thêm về rắn. Sách "Đôn Hoàng giải mộng thư" cho rằng vô cớ mà giết rắn sẽ dẫn đến có ác mộng. Tai họa sẽ đến với kẻ giết nó.

Điều ba: Tiếp xúc với màu sắc không cát lợi - màu trắng.

Truyền thông của nước ta cho rằng ngày vui kỵ mặc màu trắng. Có tang mặc màu trắng. "Lễ kỵ, diên lễ" nói: bố mẹ còn sống, áo mũ không cùng một màu trắng. Ngược lại, khi cha mẹ quy tiên, mũ áo phải là màu trắng. Cho nên trong "Giải mộng" nhấn mạnh không nuôi gà và chó màu trắng vì đó là điềm không lành.

Ngoài ra, phạm đến thần giếng, thần cây, tiếp xúc với vật hèn hạ như đồ dùng gia đình đã bị vỡ hoặc hỏng; mặc áo của kẻ hung dữ, chạm đến thần giường; dưới giường có hài cốt, làm những việc không đạo đức; vì người khác mà theo tà; ăn cơm không chú nguyện¹ nô tỳ chết; sách hạ đẳng v. v... đều là điều có thể dẫn đến ác mộng, không được yên ổn.

Những kiểu mê tín cấm kỵ tránh ác mộng là những hành vi và thủ đoạn có tính tín ngưỡng dự phòng tiêu cực. Trong nền sản xuất lạc hậu, sinh hoạt bấp bênh và ở điều kiện người ta không tự chủ được vận mệnh của mình, tập tục cấm kỵ tránh ác mộng có tác dụng mạnh mẽ ru ngủ con người.

9

PHÙ CHÚ TRỪ ÁC MỘNG

Với ác mộng, người Trung Quốc không những đã có thuật khử trừ, tránh những điều cấm kỵ, lại còn có phép phù chú.

Phù là gì? Thuyết văn giải tự viết: Phù nghĩa là tín. Đời Hán làm phù bằng tre dài sáu tấc (đơn vị Trung Hoa cổ) do hai mảnh giống nhau ghép lại. Thoạt đầu phù là bằng chứng chỉ lệnh của Hoàng đế gửi xuống. Phù có một quyền uy to lớn nhất. Sau đó, các nhà pháp thuật, pháp sư cho rằng thiên thần cũng có "phù". Còn gọi là đồ, hoặc triện văn. Các áng mây màu sắc trên thiên không xuất hiện, các pháp sư gọi là thần phù. Thoạt đầu loại phù xua tà gọi là "đào phù". Người xưa cho rằng quỷ sợ cây đào, trong cuốn "Huyền trung ký". Quách Phác có kể câu chuyện ở phía Đông Nam có Đào Đồ sơn. Núi có cây đào lớn nên gọi là đào đồ, cành xoè ba ngàn dặm trên có con gà trời. Sáng sớm, khi mặt trời mới mọc chiếu vào cây này, gà trời liền gáy, các gà khác gáy theo. Phía dưới có hai vị thần, bên tả là Long, bên hữu là Viên. Hai vị thần cầm một nhánh sậy, đợi lúc quỷ dữ đến bất ngờ đã giết chết.

Thế là thần trên núi Đào Đỏ bắt được quỷ. Quỷ sợ thần núi Đào Đỏ và cùng sợ tất cả mọi vật trên Đào Đỏ, sợ cây đào, quả đào. Do đó người ta không chỉ biết cây đào cho ra đào tiên, ăn vào sẽ trường sinh bất tử mà còn biết nó có thần lực đánh đuổi quỷ, tà...

Người ta cắm cành đào trước cửa để xua tà. Sách "Tân thư lễ chi" viết "Ngay đầu năm, người ta thường có cành sậy, cành đào ở cung đường hoặc cổng đình, chùa để giải trừ ác khí rồi lại vẽ cành đào, người cắm đào để dán trước cửa. Sách "Phong tục thông nghĩa" viết: Nhà quan huyện đốt nến, dán tranh người ôm quả đào. Cũng có cả tranh con hổ ở cửa ngoài... để đón trừ tịch và bài trừ hung khí. Về sau, nhân dân dùng luôn gỗ cây đào để làm vật liệu xây dựng. Gỗ đào là tiên mộc, bách quỷ phải sợ.

Ngày, tháng kéo dài cùng với trời đất - vai trò trừ tà của gỗ đào được khẳng định và trở nên một vật tượng trưng, gọi là đào phù. Trên một bàn gỗ đào người ta khắc lên hình ảnh của hai ông thần giữ cửa là: Thán Đổ và Úc Lũy theo chuyện thần thoại. Thơ "Nguyên đán" của Vương An Thạch, có câu:

Tiếng pháo nổ, trừ đi một tuổi

Gió xuân thổi ấm áp

Trăm nhà, vạn hộ vui náo nức

Mảnh gỗ đào mới thay "phù" năm qua

Ở bài thơ, mảnh gỗ đào mới là mảnh gỗ đào có dán hình vẽ của thần giữ cửa.

Về sau, "phù" không nhất định cứ phải làm bằng gỗ đào. Làm bằng gỗ khác cũng được. Có khi làm thành bản bằng đá,

giấy rơm cũng được, gián đơn thô thiển cũng được, miễn là có lòng thành kính.

Phù là một loại tượng trưng, qua nhiều quá trình diễn biến. Trên bàn gỗ của nó mang nhiều từ ngữ cầu phúc, trừ hung. Dĩ nhiên, những từ ngữ đó có thể đọc lên được. Chẳng qua chúng cũng chỉ là những "câu bí quyết" trừ tà. Muốn để cho những "câu" đó trở nên thần bí, không dò ra được nghĩa mà có cái pháp lực phi phàm, người ta phải viết chúng ở dạng không bình thường. Hoặc là viết theo kiểu trùng trùng điệp điệp, như thật như giả, nét bút phức tạp như là mê cung, hoặc bản pháp. Có người lại coi việc viết như một trò chơi. Tóm lại, phải viết sao cho có nghệ thuật mà lại cao siêu. Thế là người ta dùng các kiểu chữ sao cho có vẻ huyền ảo sâu sắc, quái đản để biến chúng thành một hình thức, một loại phù hiệu đã được khẳng định, không thể đọc được nữa. Những chữ viết trên phù không biểu thị nội dung cụ thể, chỉ cần đạt một ý nguyện. Phù hiệu có tác dụng trừ tà. Người mang phù (bùa) có tâm lý mãn nguyện. Còn có những chữ viết của phù hiệu như mặt mã. Thật là nét vẽ của quý. Gọi là "quý vẽ đào phù".

"Phù" đi đôi với "Triện", Triện là ghi chép ý của thần hoặc những lời răn bảo của Thần. Phù và Triện được gọi liền với nhau, ghi danh sách và chúc trách các thần, mệnh lệnh và công việc chấp hành của các thần. Phù Triện có thể sai khiến được mà quý, bài trừ tà ác và thành tiên. Theo "Giải mộng thư" trong bộ sách "Cư gia tất dụng sự loại" có những lời lẽ để đối phó với ác mộng như:

Tý nhật mộng ác

Thư thiếp môn cát

Sửu nhật mộng ác

Chu thư bội cát
 Dậu nhật mộng ác
 Hắc thư bội cát
 Mão nhật mộng ác
 Hắc thư bội cát
 Thìn nhật mộng ác
 Thư bội môn cát
 Tỵ nhật mộng ác
 Thư phòng bích cát
 Ngọ nhật mộng ác
 Mùi nhật mộng ác
 Thư phòng môn cát
 Thân nhật mộng ác
 Chu thư bích cát
 Dậu nhật mộng ác
 Hắc thư bích cát
 Tuất nhật mộng ác
 Thư trung bích cát
 Hợi nhật mộng ác
 Quyền thư thiếp sàng...
 Ứng tất cả các điều quái không lường tới
 Cả những điều trong sách không ghi
 Ban cho phù này
 Đặt nơi quý quái

Nam đeo trái nữ đeo phải

Ma quái tiên tan...

Lịch pháp của nước ta phân ra can chi. Đó là do thiên can, địa chi gọi hợp lại. Thiên can là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý, Địa chi là Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Mười can trời và 12 chi đất phối hợp với nhau một cách tuần hoàn thành một giáp 60 năm, là một châu (vòng), sau một châu lại tính bắt đầu từ đầu. Lịch cổ đại, dùng can chi để tró năm, tháng, ngày, giờ. Chủ yếu dùng cho ngày và năm. Dùng can, chi để ghi ngày đã được sử dụng trong thời văn Giáp cốt. Nhưng lúc đó, can và chi chỉ sử dụng để tính ngày. Đời Ân, đến đời Chiến Quốc vẫn thế. Tuy nhiên, thời cổ đại, ghi ngày có khi chỉ ghi thiên can mà không ghi địa chi. Trong "Sở từ" có nhắc đến: "Ta ra đi vào ngày Giáp".

Đến đời Hán, Ngụy, lại xuất hiện cách dùng địa chi tính ngày, chia ngày ra làm 12 chi.

Với cuốn "Yếm mộng phù triện", người ta thấy có liên quan mật thiết tới mê tín về lời "thần chú" và cũng là mê tín những lời "chú" vốn dĩ là một loại từ cầu khẩn. Sau khi đạo Phật hưng thịnh, từ "chú" đồng nghĩa với "chân ngôn". Trong quá trình lưu truyền của đạo giáo, "chú" thành ra khẩu quyết trừ tà và tại hạ. Khi mê tín này chuyển thành tập tục xã hội thành ra "chú khử tà". "Lời chú" hầu như đã phát sinh ra cùng với ngôn ngữ nguyên thủy. Nó là sản vật tất yếu khi nhân loại sùng bái ma lực ngôn ngữ của mình. Các nghi thức chúc mừng thời cổ thường lấy chú làm thủ đoạn để thông giao với thần linh. Và về sau, tất cả những loại "chú từ" và "khẩu quyết" đều coi là lời "chú" có khả năng giao cảm với thần linh.

Là một thủ đoạn mê tín, những thuật sỹ giang hồ, thầy cúng, thầy lang dùng những lời "chú" để làm việc xua đuổi tà ma, khám bệnh, chữa bệnh. Họ niệm "chú" lên để thực hiện mọi công việc. Những lời "chú" này không giống với "khẩu quyết" nói chung. Thường thường chúng chỉ có âm, không có nghĩa, những tiếng được niệm tên là những ngôn ngữ thần bí để đánh lừa và làm cho tin chủ bị mê hoặc.

Trong các quan nha thời cổ đại không có chức tước chuyên nghiệp cho người có nhiệm vụ niệm "chú". Thời Tùy Đường, họ trực thuộc vào thư thái y, chuyên về phù và niệm chú để xua mà quỷ ma chữa bệnh. Các thầy phù thủy dân gian cũng dùng thần chú để mời mọc quỷ thần. Sự phát triển của những lời "chú" bị chữ viết kiểu đồ hoạch các phù hiệu thay thế và trở nên "phù chú" của các nhà "phương thuật". Trong "Đôn Hoàng giải mộng thư" có những câu phù chú sau để trừ ác mộng:

Phô địa tịch lãnh địa ngoại giả bất tường

Phu nhân ác mộng tam nhật bất thuyết hoá vi chân bảo,

Phàm nhân dạ đắc ác mộng

Tào khởi thả (sơ) mạc hướng nhân thuyết

Kiến kính kỳ tâm

Di hắc thư thử phù

An ngoại sàng cửu hạ

Vật lệnh nhân tri

Nãi khả chú viết:

Xích xích dương dương
Nhật xuất Đông phương
Thử phù đoán mộng
Ty trừ bất tường
Độc chi tam biến
Bách quỷ tiềm tàng
Cấp cấp như luật lệnh
Phu ác mộng tính vân, danh hành quý
Ác tường tính Giả, danh tự trần
Ngôn tri như danh,
Thức như tự
Viên ngộ thiên lý
Cấp cấp như luật lệnh
Xá
Hạt tính vu
Tự thế biến
Ngô tri như danh
Thức như tự

Sách "Giải mộng thư" trong bộ "Cư gia tất dụng sự loại" cho biết: Ngày xưa, Hoàng đế vẽ 12 phù để trừ ác mộng rồi cấm phù mà chú rằng: "Hách hách dương dương; Nhật xuất Đông phương; Đoạn

tuyệt ác mộng; Tịch trừ bất tường; Cấp như luật lệnh". Đọc liền 7 lần...

Hiện tượng phù chú này có ảnh hưởng rất lớn tới dân tộc của người Nhật Bản. Trong cuốn "Dân tộc học khái luận", tiên sinh Phương Kỷ Sinh viết: "Nhật Bản cũng có cùng một tín ngưỡng. Như khi gặp ác mộng thì phải niệm bảy lần những câu "chú" sau đây: "Hách hách dương dương, nhật xuất Đông phương, đoạn tuyệt ác mộng, tịch trừ bất tường". Sau đó, nhìn về phía Đông, thở hít vào. Thở ra ở hướng Bắc. Làm như vậy 7 lần có thể trừ họa. Người Nhật bảo rằng những lời "chú" này là từ Trung Quốc truyền tới. Chúng do Quán Lạc đời Tam Quốc viết ra là có bị pháp do Hoàng đế lan truyền lại. Đối chiếu với rất nhiều sách thấy nội dung được nhất trí một cách cơ bản. Có thể tin được.

Tóm lại nhà đoán mộng cho rằng đoán mộng là thay thế mà giải thích điều hung cát. "Kỳ nhượng" dùng để nhờ quỷ thần mà bài trừ tà ma, "Kỳ nhượng" là cầu điều tốt lành và trừ điều dữ. "Chú" là ngôn ngữ pháp thuật của thần để trừ tà. "Chú" được dùng ghép lại với "phù", gắn bó trọn vẹn và đẹp dễ lại với nhau để có một pháp lực vô biên. Dưới giác độ dân gian mà nhìn, phù chú có một sức mê hoặc thần bí mạnh mẽ.

10

VƯƠNG SUNG - NHÀ TƯ TƯỞNG PHÊ PHÁN THUẬT ĐOÁN MỘNG SỚM NHẤT

Vương Sung là nhà tư tưởng tiến bộ, triết gia duy vật vĩ đại của thời cổ đại của thời cổ đại nước ta, nhà lý luận vô thần mạnh dạn. Trữ tác của ông đến bây giờ chỉ còn lại bộ sách "Luận hành". Cuốn sách viết theo kiểu luận chiến, phê phán có hệ thống những hiện tượng thần bí (chiêm mộng, quý thần, bốc quẻ, phù thủy v.v...) lúc đương thời là lúc chiêm, bốc chiếm địa vị thống trị. Cuốn sách xây dựng lên cả một hệ thống tư tưởng về luận thuyết vô thần.

Nguồn gốc tư tưởng của chủ nghĩa thần bí bắt đầu từ thời viễn cổ. Lúc đó, con người bất lực trước các hiện tượng tự nhiên, thiếu tri thức khoa học, không khám phá được bí mật của tự nhiên nên thần thánh hoá giới tự nhiên. Đồng thời thần bí hoá các hiện tượng xã hội. Từ đó sinh ra đủ các loại thần và thuật chiêm, bốc thông giao với

thần. Đoán mộng là một loại trong các thuật chiêm bốc. Sau khi xã hội có giai cấp ra đời, giai cấp thống trị lợi dụng những phương pháp chiêm, bốc để củng cố nền thống trị. Chiêm, bốc trở thành một loại tín ngưỡng của kẻ thống trị. Hễ có đại sự, là cầu cứu đến chiêm bốc, có lúc không gặp mộng mị gì cũng vẫn cử hành trình tự tôn giáo nhất định mà cầu (kỳ) mộng lành, xin thần thác mộng.

Đến đời của Vương Sung, Phật giáo đã được truyền đến Trung Quốc. Đạo giáo đã nảy mầm, các loại cấm kỵ tín ngưỡng đã nhiều đến mức kinh ngạc. Các loại pháp thuật chiêm bốc của chủ nghĩa thần bí cùng với tư tưởng tôn giáo thế tục thu hút nhau, hoà hợp vào nhau mà thành một cái cột trụ của chính quyền phong kiến. Đặc biệt bọn thống trị càng lưu ý đến thuật đoán mộng. Họ dùng đoán mộng làm căn cứ để tạo ra vương quyền. Như ở sách "Cao tổ bản kỷ" ghi "Mẫu thân của Lưu Bang đi chơi ở bên bờ một cái hồ lớn, bà mộng gặp được thần linh, khi về đến nhà... và... thế là bà có mang... đẻ ra Cao tổ. Nghe nói lúc sinh ra Cao Tổ, sấm chớp nhằng nhịt và đình tai, trời đất đen như mực. Phụ thân của Lưu Bang thấy long xà bò đến trước mặt để phù hộ cho Lưu Bang được tuổi rồng. Trước khi lên đài, Lưu Tú bảo với Phùng Dị: "Tôi mơ thấy hoá thành rồng, bay lên trời". Phùng Dị thấy điềm của thần, càng cố giúp và phò tá để đưa Lưu lên ngôi vàng hoàng đế.

Trong thời kỳ "Lưỡng Hán", đoán mộng là một loại mê tín thế tục, cùng giao lưu qua lại với các loại mê tín thế tục khác. Các loại mê tín thẩm hoà vào với nhau và dựa nhau. Lúc này, đâu đâu cũng có những lời dự đoán viết ra gọi là "Tiêm" và "Vĩ". Tiêm là thác lời của trời mà viết ra những câu dự ngôn thần bí. Vĩ là mượn danh nghĩa Khổng tử, dùng quan điểm mê tín để giải thích các loại kinh,

sách Nho giáo. Theo "Phương thuật liệt truyện": Lưu Vũ đế, Lưu Tú tin "Tiêm" ngôn. Trong cuốn "Quang Vũ đế ký" ghi lại Tiêm ngôn nói rằng: "Lưu tú phát binh bắt kẻ vô đạo Mảo kim tu đức vì thiên tử". Thế là tuyên bố lên ngôi hoàng đế qua sự quyết định của "Tiêm" ngôn. Lúc này, đoán mộng cũng có nội dung của Tiêm, Vĩ, Ngũ hành. Tiêm, Vĩ cũng lấy nội dung ngũ hành mà bổ sung cho mình. Theo Vương Sung, lúc này có một cách nhìn như sau: Người nằm mơ thấy lửa được đoán là người có tài ăn nói, là vì đã có câu: "Khẩu giả hoá dã", nghĩa là miệng là lửa. Đứng thứ hai trong ngũ hành là hoả. Đứng thứ hai trong ngũ sự là ngôn. Hoả ứng với ngôn. Lửa là tượng trưng của lời nói. Ngôn và hoả phối hợp với nhau trực tiếp. Có người đời Hán tên là Kinh Phong tuyển được 3 cuốn sách về đoán mộng. Ông thường bàn về những tai hoạ trong ngũ hành. Ông cũng lưu ý đến cả thuật đoán mộng và viết ra một cuốn sách đoán mộng. Ông đưa nhiều nội dung ngũ hành vào thuật đoán mộng, gọi là để phù hợp với thuật đoán mộng. Trong thư tịch các chữ viết Tiêm, Vĩ lưu hành vào thời kỳ Lương Hán, từ Hoàng đế Lưu Bang, tài liệu và bút tích về các điểm báo nhiều vô kể nếu ta biết khai thác. Như Hà Đồ hỏi Tả Phụ: "Hoàng đế gọi ông lão là nhà giời này đến có điều hỏi chăng? "Ta nằm mơ thấy hai con rồng ngâm một bức dư đồ trắng đưa ta sang bên kia sông". Ông lão nhà giời nói: "Hà xuất long đồ, Lạc (sông Lạc) xuất quy thư... Trời trao cho cơ đồ đế vương vậy!"

Do ảnh hưởng của Tiêm, Vĩ rất rộng, lúc đó người ta dùng Tiêm ngôn để giải mộng. Việc này đã thành một cái "mốt" thời thượng. Truyện "Thái Mậu" viết: Thái Mậu mơ thấy mình ngồi trong điện, nhìn thấy trên bàn có 3 cây lúa mọc rất tươi tốt. Thái ngắt lấy một bông ở giữa. Nhưng rồi lại lỡ tay để mất. Quách Hạ

Cung đến chúc mừng Thái. Quách cho đó là điềm rất tốt và giải thích: Đại diện là hình tượng của phủ quan. Bông lúa là cái duyên giữa quan và dân. Lấy bông lúa ở giữa là hình tượng sân rộng. Về chiết tự chữ hoà cùng chữ thất thành chữ trật. Dù có mất chữ thất trong chữ trật thì lại có bông lúa tốt tươi (là chữ hoà), chữ trật có chữ thất và chữ hoà đại diện cho bông lúa xanh tức là lục trật. Ông ta được làm quan bậc sáu (lục trật).

Ngược lại với những điều của chủ nghĩa thần bí, Vương Sung có thái độ phê phán nghiêm túc đối với hiện tượng đoán mộng. Tuy nhận thức của ông không thể vượt qua được điều kiện lịch sử đương thời, nhưng ông kiên trì thế giới khách quan và tính thực tại mà dựa vào sự quan hệ giữa hiện tượng mộng mị với các cơ quan cơ thể của con người. Ông chuyên chú theo dõi và nhấn mạnh về quy luật và nguyên nhân tự sinh của hiện tượng mộng mị và bối cảnh của giấc mộng.

Trước hết, trong cuốn sách "Luận hành" Vương Sung đã phê phán sự tuyên truyền cho thuyết "hồn hành" của những nhà đoán mộng đời Hán. Trong thiên "Kỷ yếu" ông viết: Nhà đoán mộng gọi giấc mộng là "hồn hành". Thế nào gọi là "hồn hành" Thiên Luận tư chỉ rõ: Người đoán mộng cho rằng tinh thần vận động, thay đổi cùng với người và vật... Như vậy, linh hồn đã được coi như tinh thần của con người. "Hồn hành" tức là tinh thần vận động. Theo quan điểm của các nhà đoán mộng, khi người ta ngủ, tinh thần rời khỏi thân xác mà đi hoặc gặp gỡ với người nào đó, hoặc tiếp xúc với vật nào đó. Nếu linh hồn lên trời sẽ có thể gặp Thượng đế. Cho nên nói: "Mơ thấy Hoàng đế tức là hồn lên trời". Tuy nhiên, khi người ta

ngủ, thân thể xương thịt chưa động đây thì là sao tinh thần có thể xa rời thân thể mà đi?

Nhà đoán mộng cho rằng: Tinh thần đến cơ thể con người là biểu tượng của cát và hung. Tinh thần nói ở đây không phải là tinh thần của người nằm mộng mà là tinh thần ở ngoài người nằm mộng, tức Thượng đế, thần linh, hay của một người khác. Di thần hồn ngoại giới thông giao với thần hồn người nằm mộng cho nên người nằm ngủ mới có "hành" mà sinh mộng.

Trong "Tứ nguyên" và "Luật tử" trong sách Luận hành, Vương Sung đứng trên lập trường duy vật, căn cứ vào "tinh thần dựa vào hình thể" quan điểm ở đời không có tinh thần nằm ngoài thể xác, đã phê phán có hiệu quả những luận thuyết mộng và hồn đó. Phương pháp phản bác và phê phán của ông là dựa vào tham nghiệm sự thực và phân tích logic. Thiên "Luận tử" dẫn ra những giấc mộng làm ví dụ, cho rằng: Trong giấc mộng nếu sát thương người khác hoặc bị sát thương, đều vô sự. Hoặc giả nói tinh thần của một người nào đó trông thấy Vương Sung mà Vương Sung không nhìn thấy, nếu trường hợp trên quả không phải là sự thực thì những điều thấy trong mộng chẳng qua chỉ là ảo ảnh mà thôi. Ông nói: "Người nằm mơ không thể tri giác được điều mình làm cũng như khi chết không biết lúc sống làm gì". Mộng của con người không thể tách rời hình thể của con người, "hồn hành" rời khỏi con người là không thể tồn tại được.

Lại như truyền thuyết nói về Tề Cảnh công phạt Tống, nằm mơ thấy Thành Thang và Y Doãn lên cơn thịnh nộ. Giấc mộng này có niên đại quá xa xôi, không có cách nào dùng sự thực chứng minh. Vương Sung liền dùng phương pháp logic để phân tích. Sách

"Từ nguy biến, Luận hành" thuật lại một câu chuyện căn cứ vào ý kiến của người đoán mộng. Chuyện kể: Tể Cảnh công mang quân đi phạt Tống, qua Thái Sơn mơ thấy hai người đứng đang rất giận dữ. Công báo lại với Ân Tử. Ân Tử liền bảo: "Đó là tổ tiên của nhà Tống: Thành Thang và Y Doãn đó, Công ngỡ cho rằng đó là thần núi Thái Sơn. Ân tử nói: "Ngài ngờ thì tôi xin nói về hình dạng Thành Thang và Y Doãn. Thang tóc dài, má có tóc mai... Công nói: "Đúng như thế". Ân tử bảo Thang, Thái Giáp, Vũ Đinh, Tổ Ất, là các bậc vua chúa lớn không thể không có con cháu. Nay duy có Tống mà ông lại phạt Tống nên Thang và Y Doãn tức giận. Xin hãy rút quân mà hòa với Tống. Công không nghe, cứ phạt Tống, quả nhiên quân của Công bị hại. Thang và Y Doãn biết trước không muốn Cảnh công phạt Tống nên hiện ra giận dữ trong giấc mộng để ngăn cản. Cảnh công không nghe, quả nhiên kết quả không tốt lành.

Nhà đoán mộng cho rằng nước Tống là hậu duệ của người Ân. Nếu như Tống bị Tể diệt, Thành Thang và Y Doãn sẽ không có người cúng tế cho nên họ giận dữ. Với cái luận thuyết hoang đường này, Vương Sung chĩa mũi nhọn vào mà đề xuất: "Án tử tin mộng nói hình dạng của Thang và Y Doãn". Cảnh công mà nghe lời Án tử thì sẽ đúng. Tấn thôn tính thiên hạ, làm cho Y Doãn tuyệt hậu. Cho đến về sau, Thang và Y Doãn không được tế kỵ. Chẳng là đáng giận hay sao? ở đây, Vương Sung cho rằng: Tấn Thuỷ Hoàng thôn tính thiên hạ, làm cho Thang và Y Doãn hoàn toàn tuyệt hậu, sao họ lại không tức giận trong mộng? Nếu linh hồn của họ hãy còn tồn tại thì sao họ không tỏ thái độ phản ứng? Giấc mộng của Tể Cảnh công căn bản không thể chứng minh được hồn của Thang và Y Doãn tiếp tục tồn tại, cũng không thể chứng minh được tinh thần Tấn Cảnh công lia thế xác mà gặp gỡ với hồn của Thang và Y Doãn.

Hơn nữa, Vương Sung phủ định cơ sở của luận thuyết "hồn hành", công khai phản đối nhà đoán mộng dùng mộng để phản ánh hiện tượng cát, hung. Quan điểm cơ bản của ông là không có quan hệ tất nhiên giữa mộng với hiện tượng hung cát của nhân và sự. Sự ứng nghiệm cá biệt của một số giấc mộng chẳng qua là "thích ứng mà gặp nhau".

Những nhà đoán mộng thời Lương Hán thường nhắc đến cái gọi là "Trực mộng" hoặc "Mộng trực ứng" để thuyết minh điểm của hung cát. Vương Sung chỉ ra trong cuốn "Luận hành"; Sao lại biết được Giản Tử thấy vua mà lại không phải vua? Chỉ có đoán mộng mới biết được. Lâu đài, sơn lăng là hình tượng vị trí quan chức. Người mơ thấy lâu đài, sơn lăng sẽ được bố trí làm quan mà thực ra, lâu đài sơn lăng cũng không phải là thuộc về quan chức vậy... Như kiểu Giản Tử nhìn thấy vua mà cũng không phải Thiên đế. Người bề tôi mơ thấy gặp vua. Vua tất không gặp và không cần ban ân tứ gì. Lấy người bề tôi đoán mộng lại thấy (đoán mộng) vua có ban thưởng cho hai hòm. Đó lại không phải là Thiên đế, lời không phải là Thiên đế, vậy nói là cùng trăm hồn đi chơi ở Quán Thiên cũng không phải là trời. Lỗ Thúc Mục Tử mơ thấy trời dè lên mình. Như thế là trời dè xuống đất. Dè xuống đất sẽ nhìn thấy các lâu đài. Trời không kịp rơi xuống. Nếu kịp rơi xuống lâu đài sẽ bị phá tan. Lâu đài không bị phá tan tức là trời không ập xuống đất. Không ập xuống là không dè lên mình. Không dè lên mình tức là cái dè lên mình không phải là trời, chỉ là hình ảnh của trời. Thúc Tôn Mục Tử nằm mơ thấy trời dè xuống mình không phải là trời, sẽ biết Triệu Giản Tử rong chơi trên trời không phải là trời...

Có người nói: Người ta có trực mộng. Gặp Giáp thấy Giáp ngày hôm sau. Thấy vua, ngày mai sẽ thấy vua. Xin thưa vâng. Người ta có trực mộng. Trực mộng đều là hình tượng, hình tượng trực tiếp. Sao lại biết được? Kẻ nằm trực mộng mơ thấy Giáp, thấy vua sẽ thấy Giáp và vua, vào ngày hôm sau. Đó là trực. Nếu hỏi Giáp và vua Giáp và vua không gặp thì việc mơ thấy gặp Giáp và vua chỉ là hình ảnh. Đủ biết việc Giản Tử mơ gặp vua cũng là giống vua thôi. Đó là mộng của con người mà. Người đoán mộng bảo đó là hồn hành. Mơ thấy thượng đế tức là hồn lên trời vậy. Lên trời giống như lên núi. Nằm mơ thấy lên núi, chân treo núi, tay túm lấy các loại cây mà lên. Lên trời không dựa vào gì thì lên làm sao được? Đường lên trời xa vạn dặm. Người đi, một ngày được trăm dặm. Hồn và hình thể cùng đi còn chẳng nhanh được? huống chi hồn đi một mình thì đi nhanh làm sao được? Nếu hồn hành cũng như hình thể, thì Giản Tử lên trời phải mất bao nhiêu năm mà mơ bảy ngày đã tỉnh dậy. Sao lại nhanh làm vậy?

Ở đây, Vương Sung phê phán giản lược về giấc mơ của quan đại phu nước Tấn là Giản Tử mơ gặp Thượng đế, coi như tốc độ vận động của hồn bằng với tốc độ đi của hình xác thì việc lên trời và xuống của Giản Tử phải mất bao nhiêu năm mới tỉnh dậy được, mà sao chỉ có 7 ngày đã tỉnh dậy? Tại sao thời gian đi và về lại nhanh vậy? Mặt khác, Vương Sung thừa nhận có điều gọi là trực mộng. Nhưng ông cho rằng "trực mộng" là một loại "hình tượng" cũng như hình tượng của Giáp, của vua mà thôi.

Nhưng đêm qua mơ thấy Giáp, ngày hôm sau gặp Giáp thì mộng chẳng phải là điềm báo tiên triệu của sự việc ư? Mộng có cát, hung chẳng phải là điềm báo có cát, hung của sự việc sao? Về điềm

này, trong cuốn "Thiên bốc phê, Luận hành" Vương Sung có sự giải thích tương đối khoa học: Bói rùa, chọn cơ thể, tự có vận số điềm báo, tự có điều hung cát. Mà hung cát thích ứng thì gặp nhau... Người ta xem thiện ác, chẳng phải trời trả lời mà thiện ác hợp mà gặp nhau. Bói mộng và bói rùa cũng giống nhau, bói rùa nhìn những đường nứt và đường đi những nhện trên mai rùa có thể nói: "Người ta ở trên đời, không thể nào không làm việc. Sau khi đã làm việc không thể không có điều hung, cát. Nhưng hung, cát biểu hiện ở số những triệu chứng và hung, cát của nhân sự là hai việc. Có lúc hai điều này nhất trí với nhau.

Đó chỉ là sự ngẫu nhiên gặp may mắn chứ không phải là điều biểu hiện ý chí của Thiên đế hoặc thần linh. Chẳng có liên hệ gì cả. Cũng cùng một đạo lý như vậy, nhà đoán mộng có thể chia hiện tượng mộng ra thành hung, cát. Nhưng hung, cát của hiện tượng mộng và hung cát của nhân sự lại hoàn toàn là việc. Hung cát của nhân sự, có lúc "thích hợp mà gặp gỡ đúng" cũng nên. Tuy vậy chúng vẫn không có liên hệ với nhau.

Vương Sung cho là các vị làm việc chiêm, bốc muốn đạt được "thuật của mình" nên chọn nói về các điều cát và có phúc phận trước. Nói đến điều hung và họa thì dấn đo. Làm cho người sùng bái chiêm mộng không tin lắm và ngay cả người tin cũng thấp thỏm.

Điều thứ ba, Vương Sung không chỉ phê phán tính hư ảo và sai trái của thuật chiêm bốc mà còn tiến hành nhiều tìm tòi có ích về các cơ chế sinh lý, bệnh lý của con người làm sản sinh ra các giấc mộng. Thật đáng coi làm trọng.

Ông viết: Ban ngày, khi lực mệt nhọc, tình lực cạn, ban đêm buồn ngủ. Khi ngủ, ánh sáng mắt phản ngược lại. Tinh thần thấy

hình tượng nhân vật. Với những người ốm cũng thế khi lực mệt nhọc, tinh lực cạn. Tuy mắt không ngủ nhưng ánh sáng mắt nhiều loạn khi ngủ. Do đó cũng nhìn thấy hình ảnh nhân vật. Có người ốm thấy ngủ mà như không ngủ, như là nằm mơ... Người đó tự có tri giác với mộng nên cũng thấy sự vật, không thấy quý và người. Đó là hiệu quả của tinh cạn, khí mệt. Sẽ ứng nghiệm với cái gì? Với người điên cuồng thì thấy quý, nói điên đại một mình, không tương đắc được với người lương thiện. Khi bệnh nguy, tính bị loạn. Khi người bệnh phát điên cuồng ba lần sẽ bị tinh thần suy nhược, ánh sáng mắt trời phản chiếu nên chỉ một mình thấy hình ảnh của nhân vật.

Vương Sung khẳng định mộng có nguyên nhân từ sinh lý, bệnh lý như xác thịt bị "khí môi, tinh cạn", và "ánh sáng phản" trong cảm giác. Ngoài ra, ông còn chỉ ra có ba loại người sáng tạo ra quý thần: Loại thứ nhất là người trong mộng. Loại thứ hai là bệnh nhân, loại thứ ba là người bị bệnh hoạn về tinh thần. Còn người bình thường, vì ban ngày làm việc khó nhọc, khi ngủ bị nằm mơ. Người cổ cho rằng khi con người ngủ, trạng thái tinh thần biến đổi. Họ bảo: "Ngoạ là hoá (Ngoạ, hoá dã). Tinh khí thay đổi, không giống như khi thức. Tri thức về sinh lý đương thời không có thể làm cho Vương Sung có thể hiểu rõ nguồn gốc của việc giải mộng. Cho nên Vương Sung chỉ giản đơn cho rằng nằm mơ là phản chiếu của ánh sáng nơi mắt phát sinh ra ảo ảnh. Theo ý kiến của Vương Sung, người nằm mơ nhìn thấy người chết, liền gọi là quý thần. Vương Sung cũng cho rằng loại người thứ hai và thứ ba sáng tạo ra quý thần khi có ảo giác khi tinh thần. Vương Sung muốn đi từ hiện tượng tâm lý và tinh thần để giải thích vấn đề nguyên nhân sản sinh ra mộng và quý thần gặp trong giấc mộng. Đó thật sự là quan điểm duy vật tuyệt vời.

Trong "Thiên Định quỹ, Luận hành": Ông viết: Tính lực ý niệm tồn tại trong ý tưởng, hoặc tiết ra mắt hoặc tiết ra miệng, tiết ra tai... Tiết ra mắt, mắt thấy hình. Tiết ra tai, tai nghe tiếng. Tiết ra miệng, miệng nói ra sự việc. Ban ngày nhìn thấy quỷ, ban đêm ngủ nằm mơ nghe thấy tiếng. Một mình ngủ trong phòng, hơi có chút sợ hãi, sẽ mơ thấy yêu quái vùn vào thân phận mình rồi khóc than. Gọi là "tĩnh niệm" tức là có một tư niệm về tinh thần. Sách Thuyết văn nói: "Niệm thường tư (nghĩ) dã (niệm là ý nghĩa thường xuyên trong lòng). Tượng có hai hàm nghĩa. Một là tượng tượng, hai là hy vọng. "Tồn tượng" luôn luôn hồi hộp nghĩ đến một vật gì đó.

"Tĩnh niệm" tất dẫn đến có "tồn tượng" mà "tĩnh niệm tồn tượng" nhất định phải tiết lộ ra ngoài, biểu hiện ra ở ngũ quan và ngôn ngữ. Ban ngày có thể là như nhìn thấy quỷ. Ban đêm sẽ mơ thấy điều mà ban ngày luôn nghĩ tới. Những giấc mộng do "tĩnh niệm tồn tượng" dẫn tới gần giống với "tư mộng" trong "lục mộng" ở sách Chu Lễ. Những từ những thí dụ đưa ra trong Chu Lễ ta lại thấy gần với "cụ mộng" (mộng sợ hãi) trong 6 loại trên. Thí dụ như có người ở trong phòng rộng rãi một mình, ban ngày tâm lý sợ hãi, ban đêm sẽ mơ thấy yêu quái đè lên thân mình mà khóc.

Tuân Tử đã từng nói: "Lòng nghi ngờ sinh ra ám quỷ". Ông thử và cố gắng giải thích điều nghi hoặc gặp tà quỷ. Về vấn đề này, Vương Sung cũng giải đáp. Trình độ sâu sắc của Vương Sung vượt qua Tuân Tử nhiều. Vương Sung giải thích việc sản sinh ra giấc mộng có nguyên nhân từ tâm lý và đồng thời ông cũng bóc trần bộ mặt nguy trang của các nhà đoán và chiêm mộng và ông xây dựng một hệ thống lý luận duy vật.

Vương Sung cũng thừa nhận rằng ý nghĩa của nằm mộng là rất khó giải thích. Câu này tuy nói trước đây hơn hai nghìn năm, mà cũng qua hơn hai nghìn năm rồi. các triết gia cổ, kim, đông tây cố gắng thâm dò sự thật của giấc mộng, nghiên cứu nó không ngừng. Tuy có lý luận phân tích với tính thần sáng tạo của Freud và thu được một sự tiến triển to lớn, nhưng hãy còn nhiều điều mờ mịt nan giải. Chúng ta chờ đợi nhiều nhà nghiên cứu có tính thần như Vương Sung phê phán và làm sáng tỏ mê tín đoán mộng cũng như mở ra bức màn bí mật về giấc mộng.

11

VƯƠNG PHÙ BÀN VỀ MỘNG

Vương Phù là nhà tư tưởng tiến bộ thời kỳ cuối Đông Hán. Sự tích bình sinh của ông không khảo cứu được tường tận. Ông sinh vào khoảng giữa Hoà đế và An đế đời Đông hán, mất vào khoảng giữa Hằng đế và Linh đế. Niên đại hoạt động của ông là vào trước cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân.

Lúc đó, xã hội có nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng. Triều chính mục nát, đen tối. Bọn quý tộc, địa chủ, cường hào tham ô, bạo ngược. Lại thêm tai hoạ liên miên làm cho xã hội càng lung lay, chao đảo. Người dân không sống nổi. Vương Phù nghĩ khí không bằng lòng với thời thế. Cả đời không làm quan chỉ ở ẩn và đọc sách, viết sách, bình luận thời chính. Ông viết ra bộ "Tiềm phụ luận" gồm mười cuốn và 36 tập. Đại bộ phận sách là thảo luận và chính luận về thuật trị quốc an dân và văn chương. Một số dành cho vấn đề triết học thần bí. Do đó, ta biết vũ trụ luận của Vương Phù thuộc nhị nguyên luận. Ví dụ như ông bàn về đoán mộng, bốc phệ, phù chú, xem tướng và các hoạt động mê tín khác. Tuy ông thừa nhận

thiên mệnh nhưng đồng thời ông rất coi trọng tác dụng năng động của những người tu thân và hành động cẩn thận. Vì ông có những nhận thức độc đáo về đoán mộng, quan điểm của ông về đoán mộng có một ảnh hưởng và địa vị nhất định trong lịch sử đoán mộng của Trung Quốc. Chúng tôi thuật lại dưới đây tư tưởng về vấn đề đoán mộng của ông.

1. PHÂN LOẠI CÁC GIÁC MỘNG

Trong "Tiềm phu luận mộng liệt", ông phân chia ra mười loại mộng và bảo: "Về mộng có trực, có tượng, có tinh, có tướng, có người, có cảm, có thời, có phản, có bệnh, có tính". Trực chỉ tượng mộng, tức mộng có ứng nghiệm trực tiếp. Tượng chỉ tượng mộng tức mộng có hình tượng là điềm báo. Tinh chỉ tinh mộng, tức mộng có hình tượng của thần. "Tướng" chỉ tướng mộng tức giác mộng có ghi nhớ. "Nhân" chỉ nhân mộng tức giác mộng về địa vị của người. "Cảm" tức mộng cảm ứng với khí. "Thời" chỉ thời mộng tức là giác mộng cảm ứng với thời gian. "Phản" là phản mộng. "Bệnh" chỉ mộng bệnh tức là mộng về bệnh. "Tính" chỉ mộng về tính tình.

Vương Phù lại giới thiệu về đặc trưng của 10 loại mộng. Gọi là "trực" mộng nghĩa là trước tiên có mộng đã rồi sau đó mới sai lệnh gọi là trực. Gọi "tượng" là có so sánh hình tượng. Tập trung điều tâm niệm với sự chú ý cao gọi là "tinh". Ban ngày suy nghĩ điều gì, ban đêm nghĩ đến điều đó chợt cái chợt hưng. Không tin thiện và ác gọi là "tướng". Quý, tiện, hiền, ngu, nam nữ, lớn nhỏ gọi là "nhân". Phong, vũ, hàn, thử gọi là "cảm". Ngũ hành, vương tướng gọi là "thời". Cục âm là cát, cục dương là hung gọi là "phản". Quan

sát bệnh và mộng gọi là "bệnh". Tâm tình tốt hoặc xấu, sự việc có nghiệm gọi là "tính".

Tuy Vương Phù không phải là nhà đoán mộng. Nhưng ông phát biểu về đoán đại lược rõ ràng, bao gồm cả hiện tượng nội dung mê tín đoán mộng. Ông lý giải về trực mộng: Quan sát hành và sự, chiêm nghiệm thành khẩn. Ông đưa ví dụ Chấn Đại Thúc nằm mơ thấy Thượng đế cho biết là Thượng đế mệnh cho con Đại Thúc là Ngu ban cho đất Đường. Khi đứa trẻ được sinh ra, bàn tay có chữ ngu nên được đặt tên là Ngu. Khi Thành vương diệt nhà Đường, Ngu được phong ngay. Đó là "trực mộng". Truyện này tựa hồ như ứng thuộc vào kiểu mộng trực ứng. Thượng đế nói thật rõ ràng. Sau đó phát hiện vân tay người được ứng mộng có chữ Ngu để là chứng cứ. Nhưng thực tế, loại trực mộng này cũng chỉ là một sự phụ thêm vào, a dua vào.

Khổng Dĩnh Đạt đời Đường cung cấp một chứng cứ tham khảo: Loại chữ Lệ bắt đầu có từ cuối đời Tần, hoa vân tay tất phải là chữ viết theo kiểu Lệ. Chữ Ngu theo cổ văn viết ngoằn ngoèo giống như vân tay. Cho nên chúng ta không nên tin rằng chữ Ngu lạc trong vân tay là do Thượng đế khắc cho. Ngay cả những lời thượng đế phán trong câu chuyện khó mà tin được.

Hơn nữa, Vương Phù thuật giảng về "tương mộng", "phản mộng" với một sắc thái mê tín đậm đà. Khi giảng về "cảm động", "thời mộng", "bệnh mộng" thì lại chú ý đến đặc trưng nguyên nhân về sinh lý và bệnh lý có ảnh hưởng đến giấc mộng. Khi bàn về "tính mộng", "tướng mộng", và "tình mộng" lại nói về nguyên nhân và đặc trưng tâm lý thần kinh tham dự vào giấc mộng. Khi nói đến "nhân mộng" lại nhấn mạnh sự liên hệ giữa giấc mộng với địa vị, trí

nang, tính biệt, tuổi tác của người nằm mộng. Những cách nhìn đó đều có những lý lẽ khoa học nhất định.

2. NGUYÊN NHÂN SINH LÝ, BỆNH LÝ CỦA MỘNG.

Trong 10 loại giấc mộng vừa nói tới, Vương Phù cho rằng 3 loại giấc mộng là "Cảm mộng", "Thời mộng" và "Bệnh mộng" chủ yếu là do nguyên nhân sinh lý và bệnh lý dẫn tới.

Ông đưa ra đặc điểm "cảm mộng": Mộng mưa và u ám làm cho người ta ghét mà không tỉnh táo; Mộng ứng hạn làm cho loạn ly; Mộng gió lớn làm cho người ta bay bổng. Những cái đó thuộc về "cảm mộng". Vậy, cảm mộng là giấc mộng cảm ứng với khí. Các loại mộng mưa, tối, nắng, hạn, đại hàn, đại phong... nói trong Y học và triết học Trung Quốc cổ đại ở đây thuộc vào phạm trù của "khí". Những "khí" này kích thích vào thân thể người ngủ và làm cho người ta "cảm". Khi cảm sẽ sinh hoàn cảnh hoặc hình tượng giấc mộng ghét mà không tỉnh táo, loạn ly, oán và bi, bay bổng v. v... cho nên Vương Phù giải thích: Phong, vũ, hàn, thử gọi là "cảm". Tác phẩm nổi tiếng của y học cổ đại Trung Quốc "Linh khu - đàm tà phát mộng" có bàn về "đâm tà" và "chính tà" trên thực tế là trớ về ngoại khí. Những ngoại khí đó tập kích vào con người tất có "cảm ứng".

"Cảm mộng" của Vương Phù, một mặt có ảnh hưởng của y học, một mặt có được kinh nghiệm của cuộc sống. Chịu ảnh hưởng quan niệm về "cảm mộng" của Vương Phù, hậu thế ghi lại nhiều thí dụ về cảm mộng. Đàm Thiệu đời Ngũ Đại trong "Hán thư đạo hoá" "Cuồng phong nổi lên, hồn phách bay theo mộng". Viên Văn đời Tống có ghi trong sách viết: "Ứng dũ nhân bình". Một đêm, ông

bỗng mơ thấy nửa thân thể của ông bị chập ngâm chìm trong nước. Nửa thân chôn cắm vào đất. Sau khi tỉnh mộng, nghĩ lại, thấy đêm rất lạnh, ông kéo chân từ nửa phần thân trên xuống nửa thân dưới. nửa thân trên bị lạnh. Cho nên mơ thấy bị dẫm xuống nước. Cả cái chân đè lên nửa thân dưới nên mơ thấy bị chôn vùi vào đất. Cho nên người ta thường nói "Lạnh mộng thấy nước, nóng mộng thấy lửa". Đó là do cảm ngoại khí mà ra.

Với "thời mộng" Vương Phù bảo: Xuân mộng nảy nở, hạ mộng cao và sáng, thu đông mộng chín và đầy. "Đó gọi là thời mộng". Mùa xuân là mùa muôn vạn cây cỏ phát sinh. Mùa hạ trời cao mà sáng. Thu, đông thì ngũ cốc chín, được thu hoạch và tàng trữ cất đi. Do đó, là một loại phản ánh thời tượng. Vương Phù cho rằng: "Xuân hạ mộng sinh trưởng, thu đông mộng tử thương". Đó là "thuận thời". Ông lại nói thêm: "Ngũ hành vương tướng vị chi thời". Thế là rơi vào mô thức của thuyết "Ngũ hành". Điều hợp lý của quan điểm này là ở chỗ nó chú ý đến ảnh hưởng của thời tượng với mộng tượng và sự liên hệ giữa mộng tượng với thời tượng. Nhưng nếu nhất định phải nói: Xuân mộng mộc, hạ mộng hỏa, thu mộng kim, đông mộng thủy như vậy rõ ràng là quá giản đơn hoá nguyên nhân và hình tượng của mộng vốn rất đối phức tạp. Đồng thời ở đây, Vương Phù cũng không giải (thích) "ngũ hành vương tướng" có ảnh hưởng gì cụ thể đến hình tượng giấc mộng, làm cho mọi người thấy hẫng hụt khó hiểu.

Cần khẳng định ảnh hưởng của thời tượng đối với hình tượng giấc mộng. Nhưng trong một mùa, thời gian rất dài, thiên nhiên và cuộc đời xung quanh không ngừng biến đổi. Chẳng ai có thể chỉ mơ

thấy một giấc mộng mãi, cho nên "thời mộng" đơn thuần sẽ ít thấy và những thí dụ về thời mộng cũng rất khó tìm.

Thế nào là "bệnh mộng"? Vương Phù giải thích: bệnh dương mộng thấy lạnh, bệnh âm mộng thấy nóng, nội bệnh thì mộng loạn, ngoại bệnh thì mộng phát mộng của bách bệnh hoặc tán hoặc tụ. Từ ngữ "bệnh mộng" là do Vương Phù nêu ra đầu tiên nhưng lúc này là một số cách danh tác y học như "Nội kinh" bàn về các mộng thịnh suy, hư thực của tạp khí trên thực tế cũng đều chỉ "bệnh mộng". Trong cuốn "Mộng liệt" Vương Phù nói: "Quan kỳ sở tạt, sát kỳ sở mộng" gọi là bệnh. Do đó, chúng ta có thể thấy sự khái quát "bệnh mộng" của Vương là từ nền y học cổ của Trung Quốc mà ra. Dương thịnh, dương suy, dương thực, dương hư... đều là dương bệnh. Âm thịnh, âm suy, âm thực, âm hư... đều là âm bệnh. Dương bệnh có thể mộng hàn. Âm bệnh có thể mộng nhiệt. Âm bệnh cũng có thể mộng hàn hoặc mộng nhiệt. Vương Phù cho rằng bệnh có thể dẫn đến mộng. Bệnh khác nhau sẽ dẫn đến mộng khác nhau. Quan điểm cơ bản này đáng được khẳng định.

3. NGUYÊN NHÂN TÂM LÝ TÌNH THẦN CỦA MỘNG.

Bệnh đã có nguyên nhân sinh lý và bệnh lý, đồng thời cũng có nguyên nhân về mặt tâm lý tình thần. Đối với tâm lý tình thần, cổ nhân đã luận thuật từ sớm. Thận Đáo Tăng thời Chiến quốc nói: Ban ngày mà vô sự thì ban đêm không có mộng. Nghĩa là ban ngày không có ấn tượng do các loại hoạt động sản sinh ra hoặc không cảm thụ một số hoạt động nào đó, không có hoạt động tâm lý tương ứng thì sẽ không thể sản sinh ra cảnh tình và hình tượng giấc mộng tương ứng. Ngược lại, ban ngày "có sự" tức là nhìn thấy, nghe thấy

một sự tình nào đó và có một sự cảm thụ sâu sắc. Ban đêm, những cái đó phản ánh trong giấc mộng, hoạt động tâm lý ban ngày có thể chuyển hoá thành hoạt động của mộng tượng sinh hoạt ban đêm ở một trình độ nhất định.

Tuy vậy, thể nghiệm vẫn cứ là thể nghiệm. Theo yêu cầu của khoa học vẫn phải giải thích nguyên nhân của thể nghiệm đó bằng lí luận khoa học.

Trong cuốn "Mộng liệt" vương Phù nêu rõ nguyên nhân và cơ chế tâm lý tinh thần của mộng. Khi bàn đến "tĩnh mộng", "tương mộng" và "tính mộng", ông nêu rõ ba loại mộng này không phải do yếu tố ngoại giới châm ngòi mà chủ yếu là do yếu tố tâm lý tinh thần dẫn đến.

Về "tĩnh mộng", Vương Phù giải thích: "Khổng Tử sinh ra trong thời loạn lạc. Ngày nghĩ đến đức của Chu công, đêm mơ đến điều đó. Như vậy là "tĩnh mộng". Tĩnh là "ngưng niệm chú thần" là chăm chú tinh thần và tâm niệm thường ngày. Khổng Tử sùng bái Chu công về "chế lễ, tác nhạc". Cả ngày nghĩ đến "phục lễ" để cứu thiên hạ nên luôn mơ đến, những truyền thuyết về Chu công. Cái kiểu chăm chú tinh thần vào tâm niệm trên mặt tinh thần này phải là trạng thái bệnh tật, nếu ta đối chiếu với 6 loại giấc mộng đề ra trong "Xuân quan, Chu Lễ" thì cái kiểu "chăm chú tinh thần vào điều tâm niệm" thuộc vào loại "tư mộng".

Thế nào là "tư mộng" Vương Phù chỉ rõ:

Người ta có điều nghĩ (tư) sẽ mơ thấy điều đó. Có điều ưu tư, sẽ mộng tới điều đó. Ông bảo ban ngày có điều suy nghĩ, ban đêm mơ thấy điều đó gọi là "tương". Giống như trên đã nói, điều đó ăn

khớp với câu: "Ban ngày vô sự, ban đêm không có mộng". Đương nhiên người có "sự" tất có "tư". Không sợ "sự" sẽ không có "tư". "Tương mộng" là điển hình của "tư mộng". Nhưng có "ưu" sẽ mơ điều lo lắng, nó thuộc về loại "cụ mộng" (mộng việc sợ hãi) trong "chu Lễ".

Về "tính mộng", Vương Phù cho rằng: "Tâm tính con người tốt và ác không giống nhau. Lúc là cát, lúc là hung... Đó là "tính mộng". Tâm tính tốt và ác sẽ có điều nghiệm với nó gọi là "tính". Trước Vương Phù chưa có ai nghiên cứu về "tính mộng". Mọi người chỉ đề cập đến trạng huống tâm lý người nằm mơ, nhưng không nói về nguyên nhân của giấc mộng, nói về thái độ về giấc mộng của người nằm mơ.

Không còn nghi ngờ gì nữa, "tính mộng", "Tương mộng" và "tính mộng" là do nguyên nhân tâm lý tính thần gây ra. Nhưng, cũng phải thấy "tương" và "tư", "tính" và "niệm" đều có hai lớp tính. Cho nên đối tượng cũng có hai lớp tính. Ban ngày, người ta "nghĩ", "tưởng", "niệm" đến những sự mà chính người đó đã nghe và nhìn thấy từ khi trước, cũng có thể là chưa từng nghe thấy hoặc trông thấy. Do vậy, hình tượng giấc mộng có thể là những "sự" ấy đã tái hiện lại trong giấc mơ mà cũng có thể biểu thị những sự chưa từng nghe hoặc nhìn thấy một cách huyền ảo, không thể coi nhất loạt như nhau.

4. PHÊ PHÁN SỰ ĐOÁN MỘNG CÁT, HUNG

Phân tích mộng cảnh, rồi đoán điều hung, cát là nội dung chủ yếu của đoán mộng.

Chúng tôi cho rằng khi cuốn "Hoàng đế nội kinh" ra đời, đã phân tích hình tượng giấc mộng, phân tích về mặt sinh lý nguyên nhân giấc mộng về ban đêm. Điều này cũng có một tác dụng nhất định. Nhà triết học duy vật nổi tiếng đầu đời Đông Hán là Hoàn Đàm cũng tìm về cấu tạo nguyên nhân sinh ra giấc mộng. Ông cho rằng người động não quá độ sẽ có ác mộng, còn có thể sinh bệnh nữa. Ông nêu thí dụ: "Triệu Chiêu Nghi được hán Thành đế vời đến để làm phú (thơ, phú). Nàng nghĩ đi nghĩ lại rồi cũng viết xong bài phú. Lúc này, nàng đã quá mệt mỏi bèn ngủ thiếp đi. Vừa ngủ đã mơ màng đi vào giấc mộng. Nàng mơ thấy ngũ tạng của mình rơi lả tả trên mặt đất, liên hồi hoảng cảm lấy những khúc ruột của mình nhét vào bụng. Tỉnh dậy kêu gào một lúc thì sinh bệnh ốm hơn một năm mới khỏi. Do đó có thể thấy suy nghĩ quá nhiều là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến ác mộng hay là bị ốm, chứ không phải như nhà đoán mộng bảo rằng điều trong giấc mộng dẫn đến sinh bệnh. Nhà vô thần học Vương Sung đời Đông Hán cũng cho rằng: Nếu ban ngày quá mệt nhọc, khi mỗi tỉnh dậy thì đêm ngủ sẽ phát sinh ra hiện tượng ánh sáng mắt phản ngược lại và nhìn thấy sự hoạt động của mình lúc ban ngày, rồi thành mộng. Người bị bệnh cũng phát sinh hiện tượng như vậy. Người được nhìn thấy trong giấc mơ không thể tự biết được. Đó là phản ánh của sự khi mỗi tỉnh dậy, chứ không phải là triệu chứng của cát, hung.

Vương Phù kế thừa tư tưởng của Hoàn Đàm và Vương Sung. Ông phê phán mê tín đoán mộng. Ông cực lực phản đối cái kiểu nói rằng trong giấc mơ nhận được sự gợi ý, mạch bảo của quỷ thần rồi tìm cách cầu cát trừ hung. Ông bảo: Mộng tạo ra lúc bối rối và mệt rồi mơ hồ đi vào giấc ngủ. Không thể tin vào mộng. Ban ngày, người ta làm việc có lúc còn làm không được. Huống chi, trong giấc

ngủ tỉnh thần hoảng hốt biểu hiện ra một trạng huống thì làm sao mà coi là căn cứ giúp cho hành động. Ông chủ trương không nên chú ý đến điều hung cát trong giấc mộng. Chỉ nên hành sự cẩn thận. Tự mình sẽ làm cho điều hung trở thành cát. Vương Phù đưa ra những thái độ không giống nhau về giấc mộng trong lịch sử để thuyết minh quan hệ giữa hiện thực và giấc mộng.

Ông nói: Ngày xưa, mẹ của Chu Văn vương là Thái Tụ mơ một giấc "cát" mộng lớn. Sau khi Chu Văn vương biết tin, ông không vì điềm mộng đại cát đó mà làm việc bùa bải. Ngược lại, ông chú ý làm việc cẩn thận, nghe điềm mừng như việc lo lắng, làm việc kiệt sức mình. Cuối cùng, ông xây dựng được nền tảng triều đại nhà Chu.

Ngược lại theo Tấn Ngũ trong sách Quốc ngữ, Quắc công nằm mơ thấy ông đang ở tôn miếu nhìn thấy một vị thần mặt có lông trắng, hai tay đầy móng vuốt như hổ. Khi nhìn thấy, ông sợ hãi, định bỏ chạy. Thần gọi Quắc công lại mà bảo: Người không phải chạy. Thượng đế ra lệnh cho nước Tấn tiến vào nước người. Quắc công bái thần rồi tỉnh giấc. Sau đó, Quắc công gọi Thái sử đến đoán mộng. Thái sử nói: Thần nhân trong mộng là thần ở Tây phương, chuyên quản về hình phạt. Giấc mộng này không cát. Quắc công nghe không vui, bèn cho Thái sử vào tù và lệnh cho toàn quốc ăn mừng cát mộng, tưởng có thể chuyển hoá thành phúc. Đại phu Đán Chi Kiểu thấy thế, liền bảo: "Quắc công vốn kiêu sa vô độ. Nay lại bắt quốc dân ăn mừng. Cháng đáng then lắm ru". Nếu như vậy, Vương Phù dùng thí dụ này để thuyết minh mình không có gì gọi là hung, cát. Tất cả quyết định ở mình có dùng chính đạo hành sự hay không.

5. SÁCH "TIỀM PHU LUẬN - MỘNG LIỆT"

Sách "Tiềm phu luận" của Vương Phù, nhà xuất bản Hồ Hải từng thư có lời chú thích của Ông Kế Bồi đời nhà Thanh là hoàn thiện hơn cả xưa, được coi là "dẫn chứng rõ ràng ý vị thâm thúy". Gần đây, một số học giả phát hiện ra ở đời Minh Vạn Lịch có bộ "Quy vân liệt". Chúng tôi xin giới thiệu toàn văn của chương trong tiềm phu liệt luận có tham khảo và bố cấu từ nhiều cuốn sách: Phàm gọi là mộng, có trực, tượng, tình, tưởng, nhân, cảm, thời, phân, bệnh, tính...

Ngày xưa, Vũ vương mơ thấy Thượng đế nói với mình: Mệnh cho con người là Ngu và cho nó đất Đường. Khi đứa con đẻ ra trên lòng bàn tay có chữ Ngu nên lấy Ngu làm tên. Khi Thành Vương diệt nhà Đường, Ngu bèn được phong đất này... Đó là trực mộng. Kinh Thi có câu: "Gặp gấu là điềm sinh con trai, gặp rắn là điềm sinh con gái, gặp cá được mùa, xóm làng đông vui. ..". Đó là hình tượng của mộng. Khổng Tử sinh trong thời loạn, ngày nghĩ tới công đức của Chu công, đêm mơ thấy Chu, gọi là mộng ý tình. Chuyện bây giờ là quý nhân mộng lành, tiện nhân mộng yêu quái, quân tử mộng vinh hoa, tiểu nhân mộng nhục nhã. Đó là nhân vị. Tấn Văn công trong trận đánh nhau ở Phác Thành, mơ thấy Sở Tử mai phục, muối ngập tới ngực. Đó là mộng đại ác. Nào ngờ khi lâm chiến lại thắng. Đó gọi là mộng phản cực. Mộng mưa gió âm u làm cho con người loạn ly. Mộng đại hàn làm cho người ta oán giận và bị thương. Mộng gió lớn làm cho người ta phiêu bạt. Đó là cảm mộng khí. Xuân mộng nảy nở; hạ mộng cao và sáng, thu đông mộng chín và dấy. Đó là thời mộng. Âm bệnh mộng hàn. Dương bệnh mộng

hiệt. Nội bệnh mộng loạn. Ngoại bệnh mộng phát, mộng bách bệnh, hoặc tán hoặc tụ là mộng khí. Tâm tình con người ta không giống nhau. Hoặc là cát, hoặc là hung. Gọi là mộng tính tình...

Cho nên, trước tiên phải có mộng sau mới không có sai lệch. Đó là trực mộng. So sánh hình ảnh thấy tương tự gọi là tượng mộng. Ngưng niệm chú thần gọi là tinh mộng. Ban ngày suy nghĩ, ban đêm mơ điều suy nghĩ đó, lúc lành lúc dữ gọi là mộng tướng. Nam nữ, trưởng, thiếu là nhân, Phong, vũ, hàn, thử thuộc về "cảm". Ngũ hành vương tướng là "thời". Âm cực là cát, dương cực là hung. Gọi là phản mộng. Xem tât xét mộng, gọi là bệnh. Tâm tình lành ác, nghiệm với việc, gọi là tính. Phàm tât cả có 10 loại này đại lược của đoán mộng vậy.

Còn quyết định điều cát, hung phần lớn không kể đến loại của mộng. Nguyên nhân vì sao? Có phải vì người thức là dương, người ngủ là âm vì âm dương tương phản ư? Nếu như nằm mộng gặp điều cát mà trong lòng mình có ý vui vẻ phát ra tâm tình vui vẻ thì đó là điều cát thực sự. Nếu gặp điều hung, có ý sợ hãi và lo lắng, sẽ có tâm tình ưu thương bí đất. Do đó gọi là xuân hạ mộng sinh trưởng, thu đông mộng bị thương.

Đại thể quan sát giấc mộng: Trong sạch, tươi mới, cứng cáp mạnh mẽ, cây cối tươi xanh, cung thất gọn gàng, đàng hoàng, khai thông, quang minh, ấm áp, có hướng đi lên... đều là cát hỷ, mưu sự tât thành. Bẩn thỉu, mục nát, khô khan cằn cỗi, nghiêng về tà khí, ngọt nhạt không yên, bế tắc, u muội, tan tác, xuống dốc... đều thuộc về ác mộng, làm việc không thành. Ngày thơ, múa điên dại... là hình tượng trẻ con chơi các trò... thuộc về hiện tượng buồn cười, vui... Đại loại là như vậy.

Có nhiều giấc mộng rất rõ rệt nhưng không đoán được, có giấc mộng rất tinh vi mà lại rất ứng nghiệm. sao vậy? Là vì người nằm mộng không hiểu nên không nói ra cho người đoán.

Người trải qua nhiều việc, bắt tay vào mà làm có khi còn không thuận hướng hồ giấc mộng tạo trong khi hoảng hốt. Duy có thần linh gợi ý mới đoán được.

Người được đoán mộng cũng phải quan sát biến cố của giấc mộng, thẩm tra triệu chứng, khảo xét tình ý, khảo vương tướng để so sánh điều thiện ác.

Phàm người mong mỗi điều tốt, tu đức sẽ thành công, có phúc. Thấy điều tốt mà bỏ qua thì phúc chuyển sang họa. Người gặp điều yêu quái mà biết đề phòng có thể chuyển họa thành phúc. Như chuyện Thái Ti có cát mộng mà Văn Vương không báo với quần thần làm lễ bái cát mộng. Ngài tu tĩnh, đề phòng, coi hỷ sự như ưu sự. Nên đã làm thành chữ "cát" cho thiên hạ. Còn Quác công thấy mình có được cát mộng theo ý của mình, bỏ tù sự quan, bắt toàn dân ăn mừng, coi ưu sự như hỷ sự. Cho nên giấc mộng trở nên hung và bị tiêu vong cơ nghiệp.

12

CHÂU TUYỀN ĐOÁN MƯỜI TRÚNG CHÍN

Châu Tuyền là nhà đoán mộng thế tục nổi tiếng thời kỳ Tào Ngụy đời Tam Quốc, Tiếng tăm ông lừng lẫy trong xã hội đương thời. Sách "Tam quốc chí - Ngụy thư" ghi lại: Suốt đời, Châu Tuyền là chiêm bặc chuyên nghiệp. Ông rất nhanh nhẹn và khéo biện bạch. Ông có thể đoán mười trúng chín cho mọi người. Khi ông đoán mộng, không chỉ có lớp bình dân phổ thông rất sùng kính mà cả những lớp người thuộc vương công quý thích cũng rất tin tưởng vào thuật đoán mộng của ông.

Châu Tuyền tự là Khổng Hoà, người nước Ngụy ở Lạc An (nay thuộc Sơn Đông) khi ông làm quan Đô Sử, thái thú Dương Bái nằm mơ thấy có người bảo ông: "Bát nguyệt nhất nhật Tào công đương chí, dĩ dĩ quân trượng, ám dĩ tửu được" (Mồng 1 tháng 8 Tào công sẽ đến, tất sẽ cùng ngài uống rượu thuốc). Ông phái người đến tìm Châu Tuyền đoán cho giấc mộng này. Lúc này là lúc có giấc

Hoàng Cân khởi nghĩa. Châu Tuyền đoán rằng: "Phu trưởng khởi nhược giả, được trị nhân bệnh, bát nguyệt nhất nhật, tặc tất trừ diệt" (giúp đỡ kẻ yếu cũng như lấy thuốc trị cho người bệnh, mồng 1 tháng 8 giặc sẽ diệt được). Đến ngày mồng một tháng tám, quân Hoàng Cân bị Tào Tháo đánh tan". Rất nghiêm!

Ngụy Văn đế Tào Phi nghe mong manh tên Châu Tuyền, chưa lấy làm tin, bèn tự mình thử xem sao. Một hôm Tào Phi hỏi châu Tuyền: "Ngô mộng điện thất lưỡng ngoạ đoạ địa, hoá vi song uyên ương" (Ta mộng thấy ở trong điện có hai viên ngói rơi xuống đất biến thành đôi chim uyên ương). Thế là thế nào? Châu Tuyền đáp: "Hậu cung đương hữu bạo tử giả" (Ở hậu cung sẽ có người bạo tử). Phương pháp đoán, giải thích chúa ông là phương pháp dùng tượng trưng. Song uyên ương (hai con uyên ương) là biểu trưng cho nam nữ thanh niên. Còn lưỡng ngoạ đoạ địa (hai viên ngói rơi xuống đất) là tượng trưng cho tử vong. Vậy thì, "điện thất" tự nhiên là tượng trưng của hoàng cung. Nhưng Văn đế lại bảo là giấc mộng giả mà ông tự đặt ra. Châu Tuyền đáp: Mộng là ý tưởng của người, nếu nói cái cách nghĩ đó ra, sẽ lộ rõ điểm của hung và cát". Câu chuyện nói chưa xong, đã có người đến bẩm báo trong cung có người tự sát. Quẻ bói của Châu Tuyền ứng nghiệm chỉ là ngẫu nhiên. Ông gộp ảo giác của người nằm mơ với ý tưởng của người trong trạng thái tỉnh lại làm một mà đoán là sai.

Tiếp theo sau, Tào Phi lại hỏi Châu Tuyền: "Ngã tác dạ mộng thanh khí tự địa thuộc thiên" (đêm qua ta nằm mơ thấy khí xanh từ đất bốc lên trời). Nghĩa lý ra sao? Châu Tuyền nói: "Thiên hạ đương hữu quý tử oan tử" (Thiên hạ sẽ có người quý tử chết oan). Cũng là dùng phương pháp tượng trưng. Cõi từ ngữ "thanh khí"

(khúc xanh) như tượng trưng cho "quý nữ tử" (quý nữ). Còn "từ địa thuộc thiên" (từ đất bốc lên trời) là hình tượng tử vong. Lần bói trước. Châu Tuyền Khổng chế không gian nơi "hậu cung", thời gian hạn chế. Lần bói này, Châu Tuyền mở rộng không gian ra cả thiên hạ, thời gian không hạn chế, cho nên bói đoán mộng như Châu Tuyền đương nhiên là chiêm 10 trúng chín.

Cuối cùng, lại hỏi Châu Tuyền: "Ta mài nét khắc trên đồng tiền để nó mòn đi nhưng nó lại càng sáng lên. Thế là thế nào?" Châu Tuyền không nói gì. Tào Phi lại hỏi: Châu Tuyền mới nói: "Từ khi bệ hạ thu xếp việc trong nhà, tuy bệ hạ có mong muốn, nhưng Thái hậu không nghe, tức là nét khắc trên mặt đồng tiền không bị diệt mà càng sáng lên". Ở quê bói này vừa dùng phương pháp phân tích tâm lý lại vừa dùng thuật bổ trợ thêm vào. Vì lúc Châu Tuyền chiêm bốc cho Tào Phi là lúc Tào Phi đã lên ngôi hoàng đế, ông tìm cách bức hại người em là Tào Thực, giết một lúc hai người ủng hộ Tào Thực là Đinh nghị và Đinh Dị. Sau đó lại đưa Tào Thực về đất được phong của Tào Thực để giam chân. Coi như đưa đến tử địa. Nhưng việc bức hại Tào Thực của Phi vấp phải sự ngăn trở của Thái hậu, Tào Thực chỉ bị hạ tước. Những chuyện đó, đến người ngoài cũng biết. Đương nhiên là Châu Tuyền rõ.

Căn cứ vào trạng thái tâm lý của Tào Phi lúc đó, Châu Tuyền liên hệ những việc làm của Tào Phi với việc mài đồng tiền, cho rằng đó là việc trong nhà của Hoàng đế. Đó là một quá trình thuận, đưa từ hình tượng giấc mộng đến nhân sự rồi lại từ những việc nhỏ trong nhà của Hoàng đế mà phân tích cận kề giấc mộng mài đồng tiền. Phương pháp như sau: Lấy hoa văn đồng tiền là vật tượng trưng cho Tào Thực. Lấy câu: "Ta mài hoa văn đồng tiền" là dục

vọng của Tào phi. Câu "càng sáng ra" biểu thị dục vọng của Tào Phi không đạt được vì có sự ngăn trở của Thái hậu.. Ngược lại, Tào Thực được nhân dân phổ biến đồng tình. Châu Tuyên lại bảo Tào Phi: Tuy có ý muốn như vậy, nhưng Thái hậu không nghe. Như vậy là nắm vững tâm lý của Tào Phi, lại phù hợp với thực tế. Do đó, Tào Phi rất tin phục Châu Tuyên và phong cho Châu Tuyên làm Trung lang lệ thuộc vào quản hạt của Thái sử.

Một thí dụ nổi tiếng của Châu Tuyên là ba lần bói cho Thái sử. Hối "Đêm qua tôi mơ thấy con chó tết bằng cỏ" Châu trả lời: "Ông sẽ được ăn một bữa ngon". Không lâu, ông ta đi chơi, được dịp ăn một bữa thịnh soạn. Ông lại hỏi Châu: "Tôi lại mơ nhìn thấy con chó tết bằng cỏ. Đó là điềm gì? Châu bảo: "Ông sẽ bị ngã từ trên xe xuống, bị gãy chân. Ông phải cẩn thận". Quả nhiên, không lâu, người hầu bị ngã khỏi xe và gãy chân. Về sau, ông lại đến với Châu Tuyên để hỏi giấc mộng mới. Ông ta hỏi: "Tôi lại mơ thấy con chó tết bằng cỏ. Lần này thế nào? "Châu bảo: "Nhà ông sẽ bị cháy, hãy cẩn thận"! Kết quả là nhà ông bị cháy thật. Ông ngạc nhiên vô cùng và nói: "Trước sau, cả ba giấc mộng đều không phải tôi thấy trong mơ, đó là tôi nói để thử ông mà thôi. Nhưng sao linh nghiệm thế". Châu Tuyên bảo ông: "Đó là thần linh xui ông nói. Chẳng khác gì giấc mộng thật sự của ông". Ông kia lại hỏi: "Ba lần đều mơ thấy con chó tết bằng cỏ. Sao ông lại đoán ba lần khác nhau? "Châu Tuyên bảo: "Con chó tết bằng cỏ để tế thần. Lần đầu, tôi tự đoán ông có thể sẽ được dùng một bữa ra trò. Sau khi đã tế thần xong, con chó tết bằng cỏ sẽ bị vứt đi, bị bánh xe đè lên, cho nên tôi bảo ông sẽ bị gãy chân. Chó cỏ, sau khi bị bánh xe đè sẽ bị đem đốt. Lần thứ ba tôi dự đoán là có đám cháy lớn".

Trên đây là việc phân tích giấc mộng theo kiểu Châu Tuyền. Hình tượng của ba giấc mộng như nhau nhưng ý nghĩ tượng trưng của chúng không giống nhau. Giấc mộng đầu tiên tượng trưng là thức ăn. Giấc thứ hai có tượng trưng là xe cộ. Thứ ba là bốc lửa. Ba lần đoán mộng thấy con chó bện bằng cỏ là kiểu đoán mộng kết hợp giải thích mộng. Đó là suy luận lý lẽ từ sự việc. Xưa nay chưa hề có phương pháp đoán mộng như thế này. Do vậy, chúng ta đã thấy Châu Tuyền căn cứ vào trạng thái tâm lý của Thái sử và những điều kiện mà ông biết được mà áp dụng phương pháp phân tích quá trình nghịch mà đoán.

Lúc đương thời, Châu Tuyền có tuyển một bộ sách lấy tên là "Mộng thư", lưu truyền đến tận đời Minh rồi bị thất truyền. Gần đây, người ta phát hiện trong bộ Đôn Hoàng di thư có một tập gọi là "Mộng thư". Không biết rõ đó có phải là "Mộng thư" của Châu Tuyền không. Chúng ta còn đợi kết quả nghiên cứu. Từ những thí dụ đoán mộng thời cổ đại mà xét cách đoán của Châu Tuyền không cứng nhắc theo các chương cú của "Mộng thư" mà phân tích theo nhiều bối cảnh xã hội và trạng thái tâm lý của mọi người.

13

TRƯƠNG TRUNG ĐỘI MŨ SẮT: CHIÊM NGHIỆM TẤT ĐÚNG

Thời cuối Nguyên đầu Minh có một người kỳ tài, cứ đoán mộng là đúng. Người đó tên là Trương Trung. Do ông ta luôn luôn đội mũ sắt nên gọi là Trương Trung đội mũ sắt. Lúc bình thường, ông ít nói cười, không thiết ăn mặc, ông ta ở ẩn tại Mạc Phủ sơn. Ông thông hiểu sâu sắc về đoán mộng và thuật chiêm bốc. Khi ông đàm đạo về pháp tị binh với mọi người, ai cũng thấy lời của ông nói ra là đúng.

Khi Trần Hữu Lượng bao vây Nam Xương, đánh nhau với Chu Nguyên Chương và bị đánh đuổi đi, tham chính Đặng Dũ tiến cử Trương Trung cho Chu Nguyên Chương, khi Trương Trung đến với Chu Nguyên Chương, Chu hỏi Trương.

- Ta bình định Nam Xương, binh không muốn nhuộm máu... Như vậy, nhân dân có được yên định, nhưng mảnh đất này sáng, chiều đang đổ máu, nhà cửa đã bị thiêu huỷ. Thiết trụ quan chỉ còn lại một cái điện mà thôi!" Quả nhiên một thời gian ngắn, người chỉ huy tên là Khang Thái mưu phản, đúng như lời Trương Trung đã nói.

Có một năm, Chu Nguyên Chương tế bách thần ở dưới núi Phúc Châu. Chu mời Trương Trung đến liền bảo: "Hai con ngựa trời, trọng có hai dáng nửa như bái lạy lại nửa như đang múa". Tế xong, Chu Nguyên Chương chuẩn bị hồi triều, con ngựa bỗng đứng lên với dáng múa, lát sau lại cúi đầu xuống ở tư thế bái vọng. Lại có người đến biểu một con ngựa nổi tiếng. Quả là phù hợp với câu "hai dáng".

Trương Trung lại nói: "Đình thự Tĩnh kinh động trong thành sẽ có chuyện không yên". Lát sau, lầu Trung Cẩn bị phát hoả. Đình thự của Tĩnh ở gần đó, bên trong, bên ngoài náo động lo lắng. Mọi người rất lo sợ.

Khi Trần Hữu Lượng bao vây Nam Xương lần thứ hai, Chu Nguyên Chương bỗng mơ thấy một giấc mộng không bình thường. Trong mộng có người khuyên Chu rằng: "Phải đánh mạnh vào nơi hiểm yếu". Đêm hôm đó, hoa đèn được đổi lên, như là một cái nụ hoa. Trông thật đáng yêu. Trương mũ sắt ngồi bên cạnh, liền cất luôn hoa đèn. Mọi người xung quanh đều thốt lên: "Điểm may, thật đáng tiếc". Trương Trung bảo: "Tôi đoán một giấc mộng cho Thái tổ. Giang Tây sắp có sự, phải viện trợ ngay cho Giang Tây". Ba ngày hôm sau, điệp báo đến báo tin khẩn cấp của Giang Tây. Chu Nguyên Chương tự soát lĩnh quân lính xuất phát. Chu lại hỏi ý kiến Trương Trung đáp: "Lần hành quân này xin chớ chậm trễ. Trong 50 ngày, sẽ thu được thắng lợi lớn". Quả nhiên đúng như thời hạn dự báo, quân đội của Chu đã bắt được thủ lĩnh của đối phương.

Bọn Thường Ngô Xuân đánh nhau với Trần Hữu Lượng, dẫn quân thâm nhập vào bên trong, bị Trần Hữu Lượng bao vây mấy

vòng. Mọi người cho rằng không thể phá các vòng vây mà ra được. Họ nhờ Trương Trung bói cho một quẻ.

Trương Trung bảo "không lo, tự ra được thôi". Quả nhiên Thường Ngô Xuân đột phá các vòng vây mà ra.

Nhìn qua những thí dụ kể trên, hầu như Trương Trung là một nhà đoán mộng, nhà chiêm bốc thần kỳ. Kỳ thực đó không phải là thần bí, chỉ là kết quả suy ra từ thực tế.

Trương Trung vốn là một nho sỹ, đi thi trượt. Ông có một số thi thức và năng lực phân tích nhất định. Đồng thời ông được một dị nhân cho cuốn sách "Hoàng cấp kinh thế thư". Sách này do Chiêu Ứng đời Tống soạn, thuật lại lịch sử trị loạn và hưng vong từ đời Đường, Nghiêu đến hậu Chu. Chiêu Ứng nghiên cứu tượng số Thái cực biểu hiện trong sách, coi cái "tâm" là thái cực. Từ cái "tâm" mà suy ra vạn vật, xem xét mô thức hình thành vũ trụ, dùng "quẻ", "tượng" mà suy đoán mệnh vận trị loạn, thịnh suy từ xưa đến nay. Ông cũng đề cập đến những vấn đề hoang đường để rơi vào vũng bùn duy tâm chủ nghĩa. Nhưng ông cũng tổng kết quy luật hưng, vong của lịch sử một cách khách quan dùng để quan sát, phân tích sự vật, dự đoán tính tất nhiên. Ví dụ như chuyện Khang Thái mưu phản chẳng hạn. Khang Thái vốn là viên tướng của Trần Hữu Lượng. Sau khi Khang quy phục Trần có rắp tâm. Trương Trung quan sát tất cả những cái đó mới có được kết quả để hể đoán là đúng. Ngoài ra những việc về đoán mộng của Trương Trung được người đời sau ghi lại có khả năng là dựa vào những điều bổ sung về sự kiện lập Minh triều của Chu Nguyên Chương, cho nên chúng ta không thể dễ dàng mà tìm được truyền thuyết đoán đầu trúng đấy lưu truyền trong lịch sử của Trương Trung.

14

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐOÁN MỘNG VỚI VIỆC XÂY DỰNG HOÀNG ĐẾ VÀ HOÀNG TỘC NHÀ THANH

Trong hoàng thất nhà Thanh lưu hành rộng rãi thuật đoán mộng và chiêm bói. Điều đó ảnh hưởng rất lớn đến chính trị triều Thanh.

Như mọi người đều biết, những năm cuối đời Khang Hy đã phát sinh ra nhiều rắc rối. Các thái tử cứ thay nhau mà được lập hoặc bị phế. Đã lập rồi lại phế. Những tình huống này có liên quan đến chiêm thuật đoán mộng của Khang Hy.

Khang Hy có cả thảy 35 người con. Con cả là Doãn Thị do thứ phi sinh ra, không được kế vị. Con thứ hai là Doãn Nãi do hoàng hậu Hiếu Thành Nhân sinh, ra đời không bao lâu thì mẹ chết nên Khang Hy đặc biệt yêu thương. Doãn Nãi chưa đầy hai tuổi đã được phong là thái tử. Có 35 con thật, nhưng con thì chết yểu, con

thì còn quá nhỏ, những năm cuối cùng ở bên cạnh của Khang Hy chỉ có chưa nổi một nửa số con.

Mà nửa số đó, một phần đứng đưng, một phần an phận thủ thường. Trong số đó chỉ có 3 người là nhòm ngó ngôi báu. Đó là con thứ tư, Doãn Châu Ung Chính, con thứ tám là Doãn Dị và con 14 là Doãn Đề. Những người con còn lại chỉ là một số ăn chơi nhàn hạ. Có Doãn Chỉ là ủng hộ thái tử Ung Chính tự lập thành một phái, hoạt động kín đáo. Nào ngờ thành công cuối cùng lại thuộc về Ung Chính. Thế rồi, những người khác cầu kết lại với nhau, thông đồng với nhau.

Vì sao thái tử đã được lập từ sớm mà các người con của Khang Hy vẫn còn ngấp nghé ngôi báu? Đó là việc có liên quan đến sự không sắc sảo của Hoàng thái tử.

Trong việc lập thái tử, Khang Hy muốn thái tử phải là một con rồng. Phải giáo dục bồi dưỡng cho thái tử không tiếc sức lực, do đó khi thái tử đã lớn trở nên người tinh thông hai ngữ Hán và Mãn, cưỡi ngựa và bắn giỏi để làm người thừa kế hoàng đế. Thái tử đã được đủ mọi điều kiện mà hành vi vẫn không khiêm tốn, muốn là gì thì làm. Điều này làm Khang Hy không thể chịu đựng được. Ngày 4 tháng 9 năm Khang Hy 47, thái tử bị phế và bị bắt giam.

Thế là lại có một loạt những huyền thoại về việc tranh ngôi thái tử kế vị lại được bắt đầu.

Sau khi đã phế vị thái tử mà phải mất bao nhiêu công sức bồi dưỡng mới có được ấy, Khang Hy càng tức bực, 6 đêm liền không ngủ được, ác mộng chợt đến. Ngày thứ bảy, Khang Hy nói với các đại thần trong triều: "Gần đây, cử chỉ của Doãn Nãi có điều không

bình thường. Ban ngày ngủ, ban đêm ăn uống. Rượu uống 10 bát không thấy say. Mỗi lần tế thần thì sợ hãi, không thành lễ. Khi gặp mưa, chớp, sấm thì sợ hãi, luống cuống. Ăn nói điên loạn. Tất cả là do hồn quỷ ám ảnh”.

Vì hồn quỷ làm loạn nên đánh mất bản tính. Đó là Khang Hy tìm lý do để phế bỏ y mà thôi. Kỳ thực cử chỉ của thái tử cũng không đến nỗi nào. Con người đã được lên hoàng vị ấy không có nhiều thực tế về việc triều chính. Ban ngày vui vẻ, nằm trên cao như con rồng, ban đêm thì ăn uống. Cái đó không có gì đặc biệt. Khi tế lễ thần ông ta không hoàn thành khâu lễ tiết ư? Có thể là Khang Hy nhìn quá khe khắt. Càng khắt trương thì càng có sai sót. Ngôn ngữ lung tung cũng là do quá khắt trương mà ra. Còn sợ hãi những lúc có bão, sấm, chớp v. v... là sự thường tình. Những việc đó Khang Hy coi như là sự điên cuồng do ma quỷ tạo nên. Việc sùng bái, tin vào hồn quỷ lại gây ra nhiều chuyện lạ về đoán mộng. Ngày 15 tháng 10, người con thứ ba là Doãn Chỉ nói với Khang Hy là thái tử trúng thuật trấn yêu của tăng Lạt-ma nên phát điên. Cái vị tăng người Phiên này tên là Pa-han-cơ-lung, ông có tật từ thừa nhỏ và có thuật phù chú.

Khang Hy không thể bỏ qua điều đó để việc phế bỏ Doãn Nãi được nhẹ nhàng. Ông liền bắt vị tăng người Phiên về. Pa-han-cơ-lung công nhận không giấu điều gì, khai rằng Doãn Thị là con cả muốn phù chú để phế thái tử, đã ra lệnh cho chúng tôi dùng thuật trấn yêu. Sau đó, lục soát phòng của Doãn Thị, quả nhiên đào được hơn 10 vật trấn yêu. Doãn Thị do đó vị cách tước và tống giam ngục tối.

Án tranh đoạt ngôi thái tử kế nghiệp gần như đã rõ chân tướng. Ngày 8 tháng 11, Khang Hy công bố đầu đuôi sự việc. Trong

đó có một đoạn hoang đường vô căn cứ như sau: "Theo lời báo cáo của các quan hầu Thái tử, ngày 7 tháng 10 ta đã điều tra ra các vật trấn yêu, Doãn Nãi bỗng như điên dại và muốn tự tử. Lát sau mới tỉnh táo và nói với người khác "Tôi vừa mới có một ác mộng". Sau đó, hai lần Khang Hy cho gọi Doãn Nãi đến hỏi xem Doãn gặp giấc mơ như thế nào. Doãn Nãi trả lời là đã quên rồi, không nhớ được gì nữa. Khang Hy khuyên Doãn Nãi an tâm trị bệnh và bỏ các tật cũ.

Khang Hy tưởng thái tử đã bị phế trúng phải tà thuật thật. Thực ra, Doãn Nãi tính tình bao ngược, quái đản, không điên chút nào, không có liên quan gì đến yêu thuật của vị tăng người Phiên, Doãn thông mưu với một số người, bịa đặt ra một số câu chuyện về mộng, tự đóng giả là người điên dại để Khang Hy tin rằng mình trúng tà thuật mà sớm được thả ra rồi trở về địa vị cũ.

Khang Hy như người nằm trong trống, cũng muốn khôi phục lại địa vị Hoàng thái tử cho Doãn Nãi. Nhưng Hoàng thái tử là cái gốc của quốc gia, không thể tùy tiện được.

Sau trận bão táp này, còn phải có một thời gian để mọi người không có ý kiến và không cho là khinh suất. Ngày 15 tháng 11, Khang Hy kể cho các đại thần một câu chuyện về giấc mộng của mình làm chỗ tựa để phục hồi ngôi vị của thái tử: Sau khi Thái Hoàng Thái hậu lên trời. Người thường thác mộng rất linh nghiệm để báo cho ta về những điều trong tương lai. Gần đây, vì sự việc của Hoàng thái tử, ta mộng thấy sắc mặt của Hoàng thái hậu tỏ ra rất không vui. Về việc Hoàng thái tử bị oan khuất, Hoàng thái hậu cũng thác mộng cho ta biết cái ngày bắt thái tử là một ngày có sắc trời u ám. Trước hôm vào kinh, gió thổi ào ào trước kiệu giá. Hoàng thái hậu cho biết trước đây Hoàng thái tử bị yêu ma ám ảnh nên mất

đi bản tính. Nay đã khỏi. Người đoán mộng cũng phụ họa vào lời nói của Hoàng thái hậu rằng bệnh của Doãn Nãi sắp hồi, có thể khôi phục lại được bản tính lương thiện của mình. Nhưng Khang Hy không nói ngay là phục hồi địa vị cho Hoàng thái tử mà chỉ báo để các vị đại thần biết trước.

Ngày hôm sau, Khang Hy vội vã thả Doãn Nãi ra và nói với Doãn Nãi đòi điều tốt lành, đổ hết trách nhiệm sai trái cho Doãn Thị. Từ đó về sau Doãn Thị bị giam tại nhà cho đến năm Ung Chính thứ 12 thì bị bệnh mà qua đời.

Tháng giêng năm Khang Hy 48, Doãn Nãi được phục vị làm Hoàng thái tử. Từ khi bị phế đến lúc này mới hơn 4 tháng, khó tránh khỏi trò cười cho thiên hạ. Nhưng theo cách nhìn của Khang Hy thì phế hay lập đều có căn cứ. Thế thì căn cứ ở đây, là giấc mộng gặp Thái Hoàng Thái hậu và do việc đề xuất của người đoán mộng mới có kết luận.

Dù đoán mộng thế nào, dù giải thích giấc mộng ra sao, tóm lại vẫn là phải phục vụ cho nền thống trị phong kiến.

15

TÁC DỤNG XÃ HỘI TIÊU CỰC CỦA ĐOÁN MỘNG QUA CÁC VÍ DỤ VỀ MỘNG

Hoạt động đoán mộng trong xã hội cổ đại chiếm một vị trí quan trọng và có một ý nghĩa độc đáo đặc biệt. Vì những bối cảnh mộng mị thật ly kỳ cổ quái, huyền diệu không lường, khiến người ta có nhiều sự giải thích không giống nhau. Những cách giải thích này ẩn tàng những tư tưởng, cảm tình, nhu cầu, lòng tin và thế giới quan khác nhau của những nhà đoán mộng. Giai cấp thống trị thường đưa ý muốn của họ vào mộng để chúng được bộc lộ ra qua những sự giải thích vòng vo, quanh co. Đương nhiên cũng có tình hình là bọn thống trị cũng chịu ảnh hưởng của mộng và tin vào thuật đoán mộng của các nhà đoán mộng. Nói cho cùng sự đoán và

giải thích của người đoán mộng có làm cho phù hợp và phụ họa vào nhu cầu và ý muốn của giai cấp thống trị.

Trong những văn bản cổ đại Trung Quốc có ghi lại những chuyện kỳ quái về mộng và đoán mộng với bao nhiêu hình hình sắc sắc. Chúng tôi chọn kể vài chuyện dưới đây:

1. TUYÊN TRUYỀN TƯ TƯỞNG "THỤ MỆNH TRỜI" VÀ "THÔNG GIAO VỚI THẦN LINH" CỦA KẺ THỐNG TRỊ

Trong tín ngưỡng tôn giáo cổ xưa của Trung Quốc, trời là Thượng đế. Sách "Xuân thu phồn lộ - Thiên Hiệu tể" viết: "Trời là đại quân (vua) của trăm thần". Còn đế vương trong trần gian lại là con của Thượng đế, là "Thiên tử". Trong lịch sử Trung Quốc, một số kẻ thống trị, để có thể thống trị nhân dân có hiệu quả, đã tạo ra nhiều quân vương và Thượng đế, tạo ra giấc mộng thông với thần linh để chứng minh mình là con của trời, thụ mệnh trời, các giấc mộng cũng thuộc loại này, để thống trị được nhân dân có hiệu quả. Sau đây là vài thí dụ:

Triệu mộng về con hồ trắng chín đuôi

Đến tuổi 30, Hạ Vũ vẫn chưa lấy vợ. Sợ muộn sẽ vi phạm lễ chế, bèn cầu khẩn rằng: "Nếu ta lấy vợ thì sẽ có mộng triệu gì xảy ra?" Không lâu sau, Vũ nằm mộng thấy con hồ ly trắng 9 đuôi đi đến trước mặt mình. Vũ tự nghĩ: "Màu trắng là màu áo của ta. Chín cái đuôi tượng trưng của vương giả". Giấc mộng này dự báo Vũ sẽ lên ngôi vua.

Mộng lan

Thời Xuân thu, người thiếp của Trịnh Văn công tên là Yên Cát nằm mơ thấy thiên sứ ban cho cành hoa lan rồi có mang, sinh con là Trịnh Mục công.

Giống rồng Lưu Bang

Thân mẫu của Lưu Bang nghỉ ở bờ một hồ lớn, nằm mơ thấy gặp thần vào lúc sấm chớp đầy trời. Bà thấy con long xà đẻ lên bụng mình. Sau đó bà có mang và sinh ra Lưu Bang.

Mơ có điềm báo đế vương

Năm lên 13 tuổi Tiêu Đạo Thành mơ thấy có người chỉ chỗ Tiêu đang đứng mà bảo: "Đất của Chu Văn vương". Có người khoác bộ áo lông công bay lơ lửng trên không. Phụng hoàng từ trên trời bay xuống đậu trước mặt. Hai cánh của phụng hoàng xoè ra hơn 10 trượng... Đó là điềm báo làm đế vương. Quả nhiên, khi Tiêu Đạo 42 tuổi là lúc nhà Tề thay nhà Tống và Tiêu trở thành Tề Cao đế.

Mộng cuội thanh long

Khi Tiêu Đạo Thành 70 tuổi mơ thấy mình cuội thanh long bay về phía tây, đuổi theo mặt trời cho đến khi mặt trời lặn xuống núi. Sau khi tỉnh dậy, Tiêu thấy không yên lòng và sợ hãi, bèn cho người đi mời nhà đoán mộng tới. Nhà đoán mộng nói: "Đó là hình tượng cao quý". Người khác cũng nói vào: "Thanh là màu gốc, chiều tối là những ngày cuối của nhà Tống".

Mộng làm con thượng đế

Theo "Nam Tề thư" Thời Nam Tề, Thôi Linh Vận nhậm chức Thượng phủ tham quân. Thôi nằm mơ thấy Thượng đế bảo với mình

rằng: "Tiêu Đạo Thành là con thứ 19 của ta. Năm ngoái ta đã thụ cho con địa vị thiên tử". Tính từ Tam hoàng, Cửu đế đến Tiêu Đạo Thành, Tiêu là vị khai quốc thứ 19.

Các mộng trên đều do các văn nhân viết ra và trong chính sử cũng có những giấc mộng tương tự, chủ yếu chứng minh họa cho quan điểm "quyền làm vua do thần ban cho". Động cơ tạo ra các giấc mộng này rất rõ ràng.

2. ỨNG HỢP VỚI CHÍNH TRỊ

Trong sinh hoạt chính trị của nhiều thời đại ở Trung Quốc, đoán mộng có một ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Có một số nhà đoán mộng hoàn toàn làm việc do nhu cầu của các cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự, hoặc giả bảo vệ và củng cố tâm lý và sinh lý của các vị quân vương. Những ví dụ và các cuộc đoán mộng này có động cơ chính trị rất rõ rệt giúp đỡ, bảo vệ địa vị thống trị của họ.

Thuật suy mộng của Tử Phạm

Theo sách Tả truyện thời Xuân Thu, Tấn Văn công mộng thấy Sở Thành vương nằm phục bên người mình, hút lấy tủy. Ông rất sợ hãi, Tử Phạm nói: "Đó là biểu hiện của điềm "cát", mặt Sở Thành vương nhìn xuống dưới tức là xin chúng ta tha tội. Hơn nữa, tủy mềm mại có thể khắc chế được sự cứng rắn của răng".

Án Anh khéo giải mộng cho Tề Cảnh công

Sách "Án Tử Xuân thu" ghi: Thời Xuân thu, Tề Cảnh công lâm bệnh hơn 10 ngày. Đêm mơ thấy mình đánh nhau với hai mặt trời. Kết quả, mặt trời thắng. Quan đại thần là Án Anh vào triều kiến Cảnh công. Tề Cảnh công bảo: "Quả nhân mơ thấy mình

đánh nhau với hai mặt trời. Thấy không thể thắng được; trảm lệnh cho ngừng chiến", Án Anh cho gọi một người đoán mộng đến đoán cho Cảnh công. Nhà đoán mộng đáp: "Giấc mơ này tôi không đủ sức bói, xin cho tra sách "Chiêm mộng kinh". Án Anh bảo không cần phải tra sách. Bệnh của Cảnh công không phải là bệnh nặng. Ông cứ giải thích cho Cảnh công rằng: "Tất bệnh thuộc âm, thái dương là mặt trời, là dương. Hai dương đấu với một âm. Bên âm thua là không nghĩ ngờ gì. Âm bại thì bệnh bại. Bệnh bại thì thân thể khỏi". Người đoán mộng cứ theo thế mà giải thích cho Cảnh công. Cảnh công vui lắm. Ba ngày sau khỏi hẳn bệnh. Án Anh làm như vậy để phân phản đối cách "cầu phúc trừ họa" của Cách công, để ông quan tâm đến việc dân, chú ý cải cách chính trị.

Ba con ngựa cùng tàu.

Theo "Tấn thư" thời Tam Quốc, Tào Tháo mơ thấy 3 con ngựa cùng ăn trong một tàu. Sau này Tư Mã ý. Tư Mã Sư, Tư Mã Chiêu liên tiếp làm tế tướng nước Ngụy, đánh đổ Tào Ngụy mà dựng nên nhà Tây Tấn.

Giấc mộng chột cánh.

Theo "Tấn thư", Đào Khản đời Tấn mơ thấy thân mình mọc ra thêm 8 cái cánh rồi bay lên trời. Thấy trên trời có 9 tầng. Một loáng đã bay qua tám tầng. Chỉ còn một cửa nữa là cửa cuối cùng. Nhưng không bay qua được. Người gác cửa cầm gậy đánh vào Đào rơi xuống đất, gãy mất một cánh bên trái. Đến khi tỉnh dậy. Đào còn thấy đau ở bên trái. Sau đó đường quan tước của Đào thênh thang, làm đốc 8 châu, chiếm cả thượng du sông Trường Giang, nắm rất nhiều binh quyền. Đào đã có ý nghĩ cướp

lấy quyền từ tay nhà vua. Nhưng nghĩ đến giấc mộng lại thôi không dám thực hiện ý nghĩ.

Mộng làm hoàng đế

Theo Lương thư, con trai của Lương Vũ đế đời Nam Triều là Tương Đông vương Tiêu Giáng khi còn ở trấn Tâm Dương. Ông nằm mơ thấy có người đến báo: "Thiên hạ sắp loạn, vương phải giữ vững". Đàng sau lưng của Tiêu Giáng lại mọc một cái nốt ruồi đen. Bà mẹ nhìn thấy báo đó là điềm quý lớn, quý hết chỗ nói. Khi tiêu Giáng mang quân đi đánh miền Tây, Phủ tư là Nghị Hạ Cách cùng theo đi miền Tây. Hạ không muốn đi. Trước khi đi Hạ đến từ biệt người bạn thân là Giang Cách ra điều oán hận số phận. Giang Cách nói: "Tôi nằm mơ thấy Vũ đế lấy tay mình lấy mũ đội vào cho. Sau này Tương Đông vương nhất định là "đại quý", Tây hành là đại cát". Thế là Hạ Cách vui vẻ theo Tiêu Giáng đi chinh chiến miền Tây. Sau này Giản Văn đế chết vì tai nạn, quả nhiên Tiêu Giáng lên ngôi hoàng đế, xưng là Nguyên đế.

Ba giấc mộng của Phạm Trọng Yêm

Sách "Đại thiên thế giới" chép Phạm Trọng Yêm làm quan ở Châu Khánh viết một bài minh cho một viên quan đã tạ thế. Vì đề cập đến những ẩn tình trong đời tư của viên quan, nhiều người đã khuyên Phạm hãy nhẹ tay. Phạm cương quyết không nghe.

Trong vài đêm sau đó, Phạm Trọng Yêm mơ ba giấc mộng. Giấc mộng đầu tiên, viên quan đã chết đến xin ông chữa bùa cho. Nhưng Phạm không chữa lại. Viên quan đó bảo: "Nếu ông không chữa lại cho, tôi lấy mệnh sống của đứa con cả của ông". Phạm

Trọng Yêm bình tĩnh trả lời: "Chết và sống không thể yêu cầu mà được. Ông thử làm xem". Vài hôm sau, đứa con cả của Phạm là Thuần Hữu chết thật.

Giác mộng thứ hai, ông thấy viên quan lại đến với khí thế hung hăng: "Nếu ông cứ không chữa bìa, tôi sẽ làm hại đứa con thứ hai của ông. Phạm vẫn trả lời như lần trước. Mấy hôm sau, quả nhiên đứa con thứ hai của Phạm là Thuần Nhân lăn ra ốm. Mọi người biết chuyện lũ lượt đến khuyên Phạm chữa bìa. Nhưng Phạm nhất định không nghe. Vài hôm sau nữa, Phạm mơ giấc mơ thứ ba. Lần này Phạm thấy viên quan kính cẩn ca ngợi phẩm chất cao đẹp của Phạm, nhưng vẫn yêu cầu chữa bìa. Viên quan nói: Đứa con cả của ông vốn đến số chết. Nhưng lần này, nếu ông chữa bìa tôi xin bảo đảm bình an cho đứa con thứ hai của ông". Phạm Trọng Yêm dứt khoát: "Một chữ cũng không chữa".

Trong lịch sử Trung Quốc, đoán mộng tuy là một loại mê tín dân gian nhưng thường thường nó bị một số các chính trị gia lợi dụng để đạt được một mục tiêu chính trị nhất định nào đó.

3. TUYÊN DƯƠNG MỘNG CÓ THỂ ỨNG NGHIỆM ĐIỀU HUNG, CÁT. CỔ XUYẾT THUYẾT ĐỊNH MỆNH

Mục đích chủ yếu của đoán mộng là dự báo điều hung cát cho trần thế. Người đoán mộng cho rằng mộng có thể được ứng nghiệm, mộng thể hiện được hung cát, họa phúc cho nhân thế. Vì mệnh đã định rồi, trời đã an bài tất cả. Mọi người chỉ có thể tuân theo cái mệnh trời. Thực tế điều ấy là để mọi người nghe theo cái mệnh của giai cấp thống trị, phục tùng và chấp nhận áp bức, bóc lột. Dưới đây là vài thí dụ về loại đó.

Thức mộng ngoài vạn dặm.

Đời Đông Hán có Phạm Thức, khi là thái học sinh có hết nghĩa anh em với Trương Chiêu. Khi ly biệt nhau, Phạm Thức nói với Trương Chiêu: "Ngày này hai năm sau, tôi sẽ đến nhà thăm anh". Cuộc trùng phùng đến gần, Trương Chiêu chuẩn bị đồ nhắm và rượu. Đúng kỳ hẹn, Phạm Thức đi xa hàng vạn dặm đến thăm. Hai người uống với nhau. Tan tiệc, lại mỗi người một ngả. Về sau Trương Chiêu bị ốm nặng Chí quân Chương và Ân Từ Trinh là những bạn cùng một quận đến thăm. Trước khi chết, Trương Chiêu nói: "Nỗi tiếc lớn nhất của tôi là không được gặp Phạm Thức một lần nữa. Hai vị là bạn học của tôi, còn Phạm Thức là người bạn sống chết đối với tôi". Không lâu sau đó, Trương Chiêu chết. Cách xa hàng vạn dặm, Phạm Thức bỗng mộng thấy Trương Chiêu đến nói với ông: "Phạm huynh, tôi chết vào ngày ấy, ngày ấy vĩnh viễn về tuổi vàng, bạn tuy không bao giờ quên tôi, nhưng làm sao cho thể kịp đến với tang lễ của tôi". Phạm thức tỉnh mộng, bi thống khôn xiết, nước mắt đầm đìa, bảo với thái thú xin nghỉ, vội vàng đi hộ tang. Lúc này, Trương đang được an táng. Nhưng không hiểu sao không khiêng quan tài lên được. Chỉ sau khi Phạm thức chạy đến đỡ quan tài mới có thể khiêng lên được...

Mộng thấy voi

Lúc còn trẻ, Trương Mậu đời Tấn nằm mơ thấy một con voi lớn. Ông hỏi người đoán mộng tên là Vạn Thôi để biết xem đó là điềm gì. Vạn Thôi bảo: "Các hạ là thủ quận của một quận lớn. Nhưng kết cục không được tốt". Trương Mậu hỏi: "Tại sao?". Vạn Thôi trả lời: "Voi là con thú lớn. Thú thì phải "thù" (giữ) cho nên được biết ông là quận thủ của một quận lớn. Mà con voi thường vì

cái vôi của nó mà gặp nhiều tai nạn, bị người ta sát hại". Kết cục sau này của Trương Mậu, đúng như Vạn Thôi đoán.

Tụng kinh miễn được tai nạn

Theo "Tống thư" ghi chép, có Vương Huyền Mạc là một tướng quân ở Ninh Sóc. Ông đi theo đoàn quân bắc phạt, bị đại bại. Quân đội tan tác. Chủ tướng chiếu pháp lệnh, đem chém đầu Huyền Mạc. Đêm trước hôm bị đưa đi giết, ông mơ thấy có người đến bảo: "Tụng Quan Âm Kinh một nghìn lần sẽ miễn được tai nạn". Sau khi tỉnh mộng, ông làm theo lời dạy bảo. Đến lúc sắp bị chém đầu vẫn không ngừng tụng kinh. Bỗng nhiên có lệnh trên truyền ngừng chém. Ông được thoát chết. Sau đó không lâu, ông đã lấy công chuộc tội.

Mơ thấy dưới nách mọc cánh

Tiêu Đạo Thành trú quân ở Hoài Nam, thuộc hạ là Tuân Bá Ngọc ở Quảng Lăng. Đêm đó Tuân Bá Ngọc mơ thấy mình lên lầu Nam thành Quảng Lăng. Có hai chú bé mặc áo xanh nói: "Thảo trung tiêu, cứu ngũ tương truy trực" ("Tiêu" ở trong cò, 9 - 5 mới loại trừ được). Bá Ngọc nhìn xuống phía dưới thành thấy trên đầu người nào cũng có cò. Thảo trung tiêu là cò tiêu ở giữa chốn cây cỏ, vậy cũng là họ của Tiêu Đạo Thành. Năm Thái Thủy thứ bảy, Bá Ngọc lại mơ thấy Tiêu Đạo Thành ngồi thuyền phía bắc Quảng Lăng. Bá Ngọc thấy dưới hai nách Tiêu có mọc cánh không duỗi ra được. Bá hỏi Tiêu: "Bao giờ có thể giương cánh lên được, Tiêu bảo: "Ba năm nữa". Trong mộng, Bá Ngọc là thầy phù chú, đã phù cho Tiêu. Cứ 6 câu phù chú thì có 6 con rồng bay ra, cánh dưới nách của Tiêu lại giương ra rồi cụp vào. Sau đó, Bá Ngọc bảo với Tiêu Đạo Thành về giấc cát mộng. Năm Nguyên Trung thứ hai, Tiêu

Đạo Thành công phá Quế Dương uy danh vang dội. Năm Nguyên Trung thứ năm, Tiêu Đạo thành phế hoàng đế Lưu Tấn và nói với Bá Ngọc: "Giác mộng trước đây của Bá Ngọc, đến bây giờ mới thực hiện được".

Mơ thấy điềm sống và điềm chết

Sách "Lương thư" ghi: Giản Văn đế bị thừa tướng Hầu Cảnh tống giam. Một hôm, Giản Văn đế bảo với người tùy tùng: "Đêm qua ta mê thấy mình nuốt đất. Không biết là điềm gì?" Người tùy tùng đáp: "Ngày xưa Trùng Nhĩ được người ta tặng đất, ông đã nhận. Về sau ông thành Tấn vương. Ngày nay, giấc mộng của bệ hạ cũng giống như vậy đấy. Sau đó không lâu, bộ tướng của Hầu Cảnh là Vương Vỹ và một số người nữa mời rượu Giản Văn đế và nói: "Hầu Cảnh thừa tướng thấy bệ hạ u uất và bi phẫn đã lâu nên phái chúng tôi đến đây để tiến rượu thọ". Văn đế cười: "Rượu thọ, rượu thọ đến cùng". Vương Vỹ và một số người cùng uống. Văn đế biết không thể từ chối được, uống đến thật say. Sau khi Văn đế say thực sự, Vương Vỹ và nhóm người lấy đất thó nhét vào miệng Văn đế cho đến chết. Giấc mộng của Văn đế thật ứng nghiệm.

Vinh, nhục như mộng

Theo "Cựu ngũ đại sử", Bào Tuyền người Đông Hải đời Lương, học rộng, đọc nhiều sách. Lại có tài văn chương. Lúc trẻ tuổi có làm chút việc phụng sự Tiêu Giáng. Sau đó Tiêu Giáng tự lập là Lương đế. Bào Tuyền được Tiêu Giáng coi trọng. Khi Bào Tuyền nhận chức đô đốc ở Nam Thảo, bạn của Bào Tuyền nằm mơ thấy Bào làm điều phạm đến Tiêu Giáng. Khi tỉnh mộng, đến báo ngay với Bào. Không lâu sau, vì Bào bất lực ở Nam Thảo nên bị Tiêu Giáng (Nguyên đế) bắt giam. Lúc này bạn của Bào lại nằm

mơ thấy Bào Tuyền mặc áo đỏ và đi dưới nước. Anh ta lại báo cho Bào biết chuyện. Người đoán mộng bảo: "Quân vô ưu, mã tượng hội miễn tội" (Ngài đừng lo, ở trên lưng ngựa thì tránh được tội). Ít lâu sau Nguyên đế miễn tội cho Bào Tuyền và phục hồi quan chức cho Bào.

Ban thưởng cho người trong mộng

Theo sách "Cửu ngũ đại sử", sau khi Đường Minh Tông tức vị. Đêm đó vua nằm mơ thấy có một người có dáng hình thanh tú. Hình như đã có quen biết với người này. Vua hỏi: "Có phải người là con trai của trại chủ La thị (họ La) không?" Sau khi tỉnh mộng Vua sai mọi người thăm dò xem con trai người họ La có phục dịch ở đâu đây không. Khi tìm được con trai người họ La là La Châu Kinh, vua thấy đúng là người đã gặp trong giấc mơ, là hậu duệ của một công thần. Minh Tông phong cho La Châu Kinh làm Tiết độ sứ ở Đông Châu Kiểm hiệu Thái Bảo.

Mộng cưới chim bằng

Theo "Tống sử". Trầm Hối đời Tống lên tỉnh thi. Đi đến đạo Thiên Trường bỗng mơ thấy mình cưới lên chim bằng, bay bổng lên trời, bèn viết một bài phù gọi là "Phù chim bằng" để ghi lại sự việc này. Sau đó không lâu ông thi ở tỉnh, quả nhiên đỗ trạng nguyên đầu bảng.

4. TRUYỀN BÁ MÊ TÍN PHONG KIẾN, ĐÁNH LỬA QUẦN CHÚNG

Mộng là hiện tượng tâm lý rất phức tạp. Đó là một thứ câu đố khó giải nhất trong đời sống tâm lý của nhân loại. Cuối cùng, nằm

mơ và giấc ngủ là thế nào? Hoạt động tâm lý giữa lúc nằm mơ và lúc tỉnh có gì khác nhau? Cái gì tạo ra giấc mơ? Tại sao cảnh trong giấc mơ ly kỳ, cổ quái không sao giải thích được? Điều gì đưa đến giấc mộng? Có gì phân biệt giữa tâm lý sinh hoạt khi nằm mơ và khi tỉnh? Cho đến bây giờ nhân loại vẫn còn dò dẫm cả một loạt những vấn đề đó.

Ngày nay, tuy có nhiều người không tin vào bói toán, chiết tự (đoán chữ) phong thủy, tướng mạo, phương thuật... Nhưng đối với giấc mộng, họ vẫn cảm thấy có một cảm giác thần bí, cảm thấy có một sức mạnh nào đó không thể với tới đang liên hệ với mình. Con người hiện đại mà còn thế thì nhận thức của người đời xưa đối với hiện tượng tâm lý như giấc mộng còn mỏng manh. Khi những người làm nghề, thầy cúng và các nhà đoán mộng bịa ra bao nhiêu câu chuyện thần thoại thì họ cũng đều tin là thực, từ đó càng mê tín các nhà đoán mộng. Tình nguyện chịu sự lừa dối và điều kiện của các nhà đoán mộng, bốc sư v. v...

Những thần thoại có liên quan về chiêm, bốc có rất nhiều trong các bộ sách và sử. Chúng tôi trích ra một số chuyện để thấy tính hư ảo, viển vông của chúng.

Mơ cá được ngọc

Một hôm, Hán Vũ đế mộng thấy một con cá xin với ông buông thả chiếc lưới câu mắc vào miệng. Hôm sau, Hán Vũ đế đi chơi ven đầm nước, nhìn thấy một con cá ngậm lưới câu nơi miệng. Lưới câu còn lòng thông sợi dây. Đúng là con cá ông gặp trong mộng ngày hôm trước. Ông vội gỡ lưới câu ra cho cá. Sau đó Vũ đế được cá báo mộng thưởng biếu một viên minh châu (ngọc sáng).

Quý lính người lương thiện

Theo sách "Lương thư", Phó Chiêu người đời Nam Lương có chí lớn từ nhỏ. Năm Thiên Giám thứ 11, nhận chức. Nội sử tại An Thành là Tin Võ tướng quân. An Thành từ đời Lưu Tống đến nay là nơi binh đao. Người chết rất nhiều, các phòng xá trong thành thường có ma quỷ quấy nhiễu. Ngày Phó Chiêu chuẩn bị sắp đến An Thành nhận chức, những người dân An Thành đêm mơ thấy các chiến binh, xe ngựa, vũ khí cứ rầm rập, nối đuôi nhau đi ra khỏi thành. Nhiều người tỉnh mộng, thấy những người đi lánh nạn trở về thành ùn ùn như mưa to gió lớn. Có những ngôi nhà bị tàn phá vì chúng ở ngay nơi lính tráng tập trung xe, ngựa, cảnh này đúng như cảnh trong mộng. Nhưng từ lúc Phó Chiêu đến, tình hình trong thành các quận yên ổn, bình lặng, ở các gian nhà không thấy nào động. Nhiều người cho là Phó Chiêu là người chính trực cho nên quỷ cũng lánh đi...

Đào Hoảng Cảnh và cuốn "Mộng ký"

Đào Hoảng Cảnh người Đan Dương cao 7 tấc tư. Khôi ngô tuấn tú, mắt sáng, tai dài. Người thon thả. Về học hành, hiểu biết, Đào ở dạng xuất chúng. Đào từ quan về ở ẩn nơi núi rừng lau lách, theo học sư phụ Tôn Du Nhạc người Đông Dương. Đào học kinh pháp, đạo Phật, Đào khiêm tốn, tử tế với mọi người. Thời Nam Tề, Nghi Đô vương Tiêu Kiên bị Minh đế sát hại. Đêm hôm đó, Hoảng Cảnh mơ thấy Tiêu Kiên đi đến gửi lời cáo biệt. Hoảng Cảnh có dịp thăm hỏi Tiêu về những sự việc của thế giới u minh âm thế nên biết được nhiều điều bí mật và kỳ lạ. Thế rồi Hoảng tuyền và viết nên sách "Mộng ký". Thời Nam Lương, Đào Hoảng Cảnh mơ thấy Phật tổ ban cho "Bồ đề ký" và mệnh cho Hoảng là Thăng Lợi Bồ Tát.

Đào đến Hà Dục vương tháp trong huyện làm lễ tuyên thệ xuất gia, chịu 5 điều giới. Đào có thuật dưỡng thân nên sống đến 85 tuổi.

Đêm mơ thấy bút thần

Thời Hậu Chu có người tên là Duệ Tôn. Một hôm, Duệ Tôn có việc về kinh. Dọc đường lưu trú ở điểm La. Điểm này có một cái miếu gọi là La Thần miếu. Ban đêm, Duệ nằm mơ thấy được thần miếu cho gọi đến và được chiêu đãi thật hậu hĩnh. Thần lại cho Duệ Tôn hai chiếc bút lông một to, một nhỏ. Lúc tỉnh dậy, Duệ tôn rất bối rối. Về sau, Duệ tôn trở nên Hàn lâm học sỹ, cho là ứng vào việc La Thần cho bút. Duệ lại được thăng quan, nói với mọi người: "Đó là sự hiển linh của hai chiếc bút lông". Khi Duệ Tôn đến nhận chức Trung thư, nhìn thấy quan giúp việc của mình nâng hai cái bút nhỏ lên, một cái lớn, một cái nhỏ hoàn toàn giống hai cây bút trong mộng.

Giấc mộng về người con gái siêu độ.

Theo "Xuân Chư kỷ văn", Cao thị người Phù Ly đời Tống, 20 tuổi, vì khó đẻ nên đã chết. Cha nàng là Triều Nghị thương nhớ vô vãn.

Một hôm Triều Nghị mơ thấy con gái nói với ông rằng: "Nay con chỉ yêu cầu cha cho mời người đến vẽ chân dung của con sao cho thật giống rồi nhờ các vị tăng ở gần dán chân dung của con lên trên quả chuông ở miếu và cho người đánh chuông một ít tiền để sáng sớm, khi đánh chuông người ta cầu chúc, nhắc tên con. Đến khi nào chân dung rơi xuống mà bức họa không sây xước, nhàu nát gì là điềm tốt, tức là con đã siêu sinh ở tịnh độ". Triều Nghị tỉnh dậy, vội vàng sai gia nhân mời người vẽ ảnh, triệu các vị tăng đến

và làm tất cả mọi việc như con gái đã dặn trong mộng. Sau vài tháng, Triệu Nghị lại mơ thấy con gái mặc áo đỏ, đội mũ ngọc, nói với mình: "Cám ơn công đức của cha. Con gái của cha đã lên trời". Lúc tỉnh mộng, chưa kịp nói năng gì, chỉ thấy có người gõ cửa. Ra mở cửa thấy mấy vị tăng mang đến cho xem bức thư vẽ đã rơi xuống lành lặn, gọn gàng, không sây xước gì.

Rùa đá thác mộng, báo ân

Theo sách "Hồ Hải tân văn tiền tập", đời Nguyên ở Chân An Phúc có một vị tăng chưa xuất gia, thấy giữa bụng rùa đá trước cửa miếu có một búi cỏ. Vị tăng liền nói: "Búi cỏ chướng quá, ta sẽ lấy lửa đốt đi cho sạch". Ban đêm vị tăng mơ thấy rùa đá đến bảo: "Phía ngoài sân là sông lớn. Tôi là một viên quan nhỏ của Long vương. Dưới bàn của Long vương có cuốn "Cắm long kinh" và cái thước "Cắm long". Ngày mai tôi sẽ lấy cho ông mượn. Ông sao chép nhanh rồi trả lại tôi. Ông cũng giúp tôi đốt cháy búi cỏ giữa bụng tôi"... Ngày hôm sau, dưới con rùa đá có cuốn kinh và một cái thước. Vị tăng học được thuật nhìn phong thổ, phong thủy của thần. Ông được coi là một vị thần tăng.

Chu Nguyên Chương và Quan Công đối thoại trong mộng

Đầu đời Minh, Chu Nguyên Chương tu tạo 10 ngôi đền và miếu. Riêng có miếu Quan Công là không động đến. Đêm đó, trong mộng, Chu Nguyên Chương thấy một người mặt đỏ, áo màu xanh lục, tay cầm đại đao, quỳ xuống, bái và nói: "Thần, Hào Thọ Đình hầu Quan Vũ có mặt. Bệ hạ lập miếu, sao bỏ rơi riêng có thần.

Chu Nguyên Chương nói: "Khanh không có công với nước, không lập được". Quan Công lại nói: "Trong trận đánh Thảm

Dương của bệ hạ, tôi có cử 10 vạn âm binh trợ giúp, sao lại không có công". Chu Nguyên gât đầu. Sáng hôm sau, lúc tỉnh dậy, Chu Nguyên Chương lập tức hạ lệnh lập riêng một cái miếu. Hẹn ba hôm phải làm xong.

Quý sợ quan

Các năm Chinh Thống đời Minh, Lý Du người Phong Thành khi còn là học sinh, về quê ngoại thăm ông bà, họ hàng bên ngoại. Quê có dịch, ông ngoại, bà ngoại bị ốm, đều phải nằm trên giường. Ông ngoại của Lý nằm mơ trước khi Lý về đến quê một ngày. Ông ngoại nghe thấy bọn quỷ bàn nhau: "Ngày mai có Thượng thư bộ Lại tới. Chúng ta phải lánh đi một ít ngày". Một con quỷ khác bảo: "Có thể núp vào chiếc giường bỏ không trong bếp..." Ông ngoại nghe thấy rất sợ hãi và lấy làm lạ. Ngày hôm sau, Lý Du về đến nhà ông bà ngoại, ông ngoại vui mừng khôn xiết, đề nghị Lý viết cho mấy tờ giấy niêm phong có mấy chữ "Giấy niêm phong của Thượng thư bộ Lại". Lý Du ngạc nhiên quá, chẳng biết duyên cớ gì. Lý không muốn viết. Ông ngoại nài mãi, Lý đành phải viết. Ông ngoại còn vứt chiếc giường bỏ không trong bếp ra phía ngoài nhà. Sau khi Lý Du trở về, bệnh tình của ông bà ngoại đã khỏi hẳn. Về sau, quả nhiên Lý Du đậu trạng nguyên và làm Thượng thư bộ Lại.

Quan âm thác mộng

Năm Gia Tĩnh đời Minh, Kinh vương mơ thấy có người nói với mình: "Vá quần áo cho ta, ta phù hộ cho con cháu người". Kinh vương hỏi: "Người là ai? Người kia trả lời: "Nhìn cho rõ, nghe cho thánh, sẽ biết". Khi tỉnh, Kinh vương không hiểu lời nói kia có nghĩa gì. Một hôm nhìn tượng Quan Âm, chợt nhớ ra câu thần ngữ "nhìn cho rõ", đâu có phải là tượng quan? "Nghe cho thánh, đâu có

phải là Âm? Bên cạnh phủ của Kinh vương có Quan Âm các. Kinh vương nhìn thấy đền Đông bị huỷ hoại, các pho tượng bị mưa gió làm đổ gãy. Kinh vương liền lệnh cho tu sửa lại rồi lập bia ghi chép.

*

* *

Ở trên, chúng ta đã phân tích tác dụng xã hội tiêu cực của thuật đoán mộng qua bốn mặt của vấn đề. Từ đó, chúng ta đã nghiên cứu và có được lời giải thích khoa học về giấc mộng, đã phê phán hoạt động mê tín phong kiến và theo chủ nghĩa duy tâm, đã xác định được tinh thần văn minh xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, sau khi nhân loại tiến vào thế kỷ 20 khoa học kỹ thuật được phát triển mạnh mẽ, những hoạt động mê tín phong kiến vẫn lưu hành một cách không suy giảm. Ở một số các quốc gia phương Tây, những hoạt động mê tín phong kiến như đoán mộng, bói toán vẫn cùng tồn tại với nền văn minh hiện đại. Đến ngay cả máy tính là tượng trưng cho khoa học tiến bộ cũng dùng để chiêm bói, bói toán. Chúng ta biết rằng khai triển cuộc đấu tranh với lĩnh vực hình thái ý thức lạc hậu là rất gian khổ. Đặc biệt là giai đoạn gần đây, chúng ta kiên trì mở rộng cửa ra nước ngoài, một số hoạt động mê tín phong kiến bị phê phán trước đây là tro tàn, nay lại cháy trở lại làm nên "khói đen, chương khí" trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống của quần chúng, đến sản xuất và an ninh. Và có nhiều điều lạc hậu, cặn bã, cũng ulla vào nước ta trong lúc mở cửa. Những điều đó được dán nhãn tâm lý, khoa học, và biến thành hàng hoá. Thí dụ như môn đoán mộng khoa học, sách "Chu công giải mộng" v.v... Theo một báo cáo nào đó, có một cán bộ nhà nước đi công tác, rẽ vào chợ mua cuốn "Chu công giải mộng". Về đến khách sạn thấy

trong sách có nói: "Nằm mơ thấy trên giường có máu nghĩa là vợ có "ngoại tâm". Ban ngày thì nghĩ thế ban đêm nằm mộng. Quả nhiên ban đêm anh ta nằm mơ thấy trên giường có vết máu. Thế là ngày hôm sau, anh ta vội về nhà, ép vợ phải thừa nhận mối tình bất chính. Người vợ bị nổi nhục mà không hiểu gì cả, uống thuốc tự tử. Có người đàn bà có mang, nghe nói ăn dưa hấu sẽ đẻ con trai. Đây là trong mộng cho biết vậy. Nếu nằm mơ thấy hoa tươi sẽ sinh con gái. Người đó mong được nằm mộng đi đến nơi xa xôi chứ không muốn đặt chân đến vườn hoa của nhà có đủ loại hoa tươi. Còn nhiều thí dụ như vậy trong cuộc sống hiện thực ngày hôm nay. Do đó, việc dùng lý luận khoa học để giải thích về giấc mộng, tiêu trừ tác dụng xã hội tiêu cực của mê tín đoán mộng là một sự việc to lớn liên quan đến văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa. Điều ấy đòi hỏi chúng ta còn phải cố gắng, vất vả lâu dài mới làm được.

16

MÊ TÍN ĐOÁN MỘNG CHUYỂN SANG GIẢI THÍCH MỘNG BẰNG KHOA HỌC

Freud là một trong những nhân vật có kịch tính truyền kỳ phong phú nhất trong giới tư tưởng Tây Âu đương đại. Có học giả châu Âu cho rằng, ba con người vĩ đại gốc Do Thái ảnh hưởng đến sự phát triển tư tưởng Tây phương là: Karl Max, Freud và Einstein.

Với "Lý luận phân tích tình thân" đã làm cho tên tuổi Freud lừng lẫy trên thế giới. Lý luận giải thích mộng là một bộ phận tổ thành chủ yếu của học thuyết phân tích học tình thân, là con đường cơ bản tìm tòi và mở ra quá trình tâm lý vô ý thức của ông. Cũng là ông thực hiện một chuyển biến vĩ đại đưa mê tín đoán mộng sang giải thích mộng một cách khoa học.

1. TẠI SAO FREUD VIẾT "GIẢI THÍCH MỘNG"?

Từ lâu, người ta coi mộng là hiện tượng thần bí. Có người cho mộng là kết quả của linh hồn thoát ly thể xác như kiểu người

nguyên thủy nghĩ. Có người lại dựa vào quan điểm mê tín, cho mộng là kết quả của sự hiển linh hoặc sự gợi ý của quỷ thần. Có những nhà khoa học cũng đã từng giải thích về mộng. Nhưng những nhà khoa học muốn dùng quan điểm khoa học để giải thích giấc mộng thời kỳ trước Freud chưa thực sự làm sáng tỏ được bản chất của giấc mộng. Cũng có một số nhà triết học chỉ thoả mãn chung chung hoặc trừu tượng với một loại biểu hiện quy kết vào sự hoạt động của bộ phận não. Nhưng, cũng vì thiếu sự phân tích sâu sắc và cụ thể nên những kết luận trừu tượng đó không được nhiều người tiếp thu.

Ngược lại, những tà thuyết thần bí hoá giấc mộng có những tình tiết cụ thể sinh động lại hấp dẫn và làm cho một số người nói chung cảm thấy hứng thú. Là vì sự nghiên cứu khoa học về giấc mộng chưa thu được kết quả quan trọng, có ý nghĩa đột phá. Trên trận địa lý luận giải thích giấc mộng, tà thuyết mê tín vẫn chiếm địa vị cao hơn. Như Freud đã nói trong cuốn "Giải thích giấc mộng": Cách nhìn về giấc mộng do thời đại nguyên thủy lưu lại vẫn còn ảnh hưởng sâu sắc đến sự bình luận, đánh giá của những người bảo thủ nói chung về giấc mộng cho đến tận ngày nay. Họ cho rằng mộng có quan hệ mật thiết với sự tồn tại của giới siêu tự nhiên. Tất cả mọi giấc mộng đều bắt nguồn từ sự gợi ý mách bảo của các quỷ thần mà họ tưởng tượng. Cho nên, họ cho rằng sự gợi ý của quỷ thần có tác dụng đặc biệt đối với giấc mộng, cho là mộng dự đoán tương lai.

Để mọi người thấy rõ địa vị lịch sử của học thuyết giải thích mộng của Freud, cần thiết phải trình bày một cách đơn giản những

cách nhìn có liên quan đến giấc mộng trước Freud. Những cách nhìn đó quy nạp lại thành năm loại:

Cách nhìn số một, coi mộng là "thần luận". Các loại mê tín tôn giáo đều thuộc loại này. Những người nguyên thủy cho rằng mộng là sự gợi ý của thần, cho nên mộng còn đáng tin cậy và chính xác hơn những quan sát và cảm thụ của con người. Thổ dân người Ga-na ở Châu Phi quy định rằng nếu trong giấc mộng mà nằm mơ thấy mình "ngủ nghề" với vợ người khác thì sẽ phạm tội "thông gian" và bị xử phạt. Ở vùng thổ dân miền Viễn Đông Liên Xô cũ, nếu có người nào nói với đối phương: "Đêm qua tôi mơ thấy có được thừa đất của anh", như vậy, người nghe chuyện sẽ chấp tay mà đưa thừa đất cho người có giấc mơ đó. Tại Ba-bi-lon cổ giải thích mộng là sự hiển linh của Thượng đế... Những quan niệm mê tín này cho đến tận bây giờ vẫn còn lưu truyền ở những nơi có con người ngu muội, lạc hậu. Có khi, thậm chí cả ở một số người có giáo dục.

Cách nhìn thứ hai: "Mộng là biểu hiện khi tật bệnh hoặc có trục trặc gì trong cơ thể con người". Trước đây 2000 năm, cách nhìn này được lưu truyền ở Ấn Độ. Bộ sách chữa bệnh cổ đại Ấn Độ có ghi: "Người nào nằm mơ nhiều lần thấy bị cả lớn nuốt hoặc bị ngã từ trên ngọn núi xuống thường là ám thị của một bệnh tật nào đó trong các khí quan hoặc sự phát sinh của một bệnh tật nào đó. Cách nhìn này ít nhiều mang theo một yếu tố duy vật thực sự.

Cách nhìn thứ ba coi mộng là một sự trung cầu cái "mỹ" và "cái thiện" nội tại. Đó là quan điểm của các văn học gia của chủ nghĩa lãng mạn từ thế kỷ 18 đến thế kỷ 19. Nhà thơ người Đức Goethe nói: "Tính người có một năng lượng tốt đẹp nhất, tuy thời gian bị thất vọng hoặc được nâng đỡ. Trong đời tôi có nhiều lần đau

khổ, nuốt nước mắt. Nhưng sau khi lên giường nằm, cảnh mộng có thể dùng mọi hình thức dẫn dắt và an ủi tôi, làm cho tôi siêu thoát khỏi nỗi bi thương mà đối lại được sự nhẹ nhàng vui vẻ".

Cách nhìn thứ tư cho mộng là sự gợi ý đầy sức sáng tạo. Người ta thường nhắc đến giấc mộng của nhà hoá học Đức là Goethe. Trước khi ngủ, ông quá đam chiêu, suy nghĩ mà không có cách nào giải quyết được kết cấu phân tử của benzol. Nhưng trong mộng, ông rất tỉnh táo, thanh thản mà nhìn thấy từng nguyên tử một bày ra trước mắt mình như con rắn xếp cuộn lại... Ó! Cái gì thế này? Có một con rắn tự cắn đuôi mình, di chuyển vòng tròn. Đột nhiên, ánh sáng bật lên... Ông tỉnh dậy. Ông lập tức viết ra kết cấu vòng tròn của benzol. Một nhà vật lý người Đức là Ôt-tô-si-vét cũng có một giấc mộng. Trong mộng ông thấy làm thực nghiệm cùng một lúc với hai con ếch có thể giải quyết được lý luận "thần kinh truyền dẫn" của ông. Thế là lúc 3 giờ sáng tỉnh dậy, ông liền nhảy vào phòng thực nghiệm, thao tác đúng như trong giấc mộng. Kết quả là công trình nghiên cứu "thần kinh hoá học truyền dẫn" được tặng giải Nô-ben.

Cách nhìn thứ năm coi mộng là sản phẩm của tác dụng "tinh thần". A-ri-xtốt, học trò của nhà triết học cổ đại Hy Lạp Platon cũng coi mộng là một loại tác dụng tinh thần nhưng khác với Platon, ông cho rằng mộng là tư tưởng kéo dài đến trạng thái ngủ. Quan điểm này biểu hiện rõ một cách hàm súc là mộng có liên quan đến cuộc sống hiện thực. Tư tưởng này sâu sắc hơn tư tưởng của Platon. Cho đến cận đại, cũng có một số nhà tư tưởng, nhà văn tiếp tục coi mộng là ảnh hưởng của tình cảm cuộc sống. Giấc mộng không vừa lòng là kết quả của tinh thần tư lự lo lắng. Nhà triết học

Đức Niết-sơ bảo: "Giấc mộng là sự bồi thường lại sự vui vẻ và mỹ cảm bị mất đi lúc ban ngày".

Năm cách nhìn nói trên không thể phản ánh toàn diện tình trạng nghiên cứu trước đây về giấc mộng. Trong lịch sử nhân loại, do mộng có tương quan chặt chẽ với cuộc sống hiện thực, do quan hệ mật thiết giữa mộng với hoạt động tâm lý, tình thần của nhân loại cho nên không kể là nhà khoa học, nhà triết học, văn học hoặc người bình thường đều cảm thấy rất hứng thú với giấc mộng và phân tích theo nhiều kiểu. Freud thấy rằng từ cổ đến giờ, tất cả các quan điểm giải thích về mộng đều có liên hệ với thế giới quan của mọi người, cho nên mọi người không ngừng bình luận và phân tích về giấc mộng. Thậm chí có thể nói rằng giấc mộng là một biểu hiện chủ yếu của thế giới quan. Ông bảo: "Quan niệm về mộng có trước khi khoa học ra đời. Tất nhiên nó được dần dần hình thành ra quan niệm của bản thân người xưa đối với chính thể vũ trụ. Ông còn thấy rõ các quan niệm đối với mộng trước kia vẫn còn ảnh hưởng sâu sắc và rộng rãi cho đến tận ngày nay. Cho nên chỉ có sự phân tích khoa học đối với giấc mộng mới có thể quét sạch được ảnh hưởng của những quan điểm phi khoa học, và do đó tiến thêm một bước nhận thức một cách chính xác bản chất tâm lý của nhân loại. Freud: "Chúng ta nghìn vạn lần không nên cho rằng cái lý luận nhìn mộng như một sức mạnh siêu nhiên ngày nay không còn nữa. Thực ra ngày nay, người ta không chỉ còn tin vào những thần thoại với những thần thánh quỷ quái mà các nhà tiểu thuyết vẫn cứ chấp bút viết chuyện quý thần đã bị khoa học quét sạch nhưng vẫn còn rơi rớt lại. Mà ngay cả những người có học tin vào tôn giáo, vào thần linh vẫn giải thích mộng theo kiểu mê tín.

Một số môn phái triết học chịu ảnh hưởng cổ xưa về giấc mộng cũng không xoá được cách nhìn đoán mộng theo kiểu ngày xưa trong đầu óc một số nhà tư tưởng. Chủ yếu là sự giải thích khoa học về phương diện tâm lý ngày nay không đủ tư liệu "đầy đủ" để giải thích". Đoạn trên đã chứng tỏ rằng quá trình viết cuốn "Giải thích mộng". Freud đã đấu tranh chống lại những tà thuyết phản khoa học, mê tín và đó là một động cơ quan trọng. Freud cảm thấy sâu xa rằng, nếu về mặt tâm lý không thể phân tích giấc mộng một cách sâu sắc và rút ra những kết luận khoa học, thì không có cách nào khác tiêu trừ nỗi tác hại của những tà thuyết.

Freud còn phát hiện thấy việc phân tích mộng giúp đỡ ông tư giác dùng phương pháp phân tích tình thần do ông sáng tạo ra để tìm tòi quy luật hoạt động của tiềm ý thức. Do đó, ta thấy rằng việc nghiên cứu giấc mộng của Freud là do yêu cầu thực tế trong hoạt động thực tiễn nghiên cứu giấc mộng và kết quả tất nhiên khi ông nghiên cứu về thế giới tiềm ý thức do yêu cầu bức thiết của lương tâm khoa học.

Với sự khai phá can củ của Freud, giấc mộng đã được đặt vào mảnh vườn của sự khảo cứu khoa học. Trước đây, mộng là lãnh địa của các nhà chiêm bosc, các nhà thuật sỹ giang hồ, là mảnh đất hoạt động của các nhà tôn giáo, mê tín... Nhiều năm gần đây, các nhà khoa học đã không coi trọng giấc mộng. Cho là nó không có mấy giá trị hoặc giả họ chỉ nghĩ đến qua lao. Họ chỉ nói gọn rằng mộng là sản vật suy ra khi gân cốt và não mệt nhọc, hỗn loạn. Nhưng ngày nay, qua sự cố gắng của Freud, sự giải thích về mộng đã trở nên ngành khoa học nghiên cứu về tâm lý nhân loại.

2. MỘNG LÀ SỰ THOẢ MÃN CỦA DỤC VỌNG

Mục đích nghiên cứu giấc mộng Freud không chỉ dừng lại ở chỗ giải thích giấc mộng, mục đích chủ yếu của ông là tuân theo đường dây của giấc mộng mà làm sáng tỏ quy luật tâm lý chung của con người. Từ việc phân tích hiện tượng đặc biệt và cụ thể của giấc mộng, Freud đã lần lượt nâng cao lên đến nhận thức bản chất tâm lý của nhân loại. Với độc giả nói chung, không cần biết quá trình phân tích cụ thể về giấc mộng của Freud mà chỉ cần chú ý tới tổng kết luôn thu được trong quá trình phân tích. Trong những điều tổng kết, chúng ta có thể nắm được bản chất tâm lý nhân loại. Nhưng nói đi phải có nói lại. Để có thể hiểu biết sâu sắc hơn kết luận chung của Freud về tâm lý nhân loại, cần phải thực sự và thực tế dựa vào con đường và các bước nghiên cứu cụ thể của Freud mà học tập cách phân tích tinh thần của ông. Có như thế, mới có thể lý giải và nắm vững được kết luận chủ yếu của ông một cách sâu sắc như câu: "Mộng là sự thỏa mãn của dục vọng".

Freud cho mộng là sự thỏa mãn của dục vọng. Tuy vậy sự biểu hiện của dục vọng trong mơ, có lúc trực tiếp, cũng có lúc gián tiếp. Có lúc lại biểu hiện ra với hình thức ngược lại.

Có nhà tâm lý học làm cuộc hữu nghiệm nghiên cứu về biến hoá tâm lý. Ông bắt 32 học sinh tuyệt thực vài ngày để thí nghiệm cả quá trình thực nghiệm bụng lép kẹp. Trong quá trình thực nghiệm, có nhiều người mơ thấy mình ăn phàm như lang sói. Những câu chuyện họ nói với nhau nặng về vấn đề ăn uống, chế biến các thức ăn, phát hiện món ăn v. v... Nội dung các câu chuyện tỷ lệ thuận với sự lép kẹp của bụng. Có nhiều người vốn không ưa

gì kỹ thuật nấu ăn hoặc các món ăn v. v... nay đã thích thú những điều về ăn uống. Thậm chí có người còn muốn về trở thành đầu bếp hoặc về làm vườn ở nông trường sau khi cuộc thực nghiệm kết thúc. Số người vừa kể ra chiếm 1/3 số học sinh thực nghiệm.

Có một số giấc mộng phản ánh nguyện vọng hơi vòng vo, lắt léo một chút. Có lần phu nhân anh bạn của Freud nằm mộng thấy mình có kinh nguyệt. Chưa bao giờ phu nhân có giấc mộng như thế. Nàng bèn đến xin ý kiến của Freud. Ông nói với nàng: "Phu nhân nằm giấc mơ vì trong đáy lòng có ý nghĩ là "có kinh nguyệt là tốt". Nếu ngược lại, giấc mộng đó có thể giải thích là gần đây kinh nguyệt của phu nhân tạm ngừng. Nghe xong, phu nhân đó kinh ngạc và thú nhận với Freud là nàng đã có mang. Nàng rất khâm phục Freud về cách giải thích của ông.

Phải nói, những ý muốn vô ý thức của nội tâm như vậy biểu hiện diện mạo vốn có của nó một cách trực tiếp hoặc vòng vo thì sự phán đoán cũng tương đối dễ. Đương nhiên do bản chất và cơ thể của mộng rất phức tạp, nhiều nội dung của những giấc mộng đối với nhân loại vẫn cứ là thế giới chưa biết được. Tuy vậy, theo Phương pháp phân tích tinh thần của Freud, có thể giải thích được nhiều ổ khóa thần bí của giấc mộng.

Có lần một nữ bệnh nhân nói mình có qua một giấc mộng phản bác lại quan điểm "mộng là sự thoả mãn của dục vọng" của Freud. Nữ bệnh nhân kể: "Tôi mơ thấy mình muốn chuẩn bị bữa ăn tối. Nhưng chỉ có món ếch hun khói. Tôi định đi mua thức ăn nhưng lại là chiều chủ nhật nên các quầy hàng đều nghỉ. Muốn gọi điện thoại cho nhà ăn, điện thoại lại không thông. Do vậy tôi đành bỏ cái ý làm cơm tối.

Để phân tích ẩn ý của giấc mộng này, Freud không thoả mãn với những điều kể của nữ bệnh nhân. Qua điều tra chi tiết, ông tìm ra sợi dây có quan hệ với cuộc sống thường ngày của nữ bệnh nhân và tìm ra được long mạch tàng ẩn bên trong.

Vốn là, trước một hôm nàng ốm, chồng nàng đã bảo nàng là chàng đã béo lắm rồi, chàng phải chấp nhận trị liệu giảm béo. Cùng ngày, nàng phải đi thăm người bạn gái mà chồng nàng thường tán tụng làm cho nàng phát ghen lên, đồng thời thấy người bạn gái này rất gầy, mà người chồng rất thích những phụ nữ đầy đặn. Người bạn gái liền nói lừa nữ bệnh nhân: "Tôi ăn hận không thể béo lên một chút. Không biết hôm nào chị mời tôi ăn một bữa? Chị làm thức ăn ngon lắm!".

Biết được chi tiết đó, Freud giải thích với nữ bệnh nhân: "Kỳ thực, lúc người bạn gái muốn chị mời cơm khách, trong bụng chị đã có cân nhắc: "Thôi! Tôi không mời chị đến nhà tôi ăn bữa cơm ngon. Nếu để chị béo lên một chút, sẽ làm cho chồng tôi động lòng ham muốn. Tôi không nấu cơm chiều nữa là tốt nhất. Còn giấc mộng của chị nói là không làm được bữa tối là để thoả mãn cái mục đích không để cho người bạn gái béo lên một chút. Mà, món cá hun khói cũng là món ăn mà người bạn gái của chị rất thích. Freud lại chỉ ra: Trong mộng người nữ bệnh nhân tiếp người bạn nữ vì cô ta cướp mất sự ngưỡng mộ của chồng mình, mà nữ bệnh nhân lại muốn tranh lại sự yêu quý của chồng đối với mình... Giấc mộng này có thú tự".

Một nguyện vọng không được thoả mãn lại tượng trưng cho một nguyện vọng khác được thoả mãn. Với những giấc mộng không vui, Freud có một kết luận: "Mộng là nguyện vọng bị áp chế

thông qua sự thoả mãn biến hình. Dục vọng bản năng vô ý thức. Mơng chẳng qua là sự thoả mãn bản năng vô ý thức mà thôi.

3. TÀI LIỆU VÀ NGUỒN GỐC CỦA MỘNG

Tài liệu và nội dung của mơng, suy cho cùng là từ đâu đến? Trong những nguyên liệu đó, những thứ nào đến từ thế giới bên ngoài và cuộc sống hiện thực? Những thứ nào đến từ tiềm ý thức bên trong. Những sự tìm tòi này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ quy luật hoạt động của tiềm ý thức và sự quan hệ của nó với đời sống bên ngoài, tiến thêm một bước nữa hiểu rõ những nhân tố nội tại và nhân tố ngoại lai và mối quan hệ giữa hai cái đó nằm trong nội dung hoạt động tâm lý của con người. Đồng thời có tác dụng bổ trợ tích cực cho việc làm lộ sự mê tín của thuật đoán mơng.

Freud phân chia đại bộ phận tài liệu và nguyên liệu cấu thành giấc mơng ra làm ba loại: Loại một lấy nội dung từ những sự việc có ấn tượng sâu đậm trong mấy ngày gần nhất. Loại thứ hai, mơng có thể bắt nguồn từ những kích thích nhục thể. Loại thứ ba, mơng có quan hệ với những từng trải từ thuở còn thơ ấu.

Freud cho rằng giấc mơng có mối liên hệ trực tiếp với những dấu vết trong sinh hoạt thường ngày. Có chỗ như mỗi giấc mơng đều có thể phát hiện thấy nó có nguồn gốc từ những sự việc một ngày trước khi có giấc mơng. Dưới đây là trích đăng vài thí dụ giữa mơng và phân gốc trong cuốn "Ghi chép về mơng" của Freud:

Mơng rằng: "Tôi đến thăm một người bạn mà gia đình này rất không muốn thấy mặt tôi... Nhưng đồng thời cũng làm cho một cô gái đợi chờ tôi". Nguồn gốc của mơng: "Đêm hôm đó, một người

đàn bà có họ hàng với Freud nói chuyện với ông ta. Bà ta nói bà ta muốn đợi cho đến khi nào trong tay nhận được hồi khoản, cho đến khi...

Mộng rằng: "Tôi thấy hai mẹ con người ấy đi bên đường phố. Cô gái là một con bệnh". Nguồn gốc của mộng là ngày hôm đó Freud trị bệnh cho một cô gái, cô ta nói rằng mẹ cô ta phản đối việc cô tiếp tục tới nơi ông để điều trị.

Freud tin rằng nguồn gốc kích thích của mỗi giấc mộng đều bắt nguồn từ những từng trải trước khi ngủ.

Những ấn tượng phát sinh ra gần khi ngủ nhất có thể cấu thành tài liệu, tổ chức thành nguồn gốc giấc mộng. Đồng thời những ấn tượng từ rất lâu cũng có khả năng ảnh hưởng tới nội dung giấc mộng. Freud nói: "Chỉ cần những ấn tượng thời gian sớm, có quan hệ liên đới với những sự kích thích nào đó trong ngày xảy ra mộng, nội dung mộng có thể bao hàm những ấn tượng phát sinh ra trong mọi thời gian".

Freud khái quát nguồn gốc và hình thức cấu thành cụ thể của giấc mộng như sau:

Một loạt sự kiện phát sinh gần nhất lại có ý nghĩa trọng đại về tinh thần. Nó trực tiếp biểu hiện trong giấc mộng; vài loại sự kiện phát sinh gần nhất mà lại có ý nghĩa, đúc lại thành một chỉnh thể ở trong mộng một hoặc mấy sự thực vừa mới phát sinh, và lại có ý nghĩa được biểu hiện thành ấn tượng không mấy quan trọng đồng thời phát sinh trong giấc mộng. Một loại kinh nghiệm có ý nghĩa đối với bản thân người nằm mơ, hơn nữa thường biểu hiện trong

mộng bằng ấn tượng khác không mấy quan trọng được phát sinh ra gần nhất để làm nội dung giấc mộng.

Những trải trải buổi đầu trong thời thơ ấu cũng là một trong những nguồn gốc của mộng. Freud cho rằng thể nghiệm ở tuổi thơ nói chung không tiêu mất đi. Nó nằm sâu trong tiềm ý thức. Giấc mộng thông qua các loại phương thức mà biểu hiện nó ra ngoài một cách quanh co.

Từng trải tuổi thơ có thể hiện rõ trong mộng. Loại thể hiện này có một số phương pháp lắt léo. Có lúc nó cần ngời dẫn để đi đến liều thuốc nổ.

Freud đã sớm đi du lịch La Mã qua mộng và viết cuốn "Mộng du La Mã" để thực hiện nguyện vọng nghiên cứu của mình. Có lần ông mơ thấy mình ngồi trong toa xe hoả nhìn ra phía ngoài thấy sông Tai-bơ và cầu Sang-an-ki-la thoát sau qua cửa sổ. Xe lửa khởi động làm ông tỉnh dậy. Ông chưa từng tới thành La Mã, cảnh sắc La Mã trong mộng chẳng qua chỉ là trong bức họa điêu khắc mà ông đã thấy ở trong phòng khách của một bệnh nhân.

Trong giấc mộng thứ hai, ông thấy một người nào đó dẫn ông lên một ngọn núi, chỉ cho ông thấy thành La Mã bán ẩn bán hiện trong sương mù phía xa. Trong mộng, ông cảm giác kinh ngạc vì thành La Mã xa vậy mà cảnh vật lại rất rõ ràng.

Giấc mộng thứ ba, ông thấy mình đến thành La Mã. Nhưng phát hiện ra ngay thành phố cũng chỉ bình thường như những thành phố khác. Trong đó có con sông nhỏ, một bên bờ là những tầng đá đen, một bên là cánh đồng thảo nguyên. Những bông hoa to trắng mọc trên miếng đất dài. Tới gặp ngài Gúc-kơ, hỏi đường ông ta để

đi một vòng trong thành phố. Sự thực ra, Freud căn bản không có cách nào nhìn thấy trong mộng một thành phố mà mình chưa hề đến. Những bông hoa trắng trong mộng là những bông hoa quen thuộc với Freud mà ông đã nhìn thấy ở Ravina - thành phố này có một lần suýt được giữ địa vị thủ đô như La Mã. Ở Ravina, các ao hồ xung quanh có loại hoa thủy bách hợp giống như các bông hoa Freud thấy trong mộng.

Giấc mộng thứ tư đưa Freud về nội thành La Mã. Phố xá có nhiều biển quảng cáo đề bằng tiếng Đức. Thì ra thời gian trước giấc mộng, ông có hẹn gặp người bạn ở Praha. Nhưng trong mộng, ông đi chuyển Praha sang La Mã. Giấc mộng đồng thời cũng thực hiện giấc mơ từ thời học sinh là ông có nguyện vọng sang Praha chơi để tiện việc sử dụng tiếng Đức ở đó. Trong chuyến du chơi La Mã có rất nhiều ảnh tượng về nguyện vọng lúc còn nhỏ tuổi của ông.

Còn có một loại gọi là "Mộng gặp lại hàng năm", đó là những giấc mơ đã qua từ thời còn thơ ấu, đến khi thành niên chúng vẫn cứ ngoan cố xuất hiện trong mộng. Có một y sĩ 30 tuổi kể lại với Freud rằng từ lúc còn nhỏ cho đến bây giờ, anh ta thường mơ thấy con sư tử vàng. Con sư tử rất sống động mà anh có thể vẽ ra được. Về sau, anh phát hiện ra con sư tử trong mộng. Đó là con sư tử đồ chơi lúc nhỏ mà anh rất thích.

Freud còn nhận thấy rằng nguồn gốc về mặt nhục thể của giấc mộng. Những kích thích bên trong và ngoài cơ thể. Ở nước ta, từ xưa đã có người quan sát thấy rằng mộng có quan hệ với những kích thích mà thân thể cảm nhận thấy.

"Hoàng đế nội kinh" đã cố gắng thử lấy những biến hoá của hiện tượng sinh lý, bệnh lý của cơ thể con người để giải thích mộng.

Thời Tông, nhà thơ Hoàng Đình Kiên có bài thơ "Ngủ ngày hôm 17 tháng 6".

Tiếng ngựa nhai cỏ đâu khô sột soạt có thể kích thích khi quan tỉnh giấc của nhà thơ tạo ra tiếng mưa bão trong mộng và cảnh sống cuộn. Tiền Trung Thư bình rằng tiếng ngựa nhai trong "ảo mộng" thành cảnh mưa gió lạnh lẽo. Người nghe thấy mình bất nóng nực mà thoả ý muốn.

Nhà thơ yêu nước Lục Du viết gần vạn bài thơ trong đó có nhiều thơ về giấc mộng. Bài "Thập nhất nguyệt tứ nhật phong vũ đại tác" có mấy câu thơ:

Cương ngoại có thôn bất tị ai...

Thiết mã băng hà nhập mộng lai...

Nhà thơ nằm lạnh còng cò đơn tại một cô thôn mà nghĩ đến chống giặc rửa hận báo vệ biên cương. Ban đêm tĩnh mịch gió thổi tường như nghe thấy tiếng vỗ ngựa qua sông... Hình ảnh và âm thanh bay vào cảnh mộng của nhà thơ. Đây là thí dụ liên hệ chặt chẽ giữa giấc mộng với kích thích vào cơ thể. Freud phân chia các kích thích về mặt nhục thể ra làm ba loại: Những kích thích cảm quan do ngoại vật đưa đến; trạng thái hưng phấn cảm quan nội chỉ có thể cảm thụ bằng cảm giác chủ quan những kích thích của nội bộ cơ thể phát ra từ các khí quan nội tại.

Học thuyết về tài liệu và nội dung giấc mộng của Freud cũng có khuyết điểm của nó. Trong đó chủ yếu nhất là ảnh hưởng của quan điểm "Quyết định luận". Freud cho rằng giấc mộng những hoạt động động tâm lý khác đều có tính quy luật nghiêm ngặt. Nhưng Freud đã tuyệt đối hoá những quy luật đó đến nỗi dẫn đến

phủ nhận nhân tố có tính ngẫu nhiên. Cho nên khi ông giải thích về hiện ý và ẩn ý của mộng, cố ý coi bất cứ một chút tài liệu nào đều là cố ý nghĩa, là có ảnh hưởng của đời sống hiện thực.

Nếu nói đến "tác dụng kiểm tra" khi giải thích ý thức, ông rất coi trọng tính năng động chủ quan của ý thức và năng lực hoạt động tương đối độc lập có ý thức, thì khi nói đến quan hệ giữa nội dung giấc mộng với hiện thực và lịch sử, ông lại coi nhẹ tác dụng năng động này của ý thức. Ông tuyệt đối hoá ảnh hưởng của kinh nghiệm lịch sử đối với giấc mộng đến nỗi ông cho mỗi một chi tiết của giấc mộng đều là sự tái hiện của hiện thực, đã làm cho người ta cảm thấy có chút khoa trương và cường điệu.

Tuy vậy sự giải thích nguồn gốc nội dung mộng và các tài liệu biểu hiện tính phiến diện lại bổ sung cho phần lý luận về quá trình vận động của giấc mộng của Freud.

Tức là nói rằng khi phân tích và thuyết minh quá trình vận động của giấc mộng, Freud đã tỏ ra có tính linh hoạt cao độ. Freud chú trọng tác dụng năng động chủ quan của hai mặt tiềm ý thức và ý thức. Thế giới quan của Freud lúc thì "cứng nhắc" lúc thì linh hoạt, chỉ có thể một lần nữa nói lên tính tự phát và tính không triệt để trong thế giới quan khoa học của Freud.

4. QUAN HỆ GIỮA MỘNG VỚI TÍNH DỤC

Freud cho rằng mộng có quan hệ nhiều đến tính dục. Ông coi những hình tượng trong mộng là tượng trưng của tính dục. Những hình tượng trong mơ như: gậy, cây, ô, dao, súng, con rắn (các vật có dáng cái gậy)... tượng trưng cho sinh thực khí nam giới. Còn các

hình tượng như: cái buống, bình hoa, gốc cây (các vật có hình dáng bình vật chứa)... tượng trưng cho sinh thực khí nữ giới. Tại sao xuất hiện loại khí tượng trưng này? Freud giải thích rằng trạng thái vô ý thức của con người bao gồm những xung động nguyên thủy và các loại bản năng đặc biệt là tình dục của con người. Những xung động và dục vọng đó không nằm trong phong tục, tập quán, đạo đức, pháp luật mà bị đè nén và đẩy xuống dưới tầng của ý thức. Nhưng chúng không bị tiêu diệt mà hoạt động tích cực một cách không tự giác để tìm tới sự thoả mãn. Chúng nguy trang, không lộ hình tích, dùng một hình thức tương tự với các loại vật tượng tự mà xuất hiện trong giấc mộng.

Freud gọi loại cơ chế đó là "kiểm duyệt giấc mộng". Cũng như ngày xưa, giới quan chức kiểm duyệt cắt xén những điểm mà họ cho là không thoả đáng trên các báo, tạp chí và sách... Cũng tức là cái gốc rễ vô ý thức không thể tùy tiện xuất đầu lộ diện trong hữu ý thức, vì cái gương soi của hữu ý thức và vô ý thức đều sáng lên trước mắt quan kiểm duyệt, có tác dụng ngăn trở không cho các thứ bị cấm kỵ đi qua. Vì lẽ đó mà ở trong mộng, những điều xấu, độc ác của dục vọng vô ý thức đều thay đổi trang phục, hình dáng, thậm chí có thể dùng trò đánh tráo mà đi qua trước mắt quan kiểm duyệt.

Một cô gái trẻ có giấc mơ như sau: Nàng thấy một chàng trai muốn cưới lên một con ngựa bất kham nhưng không được như ý. Bị thất bại ba lần, lần thứ tư, chàng ngồi được lên yên rồi đi. Thoạt nhìn giấc mộng chẳng có gì là ly kỳ. Nhưng dùng "lý luận về tượng trưng" mà phân tích, giấc mộng này ghê gớm đấy. Vì "cưỡi ngựa" là nguy trang của hành động "tình dục". Phân tích ta thấy: "Một người con trai cưỡng bức để có hành động "tính giao" với một cô

gái rất ghét anh ta. Bị thất bại ba lần. Lần thứ tư đạt được mục đích..." Trên thực tế, cô gái đã có ba lần cự tuyệt người bạn trai. Lần này cũng muốn cự tuyệt đến cùng. Trong mộng "tượng trưng" biểu thị việc "tình giao" thành công, chính là biểu thị nỗi băn khoăn của cô gái là mình có thành công hay không với hành vi của mình.

Một người phụ nữ trung niên kể về giấc mộng sau: Mình ở vào một chỗ nào không nhớ rõ. Hình như là ở trại thu hoá không có dây thép gai bao bọc. Nàng ở trong phòng, buồn bã. Có một đám người xô tới, mặc quần áo cho nàng, thậm chí mặc cả áo lông đến nỗi nóng và mồ hôi. Một lúc sau, nàng mới thoát khỏi vòng vây, nhìn kỹ thấy có thể vượt dây thép gai... Bọn người đuổi theo, không chịu thôi. Nàng định đi nhờ xe người khác ở ngoài phố để thoát thân. Nhưng không ai cho lên xe. Bọn chúng đuổi sát, nàng đành chạy sang một đường khác. Một lát, bỗng thấy xung quanh vắng lặng. Trước mặt là hồ rộng, bất giác nàng thấy khoan khoái, ngắm nhìn phong cảnh. Đúng lúc ấy nàng cảm thấy phía sau có người. Nhìn ra, thấy một viên cảnh sát nước ngoài cầm chiếc gậy đứng sau lưng. Nàng bỗng mất hết trí giác...

Nhà phân tích tình thần được biết chồng nàng lớn hơn nàng 18 tuổi, bị trúng phong phải nằm bẹp trên giường. Các con hầu hạ anh ta. Nhà phân tích nói đến ý nghĩa đại diện cho hình ảnh tượng trưng trong mộng, người phụ nữ trung niên đồ gay mặt. Sự thực là nàng không được thoả mãn về tình dục. Lúc đầu, mọi người mặc quần áo cho nàng là nguyện vọng cõi trần trướng ra cửa nàng bị ức chế. Nàng phản kháng sự ức chế này và chạy khỏi trạm thu hoá, có nghĩa là nàng chạy thoát khỏi cái ngôi vị của một người vợ "trình khiết". Nhưng nàng vẫn phát giác thấy có những người đuổi theo

(đại diện cho đạo đức và lương tâm) và bám chặt lấy nàng. Cái mặt hồ rộng phát hiện thấy sau đó là dục vọng mãnh liệt của nữ tính, là tượng trưng cho dục vọng mãnh liệt của nữ giới mong muốn được thoả mãn. Trong mộng có thể coi là trời đất được giải phóng. Nhưng khi người cảnh sát lạ cầm chiếc gậy (tượng trưng cho nam tính) lại gần, nàng mất hẳn đi tri giác...

Lý luận "quan hệ giữa mộng và tính dục" của Freud có ảnh hưởng tương đối lớn với giới học thuật. Trong tạp chí Tự nhiên số 7-1994, Vương Thụ Mậu viết bài "Phân tích cảnh mộng của sinh viên Mỹ", trong đó có câu: "vấn đề quan hệ giữa mộng với hoạt động và thể nghiệm tình dục". Freud đã sớm nêu rõ và luận chứng về những vở kịch thường diễn về hoạt động và thể nghiệm tình dục trên sân khấu giấc mộng sinh. Vì thanh niên học sinh đang ở thời kỳ động tình sơ khai, lượng tiết tiền điệp thể thủy não tăng lên mạnh. Đặc biệt ở nam sinh viên lại càng mạnh. Nhưng về số lượng giữa học sinh Mỹ và Trung Quốc có khác nhau rõ rệt (nằm mơ thấy quan hệ tình dục với người khác) ở nam sinh viên Mỹ là 98,6%, nam sinh viên Trung Quốc là 43%. Ở nữ sinh viên Mỹ là 91,7%, nữ sinh viên Trung Quốc là 14%. Tại sao vậy? Do bối cảnh văn hoá giữa hai nước khác nhau. Ở Mỹ sự giải phóng tình dục và tự do tình dục với hạt nhân là chủ nghĩa cực đoan lợi kỷ và hưởng lạc đã thành nguyên tắc thông dụng. Không những tính dục công khai đầy rẫy trên báo chí điện ảnh, quảng cáo và những hành vi tình dục ngoài hôn nhân, yêu đương loạn bậy và phóng dăng còn được đem làm hàng hoá. Còn ở Trung Quốc thì ngược lại, quan hệ tình dục nhấn mạnh "chuyên một", có trách nhiệm tuân thủ đạo đức và quy phạm của tình dục được coi là đức tính tốt đẹp. Sinh viên Trung Quốc cũng rất quan tâm đến vấn đề tình dục. Nhưng ở Trung Quốc, vấn

đề tình dục là vấn đề sâu sắc và lớn lao. Hơn nữa bị ảnh hưởng của lễ giáo Trung Quốc cấm cố, khoa học lạc hậu nên có người còn coi tình dục là sự việc hạ lưu, đáng xấu hổ. Thật khó nói tới

5. ĐÁNG GIÁ LÝ LUẬN GIẢI THÍCH MỘNG CỦA FREUD RA SAO?

Freud phủ định một cách căn bản các loại mê tín đoán mộng của chủ nghĩa thần bí. Freud coi mộng là hiện tượng tâm lý, là biểu hiện sinh hoạt tinh thần bình thường chứ không phải do một lực lượng thần bí nào thôi thúc mà cũng không phải là một ám thị của các nhân tố tiên tri đoán trước. Cảnh mộng là sản vật sinh hoạt tinh thần nội tâm của con người, không phải là kết quả hoạt động của một điều thần bí ngoại lai nào. Việc nghiên cứu giải thích mộng của Freud biểu hiện dũng khí vô thần học.

Lý luận giải thích mộng của Freud đề xuất ra một số nguyên tắc và phương thức làm việc của một số giấc mộng, thăm dò tìm kiếm cơ chế tâm lý phát sinh ra mộng đã là sự gợi ý cho các ngành khoa học khác như tâm lý học, y học. Sự gợi ý quan trọng đã là một đề mục cho nhiều loại nghiên cứu khoa học. Nó giúp đỡ cho triết học loại trừ được một lãnh địa thần bí duy tâm, giúp cho khoa học tâm lý học khám phá ra tính chất phức tạp của sinh hoạt tinh thần nội tại. Lý luận đó của Freud đã giúp cho y học thăm dò nguyên nhân sinh hoạt tinh thần dẫn đến bệnh hoạn và nó cũng giúp ta nhận thức ra sự mê tín đoán mộng.

Đương nhiên, chúng ta cũng phải nêu rõ rằng, luận thuyết giải thích mộng của Freud cũng có vài chỗ không đầy đủ. Freud nhiều lần nói rằng luận thuyết giải thích mộng đã được xây dựng dưới sự

chỉ đạo của tinh thần khoa học. Sự thực, luận thuyết đó còn bộc lộ rõ tính chất phi khoa học. Theo tinh thần khoa học, định nghĩa của khoa học phải nêu ra bản chất và quy luật của đối tượng nghiên cứu trong điều kiện nhất định, quy luật khoa học phải có tính lặp đi lặp lại và tính có thể thí nghiệm được. Lý luận khoa học phải phù hợp với hiện thực. Lý luận giải thích mộng của Freud không đầy đủ tinh thần khoa học như vậy. Chỗ dựa của luận thuyết giải thích mộng của Freud là phương pháp tự do liên tưởng. Phương pháp này trong những điều kiện không giống nhau, các loại hình thức biến hoá, có tính chủ quan của phương pháp, tính tùy tiện trong phương pháp... rất khó có thể thu được những kết quả nghiên cứu đáng tin cậy, tức là nói rằng bản thân phương pháp đã là phi khoa học. Như vậy kết quả nghiên cứu do phương pháp phi khoa học thu được, rất khó có được đầy đủ tinh thần khoa học, giống như một sản vật của một loại "tư biện triết học".

Nguyên tắc cơ bản mà luận thuyết giải thích mộng của Freud chọn là một loại nguyên tắc có tính giải thích nghĩa, tức là sau khi rõ hết cả toàn bộ các nhân tố của giấc mộng rồi mới giải thích ẩn ý của giấc mộng rất khó thu được kết quả viên mãn khi ứng dụng, vì coi giấc mộng là một vật được cấu thành bằng một mớ của những nguyên tố tâm lý rồi phân giải. Lại do tùy người khác nhau mà xác định những ý nghĩa khác nhau có liên quan đến họ. Cách giải thích nghĩa đó khó bảo đảm được tính chân thực, tính đáng tin cậy và tính xác định khi giải thích mộng. Sự thực lý luận giải thích mộng của Freud đã xây dựng một khái niệm tiên nghiệm tức, cái gọi là ẩn ý. Dục vọng bản năng vô ý thức của giấc mộng bất kể giải thích ra sao, cuối cùng đều khiến cưỡng mà quy kết vào loại ẩn ý đó. Đặc biệt là Freud dùng các tượng trưng tính dục để đề cập ẩn ý của giấc mộng

lại làm cho mọi người lúng túng, ngay cả học trò của ông cũng không dám tán thành.

Dù vậy, chúng ta phải công nhận Freud là một người vĩ đại đầu tiên thực hiện việc chuyển từ mê tín đoán mộng sang giải thích mộng một cách khoa học. Tuy Freud không phải là người Trung Quốc, nhưng với cuốn "Giải thích mộng" và những lý luận phân tích tinh thần do ông sáng lập ra, đã có một ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển về tâm lý học cận đại Trung Quốc và đối với nhận thức khoa học của chúng ta, nhận thức về giải thích mộng.

QUYỂN 2 TRUNG

1

CHỨNG TRIỆU MỘNG TRỜI

Văn hóa là một loại hiện tượng, là cái tượng hiện ra trong sự thể nghiệm của nhân loại. Văn hoá khác nhau biểu tượng cho những hạt nhân ấy thể nghiệm không giống nhau. Bất cứ hiện tượng văn hoá nào đều có hạt nhân của nó, hạt nhân ấy ngưng tụ cao độ trong sự thể nghiệm của những kẻ sáng tạo văn hoá, tượng trưng cho một đại đoàn thể giới thể nghiệm tràn đầy sinh lực. Trời là cốt lõi của văn hoá cổ Trung Quốc. Mộng thấy trời là vạn sự đại cát. Cho nên nhà đoán mộng muốn xem hung cát cho mọi người, bao giờ cũng đặt điểm báo mộng trời lên hàng đầu.

1. ẨN Ý CỦA VĂN HOÁ TRỜI

Trong văn hoá cổ đại Trung Quốc, trời có một ẩn ý về văn hoá sâu đậm và rộng rãi. Từ những tư liệu cổ đại, chúng ta khó có thể biết rõ quá trình nảy sinh của trời. Chỉ biết trời sinh ra vào khoảng đời Ân. Chu và Chu Công Cơ Đán là nhân vật chủ yếu đã

nói về trời và thiên mệnh. Trong sách "Chu thư Thượng thư", thường lấy danh nghĩa trời để bàn đến việc chinh phạt nhà Ân. Cuộc chinh phạt này tập trung biểu hiện sự thay chuyển cốt lõi văn hoá tức là lấy trời người Chu thay cho trời người Ân.

Cốt lõi (hạch tâm) văn hoá đời Chu lấy trời làm nguồn. Đức làm gốc. Trời đây là trời trong lịch sử chứ không phải trời của tôn giáo do đó mà không có ý nghĩa là "thần tối cao". Trời ứng với người, thiên mệnh biểu hiện ở lòng dân. Làm ngược lại lòng dân là trái với đức hạnh của bậc vương giả. Đó là thế giới của người, là thế giới duy dân phục vụ, không có đất dung thân của "thần" theo ý nghĩ của phương Tây.

Nhưng trời với tư cách cốt lõi văn hoá của Trung Quốc còn ẩn tàng. Trong thời Xuân Thu Chiến Quốc đến Tần Hán mới phát sinh những thay đổi to lớn. Trong sự đại xung đột, và dung hợp lớn thời Xuân Thu Chiến Quốc, hình thức chuyển hoá của hạt nhân văn hoá không phải là Trời đồng hoá với vua như thời Ân Chu - trời thay vua - mà là tạo lập lại Trời, cho trời một hàm nghĩa văn hoá mới.

Trong thời kỳ này, người ta coi Trời là nam tính sóng đôi với Đất. Giải thích "Chân dịch", lấy quẻ Càn làm đại diện cho trời, quẻ Khôn làm đại diện cho đất. Càn là hình thái khai triển ánh sáng lúc mặt trời mọc, vừa gần gũi với âm của từ "kiện" (khoẻ mạnh). Trong hai yếu tố ban đầu cấu trúc nên vũ trụ, dương là sáng tạo, hoạt động, khoẻ mạnh... đều thuận tuý do dương khí cấu thành. Lớn nhất là Trời. Dấu hiệu của dương là ba gạch ngang chồng lên nhau, mệnh danh là Càn tương đương với Trời. Sau đó, lại dùng hai chữ tam chồng từ trên xuống dưới, biểu thị sự phức tạp biến hoá của đạo trời. Quẻ trên, dưới đều dùng chữ Tam, tượng trưng cho "dương"

thuần túy nhất, kiện tối cao nhất để nhấn mạnh biểu tượng của trời không thay đổi.

Theo với thời gian, người nhận thức về thế giới mỗi ngày một khá hơn. Người ta lại nói về trời đất là cứng, mềm quan niệm thống nhất đối lập nam và nữ, v. v... Trời là cùng quan niệm như: cứng, dương, đàn ông. Về sau, người ta có quan niệm triết học âm dương biến hoá vạn vật nói rõ trong "Chu dịch" cho rằng thuật ngữ về mặt quan hệ nam nữ là vật có thể cảm nhận có ý nghĩa quan trọng nhất, trong đó thường lấy nam giới đại diện cho trời. "Chu dịch" nói "Thiên địa" cảm "mà hoá sinh ra vạn vật", "thiên địa bất giao" "thì vạn vật không hưng thịnh". "Thiên địa ở đây chỉ nam nữ. "Cảm", "giao" là thuật ngữ hành vi tính dục của nam nữ. Người đời sau cho là tác giả của "Chu dịch" mở rộng việc giao cấu của hai tính giới ra tới lĩnh vực bao la "thiên địa giao hợp" để ca ngợi sự vĩ đại của vật phẩm sinh thành vũ trụ.

Trong bộ sách bách khoa toàn thư đầu tiên của Trung Quốc là "Lã Thị Xuân Thu" có viết: "Trời đất lúc bắt đầu có, trời nhẹ mà thành, đất tắc có hình. Điều này nhất chí với thần thoại về sáng thế trong "Tĩnh thần huấn" sách "Hoài Nam tử": Ngày xưa khi chưa có "tượng" mà cũng không có "hình", ảo ảo, minh minh, mang mang, hồng hồng. Không biết thế nào là tận cùng, không biết dừng chân của nó ở đâu. Có hai vị thần trông nom trời đất thấy nó lớn không có chỗ tận cùng, mệnh mang không biết chỗ nào dừng lại, bèn phân biệt ra âm dương, tách thành bát cực. Cứng và mềm hợp với nhau: Vạn vật bắt đầu thành hình. Khi đục là côn trùng. Khi tinh là người. Hai vị thần giữ việc khai thiên lập địa này là một nam một nữ, gọi là thần nam nữ. Họ thông qua

"cứng mềm kết hợp lại thành" mà sáng tạo ra thiên địa vạn vật. Người sau cũng coi thiên địa là hoá thân của hai vị thần ấy, coi họ là đôi vợ chồng lúc nào cũng giao hợp với nhau chặt chẽ. Từ việc giao hợp của họ mà ngày càng nhiều đứa con được sinh ra. Bọn trẻ con liền đi ra khỏi nhà đưa cha lên cao hơn một chút (hoá thân của trời) như vậy là tách rời bố mẹ, bay ra chiếm một không gian để sống. Bọn trẻ con nằm mộng thấy trời có nghĩa là chúng được điều may, được như ý. Trong truyền thuyết khác, trời được miêu tả thành một vị thần nắm sinh mệnh của con người: "Mệnh là từ trời giáng xuống" là câu cách ngôn của miệng của người Trung Quốc. Thường có thể thấy người ta đem câu này dán ở cổng. Nghe nói trời căn cứ vào công và tội của người mà giáng cho họ "vận" tốt hay xấu. Trời dùng hình thức thác mộng mà giáng lâm xuống nhân gian. Trong "Giải thích thư" của bộ "Đôn Hoàng di thư" ghi chép lại: "Người mơ thấy mình lên trời sẽ là điềm sinh quý tử". Nếu mơ thấy trời đổ sẽ là điềm mất mùa lớn. Hai loại số phận hoàn toàn khác nhau. Thời cổ trời biểu thị "số phận", "số trời". Người mẹ mất con kêu lên "Trời ơi!" Có nghĩa là trời cướp đứa bé của bà đi. Vì vậy mà các giáo sĩ Cơ Đốc nước ngoài đến Trung Quốc đã nghiên cứu và cho rằng nên chuyển dịch từ "Thượng đế" của cơ đốc giáo thành "Thiên chúa".

Trong các tác phẩm văn học từ nhiều đời nay của Trung Quốc, nhất là trong "Sở Từ", ta thấy người ta sùng bái trời rất ghê gớm. Trời là cha mẹ của nhân loại, cho nên bất kỳ người nào bị khổ hoặc đau buồn, lo lắng v. v... đều kêu trời giống như con người khi đau ốm hoặc buồn khổ đều dựa vào cha mẹ.

2. ĐIỂM HUNG CÁT KHI CÓ MỘNG TRỜI

Chương 1 trong "Giải mộng thư" là chương về thiên văn. Nó nói rõ những điểm hung cát khi nằm mơ thấy trời, thiên đế, trời đổ, mặt trời, mặt trăng, sao, tuyết, sương, mưa v. v... Có 41 điều, có những điều chủ yếu như sau:

Mơ thấy mình lên trời - sinh quý tử

Mơ thấy trời sáng - hợp đại hỷ

Mơ thấy nhìn trời - chủ trường mệnh

Mơ thấy Đế Thích - đạt cát.

Mơ thấy trời - chủ đắc tài.

Mơ thấy trời sụp - năm đại mất mùa.

Mơ thấy mặt trời, mặt trăng - chủ đại xá.

Mơ thấy mặt trời, mặt trăng chiếu vào mình - đại quý.

Mơ thấy mình bái mặt trời, mặt trăng - đại cát.

Mơ thấy sao - chủ quan sự.

Mơ thấy sao băng - gia trạch bất an.

Mơ thấy tuyết rơi - đắc quan

Mơ thấy sương móc - ưu tử táng.

Mơ thấy sấm, mưa - đắc tiểu nhục.

Mơ thấy trăng, sao lặn - đại hung.

Trong bộ thứ ba nói về mặt trời và mặt trăng của "Đôn Hoàng di thư", còn phát hiện thấy:

Mơ thấy mặt trời, mặt trăng đấu nhau - đại bại.

Mơ thấy nhật, nguyệt di động - đại xá.

Mơ thấy quỳ trước mặt trời, mặt trăng - quý hoặc cũng là sinh quý tử.

Mơ thấy mặt trời mới mọc - danh vị thăng

Mơ thấy mặt trời, mặt trăng - cát hoặc còn là đắc tài.

Mơ thấy mặt trời phát sáng, chiếu vào mình - đại cát.

Mơ thấy đội trăng, mặt trời - hào quý, có ân xá.

Mơ thấy chiếu vào mặt trăng, mặt trời - quý nhân đại cát.

Mộng thấy mặt trời - cầu điều gì cũng tốt.

Thời cổ và nhất là thời thượng cổ, vì khoa học chưa phát triển, nhận thức của con người có hạn, không giải thích được các hiện tượng tinh vân biến hoá nên tin tưởng rằng các hiện tượng kỳ lạ như sao chổi, sao đổi ngôi, nhật thực, nguyệt thực... đều có sức mạnh chúa tể, là những nguyên nhân sản sinh ra các tai hoạ cho con người và sinh ra điềm hung, cát. Đó là một loại mê tín và điềm báo. Trong tư liệu nguyên thủy đời Ân, Chu, chúng ta phát hiện được những ghi chép mê tín về điềm báo. Trong đó có các từ ngữ chiêm bốc như: "Quý Dậu trình nhật tịch hựu thực, giai nhược". Quý Dậu trình nhật tịch hựu thực, phỉ nhược". Nghĩa là: Hôm nay xảy ra nhật thực, đó là sự việc tốt hay sự việc xấu? Đó là người ta coi nhật thực như một điềm báo. Người ta lợi dụng mặt trời, mặt trăng, sao để bói, chiêm. Thuật chiêm tinh cổ Trung Quốc có ảnh hưởng lớn

trong lịch sử. Những điều ấy phản ánh vào giấc mộng của mọi người rồi thành một tiêu chuẩn để phán đoán điều hung cát.

Không chỉ có sao phản ánh được điều hung, cát mà giấc mộng về trời của mọi người thể hiện ra như: sấm, tạnh, nắng nóng v. v... cũng trở thành tiêu chuẩn để các nhà đoán mộng phán đoán hung cát. Bộ "Đôn Hoàng di thư" có ghi về Thiên bộ đệ nhất như sau:

Quyển "Hữu biệt giải mộng thư" có ghi:

Mộng thấy cổng trời và ông trời - giàu sang, thọ

Mộng thấy người ở trên trời xuống trần - đại cát

Mộng thấy trời - hoạn hoạ tiêu trừ

Mộng thấy cổng trời - hữu kỷ sự

Mộng thấy trời mở cửa - tất có chuyện chiến tranh.

Mộng thấy lên trời - đại cát, sinh quý tử

Mộng thấy viêm thiên - nước có chiến sự

Mộng thấy trời mưa dầm - thân gặp hoạn nạn

Mộng thấy trời đất lớn nhỏ - việc quân sự nổi lên không có lợi

Mộng thấy trời màu trắng - giải được hoạ hoạn

Mộng thấy màu xanh - giàu có. Màu đỏ - hung

Mộng thấy mưa rơi vào mùa xuân, mùa hạ - cát, vào mùa thu, đông - hung

Mộng thấy bầu trời bị xé ra - đại cát lợi

Mộng thấy sao bắc đẩu - có điều lo lắng

Đoạn trên chủ yếu biểu hiện sự cát hung dựa vào khí mây trên trời gặp trong giấc mộng. Chúng ta biết rằng vào thời kỳ xa xưa người ta quan sát khí tượng là để biết trước về gió, mưa, sấm, mưa đá... để phục vụ cho sản xuất, có mang theo một số nhân tố duy vật thô sơ, tức là theo con đường phát triển của khí tượng học. Đến thời kỳ Chiến Quốc, Tần, Hán, việc quan sát khí tượng được đưa vào phạm vi xem khí sao và thành thuật số thần bí. Giá trị vốn có của nó bị mất đi.

Xem khí tượng, chủ yếu là xem vân khí tức là căn cứ vào sắc, tướng hình thái của mây mà phán đoán hung cát. Theo "Chu Lễ", chức Bảo Trượng quản việc chiêm tinh là chính, còn phái căn cứ vào sắc của "năm thứ mây" mà đoán hung, cát. Trịnh huyễn chú: Quan sát sắc mây trong bốn ngày hạ chí, đông chí, xuân phân, thu phân màu xanh là côn trùng, trắng là tang, đỏ là hình hoạ, đen là nước, vàng là mùa màng. Đây rõ ràng là dựa vào lý luận, "ngũ hành" để dự đoán về dân sự. Tục xem vân khí cũng đã thấy ở văn Giáp cốt. Trong các bốc từ cũng có chiêm, bốc về mây. "Tả truyện" viết: có người nằm mơ thấy đám mây như nhiều con chim đỏ bay sát vào mặt trời. Ba hôm sau, Sở Tử cho người hỏi Châu Thái sử. Ông trả lời: "Đây là giấc mơ của Sở vương chăng". Châu Thái sử căn cứ vào sắc mây mà dự đoán Sở vương có tai hoạ. Ông bảo nếu tế lễ có thể chuyển sang khúc xạ khác. Châu Thái sử dựa vào sắc mây mà dự đoán Sở vương gặp hoạ và cách cúng tế để chuyển hoá sang người khác.

Phương pháp xem vân khí mà phán đoán hung cát tất cũng phản ánh vào đầu óc mọi người và phản ánh vào giấc mộng. Do đó có thể thấy nhà đoán mộng dựa vào sắc mây trong mộng mà phóng

đoán hung cát của một số người. Thực tế đó là sự phản ánh của thuật khí tượng cổ đại.

Nội dung giải mộng trong chương sách viết về thiên văn tổng quan thực tế là biểu hiện sự sùng bái giới đại tự nhiên của con người thời Đường, cũng là hình thức tôn giáo nguyên thủy sùng bái vật tự nhiên và sức mạnh tự nhiên, đó cũng có một bộ phận nhỏ thuộc về Phật giáo. Còn lại là sự sùng bái các thiên thể tức là sùng bái mặt trăng, sao và bầu trời, bao gồm cả cổng trời... Là thần linh và vương quốc của thần linh có thể khống chế hung, cát, họa, phúc của con người. Như trên đã nói: mơ thấy trời, hoạn họa được tiêu trừ. Mơ thấy cổng nhà trời là có điều may... Nước ta sùng bái cổng nhà trời rất sớm. Trong "Sở từ", Khuất Nguyên viết: Cửa nào rộng mở, chừ! Ta cỡi mây đen mà qua! Thế nào là cổng trời? Hồng Hưng Tố trong "Sở từ" bổ chú: Cổng nhà trời là cái cổng của Tử vi cung, là nơi ở của Thượng Đế". Do vậy, mơ thấy cổng trời, nơi ở của Thượng đế là có điều may mắn sẽ tới.

Ngoài sự sùng bái thiên thể biểu hiện trong "Đôn Hoàng giải mộng thư" còn bao quát cả sự sùng bái mặt trời. Mặt trời mọc và lặn có thời gian nhất định. Điều đó có quan hệ đến sinh hoạt của con người. Cổ nhân không hiểu biết hiện tượng này nên lễ bái mặt trời. Có những lời bói ở Ân Khư chép nghi thức đón và tiễn mặt trời. Dân gian Đôn Hoàng thấy mặt trời làm điều may nên có ngạn ngữ: "Mộng thấy mặt trời là có việc làm, có quan tước". "Mộng thấy mặt trời cân gì cũng được". "Mặt trời mọc là cát, mặt trời lặn là hung". Trong đấy cũng có sự sùng bái mặt trăng. Tuy vậy, mặt trăng không đi một mình, bao giờ cũng gắn liền với mặt trời. Điều này hầu như có tiếp thu một vài quan điểm tinh tượng học của

phương Tây. Tinh tượng học của phương Tây cho rằng các vì sao, mặt trời, mặt trăng có một vài tác dụng nào đó với con người, cũng như tác dụng của sắt đối với từ lực trong từ trường. Cho nên mặt trời, mặt trăng, tinh vân có thể thông qua các con đường, kênh, lạch nào đó mà đi đến thân thể con người. Điều đó có khác biệt nhất định với chiêm tinh học.

Sách "Đôn Hoàng giải mộng thư" còn thừa nhận sự biến hoá của các tinh tú biểu thị cát, hung, hoạ, phúc của con người. Tinh vân thường đại biểu cho sự bất trắc (không lường được) và bất cát. Cho nên cổ đại có "tế sao", là lễ sao để trừ tà ma. Khi thấy sao đổi ngôi, sao Bắc đẩu là triệu chứng không tốt. Người ta còn cho mưa, tuyết, sấm, sương, mây v. v.... đều có ý trí uy lực. Chúng nắm cát, hung, hoạ, phúc của con người, cho nên chúng ứng vào mộng. Chiêm mộng và chiêm tinh của Trung Quốc cổ đại có liên quan mật thiết với nhau. Những nhà đoán mộng và chiêm tinh coi thiên địa, vạn vật đều có thần. Với hoạt động của nhân loại, các thần có một thiên tượng nào đều dự báo phúc hoạ, hung cát cho con người. Những hiện tượng như nhật thực, sao chổi, sao băng v. v.... rất được chú ý và gọi là "thiên biến". Nằm mơ thấy thiên biến là điều rất đáng sợ, nên người ta lại cầu thần phù hộ để giải trừ tai nạn. Ở Trung Quốc cổ đại, nhà đoán mộng và nhà chiêm tinh bổ trợ cho nhau cùng tồn tại, cùng hội cùng thuyền với nhau. Họ là hai nhà phương thuật lớn.

2

MỘNG THẤY ĐẤT VÀ ĐỊA MẠO ĐẤT

Ở Trung Quốc, địa (đất) chiếm một vị trí rất thần thánh. Thiên hệ từ, sách "Chu dịch" viết: "Ngày xưa, Bào Hy Thị làm vua thiên hạ, ngẩng lên quan sát "tượng" trời: nhìn xuống quan sát "pháp" đất, nhìn hình chim thú thấy hợp với đất gần lấy từ thân mình, xa lấy từ muôn vật v. v... bèn sáng tạo ra "bát quái". Đoạn ghi chép này phản ánh tổ tiên của nước ta coi trọng việc nhìn trời xét đất (quan sát trời và tướng mạo đất), như thế nào. Cũng nói rõ rằng "Bát quái" có ảnh hưởng trong mấy nghìn năm lịch sử của nước ta, cũng sản sinh ra từ đây. Địa (đất) chiếm một địa vị quan trọng trong tâm khảm người dân Trung Quốc. Do vậy, hiện tượng đoán mộng và xem địa mạo được đặc biệt coi trọng. Hai hiện tượng này có liên hệ nội tại với nhau. Hai loại phương thuật này cũng chiếm vai trò rất nổi bật. Chúng là hai anh em sinh đôi với nhau.

1. THUẬT XEM TƯỚNG ĐẤT CỔ ĐẠI CỦA TRUNG QUỐC

Ai cũng biết quẻ "Khôn" trong bát quái đại diện cho đất. Thiên khôn quái, sách Chu dịch viết: "Khôn" là đất, vạn vật được

đất nuôi nấng! Đất có một giá trị đáng sùng bái và là điều cao cả. Tập tục truyền thống Trung Quốc chịu ảnh hưởng của “Chu dịch” mà rất coi trọng đất. Phàm như những khi “động thổ xây dựng” đều phải quan sát địa hình, xem có “đắc địa” về mặt phong thủy không. Rồi mới chọn đất thích hợp, tránh “hung địa”. Đáng lẽ ra, việc xây dựng doanh trại, lầu phòng phải quan sát địa lý không có quan hệ gì với thần học, nhưng vì tư duy của người cổ bị hạn chế, cho rằng việc quan sát địa lý quan hệ tới quý thần, có nghĩa là đến phúc họa của người ở trên mảnh đất đó, nên phải xem tướng đất thích hợp thì đất đai mới bình an làm ăn mới thịnh vượng con cháu mới phúc. Nếu mảnh đất có ma quỷ thì sẽ lụn bại, tiêu điều, tai ương đến cả con cháu.

Trong những thư tịch ghi về tướng đất trong xây dựng các công trình hồi Tiền Tần, tuy có lộ ra điều sợ hãi về quý thần và thiên mệnh, nhưng phương pháp xem đất này phản ánh chút ít quan điểm duy vật thô sơ, sắc thái mê tín rất ít. Vua nhà Thương là Bàn Canh dời đô đến đất Ân, tuyên bố: “Thiên đế mệnh cho ta thụ mảnh ấp mới này. Nơi đây sẽ thịnh vượng mãi mãi”. Người nhà Thương dời ấp và xây dựng ấp là căn cứ vào ý chí quyết định của quý thần qua việc chiêm, bốc. Trên thực tế là do tình trạng của các cuộc chiến tranh bộ lạc, khí hậu, nước nổi, đồng ruộng và nguồn tư liệu v.v... quyết định.

Người Chu cũng dời đô và xây dựng ấp mới nhiều lần. Công Lưu dời đến đất Thi, Cổ Công dời về Kỳ Sơn. Thành vương xây dựng ấp Lạc ba lần. Mỗi lần như vậy, phải xem tướng đất, cùng với công trình xây dựng, căn cứ vào điều kiện tự nhiên mà chọn miếng đất thích hợp rồi mới chiêm, bốc hung cát, sau cùng mới xây dựng.

Trong quá trình xem tướng đất, còn phải ước lượng bóng mặt trời, tức là xác định phương vị giữa doi đất với ánh mặt trời. Như vậy là thuật xem tướng đất nhà Chu, về quan niệm tuy bị ảnh hưởng của thần nhưng phương pháp về cơ bản lại phù hợp với lý luận khoa học.

Bắt đầu từ Tần, Hán, thuật xem tướng đất tiến bộ hơn, phát triển thành địa lý học và đồng thời cũng lạc vào địa hạt thuật mê tín. Có 3 điểm dễ rơi vào tiêu chí thuật mê tín: Một là cho rằng vị trí của âm trạch quan hệ đến tiền đồ của hậu đại tử tôn. Hai là kết hợp với lý luận âm dương ngũ hành. Ba là coi việc xây dựng cung thất, mộ địa của con người có liên hệ với sự vận hành của thiên thể đi đến cấm kỵ "Hoàng đạo", "Thái tuế", "Nguyệt kiến"...

Trong Tứ huy thiên, sách "Luận hành". Vương Sung viết: Một là tránh nhà xoay vào hướng Tây. Nhà hướng Tây là bất tường, bất tường tất có sự chết chóc. Sở dĩ điều ấy nên ở đời không ai làm nhà hướng Tây. Điều huy kỵ này không quan hệ gì với điều kiện tự nhiên. Cũng còn có cả những huy kỵ về phương vị. Trong sách còn cho rằng năm và tháng động thổ xây dựng đúng vào năm Thái Tuế tại Tý, năm Nguyệt Kiến tháng Dần, Tý vị, Dần vị... sẽ bị tai ương. Như vậy gọi là "Động thổ vào Thái Tuế", đó là điều cấm kỵ. Cũng có nghĩa là kết hợp tướng đất với việc quan sát trời lại với nhau.

Thuật xem tướng đất đời Hán đã phát triển thành phần mê tín trong thuật xem tướng đất đời Tần có pha trộn thêm bộ phận hoang đường của bát quái âm dương lại đem phương pháp đoán dò phương vị mặt trời bao hàm tính khoa học xưa kia biến đổi thành thuật mê tín hoang đường. Từ lúc này, việc xem tướng đất đo sang hướng tà thuật.

Thuật xem tướng đất ở Trung Quốc có nguồn gốc sâu xa, thâm nhập vào dân gian, lam dụng ở thời Tiên Tần, phát triển ở sau thời Tần. Hán đồng thời nó được tăng thêm nhiều sắc thái mê tín. Nhà đoán mộng đã căn cứ vào nguyên lý của thuật xem tướng đất.

2. DÙNG TƯỚNG ĐẤT TRONG MỘNG XEM CÁT HUNG.

Trong "Đôn Hoàng giải mộng thư" có một số nội dung các giấc mơ biểu hiện, hung, cát, như "Địa lý chương đệ nhị", viết:

Mộng thấy đất chuyển, đất sụt - nhà không yên

Mộng thấy đất sáng - giàu lớn.

Mộng thấy đất nằm - của cải nhiều

Mộng thấy quét đất - có việc kiện tụng

Mộng thấy trờ đất vào nhà - đại cát.

Mộng thấy nổi đất lên - chức quan sẽ tới.

Mộng thấy chui vào đất - đại cát

Mộng thấy nhà đất có bạc - cãi nhau

Mộng thấy lăm đất bán áo - đại hung.

Mộng thấy tường - có chuyện kiện cáo.

Trong "Giải mộng thư" sách "Đôn Hoàng di thư" còn ghi rất nhiều điều liên quan đến đất:

Mộng thấy nhà ruộng xanh - hữu hỷ sự.

Mộng thấy đất rung - rời chuyển.

Mộng thấy lửa từ đất bốc lên - bị bệnh

Mộng thấy đất nứt - lo mộng hao tổn.

Mộng thấy đất trên bụng ngực - mất con cháu.

Mộng thấy mưa ruộng - đại cát phú quý.

Mộng thấy ở nơi cao - phú quý.

Một số điều nói trên cho thấy biểu hiện tập trung của người dân Đôn Hoàng cổ sùng bái đất. Đất là điều kiện cơ bản cho sinh tồn của mọi người. Xa rời đất, không còn cách nào mà sống nữa. Nghe nói, thủy tổ của người Chu là Khương Nguyên. Khương Nguyên là thần của trái đất. Bài "Cùng Lưu" có câu: "Đất rộng mà bằng phẳng gọi là Nguyên". Thần nông nghiệp của người Chu là Hậu Tắc. Sử sách có ghi Hậu Tắc là con của Khương Nguyên. Cách nói này hợp với lô-gíc là vì Khương Nguyên là thủy tổ người Chu, là thần của trái đất, mà nông nghiệp lấy đất đai làm cơ sở. Tắc (cao lương) và những thứ ngũ cốc khác đều sinh trưởng ở đất. Như vậy, Khương Nguyên là thần nông nghiệp và là thần nông truyền thuyết của người Mãng, người mẹ của đất quyết định về trồng trọt của con người. Người mẹ của đất chỉ dẫn mọi người tìm được các giống ngũ cốc. Đó là truyền thuyết của người Tạng. Trong truyền thuyết Hy Lạp, thần nông nghiệp là nữ thần của đất. Với người Babylone cổ, thần thực vật, hạt giống là con gái của nữ thần đất đai.

Ở nước ta, từ rất sớm đã có nghi lễ "tế đất". Người cổ tế thần đất bằng cách vấy máu con vật hy sinh, rượu, máu người lên mặt đất, coi như là những lễ phẩm. Những gò, đồng được nhân cách hoá thành thân thể của thần. Sau đó lại còn gọi là "xã thần", "hậu thổ" và lập thần vị để lễ. Sau đời Xuân Thu Chiến Quốc, có các cấp thổ thần của các châu, huyện, hương lý.... Nơi nào cũng lập miếu, đền

để tế lễ thần. Nhiều triều đại rất coi trọng hoạt động tế thần. Sự sùng bái này thấm thấu vào nội dung các giấc mộng, phản ánh trong "Đôn Hoàng giải mộng"

Sách "Đôn Hoàng giải mộng" nói nhiều về những giấc mộng liên quan đến đất, cho rằng nằm mơ thấy trồng trọt ở ruộng là điềm giàu có, sung túc. Mọi người dựa vào mảnh đất canh tác mà sống và (phát tài) lên được. Sách "Bách Hồ thông nghĩa" nói: đất đưa đến vạn vật là nhờ có thân. Đất nuôi nấng vạn vật nhưng cũng huỷ hoại vạn vật. Mơ thấy mua đất là đại cát. Mơ thấy đất sụt là gia trạch không yên".

Sùng bái các hòn đá là một hiện tượng văn hoá rất thú vị trong tập tục sinh hoạt Trung Quốc. Cổ nhân thường cầu mưa trên mòm đá. Nếu sau khi cầu mà vẫn chưa mưa thì phải gõ lên trên mòm đá. Một số phụ nữ cầu tự ở mòm đá. Ở Tứ Xuyên có một cái miếu. Trong miếu có một hòn đá thật to có 5 lỗ. Các phụ nữ đến cầu con ném một số đá sỏi vào các lỗ. Nếu ném trúng được lỗ trên cao nhất thì được giàu có. Ném trúng lỗ dưới cùng, sẽ được vinh dự. Ném trúng các lỗ bên trái hoặc bên phải là sẽ có con. Trúng bên trái sinh con trai, trúng bên phải sinh con gái. Ở Đài Loan gọi thần bảo vệ nhi đồng là "Sư phụ đá". Mọi người mong cho các con mình được khoẻ mạnh như hòn đá. Nếu sinh con, người mẹ phải cúng lễ hòn đá bốn lần trong một năm để tạ ơn cho đến khi đứa bé lên sáu tuổi mới thôi. Ngoài ra ở cổng các phủ, huyện thường có sư tử đá. Dân gian thường thích dùng đá núi Thái Sơn để trừ tà.

Trong "Đôn Hoàng giải mộng" có ghi rất nhiều giấc mộng về những hòn đá được sùng bái.

Nói tóm lại, chúng ta thấy thuật xem tướng đất hoặc hiện tượng sùng bái đất đều phản ánh sự coi trọng đối với đất. Mộng là sự phản ánh tồn tại của xã hội.

3. MỘNG VÀ SỰ SÙNG BÁI SƠN THẦN

Trung Quốc là nước có nhiều núi. Có nhiều danh sơn thắng cảnh làm thế giới phải ngưỡng vọng, như núi Hy Mã Lạp Sơn là chòm cao của thế giới có băng tuyết quanh năm, núi Kim Phù Dung, Hoàn Sơn là kỳ quan trong thiên hạ, núi chọc trời Ngũ Nhạc, núi tứ đại Phật Sơn có mây khói bao phủ lâu dài và Vũ Dương Sơn, Lư Sơn, Tinh Cương Sơn, Vũ Di Sơn, Nhạn Đãng Sơn, Thái Hành Sơn, Trường Bạch Sơn v. v... Những năm cuối đời Xuân Thu ghi lại có chừng 447 núi lớn. Nếu kể cả núi nhỏ, sẽ có 5370 ngọn núi. Núi chiếm 33% diện tích của Trung Quốc.

Trung Quốc coi "Núi" là tượng trưng nguyên thủy của Tổ quốc. Tô Đông Pha, Nhạc Phi đều ca tụng núi. Mao Trạch Đông viết:

Giang sơn như thử đa kiêu

Dẫn vô số anh hùng cảnh kiệt yêu...

(Sông núi như thế nhiều vẻ đẹp, khiến bao nhiêu anh hùng phải cúi lưng)

Sông núi ở đây chính là hình tượng Tổ quốc. Một số người trong lịch sử gọi cuộc đấu tranh giành chính quyền quốc gia là cuộc đấu tranh "lấy giang sơn". Gọi hoàng đế ngồi trên ngôi thống trị là "tọa quang sơn".

Trong lòng người Trung Quốc, núi có địa vị vô cùng quan trọng. Trong vũ trụ quan của tổ tiên người Trung Quốc, núi chiếm địa vị tương tự với địa vị thống trị của Hoàng đế, trong dân gian. Núi mang tính trì cửu (lâu dài), trong trật tự vũ trụ. Mọi người sùng bái núi Ngũ Nhạc và sự sùng bái đó còn tồn tại đến tận ngày nay. Từ trước đến nay, nhiều người cống hiến vật hy sinh tới núi Ngũ Nhạc. Núi Ngũ Nhạc đại diện cho "Ngũ Phương". Đông Nhạc Thái Sơn ở Sơn Đông, Nam Nhạc Hành Sơn ở Hồ Nam, Trung Nhạc Cao Sơn ở Hà Nam, Tây Nhạc Hoa Sơn ở Thiểm Tây, Bắc Nhạc Hằng Sơn ở Sơn Tây. Cả 5 quả núi này cây cối xanh um, trên đỉnh núi đều có đền, miếu của đạo giáo. Tương tự với núi Ngũ Nhạc, còn có nhiều núi biệt danh cho sự thờ phụng và tôn sùng của đạo phật. Ví dụ như ở Tứ xuyên có Nga Mi Sơn.

Ở Trung Quốc, hầu như đại đa số núi đều có hung thần. Ở phía bắc Trung Quốc có tín ngưỡng cho rằng linh hồn những người đã chết đều lên trên núi mà trú tá. Cho nên những vật cúng cho người chết cũng được mang lên núi. Người cổ Trung Quốc coi hiện tượng núi sập là tượng trưng cho sự ra đi của một Hoàng đế.

Cho nên núi và Hoàng đế có liên hệ với nhau, cảm ứng với nhau. Bài Đương Thiệp trong cuốn Bao Phác tử có viết: "Núi không kể to nhỏ đều có thần linh". Những vị thần núi này đều nắm điều hung cát của con người. Trong Sơn lâm thảo mộc thiên, bộ Đôn Hoàng giải mộng có rất nhiều hiện tượng thần linh hoá các trái núi và nội dung sùng bái núi như:

Mộng kiến dầu dãi sơn giả, đắc tài.

Mộng kiến sơn lâm trung hành giả, cát.

Mộng kiến đầu đái sơn giả là nằm mơ thấy đầu đội núi. Chuyện từ đời Đường, theo sách "Vân khê hiếu nghị", Tống Ngôn có giấc mơ đó được giải thích ra là: "Tú tài Tống Ngôn mơ đội núi sẽ thành danh lớn". Quả nhiên qua khoa thi, Tống Ngôn đỗ nhiều cấp đến cao nhất, danh tiếng lừng lẫy lừng, làm quan to cũng có nghĩa là giàu có phát tài. Chuyện này biến thành gần như tục ngữ: "Mộng kiến đái sơn giả, đắc tài" cũng còn nhiều điều sùng bái sơn thần như sau:

Mộng kiến thượng sơn, sở cầu giai đắc.

Mộng kiến tọa cao lâu sơn nham thạch, sở cầu giai đắc.

Nghĩa là nằm mơ thấy mình lên núi hoặc ngồi trên những mỏm núi cao thì cầu điều gì đều đạt được. Thiên Tế pháp trong sách "Lê ký" có ghi: Sơn lâm, núi xuyên qua nhiều nơi: gò đồng; núi có mây phủ và núi vào lúc có mưa gió hoặc có quái vật... đều xuất hiện thần linh cả. "Thuần điển", sách "Thượng thư" có ghi rằng nhà Hạ có cử hành lễ vọng ở sông núi, lễ khắp các vị thần. Sách "Thượng thư" còn nói vua Thuấn "tháng hai, tuần thú phía đông núi Đại Tông, tháng năm tuần thú phía nam đến núi Nam Nhạc, tháng tám tuần thú phía tây đến Tây Nhạc, tháng mười một tuần thú phía bắc đến núi Bắc Nhạc. Tức là nói vua Thuấn có đi "tuần thú" và "tế lễ" ở núi Thái Sơn, Hành Sơn, Hoa Sơn, Hằng Sơn v. v... Các hoàng đế nhiều triều đại làm lễ phong Thiên tế trời đất, cũng tiến hành một cuộc đại tế lễ đối với sơn thần. Khi tế lễ sơn thần, theo phong tục quy định vua cho chôn các vật dụng bằng ngọc và bằng đá xuống đất, ném các tế phẩm như chim, dê v. v.... lên núi hoặc treo các tế phẩm lên cành cây trên núi cao. Việc tế lễ sơn thần được tiến hành long trọng trong phạm vi không khí văn hoá đó. Mọi người dần dần

phát triển nó lên thành đoán điềm cát, hung trong mộng. Như câu "Mộng kiến sơn lâm trung hành giả, cát", nghĩa là mơ thấy người đi trong núi rừng là điềm tốt.

Ở các dân tộc ít người của Trung Quốc không thiếu gì những ví dụ về sùng bái sơn thần. Ví dụ như tộc Pu Lang, cứ đến hai ngày mồng năm và mồng sáu tháng riêng hàng năm đều có tổ chức tế sơn thần. Lúc tế, thầy cúng và gia trưởng (hoặc một em bé trai) đứng trước một gốc cây, bày các tế vật như gà trống, gạo, rượu, trà, hương, tiền giấy... ra, thầy cúng niệm lời cầu, giết gà, nấu cháo gà rồi ăn cháo gà. Nhưng phải cho máu gà thấm vào một tờ giấy. Tờ giấy thấm máu gà đó được dán lên thân cây để xin sự phù hộ của sơn thần. Ai nằm mơ thấy nghi thức tế thần đó sẽ được sơn linh thiêng bảo vệ cho sự bình an vô sự.

Núi, không chỉ sinh đẻ ra và nuôi nấng những truyền thuyết thần thoại cổ đại Trung Quốc mà còn ăn sâu vào tâm lý dân tộc, phong tục tập quán, hình thành một thứ văn hoá về mộng.

3

SÙNG BÁI NƯỚC, LỬA VÀ ĐOÁN MỘNG HUNG CÁT

Mạnh Tử đã nói: "Không có lửa và nước, người ta không sống được". Đó là những nhân tố cực kỳ quan trọng trong đời sống thường ngày. Nếu trong giới tự nhiên không có nước và lửa thì nhân loại không lao động được, không sinh tồn được, cũng không thể có văn minh, cho nên nước là cái nôi của nền văn minh của các quốc gia cổ. Nền văn hóa huy hoàng sán lạn của nước ta xuất hiện với sự sinh đẻ, dưỡng dục của lưu vực sông Hoàng Hà.

Trong xã hội nguyên thủy, người ta sống bằng săn bắt và hái lượm, từ sống ở dưới nước rồi dần dà tiến lên xã hội nông nghiệp. Người ta không phải sống ở sát bờ nước nữa mà có thể sống xa nước. Nước và nông nghiệp bắt đầu kết bạn keo sơn với nhau.

Đương thời, nguồn nước thường là dựa vào nguồn nước mưa thiên nhiên và các dòng sông. Cho nên, trong sự sùng bái giới tự

nhiên của tổ tiên ta rất coi trọng thủy thần và thần mưa, bởi vì họ có quan hệ trực tiếp đến phúc và họa trong cuộc sống.

Thời viễn cổ, người ta chỉ biết sùng bái thần sông trong địa khu của mình ở. Vì dòng sông ở khu vực của họ có quan hệ mật thiết đến cuộc sống của họ, là nguồn nước nơi bắt cá. Những cái không thể thiếu được. Bất kể dòng sông mang lại lợi hoặc hại cho họ, mọi người vẫn cứ coi là uy lực của nó. Đó là một sức mạnh siêu nhiên, thao túng dòng nước động hay tĩnh, chảy từ từ hay xiết có nghĩa là thưởng hay là phạt mọi người. Vì vậy, mọi người phải tế lễ thần sông.

Sau đời Chu, tình hình tế lễ thần sông có nhiều thay đổi. Lúc này, người ta vẫn chỉ tế lễ thần sông nơi họ cư trú. Nhưng quan cai trị lại tế lễ các dòng sông nổi tiếng cả của thiên hạ. Điều này phản ánh sự mở rộng của khu vực thống trị và tính ý lại của triều đình vào kinh tế tài chính địa phương.

Tế tự thần sông trong dân gian tiến hành một lúc với sự tham gia của toàn thể dân chúng. "Hoạt lễ liệt truyện" trong sách "Lễ ký" phản ánh chuyện Hà bá lấy vợ. Quan huyện Tây Môn Báo hỏi chuyện một trưởng lão, thấy ông già kêu khổ vì có nạn Hà Bá lấy vợ. Quan huyện ngạc nhiên quá đỗi, liền bảo: "Chuyện gì lạ vậy?". Lão trưởng kể: "Mọi người phải đóng góp hàng mấy trăm vạn đồng, dùng 23 vạn cho Hà Bá lấy vợ, còn lại phải gánh cả tiền cho thầy cúng, phải trọn con gái còn trinh xuống sông làm vợ cho Hà Bá. Nếu không, Hà Bá sẽ dâng nước làm lụt cả vùng..." Tây Môn Báo muốn ngăn cản kiểu mê tín này, liền đi quan sát lễ Hà Bá cưới vợ rồi ném cho mục phu thủy cùng với mấy đệ tử của mục xuống sông làm vợ Hà Bá. Ông bảo mục: "Mục xuống báo cáo với Hà Bá rằng

trên này đang đi chọn thêm vài người con gái đẹp nữa, đẹp hơn để ném xuống!" Việc làm này khiến cho các quan lại trong huyện hoảng sợ. Nhưng cũng từ đó không còn cái nạn "Hà Bá lấy vợ" nữa. Chuyện này không có thật nhưng quả là người dân sợ Hà bá sẽ dìm chết mọi người nên phải chịu mọi phí tổn cho việc tế lễ Hà Bá. Tục mê tín và cúng lễ này rất phổ biến trong thời Chiến Quốc. Người ta đã nhân cách hoá Hà Bá và cứ hành nghi lễ tốn kém. Nhưng tục lệ mê tín và nghi lễ này rõ ràng là từ thời cổ truyền lại và đã thành nếp truyền thống. Nếu không do truyền thống nó không thể bỗng dưng nảy sinh ra được.

Theo các sách ghi lại, có nhiều phương pháp tế lễ thần sông. Nhưng có hai hình thức tế lễ tương đối nguyên thủy và tiêu biểu hơn cả là phương pháp tế nổi và tế chìm. Phương pháp tế nổi để các tế phẩm nổi trên mặt nước. Phương pháp tế chìm để các tế phẩm chìm xuống đáy nước. Sau khi tế, tế phẩm mất đi không hình không bóng, phù hợp với cách nghĩ ảo tưởng cho là thần sông đã lấy đi.

Có nhiều khu vực người dân sống cách xa dòng nước. Do đó lấy nước để sống đã thành vấn đề lớn. Trong tình huống này, tổ tiên chúng ta mò mẫm ra việc đào giếng.

Theo các sách ghi chép, nước ta phát sinh ra cách đào giếng từ rất sớm. "Dật Chu thư" viết "Hoàng đế đào giếng", sách "Thế Thuyết" viết "Bá Ích làm giếng", sách "Sử ký" viết "Vua Thuấn đào giếng". Các truyền thuyết này tuy không có chứng cứ xác đáng nhưng từ bài ca dao đầu tiên "Kịch nương ca" (Bài ca đào đất) đã có câu "Mặt trời mọc thì dậy, mặt trời lặn thì nghỉ, đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn" Văn giáp cốt ở Âm Khư đã có chữ "tình" là giếng. Tức là đời Ân, Thương đã có giếng. Trong xã hội cổ đại, cái

giếng là cực kỳ quan trọng. Có giếng làng, giếng chợ, tổ tiên của chúng ta thường sinh hoạt, giao dịch, nghỉ ngơi ở quanh cái giếng.

Sách "Sử ký" ghi: Năm đầu Vũ đế đã phát động một vạn lính đào mương, Từ Chinh dẫn nước sông Lạc vào Thương Nhan. Bờ dễ lở, bèn đào giếng sâu hơn bốn mươi trượng, thường xuyên làm giếng, dưới các giếng nước thông nhau, phía đông tới Sơn Lĩnh khoảng hơn mười dặm, nước giếng thông từ đó mà có. Hàng hai nghìn năm về trước, tổ tiên ta ở khu vực Tây Bắc đã phát sinh ra phương pháp cải tạo tự nhiên này.

Trong bộ "Đôn Hoàng giải mộng thư", chương bốn nói về thủy, hỏa, đạo tặc đã viết:

Mộng thấy đào giếng - được tin xa

Mộng thấy giếng sủi nước - giàu to

Mộng thấy nhìn giếng - có tin hỏa tặc

Thời đó ai đào giếng sẽ được tiếng đồn đại xa gần, được tin cậy và hoan nghênh.

Nhân loại thời viễn cổ sùng bái hỏa thần là Chúc Dung. Bắt đầu từ người Sở, trong chế độ mẫu hệ, là một người phụ nữ. Về sau, người ta tế tảo quân thường chủ tế là nữ. Theo "Khổng Tử gia ngữ" viết: "Cúng tảo quân do người phụ nữ làm chủ tế".

Người thượng cổ rất coi trọng bếp lửa. Hiện giờ một số địa phương còn bảo một gia đình nào đó bị "lật bếp", có nghĩa là bị tuyệt diệt. Đó là dấu vết của phong tục ngày xưa lưu lại. Do đó, thần lửa tự nhiên được đóng vai thần bếp. Một khi bếp được thần hoá, nó trở nên điều thần thánh. Ở nước ta có phong tục cúng lễ bếp

rất phổ biến. Sách "Kinh Sở Tuế thời ký" viết: "Hàng năm cứ đến mùng 8 tháng 12 là ngày cúng lễ, ngày ấy dùng thịt lợn và rượu để cúng "thần bếp". Sách "Tây dương tạp trở" cũng viết "Thần bếp... ngày Kỷ Sửu, giờ Mão lên trời... Ngày này cúng tế thì được phúc".

Chính vì thần bếp có ảnh hưởng lớn với dân chúng nên có câu: "Bếp chủ trì việc ăn, người nằm mơ thấy mình được chén. Mơ thấy lửa bếp đỏ là điều lành".

Ngoài ra chữ "hoả" là lửa đồng âm với chữ hoạt là hoạt động. Ngày tết, người ta thường thích đốt lửa to để tán tung thân tài.

Trong "Giải mộng thư, mộng thuỷ, hoả, đạo, tặc, đảng sự" trong "Cựu gia tất dụng sự loạn" có viết như sau:

Mộng thấy lửa cháy nóng rực - được nhiều tiền của

Mộng thấy lửa đốt núi rẫy - đại hiển hách.

Mộng thấy đông người vây quanh lò - hoà hợp, tốt.

Mộng thấy nhóm lửa - đại cát lợi

Mộng cầm hoả cưỡi thuyền - địa vị cao sang

Nói tóm lại, thời cổ đại nước ta rất sùng bái nước và lửa. Chính vì vậy mà trong các sách đều ghi lại những lời chiêm, bói có quan hệ với nước và lửa. Chương 4 sách "Giải mộng thư" nói riêng về thuỷ, hoả, đạo tặc đã viết:

Mộng thấy ở trong nước - đại cát.

Mộng rơi xuống nước - đại hung cho lợn

Mộng thấy ngân nước - đại hoạ hung

Mộng thấy uống nước - chủ tố tụng

Mộng thấy nước - đại cát lợi

Mộng thấy nước lớn - chủ hôn nhân

Mộng thấy cầm lửa đi - đại thông

Mộng thấy nhóm lửa - chủ đại cát

Mộng thấy nước sông, hồ, biển - thông thoát

Mộng thấy đào giếng - được tin xa

Mộng thấy giếng phun nước - hợp đại phú

Mộng thấy nhìn giếng - được tin xa

Mộng thấy nằm trong giếng - đại hung

"Giải mộng thư, Mộng thủy hóa đạo tặc đảng sự" trong "Cư gia tất dụng sự loại" lại còn một số chiêm từ bổ sung như sau:

Mộng thấy đi trên nước - đại cát

Mộng thấy đứng trên nước - hữu hung sự

Mộng thấy nước chảy không dừng-được của cải lớn

Mộng thấy nước chảy quanh người - hữu ngục tụng

Mộng mang nước đi đường - đại thông đạt

Mộng thấy nước chảy mệnh mang - hữu tân hôn

Mộng thấy nước lớn trong vát - đại hung

Mộng thấy nước sông, hồ, biển - đại cát

Mộng thân ở trong nước - quý nhân phù hộ

Trong sách "Thuật xem tướng người" do nhà xuất bản Hoa văn Bắc Kinh xuất bản năm 1988 cũng có viết về những lời bói có liên quan đến nước và lửa, xin trích dưới đây:

Mộng thấy trên đường gặp mưa - sẽ có phúc khẩu

Mộng thấy nước nhỏ giọt không dừng - sự sẽ thành

Mộng thấy lội nước mà đi qua - bệnh lâu ngày bỗng nhiên đỡ

Mộng đi ngược dòng nước - sự nghiệp thuận lợi, tài sản đại tang

Mộng nước lớn trào mặt đê - hưởng thụ tuổi trời

Mộng xuôi nước sông mà đi - nhiều chuyện phiền não

Mộng thấy dây sông - sự nghiệp nhiều lần gặp khó khăn

Mộng thấy đốt nóng - sẽ có thêm áo mới

Mộng thấy đến nơi hoả táng - cát sự đến nhiều

Mộng thấy lửa đỏ trong lò - sẽ có hạnh phúc đến bất ngờ

Mộng thấy lửa cháy trong núi - sẽ có họa cải nhau.

Những câu ngữ chiêm bói này hầu như xuất thân từ thời hiện đại, phản ánh sự tiến bộ của sức sản xuất xã hội, sinh hoạt vật chất được cải thiện. quan niệm về giấc mộng của con người cũng có sự thay đổi tương ứng.

4

PHẬT VÀ ĐOÁN MỘNG

Thế giới lý tưởng của nhà Phật là hư vô, phiêu diêu. Thế giới của mộng cũng như mây khói, tiêu tan mất tích. Trong hai thế giới hư ảo ấy lại có mối liên hệ nhất định với nhau.

Phật giáo được truyền vào Trung Quốc lúc nào? Đến bây giờ cũng khó xác định. Lịch sử lấy mốc từ việc Hán Vũ đế nằm mơ, sai người đi tìm đạo Phật. Năm Vĩnh Bình thứ bảy. Hán Minh đế nằm mơ, gặp một người bằng vàng. Minh đế bèn mời người đến giả mộng. Thái sử Phó Nghị nói: "Trong mộng, người gặp một vị đức đạo Phương Tây gọi là Phật". Minh đế liền phái thái Âm và 18 người nữa đi miền Tây cầu đạo Phật. Ba năm sau, Thái Âm và những người cùng đi, mời hai vị tăng Ca Diếp Ma Đằng và Chúc Pháp Lan đến Lạc Dương cùng với một số kinh nhà Phật, Tượng Phật được thếp trên lưng một con ngựa trắng. Minh đế xây dựng chùa Bạch Mã. Hai vị tăng ở trong chùa, đã phiên dịch 42 chương kinh. Phật giáo được lưu hành tại Trung Quốc từ đó.

Sau khi Phật giáo được truyền vào nhập Trung Quốc từ đầu thời kỳ Tây Hán, qua vài trăm năm hấp thụ và tiêu hoá, đã hoàn toàn trở thành một bộ phận văn hoá Trung Quốc. Nó thẩm thấu ào ạt vào mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, phong tục. Chẳng có chỗ nào nó không xâm nhập vào. Thời Đường là thời kỳ thịnh vượng của Phật giáo, ở Trung Quốc nhiều tôn phái mọc lên như rừng, tăng lữ nhiều lên vô kể. Tuy Phật giáo ở Trung Quốc không giữ tư cách là quốc đạo, nhưng trên thực tế nó đã được tôn sùng.

"Thái bình quảng ký" là cuốn tiểu thuyết thời Đường có nhiều nội dung về Phật giáo, nhưng thật sự hấp dẫn quần chúng, chỉ có hai phần là "Thích chứng" và "Báo ứng"

Phật giáo tuyên truyền rằng hãy tin vào Phật là có thể giải trừ được tất cả tai nạn ở nhân gian. Tục ngữ có câu: "Thà làm con chó trong thời bình hơn làm con người trong buổi loạn lạc". Nhưng dù ở trong thế giới thanh bình cũng khó tránh được những tai hoạ bất trắc. Tin Phật thì có thể tránh được. Trong "Báo ứng" sách "Thái bình quảng ký" có kể: Thời Đường Cao Tông có Bạch Nhân Triết vận chuyển gạo đi Liêu Đông, qua biển gặp gió to. Bốn bề đen như mực. Bạch vội vàng đọc 300 lần kinh "Kim cương". Thế là như nằm mơ thấy một vị tăng đến bảo: "Người đã niệm chân kinh nên ta đến cứu người". Một lát sau, gió yên sóng lặng. Lại ở "Vương Lệnh Vọng" sách đó kể rằng: Vương Lệnh Vọng chợt gặp mảnh thú, vội vàng niệm chân kinh. Mảnh thú nhìn Vương rồi cúp đuôi bỏ đi, nước dãi đầy đất.

Tin Phật không những chỉ miễn trừ được tai nạn, mà còn có thể chuyển hung thành cát. Cũng trong "Báo ứng" có chuyện Mục Nhan Thông đọc kinh Kim Cương mười lần trong một ngày. Tên

giặc cướp Lý Mật muốn bắt Mục về ấp, giết để tế cờ. Mục biết trước liền nhảy xuống thành mà chạy. Lý Mật vác dao đuổi theo. Mục nhảy xuống vực mà không bị thương tích gì. Trên không có tiếng nói: "Vì người niệm kinh nên may mắn thế đấy. Có thể về nhà được rồi"... Sách trên còn kể chuyện một người tên là Khai Hành Lập không biết chữ thường mang theo kinh Kim Cương bên mình, lại thường thắp hương lễ bái ở nhiều nơi. Có lần, hơn mười tên giặc xông đến cướp tay nải của Khai. Trong tay nải của Khai có kinh Kim Cương nặng đến hàng năm sáu chục cân, không lấy được. Sau đó, những tên giặc này cảm động, cải tà quy chính.

Đối với người dân nói chung, Phật giáo là một cách lý giải đối phó với cái chết. Ý nghĩa của Phật giáo rất tinh thâm. Nhưng nói đi nói lại, mục đích của nó là dẫn dắt mọi người đi đến "giải thoát" triệt để. Đạo Phật cho rằng sự trói buộc đời người là "khổ", chỉ có chết mới giải thoát khỏi cái "khổ". Cho nên, thời Nam Bắc triều, đạo giáo đã gọi mỉa mai đạo Phật là đạo có thuật "học chết". Nói chung các tín đồ đạo Phật không sợ chết. Cho rằng chết chỉ là đi đến chỗ tốt hơn. Có chuyện: Người ở chốn u minh dẫn Trần Văn Đạt xuống một cái đài xây dưới mặt đất. Trần Văn Đạt lúc nào cũng cầm cuốn kinh Kim Cương liền hỏi, người đó trả lời: "Đây là đài Bát Nhã để đợi Trần Văn Đạt, các vị ở chốn u minh đều rất kính trọng". Những chuyện tương tự như vậy có đến hàng trăm ghi trong "Thích chúng" và "Báo ứng" trong "Thái bình quảng ký". Mỗi người chúng ta không tránh khỏi bệnh, chết, tai nạn. Hy vọng được chuyển điều hung sang điều cát. Sau khi chết lại được đến "chỗ tốt hơn". Đó nguyện vọng chung từ người quyền quý đến người bình thường. Mà nhà Phật lại tuyên bố là có thể thỏa mãn được yêu cầu đó. Hơn nữa người sùng tín đạo Phật thường thấy trong giấc mộng

thường mang ảo giác như có âm nhạc, văng vẳng đến đón mừng mình hoặc sẽ xuất hiện những hiện tượng kỳ lạ mà nhà Phật tuyên truyền là có công hiệu nếu tin vào đạo Phật. Phật giáo có một ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội nhà Đường. Sự sùng bái Phật thành ra một phong khí trong kho báu văn hoá Phật giáo. "Giả mộng thư" có ghi: những giấc mơ gặp gỡ mọi người và mọi sự vật liên quan đến Phật thường là những giấc mơ nhiều "cát", "lợi". Trong "Phật đạo âm nhạc, chương đệ bát" sách "Đôn Hoàng giả mộng thư" có viết:

Mộng thấy đi vào chùa - chủ hỷ sự

Mộng thấy Bồ Tát - chủ trường mệnh (thọ)

Mộng thấy Kim Cương - được người giúp đỡ

Mộng thấy tăng ni - trăm việc đều không hợp

Mộng thấy xin đồ chay - đại cát

Mộng thấy đốt hương - có sự hôn nhân

Mộng thấy miếu thần - người tiên cầu thức ăn.

Ở đây, Phật chỉ Thích Ca Mâu Ni. Nằm mơ thấy Phật, sẽ được Phật phù hộ. Trong Phật giáo, bồ Tát là dưới Phật. Nhưng Bồ Tát được Trung Quốc hoá, nói chung gọi là "Tam đại sĩ" gồm Văn thu, Quan Âm và Phổ Hiền. Nghe nói Phổ Hiền có đức hạnh, kéo dài được tuổi thọ của con người. Quan Thế Âm có thể cứu mười hai loại tai nạn. Khi gặp tai nạn, chỉ cần niệm tên Ngài là sẽ được ngài cứu vớt hoặc giải thoát. Ngài cứu khổ, cứu nạn cho tất cả mọi người không phân biệt quý, tiện, hiền, ngu. Cho nên lại có tên là "Đại từ bi cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát". Khi nằm mơ thấy Bồ Tát, nhà đoán mộng cho là có thể kéo dài được tuổi thọ. Kim Cương

lực sĩ gọi tắt là Kim Cương, dùng để chỉ hai vị thiên thần cầm chày Kim Cương để bảo vệ Phật pháp, tục gọi là Hanh Ha, thường được bố trí đứng ở hai bên trái và phải cửa chùa hoặc thiền viện. Đứng bên trái là Mật Cháp Kim Cương. Đứng bên phải là La Diên Kim Cương. Tượng Kim Cương thường cỡi trâu, trông rất dũng tướng. Tứ đại thiên vương của Trung Quốc cũng được gọi là Tứ Đại Kim Cương. Vị này tượng trưng cho sức mạnh, uy vũ. Trong giấc Mơ thấy các vị đó là sẽ được giúp đỡ.

Như trên đã nói, Phật giáo có ảnh hưởng to lớn đến nền văn hoá Trung Quốc. Ngay cả trong nghệ thuật âm nhạc và vũ đạo cũng tràn đầy âm thanh nhà Phật, hài hoà kỳ diệu và hao hao những dáng múa Phật.

Âm nhạc Phật giáo truyền vào Trung Quốc sớm nhất gọi là "Bối tán". Bối là đưa lời tán tụng vào quản huyền là dịch âm của tiếng Phạn, nghĩa là ca vịnh kinh Phật. Nghe nói thanh âm của "Bối tán" tương đối ai oán. Theo "Pháp Uyển chu lâm" đời Đường, khi bản về lai lịch của âm "Bối tán" nói: Tào Thực thường du ngoạn Ngưu Sơn bỗng nghe thấy vẳng lại âm thanh. Phan Triên không nghe thanh nhã mà ai oán, liền ghi lại thành "Bối tán". Tào Thực không tin Phật, Trần Dân Khắc khảo về chuyện này cho là ngụy tạo. Nhưng chuyện này cũng nói rõ: "Bối tán" làm cho con người có cảm giác thê lương. Trong chương 8 viết về âm nhạc đạo Phật của bộ sách "Đôn Hoàng giải mộng thư" viết:

Mộng thấy tấu nhạc - khóc than

Mộng thấy đánh trống - có tin xa đến

Mộng thấy múa - có chuyện kinh sợ

Mộng thấy ca hát - có chuyện cãi cộ

Mộng chơi đàn cầm sắt - có chuyện cười xin

Mộng thấy thổi sáo - chủ hợp đại cát.

Vì âm nhạc nhà Phật thế lương, khi người ta mơ thấy thứ âm nhạc đó, nhà đoán mộng phụ họa coi là có chuyện than khóc. Chúng ta hãy nhìn những bức vẽ trên vách Đôn Hoàng mà xem, những tư thế vũ đạo thật phiêu dật ưu mỹ, có một loạt hình tượng bay bổng trên trời như ảnh bay ngang trên không, có tư thế bay nghiêng có hình tượng ngựa mà bay lên hoặc bay xuống khiến người ta phải kinh ngạc mà thốt lên lời khen ngợi. Nếu nằm mơ thấy những bước vũ đạo đó, nhà đoán mộng sẽ cho là có sự khủng khiếp. "Mơ thấy người ca hát có cãi cộ". Điều này do nhà đoán mộng dựa vào kinh nghiệm trong cuộc sống của con người nên chuyển hình tượng giấc mộng ca hát thành chuyện đôi co gẫu với nó, sau đó từ đôi co suy ra cãi cộ. Mơ thấy người cầm đàn sắt (đánh đàn cầm, sắt) cho là chuyện cười xin theo các thư tịch cổ Trung Quốc. Cầm sắt là thứ "nhạc khí trên trời" đại biểu cho quan chức, do đó nhà đoán mộng cho rằng có đàn cầm sắt là có chuyện vui mừng.

Với những lời đoán mộng trên, chúng ta thấy người đời Đường sùng bái đạo Phật là trạng thái bình thường của xã hội đương thời, là phong khí của xã hội.

5

TẾ CÂY VÀ CHIÊM MỘNG

Cây là loại thực vật phổ thông ở Trung Quốc. Tuy vậy, dưới góc độ văn hoá, cái cây phổ thông ấy được con người, qua óc tưởng tượng, gửi vào trong nó vô vàn điều tốt đẹp, cũng như điều quái đản. Cây thêm vào văn hoá Trung Quốc một vầng hào quang thần bí.

Từ rất sớm, Trung Quốc đã là một nước đại nông nghiệp, thực vật được người Trung Quốc sùng bái và thần thánh hoá, trước hết là những loại cây có quan hệ với sản xuất nông nghiệp như cây đào và cây dâu v. v...

Cây đào được "thần thánh hoá" trước nhất. Ví dụ thiên "Hải ngoại Bắc Kinh" trong "Sơn hải kinh" nói rõ núi Khoa Phụ phía bắc có rừng gọi là rừng đào mộng tròn 300 dặm. Khoa Phụ là vị anh hùng thời thượng cổ đã chạy thi với mặt trời. Sức nóng của mặt trời làm ông khát nước. Ông muốn đến uống nước ở sông Hoàng Hà nhưng chưa tới nơi đã chết. Chiếc gậy tượng trưng cho chái anh hùng mà ông vút ra biến thành rừng đào rộng 300 dặm. Cây đào và

rừng đào có một ý nghĩa thiêng liêng. Ngoài ra sách cổ nước ta còn nói đến "tâm mộc" dài ngàn dặm.

Cây dâu được gọi là "cây bát tử". Đó là biểu hiện nguyên thủy của sùng bái thực vật linh thiêng. Không kể phương Nam hay phương Bắc, người Hán hay người dân tộc thiểu số đều có tập tục tế lễ các cây lớn.

Ở Phúc Kiến, Đài Loan, người dân gọi những cây đại thụ và những cây sống lâu năm là những "cây thần", không những không dám đung chạm đến chúng mà còn thắp hương, dâng lễ vật. Ở các miền dân tộc phương Bắc, người ta tôn sùng những cây cao lớn trong rừng và tế lễ các cây to ở xung quanh làng mạc. Sự sùng bái, tế lễ các cây to và cao đã trở thành hoạt động của tất cả các dân tộc. Nhất là trong thời đại săn bắn, tộc Mãn thường luôn lễ bái thần cây. Dân tộc Hà Nhì ở Vân Nam có hoạt động tế lễ cây rất nguyên thủy. Họ gọi tế cây là "tế rồng". Lễ tế được chọn giữa tháng hai và tháng ba âm lịch. Tế lễ trong 3 ngày, tiến hành bí mật không cho người ngoài tộc và người ở trại khác tham dự. Đối tượng lễ bái không phải là con rồng mà là "long thụ" đặc biệt cao, to. Nó được gọi là "thần bảo vệ" cho thôn, trại. Nghi thức tế lễ rất long trọng, thống nhất trong toàn trại. Lễ tế bắt đầu, sáng sớm thứ nhất người ta dọn một bãi đất bằng phẳng giữa trại (thường là nơi đặt nhất cuộc đầu tiên hoặc xây dựng vật đầu tiên ở trong trại). Sau khi san phẳng đất người ta đặt bàn cúng lên chỗ đất bằng. Trên bàn đặt một thùng ngũ cốc, một đấu gạo, bốn cái bát, một bình rượu. Trên đấu gạo có chiếc nhẫn hoặc đồng tiền bạc. Một ông già thông minh trong trại rót rượu vào các bát rồi tụng niệm lời cầu nguyện. Ông già này phải là một người có uy vọng và tinh thông lịch sử và văn hoá của dân

tộc mình. Ông cúi đầu trước cây tơ tằm lòng thành kính với thần, xin thần bảo vệ trại, thôn được 4 mùa thịnh vượng...

Từ xã hội nguyên thủy cho đến xã hội hiện đại, tại sao người ta lại sùng bái những cây cổ thụ cao to, đại thụ lâu năm? Chúng tôi cho rằng ở những đầu óc mê tín này có một điểm chung là sùng bái sức sống và sức phồn thực biểu thị sự thịnh vượng đó thẩm thấu vào cả lĩnh vực các giấc mơ. Cho nên trong "Đôn Hoàng giải mộng thư" có nhiều "chiêm từ" về những giấc mộng có liên quan đến cây cối như:

Mộng thấy cây - đại cát

Mộng thấy cây sinh trưởng - đại cát

Mộng thấy cây chết - có đại tang

Mộng thấy cây gãy - mất huynh đệ

Mộng thấy trèo lên cây - có việc vui mừng

Mộng thấy chặt cây trúc - cãi nhau

Mộng thấy cây có rậm rạp - gia trạch vượng

Mộng thấy củi gỗ trong nhà khách - đại hung

Mộng thấy cây nở hoa - thân đại quý

Mộng thấy hoa rụng - vợ chết

Mộng thấy nhiều loại quả hỗn tạp - có thai

Mộng thấy măng trúc - xảy việc lo lắng

Mộng thấy cây bông khô héo - mẹ ốm

Ngoài ra, trong " Đôn Hoàng di thư" có chương mục "Giải mộng thư" ghi một số chiêm từ như:

Mộng thấy dầu ở phòng khách - lo việc quan

Mộng thấy cây mọc ở trên mộ - giàu có

Mộng thấy trong cổng mọc cây cỏ - phú quý

Mộng thấy chặt cây - cầu gì được nấy

Mộng thấy ở trong rừng - đại cát lợi

Chúng ta biết rằng người và động vật, đời nọ tiếp đời kia sẽ chết đi. Nhưng có một số cây sống hàng mấy trăm năm, thậm trí vài nghìn năm. Có những cây bị đẵn đi mà bộ rễ lại nảy ra mầm mà lớn mạnh lên. Có nhiều loại cây có sức phồn thực kỳ diệu. Người ta sùng bái những sức mạnh siêu phàm như vậy. Mặt khác có những cây, loại thực vật là nguồn tư liệu sinh hoạt của con người, là chỗ dựa cho con người. Nhưng không phải lúc nào chúng cũng có thể thoả mãn được nhu cầu, dực vọng của con người. Ví dụ như cây ăn quả, có năm quả nhiều, cũng có năm có ít quả. Hoặc có khi do một nhân tố bỗng nhiên nào dẫn đến được mùa... Người ta cho những tình huống như vậy là do dụng ý của thần đối với mọi người. Từ đó nảy sinh ra mê tín tế bái thần cây. Người ta cho rằng: "Nằm mơ thấy cây cối sinh trưởng là điều tốt", mà mơ thấy cây chết là sẽ có đại tang.

Thư tịch cổ ghi về một số cây có tác dụng thần bí đặc biệt như sách "Sơn Hải kinh" ghi: Có loại cỏ hình như kiệu nhưng lá xanh ăn no được, tên là chúc dư. Có loại cây dạng như dạng lúa mà đen, hoa chiếu sáng bốn phía, tên là mê cốc, đeo nó không bao giờ bị mê. Có loại cỏ chữa được bệnh rất hiệu nghiệm. Lại có loại cây mà sau khi

ăn một vài củ sẽ không thấy đói mãi v. v.... Như vậy là thừa nhận sức mạnh thần bí của một số loài cây. Có khi, khoác một vài loài thực vật lên mình sẽ không bị mê hoặc, không phát sinh bệnh tật, hoặc ăn một vài loại cây cối nào đó có thể có ảnh hưởng tốt đến đời con, đời cháu. Người ta công nhận ngay sức mạnh thần bí và tính chất thần thánh của một số cây. Có nhiều loài cây là hoá thân của thần linh. Chuyện kể rằng: "Người con gái của Hoàng đế chết hoá thành cò "diêu" có lá nhỏ, hoa vàng, quả như đậu khấu. Ăn quả diêu, người sẽ đẹp ra... Sách "Sơn Hải kinh" cũng lại kể ra có nhiều loại thực vật ăn vào không thấy mệt nữa, ăn xong không quên, ăn xong không ưu phiền, mà thấy đẹp hẳn ra v.v... Những loại thực vật được kể đến dù ít dù nhiều đều có sắc thái thần bí. Lời đoán mộng nói rằng: "Năm mơ thấy cỏ mọc xanh tươi tức là gia trạch được vượng. Người mơ thấy hoa nở sẽ thấy điều quý và sang: Mơ thấy hoa rụng thì vợ chết. Mơ thấy quả tộp là vợ có mang v.v...

6

MỘNG THẤY RỒNG ĐIỀM BÁO TỐT LÀNH

Người Trung Quốc cổ đại mê tín giấc mộng, đặc biệt rất thích mộng rồng. Các bậc quân vương phong kiến trước và sau khi tức vị thường mơ thấy mình cưỡi rồng bay lên trời. Nào là ngồi rồng lên mây, hoặc mơ thấy trèo lên rồng, hay mơ thấy rồng, mơ nuốt rồng, mơ bắt được rồng, mơ gặp rồng vàng v. v... Tất cả những chuyện nằm mơ xung quanh rồng đều được ghi chép trong lịch sử, dã sử, tạp ký, nhiều không kể xiết... Tại sao vậy?

Rồng là một vật thần linh ở Trung Quốc, ai ai cũng biết cả. Rồng được con người yêu quý nhất trong các loài vật và có sức sống nhất. Mấy nghìn năm nay, ở Trung Quốc khi hạn hán, thường đắp tượng rồng để cầu mưa. Để cho các công trình xây dựng và cầu cống được an toàn, không bị tai nạn về thủy hỏa, người ta trang sức hình con rồng ngay trên nóc các toà nhà hay ở thôn cầu. Thấy nam nữ kẻ đôi hạnh phúc, người ta bảo "Long phượng trình tường".

Muốn cho con trai tiến bộ thành đạt, người ta bảo: "Mong con thành rồng". Nằm mơ thấy gặp rồng được coi là bậc cao sang hay quý nhân. Các ngày lễ hội có múa đèn rồng, đua thuyền rồng v.v... Tất cả những chuyện ấy suy đến cùng là do trong tâm khảm người Trung Quốc, con rồng là tượng trưng cho linh thần mạnh mẽ không có gì ngăn cản được. Hình thái con rồng trông hoành vĩ mà đẹp, giương nanh múa vuốt bay lượn giữa mây. Con rồng tiến thẳng, vươn lên, khoe mạnh, vượng khí. Do đó gần 1000 năm nay, rồng được dung hợp phát triển trong lịch sử, tư tưởng, tôn giáo, thần thoại và dân tộc Trung Quốc. Trong "Giải mộng thư" thường thấy rồng là giấc mộng quý, đại cát, đại lợi.

Trước nhất ta gặp những lời giải thích sau trong "Long xà, thiên đệ thập" trong "Đôn Hoàng giải mộng thư" hoặc trong "Cư gia tảo dụng sự loại" dưới đây:

Mộng thấy rồng vào chợ - có địa vị cao sang

Mộng thấy cá khô - thiên hạ bị hạn

Mộng thấy trong giếng có cá lớn - đắc tài

Mộng thấy rắn vào lòng - sinh quý tử

Mộng thấy bắn rồng - đại cát

Mộng thấy bẫy cá - trăm việc được giải

Mộng thấy cá chép - vợ có thai

Mộng thấy cười rồng - có tước lộc

Mộng thấy chim én bay tới - có khách xa đến

Mộng thấy rùa rắn nhìn nhau - có cửa

Mộng thấy giun - diễn trạch đại cát

Mộng thấy cá bơi dưới nước - có của cải

Qua những "chiêm từ" kể trên thấy những giấc mộng gặp rồng, rắn thường là những giấc mộng lành, đẹp. Điều ấy giải thích thế nào? Để trả lời ta hãy bắt đầu từ nguồn gốc của rồng.

Các loại tô tem của xã hội nguyên thủy Trung Quốc có nhiều. Đối tượng sùng bái thường là các động vật và thường tồn tại thực tế trong đời sống hiện thực. Rồng có đặc trưng của một tô tem. Rồng được phát triển từ một động vật có thực trong cuộc sống. Động vật đó là: rắn. Trong "Sơn Hải kinh" có sự miêu tả về các thần thượng cổ nước ta trong đó có loại rồng rắn không tách khỏi nhau. Người ta bảo: Long xà (rắn rồng) hoặc cá hoá long (cá hoá rồng). Về việc miêu tả con rồng, người xưa viết: Thần sấm mình rồng mà đầu người.

Các thần từ núi Thiên Hạo đến núi Nam Ngang - mình rồng mặt người.

Diên duy - đầu người mình rắn

Cổ - mặt người mình rồng

Hiên viên - mặt người mình rắn, đuôi đầu giao nhau.

Các thần từ núi Đan Hồ đến Đê Sơn - mặt người mình rắn.

Các thần từ núi Quản Sâm đến núi Đôn Đê - mặt người mình rắn

Chức long - mặt người mình rắn mầu đỏ

Tương Liễu - chín đầu, mặt người mình rắn cổ khoang màu xanh.

Nhị phụ - mặt người mình rắn

Các thần từ núi Thục Sơn đến Bình Sơn: mặt người mình rắn.

Trong sách "Sơn Hải kinh" có rất nhiều con vật mình người mặt rắn. Hình tượng mặt người mình rắn nói rõ ràng rồng rắn khi ấy không tách rời nhau. Mặt người mình rồng thực chất là tô tem của các bộ lạc khác nhau dùng rắn làm tô tem. Do địa vị, sự mạnh yếu, thế hệ và phương pháp biểu hiện khác nhau của các bộ lạc, đặc trưng chủ yếu trên tô tem tuy giống nhau nhưng vẫn có nét khác nhau. Các thần "mặt người mình rắn", "mặt người mình rồng" trong "Sơn Hải Kinh" chính là tô tem khác nhau của các bộ lạc cùng sùng bái một tô tem chung. Đưa mặt người lên thân động vật là một hình thức biểu hiện của tô tem đã có từ đời Hán. Rồng bắt nguồn từ rắn, những vật trên rồng chứng minh rồng và rắn có đặc trưng giống nhau: mình dài, có vảy, ngủ mùa đông.

Ý nghĩa tượng trưng của con rồng sau khi đã đi vào đời Thương thì hàm nghĩa tô tem của nó mất dần. Nhưng tinh thần của con rồng lại được phát triển rộng hơn. Có nghĩa là hàm nghĩa của tất cả mọi tính tượng trưng về con rồng được xác định rõ từ đời Thương, Chu và kéo dài, ảnh hưởng đến mấy nghìn năm sau. Từ lúc này, rồng được phong là thần vật, có thể nói ra được nhiều điều hung cát là vì rồng đại diện cho ý trời. Đó là con vật linh thiêng để cầu mưa và làm ra mưa. Người ta gọi rồng là thánh nhân, rắn là quân tử.

Sau thời Tần, Hán, ý nghĩa tượng trưng lại được tiếp tục phát triển. Do kẻ thống trị muốn có được uy quyền lớn hơn mà gắn liền rồng với các vị đế vương. Từ đó có câu: "Thiên tử do rồng sinh ra". Theo "Sử ký", thân mẫu của Hán Cao tổ thường nghỉ bên bờ hồ lớn, mơ thấy gặp thần lúc ấy mưa to gió lớn, bà nhìn lên, thấy giao long

nằm trên. Bà có mang và sinh ra Hán Cao tổ cũng có mặt rồng, râu rồng. Về sau các vị vua được đánh giá cao: "Chiên long thiên tử". Hoàng tử, hoàng tôn được coi là thuộc giống rồng. "Đế vương từ đó được kết hợp với rồng và cả hai được gắn với giấc mộng.

Không những con rồng có mặt khắp trong các cung vua mà cũng có mặt khắp nơi trong dân dã. Thậm chí có mặt khá nhiều trong giấc mộng của mọi người.

Từ đời Ân, Thương đến giờ, địa vị của con rồng vẫn được đặt cao đến nỗi không một con vật nào sánh được. Con phượng hoàng cũng dưới hàng nó. Vai trò của con rắn có bị kém đi. Những giấc mộng về rắn không thể nào so sánh được với những giấc mộng về rồng. Hai giấc mộng đó khác nhau nhiều về giá trị. Một tác giả Mỹ viết: "Mơ thấy con rắn ở Trung Quốc có nhiều cách giải thích. Nằm mơ thấy rắn đuổi theo là có vận may. Mơ thấy rắn màu đen sẽ sinh con gái. Mơ thấy rắn trắng sẽ sinh con trai. Ở Đài Loan mơ thấy rắn có nghĩa là tài sản sẽ bị tổn thất. Thấy rắn quấn tròn lại xung quanh người nằm mơ tức là cuộc sống của chủ nhân giấc mộng đó sẽ có nhiều biến đổi. Điều này căn cứ vào hiện tượng biến đổi lột xác của rắn mà suy ra. Nếu một người con trai mơ thấy một con rắn tức là người đó lại có một người bạn mới. Tượng trưng của giấc mộng rắn lại gắn với thế tục. Có khi rồng là nam, rắn là nữ. Ngày xưa rắn thường hoá thành con gái để ra với cuộc đời và cũng đưa những giấc mộng tới con người.

Người ta hạ giấc mộng về cá, rùa, ngoa v.v..., xuống địa vị thấp hẳn để nâng cao vị trí những giấc mộng có liên quan đến rồng.

Con rồng với hình tượng mọi mặt của nó đã có ảnh hưởng sâu sắc tới nền văn hoá dân tộc truyền thống.

Tóm lại, hình ảnh con rồng đã lưu lại một ảnh hưởng sâu sắc trong văn hoá dân tộc Trung Hoa. Nó ấp ủ ước nguyện được sống hạnh phúc, truy cầu cái chân, cái thiện, cái mỹ của tổ tiên ta. Nó làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân Trung Hoa và còn biểu hiện sức sáng tạo nghệ thuật ưu việt của nhân dân Trung Quốc. Hình ảnh con rồng mãi mãi đại diện cho sức sống lành mạnh và đặc tính phong phú đa dạng của văn hoá dân tộc Trung Quốc.

7

TỪ "ĐÔN HOÀNG GIẢI MỘNG THƯ" XEM MỐI QUAN HỆ VỢ CHỒNG ĐỜI ĐƯỜNG

Thời cổ đại ở nước ta, trong xã hội mà người đàn ông là trung tâm đã thịnh hành quan điểm đạo đức luân lý của Nho gia: "Người chồng là giường cột của vợ". "Tang phục truyện" trong sách lễ ký có câu: "Người cha là trời của con", "Người chồng là trời của vợ". Điều ấy biểu thị địa vị của vợ chồng khác biệt như trời và đất. Lại nói rằng: "Vợ chồng nhất thể, vợ chồng hoà quyện vào nhau" Một khi đã thành vợ chồng, nhân cách của người vợ bị chồng thu hút nên mấy đi tính độc lập. Hơn nữa theo lời giáo huấn "Chồng là giường cột của vợ", trong xã hội cổ đại, người chồng coi vợ là khác thể trong tay mình, tùy ý mua bán, xử lý. Với một xã hội nam nữ không bình đẳng như vậy làm sao có được đến quan hệ bình đẳng chân chính giữa vợ và chồng.

Tuy vậy, chúng ta hãy đọc chương thứ 14 nói về "Hoa phần vợ chồng" trong bộ sách "Đôn Hoàng giải mộng thư" hầu như sẽ thấy địa vị người phụ nữ trong gia đình ở địa khu Tây Bắc đời Đường có được chút khảm khá hơn. Thử xem những giấc mộng.

Mộng thấy vợ vui - được của cải của người.

Mộng thấy vợ đánh - được vợ giúp sức

Mộng thấy đánh vợ - mất của

Mộng thấy vợ chồng vái nhau - có chuyện chia tay

Mộng thấy vợ chồng nắm tay nhau - đại cát

Mộng thấy vợ trang điểm lộng lẫy - tất chia tay

Mộng thấy vợ - thay đổi công việc

Mộng thấy vợ có thai - đại hung

Mộng thấy vợ ốm - mất của

Mộng nhìn thấy vợ - được tài sản lớn

Mộng thấy vợ đeo dao - gặp lại con

Mộng thấy mở cửa - vợ ngủ đêm ở bên ngoài

Mộng thấy hai người con gái gặp nhau - hung

Mộng thấy vợ đeo hoa đánh phấn - cãi nhau

Thời cổ đại Trung Quốc, vợ chồng không bình đẳng trước pháp luật. Pháp luật đời Đường quy định: Vợ đánh chồng bị tội đồ một năm. Đánh chồng chết bị "xử trảm". Nhưng chồng đánh vợ chết bị giảm xuống hai đẳng cấp dân thường. Chồng đánh vợ, pháp luật không để ý. Đến đời Minh, Thanh quy định: Chồng đánh vợ

dưới mức thương tích, không được bàn đến. Chồng đánh vợ trên mức bị thương tích sẽ bị giảm hai đẳng cấp thường dân. Nhưng bên nữ phải kiện mới xét tới. Nhưng ở "Đôn Hoàng giải mộng thư" lại đưa ra: Mơ thấy vợ đánh mình, có thể sẽ được nhờ vào sức của vợ. Mơ thấy mình đánh vợ là điềm không tốt, tài sản bị mất đi.

Đời Đông Hán, Ban Chiêu viết bộ sách "Nữ giới" đưa ra vấn đề người con gái không nên cười để giữ được một điều trong tứ đức. Nhưng trong "Đôn Hoàng giải mộng thư" lại bỏ qua cái điều đó của Ban Chiêu cho rằng: "Nằm mơ thấy vợ vui tức là sẽ được "tài của".

"Đôn Hoàng giải mộng thư" còn chủ trương hai vợ chồng phải đoàn kết với nhau, bình đẳng, cùng yêu nhau. Cho nên lời đoán mộng nói là "Nằm mơ thấy vợ chồng cầm tay nhau là đại cát". Tục ngữ nói: "Vợ hiền thì chồng bớt tai hoạ" và "Người đàn bà khéo thường rủ được chồng ngủ".

Ngoài ra lời đoán mộng còn nói: Nằm mơ thấy vợ là được tài, của... Những điều đó phản ánh, ở vùng Tây Bắc thời nhà Đường địa vị người phụ nữ trong gia đình là rất quan trọng.

Tại sao vào đời nhà Đường, địa vị của người phụ nữ trong gia đình vùng Tây Bắc được khá hơn? Có mấy lý do sau:

1 - Tổ tiên hoàng tộc đời Đường thuộc về tập đoàn 6 trấn được Hồ hoá ở sâu trong Hồ Bắc Tây Bắc. Họ là những nhà quyền quý mới dựa vào các cơ sở là các lực lượng vũ trang, nhờ có Mộng thấy của mở - vợ ngủ đêm bên ngoài, công trạng quân sự mà cướp được chính quyền. Sau khi thống nhất được Trung Nguyên, sắc thái Hồ hoá vẫn còn giữ được nét đặc sắc của chính quyền thời Đường sơ. Cho nên những nhà thống trị đời Đường không xét nét lắm về lễ

phép của Nho gia. Đặc biệt là đối với khu vực phát nguyên của họ là Tây Bắc. Phong thái của người dân rất ít bị ảnh hưởng quan niệm lý luận của Nho gia.

2 - Vì các triều đại Đường Thái Tông, Đường Cao Tông, Võ Tắc Thiên thi hành chính sách chèn ép các sĩ tộc Sơn Đông với đặc trưng Nho phong nước Lỗ lễ thối hôn nhân của Nho gia bị đả kích, ảnh hưởng đến lễ giáo: "Chồng là giường cột của vợ".

3 - Quan điểm "chồng là giường cột của vợ" đã bị Võ Tắc Thiên làm cho mờ nhạt vì Võ Tắc Thiên không xuất thân từ sĩ tộc khuê môn. Thân phận là một phụ nữ vào triều lập "chế", đã từng bị lớp sĩ tộc cũ và hoàng gia phản đối mạnh mẽ. Đồng thời để chống lại và loại trừ đối phương, Võ Tắc Thiên đã rất nỗ lực đấu tranh cho địa vị người phụ nữ, cải tạo hình thái ý thức cũ. Võ Tắc Thiên rất bất bình với lễ giáo của Cao tông quy định khi bố chết phải để tang ba năm mà mẹ chết chỉ để tang có một năm. Theo sách "Lễ Nghi Ký Cựu Đường" thư, có ghi: Năm đầu hiệu Thượng Nguyên, Võ Tắc Thiên xuống biểu viết: "Ta nghĩ, người mẹ đối với con có lòng từ ái đặc biệt sâu sắc. Không có mẹ không được sống, không có mẹ không được nuôi nấng. Cho con nằm chỗ ráo, mình nằm chỗ ướt, nuốt cay đắng, nhả ngọt ngào, sinh đẻ, nuôi nấng vất vả. Ân nghĩa thật cao nặng, loài cầm thú vô tri cũng biết thương mẹ. Ba năm còn nhớ nhung, lý phải báo đáp, sùng kính. Tang để mẹ cũng phải như bố, tôn kính cha chu đáo, cũng phải báo đáp với lòng từ của mẹ... Nay phải để tang mẹ 3 năm cúng như tang bố". Chế độ này chỉ được thi hành khi Võ Tắc Thiên lên chấp chính thực sự. Bản thân việc Võ Tắc Thiên xưng đế đã là một sự đả kích lớn đối với quan niệm Nho gia trọng nam khinh nữ. Là một cuộc khiêu chiến với lễ

giáo phong kiến trói buộc người phụ nữ. Trong thời chấp chính, bà đã thực hiện được nhiều chính sách nhằm tôn trọng người phụ nữ...

Chính vì những nguyên nhân đó mà trong "Đôn Hoàng giải mộng" mới xuất hiện nhiều lời "đoán mộng" có liên quan địa vị của người con gái, người vợ đời Đường.

8

ĐOÁN MỘNG VÀ NGUỒN GỐC CỦA TÊN GỌI

Con người là nhân vật chính trên vũ đài lịch sử. Tên người là sự đánh dấu. Xa rời tên người thì cả bộ nhị thập tứ sử cũng không có gì đáng nhắc đến. Nghiên cứu tên người là để có được chiếc chìa khoá đi vào lịch sử.

Có người nói, nếu soạn một cuốn từ điển các tên người của Trung Quốc để phản ánh toàn bộ lịch sử và văn hoá Trung Quốc thì nó sẽ là một cuốn sách thiết thực và cụ thể hơn bất cứ một cuốn sử, sách nào. Nội dung của nó sẽ phong phú hơn mọi cuốn lịch sử. Tên của mỗi người, ít hay nhiều có liên hệ với trình độ văn hoá sâu hoặc nông, giản đơn hay phức tạp. Tên người tự nhiên cứ tăng dần số lượng. Trong đó nguồn gốc những tên gọi cần được lưu ý vì chúng có một ý nghĩa đặc thù. Ở đây ta hãy nói về những tên gọi bắt nguồn từ đoán mộng.

Nhiều người đặt tên gọi từ những giấc mộng. Người có thường làm vậy và bây giờ mọi người cũng vẫn làm thế. Bài "Tư can" trong Tiểu Nhã, Kinh thi có câu: "Cát mộng duy hoà, duy hùng, duy bi" (Mộng tốt như thế nào? Có gấu đực gấu cái). Lại nói: "Đại nhân chiêm thì, mộng hùng mộng bi, nam tử chi tường" (Bậc đại nhân đoán mộng thấy mộng gấu đực gấu cái là điềm lành sinh con trai). Lời chú nói: "Gấu đực gấu cái ở trên núi, nó là điềm "Dương", nên đẻ "con trai"... Đó là một kiểu tín ngưỡng của người xưa. Khi đứa con chưa ra đời, nếu nằm mơ thấy giấc mộng tốt, có thể đoán trước là sinh con trai tuần kiệt. Trước lúc sinh đẻ, nếu có mộng phải cho đi "đoán", nếu là cát mộng thì sẽ lấy đó mà đặt tên con.

Ví dụ, như thời Xuân Thu, Tấn công tử khi mới ra đời mộng bị đen. Mẹ ông từng nằm mơ thấy thân vồ vào mộng đen của đứa bé mà nung: "Sẽ có được nước Tấn!" Mẫu thân của Tấn công tử liền đặt tên con là "Mông Đen". Vốn dĩ mộng đen là tật cần giữ kín, không nên nói ra, nay Tấn công tử lấy tên là Mông Đen làm quy cách, thời Xuân Thu kiêng nói ra tật kín. Nhưng vì mơ thấy thân dạn cho Mông Đen làm Tấn Vương nên không sợ để lộ ra điều xấu, không sợ việc làm ngược lại với quy định. Tuy vậy sau chuyện giấc mộng về công tử Mông Đen sẽ là Tấn Vương được lan truyền đi, người mẹ cũng có thể thẹn thùng đôi chút.

Từ cổ đến kim, việc đặt tên theo giấc mộng có điềm tốt có rất nhiều trong các sử sách.

Ví như người thiếp của Trịnh Văn Công tên là Yến Cát mơ thấy thiên sứ cho nàng một đoá hoa lan. Nàng sinh ra Mục công, thấy hoa lan có mùi thơm vương giả nên đặt tên con là Lan.

Mẹ Nhạc Phi nằm mơ thấy chim đại bàng đậu ở nóc nhà. Bà sinh ra Nhạc Phi đặt tên con là Nhạc Phi tự là Bằng Cử (chim đại bàng cất cánh). Mẹ Lục Du nằm mơ thấy Tấn Thiếu Du. Bà sinh con, đặt tên là Lục Du. Nữ sĩ tài hoa thời cổ đại của chúng ta có tên là Diêu Nguyệt Hoa là vì mẹ bà nằm mơ thấy ánh trăng chiếu vào bụng mình trước khi bà sinh con.

Chuyện kể có Trình Quyền là con Trần Hoài Tín, lúc đầu tên là Cháp Cung. Trong mộng, Trình Cháp Cung mơ thấy các cửa hàng nhà ở của phố Thương Châu đều có dán và viết nhiều chữ "Quyền". Cung liền đổi tên mình sang tên Quyền để hưởng ứng giấc mộng. Quả nhiên sau khi Trình Hoài Tín qua đời, Trình Quyền nhận chức tập lĩnh quân vụ rồi lên tiết độ sứ.

Năm thứ 9 đời Thuận trị nhà Thanh, khoa Nhâm Thìn có người ở Vô Tích đỗ Trạng nguyên là Trung Ý. Khi bé, ông cầu mộng ở miếu Trung Khiêm. Đêm nằm mơ thấy thần tựa vào mình và cho 54 vạn hạt dưa. Lúc tỉnh dậy, nhà bói mộng khuyên anh ta nên đổi tên cũ để lấy tên mới là Trung Ý (Ý là tựa vào). Sau này lấy vợ được ít lâu, nhân lúc hai vợ chồng nhàn nhã uống trà với nhau, người vợ bỗng lấy nắm hạt dưa ra đặt xuống bàn và xếp hai chữ Trạng Nguyên. Trung Ý bỗng nhớ ra giấc mộng lúc nhỏ. Sau đó, dự khoa thi cùng 54 cống sinh, đỗ đầu, giành đại khôi nguyên. Tất cả mọi việc đều phù hợp với giấc mộng.

Loại chuyện này thường thấy trong các bút ký, tiểu thuyết. Nhà tiểu thuyết tán dư chuyện khi tìm được dấu vết khoa học.

Tiền thân của tên gọi là một tô - tem của xã hội tô - tem. Nó bám theo một con người từ lúc mới sinh ra trong cõi dân gian. Nó không chế số phận một đời người, có sức linh thiêng thần bí. Sau

đó, loại tô - tem cá nhân ấy qua quá trình tu sức của các văn nhân mà thành ra tên gọi, nên vẫn bảo lưu kiểu mê tín tính thiêng liêng thần bí này.

Tên tức là mệnh. Tên gắn liền với mệnh. Người ta tin tô - tem cá nhân giáng thế thường phát sáng trong giấc mộng của bố mẹ. Trước khi ra đời, nếu là giấc "cát mộng" thì chắc chắn đứa bé sẽ là hình ảnh của tô - tem và lấy đó đặt tên cho nó, khiến cho tô - tem và tên gọi đứa bé là một. Sau đó mới dự bói, đứa con tất có cả một lai lịch. Sau này sẽ không còn nghi ngờ gì rằng nó sẽ là đứa bé anh tuấn. Cái phương thức mê tín này rất phổ biến trong xã hội cổ đại Trung Quốc. Theo mộng đặt tên là việc làm rất tự nhiên, không còn phải bàn luận nữa. Có điều, đương thời không còn gọi là tô - tem nữa mà gọi là điềm mộng hoặc dấu hiệu mộng.

Trong rất nhiều điềm mộng và dấu hiệu mộng, số không nghiệm chiếm 9 phần 10. Nhưng mọi người không nhắc đến. Có khi chỉ một trong nghìn trường hợp là nghiệm hoặc do là người đoán dự đoán được là được tính. Như vậy sẽ đủ để mọi người gần xa tán tụng. Họ cho rằng "Sao giáng trần".

Sách "Khổng Tử thế gia" viết: Thúc Lương Hột và Nhan thị cầu đảo ở Ni Khâu mà sinh ra Khổng Tử nên đặt tên Khâu, tự là Trọng Ni. Tên gọi này cũng là sản vật mê tín tô tem. Ngay cả việc Lưu Bang dựng chuyện bà mẹ mơ thấy giao hợp với rồng có mang mà sinh ra Lưu, cũng là kiểu sùng bái mê tín tô - tem. Thời cổ, những tên gọi thường được lấy ở các giấc mộng ra. Kỳ thực phần nhiều là tự biên ra rồi qua nhà đoán mộng thêm thắt, tô vẽ cho chút ít điều phi phàm để đề cao thân phận.

Trong lịch sử văn hoá Trung Quốc có rất nhiều điển cố về mộng. Như mộng gấu, Khổng Tử mộng Chu công, Yến Cát mộng hoa lan. Trang tử mộng bướm. Giang Yểm mộng được bút thần, Lý Bạch mộng bút nở hoa... Thế rồi nhiều người lấy mệnh danh như: Mộng Hùng, Mộng Châu, Mộng Đán (Đào hát), Mộng Điệp, Mộng Bút, Mộng Hoa, Mộng Long, Mộng Giao Long... Có người lấy tên là Lưu Vũ Tích tự Mộng Đắc... Nhiều người cũng bắt chước theo. Kể cả người không nằm mơ cũng làm theo. Nếu ở gia đình hay một dòng họ nào có người thật đột xuất, mọi người sẽ biên tập ra một lô chuyện như là mẹ anh đã nằm mơ thấy gì, có điềm báo gì. Nhà đoán mộng lại thêm giấm ớt... Chỉ cần có quan điểm duy vật một chút cũng dễ dàng nhận ra những điểm hoang đường trong đó.

9

THẦN THOẠI - GIẤC MỘNG CỦA DÂN TỘC THỜI VIỄN CỔ

Mỗi dân tộc đều có thần thoại của mình. Nó là phản ánh sự giải thích của người dân đối với tự nhiên và sự đấu tranh trong cuộc sống buổi đầu. Thần thoại là gốc rễ của giấc mộng và văn hoá của dân tộc thời viễn cổ mà cũng là kho tàng tinh thần rực rỡ mà người xưa để lại cho chúng ta.

Thần thoại Trung Quốc rất phong phú. Nhưng thời cổ đại chưa có từ "thần thoại".

Thuật ngữ "thần thoại" được mượn từ giới nghiên cứu thần thoại thế giới. Từ "thần thoại" bắt nguồn từ Hy Lạp là "truyền thuyết" hoặc "chuyện". Đến trước công nguyên chừng 5 thế kỷ, thần thoại trở thành từ có ý nghĩa riêng là "truyền thuyết" tồn tại trong tinh thần thánh. Ý nghĩa đó gắn gũi với quan niệm về thần thoại thời cận đại, đó là: Từ sau thời cận đại, các nhà thần thoại học trong và ngoài nước tuy không nhất trí trong sự giải thích hàm

nghĩa từ thần thoại nhưng nội dung cơ bản của nó đại thể là giống nhau. Nguồn gốc của thần thoại là giấc mộng của nhân dân thời thượng cổ là hình thức mộng ảo căn cứ tâm lý, nguyện vọng của mình để vẽ phông lại, giải thích và trình bày về sức mạnh tiềm tàng trong giới tự nhiên và xã hội. Nó giản dị hơn thần thoại, là câu chuyện về hành vi siêu phàm của các vị thần

1. MỘNG - VƯỜN ƯƠM SẢN SINH RA THẦN THOẠI

Đối với người hiện đại mà không có được một sự giáo dục nhất định, mộng vẫn cứ là một hiện tượng thần bí. Như vậy, đối với người nguyên thủy dã man và mộng muội lại càng không hiểu rõ mộng. Không rõ bộ mặt chân thật của giấc mộng "Lư Sơn". Cho nên, Engels cho rằng thần là do giấc mộng tạo nên. Trong cuốn "Lut Vích Phơ Bách và sự tổng kết nền triết học cổ điển Đức", Engels viết: Trong thế giới cổ đại, người ta hoàn toàn chưa biết đến cấu tạo của thân thể mình và chịu ảnh hưởng của các cảnh tượng trong mộng (giữa người mộng muội với người dã man ngày nay còn quan niệm: hình tượng con người xuất hiện trong giấc mộng là linh hồn tạm thời lìa khỏi xác thịt. Điều này được một học giả phát hiện năm 1884 khi quan sát người Indiana (Anh diêng) ở Guy-a-na. Họ có quan niệm rằng tư duy và cảm giác không phải là hoạt động của thân thể và là một thứ hoạt động đặc biệt độc đáo của linh hồn trú ngụ trong thể xác con người và lìa khỏi con người khi chết. Từ đó, mọi người không thể không suy nghĩ tới quan hệ của linh hồn với thế giới bên ngoài. Nếu linh hồn rời người chết để tiếp tục hoạt động thì không cần phải nghĩ đến khả năng linh hồn có thể mất đi hay không. Thế là có quan niệm linh hồn không chết, ở các

giai đoạn phát triển này, quan niệm đó tuyệt đối không phải là một sự an ủi mà là một thứ vận mệnh không thể kháng cự được, là một loại bất hạnh thực sự, ví như ở người Hy Lạp là như vậy. óc tưởng tượng cho rằng cá nhân bất tử ở khắp nơi, không phải là do nhu cầu an ủi của tôn giáo mà là do cảnh khốn cùng do tính cục hạn chung gây ra bị sự nhân cách hoá sức mạnh thiên nhiên thế là lúc đầu nảy sinh ra "thần".

Không rõ linh hồn tồn tại sau khi thể xác chết đi đã trải qua những gì, nhưng mộng vốn là hiện tượng tâm lý và sinh lý bình thường. Khi ta ngủ, có một số điểm của não hưng phấn không bị ức chế toàn diện và triệt để, nên tiếp tục hoạt động mà sinh ra mộng.

Chính vì những nhân tố của các điểm hưng phấn có liên quan đến tác dụng của những vết hàn do những kích thích quá mạnh của tri giác, cảm giác trước hiện thực khách quan trước đây của con người, cho nên những cảnh mộng nói chung có mối liên hệ nhất định với cảnh lao động, sinh hoạt thường ngày. Do đại bộ phận vỏ đại não ở vào trạng thái ức chế mà những điểm hưng phấn trở nên bị cô lập, điểm nọ với điểm kia mất đi sự liên hệ hữu cơ, thường nối lại với nhau bằng một phương thức kỳ lạ, ít ngờ nhất, nên giấc mộng thường có tính hoang đường. Trong giấc mộng có những hoạt động cổ quái, hình hình, sắc sắc. Có khi đi đây đi đó với cả người đã chết mà thân thể vẫn bất động. Cho nên người ta cho rằng nằm mộng không phải là thân thể hoạt động mà cái tinh thần đặc biệt gọi là linh hồn hoạt động. Quan niệm về linh hồn mộng đã dẫn xuất ra.

Linh hồn là gì? Các tài liệu văn tự của người dân cổ xưa không để lại gì? Nhưng theo cách nói về linh hồn, mà người đời sau kế thừa người xưa phát triển, chúng ta không khó khăn gì mà suy ra dạng nét

của linh hồn. "Tả truyện", năm thứ hai mươi năm đời Chiêu Công có ghi: "Sự tinh sáng trong tâm gọi là "hồn phách". "Hồn phách" đi rồi (con người) sao có thể lâu dài được? "Thuyết văn giải tự" viết: Hồn là khí dương. Phách là khí âm. Sách "Bảo Phách Tử" viết: Hồn phách rời nhau thì người ốm, đi hết thì người chết.

Trong thần thoại Trung Quốc cũng có không ít truyền thuyết về "Chiêu hồn". Có truyền thuyết về "Chiêu hồn" của tộc "Kô" như sau: Một chàng trai cùng với hai người bạn rủ nhau đi làm công. Ba người làm việc trong một mỏ đồng. Họ làm hơn mười ngày mà chưa về nhà. Người mẹ rất mong nhớ chàng trai, mong ngóng mãi mà con chẳng về. Bà tìm đến thầy bói, xem một quẻ. Thấy bói bảo: "Hung nhiều cát ít". Bà lại tìm đến một người bói quẻ khác. Ông ta bảo: "Con bà xuống đất rồi nhưng bây giờ vẫn còn cách, lúc nào về nhà, bà đợi cho đến lúc gà gáy sáng, gõ lên đầu giường và gọi tên anh ta lên ba tiếng. Con bà ở xa có thể nghe được tiếng bà gọi. Có thể cứu vãn được". Bà mẹ về làm đúng như lời thầy bói dặn. Đến lúc gà gáy, bà kêu lên một tiếng rồi hai tiếng, đứa con cũng không nghe thấy gì. Tiếng kêu thứ 3 của bà nổi lên, đứa con ở mỏ đồng nghe rõ, vội vàng chạy về nhà. Vừa mới ra khỏi, mỏ đồng đổ sập xuống làm cho hai người bạn của chàng trai chết. Khi hai mẹ con gặp nhau, chàng trai nói chuyện lại. Từ đó, có tập tục "Kêu hồn" hoặc "Chiêu hồn".

Đó cũng chính là câu chuyện truyền khẩu về lai lịch của tục "chiêu hồn". Tất nhiên điều này không thể giải quyết vấn đề nguồn gốc thật sự của tập tục chiêu hồn. Nhưng nó phản ánh hiệu quả của tục chiêu hồn đối với người xưa. Chiêu hồn có thể gặp "hung" mà hoá

"cát" có thể miễn trừ được vận không may. Tộc "Mãng" ở khu núi phía tây Ngụy Sơn, Văn Nam có kinh "chiêu hồn", trong đó có ghi:

Ôi! người ta sinh ra ở đời
Cần có hồn, phách vững vàng
Người có ba phách bảy hồn
Và 72 phần hồn
Khi hồn phách khoẻ mạnh
Bỏ sức chẳng ngại gian nan
Lao động không nghỉ tay
Kiếm tiền, làm giàu, muốn sánh trời cao
Chăm sóc nhà cửa, không nghỉ ngơi...
Hồn sinh ra cùng với sinh mệnh
Sinh mệnh ẩn trong thân ta
Người vốn sinh ra từ quả hồ lô của thần
Con người sinh ra từ cây hồ lô
Người và thần chia thành giới hạn
Hồn vẫn ổn định cùng với sinh mệnh
Sinh mệnh phụ vào thân thể khó thay đổi, chuyển dịch
Tôi ... là người.... thuộc dòng họ...
Có một ngày, bị sợ hãi.
Có lẽ gót chân vấp phải đá khi đi đường
Tim nhảy lên đập hồi hộp
Có lẽ thấy bên dưới có con gà rừng bay lên

Cũng có thể là thấy bên đường có rân
Hồn liến tít sau lưng
Nó quên đoái nhìn đằng sau một cái
Đã năm ngày không có cảm giác
Đã mười hôm rồi, không có cảm giác khác lúc thường
Qua đi 21 ngày
Sức khoẻ thất thường
Nghe nói ăn không biết ngon miệng
Đêm ngủ toát mồ hôi lạnh
Chân tay rã rời không còn sức
Sáng bảnh mắt còn ngủ gật
Ôi! A Di tiên sinh
Ngài đã từng quan sát sự thần bí của hương, lửa, khói
Thậm chí đã bóc quẻ thân, tìm ra nguyên nhân
Đã ghi bằng bút tình hình tường tận về thổ âm phủ phía bên kia ...
Thì ra, ngày hôm ấy, hồn đã rơi rụng
Ngày ấy phạm điều "hung"
Quan quán hồn nơi kia địa phủ đi tuần tra
Những người sai, dịch nắm phần hồn cũng đi theo
Từ đường sá trên trời cao
Nhìn thấy tình hình dưới đất
Nhìn thấy mảnh hồn khổ, cô đơn

Sinh lòng thương hại

Không kịp làm rõ lai lịch

Liền mang nó mà đi...

Sau khi đọc kinh chiêu hồn, còn cúng nha thuộc âm phủ, thượng đàn thành hoàng, hạ đàn thành hoàng, phán quán tư lệnh, quan hộ tịch, tư lệnh Hồng bút, quan dẫn đôn... bằng một con gà trống nuôi 3 tuổi, miếng thịt lợn phần lưng vừa béo vừa dày, thỉnh cầu xin bảo đảm, phóng thích cho linh hồn được trở về...

Bất kể văn hiến Hán tộc hoặc dân tộc thiểu số thời cổ đại Trung Quốc đều phản ánh nhận thức của mọi người cho linh hồn là chúa tể của thân thể (ý nói sinh mệnh). Người ta có linh hồn là sống, thiếu nó là chết. Cho nên trong "Luận hành" Vương Sung viết: "Con người chết cũng như nằm mộng. Mộng là sau sự hết. Hết là nối sau chết. Con người hết mà không nhận thấy thì chết, hết mà biết, thì chết lại sống lại giống như mộng. Nhưng mộng hết, chết đều là thực. "Nhận xét này của Vương Sung bắt nguồn từ sự quan sát cuộc sống, có thể có nguồn gốc từ xa xưa, điều này có tác dụng gợi ý đối với việc tìm tòi sự nảy sinh ra quan niệm linh hồn nguyên thủy. Có quan niệm về linh hồn. Người xưa cho rằng linh hồn tồn tại vĩnh viễn và vạn vật đều có linh hồn, có ý thức cũng như con người, cảm thụ cũng hoạt động có ý thức. Mưa gió cũng vận hành có ý thức. Mặt trời và mặt trăng lên, xuống có ý thức, thảo mộc cũng sinh trưởng có ý thức.. Như vậy là nhân hoá giới tự nhiên thành người. Thần linh đầu tiên cũng ra đời. Nó là sự dung hợp giữa sức tự nhiên với con người.

Khi "thần" xuất hiện, người xưa bắt tay vào miêu tả tình hình hoạt động của chúng, họ căn cứ vào vốn tri thức nghèo nàn và ý nguyên mạnh mẽ, hoặc căn cứ vào ảo giác của giấc mộng mà miêu tả tô - tem đã trở nên tổ tông của thị tộc mình ra sao, thần của động vật nguy hại đã phù hộ con người ra sao, thần thực vật mang lại tai hoạ và hạnh phúc con người ra sao, thần sông và núi quản lý sông và núi ra sao, thần thiên văn quản lý hiện tượng trên trời ra sao... Các sự mô tả cấu thành thần thoại đầu tiên từ cảnh giấc mộng - linh hồn - linh hồn bất diệt - vạn vật hữu linh - thần - thần thoại thượng cổ.

Thần thoại Trung Quốc đã từng bước phát triển men theo con đường trên.

2. THẦN THOẠI ĐOÁN MỘNG THỜI CỔ ĐẠI TRUNG QUỐC

Thời cổ đại, Trung Quốc có nhiều truyền thuyết về đoán mộng. Trong đó có những truyện nổi tiếng nhất như truyện Ân Cao Tông (Vũ Đinh) nằm mơ thấy thần linh cho mình một vị quan giúp việc giỏi là Phó Duyệt và Chu Văn vương mơ thấy thần cho mình Khương Thái Công... Hai truyện thần thoại này có một ảnh hưởng lớn đến đời sau. Chúng được ghi chép lại trong nhiều sách như "Thượng thư", "Quốc ngữ", "Trang Tử", "Sử ký". Gần đây, Viên Kha cũng đưa vào sách "Truyền thuyết về thần thoại Trung Quốc". Chúng tôi giới thiệu một số tình tiết.

1. Thần đem Phó Duyệt ban cho Vũ Đinh

Theo "Quốc ngữ" và "Sử ký", đức hạnh của Ân Cao Tông Vũ Đinh rất lớn, khi ngài tức vị, đã lập chí làm cho sự nghiệp Ân Thương được phục hưng. Nhưng không tìm được bề tôi giỏi cho

mình, cho nên Ân Cao Tông rất ưu tư, phiền muộn. Trong thời gian để tang cha 3 năm, không muốn nói một câu, như người câm. Nếu cần nói, chỉ dùng chữ viết.

Sự ưu tư, lo lắng của Vũ Đình làm cho thần mình, Thượng đế, thần linh cảm động, đã thác mộng cho Vũ Đình. Một đêm, Vũ Đình mơ thấy Thượng đế ban cho bề tôi giỏi (Thượng thư) là một người hơi gù lưng, mặc chiếc áo vải thô, vai bị thông dây thừng, đang cúi xuống làm việc. Vũ Đình trông thấy một người tội nhân này liền nói chuyện với y. Trong tình cảnh mòng lung và hoảng hốt, Vũ Đình cảm thấy người phạm nhân đó nói với mình về nhiều đại sự trong thiên hạ. Mỗi câu nói của người đó đều làm động lòng Vũ Đình. Vũ hỏi liền tên người đó, thì có tiếng chuông ban mai làm tỉnh giấc...

Ngày hôm sau vào triều, Vũ Đình liền khắc hình của phạm nhân gặp trong mộng lên một tấm gỗ, đưa cho các quan xem, lệnh cho các quan đi khắp nơi tìm người trong hình khắc.

Quần thần tìm đã lâu, cuối cùng tìm thấy một người nghe nói là một phạm nhân bị tù ở Phó Nham, Bắc Hải. Người này mặc áo vải gai thô, cánh tay khoác dây thừng, lưng hơi gù, bộ mặt giống hệt hình mà Vũ Đình khắc trên bản gỗ. Họ bèn đưa ngay người này về cung.

Mới nhìn, Vũ Đình đã thấy đây đúng là con người mình đã gặp trong mộng. Không nén được mừng rỡ, liền nói chuyện với người đó. Đây là lần đầu tiên ông nói chuyện sau ba năm chịu tang. Phạm nhân gặp và nói chuyện với Vũ Đình cẩn trọng, lưu loát không ra vẻ một người bị phạm tội, mà là con người có học vấn cao sâu, ôm một hoài vọng to lớn. Tài năng của Phó Duyệt rất ấn ý với

Vũ Đình. Ngay lập tức Vũ Đình phong cho Phó Duyệt làm Tế tướng, đặt tên cho phạm nhân là Phó Duyệt vì tìm thấy Phó ở Phó Nhai. Ở đây, Phó Duyệt sống trong một hang động gọi là "Thánh nhân động" (cách huyện Lục Bình tỉnh Tây Sơn 25 dặm).

Sau khi giữ chức Tế tướng, Phó Duyệt quả nhiên quản lý, cai trị đất nước đâu ra đấy, giúp cho Vũ Đình thực hiện được ước vọng là phục hưng Ân Thương

Truyền thuyết nói rằng sau khi chết, linh hồn Phó Duyệt đã hoá thành một vì sao (Sở từ - Viễn Du), xuất hiện ở Phương Đông, giữa ngôi sao "Kỳ" và ngôi sao "Vỹ" là ngôi sao nhỏ sáng. Đó là sao Phó Duyệt.

2. Văn vương mộng thấy trời ban cho Thái Công.

Chu Văn Vương là người xây dựng nền móng cho nhà Tây Chu. Ngài rất coi trọng thuật chiêm, bói. Truyền cũ kể rằng: khi ông bị Trụ bắt giam thường bói "Kính Dịch" tìm hiểu lẽ trời, thường hay cử hành những nghi thức bái "cát mộng". Để lật đổ nền thống trị tàn bạo của Thương Trụ và để báo thù cho con trai, Chu Văn vương có yêu cầu bức thiết phải tìm ra một vị có tài năng, giỏi văn, giỏi võ đại diện tài phò tá cho ông. Trong các giấc mộng, ông thấy các vị hiền tài đó mỉm cười lại gần ông. Theo bản khắc đó là: "Thái Công Lã Vọng biểu", đời Tần có ghi: "Một hôm, Văn Vương mộng thấy Thiên đế mặc áo bào đen đứng ở đầu bến Lệnh Cô, một ông già râu tóc bạc trắng đứng sau. Thiên đế gọi tên là Văn Vương và bảo: "Cơ Xương ta ban cho ngươi một ông thầy và là người giúp việc giỏi tên là Vọng". Văn vương vội vàng sụp lạy, ông già kia cũng sụp lạy. Giấc mộng đến đây thì tỉnh.

Vân Vương nghĩ: trước đây cũng đã nghe thấy có người nói đến một người hiền tài như vậy ở trong nước. Nhưng không biết tên ông ta là gì và ông ta ở đâu? Do vậy Vân vương luôn đem theo một đám tùy tùng đi săn bắn hoặc đi du chơi khắp Đông, Tây, Nam, Bắc với hy vọng tìm thấy con người đại hiền đã gặp trong mộng.

Như vậy ta biết thời Chu rất thịnh hành việc đoán mộng và đoán số. Các cơ quan thống trị đặt ra những bộ môn chiêm toán gồm hai trung sĩ, hai người vẽ sử, bốn người giúp việc, thuộc "Xuân quan". Một hôm, Vân vương đi săn, được người giải mộng bói cho ông:

Đến bên sông Vị săn bắn

Sẽ được mẻ thu hoạch to

Không phải ly, cũng chẳng phải long

Không phải hổ, cũng chẳng phải gấu

Đại được hiền nhân là công hầu

Thượng đế cho người kẻ giúp việc đắc lực

Chu Vân vương làm theo những điều "đoán" nói trên, dẫn một đoàn lớn người, ngựa, rầm rộ đi săn bên bờ sông Vị. Đoàn mãi đến đầm nước, út tận trong rừng sâu rậm rạp, chỉ thấy một ông già có bộ râu dài bạc trắng. Ông đang ngồi dưới một khóm lau, đội nón nan, mặc áo xanh, bình tĩnh câu cá.

Chu Vân vương thấy dáng mạo và phong độ của ông già như ông già trong mộng, đứng bên cạnh Thiên đế. Vân vương vội vàng xuống xe, kính cẩn đi tới gần và nói chuyện với ông. Ông già không hề kinh ngạc, cứ ung dung đối đáp với thái độ bình tĩnh. Hai người nói chuyện với nhau được một lúc, Vân vương vui mừng vì thấy

mình đã gặp được con người đang cần tìm, một vị đại hiền tài có hiểu biết siêu việt, học vấn uyên bác. Vương khẩn khoản nói với ông già: "Thưa lão tiên sinh, trước đây, lão thái công của tôi khi còn sống, thường dặn tôi là sẽ có một thánh nhân đến với chung tôi, dân tộc Chu của chúng ta do đó sẽ được thịnh vượng, phát đạt. Người có thể là thánh nhân đó chăng? Chúng tôi nghĩ đến ngài từ lâu rồi.

Nói xong, Văn vương mời ông già lên chiếc xe ngựa đã chuẩn bị sẵn. Văn vương tự mình điều khiển chiếc xe. Sau khi đưa về kinh thành. Văn vương phong cho ông lão làm Quốc sư, gọi là "Thái Công Vọng".

Thái Công Vọng họ Khương nên mọi người gọi là Khương Thái Công. Ông có tài năng và học vấn cao, vẫn thường nghĩ sẽ mang tài năng của mình ra giúp cho đời. Nhưng hơn nửa cuộc đời ông sống trong âm u, khuất nẻo, cùng khổn và đảo điên. Đến khi tinh lực của ông đã có nhiều suy thoái, ông mới đến bờ sông Vị, dựng một lều cỏ, câu cá kiếm sống hàng ngày. Lúc này, căn cứ vào sách "Vệ thư Trung hâu" có viết: "Ban đêm, Thái Công mơ thấy "Bắc đẩu phụ tinh" gợi ý cho mình làm việc chinh phạt Trụ. Khương Thái Công sẽ là người được thiên thần phái làm phụ thần cho Văn vương. Do vậy Khương cũng hy vọng gặp Văn vương để thực hiện khả năng kinh luân của mình. Nhưng, năm này, năm khác cứ trôi đi, tóc của ông từ muối tiêu đã trở nên bạc phơ. Nơi hòn đá mà ông quỳ xuống để ném câu nay đã hằn sâu dấu vết. Chính cái lúc hy vọng của ông mờ mịt, trái tim tưởng chừng như nguội lạnh đi... thì Văn vương đến với ông".

Sau khi Khương Thái Công gặp Văn vương, lại có một truyền thuyết thần thoại nữa: Văn vương phong Thái Công là "Quán đàn

lệnh". Năm sau, vào một đêm gió lạnh, Văn vương mơ gặp một người đàn bà cực đẹp ở giữa đường. Hỏi duyên cớ, người đàn bà đáp: "Tôi là con gái Thái Sơn được gả làm vợ Đông Hải, muốn về. Nhưng Quán đàn lệnh đang hành đạo, có đức, tôi không về được, tôi đi ắt có mưa to gió lớn, mưa to gió lớn sẽ huỷ mất đức". Khi Văn vương tỉnh dậy, hỏi chuyện Khương Thái Công, quả thấy ngày hôm đó mưa to gió lớn thổi qua áp của Thái Công. Văn vương liền phong cho Thái Công làm Đại Tư Mã.

Những điều ở trên chẳng qua là để thần thánh hoá một vị danh thời thần đời Chu sơ. Tuy những truyền thuyết thần thoại không hoàn toàn giống nhau, mà mọi người vẫn thích nhắc đến.

3. ẢNH HƯỞNG CỦA THẦN THOẠI ĐỐI VỚI ĐOÁN MỘNG

Thời cổ đại, đoán mộng thuộc vào trong những thuật bói toán. Thần thoại và thuật bói toán là một liên thể biểu hiện trong và ngoài. Giữa chúng có liên hệ máu thịt với nhau. Không chỉ những người thầy đoán mộng là những người giữ gìn, thừa kế, truyền tụng và phát triển thần thoại mà những hoạt động của họ có lúc còn có thể trực tiếp tham gia vào việc kể chuyện thần thoại.

Thần thoại cổ đại Trung Quốc chủ yếu là thần thoại về giới tự nhiên. Nó là sản vật của sự vô tri và ảo tưởng của người xưa chi phối đại tự nhiên. Trước mặt đại tự nhiên uy mãnh và thần bí, mọi người kinh hoàng, sợ hãi, kinh ngạc, và sùng bái. Do vậy, mọi người đặc biệt tôn sùng trời, đất, mặt trời, gió, sấm, điện, nước, lửa, núi, sông, thần tiên... và sản sinh ra nhiều truyền thuyết thần thoại. Các nhà đoán mộng nhắm trúng vào tâm lý đó của con người mà

tạo ra nhiều lời bói mộng. Như ở "Giải mộng thư" trong bộ "Cư gia tất dụng sự loại" có ghi:

Mộng về thiên văn, sao và các hiện tượng khác:

Mộng lên trời vào mặt trăng - đại quý

Mộng trời tạnh - buồn lo tan hết

Mộng ánh sáng mặt trời chiếu - khỏi bệnh

Mộng thấy trời mở - được quan tước

Mộng bay lên trời - có địa vị cao sang

Mộng trời lở - lo lắng về cha mẹ

Mộng trời đỏ - cát

Mộng trời tối đen - hung

Mộng trời sáng dần - thọ mệnh, cát

Mộng mặt trời, trăng lên - cha mẹ chết

Mộng nuốt mặt trời, trăng lên - sinh quý tử

Mộng mặt trời mặt trăng khuyết - tranh đấu

Mộng về sấm, mưa, gió, điện và các hiện tượng khác:

Mộng bị sét đánh - đại quý, cát

Mộng gió thổi áo - có tật bệnh

Mộng mây nổi dậy bốn bề - giao dịch cát

Mộng tuyết rơi - hết lo buồn

Mộng sấm sét - có quan tước

Mộng cầu vồng mọc - nổi chuyện binh đao

Mộng đi đường gặp mưa - được uống rượu, ăn thịt

Mộng sương xuống - việc bất thành

Mộng mưa to, gió lớn - có người chết

Mộng mây đen kín đất - có dịch bệnh

Mộng thấy mây ngũ sắc - đại cát

Mộng về sông, núi, đất, đá và các hiện tượng khác:

Mộng đất nứt - có địa vị

Mộng động đất - thăng chức

Mộng đào đất - có chuyện cãi nhau

Mộng thấy đá lớn - của cải gia tăng

Mộng dời đá vào nhà - đại cát

Mộng thân nhập vào đất - bách sự cát

Mộng núi lở nước lớn - đại hung

Mộng đập tay vào núi - sinh quý tử

Mộng ở núi rừng lên huyết - cát

Những từ ngữ về đoán mộng này phản ánh quan niệm của xã hội xưa sùng bái tự nhiên. Theo đà phát triển của xã hội, hoạt động của thần mang tính xã hội có liên quan đến con người cũng nảy sinh. Những truyền thuyết về mộng đại loại như truyền thuyết về Cao Tông (Vũ Đinh) chẳng hạn, các nhà đoán mộng lại tương ứng biên tập ra một số lời đoán mộng khác như:

Mộng thiên tử - chủ đại quý, cát

Mộng thái tử - chủ vương hầu, cát

Mộng nói với cổ nhân - chủ thông minh

Mộng yết kiến ngôi đối diện với quan trường - sự cát

Mộng thấy vương nữ - chủ đại cát lợi

Mộng có quan viên cầu gặp - đại cát

Mộng gần gũi đại quan - đại cát

Mộng gặp thần nhân - đại cát

Mộng người xưa đánh nhau - có bệnh tới

Mộng thấy gọi mình là quan nhân - cát

Mộng có sứ quân nhập môn - đại cát

Mộng vái đại quan - quý, cát, lợi

Mộng tiên thánh đến nhà - đại cát

Mộng đọc bài tha tội - vạn sự cát

Những lời đoán mộng này đều có cơ sở từ truyền thông, thần thoại. Các vị đoán mộng ngày xưa nói chung đều thuộc các điển cố thần thoại, thông hiểu kinh điển. Họ là những người truyền thụ, kế thừa của thần thoại. Trong quá trình "chiêm", họ dựa vào những căn cứ thần thoại mà giải thích.

Thần thoại có ảnh hưởng đến việc “đ đoán mộng” của đời sau.

10

ĐOÁN MỘNG MUÔN MÀU SẮC VÀ VĂN HÓA MỘNG ẢO

Mộng là thần bí, chưa đầy ngụ ý. Trong văn hóa sử Trung Quốc có rất nhiều tác phẩm văn hoá đã lấy đề tài từ mộng. Sớm nhất như "Kinh Thi", "Tả truyện"... của các chu tử thời tiền Tần cũng đã ghi lại nhiều chuyện về "chiêm mộng". Từ cơ sở ấy, đến Đường, Tống lại phát triển thành một loại văn học mộng ảo như: "Mộng du tiên lão ngâm lưu biệt" của Lý Bạch, "Mộng Lý Bạch" của Đỗ Phủ; "Giang thành tử, ất mảo chính nguyệt nhị thập nhật da ký mộng" của Tô Đông Pha... Ngoài ra, trong truyền ký của nhà Đường như: "Châm trung ký", "Nam Kha Thái thú truyện", "Lâm Xuyên tứ mộng", từ nhiều chương trong Liêu Trai chí di đến Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần... các tác giả của nhiều đời đã miêu tả "mộng" với muôn màu nghìn sắc, hình thành một hành lang văn học mộng ảo rất rực rỡ. Văn học đã cho mộng một sinh mệnh vĩnh cửu. Mộng lại làm phong phú nội dung biểu hiện của văn học.

Văn học mộng ảo đã thành một vấn đề không thể dễ dàng coi nhẹ trong văn hoá mộng.

1. VĂN HOÁ ĐOÁN MỘNG THỜI TIÊN TÂN.

Thời trước Tân, hoạt động đoán mộng là một sự kiện đột xuất trong sinh hoạt chính trị. Sinh hoạt chính trị lại là mảnh đất mầu mỡ cho văn học. Nếu nó là nguồn gốc chủ yếu của nội dung tác phẩm văn học thời Tiên Tân thì trong các tác phẩm văn học trước Tân không ít tác phẩm phản ánh những truyện về đoán mộng. "Kinh Thi" là một tổng tập thơ ca sớm nhất của nước ta ghi lại bằng văn tự. Về đại thể, nó phản ánh diện mạo xã hội và tình cảm, tư tưởng của người dân đời Chu. Đọc "Kinh Thi", ta thấy như đọc lịch sử phát triển của tộc Chu từ Hậu Tắc cho đến giữa thời Xuân Thu.

Ai cũng biết, từ đời Chu, Trung Quốc đã xuất hiện chức quan đoán mộng để giải thích điềm "cát" "hung" trong mộng. Cũng có nghĩa là chế độ hoá việc giải thích giấc mộng. Như vậy là người đời Chu đã rất coi trọng việc đoán mộng. Thiên "Nghệ Văn chí" trong sách Hán thư cho rằng trong tất cả các thuật, chiêm, bói, và phương pháp chiêm bói, đoán mộng là quan trọng nhất. Không những trong cung đình coi trọng việc chiêm mộng, có chức quan đảm nhiệm mà trong dân chúng cũng rất thịnh hành hoạt động đoán mộng. Trong Kinh Thi đã phản ánh một cách đầy đủ, cận kề bất cứ việc gì trong dân gian đều quy vào triệu chứng mộng để đoán hung cát. Ví dụ:

Hạ ngoạn thượng đàm, trên bày chiếu trúc dưới bày cỏ

Nãi an tử tẩm gối cao (không lo, hết sầu não)

Nãi tẩm nãi hưng (ngủ được sớm, dậy được sớm)

Nãi tám nãi hung (mộng đêm qua tốt hay không tốt)
 Cát mộng duy hà (mộng tốt mơ thấy điều gì)
 Duy hùng duy bi (Gấu đực hay gấu cái hiện đều tốt)
 Duy hỷ duy xà (có rắn mào, có rắn đực vận tốt)
 Đại nhân chiêm chi (Thái bốc đoán mộng, giảng giải)
 Duy hùng duy bi (Mơ thấy gấu đực gấu cái có phòng đẹp)
 Nam tử chi tường (Điềm sinh con trai khoẻ mạnh)
 Duy hỷ duy xà (mơ thấy rắn dài, mơ thấy rắn mào)
 Nữ tử chi đường (vậy là điềm sinh con gái)

"Tư can" là bài hát do các nhạc công cử hành khi làm lễ tế khánh thành "Tẩm cung" của Chu Tuyên vương. Bài hát phản ánh quan niệm tôn giáo của người thời viễn cổ, ca ngợi "Tẩm cung" là nơi Chu vương ngủ rồi nằm mơ. Nếu mơ thấy gấu sẽ sinh con trai. Nếu mơ thấy rắn sẽ sinh con gái. Tại sao lại như vậy?

Vì, mơ thấy gấu sẽ sinh con trai là một tín ngưỡng. Người nguyên thủy thời Chu phát triển tín ngưỡng hình ảnh tô - tem, gấu là con vật hung và mạnh, tràn đầy sức lực. Gấu thuộc dương, là điềm "cát", sinh con trai. Tín ngưỡng gặp rắn sẽ sinh con gái cũng là do phát triển của tô - tem của tộc Hạ, rắn mèn mại, ẩn hiện ở trong bụi rậm, thuộc âm. Đó là điềm "cát" sinh con gái. Hơn nữa, trong xã hội nguyên thủy, người của tộc Chu và tộc Hạ đều sống ở vùng thuộc lưu vực sông Vỹ (Thiểm Tây). Họ có quan hệ hôn nhân với nhau. Người Chu hay lấy con gái người Tỳ mà người Tỳ là hậu duệ của người Hạ. Quan niệm tôn giáo giữa hai họ đan xen vào nhau trong tín ngưỡng đoán mộng.

Ở bài Vô dương trong Kinh thi có nội dung những giấc mộng về "ngũ cốc phong đăng" người người thịnh vượng, trong có các câu:

Mục nhân nãi mộng (quan chăn nuôi ban đêm nằm mộng)

Chúng duy ngư hĩ (mơ thấy biến thành cá)

Thực duy kỳ hĩ (cá rần biến thành cá ung)

Đại nhân chiêm chi (thái bosc đoán mộng nói cận kề)

Chúng duy ngư hĩ ngư (mơ thấy châu chấu biến thành cá)

Thực duy phong niên (điềm báo được mùa thật vui thay)

Thực duy kỳ hĩ (cá rần biến thành cá ung)

Bảo gia trần trần (người người hưng vượng thật tốt tươi)

Trong thơ ca nói: quan đoán mộng, cho rằng quan chăn nuôi nằm mơ thấy cá là điềm năm được mùa dư dật. Mơ thấy cò về rùa, rần, chim ung là đoàn tụ với vợ, sinh con cái, nhân khẩu phồn thịnh. Vì rùa rần tượng trưng cho trường thọ và sinh đẻ nhiều.

"Tà truyện" là tập sách được biên tập buổi sơ kỳ Chiến Quốc ghi lại những cổ tích, lịch sử thời Xuân Thu. Nó chú trọng ghi lại sự hưng vong của quốc gia, chiến tranh trọng thời Xuân Thu. Đồng thời cũng ghi chép về các vương hầu, quý tộc, quan chức, những hành động và ngôn luận của các danh nhân trong xã hội. Nó còn dành một số mục khá phong phú về những giấc mộng ly kỳ, cổ quái, và các kiểu đoán mộng nhiều màu sắc cùng những sự kiện lịch sử có liên quan đến giấc mộng.

Tả truyện ghi: "Sở vương xây dựng xong đài Chương Hoa, mới các chư hầu cùng đến dự lễ khánh thành. Lỗ Chiêu công sắp đi, mộng thấy ông là Tương công tử Thân nói: "Ngài không nên đi, Tương công tới nước Sở, vì mộng thấy Chu công mà đi. Nay Tương công không phải là tổ, ngài đừng đi". Tử Phục Huệ Ba nói: "Đi, tiên quân chưa từng đến nước Sở nên ông tổ Chu công báo đi. Tương công đã đến Sở rồi mà tổ báo ngài không đi là làm sao?"

Tả truyện (năm thứ 16 đời Ai công) ghi: Vệ hầu đoán mộng. Lúc này một bề tôi được sủng ái bỏ của Vệ hầu xin Đại Phúc Di rượu, nhưng không được, liền câu kết với người đoán mộng, bảo Vệ hầu: Ngài có một đại thần ở Tây Nam, Không "khử" đi e có nguy hại. Thế là Vệ hầu đuổi Đại Thúc Di đi, đến nỗi Đại Thúc Di phải chạy chốn sang nước Tấn. Và, mâu thuẫn giữa Đại Phúc Di với Vệ hầu gần như huỷ diệt cả nước Vệ.

Tả truyện năm thứ 7 đời Chiêu công ghi: Mục tử nằm mơ thấy trời đè lên mình, "không thắng". Nhưng sau Ngụy Trơ Dư "bèn đánh thắng". Tuy vậy, thầy đoán mộng bảo: "Thắng trời là điềm không lành cho nên sau này không cát lợi".

Tả truyện, năm Tuyên công thứ 3 ghi: Yến Cát mơ thấy Thiên sứ cho mình một bông hoa lan và bảo: "Ta là Bá Ngự, là tổ ngươi. Đây là đứa con trai"... Về sau, Yến Cát sinh con trai đặt tên là Lan.

Tả truyện, năm đời Thành công thứ 16 ghi: Lã Kỳ mơ bắt mặt trăng trúng. Lùi lại xa xuống vũng bùn...

Tả truyện nói chung phần trước ghi về các giấc mộng, phần sau tái thuật lại phản ứng nghiệm của nó, như trước dẫn về giấc mộng của Lã Kỳ, mặt trăng trong mộng đại diện cho "họ khác", bản

vào mặt trăng cho nên bắn vào Sở vương. "Sa vào bùn" thuộc vào hình ảnh cái chết nên đoạn sau của chuyện nói bổ thêm Lã Kỳ bắn trúng mắt Sở vương, nhưng Lã Kỳ cũng bị bộ hạ của Sở vương bắn trúng cổ, gục xuống cánh cung mà chết. Còn giấc mộng của Tấn vương về Đại Lục thì có ứng nghiệm thần kỳ. Trước tiên là tấn vương triệu thấy đoán mộng Tang Diên đến "đoán". Thấy Tang Diên phán: "Xem ra quân vương không kịp thời thường thức lúa mạch mùa mới". Tấn hầu bị bệnh nặng, cần đến sự giúp đỡ của danh sư người nước Tấn. Trước khi thấy thuốc đến, Ngài lại có giấc mơ gặp hai đứa trẻ con. Một đứa bảo: "Thầy lang là danh y, ông ta sẽ làm mình bị thương, biết chạy chốn đằng nào?" Một đứa bảo: "Cứ bảo đau ở giữa bụng, cả phía trên, cả phía dưới xem ông ta làm gì nào!" Thấy thuốc khám bệnh cho Tấn hầu nói: "Bệnh ở phía trên và phía dưới của bộ phận giữa ngực và bụng. Phẫu thuật không dùng được, châm kim cũng không được. Thuốc uống cũng không xong". Đến tháng 6, mùa lúa mạch chín. Tấn hầu cho rằng thầy đoán mộng Tang Diên phán lung tung. Ngài ăn lúa mạch trước mặt thầy. Không ngờ sắp ăn thì bụng phát trướng, đi ngoài rồi chết ngay tức thì.

Tác giả Tả truyện đã cố gắng, không ngại mọi khó khăn, phiền phức, tường thuật được rất nhiều sự kiện về những giấc mộng. Mục đích của tác giả là muốn thông qua tất cả những sự kiện đó mà cho mọi người biết mộng là điềm của "hung", "cát". Mà những điềm ấy sẽ ứng nghiệm hoặc sớm hoặc muộn. Nhà đoán mộng có những thủ đoạn kiểm nghiệm trước điều "hung", "cát". Sự thực là, đương thời đức thánh Khổng cũng rất mê tín đoán mộng. Theo thiên Đàn Cung sách Lễ Ký, ngài nói: "Đêm qua ta mơ thấy bị đặt

ngồi giữa hai gian phòng. Ta sắp mất vậy". Tang lễ đời Thương, quàng linh cữu người chết ở giữa hai gian phòng.

Không Tử mơ thấy mình ngồi giữa hai gian phòng mà nhìn thức ăn thì cho là điềm hung.

Đến thời kỳ Chiến Quốc, do ảnh hưởng của vô thần luận được phát triển dần, thị trường đoán mộng của giai cấp thống trị trên cũng bị thu hẹp lại, những miêu tả về hiện tượng đoán mộng bị giảm đi trong nhiều tác phẩm văn học thời này. Nhưng những tác phẩm văn học miêu tả về những giấc mộng chưa mất hẳn trong lịch sử. Như Tống Ngọc người Sở thời Chiến Quốc đã viết "Phú Cao Đường" và "Phú Thần Nữ" ghi về những cuộc kỳ ngộ của Sở vương. Người đời sau đã dùng giấc mộng Vu Sơn, giấc mộng Cao Đường hoặc mây mưa Vu Sơn để tả mỹ nữ hay tả những mối tình ảo hoá vô thường, biến hoá không lường hoặc cuộc mây mưa giữa nam nữ.

2. THƠ VÀ TỬ VỀ MỘNG ẢO THỜI KỲ ĐƯỜNG, TỐNG...

Những nhà văn đời Đường, Tống không chỉ sùng thượng trí tuệ của mộng mà còn đặc biệt thích miêu tả cảnh mộng. Trong các bài thơ, từ, hoạ phẩm và trong các cuốn tiểu thuyết đều miêu tả kỹ càng, kỳ diệu, chi tiết về giấc mộng. Đó là đặc sắc của nghệ thuật và văn học đời Đường, Tống.

Thơ về mộng, trong nhân loại chỉ chiếm những chương sách tương đối ít. Nhưng sự miêu tả về mộng dưới ngòi bút của các nhà thơ, nhà văn học đời Đường, Tống lại nhiều và được vận dụng tới đỉnh cao. Họ viết lên những trang sách lạn trong lịch sử văn học Trung Quốc. Hai bài "Mộng Lý bạch" của Đỗ phủ:

Tư biệt dĩ chốn thanh
 Sinh biệt thông trắc trắc
 Giang Nam chướng lệ địa
 Trục khách vô tiêu tức
 Cố nhân nhập ngũ mộng
 Minh ngã thường tương ức
 Khủng phi bình sinh hốn
 Lộ viễn bất khả trắc
 Hồn lai phong lâm thanh
 Hồn phản quan tái hắc
 Quán kim tại la vông
 Hà dĩ hữu vũ dục?
 Lạc nguyệt mãn ốc lương
 Do nghi chiếu nhan sắc
 Thủy thâm ba lãng khoát
 Vô sứ giao long đặc

Dịch:

Từ biệt đã nuốt lời
 Sinh biệt thường băng khuâng
 Giang Nam miền đất dữ
 Tim khách bật tâm hơi Cố nhân vào giấc mộng
 Biết ta thường nhớ mong ta
 Ngại, hốn lúc bình sinh

Đường xa, khôn lường trước
 Hồn đến, rừng phong xanh
 Hồn về, cửa ải tối
 Nay quân sa bẫy lưới
 Làm gì có cánh bay?
 Trăng lặn, đầy khắp phòng
 Ngồi nhìn rõ nhan sắc
 Nước sâu cùng sóng rộng
 Không khiến giao long được

Hình tượng Lý Bạch nhiều lần xuất hiện trong giấc mộng của Đỗ Phủ khiến ông vô cùng vui sướng và được an ủi cùng với niềm ưu phiền, tư lự, lo sợ sâu sắc.

Trong khổ thơ này, Đỗ Phủ miêu tả thân tình giữa hai người. Thơ về mộng có thể biểu hiện được sự vận động siêu không gian và thời gian của hoạt động tâm lý. Như Sâm Tham đã viết:

Động phòng tác dạ Xuân phong khởi
Diêu ức mỹ nhân Tương giang thủy
Chẩm thượng phiến thời xuân mộng trung
Hành tận Giang Nam số thiên lý

Dịch:

(Đêm trước động phòng gió xuân thổi
 Nhớ về người đẹp nước sông Tương
 Mộng xuân trên gối giấy lát bùng

Đến tận Giang Nam nghìn dặm xa)

Ở đây "nghìn dặm" và "giấy lát" biểu hiện sự mê ly, óng ánh của giấc mộng và cũng biểu hiện sự sâu đậm và mãnh liệt của tình cảm. Những bài viết đó ảnh hưởng đến những "từ đoán mộng" của nhà viết "từ" là An Nhi Đại đời Tống. Bài "từ" "Bướm ấp hoa" có mấy dòng:

Mộng nhập Giang Nam yên Thủy Lộ

Hành tận Giang Nam

Bất dữ ly nhân ngộ

Thùy lý tiêu hồn vô thuyết sứ

Giác lại điều trưởng tiêu hồn ngộ

Dịch:

(Mộng vào Giang Nam theo khói nước

Đi hết Giang Nam

Gặp không gặp người xa ta

Hồn mất trong giấc ngủ, không nơi để nói

Tỉnh dậy, tàn phai lỡ gặp hồn).

Mộng đến Giang Nam, miền man khói, nước. Ý nghĩ về mộng phiêu du, bông bèo nghìn dặm, ẩn hiện chập chờn một sắc thái thần bí, mở ra một khung cảnh hư ảo luôn biến đổi.

Trong những nhà văn đời Đường, Tống viết những bài thơ thật đẹp đến lạ lùng, phải kể đến Lý Bạch và Lý Hạ. Thơ về mộng của họ thật là "đời đời, đạo đạo", là thơ du tiên, ý trong thơ thật

hùng vĩ, hình tượng mới mẻ đột ngột, ly kỳ mà biến đổi nhiều, như thơ "Mộng thiên" của Lý Hạ là bài điển hình.

Trong những nhà thơ đời Đường, Tống, người viết vào loại nhiều nhất là nhà thơ Lục Du. Ông đã viết 160 bài lấy đề tài từ giấc mộng. Kể thêm những bài thơ lấy từ đề tài khác mà có đoạn hoặc có những yếu tố liên quan về giấc mộng, thì còn nhiều hơn. Ông là nhà thơ về mộng. Lục Du có thể thoát khỏi sự ràng buộc gò bó của cuộc sống hiện thực, tung hoành một cách tài tình để tạo ra những tưởng tượng lạ kỳ, đặc biệt và đẹp đẽ, làm nổi bật cho dạng thơ về mộng. Trong thơ về mộng, nhà thơ có thể lên trời, xuống đất, tùy ý phiêu bồng. Dưới đây là một mảnh trăng lệ của bài "Ký mộng".

Mộng chiêm biến chu vũ trụ tiền

Trung lưu phát diện phong lãnh nhiên

Lâu dài phiêu diêu tri kỷ điệp

Vân vật điểm xuyên da dít nghiền

Bồng phòng thứ truy thái vô chủ

Ngư ca lãng xương thanh mãn xuyên

Dịch:

Mộng chèo thuyền nhớ đến nước trước miếu Vũ

Giữa dòng gió lạnh thổi ngang mặt

Lâu dài phiêu diêu, dài trùng điệp

Mây đùn tó vờ thừa vẻ sinh

Bồng bỏ phong hoa lá buồn không chủ

Man mác như ca chất đầy sông).

Lại như mấy dòng thơ khác nữa cũng của Lục Du

Cương ngoạ cô thôn bất tự ai

Thượng tư vì quốc nhùng luân dài

Dạ tiện ngoạ thính phong suy vĩ

Thiết mã băng hà nhập mộng lại

Dịch:

(Nằm lạnh ở cô thôn chẳng thấy buồn

Còn mong ra tận lo vì nước

Đêm tàn nằm nghe tiếng gió mưa

Ngựa sắt trên sông vào giấc mộng).

3. HỖ KHÚC MỘNG ẢO THỜI KỲ NGUYÊN, MINH

Nhân sinh như mộng. Đó là tư tưởng triết học nhân sinh từ thời cổ đại Trung Quốc. Từ thời Chiến Quốc đã có chuyện "Giác mộng Trang Sinh mơ hoá bướm". Từ đó trong văn học cổ đại Trung Quốc đã hình thành một truyền thống so sánh giữa cảnh của mộng với cảnh thực để xem sự hoang đản của xã hội hiện thực, làm nổi bật sự hư vô của nhân sinh mà kêu gọi sự vĩnh hằng của ảo tưởng tinh thần. Truyền thống này cũng bị ảnh hưởng của sự du nhập và thịnh hành của đạo Phật. Những văn nhân, sĩ phu, đại sĩ phu chịu ảnh hưởng lớn hơn cả. Nội dung về mộng không những có nhiều trên mặt thơ, từ, tiểu thuyết v. v... mà cũng là chủ đề quan trọng trên mặt trận hý khúc. Trong hý khúc, dù tỷ lệ của giấc mộng

chiêm một tỷ lệ nhỏ, nhưng nó lại bộc lộ được tình cảm chân thực của kịch tác gia, diễn ra những sự kỳ lạ, huyền ảo, đưa mọi người vào sự đam mê, vào tính hư ảo của kịch mộng. Nó có tính lý tưởng và tính ngụ ý cao, có sự gợi ý sâu sắc, sự cảnh tỉnh mãnh liệt. Nó cũng đưa lại cái cảm tưởng không ảo, hư vô vừa sâu sắc vừa lâu dài.

Đời Nguyên, vị đại sư của kịch mộng là Quan Hán Khanh. Đời Minh có Thang Hiến Tổ.

Quan Hán Khanh là người Đại Đô (nay là Bắc Kinh). Ông phóng túng, hiểu biết rộng, có tài về văn chương, có tính khôi hài, phong lưu mã thượng, nổi tiếng một thời. Ông sáng tác chừng trên 60 vở tạp kịch. Trong đó có: "Mộng thành bướm", "Mộng áo đỏ", "Mộng Tây Thục" v.v...

Ví dụ như vở "Mộng Tây Thục" viết về lúc Lưu Bị xưng đế, nhớ đến hai người em là Quan Vũ và Trương Phi. Gia Cát Lượng "nhìn" sao biết hai người đó đã chết nhưng không báo cho Lưu Bị. Sau đó hồn của Quan Công và Trương Phi về thác mộng cho Lưu Bị và dặn Lưu Bị báo thù.

Lại như "Mộng áo đỏ", thư sinh Lý Khánh An và nàng Vương Nhuận Hương đã đính hôn với nhau từ nhỏ. Sau nhà họ Lý suy bại. Cha của Vương hối hôn. Nhuận Hương không nghe, hẹn Lý đêm đến vườn hoa để giúp đỡ Lý về tiền tài. Vương sai cô hầu là Mai Hương mang tiền đi, bị tên cướp Bùi Viêm giết chết. Khánh An lại bị vu là tội phạm, bị xử tử hình. Quan phủ doãn phủ Khai Thành được thần đến báo mộng, biết Lý bị oan, bèn tha cho Lý về, thành hôn với Vương thị.

Tác giả hý khúc đời Minh, Thang Hiến Tổ cũng là một nhà văn đã viết "Lâm Xuyên tứ mộng". Ông giữ một địa vị quan trọng trong những tác giả hý khúc viết về mộng. "Lâm Xuyên tứ mộng", "Hàm Đan mộng". "Lâm Xuyên tứ mộng" còn được gọi là Ngọc Danh Đường. Lâm Xuyên là quê quán của Thang Hiến Tổ. Ngọc Danh Đường là thư phòng của Thang. Cả bốn bộ kịch truyền kỳ này đều có những tình tiết tinh tế về tình cảnh giấc mộng. Cho nên gọi là "4 giấc mộng"

Đặc trưng nghệ thuật của Thang Hiến Tổ là có chất mộng ảo. Điều này biểu hiện rất mạnh mẽ trong "Nam Kha mộng" và "Hàm Đan mộng". "Nam Kha mộng" gồm 44 cảnh, lấy nội dung từ chuyện "Nam Kha thái thú truyện". "Hàm Đan mộng" lấy đề tài từ "Chấn mộng ký", tiểu thuyết truyền kỳ của Thẩm Ki Tế đời Đường. Bộ kịch mộng này gồm 30 cảnh.

Thang Hiến Tổ tuy có cải biên, bổ sung tác phẩm của người đời Đường nhưng lại kế thừa cốt chuyện sẵn có từ trước, lấy giấc mộng của nhân vật làm tình tiết trung tâm, qua thủ pháp tả giấc mộng kỳ ảo không bút nào tả xiết để sáng tạo nên hiệu quả mộng ảo khiến người loá mắt.

"Giấc mộng Nam Kha" kể chuyện Thuần vu Phần nhân rồi, uống rượu say rồi ngủ. Trong giấc ngủ, nằm mơ thấy được mời đến nước Hoè An, thành hôn với công chúa nước này, cai quản quận Nam Kha. Thuần được mời vào triều và được phong tướng. Sau vì hoang dâm vô độ, bị đuổi về nhà. Đến đoạn đó, Thuần bỗng tỉnh giấc. Mắt còn nửa nhắm nửa mở, chút rượu còn thừa lại trên chén vẫn còn nóng. Thì ra những sự vừa xảy ra chỉ là giấc mộng. Thuần

toát mồ hôi, hoảng hốt và bỗng thấy nhân sinh như là một lũ kiến, bị chúng tăng dần vào cửa Không (Phật).

Hàm Đan mộng kể chuyện Lã Động Tâm gặp Lư Sinh tại một quán ăn nhỏ ở phía Bắc cầu Siêu Chân, Hàm Đan. Lã Động Tâm muốn siêu sinh tinh độ cho Lư Sinh, cho Lư một chiếc gối lung linh, trong suốt. Gối lên chiếc gối, Lư Sinh nằm mơ thấy mình lấy vợ, đi thi, trị thủy, chinh chiến, mắc oan, bị giáng chức bãi tướng, được thưởng công, ốm chết v.v... cả một cuộc đời sống gió 50 năm trời... khi tỉnh dậy, nổi kê vàng đang đun vẫn chưa chín... Lư Sinh, tỉnh ngộ, bèn cùng với Động Tâm lên tu ở Bồng Lai, cuối cùng trở thành một đứa trẻ quét hoa đào.

Hai vở kịch trên nói về mộng mà mang sắc thái tôn giáo nông đậm. Nam Kha mộng có tính chất phật giáo, còn Hàm Đan mộng có tính chất Đạo giáo, đều có tính chất hư vô. Mộng là hư ảo. Tôn giáo cũng là hư ảo. Thang Hiến Tổ ghép cả hai thứ hư ảo đó lại để phát huy cao độ sáng tạo thẩm mỹ. Mộng là lý tưởng, bất kể là "hung" hay là "cát", vẫn là bay lượn trên hiện thực. Nhưng cái nổi của nó vẫn là hiện thực.

Cổ nhân tán thưởng không người những chi tiết trong hý khúc về mộng. "Tây Sương ký" của Vương Thực Phủ cũng đầy hư ảo. Bàn về cảnh "Kính mộng" của Tây Sương ký, Thánh Thán viết: "Trời đất của ta, mộng đó. Chúng sinh ư? Mộng đó. Ta không biết từ trước đến sau, lúc nào và giấc mộng và lúc nào ra khỏi giấc mộng. Kịch bảo: Tất cả vì "Pháp", phải làm theo cái gì đã nhìn tức là vô mộng vậy. Truyện bảo: Người ngu không có mộng. Người ngu không mộng không phải là không có mộng. Thực là ở trong mộng mà tưởng không phải mộng. Việc ảo hoá cũng là từ sự thực mà ra.

Dưới con mắt của Thánh Thán, Vương Thực Phủ dùng cảnh "Kính mộng" để kết thúc vở Tây Sương ký có ẩn ý rằng vở kịch không phải là mộng mà ý nói rằng "Vào mộng" là dinh thự Trạng Nguyên, ra khỏi mộng là gái điếm cỏ tranh.

Thực tại là mộng ảo. Tiên cảnh cũng là mộng ảo, nhân sinh vừa là mộng vừa là không phải mộng. Đó là nội dung tư tưởng đột xuất trong hý khúc cổ đại Trung Quốc.

4. TIỂU THUYẾT VIẾT VỀ MỘNG TRONG THỜI KỲ MINH, THANH

Sự xuất hiện hý khúc ảo mộng thời Nguyên, Minh đã cung cấp một số kinh nghiệm khả thi cho việc viết về mộng một cách đại quy mô và ở một trình độ cao hơn các nhà văn đời Minh, Thanh. Hý khúc bị gò bó trong văn tự của kịch bản. Còn trong tiểu thuyết thì người viết có thể đề cập đến tất cả những gì tế nhị nhất, sâu kín nhất, trúng tâm lý người nằm mơ.

Cuốn sách được vinh dự gọi là cuốn sử về xã hội sau thế kỷ 16 của Trung Quốc là "Kim Bình Mai". Tác giả cuốn sách đã phản ánh phong thái xã hội, thế tình nóng lạnh, giá trị và đạo đức. Lại còn "mộng hoá", phát hiện ra lý tính cao độ của giấc mộng để phản ánh trực giác sự triệt để giấc ngộ, bùng tình của giấc mộng thời vì lai, phát hiện ra tính dự kiến nhất định của mộng.

Trong tiểu thuyết "Hong Lâu Mộng" đời Thanh, tác giả Tào Tuyết Cần đã đạt đến đỉnh cao lịch sử văn hoá nhân loại. Trong các cuốn tiểu thuyết cổ, kim, trong, ngoài chưa có cuốn nào vượt lên trên nó được.

Cuốn sách vốn có tên là "Thạch Đầu ký". Sau đó lại căn cứ vào hồi thứ năm để là "Du ảo cảnh, chỉ mê thập nhị thoa Ẩn tiên giao, khúc diễn Hồng Lâu Mộng"... và đổi thành tiểu thuyết "Hồng Lâu Mộng". Điều đó không chỉ là cho cuốn sách được "nhã" hơn mà còn làm cho chủ đề và hình thức biểu hiện được nổi bật hơn. Tác giả dùng lời khuê tú mà đi vào cảnh ảo nên sách gọi là "mộng". Còn "Hồng Lâu" nói về tình nhi nữ trong các gia đình đại quyền quý, việc có thật, có không thật, con gái nhà giàu ở lầu hồng, có chùa, có núi. Trong thơ Trang Chư: "Tình dậy, mộng lại quay về con bướm". Tác giả lấy tên sách là Hồng Lâu Mộng là vậy.

"Hồng Lâu Mộng" không chỉ cố sức miêu tả hiện thực mà còn hết sức tạo ra một thế giới lý tưởng trong mộng.

Tiểu thuyết viết về mộng của thời kỳ Minh, Thanh có một ảnh hưởng trực tiếp đến việc sáng tác nghệ thuật của các văn học gia hiện đại. Trong các tác phẩm "Nhật ký người điên" của Lỗ Tấn, "Tàn xuân" của Quách Mạt Nhược và "Nửa đêm" của Mao Thuần đều có viết nhiều đến mộng. Họ đều muốn thông qua mộng để bóc trần mâu thuẫn trong cuộc sống hiện thực.

Mộng, đó là cái nút khó cởi của linh hồn nhân loại. Mấy nghìn năm nay gắn liền không thể tách rời với văn học. Những văn học gia có óc tưởng tượng phong phú, tình cảm tế nhị đã đưa vào giấc mộng biết bao tình cảm và tư tưởng vô cùng phức tạp, khiến cho mộng lại càng thêm thần bí khôn lường.

11

NGHI ÁN VỀ CUỘC GẶP GỠ TRONG MỘNG GIỮA ĐẾ VƯƠNG VÀ NỮ THẦN

Từ hàng mấy nghìn năm đến nay, trên lịch sử văn hoá Trung Quốc có những bản án được bàn tán rộng rãi nhưng vẫn "treo đầy" chưa được giải quyết. Trong đó có bản án về "Cao Đường mộng".

Thái tử nhà Lương là Lương Chiêu Minh biên tập cuốn "Văn tập". Trong đó có hai bài phú của Tống Ngọc đời Chiến Quốc là "Cao Đường phú" và "Thần nữ phú". Cả hai bài phú đều viết về hai giấc mộng gặp nữ thần. Hai giấc mộng đều xảy ra ở Cao Đường. Cho nên gọi là "Cao Đường mộng" Đó là giấc mộng của ai? Câu trả lời từ mấy ngàn năm nay vẫn ở tình trạng phân vân.

Giấc mộng Cao Đường trong nguyên văn tích xưa. Sở Hoài vương và Tống Ngọc đi chơi trong mây. Họ đứng ở đài Vân Mộng mà nhìn lên Cao Đường mù mịt hơi mây. Ngọc bảo: khi xưa, tiên

vương thường du Cao Đường. Ngay ban ngày, Ngài nằm ngủ và đi vào mộng. Ngài gặp một người con gái. Cô này nói: "Con là con gái Vu Sơn, là khách của Cao Đường. Nghe tin quân vương tới, em nguyện giải chiếu và xếp gối hầu vương. Vương nhân đó mà hạnh ngộ cùng nàng.

Ở đây, người thuyết mộng là Tống Ngọc. Người nghe mộng là Hoài vương. Người nằm mộng là "tiên vương". Tiên vương là ai. Rất nhiều sách ở rất nhiều nơi đều có ghi chép.

Tương Dương kỳ cựu ký viết: Sở Hoài vương du chơi ở Cao Đường mộng gặp thần nữ. Thi nhân đời Nam Bắc triều khi vịnh về giấc mộng thần nữ đều tránh nói đến tiên vương. Các thi sĩ đời Đường khi nhắc đến tiên vương cũng không nói gì đến Sở Hoài vương mà chỉ gọi là quân vương hoặc Kinh vương. Họ đều có những bài thơ minh họa cho cách nhìn của họ. Có nhiều người cũng cho rằng chính Tống Ngọc gặp nữ thần vì chữ vương và chữ ngọc giống nhau v.v...

Cho đến ngày nay, vẫn chưa rõ là Sở vương hay là Tống Ngọc gặp nữ thần. Điều này người ta vẫn mê mết theo đuổi.

12

BÍ ẨN VỀ MỘNG TRONG "HỒNG LÂU MỘNG"

Mộng là người bạn suốt đời của mỗi người. Nó là yếu tố và đề tài chủ yếu của Hồng lâu mộng. Tào Tuyết Cần nói rõ trong sách có từ "mộng" và "áo". Đó là tôn chỉ của sách và có ngụ ý cảnh tỉnh người đọc. Sau khi miêu tả việc làm thơ ở Hương Long mộng tác giả viết: Một quyển sách lớn là mộng, tình của Bảo Ngọc là mộng, sự đậm dặt của Giả Thuy là mộng... Cuốn sách "Phong nhiều nguyệt giám cũng từ mộng mà có. Cho nên Hồng lâu mộng cũng là mộng. Có cả thấy 32 giấc mộng lớn nhỏ. Giấc mộng dài nhất là:

Du ảo cảnh, chỉ mê thập nhi thoa

Ấm tiên giao, khúc diễn Hồng lâu mộng

Giấc mộng kéo dài cả một hồi gồm trên 8000 chữ. Giấc mộng ngắn nhất là lúc Giả Bảo Ngọc mơ thấy biết tin Tấn thị mất và ở hồi thứ 89. Lâm Đại Ngọc mơ thấy có người gọi: "Bảo Thoa là bà Bảo Hai". Cả hai giấc mộng này đến đều chỉ có hai câu, chỉ dùng từ 12 đến 13 chữ.

Một cuốn sách viết về mộng nhiều như vậy, thật hiếm thấy trong những trước tác văn học cổ, kim, trong, ngoài. Do đó, ta thấy Tào Tuyết Cần coi trọng và thích thú về mộng - một hiện tượng tâm lý đặc biệt.

Căn cứ vào cơ chế sinh lý của mộng, chúng ta có thể chia chúng thành hai loại hình cơ bản. Một loại là cảm quan nhận được kích thích truyền tới đại não gây nên sự liên tưởng trực tiếp giống như mùa đông ngủ đắp chăn không đủ ấm mà "mộng rơi vào tầng mây lạnh". Hai là việc gia công cải tạo những vết hằn ký ức ở trên vỏ đại não, như Tô Đông Pha ghi lại giấc mộng của chính mình khi về quê nhìn thấy người vợ chết đã 10 năm: "Nàng tô điểm bên song đang chải tóc, nhìn tôi mà không một lời, nghìn hàng nước mắt nhỏ xuống...". Trong bài "Giang thành tứ, ất mao chính nguyệt nhị thập nhật dạ ký tài", Còn Tào Tuyết Cần thì đưa thêm những giấc mộng vào mộng. Ngoài những sắc thái thần bí nhân tạo do nhu cầu kết cấu nghệ thuật nói chung đều phù hợp tiêu chuẩn nói trên, tức là phù hợp với quan điểm sinh lý, tâm lý của mộng. Do vậy mà tuyệt vời và có tính sáng tạo.

Dưới đây, chúng tôi dựa vào hai loại hình nói trên mà tìm hiểu sự miêu tả mộng trong Hồng lâu mộng:

1. MỘNG TÌNH DỤC TRONG LẦU HỒNG

Thiếu niên nam nữ đến một giai đoạn tuổi tác nhất định đều phát sinh hứng thú đối với dị tính và sản sinh ra yêu cầu tình dục mỗi lúc một mãnh liệt hơn.

Mối đầu, cái khát vọng đó không được thoả mãn một cách thực tế mà thường được thực hiện trong mộng. Hồi thứ 5 trong Hồng lâu mộng viết về Giả Bảo Ngọc với cô cháu dâu lớn tuổi hơn mình là Tân Khả Khanh có giấc mơ tình dục. Trong khi ở ngay sát cạnh, ngày đêm sớm tối với Giả Bảo Ngọc có rất nhiều cô hầu (a hoàn) nhỏ, xinh đẹp. Họ với Giả sớm tối sống chung với nhau, chơi đùa với nhau. Đáng lẽ một trong những cô hầu xinh đẹp này phải đi vào mộng với Giả. Nhưng tại sao không phải là các cô ấy mà lại là Tân Khả Khanh đã có chồng, lại ở xa mãi tận Đông Phủ?

Nhà tâm lý học cho rằng: khi nam, nữ bắt đầu có sự hứng thú với người khác giới, những người làm cho họ nảy sinh tình dục thường không phải là những người cùng lứa tuổi với họ mà là những nam nữ lớn tuổi hơn, họ đã có vợ có chồng. Vì ở họ, tính thứ hai mạnh mẽ hơn. Tính thứ ba là tính thứ hai đã thành thực, về phương diện tính cách đã có đặc trưng nam tính hóa hay nữ tính hóa, ngoài ra vì họ đã có vợ có chồng nên tình dục nồng nàn hơn, có nhiều điều không câu nệ, giữ kẽ...

Đó là nói chung, còn Giả Bảo Ngọc dắt Tân vào mộng mà không phải dắt những khác lại do hoàn cảnh cụ thể. Trước tiên, Tào Tuyết Cẩn đưa Giả Bảo Ngọc đến Đông Phủ, ngủ ở phòng của Tân thị.

Hôm đó, Giả Bảo Ngọc theo mẹ sang Đông Phủ nếm mơ, ăn tiệc. Sau bữa cơm, Giả muốn ngủ trưa, Tân thị dẫn Giả vào buồng trong. Giả không muốn ngủ tại đó. Thế là Tân đưa Giả sang tận buồng của mình, tự trông nom cho Giả ngủ.

Đây là giường ngủ của nàng. Giường, trướng, nệm, gối đều là những đồ vật dẫu dài ngày đêm với thân thể nàng. Đương nhiên, tất

cả những thứ đó mang sắc thái tính cách của nàng cũng mang theo cái mùi vị đặc biệt của nàng. Chẳng hạn như cái chân hầy còn lưu lại hơi ấm của thân thể nàng mà chúng chưa kịp phai hết. Hơn nữa, nàng vẫn ở ngay bên cạnh Giả. Lại còn cái tính khí của nàng, những tiếng nói nhỏ nhẹ mà Giả không nghe rõ cùng với cái bóng hình mờ mờ lung lung của nàng... Tất cả đánh vào các cơ quan cảm giác của Giả. Khi tất cả những kích thích nhỏ ấy đưa đến vỏ não rồi kết hợp lại với nhau, sẽ có đủ để cấu trúc nên một hình tượng chính thể, đủ trớ nên người trong mộng. Do vậy, Giả vừa mới nhắm mắt là ngủ ngay. Hầu như Tần thị vẫn ở phía trước, dung đưa, thấp thoáng theo giấc mộng.

Khi những kích thích nhẹ nhàng ấy tạo ra mấy trung tâm hưng phấn và kết hợp lại với nhau thì đủ để tạo thành hình ảnh chính thể của cô Tần và từ đó trở thành người trong mộng của Giả. Cho nên "Bảo Ngọc vừa nhắm mắt lại liền mơ màng ngủ thiếp đi, tựa như Tần thị ở trước mắt bên mơ mộng đi theo Tần thị vào buồng. Nhưng sau khi Tần thị dắt Bảo Ngọc vào giấc mộng rồi lại xảy ra chuyện phong lưu kia? Điều này có liên quan đến sự miêu tả tâm lý của Tào Tuyết Cần.

Tào Tuyết Cần tả căn phòng của Tần thị với một loạt những đồ vật có liên quan đến những chuyện hương phấn, diễm tình ngày xưa xưa. Nào là cái gương quý trong buồng gương của Vô Tắc Thiên, cái khay vàng mà Triệu Phi Yến đứng lên để múa, quả bầu bằng gỗ mà An Lộc Sơn đã ném làm bị thương Thái Châu Nhữ. Lại còn cái giường nhỏ của công chúa Thọ Xương. Sau cùng là cái vại bọc nệm mà tự tay Tần thị giặt ở phía tây sân rộng và cái gối oanh mà Hồng nương đã sử dụng...

Những điều miêu tả ở trên khó mà hiểu nổi nếu không nhìn vấn đề từ góc độ tâm lý. Ngày nay, người ta thấy ẩn ý miêu tả là để mọi người thấy sinh hoạt của Tần thị là xa xỉ và dâm giật...

Cái ẩn ý của tác giả còn ở chỗ bố trí cơ sở giữa Giả Bảo Ngọc và tính hạnh của Tần thị. Ví dụ có cái gối oanh. Từ oanh có ý nghĩa sâu xa. Trong một lớp kịch ở màn 4 của Tây Vương ký có miêu tả sự gặp gỡ giữa Thôi Oanh Oanh. Lúc này Tần thị trải gối và nệm ra tức là đóng vai diễn của Thôi Oanh Oanh. Người vát và học tập như Giả Bảo Ngọc đã đọc qua Tây Vương ký để dễ dàng liên tưởng điều đó.

Ngoài ra, Tào Tuyết Cần còn viết một đoạn đối thoại hơi mang chút gợi tình giữa Giả và Tần. Vì Giả không muốn ngủ ở phòng trong. Tần thị với những mảnh tình, nói lên: "ở đây còn không được thì ở đâu bây giờ? Hay là vào buồng cháu vậy"... Giả Bảo Ngọc gật đầu mỉm cười...

Tính cách của Tần thị cũng giống như thể thái của nàng. Rất mực phong lưu khi có một bà giả hỏi: "Có một chú nào nằm ngủ ở trong buồng cháu đây...". Nàng lập tức cười và reo lên: "Ôi dào! Không phải ngại. Đã lớn lắm đâu mà phải kiêng kị...". Ẩn ý câu nói này có chất gợi tình. Vì nó chỉ việc phòng chung của nam nữ. "Đã lớn lắm đâu". Nếu mà lớn thì sao? Vừa vặn là các giai đoạn cảm giác về "tính" tình táo hẩn lên. Giả Bảo Ngọc nghe thế, không tránh khỏi có lòng này ý nọ...

Lúc này, Tào Tuyết Cần mượn một câu nói mờ ảo sau: lại đưa một cô em gái cổ tên gọi thuở nhỏ là Kiềm Mỹ, biểu tự là Khả Khanh, đêm nay ngày lành tháng tốt có thể thành nhân duyên. Nói xong, bí mật dặn dò về chuyện mây mưa, đẩy Giả Bảo Ngọc vào

trong buồng đóng chặt cửa lại. Giả Bảo Ngọc hoảng hốt, râm rập theo lời nói mờ ảo, không tránh khỏi làm cái sự "nam nữ", khó mà thuật lại tường tận. Ngày hôm sau, cứ chỉ mềm mại, lời nói dịu dàng mà ôn tồn của Giả cùng Khả Khanh khó bề phân giải.

2. NGUYÊN NHÂN MỘNG DI CỦA GIẢ BẢO NGỌC

Thực tế mà nói, đối với một số nam giới trẻ, hiện tượng mộng di là chuyện bình thường. Đó là phản ứng sinh lý và tâm lý bình thường. Cũng không chỉ sinh ra ở nam giới mà ở cả nữ giới. Có điều họ không tiện nói ra. Khi họ giao hợp trong mộng thì vật phân tiết trong âm đạo cũng tăng nhiều như hiện tượng di tinh của nam giới. Mộng di là một nội dung hoạt động tâm lý của kỳ thanh xuân. Lúc này, hoạt động tâm lý về "tính" rất phong phú. Nhưng nó biểu hiện chủ yếu khi hướng về người khác giới, ảo tưởng về "tính". Trường hợp của Giả Bảo Ngọc là một ví dụ điển hình.

Giả Bảo Ngọc bị Tần thị an bài trong buồng ngủ của Tần. Sự bố trí cảnh trong buồng có vẻ đẹp yêu mà đã xâm nhập vào Giả làm nảy ra ý thức về "tính" và sự hưng phấn về "tính". Và thế là Giả có một giấc mộng "tinh dục". Sau khi Giả làm cuộc mộng du vào tiên cảnh, nghe các tiên nữ diễn tấu nhạc, Giả bị tiên nữ dẫn vào phòng và y hành thân với Khả Khanh. Và sau đó lúc hợp hoan với nàng thì sinh ra mộng di. Về sự việc này, hồi thứ 6: "Giả Bảo Ngọc sơ thức vãn vũ tình" (Giả Bảo Ngọc lần đầu biết tình mây mưa) trong Hồng lâu mộng viết:

"Lúc đó, Giả mê mê hoặc hoặc khi bị mất cắp, vội chồm dậy chỉnh lại y phục. Khi Tập Nhân đến buộc giải quần cho Giả, vừa đưa tay đến chỗ đùi cảm thấy một mảnh nước dính dính lạnh

lạnh, hốt hoảng rút lại hỏi: "Cái gì thế này? Bảo Ngọc đỏ mặt gạt nhẹ tay nàng ra. Tập Nhân vốn thông minh, lớn hơn Giả hai tuổi, gần đây cũng biết dần sự đời thấy cái quang cảnh này của Bảo Ngọc, trong lòng đã rõ một nửa, bất giác cũng thẹn đỏ mặt, không hỏi gì nữa. Nàng sắp xếp quần áo đi về nơi ở của Giả mẫu, ăn qua loa bữa cơm chiều rồi trở lại, thừa lúc các bà giúp việc và các a hoàn không có bên cạnh, rút ra một chiếc áo khoác giữa mặc cho Giả Bảo Ngọc.

Bảo Ngọc xấu hổ, dặn: "Chị đừng có bảo với ai nhé?"... Tập Nhân cũng mỉm cười và hỏi khẽ: "Cậu làm sao?..." Nói đến đây mắt nhìn xung quanh một lát rồi mới hỏi thêm: "Cái này ở đâu chày ra thế?" Bảo Ngọc chỉ đỏ mặt, không nói gì. Tập Nhân cứ nhìn Bảo Ngọc mà cười. Một lát sau, Bảo Ngọc mới kể tường tận cho Tập Nhân nghe sự việc trong mộng. Nói đến chỗ tự tình mưa gió, Tập Nhân thẹn che lấy mặt, ngà người xuống mà cười. Bảo Ngọc cũng rất thích tấm thân mềm mại và yêu kiều của Tập Nhân, kéo nàng về phía mình làm cái việc theo huấn thị của ảo giác.

Mộng đi xảy ra trong thời thanh xuân có cơ sở tâm sinh lý. Về sinh lý, thanh thiếu niên sau khi phát dục, hàm lượng kích thích tố về tính tăng vọt, nhất là nam thiếu niên, tinh dịch tích trong cơ thể đến một lượng nhất định sẽ bài tiết ra ngoài, do đó nảy sinh hiện tượng mộng đi và thủ dâm.

Bảo Ngọc đương thời vào khoảng 15 tuổi, là lúc bắt đầu động tình. Thêm nữa, suốt ngày tót tai va chạm với các chị em và các cô hầu gái... Do vậy nằm mơ thấy ăn nằm với giới nữ là phù hợp với tình hình phát dục sinh lý của Giả.

3. CÂU ĐỐ THÁC MỘNG TRONG HỒNG LÂU MỘNG

Ở trên đã nói, có hai loại mộng. Loại thứ hai là do vô đại não gia công, cải tạo những vết tích hằn lên của trí nhớ mà sinh ra. Hồi thứ 13 của Hồng lâu mộng (Tần Khả Khanh chế, Vương Hy Phượng trình coi Ninh quốc phủ) viết về Tần Khả Khanh thác mộng cho Vương Hy Phượng nói rằng: Giả phủ sắp bị phá sản. Trong sách viết tiếp: "Phượng Thư vừa mới nhắm mắt thiêu thiêu thì thấy thấp thoáng Tần thị đi đến cười và nói: "Thím ngủ ngon, hôm nay cháu trở về, thím cũng không tiễn cháu một đoạn. Vì thím cháu hàng ngày đối xử tốt với nhau, cháu không thể bỏ được thím nên đến chia tay với thím. Còn có một điều tâm nguyện không thể không nói với thím, người khác vị tất đã nói".

Phượng Thư nghe thấy, vội vàng hỏi: "Có tâm nguyện gì cứ uỷ thác cho thím". Tần thị bảo: "Thím là vị anh hùng trong hàng ngũ phẫn son. Những người đàn ông mũ cao áo dài cũng không sánh được với thím. Tục ngữ thường nói rằng: "Trăng đầy rồi trăng khuyết. Nước đầy rồi nước tràn". Lại nói: "Trèo cao ngã đau". Bây giờ nhà chúng ta đang hiển hách. Một ngày nào đó, vui quá sinh buồn, ứng với mỗi câu. "Cây đổ, khi chạy đi. Há chẳng là hư vinh của một cự tộc thi thư sao?". Phượng Thư nghe nói, không vui, rất sợ hãi liền vội hỏi: "Nghe câu này lo lắng. Nhưng có cách gì để có thể giữ cho khỏi nỗi lo âu này không?" Tần thị cười lạnh lẽo: "Ôi! Thím đa cảm, bĩ cực cập thái lai. Vinh rồi đến nhục. Xưa nay vẫn thế. Sức người làm sao giữ được. Nhưng nếu có trù liệu trước cho cái thế nghiệp suy vi này cũng có thể giữ dài thêm một chút... Nhất thời hoan lạc chớ bao giờ quên câu tục ngữ "Tiệc đông cũng có lúc

tan", nếu không lo liệu sớm thì về sau có hối cũng vô ích! Cháu cùng thím đã có một đàn vui về say sưa. Trước khi ly biệt, cháu xin tặng thím hai câu thơ để thím nhớ lấy". Nhân đó đọc lên:

Tam xuân khứ hậu chư phương tận

Các tự tu tâm các tự môn

Nghĩa là:

Ba năm tốt đẹp qua rồi

Mỗi người tự kiếm lối đi thôi.

Phượng Thư còn định hỏi nữa nhưng chỉ nghe trên hai cánh cửa gỗ có bốn tiếng gõ liên chính là tiếng báo tang. Phượng Thư giật mình tỉnh dậy nghe có tiếng: "Bà Dung ở Đông Phủ... mất rồi...".

Chúng ta biết mộng phản ánh hoạt động tư tưởng của người nằm mộng, không liên can gì đến người ở trong giấc mộng. Do đó giấc mộng này không viết về Tần thị mà viết về Vương Hy Phượng. Thuyết thác mộng không có căn cứ khoa học. Nó do những tình tiết quan trọng ẩn náu ở nơi sâu thẳm đáy lòng của Hy Phượng mà ra.

Lại nói về Hy Phượng, nàng có dự cảm sớm về nguy cơ của Giả phủ không? Nếu nói là không thì giấc mộng này không có cơ sở tư tưởng. Luận đoán nói trên sẽ không có căn cứ.

Sự thực, Hy Phượng nhận thức về nguy cơ của Giả phủ rõ ràng hơn bất cứ ai. Trong sách, Hy Phượng nói là bà Lưu: "Bên ngoài trông tướng oanh liệt là thế, ai biết rằng lớn có cái khó của nó. Nói ra chẳng hay". Nếu Hy Phượng nói ra sẽ làm cho Giả mẫu, Vương phu nhân và mọi người không vui mà chính mình cũng bị

mất tín nhiệm. Tiền đồ và vận mệnh của Giá phủ là ở trong tay nàng. Mà cũng chỉ có mình nàng chèo chống. Người có thể làm cho mọi người không vui hoặc bí mật tín nhiệm cũng là nàng. Vì lợi ích thiết thân của mình, Hy Phượng không nói ra điều mình suy nghĩ. Do đó, những suy tư, lo lắng bị áp chế mà chuyển vào đáy lòng sâu thẳm, thành ra tiềm ý thức.

Từ những chi tiết lớn trong Hồng lâu mộng, Hy Phượng đã dự cảm thấy Giá phủ sẽ sụp đổ, nhưng chỉ nói qua loa chút ít với Bình Nhi và Tần thị, còn nói chung là giữ chặt và bị ức chế. Nhưng với tiềm ý thức, càng bị chế áp, nó càng có sức hoạt động mãnh liệt. Nhất là với đêm khuya hoặc lúc thanh vắng, khi mà ý thức tự không chế bị sút giảm nó sẽ phát ra mạnh mẽ với ý thức Tần thị phát mộng.

Ngoài ra, giấc mộng của Vương Hy Phượng vừa vận gặp cái chết của Tần thị, cũng không phải là ngẫu nhiên. Tác giả đã nhận thức thấy tính ngẫu nhiên hầu như là tiền đề của tính tất nhiên. Do đó, trước khi có giấc mộng này, tác giả đã viết kỹ quá trình phát triển bệnh tình của Tần thị, gợi lên cái điềm Tần sắp chết và cái quá trình này và sự ảnh hưởng của nó cũng được biểu hiện qua sự tham dự của Hy Phượng.

Chương thứ 11 của Hồng lâu mộng, Vương Hy Phượng và Bảo Ngọc đến thăm Tần thị, lúc này đang trong cơn nguy kịch. Nhìn thấy Tần thị quá gầy gò, hom hem, Hy Phượng kêu lên: "Ồi! Sao chỉ có mấy hôm không gặp mà đã sạm lại thế này! Lúc này Tần thị cũng biết mình là không sống nổi, buồn rầu đáp: "Tôi tự biết không qua nổi tết. Bảo Ngọc ở trong phòng, nghĩ đến giấc mộng hư huyền ngày trước. Lúc này chàng đang nghĩ và nhớ lại chuyện trong mộng nghe thấy lời nói đó của Tần thị, thấy con tim mình bị

hàng vạn mũi tên bắn vào, nước mắt trào ra. Sau đó, Vương Hy Phượng lại phụng mệnh Giả mẫu đến thăm Tần thị, thấy da thịt trên mặt và thân hình Tần thị khô héo. Tần thị chắc chắn sẽ chết.

Quan hệ giữa Hy Phượng và Tần thị thật mật thiết, Vương Hy Phượng thăm Tần thị lúc đang nguy kịch nên có thể phán đoán được tất cả cái chết của Tần thị. Như vậy là giấc mộng của Hy Phượng với cái chết của Tần thị vừa vận gặp nhau. Điều này không kỳ quái, cũng không thần bí mà là sự phản ánh chân thực khách quan.

Tào Tuyết Cần đã khách quan nắm quan hệ giữa mộng và hiện thực mà về chủ quan ông cũng nhận thức được rõ ràng.

Ở chương thứ 16, trong chi tiết Bảo Ngọc mộng thấy Yên Bảo Ngọc có thể chứng minh điều ấy. Qua chi tiết này, Tào Tuyết Cần trước nhất không qua người nhà của họ Yên bàn luận về hai chàng Ngọc họ Giả và họ Yên, nói rằng tính tình và hình dáng hai người giống nhau. Phải chăng như thế là Bảo Ngọc không thể khẳng định mà dăm ra nghi hoặc. Sau nữa lại để Bảo Ngọc mang tâm tư ấy đối mặt với tám gương lớn mà ngủ.

Ở đây, trên là cơ sở và nguồn gốc tư tưởng của mộng, đáng chú ý là ở dưới, sau khi Bảo Ngọc tỉnh dậy, Xạ Nguyệt nói: "Thảo nào Thái Thái thường dặn trong nhà tiểu nhân không dùng nhiều gương. Có nhiều gương soi, khi ngủ sợ hãi hay nằm mơ". Lại nói: Vừa rồi Bảo Ngọc "tự nhiên nằm xuống soi hình chơi, vừa nhắm mắt đã mơ lung tung, nếu không thì tại sao lại kêu tên mình lên". Hoá ra Bảo Ngọc mộng thấy người gọi tên là Yên Bảo Ngọc, chính là cái bóng trông thấy ở trong gương. Tình tiết này được sắp xếp rất khéo, hình như mượn nó để chứng minh thực chất của hiện tượng

tâm lý, tức là bao gồm tất cả tâm lý của những người ở trong mộng đều là sự phản ánh của hiện thực khách quan giống như tấm gương phản ánh khách thể tác dụng lên nó.

Qua những thí dụ về các giấc mộng và sự phân tích chúng, mọi người có thể thấy Tào Tuyết Cần có sự nghiên cứu về hiện tượng tâm lý mộng. Không những ông đã nắm vững một cách sâu sắc về tâm lý tình dục của thiếu niên nam nữ mà còn nắm vững thực chất tâm lý rất chuẩn xác thông qua việc miêu tả "ác mộng", "hý mộng", "thác mộng", "đoán mộng"... Đó là hiện tượng phản ánh khách quan lên vỏ não của con người.

QUYỂN 2 HẠ

1

NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN NGẠC MỘNG TRONG "CHU LỄ" VÀ CÁCH PHÒNG TRỪ

Trong chiêm mộng. Xuân quan, sách "Chu lễ", chia mộng ra làm 6 loại, loại thứ 2 gọi là ngạc mộng, ngạc mộng là do kinh ngạc mà sinh ra mộng. Theo Trịnh Huyền, từ "ngạc" có nghĩa là kinh ngạc. Trịnh Huyền căn cứ vào nguyên nhân gây ra mộng. Lý Quang phủ đời Thanh căn cứ vào nội dung "điều gặp trong mộng" điều đáng kinh ngạc. Hai thuyết đều có lý nhưng không sát ý. Trong Chu Lễ gọi ngạc mộng là ác mộng. Nó mang một nội dung đáng sợ, chủ yếu chỉ những giấc mộng gặp ma, quỷ.

Cuốn "Giải minh Niu - tôn" Anh ngữ từ điển giải thích ác mộng, là giấc mộng đáng sợ, làm cho người ta kinh động. Người nằm mơ thấy mình bị ác quỷ ám hoặc bị yêu ma, quỷ quái uy hiếp, ác mộng với nam giới thường là tinh linh ác độc, đến khi ngủ say,

đặc biệt rất thích giao hoan với nữ giới trong mộng. Còn nữ ác ma là ma quỷ xuất hiện với thân hình đàn bà. Nghe nói, nó thích "chăn gối" với nam giới trong mộng. Hiện nay từ "ác mộng" dùng phiếm, chỉ tất cả những giấc mộng đáng sợ hoặc người nằm mơ thường bị ma bắt, mãi không tỉnh dậy. Vậy thế là "ma"? "Thuyết văn giải tự" viết: "Ma là điềm kinh sợ trong mộng". Tự Uyển giải thích là điều bất thường trong giấc ngủ. Quảng Vận giải thích gọi là "ác mộng" thường biểu hiện qua việc nhìn thấy hoặc gặp phải phảng phất trong mộng những sự việc đáng sợ hãi mà kêu lên rồi ú ớ... loại mộng này làm cho người ta sợ hãi. Sau khi tỉnh dậy có thể nhớ lại nội dung giấc mộng. Cũng làm cho người ta tư lự băn khoăn về cực độ. Có thể là bị yêu ma treu trọc hoặc bị mãnh thú, người độc ác săn đuổi hoặc mình và thân nhân ở vào bên bờ của vực tai nạn... Lúc đó muốn hét lên mà không được, chạy trốn cũng không được, không biết phải làm gì và thở không ra hơi. Trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, cảm thấy thân thể và tứ chi khó nhúc nhích lên được. Tựa hồ như bị vật gì đè lên. Phải qua một sự lán lộn mới tỉnh dậy được. Một số người đoán mộng cho rằng đó là do linh hồn của người nằm mộng bị đè nén dẫn đến.

1. ÁC MỘNG SẢN SINH RA NHƯ THẾ NÀO?

Ác mộng nảy sinh do có sự kích thích sinh lý của ngoại giới, cũng do vết thương tâm lý nội tại dẫn đến. Mộng ma thường là do khi ngủ, chàm chân kín mũi, hoặc tay đè lên ngực, làm cho hoạt động của tim bị trở ngại và mũi khó thở. Hiện tượng kích thích ngoại bộ này truyền đến vỏ đại não sẽ đưa đến một phản ứng không chính xác và sinh ra ác mộng. Có trường hợp thấy quỷ quái đánh

vào mình. muốn nuốt chứng mình nên muốn giấy giũa, kêu thét lên. Nhưng, bộ phận đại não là bộ phận chỉ huy chân tay vận động và miệng lên tiếng lại ở vào trạng thái bị ức chế. Ngoài ra, có người mắc một số bệnh mãn tính như viêm amidan, viêm khí quản v.v... làm cho khó thở mà sinh ra ác mộng...

Từ nguyên nhân bên trong đưa đến ác mộng, ta thấy trước khi nằm mơ thấy ác mộng, tinh thần người nằm mơ thường trải qua một sự kích thích lưu giữ lại một vết thương tâm lý khó chữa khỏi. Trong bài thơ "Du Tường Tây tự" Hàn Dũ viết: Như ngờ trong sóng cả, lo sợ thành mộng ma". Mộng gặp ma có liên quan tới tâm lý sợ hãi, cảnh giác. Nhiều nhà tâm lý học cho rằng những người gặp ác mộng thường dính dáng đến những sự vật cơ bản đã gây cho họ sợ hãi từ những lúc họ còn trẻ nhỏ. Cái đó còn theo đuổi họ đến cả các chặng đường trong cuộc sống mà không thể nào vượt qua được. Trẻ con từ 3 đến 5 tuổi rất dễ gặp ác mộng. Đến tuổi thành niên, một khi cảm thấy mình không được bảo đảm an toàn hoặc nghĩ đến những sự việc đã làm cho mình phải hoảng sợ, không an tâm trong quá khứ, cũng dễ sinh ra ác mộng.

Những sự kiện dù mọi loại trong cuộc sống như: người trong gia đình bị chết, biệt ly, ly hôn, bệnh hoạn v.v...đều sinh ra hàng chuỗi giấc mộng. Gây ra những giấc mộng hoàn toàn tương phản hoặc tương ứng. Ác mộng không đáng sợ. Vấn đề quan trọng là ở chỗ đối xử sao cho chính xác. Những người thường xuyên bị ác mộng quấy rầy, có thể vì họ là những người mắc chứng tinh thần phân liệt. Cũng có thể họ là những người giỏi nghệ thuật hoặc giàu óc sáng tạo. Vấn đề ở chỗ ta phải ổn định tình cảm của mình làm

sao cho không bị ác mộng đe dọa. Rèn luyện sự đón nhận về mặt tâm lý. Nếu được như vậy, ác mộng còn là "phúc phận của ta".

Thông thường dễ phát sinh ra ác mộng khi bị người hoặc đã thú truy đuổi. Điều đó giống như nỗi sợ khi còn nhỏ, ta gặp một con vật khổng lồ, bị cha mẹ vô ý làm sợ hãi, bị hổ vồ, gấu ăn thịt trẻ con v.v... hoặc có liên quan đến những kích thích làm ta sợ sệt và có cảm giác bị cô lập.

Mơ thấy đi thi bị rớt cũng là cơn ác mộng thường gặp. Có điều lạ là những người gặp ác mộng bị thi trượt lại là những người đã đi thi và thi đỗ. Nhưng vì trước đó một số năm phải tham gia mấy kỳ thi và đã từng có tâm lý sợ bị thi hỏng. Có một số người đã đi thi, đã đỗ vào đại học thú nhận là họ đã từng mơ thấy mình thi rớt. Niềm lo lắng đó nhập vào tiềm thức. Mỗi khi họ phải đương đầu với một sự khiêu chiến hoặc trước nhiệm vụ nào đó, lại gọi sự lo lắng, sợ hãi đã in sâu vào đại não từ trước. Cũng có khi mộng lại triển khai về mặt hy vọng như ngày trước đã từng kết thúc tốt đẹp một vấn đề nan giải.

Mơ thấy mình trần truồng, loại giấc mơ này có liên quan ở một mức độ nhất định, cảm giác tự ti và cảm giác sợ hãi mình bị khoả thân. Do đó ta thấy cá tính và sự từng trải của người nằm mơ là chìa khoá mở ra hàm ý của giấc mộng.

2. TRÁNH ÁC MỘNG NHƯ THẾ NÀO?

Làm thế nào để tránh được ác mộng? Y học truyền thống của chúng ta cho ác mộng là một trạng thái bệnh hoạn. Trong "Mạch yếu tinh vị luận", thiên "Tổ vấn", sách "Nói kinh" viết "Âm thịnh sẽ

mộng liên quan đến hồng thuỷ. Dương thịnh sẽ mơ thấy đại hoả thiêu đốt. Âm, dương đều thịnh, mộng thấy chuyện chém giết nhau. Trên thịnh, mộng thấy bay bổng. Âm thịnh, mộng thấy bị rơi. No quá, mộng thấy cho, đói quá, mộng thấy lấy. Can khí thịnh, mộng tức giận. Phế khí thịnh, mộng thấy khóc. Nhiều côn trùng ngắn, mộng tụ tập. Nhiều côn trùng dài, mộng thấy đánh nhau đả thương. Do vậy, Nội kinh cho rằng: muốn tránh ác mộng thì phải tuân thủ nguyên tắc trị liệu "Ai thịnh quá thì xả bớt, ai không đủ thì bổ sung cho đủ".

Những nhà tâm lý học hiện đại cho rằng muốn tránh ác mộng, phải xem lại trong sinh hoạt đã xảy ra những sự việc gì làm cho ta cảm thấy sợ hãi, hoặc làm cho ta lâm vào thế cô lập không được giúp đỡ gì để tìm cách khắc phục chúng. Tuy vậy, trong rất nhiều tình huống, muốn cải biến những điều đó cũng không dễ dàng. Có khi nghĩ đến những điều tốt đẹp hơn làm cho tâm tình được nhẹ nhàng vui vẻ trước khi đi ngủ cũng là biện pháp tốt. Ở phương Bắc nước ta, sau những trò vui, thường có câu vè: "Năm mơ đi lấy vợ - chỉ nghĩ đến điều hay". Ta tước bỏ tính chất hài hước đi mà chỉ lọc lấy phần tốt của câu vè làm tiên dược trị bệnh ác mộng.

Ở khoảng giữa thế kỷ này, nhà nhân loại học Sdao-tơ đến nghiên cứu bộ tộc Sơn - nê sống tại một khu rừng ở Malaisia, đã phát hiện ra phương pháp dùng ý chí để trị ác mộng. Thợ dân ở đây rất chú trọng đến việc trị ác mộng và việc xử lý nó. Họ đều tin rằng mộng và sinh hoạt thật đều là chân thực cả. Cứ mỗi sáng sớm, người trong nhà và láng giềng đều bàn luận với nhau những giấc mộng đêm hôm trước. Họ dựa vào các giấc mộng để quyết định chọn một biện pháp xử lý thích đáng. Nếu trong mộng có sự thiếu

lễ phép với một người bạn, sẽ tìm đến những bạn đó mà xin lỗi, biếu quà, sửa đổi lại hành vi của mình trong giấc mộng sau. Ví như khi gặp phải kẻ thù địch trong mộng mà không có ý thức đấu tranh dũng cảm, sợ hãi, bỏ chạy, mọi người đều giúp ý kiến, tìm ra cách đối phó. Sẽ chủ động đi báo thù trong giấc mộng sau và sẽ chiến thắng. Hoặc là tìm phương pháp hoà giải.

Đại đa số người trong bộ tộc thổ dân này đều có thể dùng ý chí để chi phối giấc mộng.

Phương pháp đối xử với mộng của thổ dân Son-nê đã làm cho các nhà tâm lý học phương Tây rất thích thú. Nhà tâm lý học Ta-thơ đã bị ác mộng quấy rầy từ khi ông lên tám tuổi sợ hãi quá mà tỉnh dậy. Về sau, ông hạ quyết tâm không sợ sệt, bối rối trong giấc mộng nữa, tìm cách ứng phó với tình huống kinh dị. Trải qua hơn mười lần như vậy, ý chí đã được rèn luyện và cũng khắc phục được mộng mị. Sau đó, ông thường gặp những giấc mộng vui vẻ. Con ông lúc bốn tuổi cũng bị mộng mị đầy vò, sau dưới sự hướng dẫn của bố đã giải quyết được vấn đề này. Tha-tơ liền phát triển kỹ thuật trị liệu này vào các giấc mộng còn trẻ con và đã thành công. Một nhà tâm lý học nữ là Ga-pen-đơ đã phát triển kinh nghiệm của bộ tộc Son-nê. Bản thân bà khi lớn cũng có một thời gian bị ác mộng ám ảnh. Một lần nằm mơ bị kẻ xấu đuổi, bà choàng tỉnh dậy, trong cơn hốt hoảng, bà đã tự luyện tính trầm tĩnh kiên định trong mộng, dũng cảm đối diện với kẻ truy đuổi mình, kiên quyết chống lại nó. Quả nhiên, có một lần mơ thấy kẻ xấu đuổi, bà đã khắc phục sự sợ hãi, dũng cảm chống lại. Đến lúc gay go, bà phát hiện trong tay có gói chất tung hoá mù và gây nổ. Bà ném gói đó vào kẻ truy đuổi. Khi có tiếng nổ và khói bốc lên, kẻ truy đuổi biến mất... Từ

đó trở đi, bà không bị ác mộng truy đuổi nữa. Như vậy ý chí có thể chi phối được giấc mộng.

Đương nhiên, cũng có người dùng thuốc để trị liệu mong cải biến trạng thái mộng. Nhưng đã có quá nhiều tài liệu chứng minh rằng ngược lại, dùng thuốc sẽ dẫn đến ác mộng. Mọi sự đều có mặt lợi và mặt hại. Vạn vật đều như vậy, dùng thuốc càng ít càng tốt.

Đại não của chúng ta có thể dung nạp hai hình thức tinh thần hoạt động không giống nhau là ý thức tỉnh và ý thức ngủ. Về phương diện sinh vật học, trong cả quá trình tâm lý còn rất nhiều việc phải làm. Những yếu tố sinh vật não gây ra những khác biệt trong các giấc mộng? Còn phải nghiên cứu tiếp.

Trung Quốc cổ đại có rất nhiều bài thơ về vấn đề này như:

Đa tình tự cổ đa di hận

Hảo mộng từng lai tối ý hy...

Dịch nghĩa:

Đa tình tự cổ nhiều di hận

Mộng đẹp, đến giờ, thừa thốt thay!

hay:

Tầm hảo mộng, mộng nan thành

(Tìm mộng đẹp, mộng khó thành)

Hàng mấy nghìn năm rồi, khó thấy được nhiều giấc mơ đẹp. Giấc mơ đẹp làm người ta sáng khoái, thanh thản, vui tươi. Chúng ta không dễ xướng nên có những giấc mộng đẹp, chỉ có ý nói chung là thứ giữ cho tâm lý được lành mạnh. Chúng ta không dễ xướng

việc đi săn đuổi mộng đẹp và sống trong ảo mộng, nhưng với tư cách là một loại tâm lý lành mạnh, chúng ta để xướng việc nên để các bắp thịt trên mình được thư giãn trước khi ngủ. Đồng thời cũng cố gắng để lỏng bộ não cho não tư duy thật ít thời. Đặc biệt cũng nên tránh những vấn đề phức tạp. Nếu bạn là người có sức tiếp nhận về vấn đề tâm lý mạnh mẽ thì nên bỏ qua những sự kiện không thoải mái ra ngoài và luôn nghĩ đến những sự việc tốt đẹp. Chúng tôi chúc các bạn luôn có mộng đẹp.

2

Y HỌC TRUYỀN THỐNG TRUNG QUỐC BÀN VỀ MỘNG

Nói về mộng lại nghĩ đến câu chuyện hay thời cổ: "Giấc mộng Nam Kha". Giấc mộng đó có người nằm mơ thấy mình làm quan ở quận Nam Kha nước Hoè An, sống cuộc sống hào hoa, xa xỉ. Đến lúc tỉnh lại mới biết là hư mộng. Gọi là nước Hoè An, thực ra là cây hoè. Người nằm mơ có căn nhà nhỏ dưới gốc cây hoè. Ai cũng đều nằm mơ cả mà giấc mộng phức tạp vô lường, hư vô, phiêu diêu. Nhưng cũng có cái thực. Căn cứ vào sự nghiên cứu của Đông y, trong cuộc sống của con người, thời gian hoạt động của mộng chiếm khoảng một phần mười thời gian sống. Mộng là một bộ phận của cuộc sống. Nó có ảnh hưởng đến sức khoẻ của mỗi người.

1. MỘNG LÀ MỘT HÌNH THỨC VẬN ĐỘNG TINH KHÍ

Trước đây, về thời Tiên Tần, nhiều nhà tư tưởng đã giải thích bản chất của mộng. Trang Tử nói: "Mộng là tinh của dương khí.

Tâm mà vui vẻ hoặc phẫn nộ, tình khí cũng biểu hiện theo". "Mộng thư" nói: "Mộng là tượng (hình tượng), là tình khí vận động". Y học Trung Quốc cho rằng tình khí là cơ sở vật chất của sự hoạt động sống của con người. Mộng là một hình thức vận động tình khí chứ không phải "điểm báo của thần" như một số nhà đoán mộng đã từng nói. Đó là một cách giải thích sâu sắc mà khoa học. Giấc ngủ của chúng ta có thể phân chia ra hai loại, có giấc ngủ sóng chậm và giấc ngủ sóng nhanh. Hai loại sóng này thay nhau hoạt động. Hiện tượng lúc tỉnh có biết là mình nằm mộng hay không hoặc tỉnh dậy ở trạng thái thế nào có liên quan mật thiết với nhau. Nếu tỉnh dậy từ giấc ngủ sóng nhanh, ký ức về giấc mộng bị đứt đoạn. Nếu tỉnh dậy từ giấc ngủ sóng chậm, một vài khu vực của vỏ đại não hây còn ở trạng thái hoạt động. Quá trình sinh ra mộng là trong giấc ngủ, lớp vỏ đại não vẫn giữ một vài liên hệ với ngoại giới. Do đó mộng không phải là "linh hồn xuất khiếu", cũng không phải là "điểm báo của thần". Nó là hiện tượng sinh lý không thể thiếu được khi chúng ta ngủ.

2. ĐẶC TRƯNG SINH LÝ CỦA HÌNH TƯỢNG MỘNG.

Y học truyền thống của Trung Quốc rất coi trọng cơ sở sinh lý của mộng. Ngay từ thời Tiên Tần, các nhà y học đã tìm tòi nguyên nhân và cơ chế của ác mộng trên mặt sinh lý và bệnh lý. Thành quả của nó thể hiện trong sách "Hoàng đế nội kinh".

Chúng ta, ai cũng biết sách "Hoàng đế nội kinh" là cuốn sách sớm nhất, toàn diện nhất đã tổng kết toàn bộ những thành tựu về y học trước thời Tần, Hán. Đó là cuốn sách kinh điển về y học đã xây dựng cơ sở lý luận cho y học Trung Quốc. Nội dung của "Nội kinh"

rất phong phú. Nó đề cập đến những phương diện: Âm dương ngũ hành; đâm tà phát mộng; Ngũ vận lục khí; Tạng phủ kinh lạc; Nguyên nhân và cơ chế bệnh; Chẩn pháp trị liệu; Châm viên phương dược; Cách sinh hoạt dự phòng... Sách cũng trình bày một cách hệ thống và toàn diện về con người và tự nhiên, sinh lý và bệnh lý, các loại bệnh tật và cách chẩn đoán... Từ đó hình thành nên hệ thống lý luận y học làm cơ sở vững vàng cho y học Trung Quốc xây dựng và phát triển.

Theo "Mộng kinh", mộng là kết quả của sự tác dụng lẫn nhau giữa "tâm" và "thân" con người. Đối với trạng huống thân thể con người, mộng chủ yếu phản ánh 5 phương diện sau: Một là phản ánh trạng thái cơ năng sinh lý, như "Thận khí thịnh thì mộng thấy lưng và cột sống trời không thuộc vào nhau". Hai là phản ánh dục vọng bản năng, như "Khách ở âm khí, thì mộng tiếp vào bên trong". Ba là phản ánh từ tà bệnh đến vị trí của bệnh, như "Khách ở gan, thì mộng thấy núi rừng cây cối". Bốn là phản ánh sự thịnh hoặc suy của tạng khí, như: "Can khí thịnh thì mộng thấy tức giận". Năm là phản ánh ác mộng thường là những triệu chứng bệnh nặng", như: "Khi làm cho người mộng viên vòng".

"Nội kinh" chia làm hai phần: "Linh khu" và "Tổ vấn". Trong "Đâm tà phát mộng" thuộc "Linh khu", đã khảo sát về sự nảy sinh các hình tượng mộng, dùng hình thức vấn đáp như sau. Hoàng đế nói: Ta mong được nghe diễn giải về đâm tà như thế nào? " Kỳ Bá trả lời: "Chính và tà tập kích từ ngoài vào trong mà không có chỗ nhất định. Ngược lại đâm nhập vào tạng không có nơi ổn định, cùng đi với doanh vệ và bay lên cùng với hồn phách, khiến cho người nằm không yên mà có mộng vui.

Sách "Nội kinh, Dâm tà phát mộng trong lĩnh khu cho rằng trong khi người ta ngủ, chính và tà cùng tập kích từ ngoài vào trong, không những ảnh hưởng tới ngũ tạng mà còn ảnh hưởng tới lục phủ. Những ảnh hưởng đó tất nhiên làm cho lục phủ ngũ tạng nảy sinh các dạng biến hoá. Những biến hoá này biểu hiện ra thành hình tượng ở bên ngoài, đó là tạng. Chữ "Tạng tượng" đầu tiên xuất hiện trong sách Tố vấn. Nội kinh, hàm nghĩa của "Tạng" có chỉ nội tạng của con người. Thời Tiên Tần chưa có chữ Tạng, phải mượn chữ "Tàng" (ẩn kín) chỉ bộ phận bên trong của con người Thời Tiên Tần chưa có chữ "Tạng" phải mượn chữ "Tàng" (ẩn kín) chỉ bộ phận bên trong con người là một khí quan có tổ chức, có hình dạng nhất định: như lục phủ ngũ tạng. Nó còn có ý nghĩa là tàng giấu ở trong thân xác... Vỏ của cơ thể ở bên ngoài, nội tạng nằm ở bên trong. "Tượng" cũng có hai hàm ý. Một ý chỉ các biểu trưng ra phía ngoài của hoạt động công năng sinh lý nội tạng của thân thể con người. Còn một hàm ý là hình tượng, hình thái. Bất cứ nội tạng nào đều có một hình thái nhất định. Cho nên, hàm ý của hình tượng tạng vừa là khí quan có tổ chức, có hình thái nhất định ở bên trong con người, lại vừa bao quát cả hiện tượng công năng hoạt động sinh lý của những khí quan nội tạng. "Tượng" là hình tượng, là các phản ánh ra bên ngoài của tạng. Còn "tạng" là bản chất nội tại của "tượng". Hình tượng của tạng là sự thống nhất thành một thể của hiện tượng hệ thống thân thể con người với bản chất.

Y học Trung Quốc nói đến ngũ tạng lục phủ. Đó là một trong những nội dung cơ bản của học thuyết tạng tượng. Ngũ tạng gồm: tim gan, tỳ, phế, thận. Lục phủ gồm: mật, dạ dày, đại tràng, tiểu tràng, tam tiêu và bàng quang. Các nhà y học cổ đại Trung Quốc áp dụng một phương pháp riêng để nghiên cứu thân thể con người.

Kỳ Bà nói: "Khí tràn trề ở phủ sẽ dư thừa ở ngoài, không đủ ở trong. Khí tràn trề ở tạng sẽ thừa ở trong, không đủ ở ngoài". Kỳ Bá cho rằng, sự biến hoá của tạng tượng có hai loại hình. Một là tạng khí có thừa. Một nữa là tạng khí không đủ (bất túc), thuộc về biểu hiện suy nhược của cơ năng. "thừa" hoặc "không đủ" cũng chia ra trong và ngoài. Nhưng dù ở tình huống nào cũng đều có ác mộng đến tạng tượng. Ông cử ra thí dụ hình tượng mộng với 12 nguyên nhân "có thừa" bên trong mà "không đủ" bên ngoài:

Âm khí thịnh tắc mộng (lợi nước lớn mà sợ hãi).

Dương khí thịnh thì mộng hoá lớn thiêu đốt

Âm dương đều thịnh thì mộng giết nhau

Trên thịnh thì mộng thấy bay.

Dưới thịnh thì mộng thấy ngã.

Chịu đói thì mộng thấy lấy

No quá thì mộng thấy cho.

Can khí thịnh thì mộng thấy tức giận

Phế khí thịnh thì mộng thấy sợ hãi, khóc lóc, bay bổng

Tâm khí thịnh thì mộng hay cười, sợ hãi

Tỳ khí thịnh thì mộng hát vui, thân thể nặng không thể cử động được.

Thận khí thịnh thì mộng thấy lưng và cột sống rời nhau.

Phàm mười hai loại thịnh này tới thì thải bớt.

Ngoài ra ông còn dẫn ra mười hai loại nguyên nhân tạng khí bên trong không "đủ" mà bên ngoài lại có "thừa".

Thiếu khí ở ngoài tâm thì mộng thấy gò núi, khói lửa.
 Khí ở ngoài phổi thì mộng bay bổng, thấy vật lạ bằng kim loại.
 Khí ngoài ở can thì mộng thấy rừng núi, cây cối mưa gió.
 Khí ở ngoài tỳ thì mộng thấy gò, đám lớn, nhà nát.
 Khí ngoài ở bàng quang, mộng thấy du hành.
 Khí ngoài ở dạ dày, mộng thấy ăn uống.
 Khí ngoài ở đại tràng, mộng thấy ruộng đồng.
 Khí ngoài ở tiểu tràng, mộng thấy áp đông, người lớn
 Khí ngoài ở đả mộng đầu tưng, tự vỡ.
 Khí ngoài ở âm vật mộng thấy tiếp vào bên trong.
 Khí ngoài ở cổ mộng thấy chém đầu.
 Khí ngoài ở đùi mộng đi mà không tiến lên được.
 Khí ngoài ở cánh tay mộng thấy đi tiểu.
 Phàm 15 loại không đủ này, bổ sung thì mới được.

Chúng ta cho rằng trên kể về 12 "thịnh", 15 "không đủ" có ảnh hưởng đến giấc mộng. Vấn đề trừu tượng quá, lại có chút khiên cưỡng phụ họa. Mộng là phản ánh của hiện thực khách quan. Có điều sự phản ánh này là gián tiếp, là vô ý thức. Thậm chí còn lật ngược, có sáng tạo. Nội dung giấc mộng không chỉ có quan hệ với tình trạng cơ thể mà còn có quan hệ với sự kích thích của ngoại giới, sự hoạt động ban ngày... Đơn thuần chỉ tìm sự giải thích ở nội bộ cơ thể hay chỉ tìm ở "tính dục" như Freud là chưa toàn diện. mà như thế, tất sẽ đi vào con đường gặp ghềnh. Cách nhìn theo cuốn "Nội kinh, Dâm tà phát mộng", căn cứ vào nội dung mộng mà xác

định các bộ vị có bệnh tật của thân thể là có một giá trị nhất định trên thực tế.

3. Y HỌC CỔ TRUYỀN TRUNG QUỐC TÌM TÒI VÀ LUẬN BÀN VỀ MỘNG

Xưa, do sự hạn chế của xã hội, nhận thức của mọi người về sinh lý, tâm lý, bệnh lý còn thô thiển, cũng không giải thích được hiện tượng mộng. Một mặt khác, những tổ tiên của nước ta coi mộng là linh hồn ra khỏi "khiếu" đi du chơi. Họ cho rằng người ta khi sinh ra đã có linh hồn cư trú sẵn trong thân thể, khống chế sự hoạt động của thân thể. Khi người ta ngủ, linh hồn trở về người ta tỉnh dậy. Sau khi người ta chết, linh hồn thoát ra khỏi thể xác mà đi lên trên. Nhiều vật dụng được chôn cùng với xác chết chứng tỏ mọi người cho rằng sau khi chết, người ta vẫn tiếp tục dùng các vật dụng chôn theo. Thịt, xương có thể mất đi, linh hồn không mất mà tồn tại độc lập. Giác mộng là thí dụ chứng minh sự hoạt động tự do của linh hồn. Người ta cho mộng là điều rất thần bí.

Thời Xuân Thu Chiến Quốc, nhiều nhà tư tưởng và nhiều sách nói đến mộng. Trong những sách viết về mộng, cuốn có ảnh hưởng nhiều nhất tới y học là cuốn "Tả truyện". Sách có ghi: Quan thái y Hoàn được Tấn vương phái đến trị bệnh và giải mộng cho Tấn hầu. Ở thời kỳ này, những nhận thức về bệnh tật còn rải rác ở trên các trang sách viết chữ chưa được đúc thành lý luận y học. Người ta gắn liền việc khám, chữa bệnh với việc giải thích mộng, đoán mộng.

3

SỰ HUYỀN BÍ CỦA ẢO MỘNG VÀ ĐOÁN, BÓI MỘNG

Người ta thường có câu cửa miệng khi gặp nhau: "Thế nào, nằm mơ thấy gì nào?" Câu nói thân mật này lại có một bí mật ẩn tàng về mặt tâm lý thần học. Đối với sự bí ảo của giấc mộng, đối với người nằm mơ mà nói, có thể là nghi nghi hoặc hoặc không trả lời được. Nhưng với nhà tâm lý học hoặc nhà đoán mộng mà nói, câu nói đó lại là một đầu đề hấp dẫn.

Lý luận về mộng ảo đã được các nhà thần kinh tâm lý học nhiều quốc gia nghiên cứu và khảo sát. Mọi người nhất trí cho rằng điềm mộng không có tính thần bí. Nó chỉ là sự tái hiện lên vỏ đại não sự vật của thế giới khách quan. Đại não là trung tâm chỉ huy của khí quan trong cơ thể con người. Tri giác của con người đối với thế giới xung quanh phải thông qua sự cảm nhận của thị giác, thính giác, khứu giác, xúc giác v.v... Khi ta ở trạng thái ngủ là lúc cả đại não não bị ức chế, cảm tính của thần kinh

trung ương trở nên rất dần dộn và chậm chạp. Chỉ có thị giác là báo đảm được trạng thái không ngủ. Khi ngủ, bộ máy phân tích thị giác vẫn chỉ huy cơ thể tiếp thu những kích thích nhỏ và yếu. Chỉ có cảm giác được mới có thể thấy được mộng. Mộng thấy tức là nhìn thấy. Ví dụ như: tín hiệu trở dậy khỏi giấc ngủ là vừa vận lúc người nằm mơ, lần đầu thấy người gọi điện thoại hoặc gõ cửa. Lại như có người ngủ nước hoa rồi ngủ sẽ mơ thấy lọ nước hoa có cả hộp và nhãn hiệu mà mình đã dùng qua.

Thần kinh thị giác của đại não rất nhạy cảm, có thể quan sát bằng cảm giác tất cả những kích thích nhỏ đến với cơ thể. Bất cứ một sự gây nhiễu nào với các khí quan, đều có thể truyền đến đại não đang ở trạng thái ngủ. Nơi đây, bộ máy phân tích thị giác làm cho đại não tái hiện sự vật trong mộng ảo. Ví dụ: nằm ngủ trong phòng rất ấm áp sẽ mơ thấy trời nóng nực hoặc lò lửa đỏ hồng. Nằm ngủ trong phòng đèn nền sáng trưng, sẽ mơ thấy mặt trời xán lạn hoặc lửa nổi lên bùng bùng. Khó chịu trong mình sẽ mơ thấy những sự việc gặp phải lúc ban ngày nói chung... Đau cuống họng sẽ mơ thấy bị ốm hoặc bị thương. Đau đầu sẽ mơ thấy đầu vỡ, chảy máu, có khi còn mơ thấy đội mũ quá chặt... Người bị các bệnh về da dày hoặc ruột sẽ mơ thấy ăn phải thức ăn thiu rữa; thấy đắng miệng có vị mặn... Thậm chí trong lúc ngủ say, không nhận được kích thích nhỏ bên ngoài, cũng có thể biểu hiện ra rõ ràng bằng thị giác. Ví dụ như ta khe khẽ trối tay người đang ngủ lại, anh ta vẫn mơ thấy tay bị thương, ngón tay bị sưng hoặc gân tay quá chặt. Tóm lại, vỏ đại não con người có liên quan mật thiết với tất cả các bộ máy phân tích của các khí quan nhạy cảm. Nhất là với bộ máy phân tích của thị giác.

Trong khi khảo sát và nghiên cứu lý luận về mộng, các nhà khoa học và y học đều chỉ ra rằng: Trong giấc mơ, đại não của người đang ngủ có thể dự báo các điều sắp tới của bệnh tật. Có thể trước vài tuần, vài tháng thậm chí vài năm nữa bệnh mới xuất hiện. Cũng có nghĩa là bất kể trạng thái bệnh tật nào chưa xuất hiện, đại não cũng có thể dự báo cho người nằm mơ biết. Lại có thể chỉ cho biết một cách cụ thể bị đau ở bộ phận nào. Điều này y học Trung Quốc cổ đại đã sớm chứng minh.

Bệnh tình của người bị trúng phong nằm ở một bán cầu não nào đó dần dần phát triển thành bán thân bại liệt. Sự thực chứng minh rằng người bệnh vẫn có thể nằm mơ thấy mình khỏe mạnh, nếu bệnh tình ở vỏ đại não, người bệnh mới mơ thấy mình bị ốm. Chỉ có bản thân "kho tàng trữ tư tưởng" mới bị nhiều, mất đi hồi ức về sự khỏe mạnh. Tại sao nhà đoán mộng căn cứ vào dự báo của người nằm mộng mà đoán được bệnh tật? Bí quyết chính là ở chỗ này. Các nhà sinh lý, tâm lý học hiện đại cho rằng khi triệu chứng bệnh mới xuất hiện, mộng có thể dự báo nguy hiểm. Ví dụ một số bệnh nhẹ như viêm họng, viêm phế quản, trong một hai ngày đầu cơ dự báo trong mộng. Đau dạ dày mãn tính có thể thấy trong mộng ở tháng đầu. Bệnh phức tạp dự báo một vài lần trong 1-2 năm đầu. Bệnh tinh thần, thần kinh dự báo trước vài tháng.

Lý luận về mộng ảo được sử dụng rất rộng rãi, không những dùng cho y học lâm sàng mà dùng cho cả các bộ môn về tư pháp, về các mặt điều tra hình sự. Về mặt này thuật chiêm mộng không giải quyết được nhiều. Về sau, chúng ta phải càng coi trọng việc nghiên cứu lý luận về mộng, thu hút thuật chiêm mộng có phê phán và chỉ dùng những yếu tố có giá trị của thuật chiêm mộng để mở rộng những tri thức mới trong lĩnh vực nghiên cứu cơ năng của đại não.

4

ĐOÁN MỘNG VÀ DƯỠNG SINH, KHÍ CÔNG

Đề cập đến những phương pháp và lý luận về đoán mộng liên hệ với khí công và dưỡng sinh, phải nói đến sự liên hệ mật thiết giữa những lý luận về giấc mộng của các tiên hiền và Trang Tử, cùng với sự cống hiến về mặt này của Lão Trang, Chu tử. Chỉ có những "đạo gia" mới có thể hun đúc lý luận mộng với thuật dưỡng sinh vào một "lò". Như vậy là không phải chỉ làm cho khí công có được nội dung dưỡng sinh phong phú mà lại còn có thể thâm nhập vào ý thức đặc biệt của con người và kết cấu hạ tầng sâu của tâm lý để thăm dò và nghiên cứu chân tướng của khí công. Lại còn có thể đưa sự tìm tòi tâm lý mộng và lý luận về khí công cổ đại lên một bước phát triển mới.

1. KHÍ CÔNG CỔ ĐẠI TRUNG QUỐC XÂM NHẬP VÀO THUẬT ĐOÁN MỘNG

Trung Quốc là quê hương của khí công từ xa xưa. Nhưng nguồn gốc của nó không thống nhất.

Có người cho là từ ngẫu nhiên mà ra. Khi người ta mệt mỏi làm động tác vươn mình, há miệng, nhắm mắt lại rồi ngồi yên một lát v.v... sẽ thấy dễ chịu, hoặc khi đau lưng, nhức chân, tự mình xoa bóp, đập đập vào chỗ tê dại, sẽ thấy nhẹ nhõm hẳn. Đó là nguồn gốc của khí công. Nhưng trên đời này, những người xưa của nhiều nước cũng làm như vậy mà không có thuật khí công và phép dưỡng sinh khí công.

Lại có ý cho rằng khí công xuất phát từ vũ đạo, "Lã Thị Xuân Thu" viết: "Khi âm tích trệ, như dòng nước không thông, u uất đình đốn, gân cốt cứng nhắc không thông đạt... nên có vũ đạo điều tiết". Ở khí công có điều thân, điều tức và điều hình. Vũ đạo cũng có những sự điều chỉnh này. Nhưng các nước trên thế giới, đâu đâu cũng chẳng có truyền thống vũ đạo lâu năm mà sao không đề ra "Khí công học"?

Cũng có ý kiến cho rằng khí công xuất phát từ Đạo giáo. Tuy Đạo giáo là một tôn giáo bản địa của Trung Quốc ra đời sớm nhất. Đạo giáo có cả một kho tư liệu rất phong phú về khí công. Nhưng Đạo giáo ra đời muộn hơn sự ra đời của khí công vài trăm năm.

Từ trước đời Đông Hán, cả khu vực Hoa Hạ có Vu giáo (đạo cúng tế, phù thủy, phù chú). Thủ lĩnh của Vu giáo là Vu sư, có quyền thế rất lớn. Lúc này, bất cứ sự việc bé đến lớn đều phải qua

việc bói thẻ, xin ý kiến của quý thần. Việc hành đạo và thuật hành đạo của Vu đạo đã có liên hệ nhất định với nguồn gốc của khí công. Mà chính Vu thuật cũng là thuật đoán mộng. Chúng ta biết rằng người thời xa xưa dùng thuật đoán mộng để thăm dò, nghiên cứu tiềm ý thức. Thân thể và tư tưởng của Lão Tử cũng chứng minh quan điểm này. Vào giữa thời Ân, Chu đã có chức quan chuyên nghiệp đoán mộng. Cho đến đời Xuân Thu, việc đoán mộng do sử quan kiêm nhiệm. Lão Tử, người Sở đời Xuân Thu, là một sử quan. Ông nói: "Tín ngưỡng Vu thuật có trình độ rất sâu". "Sử ký" viết: Lão Tử thông thuộc kinh điển, thư tịch, quan sát sâu sắc sự biến đổi của thời cuộc, có một trí năng hạng nhất, có cái nhìn xa của thánh nhân, sáng suốt, thông minh, thấu triệt được mọi sự vật". Ông hoạt động cho Đạo giáo và Vu đạo. Chúng cùng có một quan hệ máu thịt với việc đoán mộng.

Lão Tử cho rằng thuật chiêm mộng và khí công học gợi ý cho nhau, dung hợp với nhau. Sách "Lão Tử", chương 52 và 56 có viết: Khép lại những khí quan ở mắt, tai, miệng, đoạn tuyệt với quan niệm về "dục", gạt bỏ kích thích cảm quan của ngoại giới... sẽ đưa đến trạng thái ý thức "hư tĩnh" và cái trạng huống này cũng đi vào đường "mộng ảo". Điều này đã được tâm lý, sinh lý học hiện đại chứng minh. Nó cũng được nhà khoa học Mỹ là Khơ Lân làm thí nghiệm. Ông công nhận, khi người ta đã gạt bỏ được kích thích ngoại giới, thì nội dung tư duy được cải biến dần dần. Trong sách "Sinh lý, tâm lý học" ông viết: "Mộng thường được hình thành chơi vơi khi đôi mắt ở trạng thái khép một nửa và sẽ xuất hiện ảo giác. Thậm chí có vài lần, khi người làm thí nghiệm tỉnh dậy rồi mà vẫn cơ hồ như đang có giấc mộng". Ta

thấy khí công và dưỡng sinh chủ trương "nhập tĩnh" để đi vào mộng ảo cũng như vậy.

Chương 21 của sách "Lão Tử" viết: "Trong đạo Lão và đạo Vu có "vật", "hình tượng", "tĩnh". Trong "tĩnh" lại có "chân" và "tín". Tất cả ăn khớp với nhau, cũng là điều kiện cầu mộng và đương nhiên cũng là những điều kiện tất yếu để tu luyện khí công". Nghĩa là có sự liên hệ giữa khí công của đạo với đoán mộng.

2. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐOÁN MỘNG VỚI DƯỠNG SINH

Có người cho rằng nằm mơ nhiều sẽ ảnh hưởng đến sự nghỉ ngơi. Có người thường phàn nàn: "Đêm nay mơ nhiều quá, không có thì giờ nghỉ ngơi". Sự lo lắng ấy là thừa vì mộng là một quá trình sinh lý chủ động và có ý nghĩa.

Đoán mộng có ảnh hưởng đến dưỡng sinh. Những học giả nước ngoài đã có nhiều thành tích trong lĩnh vực nghiên cứu này. Nhà nhân loại học Stuart phát hiện thấy bộ tộc trong rừng sâu ở Malaysia rất tin tưởng vào những điềm báo của giấc mộng. Họ hoàn toàn tin vào giấc mộng của người khác. Họ thường cùng nhau bàn luận và chiêm nghiệm các giấc mộng. Do được rèn luyện lâu dài nên họ có thể chi phối được các giấc mộng. Muốn mơ thấy gì là có thể mơ thấy cái đó. Họ còn giải quyết được những xung đột, mâu thuẫn với nhau qua các giấc mộng. Tác giả thấy dân tộc này, về mặt tâm lý xã hội, lành mạnh hơn ở các xã hội phương Tây. Rồi quá trình tự phát đến tự giác, thuật đoán mộng cũng do đó mà cùng phát triển với dưỡng sinh khí công.

3. ĐẠO CỦA LÃO TỬ VỚI MỘNG

Trong việc khai sáng và phát triển lý luận về khí công và đoán mộng. Lão Tử cùng Trang Tử là đại biểu Đạo giáo có một địa vị lịch sử quan trọng. Lý luận về mộng và khí công của đạo Lão có một quan hệ không tách rời khỏi nhau. Quan hệ này vừa biểu hiện ở phương diện lý luận dưỡng sinh vừa làm rõ được vấn đề nguồn gốc của khí công.

"Sử ký" cũng nói về Lão Tử. Ông là một vị quân tử ở ẩn. Hệ thống triết học của Lão Tử triển khai từ chữ "Đạo". Chữ "Đạo" đó cũng là cơ sở của lý luận về khí công. Tại sao Đạo là không mà cũng là có, nhiều thuyết bàn cãi về vấn đề này. Lão Tử cho rằng đạo là "vô" Lão Tử nói: "Nhìn không thấy gọi là di (yên), nghe không thấy gọi là hi, đánh không được gọi là vi (bé nhỏ). Ba điều này không thể gắn với nhau, hỗn hợp mà thành một. Đó là cái dạng không có hình dạng, là tượng không có vật. Lão Tử lại nói thêm: "Giữ luôn ở trạng thái" vô dục" để "quan" được sự kỳ diệu", cho rằng chỉ có sự "hư tĩnh", "vô dục" mới "quan" được sự "ảo diệu" của Đạo. Ở đây, Lão Tử lại cho rằng "Đạo" có thể nhìn thấy được. Đạo là "có"

Như vậy giải thích như thế nào? Chúng ta thấy từ "quan" không phải là quan sát mà là cái nhìn thấy được trong mộng. Lão Tử thông qua sự so sánh các trạng huống trong giấc mộng để phác hoạ ra những cảnh quan kỳ diệu sau khi đi vào trạng thái khí công. Lý giải được mộng tức là có thể làm rõ sự bí ẩn của "Đạo". Đạo là có. Cho nên vật thể trong mộng là có hình trạng mà Đạo lại là

không. Mộng mất đi, không còn để lại dấu tích. Do đó có thể thấy rằng "quan" của Lão Tử là "mộng".

4. MỘNG VÀ ĐẠO CỦA TRANG TỬ.

Trang Tử tên là Chu, người thời Chiến Quốc, từng làm chức quan nhỏ coi vườn sơn, nhu, không bao lâu thì đi ở ẩn. Tư tưởng của ông tập trung phản ánh trong sách Trang Tử. Trang Tử kế thừa Lão Tử và được tiếp sau bằng Hoài Nam Tử đưa cơ sở lý luận của Lão Tử lên một bước nữa, sâu sắc hơn. Ông trực tiếp đưa mộng vào lý luận dưỡng sinh, làm cho lý luận dưỡng sinh của đạo Lão đạt tới một trình độ mới.

Trang Tử rất coi trọng đạo dưỡng sinh, do đó chống ác mộng, loạn mộng, thích những giấc mộng bình yên, vui vẻ. Bản thân giới tạo ra mộng, sùng bái mộng. Trong "Tề vật luận" coi mộng như sự thể nghiệm của cả cuộc đời, cho rằng mộng có tác dụng quan trọng đến dưỡng sinh. Trong sách "Đại Tông sử", ông viết: "Mơ thành con chim bay lên trời, con cá tung tăng dưới nước... đạt đến cảnh mộng thích ý, không kịp cười, không kịp an bài mà cứ tự nhiên vào hoà vào làm một với thiên đạo mệnh mộng..." "Rõ ràng cái cảnh mộng tự được, vui vẻ này là trạng thái hiệu ứng của khí công lúc đạt đến mức cao siêu. Điều này không phải giản đơn như trò đùa vui.

5. MỘNG GIÁC VÀ MỘNG CẢNH

Khoa học hiện đại cho rằng: "Khí" của khí công tuy không là vật nhìn thấy, không sờ mó tới, nhưng rõ ràng, nó có cơ sở vật chất. Những lý luận về khí hoá, khí huyết của Trung Quốc đều đề cập đến vấn đề "khí". Mọi người cho rằng trong nội tại cơ thể có một hệ

thống vận hành khí huyết. Lão Tử và Trang Tử dùng mộng để bàn về hiện tượng khí công có khoa học chăng? Sự thực ra, ảo giác hiện ra khi luyện khí công cũng phảng phất giống như giấc mộng. Có điều chỉ khác nhau ở chỗ mộng thể hiện trong giấc ngủ. Còn ảo giác thì biểu hiện trong trạng thái "nhập tình" luyện khí công. Do vậy, khí công ở vào cái trình độ như ảo, như mộng. Người xưa rất tin vào mộng, cho rằng mộng tuy ảo nhưng như thật. Chính vì vậy mà Lão Tử và Trang Tử liên hệ mộng và khí công với nhau là điều tự nhiên.

Năm 1986, trong số 6 của báo "Khí công và khoa học", tiên sinh Chu Trung Quyền người Thiểm Tây đã trải qua ba giấc mộng kỳ lạ trong quá trình luyện tập khí công, thân thể cũng theo đó mà khoẻ mạnh. Giấc mơ đầu tiên, nhìn thấy ngọn cao của núi Thái Bạch, đá lớn, rừng, cỏ tạp, tuyết trắng. Lần thứ hai mơ thấy một vị tiên ông vẻ mặt hài đồng mà tóc thì bạc phơ, từ trên trời đi xuống để tiêu trừ quỷ quái. Vị đó cầm chiếc gậy bùa của tiên. Giấc mộng thứ ba đặc biệt kỳ lạ hơn cả. Ông nói: "Trong mộng, hai tay tôi giơ lên cao, hai chân gấp lại 90° với thân mà bay bổng trên trời, gặp một vật thể và thấy mặt đất nhấp nhô cao, thấp, liền hạ xuống thấp. Tôi rất vừa lòng... bay được chừng 10 phút, nhẹ nhàng hạ cánh xuống mặt đất rồi tỉnh dậy. Tôi thấy toàn thân dễ chịu như vừa được tắm nước nóng xong. Ngày thứ hai khoẻ mạnh hơn, tinh thần tỉnh táo, sáng suốt thấy vị ngọt ngào hơn cả lúc Tồn Ngô Không ăn bàn đào ở vườn đào của Tây Vương Mẫu... "Cả ba giấc mộng đó đều loại trừ tất cả những phiền muộn, phức tạp mà đi vào một cõi tự nhiên "túc tỉnh", đẹp lạ lùng. Giấc mộng thứ hai tựa gần như Trang Tử mơ hoá bướm thì lại có được tác dụng dưỡng sinh.

5

TRƯƠNG TÀI BÀN VỀ MỘNG

Trương Tài là nhà triết học duy vật đời Bắc Tống. Ông khẳng định cách nhìn duy vật nghiên cứu nhiều mặt về "bức", "dịch", "mộng". Có nhiều tác phẩm quan trọng. Ông quy kết cách nhìn về mộng của người xưa và cũng đưa ra ý kiến của mình. Có mấy điểm cần chú ý trong luận điểm của ông như sau:

a. Ông cho rằng mộng có cơ sở tư vấn để sinh lý. Ông chia mộng ra thành: hình mở và hình đóng, để phân biệt "tỉnh" (trạng thái thức) và "ngủ" (trạng thái tiềm ý thức) có nguyên nhân sinh lý. Tỉnh là có tri giác mà có "tín", là hình mở. Sinh lý đặc trưng của mộng là hình "đóng". Vương Phù Chi đời Minh trong "Trương Tử Chính mộng chú" viết: Mở là vươn ra. Đóng là co lại. Vươn ra chỉ khi quan nhục thể có thể tiếp xúc với vật bên ngoài nên có ý thức tỉnh. "Co vào" là nói khi quan nhục thể về cơ bản, không có phản ứng với tiếp xúc bên ngoài, cho nên nghe, nhìn và vô tri vô giác. Điểm nói ở đây cũng giống như khoa học hiện đại gọi là hệ thống thần kinh não hưng phân hoặc bị ức chế.

b. Trương Tải đã tự giác hoặc không tự giác nhận thức hai trạng thái khác nhau giữa tỉnh và ngủ.

Ông dùng tỉnh là có chí và ngủ là "chỉ ăn" để thuyết minh điểm này. Tỉnh liên hệ với "hình mớ", đặc điểm của nó là "chỉ giao tiếp với bên ngoài" tức là ý thức tỉnh có tính tự giác và tính mục đích, tự giác tiếp xúc với sự vật bên ngoài.

Ngược lại, khi nằm mộng, vì "hình đóng" chuyển về bên trong, ý thức không thể tự giác thông giao được với sự vật bên ngoài, không có "chí". Khí cũng ở bên trong, chí". Khí cũng ở bên trong, chí "ẩn". Có nghĩa là "thần" bị "tàng" mà không "linh".

c. Trương Tải còn nêu lên quan hệ giữa mộng với kinh nghiệm. Tức là mộng phản ánh kinh nghiệm quá khứ, dựa vào những ấn tượng ngày trước, tức là tất cả những thông tin tích trữ kết quả của sự liên tưởng lại. Tất cả những thứ này đều liên quan đến mộng. Không có "tập tâm" có "duyên", tức là nếu hoàn toàn không có kinh nghiệm, sẽ không có gì xuất hiện trong mộng. Đã hơn 1000 năm trước, những điều đã nêu ra của Trương Tải thật đáng quý.

6

SÁCH "MỘNG TRẠI" CỦA TÔ ĐÔNG PHA

Tô Đông Pha là nhà văn, nhà xã hội học cự phách đời Bắc Tống. Ông là một trong Đường Tống bát đại gia. Ông viết nhiều, đọc nhiều, hiểu rộng. Ông có phát biểu chút ít về mộng.

Tô thức đầu tiên nêu ra nguyên nhân của mộng có ảnh hưởng sâu sắc đối với việc nghiên cứu tâm lý mộng của người sau, ông cho rằng các hiện tượng vật chất trên thế giới đều không ngừng sinh diệt biến hoá. Sự tỉnh mộng của con người đều bắt nguồn từ những hiện tượng và biến hoá ấy, giữa tỉnh và mộng lại biến hoá lẫn nhau, tỉnh thấy biến hoá thành cảnh mộng, cảnh mộng lại ảnh hưởng vào lúc tỉnh; do đó con người xét mộng từ đâu mà ra, làm cho rõ ràng, cho rằng "hình thần không tiếp nhau", tỉnh thần đi riêng một mình mà trên thực tế mộng bắt đầu từ nguyên nhân. Ông nêu ví dụ để chứng minh quy luật liên tưởng của mộng: Người chần dề nằm trên bãi cỏ, dề ở bên cạnh có đầu có đuôi, có mình, bốn móng, bụng

ngã nếu to lên một tí, cao hơn một tí có thể thành ngựa để cưỡi. Do đó từ ngựa mơ đến xe. Có xe mơ thấy lọng, xe lọng là xe của vương hầu, cuối cùng thấy mình và vương hầu.. Cuối cùng tìm ra quan hệ giữa "tượng" và "nhân". Các mối liên tưởng, tượng trưng trong mộng đều có "nhân". Mộng ở dạng "tượng" là giấc mộng sản sinh ra việc loại trừ cảm giác tâm lý (tư duy, liên tưởng, tính dục, v.v...). Mộng ở dạng "nhân" là mộng do cảm giác của chính thân thể dẫn đến.

Tô Đông Pha có cách nhìn duy vật. Ông viết cuốn "Mộng Trai Danh" nói về mộng với bút pháp trữ tình và tung hoành.

7

TÂM LINH CẢM ỨNG ĐẶC BIỆT KỲ LẠ

Trong những văn kiện lịch sử của nước ta, thường có ghi chép một số hiện tượng kỳ lạ. Trong đó có hiện tượng tâm linh cảm ứng trong mộng. Những hiện tượng này xảy ra không chỉ với ngày xưa mà cả ngày nay. Không phải chỉ ở nước ta mà ở tất cả mọi nơi trên trái đất, cũng không phải chỉ xảy ra ở thời xưa mà ngay cả những thời gần đây nhất. Ngay cả những nhà khoa học hiện đại cũng thừa nhận sự tồn tại của những hiện tượng này.

Chuyện xảy ra ở đời Đường, trong sách "Tam mộng ký" của Bạch Hành Giản, em của Bạch Cư Dị có kể chuyện Bạch Cư Dị cùng với Nguyên Chấn có tâm linh cảm ứng trong cùng một thời gian, khác địa điểm. Sở là, Giám sát sứ quan tỉnh Hà nam là Nguyên Chấn được lệnh đi tuần du Khúc Giang cùng với Ly Thuộc Trục, đến Từ Ân Phật xá. Ngày 21 đến Lương Châu. Hai anh em Bạch Cư Dị và Bạch Hành Giản cũng đến Khúc Giang trong mơ rồi đến nghỉ ở mấy viện trong Từ Ân Phật xá. Trời lúc đó đã tối, Bạch Cư Dị lệnh cho bày tiệc rượu. Lúc đặt lên chén xuống bàn, Bạch Cư

Dị bảo: "Nguyên Chấn đã đến Lương Châu rồi đây. Ông để mấy câu thơ lên tường:

*Xuân lai vô kế phá xuân sâu
Tuyết chiết hoa chi tác tiểu trư
Hốt ức cố nhất vô tể khứ
Kế trình kim nhật đáo Lương Châu*

Nghĩa là:

Xuân đến không có cách nào phá được cơ buồn mùa xuân.
Say bê cảnh hoa làm thể rượu
Bỗng nhớ người xưa nơi chân trời
Tính lịch đi thì hôm nay đến Lương Châu

Đúng ngày 21, Nguyên Chấn đến Lương Châu thật, nhận được thư có bài thơ của Bạch Cư Dị. Nguyên Chấn liền viết bài thơ ghi lại giấc mộng gửi Bạch Cư Dị. Thơ rằng:

*Mộng quân huynh để Khúc Giang đầu
Đã hướng Từ Ân, viện viện du
Đạc sử hồ nhân bài mã khứ
Hốt kinh thân tại cố Lương Châu*

Nghĩa là:

Mộng thấy anh em ông ở đầu Khúc Giang
Cũng đến viện Từ Ân dạo chơi.
Quan trạm hồ người mang ngựa đi.
Chợt giật mình thấy thân ở Cố Lương Châu

Hai người ở hai nơi, nhưng thời gian của hai giấc mộng trùng hợp. Các sự việc xảy ra đều trùng hợp, ăn khớp với nhau. Nhịp điệu của hai bài thơ cũng khớp nhau. Có vẻ như câu chuyện được màu thần bí. Nhưng có một cơ sở tình bạn gắn bó giữa hai người bạn thân. Ở Tràng An có chùa Từ Ân và Khúc Giang là mấy danh lam thắng cảnh có nhiều tao nhân mặc khách lui tới. Hơn nữa, đời nhà Đường, vua ban yến cho những người đỗ Trạng nguyên ở Khúc Giang. Chùa Từ Ân lại có "chìm nhận" là nơi Nguyên Chấn và Bạch Cư Dị thường đến thăm. Những sinh hoạt giữa hai người ghi lên tím họ. Ban đêm xen cả vào những giấc mộng.

Về đời Thanh, có Viên Mai cùng em gái là Tố Văn cùng sống và cùng học hành với nhau rất hoà thuận và quý nhau lắm. Họ đều học rất cao, viết văn, làm thơ, phú. Ít người dám hỏi Tố Văn làm vợ. Sau đó, có một người đến xin cưới. Nhưng Tố Văn lại xin thoái thác. Nàng trở về làng giúp đỡ anh trai và dạy các cháu học. Từ đó không lấy ai nữa. Đến năm 40 tuổi, nàng ốm, lúc ấy Viên Mai phải đi công cán nơi xa. Nàng không thư từ với anh về tình trạng ốm đau của mình. Nhưng trong mộng người anh biết nàng ốm mỗi ngày một nặng. Trái lại, trong mộng nàng cũng biết được cuộc sống của người anh vô cùng thân yêu của mình. Do vậy, Tố Văn chết đi không có ý định đợi anh về vì nàng biết là anh không thể nào về kịp. Về sau Viên Mai có làm một bài "văn tế em". Nội dung rất phù hợp với những điều xảy ra, mặc dù Viên Mai ở rất xa. Hiện tượng này không phải ngày xưa mới có. Năm 1983, trên số tạp chí "Xã hội" ra kỳ thứ ba, có thuật lại một câu chuyện ở dạng tự thuật: Ngày 16 tháng 12 năm 1936, tiền sinh Phi Hiếu Thông cùng vợ là nữ sỹ Vương Đồng Huệ cùng tới miền núi Đại Dao thuộc Quảng Tây để tiến hành cuộc điều tra nhân loại học. Trong quá trình đi núi, vì

người hướng dẫn bị mất tích. Phi Hiếu Thông lạc vào rừng tre, giẫm vào bẫy hổ, bị thương nặng nhưng cũng về được nơi cấp cứu ở một thôn. Vương ra khỏi được rừng tre. Nhưng chờ suốt đêm không thấy Vương trở về. Ban cứu hộ trở về báo tin Vương bị mất tích. Ban đêm, Phi được báo mộng cho biết Vương ở dưới nước. Bảy hôm sau, lần theo chi tiết của giấc mơ mới tìm thấy xác Vương ở một vực sâu. Thương ôi!

8

MỘNG VỚI DỰ KIẾN KHOA HỌC VÀ PHÁT MINH

Lịch sử của người và mộng dài như nhau. Có thể nói, ai cũng có mộng. Đêm đêm đều có. Nhưng từ xưa đến giờ, mộng vẫn chỉ là một câu đố. Đến thế kỷ thứ 20, khoa học hiện đại phát triển nhanh chóng đặc biệt là kỹ thuật điện não được ứng dụng vào việc nghiên cứu giấc ngủ, đã đặt được một cơ sở chắc chắn để nghiên cứu tác dụng của giấc mơ trong việc dự kiến khoa học và phát minh. Điều này càng ngày càng được coi trọng.

1. CẢNH MỘNG XUẤT HIỆN RA SAO?

Khoa học hiện đại cho rằng quá trình ngủ có hai giai đoạn: ngủ sóng chậm và ngủ sóng nhanh. Ngủ sóng chậm được biểu hiện trên điện não đồ với sóng chậm. Ngủ sóng nhanh được biểu hiện trên điện não đồ với sóng nhanh. Trong cả quá trình ngủ, sóng chậm và sóng nhanh thay thế nhau và giữ một tỷ lệ, tiết tấu nhất định. Ở trường hợp bình thường, sau khi ngủ, xuất hiện ngủ sóng

chậm chừng hơn một tiếng đồng hồ rồi chuyển sang sóng ngủ sóng nhanh chừng 10 đến 20 phút. Sau đó lại chuyển nhanh chậm. Trong một giấc ngủ hai dạng ngủ chậm và nhanh thay thế nhau chừng 4 đến 5 lần. Sóng nhanh chiếm chừng 20%.

Trong giai đoạn sóng nhanh, để sinh ra ảnh mộng phong phú, nhiều màu sắc, nhãn cầu chuyển động nhanh, tần số hô hấp và mạch đập tăng lên, huyết quản não nổi giãn. Quan niệm truyền thống cho rằng nằm mơ có ảnh hưởng đến sự nghỉ ngơi, sẽ có hại. Nhưng cũng có một số học giả phủ nhận cách nhìn này. Một công việc thử nghiệm về mộng đã chia ra hai nhóm. Nhóm 1 để cho các thử nghiệm viên ngủ, căn cứ vào sự biểu hiện của sóng não điện đồ lúc nằm mơ rồi cắt đứt giấc mộng. Sau đó lại cho ngủ tiếp tục. Sau khi thử nghiệm vài đêm như vậy, đã nhận thấy ban ngày những người được thử nghiệm sức chú ý không được tập trung, lo lắng, căng thẳng và tính tình trở nên nóng nảy. Nhóm thứ hai được gọi là dậy sau giấc ngủ, đã không gặp phản ứng không tốt như ở nhóm một. Do đó, nằm mơ có lợi cho sức khỏe.

2. MỘNG VÀ TÍNH DỰ BÁO

Mộng không có tính dự báo. Sự khác nhau giữa xưa, nay trong ngoài không lớn lắm. Ở châu Âu, lý luận chia mộng ra làm hai loại hình đã được lưu hành vài thế kỷ. Một loại hình cho là mộng phản ánh hiện tại và quá khứ. Loại hình thứ hai cho là mộng dự tính tương lai.

Ở Trung Quốc, mọi người cho rằng các tình hình và lời nói trong giấc mộng đều có tính dự báo tương lai. Trong thời kỳ cổ đại đã xuất hiện "thấy đoán mộng", cũng giống như "thầy bói số

mệnh". Họ là những vị quan có chức nghiệp. Có khi một người kiêm cả hai chức nghiệp. Những tiểu thuyết cũ đã phản ánh nhiều chuyện như vậy. Tương truyền Đường Thái Tông Lý Thế Dân đã gặp cơn ác mộng. Trong cơn mộng vua nhìn thấy một hung thần tay cầm dao truy đuổi mình. Đường Thái Tông sợ hãi chạy trốn. Tối lúc nguy kịch thì gặp một viên tướng mặc áo giáp trắng giúp mình đánh bại được tên truy đuổi. Như vậy là viên tướng mặc áo giáp trắng đã cứu được Đường Thái Tông. Đường Thái Tông hỏi tên tuổi của viên tướng, được viên tướng trả lời bằng 4 câu thơ:

"Gia trú tiêu" dao nhất điểm hồng

Tứ hạ phiêu phiêu ảnh vô tung

Tam thế hải đông, thiên kim giá

Bảo chủ khoa hải khứ chinh đông...

Nói xong, viên tướng nhảy vào doi đất "Long Khẩu" vươn ra mặt nước. Đường Thái Tông tỉnh dậy. Đại quan đoán mộng giải thích: Một hung thần giống như người thường truy đuổi là nhất định có nơi đó làm phản. Người tướng mặc áo trắng là người anh hùng dẹp bọn phản loạn. Trong thơ lại nói: "Gia trú tiêu dao nhất điểm hồng" (nhà ở xa xôi một chấm hồng)... Ông ta ở tỉnh Sơn Tây. "Tiêu dao nhất điểm hồng" chỉ mặt trời lặn ở phía Tây. Rồi ông ta lại nhảy vào doi đất Long Khẩu... Long Khẩu là Long Môn. Vậy là nhà ông ta ở huyện Long Môn, tỉnh Sơn Tây. Ông ta lại nói: "Tứ hạ phiêu phiêu ảnh vô tung" (bốn bên rơi xuống ảnh không tung tích) là chỉ tuyết, có đồng âm với "tiết". Vậy ông ta họ Tiết. Tam thế hải đông, thiên kim giá (đứa trẻ ba tuổi giá ngàn vàng) là con người quý. Ông ta nhất định có tên Nhân Quý. "Bảo chủ khoa hải khứ chinh đông" (giúp chủ vượt qua biển đi đánh phương Đông). Bọn

làm phản nhất định xuất phát ở phía đông, cách mặt biển. Tiết Nhân Quý sẽ là người anh hùng chinh đông giúp bệ hạ...

Sau giấc mộng xảy ra không lâu, Cai Tô Văn ở Cao Ly làm phản chống nhà Đường. Đường Thái Tông đi dẹp loạn, cho người đến huyện Long Môn, tỉnh Sơn Tây tìm Tiết Nhân Quý cùng đi chinh đông. Đó là một đoạn trích từ cuốn "Tiết Nhân Quý chinh đông". Tất nhiên chuyện này chỉ là tô vẽ và đã được đưa lên sân khấu nhiều lần, để phản ánh cách hiểu mê tín của mọi người về mộng.

3. MỘNG VÀ TÍNH SÁNG TẠO

Đã biết bao nhiêu chuyện đông, tây, kim, cổ nói về quan hệ chặt chẽ, mật thiết giữa mộng với hoạt động sáng tạo của con người. Mộng còn có cả tính dự báo những điều sẽ xảy ra. Xin giới thiệu vài thí dụ:

Sách "Kim cổ thi thoại" ghi: Nhà thơ Tạ Linh Vận người Cối Kê thường cùng người em là Huệ Liên ngâm vịnh thơ. Vắng em, nhớ khôn nguôi. Đêm mộng thấy Huệ Liên đến, như có thần giúp, nghĩ ra được hai câu thơ thật hay:

Trì đường sinh xuân thảo

Viên lâm biến minh cảm...

(Ao hồ mọc cỏ xuân

Vườn rừng vắng tiếng chim)

Trịnh Thuật Tổ truyện trong sách "Bắc Tể thư" ghi rằng Trịnh Thuật Tổ mộng được "Long ngâm thập lộng". Trịnh Thuật Tổ tự

Cung Văn người Khai Phong giỏi gảy đàn, soạn ra Long ngâm thập vịnh. Có câu "thường mộng thấy người đánh đàn cầm, tính mà ghi được". Thật là tuyệt diệu.

"Khai Nguyên truyền tin ký" ghi rằng Đường Huyền Tông mộng được "Tử vân hồi khúc". Minh Hoàng nằm mơ mình lên cung trăng, nghe bấy tiên tấu nhạc, tiếng lưu loát mà trong sáng, người trần gian chưa bao giờ nghe thấy. Tỉnh dậy, ông dùng sáo ngọc thổi theo và sáng tác ra khúc "Tử vân hồi khúc" (Khúc hồi tường Tử vân). Ngoài ra, sách "Thái Chu ngoại truyện" ghi: Huyền Tông thường mộng thấy hơn mười vị tiên ngồi xe mà xuống, mỗi người đều cầm một nhạc khí mà tấu, tiếng uyển chuyển mà trong veo, thực là ở nơi tiên phủ. Có một vị tiên báo với Đường Minh Hoàng: "Đây là khúc "Thần tiên tứ vân", hôm nay truyền thụ cho bệ hạ, đừng làm dấu cho chính nhạc, trình lên để truyền lại đời sau. Tỉnh lại, dư âm như còn văng vẳng...

"Thái Châu ngoại truyện" còn ghi Huyền Tông mộng viết "Lăng ba khúc". "Huyền Tông ở Đông Đô, ngủ ngày nằm mơ thấy có một cô gái dung nhan kiều diễm lạ thường, đầu tóc chải rẽ hai bên, ăn mặc đẹp dễ, tay áo rộng, quỳ trước giường. Vua hỏi: "Nàng là ai?" Cô gái trả lời: Thiếp là con gái Long vương ở đầm Lăng Ba. Thiếp cũng có cung điện riêng. Nay bệ hạ hiểu được âm thanh của nhạc Quân thiên, xin mời bệ hạ ban cho một khúc để thiếp làm sáng danh loại tộc của thiếp. Vua làm khúc cổ hồ cầm gom góp của khúc mới và cũ, gọi là khúc "Lăng ba". Sau khi tỉnh dậy, vua cho ban nhạc nhà vua luyện tập rập khuôn khúc nhạc trên. Tập luyện xong, vua ra lệnh cho ban nhạc biểu diễn ngay gần đầm Lăng Ba

với sự có mặt các quan trong triều. Khi khúc nhạc tấu lên, đám Lăng Ba nổi sóng cuộn cuộn...

Sách "Long Thành lục" có ghi truyện Huyền Tông mộng được khúc "Nghê thường vũ khúc" như sau: Năm Khai Nguyên thứ 6, Đường Minh Hoàng và một đạo sỹ mơ lên cung trăng. Họ được thấy các thần nữ ca múa dưới gốc cây quế lớn Quảng Lăng. Họ được thưởng thức những khúc nhạc véo von. Sau này, họ biên tập thành khúc "Nghê thường vũ khúc".

Sách "Quảng dị ký" ghi: Vương Sinh mộng soạn Tây Thi văn ca. Diêu Hợp bảo Tấn Á: "Bạn tôi là Vương Sinh mơ đến thăm nước Ngô, đứng đợi vua Ngô, thấy quanh mình là những đàn nhạc. Có đủ mọi loại đàn nhị, trống, tiêu, sáo. Họ mai táng Tây Thi. Vua ai điệu, các quan khách làm lời văn ca. Đó là những âm thanh bi hùng. Người ta chủ trương "an táng" Tây Thi trong tiếng nhạc. Vương Sinh được làm khách. Lời như sau: Tây vọng Ngô vương quyết, Văn thương phong tự bài, Liên giang khởi chu trương, Trạch địa táng kim thoa, Mãn lộ giang tâm thảo, Tam tầng bích ngọc giai, Xuân phong vô xứ sở, Thê hận bất thảng hoài". Nghĩa là: Ngoảnh phía Tây nhìn của cung Ngô vương. Mây là thơ, gió là chữ. Sông tiếp sóng nổi trưởng gấm. Chôn đất để táng kim thoa. Đây đường cỏ hồng tâm, ba tầng thêm bằng ngọc biếc. Gió xuân không có chỗ đậu. Thê lương lòng cho nặng". Lúc tỉnh nghĩ lại cả câu chuyện.

Không phải chỉ ở thời cổ đại Trung Quốc mới có rất nhiều phát minh được hình thành trong giấc mộng mà ngay cả thời bây giờ, trên thế giới cũng có nhiều thí dụ về những phát minh được nảy ra trong những giấc mộng. Giáo sư Hồ Khâm Tồn của trường đại học Manchester ở Anh quốc đã làm nhiều cuộc điều tra với các nhà

khoa học có được tư duy sáng tạo nhờ mộng. Kết quả cho biết đã có 70% giáo sư thú nhận rằng họ đã được sự gợi ý của nhiều giấc mộng. Một giáo sư ở trường đại học Geneva, Thụy Sĩ đã phỏng vấn 69 vị giáo sư toán học về vấn đề này. Trong số đó, có 51 vị giáo sư trả lời rằng: "Giấc mộng trong khi ngủ có thể giúp đỡ giải quyết nhiều vấn đề". Nhiều nhà khoa học cũng đã làm những bản báo cáo nhấn mạnh rằng họ đã được sự giúp đỡ của các giấc mộng để giải quyết những công trình nghiên cứu.

4. ĐIỀU KIỆN ĐỂ GIẤC MÔNG CÓ ĐƯỢC TÍNH SÁNG TẠO VÀ TÍNH DỰ BÁO.

Các nhà khoa học và những nhà phát minh có những giấc mộng có tính sáng tạo và có tính dự báo. Họ đã thu được thành công. Để được như vậy, phải có những điều kiện gì? Chúng tôi cho rằng cần phải có đầy đủ những điều kiện như sau:

1. Đối với vấn đề đã được nghiên cứu đầy đủ, đại não của nhà nghiên cứu đã được tàng trữ lượng thông tin cần thiết... Khoa học hiện đại nghiên cứu về giấc mộng đã chứng minh rằng những yếu tố trong cảnh mộng là những điều người nằm mộng đã trải qua trước đây, những gì đã thấy hoặc nghe thấy. Những cái đó là cơ sở khách quan cho giấc mộng có tính sáng tạo và dự báo.

2. Vỏ đại não đã hình thành trung tâm hưng phấn đối với những vấn đề cần giải quyết. Ban ngày suy nghĩ ban đêm nằm mộng điều ấy. Mộng có liên quan đến những yếu tố tâm lý như kinh nghiệm, nguyện vọng, nhu cầu, tưởng tượng v.v... của người nằm mộng. Trong khi nằm mơ, hoạt động thần kinh chưa kết thúc

lúc ban ngày, sẽ tiếp tục hoạt động trong giấc mộng để thực hiện nguyện vọng mà lúc thức đeo đuổi.

3. Phải có một quá trình gạt "thô", chọn "tinh", bỏ cái "nguy", lấy cái "chân" trong các cảnh mộng một cách có ý thức. Khi người ta ở trạng thái tỉnh, ý thức tự ngã tồn tại cùng với hoạt động tâm lý có ý thức của con người, có tính logic. Nhưng khi ở trạng thái ngủ, ý thức tự ngã bị mất đi, hoạt động tâm lý vô ý thức thiếu tính logic, trong mộng xuất hiện những cảnh ảo cổ quái hiếm hoi, do đó cảnh mộng thường không đáng tin cậy lắm. Phải chọn thái độ nghiêm túc, thận trọng những nét sáng tạo trong cảnh mộng, như một nhà hoá học nổi tiếng của nước Mỹ đã nói: "Nếu sau khi đã tỉnh mà vẫn chưa làm rõ được những vấn đề cũ lúc trước, thì hãy dùng vội cả tin vào mộng".

4. Phải chuẩn bị nắm bắt những tính sáng tạo trong giấc mộng.

Phải có bút và giấy ngay bên cạnh để ghi lại điều trong mộng cho khỏi quên. Nhất là những tư tưởng, ý kiến bỗng dưng loé lên rồi lập tức vụt tắt. Đó là ý kiến của nhà bác học Kan-nung. Một giáo sư trường đại học Gơ-lắc, phụ trách giảng dạy về dược học, đã từng được giải Nôben, nói rằng có lần ban đêm ông tỉnh dậy, vội vàng ghi lại những ý nghĩ quý giá. Nhưng sáng hôm sau, cảnh mộng đã quên hết. May thay, đêm hôm sau, trong mộng, những cách tìm tòi tuyệt vời chưa kịp ghi hôm trước đã trở về một lần nữa. Lần này, vừa tỉnh dậy ông ghi chép đầy đủ vào nhật ký.

5. Phải tiến hành nghiệm chứng đầy đủ. Giác mộng có tính sáng tạo và dự báo thường có thể dự cảm và gợi ý cho việc phát minh, sáng tạo. Cho nên phải thực nghiệm trong trạng thái tỉnh, có

kiểm nghiệm, và luận chứng ý kiến này đã giúp cho nhiều nhà khoa học thành công.

Phát minh, sáng tạo chủ yếu được tiến hành trong trạng thái tỉnh. Nhưng trong mộng cũng có nhiều điều giúp đỡ cho tính sáng tạo, phát minh. Do vậy, chúng ta không nên bỏ phí những cơ hội mà mộng có thể giúp đỡ ta giải quyết nhiều vấn đề.

Nhưng nếu không kinh qua lao động bằng sức lực của não một cách bền bỉ, lâu dài, chịu gian khổ, không nỗ lực lao vào những hành động thực tiễn mà chỉ đợi vào mộng để có được sự sáng tạo hoặc nghe theo lời của một người đoán mộng, thì chẳng qua điều mong muốn cũng chỉ là một giấc mộng Nam Kha mà thôi...

DIÊU CHU HUY

PHẦN II

VU THUẬT THẦN BÍ

Nghiên cứu và phê phán
thuật lên đồng, thuật cầu hồn nhập xác

Người dịch:

GS. LÊ HUY TIÊU

GS. ĐỖ ĐỨC SÂM

DƯƠNG THU ÁI

LỜI NÓI ĐẦU PHẦN II

(CUỐN VU THUẬT THẦN BÍ)

Tháng trước, Diêu Chu Huy tiên sinh gửi cho tôi bản thảo cuốn: "Vu thuật thần bí - nghiên cứu về phong tục cầu hồn nhập xác" và bảo tôi viết cho lời tựa. Ba năm trước, Diêu tiên sinh đến làm nghiên cứu sinh tại Đại học Nam Khai nơi tôi công tác, ông đã trình bày tình hình điều tra và nghiên cứu về hoạt động nghi thức "đấu âm quyền", qua đó tôi biết ông là người có học vấn chuyên sâu; ông tỏ ra muốn tranh thủ trong thời gian làm nghiên cứu sinh, đọc một số sách mà nơi ông công tác không có, quả nhiên ông làm việc rất khẩn trương, đọc ngẫu nhiên, qua đó tôi dự đoán ông sẽ trở thành học giả trẻ có thành tựu trong nghiên cứu khoa học. Nay nhìn thấy bản thảo của ông, tôi rất mừng. Ông mời tôi viết tựa, tôi cần nói mấy lời chúc mừng ông. Nhưng tôi ít nghiên cứu về cầu hồn nhập xác, nên chỉ có thể nói vài lời bình luận nông cạn và xin nêu một số vấn đề.

Xưa kia đọc tiểu thuyết "Sơ khắc phách án kinh kỳ" của Lăng Mông Sơ người đời Minh, trong lời tựa quyển 39 có viết như sau:

"Thầy đồng bà cốt, từ xưa đã có. Đời Hán gọi là "hạ thần", đời Đường gọi là "người thầy quý". Những người ấy biết sai khiến quỷ thần, hiểu được họa phúc cát hung của người ta, rất kinh nghiệm. Vì thế, Công khanh đại phu đều tín nhiệm họ. Thậm chí triều đình có khi cũng cho gọi họ đến. Họ đều truyền thụ những điều chân thật, có thể đi được có thể làm được. Không phải là hoang đường. Nhưng mọi sự trong thế gian, có cái thật và cũng có cái giả. Có họa đàn ông đàn bà ngu dốt vô tri liền xưng là thần thánh, giả nói âm dương để lừa dối dân chúng, làm ra vẻ này vẻ nọ, từ xưa đến nay vẫn có. Cho đến hiện nay, những thầy vu thuật có phép thuật thật không còn nữa. Còn những bọn thôn phu quê mùa, những người đàn bà bẻm mép tự xưng là "thái bảo" là "Sư nương" dối trá cầu hồn nhập xác chỉ để lừa người ngu mà thôi. Thấy nhà nào có người ốm đến mời, lúc đầu bọn chúng nói cứu không được không được, mãi đến khi cầu bái khẩn thiết, nói bả bọt mép ra thì chúng bảo đó mang quần áo đi cầm cố, sống dở chết dở mà vẫn còn sợ thần đạo không chịu cứu, gia chủ khóc lóc, cho đến khi bệnh tạt ngày một nặng, cúng bái không kết quả, cũng không được oán giận họ, nghi ngờ họ, mà chỉ nghĩ rằng mình chưa tận tâm lòng thành, thần đạo không ưa, thế là cúng bái càng nhiều. Không biết rằng làm cho người ta tốn kém bao nhiêu tiền của, giết hại biết bao sinh mệnh... Luật pháp cấm chỉ vu sư tà thuật rất nghiêm... Những người ngu dốt vẫn cứ tin trò thành thói tục, thật là căn bệnh khó hiểu, chỉ làm trò cười cho những người hiểu biết mà thôi".

Qua đoạn văn trên ta thấy họ Lăng cho rằng:

- 1) Trung Quốc từ xưa đến nay đều có tục cầu hồn nhập xác.
- 2) Thực sự là có thuật cầu thần có thể cầu hồn, ban phúc và cũng có kẻ ngông cuồng mượn cầu hồn để lừa bịp.

3) Thuật lên đồng cổ đại đã mất rồi, còn là thuật hiện hành là ngu si quá đáng, ngay đến thuật của tà thuật cũng không có, nhưng người ngu thì vẫn cứ tin, rõ là hú tặc ngoan cố.

4) Cho chúng ta biết, chính phủ ở các thời ở Trung Quốc ngăn cấm tà thuật, thể hiện sự quan tâm đối với dân chúng.

Trong chính sử, lịch sử địa phương, các văn tập tôi đã nhiều lần nhìn thấy có ghi chép về chuyện cầu hồn nhập xác, tác giả của những tài liệu này có người tin, có người không tin. Đọc những tài liệu này, lòng tôi sinh mỗi ngờ vực: cầu hồn nhập xác mê hoặc nhân dân là rất đáng ghét, nhưng nó sai ở chỗ nào thì tôi không nói được, những hiện tượng dị thường có liên quan đến nó giải thích thế nào thì chịu. Tôi biết khoa học nghiên cứu về thân thể con người là lạc hậu nhất trong các lĩnh vực khoa học, nó còn nhiều bí mật chờ đợi ngành khoa học đó giải thích. Xem ra, nhận thức của tôi so với nhận thức của Lăng Mông Sơ không cao hơn bao nhiêu. Với một mong ước có thể giải được những điều nghi ngờ của mình, tôi hứng thú đọc tác phẩm này của Diêu tiên sinh.

Tôi từng nghiên cứu lịch sử hoàng đế Ung Chính đời Thanh. Khi hoàng đế bị bệnh nặng, mời một đạo sĩ tên là Giả Sĩ Phương đến chữa, lúc đầu thấy kiến hiệu, hoàng đế khen ông ta là "kỳ nhân", nhưng khi bệnh còn chưa khỏi, lại coi ông ta là yêu quái giết đi, nguyên nhân chỉ là vì ông ta có thể khống chế được hoàng đế. Khi chữa bệnh, Giả Sĩ Phương "miệng niệm thần chú và dùng thuật ấn xoa" vua Ung Chính nói: "Ông ta bắt trăm cúi xuống, đứng yên hay động dậy, ông ta cũng dùng tay ấn xuống, dường như không thể nào thoát khỏi bàn tay của ông ta được". Bấy giờ tôi không hiểu tại sao hoàng đế Ung Chính tiền hậu bất nhất như thế, Giả Sĩ

Phương có tội gì? Bây giờ dường như tôi đã hiểu: Giả Sĩ Phương dùng thuật thôi miên, chế ngự hoàng đế, tuy có kiến hiệu, nhưng đã làm tổn thương đến lòng tự trọng của quân vương vốn chỉ quen một mình được suy tôn, nhà vua không giết chết Giả Sĩ Phương thì không giải tỏa được nỗi hận trong lòng. Tác phẩm của ông Diêu đã giúp tôi hiểu như thế. Nhận thức của tôi được nâng cao, như thế sách của ông Diêu là có ích cho đời. Dưới đây tôi trình bày những suy nghĩ của tôi về tác phẩm của ông Diêu một cách khách quan, không xuất phát từ sự thể nghiệm chật hẹp của tôi. Nghiên cứu về tục cầu hồn nhập xác đề cập đến nhiều ngành khoa học, rất khó khăn, mới ở giai đoạn mảy mò, nghiên cứu của Diên tiên sinh là biểu hiện giàu tinh thần tìm tòi. Tìm hiểu tục cầu hồn nhập xác, cần phải vận dụng tri thức và phương pháp nghiên cứu của khoa học về thân thể con người, y học, tôn giáo học, thần học, văn hóa nhân loại học, dân tộc học, tâm lý học, xã hội học và lịch sử học v.v...

Cần phải vận dụng tri thức của các ngành đó một cách tổng hợp. Người nghiên cứu rất khó cùng một lúc có đầy đủ những kiến thức đa dạng của khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học về thân thể con người. Do vậy việc nghiên cứu tục cầu hồn nhập xác là khá khó khăn. Từ xưa đến nay có không ít người nghiên cứu nó. Làng Mông Sơ xứng đáng ở vị trí hàng đầu. Nhưng khoa học cổ đại không phát triển, nên người ta không thể vạch ra cái bí mật của việc lên đồng gọi hồn. Những nhà nghiên cứu hiện đại đa phần là mới khảo sát và trình bày một phần nhỏ của phong tục lên đồng gọi hồn, chứ chưa viết được một trước tác nghiên cứu toàn diện nào. Diêu tiên sinh rất nhạy cảm về vấn đề này, trong sách ông tỏ ra lấy làm tiếc về tình trạng nghiên cứu "phân tích thiếu nhiều góc độ, thiếu nhiều tầng lớp và không hệ thống, không tường tận", trong thư ông

gửi cho tôi nói "tập trung bút lực từ góc độ khoa học cận hiện đại như thuật thôi miên, khoa học về thân thể con người v.v... để nghiên cứu tục mê tín, đó là một công việc có tính sáng tạo, đó là thử thách giống như lần đầu ăn cua mà Lỗ Tấn tiên sinh thường nói vậy". Đúng như vậy Diêu tiên sinh hành động theo trí hướng đó, tập hợp được nhiều tư liệu, như trên đã nói, đồng thời đi sâu vào thực tiễn xã hội, tiến hành điều tra điền dã. Làm việc gian khổ tỹ mỷ kết hợp với nhuệ khí dũng cảm tiến thủ của một học giả trẻ, trong lĩnh vực lên đồng gọi hồn Diêu tiên sinh đã nghiên cứu khá toàn diện, tức là nghiên cứu nguồn gốc truyền thống, truyền bá, chủng loại của tục lên đồng gọi hồn, nghiên cứu phương pháp, thủ đoạn, hiện tượng siêu thường và công dụng của việc cầu hồn nhập xác, nghiên cứu sự lừa bịp và tác hại của cầu hồn nhập xác, đề cập đến những vấn đề chủ yếu của tục cầu hồn nhập xác. Đúng là sự tìm tòi mang tính sáng tạo.

Vấn đề tìm tòi của Diêu tiên sinh có giá trị học thuật, tôi thể hiện ở 3 mặt dưới đây:

1. Luận chứng và khẳng định hoạt động cầu hồn nhập xác có tác dụng chữa bệnh cho con người v.v... không phải thuần túy là thuật lừa bịp. Ông đã hai lần đến thực địa quan sát hoạt động "đấu âm quyền" và điều tra phỏng vấn, cho rằng biểu hiện siêu thường của người biểu diễn không phải giả vờ mà làm được, mà là biểu hiện chân thực. Ông khẳng định trong hoạt động cầu hồn nhập xác có biểu hiện của siêu trí lực, siêu thể lực, siêu nghị lực, siêu kỷ ức, dự báo ý niệm sai khiến v.v.... Ông không coi những hiện tượng dị thường là do tác động của thần, của lực siêu tự nhiên mà là những hành vi của bản thân con người (nguyên nhân sẽ nói ở điểm hai) do

đó ông viết một cách thú vị rằng: "Anh là thần, thần là anh". Trong giới học thuật của nước ta, đối với hoạt động cầu hôn nhập xác có một cách nói hoàn toàn phủ định, cho đó là thuật lừa bịp. Ông Điều khẳng định rằng vu thuật có khả năng bị coi là tuyên truyền mê tín truyền bá thuyết duy tâm, nhưng ông Điều lấy khoa học làm vũ khí, ông có dũng khí, có can đảm biểu hiện quan điểm của mình.

2. Cho rằng làm thuật thôi miên, gọi phát lên cái khả năng đặc biệt của thân thể con người, tạo thành biểu hiện siêu thường ở vu sư và người bị làm thí nghiệm sản sinh ra hiệu quả chữa bệnh v.v... đó chính là cái gọi là cầu hôn nhập xác. Ông Điều cho rằng quá trình cầu hôn nhập xác cũng là quá trình thôi miên: người đi vào trạng thái thôi miên sản sinh ra hiện tượng tê cứng đau đớn và giữ "quan hệ cảm ứng" với thầy thôi miên; con người ai ai cũng đều có khả năng đặc biệt kỳ lạ, nếu muốn biểu hiện được, thì cần phải tiến hành huấn luyện dẫn dụ; nhân loại phổ biến là có khả năng làm ám thị, và có tâm hướng chủ động tiếp thụ ám thị thầy thôi miên và vu sư cổ đại dùng phương pháp thôi miên hữu hiệu và nguyên lý ám thị để gọi phát lên khả năng đặc biệt ở thân thể con người, làm cho con người bị thôi miên trong trạng thái mê cuồng thể hiện ra những hiện tượng siêu thường như siêu trí lực, siêu thể lực, siêu thị lực, siêu thính lực, siêu vị giác, siêu nghị lực, siêu kỷ ức, tư duy truyền cảm, ý niệm sai khiến, dự báo tương lai, quan sát quá khứ (nhớ lại quá khứ). Do vậy, "linh nghiệm" của việc lên đồng, đánh đồng thiếp, lời thầy phán v.v... là do tác dụng của năng lực dự báo ẩn tàng trong công năng đặc biệt của con người mà thôi, nhớ lại quá khứ của Viên quang đánh đồng thiếp, lên đồng v.v... nói chuyện với "vong hồn" là do sự mẫn cảm siêu thường và năng lực thần giao cách cảm của tiềm thức nên có thể nhìn thấy "bức tranh còn sót

lại", nghe được "tín hiệu còn sót lại". Người lên đồng, tiên đồng, tiên cô tuy không học bao giờ nhưng cũng có thể múa, hát, đánh trống, không biết chữ cũng có thể viết, đó là vì do tác động của trí lực siêu thường mà ra. Ông Diêu giải thích với độc giả rằng biểu hiện siêu thường của cầu hồn nhập xác là do khả năng vốn có trong con người đã phát huy ra dưới tác động của thuật thôi miên, nói có thần bí là vì do người ta không nhận thức được nó, nên đã lấy quan niệm quỷ thần để giải thích nó, khiến cái bí mật của nó khó mà giải thích được. Diêu tiên sinh còn đặc biệt chỉ ra: Thực chất của cái gọi là khả năng đặc biệt do thần truyền thụ, nó giống như những ảo ảnh, ảo giác do con người làm ra mà thôi (bao gồm thôi miên, đương nhiên gồm cả khí công, tinh tọa, ngồi thiền, yoga), chứ quyết không phải là khả năng kỳ lạ do "quỷ thần sai khiến". Nhận thức luận và phương pháp luận của Diêu tiên sinh có thể biểu hiện thành sơ đồ dưới đây:

Diêu tiên sinh vận dụng trí thức khoa học nhân thể để giải thích tục cầu cầu hồn nhập xác, lập luận có căn cứ, nói có lý lẽ, vạch ra cái bí mật của việc gọi hồn nhập xác một cách xác thực, ông làm một cuộc thí nghiệm rất hay.

3. Tìm tòi nghiên cứu quan niệm mê tín, thần học trong hoạt động gọi hồn nhập xác và trong nhận thức. Diêu tiên sinh tuy khẳng định tính chân thực của hoạt động gọi hồn nhập xác, nhưng cũng không quên vạch trần hành vi dối trá bịp bợm của những tên bịp bợm lợi dụng hoạt động gọi hồn nhập xác. Thật và giả đều bao hàm trong hoạt động gọi hồn nhập xác, làm thế nào để phân biệt, và vạch trần nó ra? Diêu tiên sinh đã tốn nhiều công sức, nhận thức được tính hạn chế của khả năng đặc biệt trong hoạt động gọi hồn

nhập xác. Tỷ lệ thành công của nó phụ thuộc vào tính cách tâm tình và tinh lực của người ngồi đồng, không phải lúc nào cũng thành công; thành công hay không còn phụ thuộc vào vu sư thuật sư, trong số họ có người không biết thuật thời miên, chỉ biết giả vờ là thần là quỷ, đương nhiên là họ không đạt được hiệu quả, không dẫn phát ra được công năng đặc biệt. Điều tiên sinh đã đưa ra một loạt thí dụ, vạch trần sự lừa đảo của vu sư đã gây nên bị kịch cho những người cuồng tín.

Cần chỉ ra rằng, cống hiến học thuật của Điều tiên sinh là biết lợi dụng thành quả nghiên cứu của khoa học nhân thể và lịch sử tục gọi hồn nhập xác của giới học thuật đương đại, kết hợp với kết quả nghiên cứu của riêng mình, có nghĩa là nói ông có khả năng tổng hợp cao, hấp thụ chất dinh dưỡng của người khác để tạo ra thành quả riêng của mình. Thành quả đó là tuyệt mỹ, nó giải thích khá thành công những điều bí mật của việc gọi hồn nhập xác, chỉ ra mặt giả và mặt thật của hoạt động đó. Về mặt thật đã giải thích sơ bộ và hợp lý, đó là sự tìm tòi có hiệu quả nổi bật về tục gọi hồn nhập xác, là sự tìm tòi trên con đường khoa học.

Khi viết tác phẩm này, Điều tiên sinh tỏ ra rất nhiệt tình, ông phê phán hoạt động mê tín trong tục gọi hồn nhập xác, vạch trần hành động tội ác ngu dân của những ông đồng bà cốt, đề cao khoa học, hy vọng nâng cao trình độ văn hóa khoa học của dân tộc chúng ta, làm thay đổi phong tục, khắc phục tục mê tín quỷ thần. Ông cho rằng tục lên đồng gọi hồn làm cho người ta càng mê tín hơn, nó mở cửa thuận lợi cho những hoạt động tội ác của bọn người xấu. Ông căm ghét hủ tục ấy và cũng lo lắng khi thấy hủ tục này đang sống dậy. Nhưng ông không tiêu cực, ông dùng nghiên cứu của mình,

trình bày một cách khoa học để giúp cho người ta từ bỏ hoạt động mê tín ấy đi. Sự tình không phải chỉ ở nguyện vọng phê phán của ông, quan trọng hơn là ông đã tiến hành nghiên cứu tỷ mỉ, sâu sắc cái đó mới có khả năng đạt được mục đích của việc phê phán, giúp nhân dân tự mình đứng dậy khắc phục ảnh hưởng của thuật tà, tự giác thay đổi tập tục, ngăn chặn sự lây lan của tục gọi hồn nhập xác. Thái độ khoa học ấy không giống với những người dùng logic đơn giản phủ nhận hiện tượng dị thường trong hoạt động gọi hồn nhập xác. Nhưng người phủ nhận một cách đơn giản tuy có thái độ rõ ràng, nhưng thiếu tinh thần khoa học, thiếu tính thuyết phục, nên không thể giải thích những vấn đề thực tế đang tồn tại trong xã hội. Điều tiên sinh biết rút kinh nghiệm không dừng lại ở mức của những người phủ định đơn giản. Tinh thần trách nhiệm này là do động lực làm cho việc nghiên cứu của ông sâu sắc thêm, do đấy gợi ý cho độc giả rất nhiều cách phấn đấu cho việc nâng cao văn hóa dân tộc, uốn nắn hủ tục xã hội, đó mới là việc làm hữu ích của những người làm công tác văn hóa, chứ không phải ở chỗ tuyên truyền chủ trương suông. Nước ta đang cần những người như Điều tiên sinh rất cần cù thiết thực trong công việc xây dựng văn hóa, giáo dục, khoa học, kinh tế. Đối lập với tác phong thiết thực là thói giả tạo nói suông, 10 năm động loạn (ý chỉ Cách mạng văn hóa 1966 - 1976 ND), thói xấu ấy đã lên đến đỉnh điểm, nay vẫn còn, cho nên tôi nói: bằng lao động cần cù của mình, Điều tiên sinh đã vượt lên trước tác của ông.

Sách của ông chưa thể nói là thập toàn thập mỹ nhưng thái độ nghiên cứu của ông, tinh thần vô tư không để tâm đến thiệt hơn của ông thật là đáng quý.

Tục gọi hồn nhập xác là một hiện tượng trong nền văn hóa thần bí, nghiên cứu rất khó, nó lại là văn hóa thông tục, khó được đi vào ngôi nhà "đại nhã", cho nên giới học thuật ít nghiên cứu. Tình hình đó giờ đây trở thành vấn đề bức xúc, cần phải phân tích sâu hoạt động gọi hồn nhập xác. Nhiệm vụ to lớn như vậy không phải một người trong một thời gian ngắn có thể làm được. Thành quả nghiên cứu của Diêu tiên sinh còn chưa làm cho người ta thỏa mãn, còn có chỗ chưa hài lòng. Do đây tôi đưa ra mấy vấn đề để trao đổi với Diêu tiên sinh và xin thỉnh giáo các học giả uyên bác khác.

1. Thuật lên đồng là nhất nguyên hay đa nguyên?

Diêu tiên sinh cho rằng vu thuật sinh ra ở Bắc Á (học giả nói Diêu tiên sinh đồng ý cách nói này) phê phán thuyết đa nguyên, nhưng mô tả con đường truyền bá của nó thì chưa đủ sức thuyết phục, thiếu tư liệu, như dẫn ra quan điểm của Su-in, nói tổ tiên của người châu Úc là từ Đông Nam Á và vùng Hoa Nam Trung Quốc di sang. Họ có thể là truyền vu thuật sang, nhưng đây chỉ là giả thiết, chưa thể thành luận điểm chắc chắn. Con đường truyền bá còn chưa rõ thì thuyết đơn nguyên khó đứng vững. Tôi nghĩ, vu thuật là tôn giáo nguyên thủy, nhưng không có mấy triết lý, trong xã hội loài người, ở khắp nơi, trong thời đại mông muội đều có thể sản sinh ra, do đây có thể là đa nguyên, nó không giống với 3 tôn giáo Phật giáo, Cơ đốc giáo và đạo Islam, chỉ là đơn nguyên.

2. Trong hoạt động gọi hồn nhập xác làm thế nào phân biệt được tính chất khoa học và mê tín? Đây là vấn đề phức tạp. Diêu tiên sinh có ý định giải thích, và quả là có giải thích thật, nhưng quy nạp chưa đủ, đặc biệt là phân tích mang tính quy luật vẫn còn thiếu. Ví dụ trong một mục nói đến "thuật lừa bịp" của vu sư, chỉ nói sơ

qua một chút hiện tượng, chứ chưa nói rõ "thuật" của thuật lừa bịp là cái gì, do đó chưa phân biệt được đâu là khoa học đâu là mê tín. Mê tín và khoa học đều hàm chứa trong một hoạt động gọi hỗn nhập xác, cần phân biệt cho rõ, đó là nhiệm vụ đầu tiên của việc nghiên cứu vấn đề, cũng là nhiệm vụ cơ bản, không làm rõ thì sẽ giao động ở khoa học và mê tín, duy vật và duy tâm và sẽ rất khó trở thành nghiên cứu khoa học.

3. Tuổi thọ của những người hoạt động cầu hỗn nhập xác như vu sư, thầy thôi miên, người ngồi thôi miên, người ngồi đồng nên có một chuyên đề nghiên cứu. Điều tiên sinh đã chỉ ra những người này trong khi tiến hành cầu hỗn nhập xác, sức khỏe và thần kinh có bị ảnh hưởng, tôi cho rằng có thể nghiên cứu sâu vấn đề ấy, nên thống nhất vấn đề sức khỏe, tử vong, tuổi thọ của những người ấy lại mà khảo sát, nên làm thống kê cụ thể để thấy được quan hệ giữa công năng đặc biệt và cầu hỗn nhập xác.

4. Kiên trì phương hướng và phương pháp nghiên cứu tổng hợp đa ngành khoa học. Ở trên đã nói, khoa học về nhân thể còn ở tình trạng lạc hậu, không tương xứng với sự phát triển khoa học của xã hội loài người, người ta cần tăng cường sự giải phẫu tự thân, nhận thức tự thân. Chỉ khi nào khoa học về nhân thể phát triển, những hiện tượng có liên quan đến thân thể con người, như hoạt động cầu hỗn nhập xác chẳng hạn, thì mới có khả năng nhận thức đầy đủ. đương nhiên việc nghiên cứu thân thể con người lại không phải là cô lập, cần phải kết hợp với việc nghiên cứu khoa học tự nhiên và xã hội để tiến hành nghiên cứu một cách tổng hợp. Những người nghiên cứu theo phương pháp này, không nghi ngờ gì là cần có tri thức đa ngành khoa học, cần có cơ sở tri thức hợp lý. Nhưng

việc học tập của mọi người là chia ngành, rất khó một lúc có đầy đủ tri thức về các ngành, do vậy phải học bổ túc một cách thích đáng, mở rộng lĩnh vực tri thức, làm cho vốn kiến thức của bản thân có thể thích ứng với yêu cầu nghiên cứu đề tài cầu hồn nhập xác, ngõ hầu có thể hoàn thành tốt sứ mệnh nghiên cứu. Tin rằng trong những trước tác nghiên cứu sau này, Điều tiên sinh sẽ không ngừng nâng cao trình độ học thuật để có nhiều thành quả to lớn cống hiến cho xã hội.

Xin lấy lời chúc mừng tốt đẹp làm lời tựa cho cuốn sách này.

Phùng Nhĩ Khang

Viết tại Bắc Đới Hà

PHẦN DẪN

I

Trước mắt bạn đọc là một công trình chuyên luận về phong tục cầu thần nhập xác¹⁾ trong văn hóa thần bí Trung Hoa.

Cầu thần nhập xác là gì? Phong tục cầu thần nhập xác là gì?

Cầu thần nhập xác (giáng thần phụ thể) còn gọi là thỉnh thần phụ thể, thần linh phụ thể, quý thần phụ thể, tinh linh phụ thể, giáng thần, giáng linh, hạ thần... Hiện tượng cầu thần phụ thể có thể nhiều người chưa nhìn thấy tận mắt, nhưng có lẽ không xa lạ mấy với mọi người. Trong phim ảnh, tuồng, kịch, tác phẩm văn học và trong dư luận ở đầu phố cuối ngõ, đề tài này được đề cập luôn. Trong tác phẩm văn học nổi tiếng "Hong Lâu Mộng" mà nhiều người đã từng đọc, có đến mấy đoạn tả cảnh quý thần nhập xác. Hồi 112 "Diệu cô

¹⁾ Dịch cụm từ Hán "Giáng thần phụ thể" nghĩa là cầu thần (ma, quý...) về nhập vào thân xác người trần thế. Dịch thể chưa lột hết ý, nhưng khái quát được các tên gọi khác nhau trong tiếng Hán ở các địa phương khác như: thỉnh thần phụ thể, thỉnh thần phụ thân, thần linh phụ thể, quý thần phụ thể, tinh linh phụ thể, giáng thần, giáng linh, hạ thần, hạ linh... một loạt hoạt động mê tín kiểu cầu đồng, cầu hồn... của người Việt Nam ta... ND.

oan nghiệt gặp họa lớn, dì Triệu cừ thù xuống âm ty" có một đoạn miêu tả khá chi tiết dì Triệu bị ma ám (quỷ nhập xác):

"... Dè đầu dì Triệu miệng xùi bọt mép, đôi mắt trợn ngược, lưỡi thè dài ra, làm cho mọi người hết cả vía. Giả Hoàn vội chạy lại kêu toáng lên. Dì Triệu tỉnh lại nói:

"Tôi không quay lại đâu, tôi phải theo cụ cố về Nam". Mọi người nói: "Cụ cố đâu có cần cô đi theo?" Dì Triệu nói: "Cả đời tôi theo hầu cụ cố, thế mà ông lớn không tha, hết cách làm tình làm tội tôi, nhất quyết bắt tôi xuống làm nàng hầu... Nay tôi nhất quyết đi về, xem còn ai bắt nạt tôi nữa không." Mọi người nghe thế mới biết Uyên Ương đã nhập xác dì Triệu...".

"Miệng xùi bọt mép, mắt trợn ngược, lưỡi thè dài" là viết dì Triệu bị "con cua thất cố" Uyên Ương ám. "Tôi không quay lại, tôi phải theo cụ cố về Nam", "Tôi cả đời phải hầu hạ cụ cố, thế mà ông lớn không tha, hết cách làm tình làm tội tôi, nhất quyết bắt tôi làm nàng hầu..." là giọng lưỡi Uyên Ương. Sau khi Giả Mẫu qua đời, Uyên Ương thất cố tự sát và chuyện Giả Kim muốn bắt Uyên Ương làm nàng hầu, bị cự tuyệt, đã làm tình làm tội Uyên Ương. Đây là Uyên Ương sau khi đã chết, nhập vào xác dì Triệu, mượn miệng dì Triệu để nói.

Trong truyện ngắn "Anh Hai Đen lấy vợ" của nhà văn đương đại Triệu Thu Lý cũng có đoạn tả cảnh quỷ thần nhập xác. Trong đó có đoạn viết cô tiên Ba già chơi trống bỏi, trông thấy Hai Đen "ngon như quả táo tươi" nói mấy câu đùa cợt, nhờ láng giềng bên Đông, hàng xóm đảng Tây mượn người làm mối gả chồng cho Tiểu Căn. Có ông họ Ngô vốn là thuộc hạ Diêm Tích Sơn, là một sĩ quan đã từng làm lữ đoàn trưởng về hưu, nhà rất giàu có, đã chết vợ. Y đã

gặp Tiểu Cẩn trong một lần hội chùa, muốn cưới làm vợ kế. Người mới mới ngó ý, cô tiên Ba vội hững lấy ngay. Chỉ vài ngày sau thì cho chạm ngõ. Tiểu Cẩn đã bàn bạc kỹ với Hai Đen, đâu có chịu nghe. Hôm chạm ngõ, Tiểu Cẩn làm toáng lên, vứt hết lễ vật của nhà họ Ngô. Người mới vừa ra khỏi cửa, Tiểu Cẩn bảo mẹ: "Mặc mẹ đấy, ai nhận lễ của người ta thì đi mà lấy người ta". Thế là "Cô tiên Ba buồn bực, ngủ suốt cả nửa ngày. Ăn cơm tối rồi, bà nói rằng thần đã nhập vào bà, ngáp liền mấy cái rồi cất giọng hát. Trước hết bà nói Vu Phúc không dạy được con, sau đó nói Tiểu Cẩn có duyên nợ với ông Ngô từ kiếp trước, hát rằng: "Nhân duyên kiếp trước trời đã định, làm trái ý trời không được sống..." Vu Phúc vội quỳ xuống van xin, thần một mực đòi Vu Phúc phải đánh cho Tiểu Cẩn một trận nên thân...

"Liều trai chí dị" của Bồ Tùng Linh viết đến mấy trăm truyện ma quỷ thần thánh thiện ác đủ loại, trong đó không thể kể hết những chuyện quỷ thần nhập xác.

Ngoài các tác phẩm văn học nghệ thuật và những chuyện khác nhau đầu phổ cuối ngõ ra trong các sử sách cũng không ít những đoạn văn viết về quỷ thần nhập xác. Những chuyện như thế sẽ được dẫn ra nhiều trong các chương văn sau này.

"Cầu thần nhập xác" trong các tài liệu về khoa tâm lý được gọi là "chuyển đổi nhân cách", tức là nói người ta cảm thấy mình trở thành một người khác, một con ma hay một vị thần, mang nhân cách của người khác, cư ma quỷ, thần thánh để trò truyện hay làm một việc gì đó với người khác, con ma khác vị thần khác, còn

"mình" đã không là "mình" nữa⁽¹⁾. Trên thế giới căn bản không có thần thánh ma quỷ gì, thế thì "quỷ thần" làm sao có thể hiểu nhập vào xác người? Hiện tượng này nên hiểu thế nào? Đây là câu hỏi mà sách này muốn trả lời. Hy vọng các bạn đọc sau khi đọc xong sách này sẽ nhận được những gợi ý có ích.

Với những người hữu thần, "câu thần nhập xác" có hai nghĩa: Một là tin vào thần linh có thể nhập vào thể xác của người, hai là con người do quỷ thần nhập xác mà có hiện tượng mê cuồng (cũng gọi là "xuất thần", "mất thần", "mê huyền", "cuồng huyền", "bị ma ám" v.v...).

Tương ứng với quan niệm mê tín "quỷ thần nhập xác" "tục câu thần nhập xác" (gọi tắt là "tục giáng thần") là chỉ hoạt động có tính quần chúng nhất định do thầy mo hoặc là người của tín quỷ thần khác tổ chức trong các ngày lễ tết hoặc ngày thường, qua tế lễ, cầu khấn, đọc chú, múa hát... mà cầu xin thần linh nhập vào thể xác người khác hoặc chính mình, biến mình hoặc người khác trở thành người thay mặt cho quỷ thần mà giải đáp những điều cầu hỏi, xua đuổi tà ma hoặc trị tật bệnh.

II

Trên lãnh thổ thiêng liêng cổ xưa của tổ quốc ta đã từng tồn tại phổ biến tục câu thần nhập xác. Lật bộ sử đồ sộ của Trung Quốc ra, vô luận chính sử hay dã sử, hay là các tập địa phương chí hầu như bộ nào cũng ghi lại những sự kiện loại này:

⁽¹⁾ Phó Vinh "Thuật ám thị" NXB Nhân dân Giang Tây 10.1989 trang 139.

"*Hiển đế khởi cư trú*" ghi: "Thời có tính thích phương thuật tà đạo, quỷ thần, thường có đạo sỹ và bà mo ca hát, khua chiêng gõ trống cầu thần".

"*Đài Loan thông sử - tôn giáo chí*" ghi: "Thầy mo bà mo Đài Loan gồm mấy loại... ba là hồng di, có thể bắt quỷ thần nói chuyện với người. Bốn là một cô đồng, trần mình xoa tóc, nhảy múa như điên, cắt lưỡi đâm lưng máu me đầm đìa, quỷ thần nhập vào người, rách da rách thịt mà không đau".

"*Bình Dương luyện chí*" - "*Phong thổ chí*" ghi: "Có tục cầu đồng, viết bùa đốt lên người đồng thì đồng nhảy nhót, nói lời thần. Người ta có thể hỏi về tật bệnh, tai họa... loại có quỷ thần ám vào phụ nữ, nói về những điều lành điều dữ của người, gọi là "linh cô", phụ nữ rất tin".

"*Mã quan luyện chí - Phong tục chí*" ghi: "Bắt vong, còn gọi là cầu hồn, do các bà mo làm. Người nhà người chết nhớ thương người chết, mời bà mo cầu hồn người chết về để nói chuyện. Bà mo làm phép, tay cầm quạt trắng, nhắm mắt ngồi trên ghế, một lát sau thì lắc lư toàn thân, như vậy coi là hồn đã về và nhập vào bà mo. Người nhà hỏi về việc nhà trước sau khi chết, bà mo nhân danh người chết mà trả lời, đại để coi là linh hồn người chết đã nhập vào bà mo. Khi hồn đi gọi là hồn mãi, nhiều phụ nữ rất tin".

"*Di Kim giáp chí*" ghi: "Người dân vùng Chương Tuyền thường dùng uế tích kim cương pháp" để chữa bệnh đòi tà ma. Thần giáng thì mượn miệng trẻ nhỏ để nói".

"*Thuật dị chí*" ghi: "Năm thứ 5 niên hiệu Nghĩa Hy, Tống Vũ đế đi đánh Tiên Hy, thắng lớn, tiến vây Quảng Cố, các tướng tá

trong quân sai sứ giả dâng cúng chúng sinh, tiền bạc, bái yết miếu Thái Sơn. Có nữ vu sư họ Tần, người Phụng Cao, là vợ góa của người họ Sách cùng huyện, có thể ca linh chi giáo, nói gì có nấy".

Những chuyện về người Trung Quốc cổ cận đại cầu thần nhập xác nhiều vô kể, không sao nói hết. Ngay cả ngày nay, khi mà nền văn minh nhân loại đang bước vào thế kỷ 21, tục cầu thần nhập xác vẫn tồn tại ở nhiều vùng nước ta. Các sách vở báo chí cả nước ta đã đưa nhiều bản tin về việc vì mê tín cầu thần nhập xác mà bị mắc lừa, chịu thiệt hại, thậm chí vì vậy mà làm việc phạm pháp. Dưới đây xin dẫn ra ba ví dụ:

Sáng sớm ngày 20 tháng 2 năm 1986, rất đông người tụ tập đến nhà Lý Thư Hải, thôn Ba Nhĩ xã Cao Gia Oa Phố, thị xã Xích Phong, Nội Mông để đưa đám mẹ Lý Thư Hải. Khi mở nắp quan tài để bạn bè từ biệt mẹ Lý Thư Hải, người ta giật mình thấy mặt và tay người chết bầm tím sưng húp, ở cổ có dấu bị bóp cổ; cánh mũi bị xuyên thủng, máu vẫn còn rỉ giọt. Thấy vậy, em trai mẹ Lý Thư Hải bùng bùng nổi giận, tát cho Lý Thư Hải mấy cái quát hỏi: "Nói mau, mẹ mày vì sao chết?". Ba anh em Lý Thư Hải, Lý Thư Ngọc, Lý Thư Long quì rạp xuống...

Đầu đuôi sự việc là thế này: Mẹ Thư Hải đã ngoài 60 tuổi, vì làm lụng vất vả lâu năm, đã mắc bệnh viêm phế quản, dần dần phát triển thành lao phổi. Tháng giêng năm đó vì bệnh nặng, đã được đưa vào bệnh viện, nhưng bệnh không đỡ, anh em họ Lý lại đưa mẹ về nhà. Về nhà rồi, bệnh ngày một nặng thêm. Vì não thiếu dưỡng khí, bà mê sảng, nói lảm nhảm. Dè dặt chính con trai bà lại cho rằng "Chó sói vàng đã nhập vào xác bà".

Chiều ngày 19 tháng 2, Lý Thu Hải nghe mẹ nói sáng, đã quất lớn "Tên sói vàng, tao cho mày một nhát dao đứt lìa cổ cho mày xem". Nói rồi cầm dao chém lia lịa vào tấm nệm mẹ y đang nằm trên giường và làm mẹ giật mình tỉnh lại.

Bà mẹ tỉnh lại càng khiến anh em họ Lý tin rằng mẹ họ đã bị sói lông vàng nhập xác. Khoảng 8 giờ tối, ba anh em họ Lý bắt đầu "trị sói" cho mẹ. Lý Thu Hải tìm được một cái kim to, đề chặt bà cụ mà cầm kim xuyên từ bên này cánh mũi sang bên kia. Có lẽ cho rằng kim chưa đủ hiện, y dùng cái dùi, cái đinh sắt to. Tiếp theo đó, ba anh em y liên tiếp đâm đá thực mạng vào sườn, vào mông bà cụ. Bà cụ kêu la thảm thiết không hề động lòng anh em họ Lý. Họ còn dùng roi da quất tới tấp vào bà cụ, lột hết quần áo cụ khiêng ra sân chịu rét... Những hành hạ dã man kia kéo dài mãi gần sáng, khi bà cụ chỉ còn thoi thóp chút hơi tàn, họ mới dừng lại.

Tiếp sau đó họ mời lão thầy cúng cùng thôn là Lý Thành Duy đến chỉ đạo họ "trị ma sói vàng". Lý Thành Duy chỉ huy anh em họ dội nước lạnh lên người bà cụ, xong rồi y viết một đạo bùa dán lên ngực cụ, dùng lưỡi cày đề lên rồi bảo hai anh em Lý Thu Ngọc, Lý Thu Long thay nhau mà đâm và khi bà cụ tắt hơi hẳn, đem bà đóng vào quan tài! (Báo "Tuần Mã", Nội Mông, số 6 năm 1990).

Ngày 28 tháng 4 năm 1986, Vu An Quý khu Tô Gia thôn thành phố Thẩm Dương nghe lời người em là Vu An Trương vốn làm nghề thầy cúng nói là "có một điều dữ đang đổ xuống nhà họ Vu, đó là hồn ma của kẻ thù ám vào chị dâu, tôi không trị được nó thì nhà ta nguy to" Khi nghe nói oan hồn sẽ bắt đi ba người họ Vu thì Vu An Quý hết lời khuyên vợ phải chịu khổ để "trị ma". Kết quả là y để cho em trai dùng dao hành hạ vợ mình đến chết. Còn bản

thân y thì theo lệnh em trai, giữ chặt hai vai vợ và sau khi vợ chết y còn làm cái việc gọi là "thay thế", thực chất là hiếp thây vợ chết. (Theo báo "Đảng viên cộng sản" tỉnh Liêu Ninh, số 9 năm 1986).

Ngày 27 tháng 7 năm 1986, Trương Vĩnh Dân ở thôn Tây Đầu xã Diễn Trì, huyện Diêu, tỉnh Thiểm Tây, lập địa thờ thần, đốt hương hóa vàng tự xưng là "Thần chuột", nói rằng "thần chuột" sẽ bị tai họa. Dân làng vốn mê tín, coi nhà Trương Vĩnh Dân là miếu thần chuột, hương vàng lễ bái nghi ngút. Về sau, Trương Vĩnh Dân không những nói là theo ý thần hãm hiếp phụ nữ, mà còn đốt nhà mình nói là "mở cửa tài", dân làng đến chữa cháy bị y đánh chết ba người (Theo "Thiểm Tây nhật báo", ngày 7 tháng 2 năm 1987).

III

Đáng kinh ngạc là, tục cầu thần nhập xác không phải chỉ có ở Trung Quốc. Nó là một lịch sử văn hóa có tính thế giới. Lăn dò những tài liệu dân tộc học, dân tộc chí các nước, chúng ta sẽ thấy hủ tục mê tín cầu thần nhập xác được ghi chép rất nhiều. Các dân tộc nguyên thủy phần lớn đều tin rằng các thuật số thầy mo có thể cầu thần nhập xác. Khi thần nhập vào ai, người đó không biết gì nữa hết, toàn thân lắc lư run rẩy và có những biểu hiện mê cuồng. Bản thân người đó không hề hay biết gì về những hiện tượng đó, tất cả là do quỷ thần. Trong trạng thái dị thường đó, mọi lời người đó nói ra đều được coi là lời của thần linh, ma quỷ. Họ có thể nhân danh mà phát biểu, nói rõ số phận tương lai của người, có thể tìm ra căn nguyên tật bệnh, có thể chữa bệnh. Ví dụ:

Một khi quí thần đã nhập vào một thuật sĩ người Bô-li-ni-xi-a châu Đại Dương thì vị thuật sĩ đó sẽ lập tức lắc lư run rẩy mãnh liệt, thậm chí phát điên phát cuồng. Người thuật sĩ sẽ bị co rút tay chân, méo mồm lệch mũi, mặt mày xấu xí dữ tợn, trợn trừng mắt, hoàn toàn mất hết tri giác. Trong tình hình đó, người thuật sĩ thường lăn kềnh ra đất, sùi bọt mép, có vẻ như quỷ thần nhập vào người y, khiến như vậy. Lúc đó thuật sĩ sẽ phát ra những tiếng kêu ré lên, nói lảm nhảm vô nghĩa. Đó là lời lẽ của thần thánh ma quỷ? Các thuật sĩ khác hầu hạ thuật sĩ đó tự cho là có thể hiểu được những biểu hiện có nghĩa là gì, họ lập tức hứng lấy, và chuyển các tín đồ đệ tử ý kiến của thần.¹¹

Thầy bói người Tu - đa miền Nam Ấn Độ có thể đưa mình vào trạng thái mê cuồng và dùng một thứ ngôn ngữ xa lạ. Người ta tin rằng đó là quí thần đã nhập vào người.

Thầy mo người Exki-mô phía Bắc châu Mỹ khi chữa bệnh cho ai, thường dùng những câu chữ cổ lỗ khó hiểu, tạo ra một thứ tiếng địa phương đặc biệt để giao thiệp với thần linh, dùng trống gõ nhịp để hát một thứ vu ca, nhảy một loại điệu nhảy điên dại, thô lỗ để ra lệnh cho quí thần phải trả lại linh hồn cho người bệnh. Trong khi biểu diễn, các thầy mo đó run rẩy, rên rĩ và đưa mình vào cuộc trạng thái điên loạn mù cuồng. Người Pu-xung-man-côn châu Phi, khi trong cộng đồng có người ốm thì mời một "thầy thuốc" đến rút nhỏ bệnh cho người ốm. Trong cúng lễ, để chữa bệnh "thầy thuốc" nhảy múa xung quanh người bệnh, nhảy đến sát người bệnh thì áp mình vào người bệnh, một tay để vào trước ngực, một tay để sau lưng

¹¹ Sách "Kim Chi" (quyển thượng) do Phí Lôi dịch, NXB Văn Nghệ dân gian Trung Quốc tháng 6 năm 1987, trang 142- 143.

người bệnh để hút ra cái thể dịch tội lỗi. "Thầy" kêu ré lên, dùng hết sức lực để nhổ bệnh tạt ra, vắt vào sau vòng lửa. Sau đó "thầy thuốc" đi vào trạng thái cuồng si dần. Khi "thầy" thở hổn hển, bước loạng choạng tay chân co giật, thì các đồ đệ của "thầy" ôm lấy "thầy", bảo vệ "thầy" và rồi thầy cũng dờ toàn thân ngã vào lòng đồ đệ...

Các dân tộc nguyên thủy trên thế giới như vậy, ngày nay khi khoa học đã phát triển đến mức cao, ở các xã hội tư bản phát triển, vẫn cứ tồn tại tục cầu thần nhập xác. Như các "hội giáng thần" tồn tại phổ biến ở Âu Mỹ thì những ngày hội lấy người bị quỷ thần ám làm nhân vật trung tâm, tìm cách nói chuyện với người đã chết. Những "hội" như vậy thường được tổ chức ở những chỗ tối hoặc tranh tối trang sáng bởi vì ánh sáng cản trở việc giao-thiệp với quỷ thần. Mỗi hội "giáng thần" như vậy thường có từ 6 đến 8 người tham gia, những người tham gia thường nắm tay nhau thành vòng tròn. Nếu nghe được cái gọi là tiếng nói của quỷ thần, nghe người bị quỷ thần ám nói hoặc nhìn thấy được ma quỷ thì tức là quỷ thần và người đã tương thông với nhau. Có khi nghe được tiếng nhạc không biết từ đâu vọng đến, tràn ngập cả gian phòng, có lúc đồ đạc trong phòng tự nhiên chuyển động, di dịch, có khi xuất hiện tay chân, hoặc hình ảnh toàn thân của người chết do "ngoại chất" của người bị thần ám hình thành ra. Lại còn có chuyện bắt quỷ thần viết chữ, những lời nói thiêng liêng nhập định... cũng là hình thức giao thiệp được với quỷ thần.

IV

Tục cầu thần nhập xác là thần bí nhất trong văn hóa thần bí nhất của thế giới, cũng là thần bí nhất trong văn hóa Thần bí Trung Hoa. Nó thần bí hơn cả chiết tự đoán số, bói toán mai rùa, cổ thi,

xem tướng lấy số... Những vệ sỹ tôn giáo hữu thần thường dựa vào nó mà khẳng định có ma quỷ thần thánh, coi như bằng chứng của việc "quỷ thần có thể nhập xác, yêu quái có thể ám người". Những tín đồ sùng bái thần tiên càng quỷ sụp dưới chân nó. thì thụt lể bái. Nhưng các bậc hiền trí xưa nay vẫn không tin, nếu có nói đến thì cũng chỉ bài bác, coi là trò bịp, nhưng chưa ai đưa ra được một lời giải thích hợp lý nào về các hiện tượng siêu thường vẫn tồn tại thật sự, do đó sức phản kích yếu ớt, thỉnh thoảng cũng có người nhìn ra được bản chất sự việc, nhưng sự phản bác cũng chỉ như chuồn chuồn đập nước, không có sự phân tích tỷ mỉ, có hệ thống từ nhiều góc độ khác nhau, nhiều tầng bậc khác nhau. Trong tục cầu thần nhập xác tồn tại rất phổ biến trong nhiều tầng lớp xã hội, nhưng các văn bản triết học và khoa học xã hội rất ít đề cập đến, cho đến nay về mặt này vẫn chỉ có những lời thuyết giáo, răn dạy hời hợt. Thực tế chứng minh rằng, một hiện tượng phức tạp tồn tại qua bao nhiêu thế kỷ, bao hàm nhiều lĩnh vực khoa học, nhiều trạng thái tâm lý như thế, những lời thuyết giáo đơn phương đơn giản, vụn vặt và hời hợt là không thể giải quyết và thanh toán được. Chỉ dùng những cách giáo dục chính trị tư tưởng trừu tượng là rất không đủ; những biện pháp cấm đoán mang tính hành chính pháp lý cũng không thể giải quyết được gì. Trạng thái tâm lý mê tín, một khi đã hình thành, có gốc rễ bền chặt như vậy sẽ bám chặt lấy linh hồn người ta, rất khó mà phá bỏ. Kết quả sẽ là anh cứ giữ những điệu hát hay của anh, tôi cứ theo những giọng riêng của tôi, đâu vẫn hoàn đấy. Tục cầu thần nhập xác tồn tại sờ sờ trong thời đại khoa học ngày nay, không những thế mà lại còn có cơ phát triển ở vùng kinh tế văn hóa lạc hậu hay ở cả những vùng kinh tế văn hóa phát triển, tiên tiến là vì vậy. Nhìn nhận tục cầu thần nhập xác thế nào. Làm thế nào để

giải thích nó một cách khoa học, có sức thuyết phục đã trở thành một nhiệm vụ cấp bách của chúng ta, nhằm chống lại có hiệu quả sự duy trì và lan tràn tục lệ mê tín cầu thần nhập xác. Trước tình hình như vậy, nhất là trước hiện tượng đau lòng khi tệ tục mê tín đó đang ngóc đầu dậy và lan tràn khắp nơi, tôi bắt đầu tìm hiểu tục lệ cầu thần nhập xác.

Mục đích của tôi là giáo dục thuyết phục người ta từ bỏ tục lệ mê tín cầu thần nhập xác. Mà muốn cho sự giáo dục thuyết phục có hiệu quả, tôi phải vạch trần chân tướng của tục cầu thần nhập xác. Chỉ khi nào đưa được người ta lên con đường khoa học thì tục cầu thần nhập xác mới được từ bỏ hẳn. Dưới đây chúng ta hãy từ nhiều góc độ khác nhau, cùng tìm hiểu cội nguồn của tệ tục cầu thần nhập xác, lột trần cái áo ngoài thần bí của nó, triệt để xé bỏ cái màng bọc thần bí của nó.

1

ĐÁM NẤM ĐỘC LÒE LOỆ: NHỮNG CHỦNG LOẠI CHỦ YẾU CỦA TỤC CẦU HỒN (THƯỢNG)

Tục cầu thần nhập xác đã xuất hiện từ trong xã hội thị tộc mẫu hệ⁽¹⁾, hình thức sớm nhất, đầu tiên, cổ lão nhất của nó là "Khiêu thần" (hãy múa cầu thần - ND)⁽²⁾. Về sau, cùng với sự phát triển của xã hội loài người và sự gia công chế biến của các loại thầy mo thầy cúng các dân tộc, tục cầu thần nhập xác đã từ hình thức "Khiêu thần" tính cổ mà diễn biến thành "vũ tiên đồng" "tấu âm", "xướng thần tiên", "phù ki", "viên quang"... đủ loại đủ màu rồi cả mắt.

I. KHIÊU THẦN

Khiêu thần còn gọi là "Khiêu đại thần" "hạ thần" là cách cầu thần cổ nhất do các dân tộc tin theo Tát Mãn giáo⁽³⁾ tạo ra và sử dụng trước tiên.

⁽¹⁾, ⁽²⁾ Xem ở chương 9

⁽³⁾ Là một tôn giáo nguyên thủy cho rằng thần linh có thể chi phối người, người cũng có thể chi phối thần linh. Khi chữa bệnh, các Tát Mãn (hay Xa man) đọc

Thừa nhận rằng có thần thánh và tin rằng thần thánh có thể can thiệp vào việc của người, đem đến họa phúc cho người là nội dung trung tâm của quan niệm mê tín Tát Mãn giáo. Từ thời đại thị tộc theo chế độ bộ lạc, các dân tộc tin theo Tát Mãn giáo thường cầu thần để cầu xin sản xuất được mùa, đánh nhau thắng lợi hoặc xua đuổi tà ma, chôn cất người chết, cầu phúc trừ họa cho bộ tộc. Về sau Tát Mãn giáo suy yếu dần, những hoạt động cầu thần qui mô lớn ít dần, nhưng người ta vẫn cầu thần chữa bệnh. Tục cầu thần được duy trì là vì Tát Mãn giáo tin rằng tật bệnh là do thần thánh ma quỷ gây ra. Người theo Tát Mãn giáo cho rằng, quỷ thần không vui thì quấy nhiễu (làm cho linh hồn người ta không yên mà gây ra tật bệnh, thậm chí quỷ thần có thể bắt linh hồn người bệnh đi. Do đó để cho khỏi bệnh, phải tìm mọi cách làm cho quỷ thần vui mà không quấy rầy người ta nữa, để quỷ thần trả lại hồn vía cho người bệnh. Mà cách tốt nhất để quỷ thần vui là cầu thần. Cầu thần là phải nhờ các Tát Mãn, vì Tát Mãn có thể giao thiệp được với quỷ thần, qua đó mà tìm hiểu xem người ốm vì lẽ gì đã làm phật ý vị thần nào, phải cúng tế bằng cái gì mới có thể làm quỷ thần nguôi giận mà không quấy phá nữa. Có khi Tát Mãn cười chim cười thú xuống âm phủ, đánh bại quỷ thần ác, cướp lại linh hồn cho người ốm.

Không chỉ người tin theo Tát Mãn giáo, ở nước ta, các dân tộc Hán, Tạng, Di, Choang, Bố y, Dao, Mèo... không tin Tát Mãn giáo cũng coi cầu thần là cách chủ yếu để giao thiệp với quỷ thần và nghi thức cầu thần của các dân tộc này về đại thể cũng giống như các dân tộc theo Tát Mãn giáo, tức là vừa đánh trống tay vừa quay tròn

thần chú, múa chân múa tay, nhảy như điên lúc đó coi là thần đã nhập vào Tát Mãn. Một số dân tộc thuộc ngữ hệ An-tai ở miền Bắc nước ta vẫn theo tôn giáo này. Một số vùng khác trên thế giới cũng có.

nhảy múa, và cũng đều qua các bước mời thần, đón thần, nhập thần, thần nhập xác, thần cử động, thần nói (hoặc hát), thần về... Nhưng trong các cách cầu thần, thì cách của các dân tộc theo Tát Mãn giáo vẫn được coi là cổ nhất. Dưới đây lấy nghi thức cầu thần của bộ tộc Ngạc Luân Xuân làm ví dụ⁽¹⁾.

1. CHUẨN BỊ

Trước khi cầu thần, Tát Mãn dùng trống bịt da thỏ một mặt, đội mũ thần, đi giấy thần và mặc áo thần. Trên vai áo, đính 10 hoặc 20 hàng vỏ sò, trước ngực áo và sau lưng áo treo 10 hoặc 20 cái gương đồng to nhỏ khác nhau, trong đó gương yểm tâm và hộ bối là to nhất, tác dụng của gương là để soi ma quỷ. Có loại còn đính thêm ba hàng chuông kiểu nhạc ngựa.

Thời gian cầu thần thường là buổi tối, thời gian được coi là thuận tiện nhất để mời được tổ thần giáng lâm. Địa điểm cầu thần thường là một bãi đất trống, phẳng gần nhà người ốm. Bãi cầu thần phải được quét dọn sạch sẽ, vì thần không thích chỗ ô uế. Giữa bãi, đốt một đồng lửa, đốt cỏ thơm. Lúc đó toàn gia người ốm hoặc tất cả bộ tộc đều có mặt đông đủ, ngồi quanh bãi.

2. CẦU THẦN

Chuẩn bị xong xuôi rồi, Tát Mãn bắt đầu dâng đàn. Tát Mãn (nam hoặc nữ) tay trái cầm trống, tay phải cầm dùi trống, ngồi xếp bằng tròn trên vị trí riêng gọi là "Tháp Liễu Lan", mắt lim dim ngáp liên mấy cái rồi bắt đầu đánh trống. Đây là tín hiệu báo rằng tổ thần đã giáng lâm. Tiếng trống nhanh dần, mạnh dần. Trong nhịp trống

⁽¹⁾ Theo "tín ngưỡng nguyên thủy của bộ tộc Ngạc Luân Xuân" trong sách "Bàn về tôn giáo nguyên thủy" của giáo sư Thái Gia Kỳ.

đó. Tất Mãn nói làm nhăm, hai mắt nhắm nghiền, mặt ngheo sang một bên, toàn thân lắc lư, run rẩy, răng nghiền ken kết. Cứ thế một hồi lâu, Tất Mãn ngân nga lên một điệu nhạc không lời. Tiếng trống cũng lúc khoan lúc nhặt, muốn nói thần linh đang nhập vào xác Tất Mãn. Sau mấy cái rung vai, co rút toàn thân, Tất Mãn dần dần như mất hết tri giác. Đột nhiên tiếng trống im bặt, toàn thân Tất Mãn run lên bần bật, trong những tiếng lanh canh, leng keng của những vỏ sò, nhạc đồng trên áo thần, Tất Mãn cất cao giọng hát. Mỗi câu hát của Tất Mãn đều được những người có mặt họa theo. Một lát sau, Tất Mãn lại gõ trống lúc mạnh lúc yếu, lúc nhặt lúc khoan. Lúc này tổ thần đã hoàn toàn nhập vào xác Tất Mãn và mượn miệng Tất Mãn mà nói, mà hỏi. Sau khi người nhà người ốm hoặc người giúp việc Tất Mãn nói rõ là ai đó thuộc nhà nào bị ốm, thì Tất Mãn đứng lên, vừa gõ trống vừa hát, vừa quay tròn nhảy múa không ngừng. Lúc này Tất Mãn nhờ tổ thần lần lượt mời các vị thần liên quan đến tìm hiểu nguyên nhân tật bệnh. Thần nào được mời, thần nào không mời mà cũng đến... tất cả từ miệng của Tất Mãn mà biết được. Lại có những vị thần mời mãi cũng không đến. Tất Mãn phải làm ra vẻ như chạy ngược chạy xuôi, đi xa, lên cao mời cho được. Sau khi các thần cần mời đã đến đủ, Tất Mãn lập chào từng vị và hỏi cho ra người ốm đã xúc phạm vị thần nào. Thường thì vị thần đã gây ra bệnh tự nhận mình đã gây ra bệnh vì lý do gì, cần phải cúng đơm cái gì thì khỏi bệnh... Đến đây thì lễ cầu thần có thể coi như kết thúc được rồi. Nhưng có khi, thần gây bệnh rất ngoan cố, không chịu trả lại linh hồn cho người ốm. Thế là Tất Mãn phải cùng với tổ thần ra trận, chiến đấu quyết liệt với thần xấu, để cướp lại hồn cho người ốm. Người ta thấy Tất Mãn dậm chân, nhảy nhót lung tung, quay cuồng, giang tay như bay, rồi dồn hết sức đánh đông, chặn tây mệnh thờ hồn

hên. Có khi trong chiến đấu, Tắt Mãn kiệt sức bất tỉnh. Người giúp việc phải dìu Tắt Mãn dậy, dậy rồi lại tiếp tục chiến đấu. Có khi vì Tắt Mãn già yếu, phải có người đưa thuốc hút, đưa nước uống. Cứ thế mãi đến khi đánh bại hung thần, cướp lại hồn cho người ốm, Tắt Mãn mới dừng lại, lần lượt chào tiễn các thần.

Khiêu thần là một trong những hình thức cầu thần nhập xác mê tín nhất của nhiều dân tộc thiểu số tin hay không tin Tắt Mãn giáo của nước ta. Các dân tộc đó tin rằng "thần thích nhảy múa làm vui, lâu ngày không nhảy múa thì thần sẽ quấy rối". Họ lại tin rằng quỷ thần thích nhập vào xác Tắt Mãn, mượn miệng Tắt Mãn mà nói chuyện với người trần, đáp ứng những cầu xin của người, vì vậy họ thích khiêu thần. Các dân tộc thiểu số Ngạc Luân Xuân, Ngạc Đă Khắc, Mầu, Hách Tích tin ngưỡng Tắt Mãn giáo càng hay khiêu thần. "hễ ốm là khiêu thần". Một số vùng người Hán cũng vậy. "Đồng Trị Vân Hòa huyện chí" ghi: "Dân ở đây nịnh thần tin quỷ, ốm không uống thuốc mà chỉ cần khấn quỷ thần. Thầy mo đánh trống, hát múa thâu đêm ở vùng thôn quê càng mê tín".

Bài thơ ghi lại trong "Gia Tĩnh Ân Giang huyện chí" càng nói rõ tình trạng đó:

Người làng có bệnh không uống thuốc,

Chúa thần cầu đến ma bệnh lui.

Chạy đón thầy mo, đêm cầu thần,

Cầu trắng cá đỏ bày la liệt,

Con cái cung kính lạy trước án,

Nhà nghèo thiếu thịt thần chờ trách

Thầy mo đánh trống múa và ca.

*Tiến giấy từng chuỗi dây âm khí,
 Thấy phán tuổi người chỉ đến đây.
 Thần thương cảnh người tha tội chết.
 Tiến thần lên ngựa, thấy về nhà.
 Người nhà bắc thang gọi hồn khóc.*

Cần nói rằng, không phải mọi nghi thức, khiêu thần đều là cầu thần nhập xác. Ngay trong cùng một dân tộc, có khi khiêu thần là không thể không cầu thần nhập xác, nhưng có khi không hẳn phải thế. Cầu hay không cầu là do có cần phải hỏi thần điều gì hay không mà quyết định. Nói chung, khi khiêu thần để chữa bệnh thì phải cầu thần nhập xác. Khi khiêu thần chỉ để tế tự thì không hẳn phải cầu thần nhập xác. Ví dụ, các dân tộc Di, Choang xưa kia, mỗi khi trong bộ tộc có người ốm, cứ phải khiêu thần. Trong nghi thức khiêu thần này, với dân tộc Di thì thầy mo thổi kèn bầu, bà mo đánh trống da cừu, theo nhịp trống mà nhảy múa. Còn với dân tộc Choang thì chỉ có thầy mo đội mặt nạ vừa hát vừa múa thôi. Các điệu múa thường được dùng là đèn hoa, cá chép vượt long môn lượn theo những đường đã được đánh dấu sẵn. Như vậy là để cầu thần đuổi ma, cầu phúc trừ họa, ngay cả những dân tộc theo Tát Mãn giáo cũng không phải mỗi lần khiêu thần đều cầu thần nhập xác. Hình thức "Khiêu lộ thần" của dân tộc Hách Triết là thuộc loại này. Khiêu lộ thần còn gọi là "Khiêu lộc thần", "Khiêu thái bình thần". Gọi là "lộ thần" có nghĩa là "xin thần phù hộ cho người vương của nhiều". Loại khiêu thần này thường tổ chức vào mùa xuân hoặc mùa thu (tháng 2-3 hay 7-8 âm lịch), còn ngày giờ cụ thể phải do Tát Mãn quyết định. Sau khi đã chọn được ngày rồi, Tát Mãn sẽ làm công việc chuẩn bị Khiêu lộ thần trong đêm đầu. Ngày hôm đó,

sau khi mặt trời lên khỏi ba ngọn sào, Tát Mãn tế thần ở nhà mình. mọi người phun lên người Tát Mãn một ít rượu, mấy thanh niên giương gậy thần, tượng thần đi theo Tát Mãn gõ trống đi từ trong nhà ra, vừa đi vừa hát múa. Đoàn người đi quanh xóm một vòng, trên đường đi thỉnh thoảng rẽ vào một gia đình nào đó nhảy múa cầu phúc, vào nhà nào thì nhà đó phải mời rượu Tát Mãn hoặc đem cây nghênh xuân thái sợi, mua nước mời Tát Mãn uống để tỏ lòng thành kính thờ thần. Có nhà nhân dịp đó mà hoàn nguyên, rất rộn rịp. Đoàn người quay lại nhà tát mãn rồi thì những người hoàn nguyên mang thịt, rượu đến. Tát Mãn thay áo thần, đeo nhạc vào lưng, vừa đánh trống vừa ca múa. Chờ thịt chín, Tát Mãn lại mặc áo thần, mang thần cụ tiếp tục múa. Cuối cùng gọi người ăn uống no say rồi giải tán⁽¹⁾.

Một số hình thức ca múa của các dân tộc Miêu, Bố y, Đồng, Thổ Gia... cũng là khiêu thần không cầu thần nhập xác bởi vì mục đích của nó cũng là tế lễ, khẩn cầu và hoàn nguyên.

II. VŨ TIÊN ĐỒNG

Hình thức cổ nhất của tục cầu thần nhập xác là khiêu thần, trong quá trình lưu truyền đã tùy địa phương, tùy thời đại mà có những thay đổi. Hiện nay ở nước ta, trong một số địa phương còn thấy tổ chức "Vũ tiên đồng", một biến thể của nghi thức khiêu thần cổ xưa, ở đây người ta có thể thấy Tát Mãn múa búa đôi múa thương, múa côn chiến đấu quyết liệt với hung thần.

⁽¹⁾ Theo "Trung Quốc các dân tộc tôn giáo di thần thoại đại từ điển" NXB Học uyển 10-1990 trang 309.

Vũ tiên đồng cũng gọi "đầu ôm quyền", "thiếu niên quyền", "âm thảo", "thần đả", "thiếu lâm thần đả", "thần bệnh", "mê đồng tử", "mê ngư", "giáng bát tiên", "đá đồng", "khiêu đồng"... Vũ tiên đồng ra đời từ bao giờ, ngày nay khó mà khảo sát. Nhưng muộn nhất, dưới thời Càn Long đời Thanh đã được ghi lại trong thư tịch. Theo sách "Chàm Phi đáng" ngày mồng 4 tháng 4 năm thứ 31 hiệu Càn Long, Hùng Học Bằng viết: "Từ trước đã có trò Vũ tiên đồng, không có lệ cấm. Bọn du đảng hiểu sự... đã dựa vào đó mà bày đặt ra, diễn làm thần quyền". Tiểu thuyết bút ký "Kiên Biều tập", xuất bản dưới thời Khang Ky viết: "Diễn trò chiêu hồn, do trẻ con mấy tuổi biểu diễn, khóc cười vui buồn tay, chân múa nhảy. Một đứa tự xưng Tây Sở bá vương, cầm một cây gỗ lớn mà múa, không biết nặng. "Diễn trò chiêu hồn đây tức là vũ tiên đồng. Tục này rất thịnh ở nước ta thời cận đại. Cứ đến tháng 8 tháng 9 những ngày thu lạnh, đêm trăng sáng, sau cả ngày làm việc, nông dân các thôn xóm tụ tập trước từ đường. Trên bãi cỏ trẻ con chơi đùa thường diễn trò vũ tiên đồng. Trước khi diễn trò, phải chuẩn bị các binh khí cổ như dao, thương, côn, kiếm và hương vàng tiền giấy. Người biết trò này, chọn khoảng hơn chục đứa bé trên 10 tuổi, cho nhắm mắt ngồi trên ghế (hoặc ngồi xổm ngay trên mặt đất). Thế rồi châm hương đốt bùa, cầm hương hươu quanh đứa bé, lượn quanh lũ trẻ mấy vòng, miệng lầm nhảm thần chú. Khoảng thối chín nồi cơm sau đó, túm đầu từng đứa một mà kéo dây, đứa nào theo tay đứng dậy, hơ hương vào mũi mà không biết, thiêm thiếp như ngủ thì coi là tiên đã nhập vào nó. Có khi cả hơn chục đứa đều được cả, có khi chỉ dám ba đứa. Người làm phép gọi những đứa đã được tiên nhập xác là "sư phụ", hỏi tên, đứa thì xưng là Võ Tòng, đứa xưng Trư Bát Giới, Trương Tam Lý Tứ, phần lớn là những nhân vật thần quái. Rồi lại hỏi đứa

giỏi côn, đũa giỏi quyền, đũa giỏi kiếm v.v... đũa nào thích vũ khí gì thì trao cho vũ khí đó. Thế là lũ trẻ vùng quyền múa đao bày thành trận thế, tiến lui nhảy múa như rất thành thạo, nghiêm nhiên trở thành võ sư. Diễn xong, đốt bùa tiễn thần rồi làm cho đũa nào đũa ấy đều tỉnh lại như thường. Hỏi những việc vừa rồi, không đũa nào nhớ gì hết, nhưng đều có vẻ mệt. Phong trào Nghĩa Hòa đoàn nước ta từng một thời rung động trong ngoài nước, "trai tráng đều tin theo"⁽¹⁾, đến mức "cả nước như cuồng"⁽²⁾. Loại "thần quyền nghĩa hòa" này tức là "vũ tiên đồng". Cách diễn luyện thần quyền nghĩa hòa tức là "Phàm con em đến đàn đều đốt hương khấn đầu thờ, đại sư huynh cho bùa. Số này chuẩn bị cân đai, đại sư huynh đọc chú, gọi là thượng pháp. Người đó nằm sấp xuống trên mặt đất, một lát sau vùng dậy, nắm gươm đao mà múa, sức rất khỏe... Hết phép, hết sức, gọi là khước pháp, thì uể oải mệt mỏi, yếu ớt hơn lúc bình thường"⁽¹⁾. Hoặc vào "vào đàn thì nằm phủ phục trước đàn, được đại sư huynh đốt bùa đọc chú, gọi là thỉnh thần. Lại bảo người đó nghiêng chặt răng, thở hít bằng miệng. Một lát sau thì xùi bọt mép trắng, gọi là "thần giáng" rồi bảo người đó cầm đao cầm côn mà múa"⁽²⁾.

Ngay cả ngày nay, ở một số vùng biên giới xa xôi, tục vũ tiên đồng vẫn còn. Mùa xuân năm 1989 tác giả đã đem theo học trò là Dương Huệ Trạch đi điền dã khảo sát văn học dân gian ở huyện Quảng Nam tỉnh Vân Nam, đã tận mắt được xem hoạt động "đấu âm quyền" ở thôn Mộc Nặc, thị trấn Châu Lâm huyện đó. Đây là di

⁽¹⁾ "Nghĩa hòa đoàn" (2) NXB Nhân dân Thượng Hải 6-1957 trang 7.

⁽²⁾ "Nghĩa hòa đoàn" (2) trang 434.

⁽¹⁾ "Loan trung nhật ký tàn cáo"

⁽²⁾ "Nghĩa hòa đoàn"

phong của tục vũ tiên đồng. Gọi là "đấu âm quyền" tức là biểu diễn các động tác võ thuật sau khi đã cầu thần nhập xác. Người ta nói đó là hồn người diễn là đến âm phủ học võ thuật với vong linh một người võ nghệ cao cường xưa. Chính vì vậy nên mới gọi là "đấu âm quyền". Tình hình mà chúng tôi đã tận mắt mục kích xin được kể lại như sau:

Trước hết người chủ trì chuẩn bị. Các bước cụ thể là:

1. Rửa tay.

2. Đốt "đèn thần" ở giữa khám thờ.

3. Đốt một nắm nhang (khoảng 40 chiếc) cắm ba que vào lọ hương trước đèn thần, số còn lại được cắm đi đến phía trước cửa, bên trái cửa, bên phải cửa và hướng về phía khám thờ, mỗi nơi vãi một cái.

4. Chính giữa phía trước cửa, cách cửa khoảng 5 mét cắm ba que hương, rồi quỳ xuống trước bàn thờ khấn mời thần. Xong rồi đứng dậy lại cắm vào khe tường hai bên ban thờ, mỗi nơi một que hương.

5. Phía trước cửa, chỗ cắm hương và hai bên khám thờ, mỗi nơi đốt ba tờ tiền giấy.

6. Lấy một bát nước sạch đặt lên khám thờ, đốt ba tờ tiền giấy vào bát, cắm hương đang cháy hươ ba vòng theo chiều kim đồng hồ quanh bát.

Chuẩn bị xong, 8 người biểu diễn rửa tay xong, ngồi trên bốn chiếc ghế dài đặt trước khám thờ, mặt trông vào cửa chính. Sau khi uống nước tàn tro tiền giấy do người chủ trì đưa cho thì mỗi người cầm một thẻ hương đang cháy, cúi rạp mình phục trên hai đùi kẹp

chặt, cúi đầu nhắm mắt, nghe theo lời dặn của người chủ trì "không được nói, không được nuốt nước bọt, không được nghĩ vợ vẩn lung tung, chỉ nghĩ phải đi luyện tập âm quyền". Người chủ trì dặn dò xong thì đứng phía bên trái khảm thờ, tay trái dơ lên hạ xuống mấy thẻ hương đang cháy, miệng lầm nhảm đọc chú⁽¹⁾. Để cho người biểu diễn sớm đi vào vai diễn, những người vây quanh xem đều tự giác im lặng, trong nhà hoàn toàn không một tiếng động.

Sau khoảng 20 phút im lặng, hai trong số những người biểu diễn thở gấp hơn, toàn thân co rút, đầu lắc lư điên đảo, tay chân co giật, cây hương cầm trong tay run lên bần bật.

Càng về sau, toàn thân hai người càng co giật mạnh hơn, đầu, tay, chân càng lắc lư rung động dữ dội hơn, gấp gấp hơn. Khi cây hương trong tay run bắn lên, rơi xuống, đôi chân cả hai người dậm mạnh xuống đất theo nhịp, hai tay càng vỗ mạnh hơn đùi theo cùng nhịp. Tiếng dậm chân đập tay theo nhịp gấp gấp rất giống tiếng vó ngựa dồn dập nhịp nhàng gõ trên mặt đất. Người chủ trì giải thích, hai người đang biểu diễn cưỡi ngựa. Họ đang "ruổi ngựa" đó đến "thế giới thần" để đến học âm quyền với Dương lục lang (thần).

Lúc đó, người đi vào trạng thái mê cuồng trước nhất (dưới đây gọi là A) thỉnh thoảng lại than vãn "đơn độc quá". Người chủ trì thấy vậy liền bảo cho anh ta biết "đang có người đến với anh ta", yêu cầu anh ta "bình tĩnh chờ đợi". Và rồi người đi vào trạng thái mê cuồng sau (gọi là B) càng phải ra roi quất ngựa đuổi theo. Và B càng dậm chân nhanh hơn, động tay gấp hơn, ra vẻ đang gấp rút cố

⁽¹⁾ Người chủ trì nhất định không chịu nó nội dung thần chủ là gì.

đuổi theo. Đến sáng, người chủ trì kéo 6 người chưa đi vào trạng thái mê cuồng đó rời khỏi ghế.

Khi B đã đuổi kịp A (qua hình dáng của họ mà biết được), cả hai không ai bảo ai cùng "dừng ngựa" và vận động các bộ phận cơ thể khác: vai, lưng, ngón tay, cổ tay, mắt cá chân v.v... như khởi động chuẩn bị biểu diễn võ thuật. Và rồi họ nghiêng rặng, phùng má, lượn đi lượn lại quay trái quay phải lúc tiến lúc lùi đâm đá lung tung, có lúc co chân quì gối, có lúc xoa mạnh tay trên mặt đất. Cùng với vận động chân tay là nhịp thở sâu, mạnh, khớp xương kêu lên răng rắc. Tình hình có vẻ như là không đánh mạnh ra tay thì khó mà kết thúc được.

Sau khi hoạt động chuẩn bị của hai người ngừng lại thì người chủ trì đem dựng một cái gậy gỗ đường kính khoảng 5cm, dài 1,5m trước mặt A, bảo anh ta biểu diễn một bài côn. A đứng dậy, dơ tay sờ xoạng phía trước (cả hai người vẫn nhắm mắt và ngồi trên ghế), sau khi vớ được cái gậy, anh ta múa may như diễn như cuồng trên khoảng trống trong nhà. Bài côn anh ta biểu diễn, lúc đầu chỉ có những động tác cơ bản bỗ, gậy, đâm, đánh, gạt, đỡ v.v. .. nhưng về sau dần dần đi đến những động tác rất khó như rập chân quét côn, nhảy quay mình gạt ngang, múa hoa hai tay, hai tay trái phải luân lưu múa bỗ xuống, ngửa người gạt côn v.v... Anh ta múa liên nửa tiếng, đến lúc mồ hôi đầm đìa, thở hổn hển. Không thể nào gắng gượng được nữa mới dừng côn dựng trước mặt, lên tiếng gọi B là "sư huynh", mời anh ta "múa một bài". Nghe tiếng, B đứng dậy sờ xoạng, nắm được côn thì cũng như A, múa một bài côn gần giống như bài A vừa múa, múa như say như cuồng. Múa xong, trong đám người xem có người lên tiếng đề nghị A và B mỗi người

diễn một bài quyền. Bài quyền họ diễn, lúc đầu cũng chỉ có những động tác cơ bản nhưng sau có những động tác rất khó.

Sau khi hai người luân phiên biểu diễn xong, theo đề nghị của người xem, người chủ trì lại cho hai người đấu quyền, đấu côn. Có lẽ vì đã quen tay, hai người đấu thành thạo hơn, tự nhiên hơn. Khi đấu quyền, A loan cung xạ tiễn thì B điều tứ nhập lâm, A thanh long xuất thủy thì B phượng hoàng triển xí... Khi đấu côn, người này ra vũ hoa vân vút thì người kia rút vân côn vù vù... Mặc dù tất cả những động tác múa, đấu vừa cùng đều được diễn ra trong tình trạng mê cuồng, xem ra có vẻ không có qui phạm lắm, nhưng cũng đủ làm hoa mắt người xem.

Đấu quyền đấu côn xong, hai người được kéo đến ngồi trên ghế. Người chủ trì lên tiến ra lệnh "về nhà". Tiếng nói vừa dứt, hai người làm động tác ruỗi ngựa trở về. Khoảng 5 phút sau, những động tác dó nhẹ dần, chậm dần. Lúc đó, người chủ trì bảo cho chúng tôi biết, trước khi kết thúc động tác ruỗi ngựa, A và B có thể sẽ có động tác xuống ngựa rời khỏi ghế. Lúc này, nếu không có người bảo vệ, họ có thể sẽ ngã. Nói rồi, lập tức sai hai người khỏe mạnh to lớn bảo vệ phía sau lưng A và B. Chỉ một loáng sau, hai người bỗng dơ tay vươn vai, co chân nhảy xuống. Khi hai người vừa nhảy xuống, hai người bảo vệ vội ôm lấy lưng A và B, nhưng A và B vẫn loạng choạng suýt ngã. Thấy vậy, những người đứng xem cười ồ lên. A và B như người vừa tỉnh mộng, ngơ ngác nhìn bốn phía, ngó ra một lúc lâu, rồi trên mặt lộ vẻ bàng lòng và mỉm cười có vẻ ngượng ngịu. Đến đây, toàn bộ quá trình đấu âm quyền đã được chúng tôi chứng kiến. Tất cả kéo dài vài ba tiếng rưỡi.

Hoạt động đấu âm quyền ở thôn Mộ Nặc, chúng tôi đã khảo sát tại chỗ hai lần. Trong hai lần đó chúng tôi chú ý mấy vấn đề dưới đây:

1. Việc biểu diễn võ thuật diễn ra được một lúc thì cả ba người⁽¹⁾ biểu diễn đều đã mệt, mồ hôi thấm ướt lưng áo. Cho thấy, họ tiêu hao thể lực rất lớn.

2. Trong ba người biểu diễn có hai người nhắm mắt từ đầu chí cuối. Người kia mở hắt mắt nhưng đồng tử không hề chuyển động, ánh sáng mạnh không làm anh ta nháy mắt.

3. Ba người biểu diễn có thể trao đổi với nhau, lại còn nghe được mệnh lệnh của người chủ trì, nhưng không hề có phản ứng gì với lời bàn luận của người xem.

4. Mặc dầu địa điểm biểu diễn hẹp (khoảng 8m²) xung quanh đông nghịt người xem, phạm vi hoạt động của người biểu diễn lớn, hai người trong đó lại nhắm mắt từ đầu đến cuối, thế mà suốt cả quá trình biểu diễn, đấu võ thuật không hề va chạm đến bất kỳ một người xem nào, những người biểu diễn cũng không hề có va chạm gì. Có khi quả đấm, mũi côn như đã va thẳng vào đầu người nhưng đến cách đầu một vài phân thì lập tức dừng lại không hề va chạm dù là nhẹ.

Để chứng minh được rằng hoạt động đấu âm quyền không phải là giả vờ để lừa bịp người, chúng tôi đã nhiều lần mời người chủ trì và ba người biểu diễn tọa đàm, trao đổi. Tất cả họ đều khẳng định hoạt động đấu âm quyền là thật, không phải giả vờ để lừa

⁽¹⁾ Trong lần khảo sát thứ hai có ba người đi vào được trang thảo mê cuồng.

người. Qua quan sát tại chỗ, chúng tôi thấy điều họ nói là phù hợp với thực tế khách quan. Lý do chủ yếu là:

Trước hết, về mặt trí lực, qua điều tra được biết cả ba người biểu diễn trước kia chưa hề tham gia hoạt động đấu âm quyền. Một trong ba người đã học sơ trung cao (cấp 2 phổ thông -ND), đã học một ít quyền, còn hai người kia chỉ mới học tiểu học, chưa hề học một tí võ thuật nào. Nhưng họ đều biểu diễn được những bài võ khó, có trình độ tương đương với người đã được huấn luyện chuyên môn đến mức độ nhất định. Rõ ràng là không thể giả vờ được, hiện tượng siêu trí lực của họ thật khó mà hiểu được.

Thứ hai, xét về mặt nghị lực. Thường thì người ta võ vai đến đỏ lên đã là đau lắm, thế nên ba người biểu diễn võ đùi mình đến thâm tím vẫn không biết đau. Điều này rõ ràng cũng không thể làm giả được.

Ngoài ra, khoảng đất biểu diễn hẹp thế, động tác của họ mạnh thế, họ lại nhắm nghiền hai mắt, thế mà không hề xảy ra va chạm tổn thương cho bất cứ ai, kể cả người biểu diễn và người xem. Điều này cũng chứng tỏ hoạt động đấu âm quyền không thể là giả.

Không chỉ ở Trung Quốc, ở nước ngoài cũng có những hoạt động kiểu vũ tiên đồng, đấu âm quyền, thần quyền nghĩa hòa. Ví dụ ở Rumani cổ đại, có một loại bà mo gọi là Stơ-lây-côi, nghe nói là có thể lìa hồn khỏi xác để cưỡi ngựa, cưỡi chổi hoặc thùng gỗ để đi dạo đây đó. Các bà mo này thường tập hợp ở một đám ruộng nào đó ngoài làng hoặc là ở "một chỗ tận cùng của thế giới, nơi mà cả một cây cỏ cũng không mọc được". Đến đó họ lấy lại hình người, đấu võ với nhau với gậy gỗ, búa rìu hoặc liềm. Họ đấu suốt đêm đến khi gào khóc lên thì ngừng tay. Trờ về đến nhà, họ kiệt sức mặt trắng

bệnh, thế mà bản thân họ cũng không hề biết đã xảy ra chuyện gì. cứ thế nằm vạt ra giường mà ngủ thiếp đi. "Những cuộc du ngoạn, đấu võ trong mơ như thế còn có thể thấy ở nhiều vùng khác ở châu Âu"⁽¹⁾.

Trong thời gian khảo sát thực địa hoạt động đấu âm quyền ở thôn Mộ Nặc, chúng tôi còn được nghe kể về "cách chữa bệnh bằng nước bùa" có liên quan với vũ tiên đồng. Thuật chữa bệnh bằng nước bùa này tức là pháp thuật thần bí đã được ghi chép trong sử sách: năm 1829 (Đạo Quang năm thứ 9) trong dân lưu lạc vùng biên giới Tứ Xuyên. Qui Châu người ta đã truyền cho nhau cách chữa bệnh: "Dùng một bát nước trong, đốt đàn hương, niệm đọc chú, dùng tay vẽ lên thành bát ba đạo bùa, nước hai đạo bùa đầu uống vào có thể chữa bệnh, chữa u nhọt, nước ba đạo bùa uống vào sẽ có thần nhập xác, sẽ biết múa quyền còn"⁽²⁾

Năm 1828 (năm thứ 8 Đạo Quang) hai nông dân huyện Nam Xuyên tỉnh Tứ Xuyên đã được một lưu dân huyện Khai Hóa tỉnh Vân Nam truyền dạy⁽³⁾. Huyện Khai Hóa tức là một châu cùng thuộc huyện Quảng Nam, Vân Nam ngày nay là tiền thân của huyện Vân An (châu tự trị dân tộc Choang, dân tộc Miêu Vân Sơn).

Theo lời Trương Sinh người thôn Mộ Nặc, bố anh ta là Trương Văn Hoán mãi đến trước giải phóng vẫn làm thuật này. Nước bùa ông ta vẽ không những có thể chữa được bệnh còn có thể được thần nhập xác, những người như vậy, đã chưa hề học võ cũng

⁽¹⁾ "Chủ nghĩa thần bí, vụ thuật và sùng thượng văn hóa" của Miéc-xiAi-li-at NXB Quang Minh nhật báo, 10-1990, trang 109.

⁽²⁾ "Lục phò đăng" ngày 26/5 Đạo Quang - Nguyễn Nguyên Tích

⁽³⁾ "Nam Xuyên huyện chí - Tiền sử chí"

tự khắc biết múa quyền múa côn. mà trình độ võ thuật còn cao siêu hơn nhiều những người biểu diễn nói trên. Người biểu diễn vừa kể có thể lộn một cái từ trước khám thờ đến bậc cửa (khoảng cách 3 mét) lại lộn một cái từ bậc cửa đến giữa nhà, khi lộn bàn chân có thể dậm lên trần nhà. Những cuộc biểu diễn như vậy Trương Sinh đã tận mắt chứng kiến ít nhất hơn chục lần, những người già trên 65 tuổi cũng đã từng nhiều lần chứng kiến. Người ta nói, ai đã từng nhiều lần tham gia cùng cuộc biểu diễn như thế, thì ngay trong lúc thường vẫn có thể nhớ lại và lặp lại những động tác như thế, lại có thể vận dụng linh hoạt trong đời thường. Làng này có người tên là Trương Nghĩa Tường là một tay võ nhiều nghệ cao cường, năm sáu người không địch nổi ông ta. Võ nghệ đó là do ông đã nhiều lần tham gia những cuộc biểu diễn như thế mà học được. Đó tức là ta đã được "âm quyền". Ông bố Trương Sinh khi còn sống đã không truyền lại phép chữa bệnh bằng nước bùa, vì vậy, sau khi ông chết, phép thuật kia bị thất truyền, trong thôn Mộ Nặc không còn ai có thể chữa bệnh bằng nước bùa nữa.

III. ĐẤU ĐỊA CỔ NGƯU KHIÊU THANH OA THẦN

Địa cổ ngư là một loại côn trùng, còn gọi là "địa miết" (ba hạ đất) hay "địa miết trùng". Thân dẹt, hình trứng dài 2-3cm, màu đen nâu, bóng, đầu nhỏ, có xúc giác hình lông tơ. Ban ngày trốn trong lớp lá dưới gốc cây, ở chân tường hoặc dưới một tảng đá, đêm ra tìm ăn. Đầu địa cổ ngư tức là phép để cho thần loại côn trùng đó nhập xác vào người, người bị thần địa cổ ngư nhập xác thì bò bốn chân, dùng đầu húc nhau, có những động tác như giống côn trùng địa cổ ngư.

Tục này, tác giả đã từng quan sát hiện trường nhiều lần, trình tự thường là:

Người chủ trì chọn ra 6-7 bé trai lên 10 tuổi, bảo bò bốn chân xuống đất, bàn tay lật ngửa hướng lên trên, úp mặt vào trong lòng bàn tay, không được nuốt nước bọt, không nghĩ lung tung.

Người chủ trì ngồi xổm sau người biểu diễn, dùng vật áo phẩy nhẹ vào đầu vào gáy người biểu diễn, miệng đọc chú. Với mỗi người biểu diễn đều làm như vậy mấy lần. Thế là tất cả hay một số người biểu diễn sẽ thở mạnh hơn gấp hơn, toàn thân nhún nhảy theo nhịp thở, đưa mắt quan sát chung quanh, như thế có nghĩa là thần địa cổ ngư đã nhập xác. Người nào không có những biểu hiện như vậy sẽ được người chủ trì đưa ra khỏi đội hình biểu diễn.

Người biểu diễn thở hít và nhấp nhồm như vậy khoảng 15 phút thì sẽ thở gấp hơn, mạnh hơn, thân thể nhấp nhồm mạnh hơn, nhiều hơn. Bấy giờ người chủ trì mới dùng ngón tay điểm nhẹ vào đầu người biểu diễn, thế là người biểu diễn duỗi thẳng tay, như con trâu điên nổi giận, húc mạnh đầu về phía trước. Nếu gặp đối thủ yếu hơn, người khoẻ cứ thế mà tiến mãi. Trái lại người yếu cũng không chịu lui nhường mà hết sức chống lại. Nếu chưa gặp một đối thủ khác, thì dù gặp vật cứng như tường vách, bức cửa, tảng đá... người biểu diễn cũng chẳng chịu lui, dù đã húc đến bươu đầu chảy máu. Mãi đến lúc người xem chán rồi, người chủ trì sẽ từ phía sau ôm lưng mà nhắc dậy, quật ngã mấy lần mới tỉnh lại được. Hồi việc vừa xảy ra không ai nhớ gì hết.

Tục này tồn tại ở nhiều nơi. Thí dụ ở Quảng Châu trước đây là "Mê li cừ", cách chơi là cho một người nằm sấp xuống đất gọi là li cừ vương, cho mấy người khác cầm hương đứng bên cạnh đọc chú:

Cáp nả y

Cáp nả nhí

Tôi nay đại vương có lời mời

Đã mua làn lửa cùng cành lửa

Sau khi thần li cừ đã nhập xác, thì người đồng li cừ vương sẽ như con li cừ nhảy nhót đuổi theo. Có khi đụng vào tường sứt đầu chảy máu vẫn không biết đau. Muốn cho tỉnh lại, phun cho một ngụm nước lạnh là được.

Ngày rằm tháng 7 âm lịch, ở vùng dân tộc Động có những hoạt động kiểu đấu địa cổ ngư. Người Động gọi là "phóng địa ngư". Cách chơi là chọn hai đứa bé trên 10 tuổi, dùng vải buộc đầu cho nằm sấp trên mặt đất. Pháp sư đọc lời tế địa ngư, bên cạnh có người cầm quạt để quạt. Hai đứa bé dần dần đi vào trạng thái nhập định, sẽ nhảy chồm chồm như trâu chọi nhau, dùng đầu húc nhau, mè mãi đến mức khó mà gỡ ra. Một lúc sau, kéo hai đứa bé ra, gỡ vải buộc đầu thì sẽ tỉnh dần.

"Câu thần ếch" cũng gần giống như đấu địa cổ ngư. Mùa hè thu, đêm trăng sáng, lũ trẻ ngồi trên mặt đất chọn một bé trai khoảng lên 10 cho nhắm mắt ngồi yên ở giữa, bọn trẻ chung quanh đốt hương đọc chú, một lát sau đứa bé ngồi giữa sẽ vào trạng thái mê cuồng. Bây giờ bảo cho nó biết thần ếch đã nhập thần, thế là nó bò bốn chân như ếch, bắt chước ếch nhảy, lộn. Diễn xong đốt bùa, đọc chú, mời thần lui, đứa bé sẽ tỉnh lại, nhưng không nhớ việc gì đã xảy ra với nó.

IV. TẤU ÂM

Tấu âm lại gọi "phóng âm", "quá âm", "há âm", "dư âm", "quan lạc âm", "thỉnh linh cô", "linh giảng", "đối tam cô nương", "thỉnh tam thiên cô", "phục tiên cô", "khán hoa", "tấu âm sai", "tấu âm quan", "vấn tiên", "quản linh ca", "quan vong", "thảo vong", "chiêm vong", "khảo triệu"... Đây là hình thức cầu thần nhập xác phổ biến nhất trong ngoài nước xưa và nay.

Ở nước ta, hầu hết các dân tộc, kể cả dân tộc Hán từ lâu đã có tục tấu âm. Muộn nhất, đời Hán đã có ghi chép về tấu âm. Thí dụ "Hán thư" và "Thái sử công ký" đều nói đến Thiệu ông người Tề, Vũ đế và văn võ quan tướng. Bà vợ yêu của Vũ đế là Lý phu nhân chết, Thiệu ông có thể làm cho Vũ đế gặp lại như khi đang sống, lại làm cho Vũ đế gặp thần bếp.

Ở nước ngoài, cổ Hy Lạp, cổ La Mã, cổ Ai Cập, cổ Ấn Độ đều có tục tấu âm. Ở cổ La Mã, mỗi lần đến ngày lễ, các tăng lữ đều tiến hành nghi thức tấu âm, bói trừ tai họa cho tín đồ. Trong một số chùa chiền, các tăng lữ còn tổ chức tấu âm tập thể cho tín đồ, cho họ nhìn chăm chú vào rốn mình, một lát sau các tín đồ đều nhắm mắt và đi vào trạng thái mê ảo, thấy được thần linh, thậm chí nghe được lời dạy bảo của thần linh. Ở thế kỷ thứ 2, trong một số đền đài Hy Lạp, các tăng lữ cũng dùng tấu âm để bói cho tín đồ.

Mặc dầu tục tấu âm đã được ghi chép trong nhiều thư tịch cổ của các nước cổ châu Âu như cổ La Mã, cổ Hy Lạp v.v... nhưng từ giữa thế kỷ 19 về sau, tục đó mới lưu hành phổ biến ở châu Âu. Năm 1849, các nữ tu sỹ Phu-khơ-xơ ở Hai-tơ-sin Nữu Ước đã đưa ra thuật chiêu hồn, từ đó môn thần học ra đời. Các nữ tu sỹ Phu-khơ-

xứ về sau di cư đến Rô-sét-ơ đã biểu diễn những hiện tượng này. Phong trào thần học này lan rộng rất nhanh. Năm 1852, nó truyền bá vào nước Anh, 1853 lan đến lục địa châu Âu và biến thành thuật vô bàn (Một trong những thuật chiếu hồn. Những người tham gia ngồi vây quanh một cái bàn, thấy cúng lăm nhắm đọc chú, gọi người chết trả lời câu hỏi. Nếu hồn người chết về thì cái bàn sẽ tự nhiên nghiêng lệch về một bên). Đây là một trong những phương thức tấu âm chủ yếu của châu Âu.

Nguyên nhân để tổ chức nghi lễ tấu âm nói chung là: gia đình người chết cho rằng người chết có việc gì đó chưa kịp làm hết, nói hết, cần gọi hồn về để hỏi, hoặc là chồng góa, vợ góa muốn gặp lại bạn đời đã mất để đỡ thương nhớ hoặc để hỏi lành dữ, tật bệnh.

Phương thức tấu âm ở nước ta chủ yếu có hai loại dưới đây:

Một là bản thân vu sư hoặc cho một em bé hay người muốn gặp lại người chết ngồi im nhắm mắt, vu sư đốt hương niệm chú. Một lát sau, người đó mơ màng như trong giấc mơ, tức là xuống âm phủ tìm gặp người chết, kể lại những núi đao biển lửa, quỷ sứ, địa ngục, Cầu Nại hà... cuối cùng gặp được người chết, hỏi những điều cần biết, người chết qua cửa miệng người đó mà trả lời. Nói xong, vu sư tỉnh lại trước, đốt bùa, đọc chú cho hai người kia tỉnh lại, cả ba sẽ trở lại trạng thái bình thường, mọi việc vừa xảy ra hoàn toàn không có ấn tượng gì.

Hai là, vu sư (đa phần là nữ) đốt hương cúng bái xong rồi ngồi yên nhắm mắt lại, miệng lăm nhắm đọc chú. Một hồi lâu, nhân danh người chết mà nói chuyện với người sống. Lời của vu sư, nghe nói hầu hết đều đúng, thậm chí cả những việc kín trong gia đình.

người ngoài không ai biết mà vu sư vẫn kể lại rành rọt tỉ mỉ, làm cho người nghe hoàn toàn toại nguyện. Xong rồi, tự nhiên tỉnh lại.

Về việc nữ tu tấu âm và nữ vu đối đáp với người sống. Chu Vận Dung đã kể lại sống động trong "Cận ngũ thập niên kiến văn lục".

Ở Phúc Kiến có một loại bà mo có thể mời quý thần về. Người đất Đinh rất tin. Nhà có người chết, thế là mời bà mo gọi hồn. Bà mo đốt hương, nhìn vào khoảng không, lầm nhảm niệm chú. Trên bàn đặt một bát nước, vẽ bùa vào trong đó, cho vào đó một quả trứng, rồi tựa án mà ngủ. Bà già con gái vờn cổ đứng xem, tất cả nín hơi lặng tiếng. Lát sau bà mo nhắm mắt, bắt đầu đứng dậy, nói to: ta là người nào đó (người đã chết - ND), mọi cử chỉ hành động của bà mo giống hệt người kia lúc sinh thời. Các bà già con gái thấy là thân thuộc của mình, khóc lóc lại gần, hỏi han về cuộc sống ở âm phủ: Gần đây thế nào? Mồ mả có yên ổn không? Người sống họa phúc ra sao? Nếu nghe nói yên, tốt thì hồ hởi vui vẻ. Nghe nói dữ không yên thì đau buồn lo sợ. Đại để nói là nghề nghiệp như hồi còn sống. Còn sống ở đời làm gì thì chết rồi ở âm phủ cũng làm nghề đó. Cũng có lúc nói trúng những việc thầm kín, những việc mới chỉ có trong ý nghĩ, chưa nói với ai. Có người nghi ngờ muốn thử, đã hỏi người chết có bao nhiêu con cái, bao nhiêu anh chị em, ai còn, ai mất ra làm sao, toàn hỏi những điều bà mo chưa từng biết, thế mà bà mo nói đúng được, phân biệt được mất còn. Có khi người nhà đứng lẫn trong đám người đến xem chỉ mà bảo rằng: Kia không phải là gì gì đó của tôi sao? Bà mo mắt nhắm nghiền mà nói không sai. Bà mo tỉnh lại rồi. Không còn nhớ gì những điều vừa mới nói. Nếu muốn biết hôm nay đã gọi hồn mấy

người, thì có thể nhìn vào quả trứng mà biết được. Đại để là gọi hồn một người, thì trên vỏ quả trứng mờ mờ hiện lên một đầu người, nếu đã gọi nhiều người thì trên quả trứng có hình bấy nhiêu người, cứ theo bóng mà thu tiền, không ai lừa được...

Nội dung tấu âm có thể diễn đạt bằng nói hay hát. Giữa dân tộc Hán và dân tộc thiểu số có phần khác nhau. Nói chung là, người Hán chỉ nói mà không hát, hoặc chủ yếu là nói. Còn các dân tộc thiểu số thì trái lại. Thí dụ một số vụ sư dân tộc Thủy, khi tấu âm thì thần đã nhập xác rồi, liền hát "âm ca", người cần hỏi ngồi im nghe hát, qua đó mà tìm lấy câu trả lời. Vụ sư của một số vùng dân tộc Nê-ê, khi tấu âm hát "quá âm từ", từ này thường chia làm 3 phần. Phần thứ nhất là sau khi vụ sư đã gọi hồn người quá cố, thì hát "quá âm từ" để xuống âm phủ. Nội dung lời ca là kể lại những gian nan hiểm trở trên đường đi. Phần thứ hai là vụ sư sau khi đã đến âm phủ, đi tìm linh hồn người chết. Lời ca thường rất đẹp:

"Linh hồn tội nghiệp ơi,

Vì sao mà đến nơi này?

Có nghe chẳng gió âm heo hút?

Có thấy chẳng quỷ ác loăng quăng?

Mây sâu thăm đậm đầy trời giăng giăng!

Hồn tội nghiệp ơi, về đi thôi!

Hãy quay về quê hương làng xóm cũ,

Nơi đó,

Sườn non rậm rạp xanh rờn,

Sông trong dập dềnh sóng vỗ,

Trăng trong sáng, mặt trời chói chang,

Ồi quê ta mới thật là nơi ta sống...¹.

Trong "nói" tẩu âm phải nói đến hiện tượng "phúc ngữ" (lời nói phát ra từ trong bụng). "Phúc ngữ" tức là "quan vong trong bụng". Trước giải phóng ở vùng An Huy Giang bắc, và Tô Châu gọi là "linh cô" tức là người quan vong, nói ra từ bụng. "Linh Cô" được mời làm phép, sau khi đã ngắt, trong bụng phát ra tiếng lóc ọc, gọi đó là nói. Nội dung của nó, người sống phải suy mà đoán, đoán đúng thì bụng không kêu nữa. Hiện tượng này ở nước ngoài cũng có từ sớm. "Phúc ngữ" thật ra là một kỹ năng mà các thầy bói, các nhà tiên tri, người chiêu hồn rèn luyện lâu ngày mà hình thành, nhưng người châu Âu trước đây coi là một loại sức mạnh siêu tự nhiên và tin rằng người có thể "phú ngữ" là có thần nhập xác.

V. TỨ ĐẠI MÔN ⁽²⁾

Tứ đại môn là những hoạt động sùng bái bốn loài động vật: hổ li, sói lông vàng, nhím và rắn, một loại cầu thần nhập xác của người Mãn, người Hán ở các vùng Hoa Bắc, Hoa Đông và Tây Bắc trước giải phóng.

Người ta sùng bái bốn loài động vật kia vì chúng có một số thói quen gần với người và do ảnh hưởng tâm lý của những câu chuyện mê tín đồn đại về chúng. Trước kia ở những vùng dân cư thưa thớt, bốn loài vật này thường sống gần người. Vì sống lâu ngày gần người, chúng rất cảnh giác, nhạy cảm và tinh khôn. Nhất là loại

¹ "Qui Châu dân tộc nghiên cứu" số 2 - 1982 trang 133.

² Xem thêm "Bàn về tôn giáo nguyên thủy" và "Sơn Đông dân tộc" của Sơn Mãn, Lý Văn Bằng.

hồ li, khi gặp hiểm chúng rất khéo vờ làm đối phương bị mê hoặc. Tình hình đó để lại cho người ta một ấn tượng thần bí. Rắn lột xác và cái xác rắn cũng để lại cho người ta tâm lý sợ hãi. Tất cả những cái đó cộng với ảnh hưởng của những lời đồn đại mê tín đã làm người ta coi chúng là những loài vật linh thiêng và sùng bái chúng.

Trong bốn loài động vật ấy, người ta sùng bái nhất là hồ li và sói lông vàng. Trong dân gian, người ta kiêng gọi bằng hồ li mà gọi là "hồ tinh" hoặc là "ông hồ". Một số vùng ở An Đông, người ta còn tùy theo tuổi tác, giới tính, nghề nghiệp mà gọi là "hồ đại cô", "hồ tam gia", "hồ lão sư" v. v. Vì nghe nói hồ có thể đem lại họa phúc cho người, cho nên nó cần gì, người ta tìm cách thỏa mãn, cho rằng như vậy thì nó sẽ trả ơn, nếu không sẽ bị báo thù. Người rối loạn thần kinh nói năng bành động không bình thường, người ta nói rằng đã bị hồ tiên ám. Thế là đốt hương vàng, cúng tiền hồ tiên, lại phải kiểm điểm xem đã làm gì khiến hồ tiên phật ý để tìm cách bỏ cứu. Vì vậy nói chung người ta không dám làm gì có hại cho hồ li, trái lại cầu xin nó giáng phúc trừ họa cho người. Một số bà mo thấy cúng lập khám thờ hồ tiên, khoe được hồ tiên nhập xác để bói cho người khác.

Sói lông vàng được gọi là "hoàng tiên", "lão hoàng gia" được người ta sùng bái như hồ li. Phong tục mê tín hồ li, sói lông vàng rất phổ biến trước kia, ngày nay ở một số địa phương vẫn còn tục ấy.

Nhím và rắn xua kia được coi là vật thần, có người gọi là "thánh trùng" (vật thánh). Người ta đồn đại rằng chúng đến nhà nào thì nhà đó có thêm của cải, làm hại chúng sẽ bị hại. Nông dân Giao Đông cho rằng kho có mà có nhím thì có nhiều dốt không hết, lúa thóc ăn không hết, trên sà nhà có rắn thì chủ nhà giàu có. Có vùng

người ta gọi rần là "tiểu long" cho rằng nhà có rần là may mắn. Đông ách hề mát, rần lia bỏ nhà nào thì nhà đó suy bại, tai họa ụp xuống đầu. Người vùng ven Hoàng Hà tỉnh Sơn Đông gọi một loại rần nhỏ màu vàng là "kim long đại vương" sắp đến mùa mưa lụt phải tổ chức tế rần, cầu xin kim long đại vương cho thoát họa lụt lội.

Do ảnh hưởng của quan niệm vạn vật hữu linh, linh hồn bất diệt, các tín đồ tứ đại tin rằng bốn loài vật này đã biết tu luyện để từ phàm tục trở thành thần tiên. Trong tứ đại môn loài hồ li là tu luyện thành công nhất, có thể biến thành người hoặc nhập hồn vào người, mượn miệng người mà nói tiếng người. Đạt đến trình độ đó, nó sẽ "thành chính quả", trở thành tiên có thể đầu thai làm người.

Vu sư tứ đại môn là "đàn tiên" tục gọi "hương đầu". Người trở thành hương đầu, nói chung có hai loại. Một là tự cho rằng kiếp trước của mình đã là đồng loại với một tiên gia nào đó, hoặc do một tiên gia nào đó đầu thai chuyển kiếp mà thành, do đó muốn làm "hương sai" cho tứ đại môn, vì tứ đại môn "làm việc thiện, giúp người" là việc đương nhiên. Hai là đã từng mang bệnh lâu năm, bị coi là có tội với tiên gia mà bị phạt phải là hương sai, phục vụ cho tiên gia. Nếu không thì bệnh sẽ nặng thêm, không khỏi được.

"Hương đầu cầu thần" là nội dung chủ yếu của hoạt động mê tín tứ đại môn.

Nói chung có bốn hình thức như sau:

Một là sau khi thỉnh thần, thần nhập vào hương đầu, hương đầu đó vào trạng thái mê cuồng. Mọi lời nói của hương đầu lúc này đều được coi là lời thần.

Hai là thỉnh được thần đến, nhưng thần không nhập vào hương đầu. Hương đầu vẫn tĩnh táo như thường, nhưng được linh tứ của tiên gia gợi ý biết quan sát hương đầu, căn cứ vào đó mà đoán lành dữ họa phúc.

Ba là, thần không nhập vào hương đầu, hương đầu cũng không quan sát hương cháy, mà thần ngự vào khám thần, hương đầu nói chuyện với thần mà truyền đạt ý thần cho người. Bấy giờ tuy cũng đốt hương gõ khánh nhưng vì thần linh không nhập vào hương đầu, hương đầu cũng không vào trạng thái mê ảo.

Bốn là, cũng giống như khiêu thần, đánh trống nhảy múa "Vũ am huyện chí" ghi: Tiên hồ, tục gọi "thần hồ". Có nữ vu thay mặt thần mà truyền lời thần, nữ vu gọi là "sư bà", mỗi làng đều có... cứ đến tháng 2 tháng 3, các sư bà tụ họp, đánh trống cầu thần, trai gái nô nức đi xem, gọi là "hội sư bà".

IV. XƯỚNG THẦN TIÊN

Xướng thần tiên là tên gọi chung của tục cầu thần nhập xác. Tục giáng thần này chủ yếu là ở nước ta, nhưng ở các địa phương khác đi, dân tộc khác nhau, hình thức cũng ít nhiều khác nhau, tên gọi cũng khác nhau. Ví dụ người Hán ở một số địa phương gọi là "mê hồn" ở một số địa phương khác gọi là "Xướng thất cô nương" hoặc "xướng thất tị muội" dân tộc Miêu gọi là "tổ Miêu gia đạo" "tổ thái hoa thần" "thỉnh thất tiêm tị muội"; người Đông gọi là "thượng đào môn", "bái thất thư". Ngoài ra, người Dao, người Bố Y, người Choang, người Bạch gọi là "chơi động đào nguyên" "đương kính", "thỉnh nguyệt cô", "thỉnh thất cô thần". Dưới đây giới thiệu hoạt

động "xướng thần tiên" có phần khác nhau ở các vùng, các dân tộc khác nhau, không kể "mê hồn", "bái thất thư", "xướng thất tử muội".

1. XƯỚNG THẤT CÔ NƯƠNG

Ở đây chủ yếu giới thiệu xướng thất cô nương của dân tộc Hán vùng thị trấn Châu Lâm, huyện Quảng Nam tỉnh Vân Nam. Tác giả đã nhiều lần quan sát tại chỗ tục này.

Các bước chuẩn bị, tình hình từ trước khi người biểu diễn đi vào trạng thái mê cuồng cho đến lúc kết thúc biểu diễn, người biểu diễn tỉnh lại, về cơ bản giống như đấu âm quyền. Khi người biểu diễn đấu âm quyền khởi động tay chân chuẩn bị biểu diễn xướng thất cô nương thì người biểu diễn dùng nhạc điệu dân ca dân tộc Hán để hát về phong cảnh khác nhau của các vườn hoa trên các tầng trời (vườn hoa của mỗi tầng trời có một loại hoa riêng, khác với các tầng khác. Ví dụ vườn thứ nhất là vườn hoa đào, vườn thứ hai là vườn hoa quế...) và về niềm vui về cảm tưởng của thanh niên nam nữ cùng chơi vườn hoa với bảy nàng tiên nữ. Trọng ý nghĩ của họ, trời có 12 tầng, mỗi tầng có một vườn hoa lớn. Vì thế các cô gái chàng trai lần lượt hát về các vườn hoa từ tầng thứ nhất đến tầng thứ 12. Mỗi lần vào một vườn hoa mới, họ đều hát một bài, lời ca của những hoạt động này về đại thể lần nào cũng như lần nào, dưới đây ghi lại hai đoạn liền nhau làm ví dụ:

Hát:

Bảy nàng đưa ta dạo vườn (thứ) sáu,

Vườn sáu hoa nở đóa đóa tươi,

Đóa đóa tươi sao yêu thế,

*Hoa trà ngát hương thật mê người
(hát đối đáp nhau mấy phút)*

Hát:

*Bảy nàng đưa ta dạo vườn bầy,
Vườn bầy nở rộ mẫu đơn hoa,
Ngắt đóa hoa tươi cài cho chị
Hái thêm đóa nữa mang về nhà.*

Dạo hết mười hai tầng trời, người chủ trì ra lệnh "về nhà". Trước khi về nhà, người biểu diễn hát từ phía 7 nàng tiên. Ví dụ:

Hát:

*Bảy nàng tiễn ta về hạ giới,
Chân bước quay về tay nút hoa,
Đêm nay hái hoa đem tặng bạn,
Đêm mai hái hoa đem về nhà.
Chị chị em em sắp chia tay,
Đợi đến đêm mai lại tới đây,
Đêm mai nhất định phải đến sớm,
Ai ơi chờ muộn như đêm nay.*

2. THƯỜNG ĐÀO VIÊN

Hàng năm cứ rằm tháng riêng và rằm tháng 7 âm lịch, thanh niên nam nữ dân tộc Đông thường tụ họp tổ chức "thường đào viên". Trước hết đốt hương lễ bái, kính mời tiên cô giáng trần. Sau

đó từ 2 đến 4 thiếu nữ sắm vai tiên cô. Họ dùng khăn đầu trùm mặt, hai tay ôm gối ngồi trên ghế băng thấp, người ta dùng quạt phe phẩy quạt nhẹ cho các cô, luôn miệng hát "Xin mời bảy cô mau mau xuống, chớ có đi sát sau Âm sơn, phía sau Âm sơn nhiều sương mối, thấm ướt hài hoa bảy cô nương". Các thiếu nữ đóng vai tiên cô dần dần nhập định, đôi chân nhún nhẹ hát đối đáp với người trần. Đến lúc này, các cô hoàn toàn mất hết tri giác, biến thành một loại người khác. Người lúc thường ít cười ít nói, bây giờ hồi gì nói nấy; có người bình thường không biết hát, lúc này hát đối đáp như nước chảy, hỏi đến những việc lịch sử của tổ tiên, các cô cũng trả lời rõ ràng rành rọt. Như có thần linh nhập vào họ, họ thông hiểu mọi sự. Theo truyền thuyết đào viên là tiên giới, có vô số cửa, trong mỗi cửa như vậy đều có phong cảnh tuyệt trần. Người "thường đào viên" như được đặt chân lên tiên giới, những người đứng xem và hát theo dùng lời ca hỏi họ về cảnh vật tiên giới, họ sẽ tả lại cảnh trí của mỗi cửa. Người "thường đào viên" nói chung chỉ vào bốn cửa, có người vội vàng đốt hương đốt bùa tiễn thần, thôi thúc họ tỉnh lại, nếu không, cứ để họ đi tiếp thì sẽ không bao giờ tỉnh lại được. Người ta nói rằng có người vì "thường đào viên" mà mắc bệnh tâm thần, có người hôn mê mãi mãi mà không thể tỉnh lại được".

3. THỈNH NGUYỆT CÔ

Tục thỉnh nguyệt cô chủ yếu lưu truyền ở các vùng nông thôn dân tộc Choang huyện Tĩnh Tây khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây như Cừ Dương, Đại Đạo, Ba Mông, Cự Châu... Tiếng Choang gọi thỉnh nguyệt cô là "thỉnh nàng hai", tiếng Choang "nàng" có nghĩa là cô gái, "hai" là mặt trăng, dịch nghĩa là "thỉnh nguyệt cô".

⁽¹⁾ "Trung Quốc các dân tộc tôn giáo dữ thần thoại đại từ điển" trang 105 - 106.

Người ta mời "nguyệt cô" xuống trần, làm bạn với nguyệt hoa và hát cùng nguyệt cô, gửi gắm hy vọng của mình cho mặt trăng trong sáng, thể hiện sự hướng tới hạnh phúc trọn vẹn.

Thỉnh nguyệt cô thường được tổ chức vào đêm rằm tháng 8. Có nơi hoạt động này diễn ra từ đêm 13 đến đêm 16, 17. Trước khi bắt đầu, các cô gái trang điểm thật đẹp, dùng sợi bông đánh mặt thật sạch, lại tắm gội bằng nước lá ngải, xong rồi ăn mặc quần áo ngày hội. Nhà tổ chức lễ thỉnh nguyệt cô được quét trước, tưới nước lá bưởi thơm cho sạch sẽ. Khi trăng lên, người ta bày các loại quả cam, quýt, bưởi, mía, chuối tiêu, bánh trung thu, đốt nến và đem một quả bưởi cắm đầy hương đang cháy đặt lên đầu một ngọn sào cao hai trượng chôn trước hiên nhà, gọi là "triều thiên hương", đánh dấu chỗ nguyệt cô giáng trần. Tiếp đó, cô gái đóng nguyệt cô ngồi xếp bằng trên mặt đất, dùng ngón tay giữa bịt chặt mắt mình, đầu liên tiếp quay phải quay trái đó là quá trình đi lên cung trăng. Một đám cô gái chàng trai ngồi quanh nguyệt cô, ngoài ra còn rất nhiều người ngồi vây quanh để xem. Lễ thỉnh nguyệt cô bắt đầu. Các cô gái chàng trai tham gia lễ, liên tục hát dân ca dân tộc Choang từ đầu đến cuối. Nội dung lời hát ca bao gồm: thỉnh đông, lên đường, xuống trần, đối đáp và cáo biệt. Dưới đây là một đoạn lời ca theo trình tự nói trên:

Trước hết người lĩnh xướng hát "thỉnh miệt đông"

Ngày rằm tháng 8, trung thu đêm sáng trăng trong

Miệt đông ơi, lung ma lây

Nhà bày bánh trắng, chờ nàng trăng cùng hương.

Miệt đông hơi, lung trần lây!

Người lĩnh xướng hát xong, mọi người lại hát một lần nữa, "lung ma lây", "lung trăn lây" có nghĩa là "bạn đồng ơi, hãy xuống đây". Các cô gái Choang rất thích coi mình là bạn cùng tuổi với nguyệt cô. Để biểu thị nguyện vọng đó, họ thích tổ chức thánh nguyệt cô xuống phàm trần chung vui. Tiếp theo, khi người đóng nguyệt cô quay đầu liên tiếp, thì các cô gái hát những bài lên đường, qua rừng leo núi, lên mây, lên cung trăng, thể hiện bước đường gian khổ đi mời nguyệt cô. Ví dụ:

*Tắm nước lá bưởi, mặc quần áo mới
Đốt cháy hương triều thiên, mình đi ra nhà trên,
Qua rừng trúc lên núi cao, bước lên vách đá cheo leo
Vọt chín tầng mây cao, chị em mừng vào cung nguyệt.*

Sau khi vào cung trăng, các cô đón nguyệt cô xuống trần. Nguyệt cô theo các cô gái xuống trần, thấy cảnh trần tươi đẹp sung sướng ca lên:

*Bên đường hoa rộ rực rỡ, hương lúa gió thơm tho
Chị em nhà Choang ơi chăm chỉ
Bò lộn dây chuông thóc đầy kho*

Nghe hát vậy, mọi người biết nguyệt cô đã đến, mọi người mừng rỡ chào đón.

Gái hát:

*Miệt đông đã đến rồi,
Chị em lòng nở hoa*

Nam hát:

Nguyệt cô đã đến rồi

Mời trà, thỏai lòng ta

Thế rồi, các cô gái chàng trai mãi mê hát đối đáp. Lời hát khi thì hỏi việc cung trăng, khi thì ngợi ca cảnh đẹp, cũng có lúc hỏi đến những nhân vật lịch sử nhưng những lời yêu đương tình tự vốn chiếm phần lớn nhất.

Nhờ nguyệt cô làm mối, các chàng các nàng thổ lộ tâm tình. Ví dụ:

Nam:

*Anh năm nay tuổi đã hai mươi tám,
Chẳng bao lâu mặt trời xế thôn Đoài
Nỡ trông anh cô độc mãi hoài?*

Nữ:

*Hoa đỏ em trông bên luống đẹp,
Nào thấy dẫu bướm đến bên hoa
Vắng bướm ong, ôi tủi lòng hoa?*

Nguyệt cô:

*Đâu phải kẹo mà đem bày bán,
Chàng cùng nàng cảm tình lại lảng
Hoa hé cười gọi bướm làm thân
Mong sao cho duyên bén Tấn Tấn*

Ba bên đối đáp mãi đến khuya. Tương truyền nguyệt cô xuống trần nhất định phải trở về trước khi gà gáy sáng. Thế là chỉ

em nhà Choang phải hát lời tiễn biệt "Miệt đồng hãy gươm chờ về vội, chị em rút lệ ướt áo hoa". Nguyệt cô cũng hát lời hẹn ước: "Đêm mai xin lại đến, chúng ta cùng vui ca" Trờ vui "thỉnh nguyệt cô" đến đây kết thúc⁽¹⁾.

4. ĐƯƠNG KÍNH

Đây là hoạt động cầu thần nhằm mục đích vui chơi là chính của thanh niên dân tộc Bố Y. Hoạt động này thường được tổ chức vào các đêm của ngày lễ từ mồng 1 đến 15 tháng 7 âm lịch. Cách chơi là đặt một cái ki lớn ở sân hay trước cửa, trước cái ki đốt ba nén hương, mấy tờ tiền giấy, sau đó thầy mo đứng vào trong ki đọc thần chú, rồi đem khăn trùm đầu dơ lên mấy cái, xoay trên cái ki một vòng. Người "đương kính" ngồi trong ki, dùng vải phủ kín bàn chân, dùng khăn trùm kín đầu. Phần giữa khăn gấp chéo, bỏ thông hai mối vào trong hai tay. Chỗ góc nhọn của khăn bỏ mấy cây cỏ tranh đã được thầy mo niệm chú. Người "đương kính" phải có một thanh niên giữ ở phía sau lưng. Người "đương kính" im lặng một lúc rồi đi vào trạng thái mê cuồng. Người ta cho rằng lúc đó hồn người "đương kính" đã lìa khỏi xác mà lên tiên giới. Lúc đó nếu ai muốn mời người mình yêu đến để ca hát tỏ tình hoặc gọi người đã chết về trao đổi điều gì thì đốt ngựa giấy đã chuẩn bị sẵn, khi đốt mới nói thề ước nguyện của mình. Mấy chục phút sau, người "đương kính" run toàn thân, khóc nức lên từ thấp đến cao, từ chậm đến nhanh và trầm giọng ngân nga một điệu hát. Điều này chứng tỏ hồn anh ta đã vào được tiên giới và đã mời được thần nhập xác. Bắt đầu từ lúc này, người "đương kính" hai tay cầm hai cái khăn phe

⁽¹⁾ Theo "thỉnh nguyệt cô" của Đinh Thế Bái, Trừ Trung Cát. "Quảng Tây thiếu số dân tộc phong tình lục" NXB Nhân dân Quảng Tây, 1987.

phấy chậm hoặc nhanh trong những vai khác nhau, nói hoặc hát kể lại những điều tai nghe mắt thấy trên đường từ tiên giới trở về. Người ta kể từ tiên giới đến phàm trần, phải qua 15 cửa ải mà trừ ngày rằm tháng 7 ra, tất cả các ngày khác đều khoá. Qua mỗi cửa ải đều phải xin quỷ sứ giữ ải mở cửa cho đi qua, nếu không chịu mở cửa, phải đánh nhau, người "đương kính" phải dùng hết sức giấy dũa. Khi trở về đến phàm trần, người "đương kính" sẽ là tình nhân hoặc thân nhân của người đã đốt ngựa giấy mời về, cùng người đó trao đổi hay hát đối đáp. Cuối cùng, người ta đốt ngựa giấy đã chuẩn bị trước để tiễn thần trở về tiên giới và cuộc chơi kết thúc. Trò chơi này rất có kịch tính, được thanh niên Bồ Y ưa thích.

5. DU ĐÀO NGUYÊN ĐỘNG

Là một trò chơi có liên quan đến tục cầu thần nhập xác của người dân tộc Dao trước kia, thường được tổ chức vào ngày tết âm lịch. Vào dịp tết mọi người tụ tập vui chơi dưới sự hướng dẫn của thầy bói biết cầu đồng hoặc một người nào khác biết thuật du đào nguyên động. Những người thích ngồi chơi xếp hàng trên ghế băng, tay người này để lên đùi người kia, nhắm mắt nghe thầy hướng dẫn đọc chú. Một lát sau hai chân những người tham gia tự nhiên cứ run lên và họ ở vào trạng thái một phần bị thôi miên. Nếu người chơi là thanh niên nam nữ thì họ sẽ hát tình ca, nội dung lời ca đại thể là ở động đào nguyên có rất nhiều hoa đào, có rất nhiều nam thanh nữ tú cùng vui đùa với họ, họ được thấy đất đai tài nguyên phì nhiêu, họ được gặp lại những những người thân yêu đã quá cố.

6. TỔ MIÊU GIA ĐẠO (TỔ CỐC THẦN)

Đây là một lệ tục sùng bái thần ngũ cốc được giữ gìn và lưu hành phổ biến trong người dân tộc Miêu ở huyện Đan Trại tỉnh Quý Châu. Hàng năm, từ đầu đến giữa tháng 7 âm lịch, lễ tối đến thanh niên nam nữ tụ tập trên những bãi đất trống gần thôn trại, ngồi trên những chiếc ghế con, để người ta dùng khăn thắt lưng bịt mắt lại. Mỗi người biết "thôi xuống từ" xuống ruộng ngắt mấy cái lá lúa xanh tươi (tức tượng trưng cho thần lúa) đặt vào sọt mang bên lưng (trong sọt để mấy cái chuông nhạc ngựa). Khi trở về họ đặt những cái lá lúa lên đầu người tham gia trò chơi. Những người chơi dùng ngón tay vút trà lại, ai biết hát "thôi xuống từ" vừa rung chuông nhạc ngựa vừa hát lời thúc giục những người "tổ Miêu gia đạo" lên đường đi "âm phủ".

Cách điệu "tổ Miêu gia đạo" khác hẳn với "xuống thất cô nương" là vui tươi, thì "tổ Miêu gia đạo" rất thảm thiết. Người "tổ Miêu gia đạo" dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn đi xuống "âm phủ". Trên đường gặp vong linh người chết trẻ thì hát bài hát buồn, gặp vong linh bố mẹ thì khóc lóc thảm thiết. Cuối cùng đi đến "chỗ đẹp nhất" mới quay về. Về đến nhà, người hướng dẫn phun vào họ một ngum nước lạnh thì họ tỉnh lại, hỏi những việc vừa qua, họ không biết gì cả. Người chơi "Miêu gia đạo" bình thường không biết hát, thế mà khi làm "Miêu gia đạo" họ hát rất giỏi. Người ta nói "cốc thần" đã dạy họ hát, hoặc là cốc thần mượn miệng họ mà hát.

7. THỈNH THẤT CÔ NƯƠNG

Là một hoạt động cầu thần nhập xác của phụ nữ và trẻ con dân tộc Bạch huyện Tang Thực tỉnh Hồ Nam, thường được tổ chức vào dịp tết. Hoạt động này chủ yếu mang tính chất một hoạt động vui chơi.

Truyền thuyết cho rằng Ngọc đế trên trời có 7 cô con gái, cô nào cũng đẹp nghiêng nước nghiêng thành, đặc biệt nàng 7, không những tài sắc tuyệt vời mà lại rất nhân từ khoan hậu, thích cùng vui với dân, thỏa mãn mọi yêu cầu của dân. Vì vậy hàng năm vào tháng giêng âm lịch, phụ nữ dân tộc Bạch đều mời nàng bảy xuống trần cùng vui chơi.

Quá trình cụ thể của một cuộc "thỉnh thất cô nương" là ở giữa nhà đặt một cái bàn, viết bài vị của bảy cô tiên, dâng hương, hoa, nến, quả, chọn một đôi nhi đồng một nam một nữ vừa tròn 12 tuổi đang còn đủ cả bố mẹ, con ngồi trước bàn, dâng khăn hoặc vải bịt kín cả đầu, mặt phụ nữ và các trẻ em khác ngồi dưới trước bàn, đồng thanh hát "lời mời bảy tiên cô", phải hát liên ít nhất bảy lần, thế là hai em bé gái trai đã chọn sẽ đi vào trạng thái mê cuồng, theo nhịp trống vừa múa vừa hát¹⁾.

8. TỔ THÁI HOA THẦN

Tục này chủ yếu được giữ lại trong dân tộc Miêu, huyện Hoàng Bình, miền Đông tỉnh Quý Châu. Vì hoạt động này phải tiến hành trong mùa cái đầu ra hoa, cho nên mới có tên gọi "thái hoa thần" ("thái hoa thần" có nghĩa là "thần cái đầu" - ND). Hoa chưa nở hoặc đã tàn, không thể tổ chức được.

¹⁾ Trung Quốc các dân tộc tôn giáo dữ thần thoại từ điển" trang 24

Theo giới thiệu của Thẩm Phi trong "Miêu linh phong thái" số 6, thời gian cụ thể để làm "thái hoa thân" là từ sau tết (âm lịch) đến tháng 3 (dương lịch). Sau khi ăn cơm tối xong, các cô gái cắm mấy nén hương và mấy tờ tiền giấy đến nhà nào rộng rãi để làm "thái hoa thân". Thấy cúng được mời đến, giữa nhà đặt một thùng gạo hoặc cám, cắm lên đó bảy cái hương, bày ra 7 cái chén có rượu, hai cái bát to nước trong, đốt đèn dầu cải cho sáng. Bên kia bậc cửa đặt một cái ghế bằng cao chân làm "ngựa" chuẩn bị xong xuôi, những người tham gia ngồi trên ghế băng (ngựa), dùng một khăn vuông hoặc miếng vải đen bịt kín mặt. Thấy cúng phun lên người hoặc lên khăn bịt mặt họ một ít nước đã hoà tàn hương, tàn mà thấy cúng đã nghiêm trang niệm chú, hai tay đánh vòng tròn trước ngực. Khoảng mười phút sau, hai chân của "thần hoa cải" (cũng tức "thái hoa thân") tự nhiên cứ run bắn lên. Hai mươi phút sau thì bỗng nhảy lên, hơi thở gấp gấp hỗn hển. Đó tức là "thần hoa cải" lên đường. Thần đi đi lại lại trong phòng và hỏi người dẫn đường mượn chìa khoá để mở cổng tiền giới.

So với các loại nói trên, về cách điệu cũng như về một số biểu hiện cụ thể, làm "thái hoa thân" có những đặc điểm riêng. Về cách điệu thì các hình thức nói trên hoặc vui, hoặc buồn, rất rõ ràng, còn làm "thái hoa thân" thì vừa có vui lại vừa có buồn. Về hình thức, các loại trước chỉ có nói, hát, không có động tác (phần lớn là ngồi hát, nhiều nhất chỉ có ngồi trên ghế dầm chân, múa tay chỉ có "thỉnh thất tiên cô" là múa theo nhịp trống) còn cầu thần hoa cải thì vừa có hát, nói, lại có cả động tác. Trong tình trạng mê cuồng, người làm thái hoa thân khi thì khóc lóc, kể lể như say như si, lúc thì hát tình ca dạo chơi đây đó, có lúc lại thổi kèn bầu múa nhảy. Cuối cùng thần thái hoa theo chỉ dẫn của vu sư mà trở lại nhân gian.

2

ĐÁM NẤM ĐỘC LÒE LOỆT: NHỮNG CHỦNG LOẠI CHỦ YẾU CỦA THỦ TỤC CẦU HỒN (HẠ)

I. PHÙ KY

Phù ky còn gọi là phù loan lại còn gọi là "thần bốc", "quan liên kiệu", "giáng bút"... Các chữ "loan" đáng nhẽ đều phải viết chữ "loan" là chim loan. Gọi là phù loan, phi loan là vì thần cưỡi loan đến để giáng bút cho chữ.

Về nguồn gốc của phù ky có người cho rằng rất cổ. "Hong phạm" thất kê (chữ thất kê trong thiên Hồng phạm Kinh thư. . ND) Có lẽ là chỉ việc này. Đại để vì cho rằng chữ "Ky" tức chữ "kê", có nghĩa là kê cứu để khỏi nghi ngờ"⁽¹⁾, có người lại cho rằng "xưa kia

⁽¹⁾ "Trung Quốc thời miên thuật" của Lô Khải Phong. Xem Đông phương tạp chí" số 3, quyển 14.

chưa thấy nói đến phù ky, mãi đến đời Đường mới thấy¹⁾. Quan niệm cho rằng rất cổ (đã nói đến trong "Hong phạm" chưa có căn cứ vững chắc, còn quan niệm sau cũng chỉ là phỏng đoán. Trên thực tế, từ trước đời Đường đã nói đến phù ky. Phái Thượng Thanh trong Đạo giáo thời Ngụy Tấn đã dùng phương thức cầu thần phù ky để viết 31 quyển "Thượng Thanh đại đồng nhân kinh" lưu truyền bằng cách thầy trò bí truyền cho nhau trong đạo Thần tiên. Trong tác phẩm "Di uyển" của Lưu Kính Thúc đã có ghi chép rõ ràng về phù ky²⁾.

Thần trước hết được cầu để xin chữ trong phù ky là Tử cô. Tử cô còn được gọi là "Khanh tam cô", "Khôi thất cô" hoặc "Nguyệt cô". Theo "Tam giáo sơn thần đại toàn". Tử cô vốn họ Hà, tên là My tự Lệ Khanh người Lai Dương, Sơn Đông, từ nhỏ thông minh tuệ mẫn, được học hành, về sau bị nạn làm thiếp, bị vợ cả ghen giết chết trong chuồng xí vào ngày rằm tháng giêng, về sau trở thành thần "chuồng xí", hàng năm cứ đến tháng giêng thì "hiển linh". Các cô các bà tin thờ Tử cô cứ đến tối ngày rằm tháng giêng (tết Nguyên Tiêu) thì làm lễ đón ở chuồng xí. Hình thức đầu tiên là cắm dũa lên cái ku hót rác, chụp lên một cái khăn làm hình Tử cô, cho người giữ lấy, vừa rước vừa khấn: "Chồng con đi vắng cô Tào cũng về, Tử cô có thể ra chơi". Khi người bê cái ky hót rác cảm thấy nặng tức là thần đã đến, bày rượu và hoa quả cúng, thế là nhảy tâng tâng, người ta theo số lần nhảy mà đoán lành hay dữ hoặc thuận nghịch cả năm. Về sau hình thức phù ky thay đổi dần theo hai hướng dưới đây:

¹⁾ "Nghiên cứu về thuật phù ky mê tín" của Hứa Địa Sơn, trang 15.

²⁾ Đoạn giới thiệu về hình thức ban đầu của phù ky là theo sách đó.

Một là biến thành trò chơi dân gian cầu thần rá (thỉnh trú lam thần) cầu thần bàn (thỉnh trái thần), cầu thần ghế (thỉnh ý thần) cầu thần đĩa (thỉnh khoái thần) v.v... Lấy đồ dùng trong nhà, trong bếp làm đạo cụ (cầu thần rá có khi cũng để xem bói)¹¹.

1. CẦU THẦN RÁ (THỈNH TRÚ LAM THẦN)

Cầu thần rá là một trò chơi của các thiếu nữ nước ta thời xưa. Mùa xuân ngày dài nữ công rỗi rãi các cô gái tụ hợp vui chơi, thường đốt hương ở cửa, dùng quần áo trùm lên cái rổ hoặc cái rá, buộc cái gáo dừa vào chỗ tay cầm, như cái đầu người. Một (hoặc hai) cô bưng trên tay đưa đi đưa lại, khe khẽ hát khúc hát gọi thần, các cô khác họa theo. Một lát sau, cô gái ngừng tay nhưng cái rá vẫn dung đưa không ngớt. Thế là các cô xúm lại hỏi, cái rá dung số lần dung đưa để trả lời. Nếu có một người xa lạ đến, hỏi tuổi người đó cái rá sẽ dung đưa một số lần bằng số tuổi của người đó. Hỏi người đi xa năm tháng nào thì hết, cái rá cũng dung số lần dung đưa để trả lời. Trường hợp thiêng nhất là đặt rá trên cái ghế, cái rá vẫn lắc lay không ngừng, phải chờ đến khi các cô gái hát bài hát tiễn thần về thì cái rá mới dừng lại. Thí dụ, trước đây ở Quảng Châu có tục "Thỉnh lam cô" (Cầu cô rá): dùng gáo dừa đặt lên cái rá đem quần áo con gái vây quanh cái rá. Đó tức là "cô rá". Khi chơi hai cô gái ngồi xếp bằng trên mặt đất, dùng cả hai tay đỡ lấy cái rá, phía trước đặt một ghế băng thẳng, các cô gái đồng thanh bài hát mời cô rá:

Mời thần rá

Mời nàng rá

¹¹ Nói "diễn biến theo hai hướng", như sách lại nói một hướng có "một lá" mà không tìm thấy "hai lá"... ND

Nàng là con gái nhà núi phật

Nàng là con gái nhà thị thành

Mẹ chồng nghiêm khắc bảo nuốt vàng tự sát

Chồng cũng tàn ác bảo từ giã cõi dương

Nếu thần rá đến, cái rá được dùng làm thần rá sẽ liên tiếp cúi đầu vái chào cái ghế thấp. Các cô gái liền xúm lại hỏi thần rá tuổi tác và một số điều khác, thần rá sẽ dùng số lần cúi đầu để trả lời.

2. CẦU THẦN BÀN (THỈNH TRÁI THẦN)

Cầu thần bàn cũng gọi là "bát tiên chuyển trái" là một trò chơi gia đình hồi trước. Nhà có đám cưới hỏi bạn bè khách khứa nhộn nhịp. Giữa lúc cao hứng, hiếu sự bèn lấy bát sành, rót đầy nước vào đó dốt bùa trong bát, đặt giữa nhà lại đem một cái bàn bát tiên dựng ngược, để cho mặt bàn được đỡ trên miệng bát thật ngay ngắn, bằng phẳng. Thế rồi bốn người mỗi người dùng một ngón tay chạm vào chân bàn, miệng lẩm nhẩm niệm chú: "Trời trong xanh, đất linh thiêng, tín đồ đệ tử xem thần bàn..." Một lát bàn động, người cũng đi theo bàn quay nhanh dần, kéo theo bốn người phải cật lực chạy theo, chân không được dừng, tay không được rời bàn. Những người ngồi xem được một phen cười nghiêng cười ngả. Những người chạy theo, có khi chạy theo không kịp, mồ hôi nhễ nhại. Ai mệt quá có thể cho người khác thay, cứ thế chạy mãi. Cuối cùng phải dốt hương dốt bùa giải thoát, bốn người mới dần dần dừng lại mà thở hổn hển, mỏi khuỷu cả chân. Những người dự chơi đều nói rằng khi chạy nhanh, tự mình không thể cưỡng lại được. Mãi đến khi dừng hẳn, nước trong bát vẫn không hề tràn ra ngoài. Hiện nay vùng Liêu Thành Sơn Đông vẫn còn hình thức chơi tương

tự như thế. Năm 1968 Trương Kế Tường, thầy thuốc chữa bệnh bằng công năng đặc trị khi đang học ở trường nông nghiệp đã từng tận mắt chứng kiến trò chơi thần kỳ này trong trẻ em nông thôn địa phương. Trên mặt đất đặt một cái bát đựng đầy nước, trên bát đặt một bàn vuông nhỏ, bốn người đứng bên phía trên mỗi góc bàn, bốn người dùng ngón tay chỉ theo chiều kim đồng hồ, thế là cái bàn xoay đi mỗi lúc một nhanh, thật đúng là một chuyện kỳ lạ.

3. CẦU THẦN GHẾ

Tục này chỉ thấy ở vùng nông thôn Quảng Tây, Vân Nam. Vu sư nhìn vào hai cái ghế tựa lảm nhảm đọc chú, đốt hương và bùa. Một lát sau, hai cái ghế tự nhiên nhảy chồm chồm, lao vào nhau như hai người đánh nhau, làm những người chứng kiến không nhịn được cười. Nếu vu sư không ra lệnh ngừng lại, hai cái ghế cứ thế mà đánh nhau mãi. Nhưng khi vu sư sờ tay vào cái ghế một cái thì dừng ngay lại. Cảnh này tác giả đã chứng kiến tận mắt tại Vân Nam.

4. CẦU THẦN ĐŨA

Cùng là một trò vui gia đình trước đây. Có hai cách: Một là khi rỗi rãi, các cô các bà lấy một đôi đũa tre đặt lên bàn, mọi người nhìn chăm chú vào đôi đũa và hát những khúc hát mê hồn quan. Một hồi sau, đôi đũa sẽ cựa quậy, dựng đứng dậy hay nhảy lên tung lên cao, đánh nhau không ngơi. Mãi đến khi các cô các bà hát bài ca giải thoát, đôi đũa mới dừng lại. Tục này trước đây rất phổ biến ở nông thôn. Hai là, đêm tháng tám, trăng sáng, trẻ con cầm một chiếc đũa trong lọ đựng đầy gạo, một chiếc khác đặt ngang trên đầu chiếc đũa dựng đứng, sau đó tay cầm hương miệng đọc: "Đầu đũa, đôi đũa lắc đầu đũa vênh vênh gấp thức ăn, đôi đũa lắc lắc gấp cơm

bánh". Một lát sau, chiếc đĩa gác phía trên di động. Lần hơn nữa, chiếc đĩa sẽ chuyển quanh hết vòng này đến vòng khác. Nếu không xảy ra chuyện, ít khi thấy đĩa rơi.

5. CẦU THẦN KÝ

Tục này các vùng đều có, nhưng hình thức hơi khác nhau giữa các vùng. Ở đây chỉ nói về hình thức cầu thần ký ở các làng Chiêu Viễn, Hoàng huyện, tỉnh Sơn Đông. Dùng một bát nước, một cái cân đòn, một cái giống và một cái ký (dùng để sảy). Các cô gái dùng ngón tay đỡ cái ký miệng khấn: "Mồng một tháng giêng (hoặc ngày rằm tháng giêng) trăm cơ linh, tôi mời thần ký đoán số mình. Trong như nước, sáng tựa như gương. Cân nhỏ không nặng hỏi cân lớn, hỏi xem hôn nhân thành hay không thành". Ai muốn hỏi người đó khấn. Nếu nước trong bát tự nhiên lay động thì có thể hiểu là gặp người chồng vừa ý¹¹.

Ngoài ra có thể dùng ký đựng, sàng gạo, rọ lợn, chổi, cành cây, lá cối và có buộc thành hình người, dùng gỗ, quả bầu, môi xúc cơm, môi vớt thịt v. v... làm đầu, vẽ mặt mày, đeo hoa, mặc quần áo phụ nữ vào đều có thể cầu thần. Khi thần đến, xem hình nộm gật hay lắc đầu để đoán định hôn nhân mùa màng tốt hay xấu.

Ví dụ:

Người Ngai Luân Xuân nếu đi vắng bị lạc đường, sẽ buộc một vọt chao lên một cành cây có cháng, rồi mặc quần áo cho, sau đó rung cây làm cái vọt chao dao động, cự ly lớn nhất (Lấy trung

¹¹ Theo "Sơn Đông dân lục" của Sơn Mạn, Lý Văn Băng, Sơn Đông hiến nghị thư xã xuất bản, 3-1988, trang 19.

tám thân cay làm khởi điểm) theo hướng nào thì hướng ấy sẽ là hướng ra khỏi bến mê.

Ở vùng Nhân Hoài, tỉnh Quý Châu người ta buộc cái chổi thành hình người, cho mặc quần áo, đốt hương hươ chung quanh khăn ba bốn lần, cho hai cô gái nhỏ cầm lắc mà đi. Nếu thấy hơi nặng hơn, hai người vẫn cầm ngay thẳng, không được đổi tay, đổi tay thì mất linh nghiệm. Tiếp đó dâng rượu để hỏi công việc, nếu gặt đầu là ứng nghiệm. Như hỏi thời tiết, gặt đầu là nắng, không gặt đầu là mưa. Có người hỏi đũa nhiều lần, hình nộm đứng yên bất động. Trẻ con trong xóm thường chơi trò chơi này trong tháng giêng¹.

Ở huyện Thanh Bình tỉnh Vân Nam, cứ đến tháng giêng âm lịch, dân bà con gái có tục "thỉnh thất cô nương" (khác với trò "thỉnh thất cô nương" đã nói trên): dùng một cành cây anh đào hay cây liễu có cháng, đầu có cháng coi là chân thất cô nương, đầu không có cháng buộc một quả bầu, dán giấy trắng lên, vẽ hình mặt mũi miệng, tô son trát phấn, làm cái đầu của cô thất nương. Phía dưới đầu buộc một mảnh tre cong, làm tay thất cô nương. Hai đầu tay buộc với nhau bằng một sợi dây thừng dài một thước, trên dây thừng xỏ mấy đồng tiền đồng. Đầu có cháng dùng vải buộc thành hình chân, dán hải hoa. Sau đó mặc cho áo đỏ, quần xanh. Trang điểm xong, giấu ở buồng xí và tìm bảy tờ giấy phong cửa của bảy nhà. Đến khi sắp cầu thần không cho dân ông con trai nhòm ngó, bí mật đốt giấy phong cửa, lại đốt bảy đôi vàng giấy, tiền vàng bảy đồng. Và sau đó thỉnh thất. Cô nương từ buồng xí lên nhà trên, do hai người khênh. Sở phụ nữ có mặt đồng thanh nói:

¹ "Tang tư Nhân Hoài sanh chí" (bản khắc gô nam 28 Quang Tự).

Hỡi thất cô nương,
Mọi người đều là bạn nàng
Muốn chơi cho vui xin mời đến
Cửa sau gà gáy
Cửa trước chó sủa
Làm cô nương hỡi đều không phải.
Nhốt gà lại

Cột chó lại

Tránh đường cho cô nương đi.
Cô nương lại
Mọi người vui
Cô nương lại
Mọi người cười
Tóc cô nương. Tóc thế nào?
Vừa bóng vừa mượt như tơ biếc
Mặt cô nương. Mặt thế nào.
Mặt như hoa đào tươi roi rói
Mắt cô nương
Như mắt phượng
Mày cô nương
Ấy mày ngài

Mũi cô nương

Mũi tái mặt

Miệng cô nương

Miệng anh đào

Răng cô nương ra làm sao?

Ba mươi sáu chiếc như gạo ngự

Lưng cô nương ra làm sao?

Như liễu uốn trong gió thổi

Chân cô nương như thế nào?

Bàn chân hai tấc, hài hoa ba tấc.

Đọc nhiều lần thần thất cô đến thì nhảy lên liên tiếp. Mấy đồng tiền đeo trên tay sẽ leng keng rung mãi. Bảo sàng gạo sẽ làm như sàng gạo. Bảo vái chào sẽ làm ra vẻ vái chào. Khi thất cô nương nhảy nhanh nhất, những bàn tay đang giữ buồng hân ra, thất cô nương vẫn nhảy, nhưng dễ đổ, phải có người giữ. Đây là chuyện lạ⁽¹⁾.

Lại ở vùng thị trấn Châu Lâm huyện Quảng Nam có tục cầu thần rọ lợn. Cách làm là xỏ ngang dọc hai cái gậy gỗ vào cái rọ chứa lợn con thành giá chữ thập cái gậy dọc là cổ, gậy ngang là tay, rọ lợn là thân. Trên cổ lồng vào một quả bầu làm đầu, mặc quần áo cho cái rọ lợn. Sau khi trang điểm xong cho một người giữ cho cái rọ lợn đứng được. Vu sư bên cạnh đọc chú. Một lát sau "Thần rọ lợn" sẽ nhảy lên nhảy xuống. Giữ càng chặt thì sẽ nhảy càng nhanh

⁽¹⁾ "Trung Hoa phong tục chí" thiên hạ quyển 8.

càng cao; trái lại thì càng chậm càng thấp. Hối lạnh dữ thì gặt đầu hoặc lác đầu. Gặt là thuận, lác là nghịch.

Một hướng diễn biến mới của phù ky là cắm đũa trên cái ky. Đặt trên bàn cát. Về sau cái ky đổi thành cái giá gỗ chữ thập, phía ngang đứng có một cái cọc gỗ nhỏ như cái chày đập. Người ta dùng ngón tay trở đồ hai đầu thanh gỗ ngang của giá chữ thập, đầu có cọc gỗ nhỏ để trên bàn cát. Đốt hương vẽ bùa, cần thờ thần bản địa, chỉ đích danh mời một vị tiên nào đó giáng đàn. Chờ yên một lát, cái cần ki tay động. Khi vẽ hình, khi để thơ, tự viết họ tên, có khi chính là vị tiên vừa được mời, có khi là một vị tiên khác thay mặt, phần lớn là những danh sĩ cổ. Những người có mặt thờ là đứng cả đây, người hối lạnh dữ, kẻ hỏi điều bán khoán nghi ngờ, có người xin chữa bệnh, xin đơn thuốc tiên, có khi trúng, có khi không trúng, có khi đáp, có khi không đáp. Việc này rất thịnh hành trong đời Thanh và thời cận đại, hầu như mọi đô thị, mọi phủ huyện đều có ky đàn. Các văn học sĩ đương thời rất thích xướng họa thơ phú với tiên, có khi hay, có khi không hay, không nhất thiết hay hoặc dở. Một số cú sĩ (học trò thi - ND) làm câu đối, đoán câu đố, bàn luận văn chương, thậm chí luận bàn quốc sự, thỉnh thị để thi, v.v... với tiên. Mọi người hết hứng thì đốt bùa tiễn tiên, cũng có khi không chờ tiễn mà đi, lúc đó cái ki đứng yên bất động, người phù ki cũng trở lại trạng thái bình thường, không có gì khác, chỉ cảm thấy hơi mệt. Hối vừa rồi tiên cho những lời gì, thì hoàn toàn không biết gì hết. Nhiều văn nhân học sĩ coi đây là trò chơi phong nhã, còn quần chúng trăm họ thì đây là cách xem bói, xin đơn thuốc, cũng có kẻ lợi dụng mưu lợi. Trong tiểu thuyết và bút ký Minh Thanh có nhiều chỗ nói về sự linh nghiệm của phù ki, dân thường thì tin tưởng như

thần. "Nhiều nhân sĩ trí thức có đạo hạnh, ít ai không bị mê hoặc vì việc này"⁽¹⁾.

Lại còn lợi dụng phù ki để phát triển tôn giáo, dùng phù ki để thuyết giáo. Các tôn giáo bí mật trong dân gian rất thịnh hành việc này. Ví dụ như "Liễu phạm huấn tứ thư" của đạo Qui nhất, mấy chục lời dạy "Tam giáo chính tông" đều nhờ phù ki mà có. Nhiều đàn huân của Nhất Quán đạo cũng từ phù ki mà ra.

Trong phù ki còn có dùng bầu, rọ thay cho giá chữ đỉnh. Dùng quả bầu thì gọi là "câu thần bầu", dùng cái rọ thì gọi là "phù la" (giữ cái rọ - ND).

Câu thần bầu: "Phụ nữ khuê phong thường đón thần bầu vào dịp năm mới. Lấy một cái áo trong bếp, trên buộc một chiếc đĩa, hai người lấy tay đỡ. Đọc chú xong, chiếc đĩa trên cái gáo tự động viết chữ, người trong nhà hỏi lành dữ..."⁽²⁾.

Phù là: Dùng cái cặp cặp một đầu có rọ, một hoặc hai người nhẹ nhàng đỡ lấy hai đầu kia của rọ, dưới rọ rải tro hoặc cát mịn. Lúc này, nếu hỏi chữ hoặc hỏi việc, cái rọ tự di động, dưới rọ sẽ hình thành lời đáp bằng chữ Hán. Tục này vẫn còn. Năm 1978, thầy thuốc chữa bệnh bằng công năng đặc dị Trương Dung Tường đã tận mắt chứng kiến ở Liêu Thành, Sơn Đông.

Trong nhiều dân tộc nguyên thủy trên thế giới cũng có tục phù ki, thậm chí ở các nước phát triển Âu Mỹ cũng có, các từ Goscino- mancy tiếng Anh vốn là do từ Hy Lạp, kivod (ky, sàng) mà ra. Từ mancy vốn có nghĩa là thuật bói. Cách phù ky của các

⁽¹⁾ "Trình Đồng am bút ký"

⁽²⁾ "Phong tục mê tín Hồ Nam" trong "Trung Hoa phong tục chí" quyển 6, thiên hạ.

nước Âu Mỹ cũng tương tự phù ky nước ta. Các hình thức phù ly Âu Mỹ hiện nay chủ yếu là:

Ván quay: Dùng một mảnh ván gỗ, hình như cái lá hải đường, dưới hai đầu lắp chân ngấn, lắp bánh xe. Phía góc đỉnh khoan một cái lỗ nhỏ, cắm một cái bút chì vào đó, đặt trên một tờ giấy trắng. Người dùng tay ấn mảnh ván, tập trung mọi chú ý vào đó. Một lát, mảnh ván tự động quay, có thể vẽ hình, viết chữ, cũng có thể làm văn thơ để nói lành dữ, giải quyết nghi ngờ, thật ra chỉ khác phù ki nước ta cái tên gọi mà thôi. Cách này thịnh hành ở Âu Mỹ.

Bàn xoay thiêng: Trên tám ván có chữ cái hoặc chữ số lắp vào một cái kim chỉ hướng. Người sử dụng dùng đầu ngón tay đặt lên mảnh ván có dính kim chỉ hướng, nhờ sự vận động vô ý thức của cơ bắp mà di động cái kim, tạo ra thông tin.

Con lắc: Trên biểu đồ lắp một con lắc, phải xác định trước động tác gì của con lắc là biểu thị "phải" hoặc "không phải". Người ta cho rằng cách lắc của con lắc có thể chỉ thị khí vận may hay rủi khi ta hỏi nó.

Bàn tự động va chạm (cũng tức thuận bàn nghiêng): Thường một đám người ít nhất là hai người ngồi quanh một cái bàn, đặt tay lên mặt bàn và yêu cầu bàn trả lời một câu hỏi. Nếu cái bàn nghiêng đi đến mức một chân bàn có thể gõ nhẹ lên mặt sàn thì người ta sẽ theo những ám mã định trước mà được câu trả lời. Ám mã có thể là lấy số lần gõ mà tiêu biểu cho "đúng" hoặc "sai", cũng có thể cứ đọc bảng chữ cái, đọc đến chữ nào mà bàn ngừng gõ thì cứ theo đó mà ghép thành từ đáp án.

Hồ cầu ly: Cách này chủ yếu thấy ở Nhật Bản. Dùng ba cành tre đan chéo nhau đỡ một cái chậu, ba người ngồi chung quanh, dùng tay đè nhẹ vào cái chậu, một người khấn, cái chậu tự nhiên cử động. Người ta căn cứ vào hướng cử động của cái chậu mà đoán định lành hay dữ.

Ở Châu Âu cũng có hình thức phụ kỳ gần giống như Hồ cầu ly của Nhật Bản. Dùng ba cái gậy, cột điểm giữa với nhau, sau đó dương ra thành một cái giá ba chân đặt trên mặt đất, trên giá đó đặt một cái đĩa, người ngồi chung quanh, mỗi người đặt một tay lên đĩa, toàn thân thẳng đuột, bất động. Mấy phút sau, cái giá ba chân phía dưới sẽ tự động nhảy lên, viết thành chữ hoặc vẽ thành hình, hoặc giả có thể theo dấu vết để lại của nó trên mặt đất mà đoán lành, dữ.

II. VIÊN QUANG

Viên quang cũng gọi là "quái ảnh" là một phong tục quan sát mặt của một vật phản quang như mặt gương, mặt lưới dao, lưới kiếm, mặt nước, qua cảnh tượng phản ánh trên đó mà đoán lành dữ, họa phúc. Tục này đã được ghi chép trong tiểu thuyết, bút ký cổ đại nước ta. Trong "Di Kiền chí" của Hồng Mại đời Tống đã có nội dung "Địch xưng quái ảnh". Sách "Lăn học am bút ký" của Lục Du cũng ghi chép về viên quang. Tục viên quang có trong các dân tộc Hán, Dao, Nga, Ngạc Luân Xuân, Tây Tạng v.v... Người Hán ở một số địa phương, khi mất trộm, mất cắp thường mượn viên quang để tìm. Cách làm là dùng một chậu nước hoặc một cái gương, hoặc cắt giấy thành hình tròn dán lên tường v.v... Người làm phép đốt bùa, niệm chú, cho trẻ con hoặc chính bản thân mình nhìn kỹ vật đặt

ra(?)¹¹, thì cánh vật bồng hiện ra trong gương, trên mặt nước hoặc tờ giấy trắng sẽ được thu vào mắt người làm phép hoặc đứa trẻ. Người này kể những gì đã thấy với người: nhà cửa thế nào, đường sá ra sao, có những ai ra vào... Nếu vật mất là bị trộm, thì kẻ trộm đã lấy đi như nào. Nếu chủ đánh rơi vật mất ở chỗ nào không biết thì sẽ kể lại những gì đã thấy. Xong rồi người làm phép đốt bùa, niệm chú, cánh vật sẽ mất. Người mất nếu nói truy tìm, thì nghe nói "thường thường linh nghiệm". Thí dụ "Hợp Xuyên huyện chí" viết: "Trong dân gian, nếu vô cớ mất của cải gì, không biết tìm ở đâu thì mời thuật sĩ về nhà, cầm một cái đĩa sứ, dùng dầu thơm bôi xoa, bên cạnh đốt hương thấp đèn, dùng ngón tay giữa sờ kỹ trong đĩa, một lát sau, thuật sĩ nhìn kỹ cái đĩa nói rõ đáng người đã nhìn thấy, là trai, gái, già, trẻ thế nào, vật mất được đưa đi hướng nào..."

Trong thôn xóm người Dao thì bị mất cắp hoặc có người làm bậy, thì mời thầy làm phép viên quang (người Dao gọi là "bát nước soi" (chiếu thủy uyển) để xét. Cách làm là: đặt cái bát đựng nước trong trên bàn, trên miệng bát nước gài một lưỡi dao hay lưỡi kiếm. Thầy nhâm vào bát nước niệm chú làm phép. Nghe nói, bát nước đã làm phép có thể chiếu hình người làm bậy, vì vậy gọi là "bát nước soi". Lúc này, người trót làm bậy phải thú nhận, nếu không, thầy làm phép rút lưỡi dao hoặc lưỡi kiếm đặt trên bát, thế là chỉ trong mấy ngày người có tội sẽ bị tai họa chụp lên đầu.

Người Nga, người Lạc Luân Xuân và người Tạng làm phép viên quang với mục đích khác. Người Nga cho rằng trẻ em do bị kinh hãi, bị người lạ sờ mó, quở quang hay khen ngợi (khi nói bé

¹¹ Chỗ này khó hiểu. Phải chăng là nhìn vào cái gương chậu nước hay mảnh giấy? ND

đẹp, bé béo... v.v...) do đó mà phát sốt, nói mê, hay giật mình, khóc đêm mà chữa lâu chưa khỏi thì phải nhờ bà mo thấy cúng trừ tà đuổi ma. Khi làm phép, bà mo nhìn ảnh chúa, tay cầm một bát nước sạch, trong bát có bỏ vào một hòn than, niệm lời cầu khấn. Nghe nói, sau khi bà mo đọc lời khấn thì có thể tìm thấy nguyên nhân bệnh tật trong bát nước. Sau đó vẽ chữ thập lên trán đứa bé hoặc vẩy nước lên mình, lên chân bé thì sẽ hiệu nghiệm ngay. Người Lạc Luân Xuân cũng dùng viên quang để bói. Cách làm là đặt cái gương đồng vào giếng nước, chum nước hoặc chậu nước, nhưng nhất thiết phải làm dưới ánh nắng mới được. Trước hết nhìn hình phản quang và phương vị mà nói chỉ. Nếu phản quang tròn thì phương hướng nó chỉ là cát lợi. Rồi lại đựng vào nước, nếu vân nước phản xạ trong chậu thuận thì tốt, và có thể theo hướng vân nước mà đi sâu hoặc xuất hành là tốt nhất.

Theo Tạ Kế Thắng trong "Dân gian văn học luận đàn" số 3 năm 1989, các thầy bói dân tộc Tạng khi bói bằng thuật viên quang thì ý niệm phải tập trung cao độ, nhìn chăm chăm vào gương hoặc mặt hồ, đọc chú, cầu xin thần linh. Sau khi đi vào trạng thái mê cuồng thì sẽ nhìn thấy được trong gương hoặc trên mặt hồ những hình ảnh núi tuyết, cây cối, hoa lá. Sau đó căn cứ vào ảnh tượng đã thấy mà đoán lành dữ. Trong sử thi "Cách tát nhĩ" luôn luôn nhắc đến phép bói viên quang. Một số nghệ nhân diễn xướng "Cách tát nhĩ" cũng tự xưng đã dùng thuật viên quang, dựa vào ảnh tượng hiện ra trong gương mà hát sử thi đó. Khi diễn xướng, họ đặt trước mặt một cái gương đồng, nói rằng câu chuyện họ diễn xướng xuất hiện trong gương. Do đó bói viên quang cũng gọi là bói viên quang Cách tát nhĩ vương. Cách làm cụ thể là: Treo một chân dung Cách tát nhĩ đại vương trên tường, dưới chân dung đặt một cái bàn, trên

đó bày đồ cúng, phía trước đồ cúng đặt ba cái bát thờ đựng rượu thanh khoa, sữa bò và trà váng sữa, trước ba bát thờ trên dốt một ngọn đèn dầu váng sữa. Bên phải bàn bói đặt đồ đựng đựng đầy thanh khoa và lúa mạch, cắm mũi tên thần bói vào trong đó. Bên trái bàn bói cũng đặt đồ đựng đựng đầy thanh khoa và lúa mạch, trên ngọn đồng lúa mạch và thanh khoa đặt một cái gương bạc hoặc gương đồng sáng, cũng có thể dùng lưỡi dao, lưỡi kiếm thay gương, gương được gói bằng lụa ngũ sắc đỏ, trắng, vàng, xanh, lam.

Thầy bói bói bằng phép bói viên quang Cách tát nhĩ phải là thầy bói nam tu luyện du già đạt đến trình độ rất cao. Sau khi đốt hương cúng thần, thầy bói bắt đầu đọc văn khấn Cách tát nhĩ vương, cầu xin Cách tát nhĩ vương thỏa mãn yêu cầu của người bói, ban cho một quẻ bói tốt lành. Người giúp việc thầy bói phải đem theo một bé trai 7-8 tuổi dòng dõi quý tộc vào phòng bói đặt ngồi trên cái thảm dài màu trắng phía trước cái gương. Thầy bói cất những tấm lụa ngũ sắc bọc gương, cho bé trai nhìn chăm chú vào gương. Nếu quẻ bói là cát tường, em bé sẽ nói nó nhìn thấy những cảnh tượng huyền diệu thần kỳ và sẽ kể lại với thầy bói những gì nó đã thấy. Thầy bói căn cứ vào ảnh tượng em bé kể mà có kết quả bói viên quang.

Thể hiện cao nhất của phép bói viên quang trong quan niệm của người Tạng là dùng nó để bói tình Đạt lai linh đồng chuyển kiếp. Ví dụ khi Đạt lai Lạt ma thứ 13 viên tịch, nhiếp chính vương và các quan lại tăng lữ cao cấp tập hợp về một cái hồ thánh gần La Xa tiến hành bói viên quang, cầu xin nữ thần Ban-đan-la-ma bảo hộ viên quang hiển thị cho biết chỗ của linh đồng Đạt lai. Người ta nói cái hồ đó là thánh hồ do nữ thần Ban-đa-la-mu trông coi, từ nhiều

thế kỷ trước đã được coi là chỗ linh nghiệm nhất để tìm linh đồng Đại lai. Người ta sẽ theo cảnh tượng hoặc chứng triệu xuất hiện trên mặt hồ để phán đoán. Lần đó sau khi nhiếp chính vương và các quan cầu khẩn không lâu thì trên mặt hồ xuất hiện rõ ràng một ngôi chùa nóc vàng, phía đông ngôi chùa có một con đường nhỏ dẫn đến một thôn trang nhỏ có những ngôi nhà mái xanh lam. Trên mặt hồ lại xuất hiện những chữ cái Tây Tạng "Ah" "Kha" và "Ma", sau khi thần hộ pháp Nãi cùng hiền linh xác định, linh đồng đời sau phải đi tìm ở hướng đông, chữ cái Ah tức là Ahmdo. Thế là nhiếp chính vương sai người đi tìm linh đồng, thì thấy chùa Hoàng Trung, Cháp Tháp Nhĩ đúng là chùa nóc vàng, gần chùa đó có một ngôi chùa nhỏ do Karmapa Nô hi to gi thứ 4 xây dựng, cái chữ "Kha" và "Ma" xuất hiện trên mặt hồ thì ra là chữ Karmapa. Thế là tìm được linh đồng, tức là Đại lai thứ 14.

Một số dân tộc nguyên thủy ở một số vùng trên thế giới ngay cả ở Âu Mỹ cũng có tục viên quang. Ví dụ người Nê-gơ-li-tha ở bán đảo Mã Lai, các Xa man nhờ sự giúp đỡ của các tinh linh trên trời hoặc dùng tinh thể thạch anh để chữa bệnh, hoặc dùng một khối pha lê tự nhiên có thể nhìn thấy rất nhiều thứ. Một số vụ su ở Âu Mỹ thường nhìn chăm chú vào một viên bi pha lê, vào "nước phép ma" (ma pháp thủy) hoặc "gương ma" để bói. Việc bói bằng "nước phép ma" rất phổ biến ở Ve-ni-dơ thế kỷ 14, khi bói, dùng một chậu nước thấy bói nhìn vào hình người trong nước để đoán lành dữ, vạch đường chỉ lối hành động cho người bói. Nghe nói một nhà linh cảm nữ nước Mỹ đã nhìn vào viên bi pha lê để đoán trước được đại chiến thế giới lần thứ hai, nói trước được việc con người lên mặt trăng, sự đối lập Trung Xô và thất bại của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam.

III. LÊN TRỜI (THĂNG KHÔNG)

Lên trời cũng là một tục cầu thần nhập xác mê tín trong lịch sử Trung Quốc và thế giới. Nhiều tư liệu trong ngoài nước đã ghi chép hiện tượng này.

Ở nước ta, bộ sách "Sơn hải kinh", bộ vu thư được coi là sớm nhất đã nói đến những vụ sự thần thông quảng đại, có thể lên trời xuống âm phủ, nối thông thế giới người với quỷ thần. Nhà khoa học nổi tiếng đời Tống là Thẩm Quát đã ghi lại trong bộ sách "Mộng Khê bút đàm" rằng chính ông tận mắt chứng kiến việc lên trời. Sách viết: "Theo tục cổ, tháng giêng vào ngày rằm đón thần xá, gọi là tử cô. Cũng không hẳn là vào tháng giêng, ngày thường cũng chiêu được hồn. Hồi còn nhỏ tôi đã thấy lũ trẻ rồi rồi thì chiêu hồn Tử cô để vui chơi. Trong những thân tích đã từng có người chiêu được hồn rồi, hồn không chịu đi. Hai lần thấy vậy về sau không dám chiêu nữa. Dưới đời Cảnh Hựu (1034-1037) nhà quan Thái Thường Bá sa là Vương Luân nghềnh đoán Tử cô; Tử cô đã nhập vào con gái của ông. Tự xưng là cung nữ trong hậu cung của Thượng đế, rất đẹp giỏi thơ văn, nay còn lưu truyền tập "Nữ tiên tập". Nàng có thể viết mấy thể chữ, nét chữ rất khoẻ khoắn... Vương Luân chơi thân với gia nghiêm, tôi cũng giao du với các con ông, đã tận mắt xem bút tích của nàng. Gia đình ông cũng thường thấy bóng dáng nàng. Từ lưng trờ lên thấy rõ là một người con gái đẹp, phần dưới thân thì bị mây che kín.. (Tử cô - ND) đã từng nói với con gái Vương Luân: "Có thể cưỡi mây đi chơi với tôi không? " Cô gái đồng ý, thế là trong sân dần lên toàn những mây trắng, cô gái ngồi lên, mây không chớ được. Thần nói "Dưới gót giầy nàng có đất bấn, cần phải

trừ bỏ đi". Cô gái bỏ giày, đi bít tất không mà trèo lên cảm thấy như xéo lên bông, cứ từ từ đến nóc nhà lại xuống. Thần nói: "Nàng có thể đi được, chờ đến ngày khác". Sau cô gái lấy chồng, thần không đến nữa. Nhà ông ta không hề gặp họa phúc gì. Người ta ghi kể về chuyện này rất kỹ, ở đây tôi chỉ ghi vắn tắt sơ lược...

Bút ký và tiểu thuyết Minh Thanh ghi về chuyện này không thiếu. Du Việt đời Thanh đã ghi trong trong bộ sách "Trà hương thất tứ sao" của ông: "Ở Lu Sơn có đạo sĩ họ Thôi tích trữ mấy học hương. Một hôm ông bảo đệ tử đem tất cả để dưới chân núi Ngũ lão, đốt dần. (Thôi đạo nhân) ngồi trầm mặc cạnh khói mù mịt không thể nhận ra mặt người, bỗng nhảy vọt một cái đã ở trên chóp núi".

Ngoài ra sử liệu cận đại cũng có ghi chép về tục lên trời. Theo tài liệu của phong trào Nghĩa Hòa Đoàn trong thành viên của tổ chức "Hong Đăng Chiến". Một tổ chức phụ nữ của phong trào Nghĩa Hòa Đoàn, đã từng lưu truyền, chuyện nói sau khi cầu thần nhập xác rồi lên không. Những người "Hong Đăng Chiến" dùng con gái khỏe đẹp lớn không quá 17, 18 nhỏ khoảng 12, 13 mặc quần áo đỏ đi giấy đỏ, như là hồng phạm trong hội thành hoàng, một tay cầm quạt đỏ, một tay cầm khăn đỏ. Truyền rằng: cách luyện của họ là đốt hương niệm chú, vẩy quạt thế là có thể lên cao đến mấy trượng¹¹¹ Hoặc là: "Khi mới luyện dùng một chậu đồng, chứa đầy nước trong. Phụ nữ vào lúc đêm khuya thanh vắng, đóng cửa đọc chú, có thể đi ven theo chậu, tay trái cầm khăn đỏ, tay phải cầm quạt đỏ. Phe phẩy quạt thì nổi gió lên, thế là từ từ bay lên. Năm

¹¹¹ "Nghĩa hòa đoàn" (2) trang 9.

ngày thì có thể lên cao mấy trăm trượng trên không⁽¹⁾. Mãi đến thời Dân quốc vẫn còn những tài liệu ghi chép về lên không. "Truân lô sở văn lục" nói: "Từ dân quốc đến nay... được truyền tụng rầm rộ nhất là chuyện nói người họ Vương nọ có thể bay tuyệt tích. Mới hôm nào đó vừa trò chuyện với khách, đi ra ít lâu trở lại thì đã đến Tây Sơn gặp người khác. Về sau hỏi người nọ, so sánh thời gian, sự việc thì quả đúng như vậy..."⁽²⁾.

Ở nước ngoài, trong các tài liệu tôn giáo và dân tộc chí cũng có ít nhiều chỗ ghi chép về tục thăng không, cho thấy người mê tín về tục đó như thế nào. Ví dụ cuốn sách "Phi đằng" (bay vọt lên) của Ô li via Lê-rôa đã viết về 230 giáo đồ thiên chúa giáo có bản lĩnh phi hành. I ta na chi Cô - y - ô - ra là một trong số đó, ông ta khi suy nghĩ thường rời mặt đất khoảng 30 cm. Atôri Phus - Li-tơ-nô-ri cũng là một trong số đó, năm 1977 ở nhà thờ Thánh Giôn thuộc Phu-cơ-yê, trước mặt rất đông tín đồ, ông ta đã bay vọt lên không. Còn nữ tu sỹ Ma-ri-a thuộc đoàn nữ tu sỹ Can- mê-ri trong vườn hoa của tu viện Bô-ri-tan, bà ta đã bay lên ngọn cây, nắm cành cây mà đu. Tất cả những người có thể bay lên khỏi mặt đất đều ở trong trạng thái tâm thần không bình thường. Hiện tượng này không phải chỉ có trong tín đồ thiên chúa giáo. Trong đồ đạo Is lam, có nhà sư khổ hạnh Hai tan ở I - ran thế kỷ 12 đã nổi tiếng vì có thể bay lên ngọn cây và nóc nhà⁽³⁾.

Những biểu diễn thăng không như vậy đã xảy ra trong dân tộc AI-ski-ma, ở Đông bắc A và Mê-ra-ni-xi a. Ở Gơ-rin-lan, một trong

⁽¹⁾ Sách trên, trang 141.

⁽²⁾ "Thông báo nguyên san" số 5 quyển 3

⁽³⁾ "Những điều kỳ lạ trong giới tự nhiên" của Giôn-Mi-xem Rôbơt Ri- sách (Anh). NXB Phương đông. 10-1990 trang 297.

những đạo cụ thăng không là một cái gậy có cháng. Các vu sư đạo Xa-man và các Ma-cơ đạo Bái Hòa có thể làm cho người ta rời mặt đất mà bay lên cao. Có khi các Xa-man được chọn trong những người biết bay. Ví dụ ở đạo Xu-ma-tơ-ra, các thần phù người đại diện cho thần có thể bỗng chốc biến mất, vì thần đã mang họ đi. Ba bốn hôm sau, họ lại có mặt ở thôn xóm. Nếu không phải là thần đã mang họ đi, thì người ta có thể phát hiện thấy họ trên cành cây cao, đang nói chuyện với thần trên đó! Vì những người đó rất giống những người điên, cho nên để họ tỉnh lại, người ta phải mang tế phẩm cho họ. Dân đảo Mê-ra-ni-xia rất sợ loại "thầy mo biết bay" (phi vu) giống như những bà mo châu Âu. Theo dân địa phương nói, bản lĩnh trở thành thầy mo biết bay là do mẹ truyền cho, từ nhỏ bà cụ đã luyện cho con biết bay. Trong người Tum-khum-na ở Úc đại lợi, các Pi-la-an-khơ (một loại thầy mo) được tinh linh Ma-ra-an-ta-mi truyền dạy có phép đi lại như linh tinh. Họ có thể bí mật bay lên trời đến chỗ các linh tinh. Chuyện đồn đại về các bà mo cười chỏi bay đã là một chủ đề thường được đề cập trong văn học dân gian Châu Âu.

Thế thì, có thật có chuyện biết bay thật sự không? Thực chất của việc này là gì? Về vấn đề này, chúng ta sẽ tìm hiểu trong chương 6 sách này.

IV. ĐI NHANH (KHOÁI HÀNH)

Theo một số sử liệu và bút ký, tiểu thuyết, tục thăng không (bay lên trời) cũng là một loại trong tục đi nhanh, vì bay thì có thể tăng nhanh tốc độ đi. Còn đi nhanh nói ở đây là đi nhanh trên mặt đất.

Những tài liệu ghi chép về chuyện đi nhanh chỉ thấy ở một số ít nước trong đó có Ấn Độ. Còn ở nước ta, trong các sử liệu, địa phương chí, bút ký, tiểu thuyết, trong dã sử và ngay cả trong truyền kỳ thần quái, trong truyền thuyết dân gian đều rất ít thấy đề cập đến. "Quảng Châu chí Nhân Dân chí" viết "La Vạn tượng... mỗi ngày đi ba bốn trăm dặm, ngựa theo không kịp". "Đặng Xuyên huyện chí" viết "Lý Kỷ... muốn đến chân thành, cách xa hơn mười dặm, chỉ nháy mắt là đến". Người đời Thanh Phương Duê Di nói trong "Mộng viên từng thoại": "Một quan đại thần ở Y Lê đã gặp dị nhân, đem ba nghìn vàng để được truyền dạy hai kỳ thuật, một là phong hòa luân, tìm những mũi ngói nghìn tuổi của các chùa quán cổ, khắc thành hai bánh xe nhỏ, lắp vào trong đế giày, bắt quyết đọc chú thì có thể đi nhanh như bay, một ngày 800 dặm. "Ở huyện Quỳnh Nguyên tỉnh Quảng Đông tương truyền rằng xưa kia có một người là thầy mo Mã Tuấn Châu, ngày ngày đến tỉnh xem hát, từ nhà đến tỉnh cách nhau mấy trăm dặm, trong một ngày làm sao đến được để còn ung dung xem hát. Thế mà ông ta đã đi thật, ngày ngày đều đi. Ông ta có thể kể lại lời kịch, kể lại tình hình buổi diễn không sai một li một tí nào, thật là kỳ lạ hết sức. Một người bạn ông ta không tin, đêm đến đến nhà ông ta rình xem ông ta làm thế nào. Thì thấy, vào khoảng canh hai, ông ta cười lên con ngựa tre, vung tay quất roi, con ngựa tre bay vụt đi như rồng bay, trong nháy mắt đã không thấy đâu nữa. Quá nửa đêm, ông ta lại cười ngựa bay về, xuống ngựa, lên giường ngáy khò khò... Rất rõ ràng, những ghi chép về đi nhanh đó đã khoa trương đến cực độ, thần kỳ đến mức không thể nào tin được. Thế mà cho mãi đến nay tục đó vẫn tồn tại, chỉ có điều là người ta không nói đến nổi quá thần kỳ như đã thấy ghi trong sử liệu. Theo một số nhà nghiên cứu, trong dãy Himalaya

có giáo phái "Du Già chạy nhanh", họ có thể tạo ra cho mình một trạng thái tâm lý đặc biệt đại loại như chứng mộng du đêm trăng có thể đi nhanh hơn bình thường rất nhiều, trong một đêm trăng mờ, có thể đi chân không trên đường núi gồ ghề hơn 100km, nhưng luôn luôn có nguy cơ ngã chết bất cứ lúc này. Điều khó hiểu là chạy nhanh trong cự ly quá lớn như vậy trong trạng thái bán thôi miên, nói chính xác hơn, họ đi nhanh như vậy trong trạng thái trầm tư.

V. THÂY CHẾT ĐI (HÀNH THI)

Đây là tục "mượn thầy hoàn hồn" "thầy chết biết đi" nghe đến rợn người lưu hành ở cao nguyên Vân Nam Quý Châu, cao nguyên Thanh Hải, Tây Tạng, ở vùng núi Nam Lĩnh và vùng Hồ Bắc Hồ Nam thời trước giải phóng. Theo đồn đại, hồi đó có người biết phép về tục này, một số thư tịch có ghi, tường tận nhất có lẽ phải kể "Cổ kim quái dị tập thành".

... Ở vùng Quý Châu, Hồ Nam có thuật hành thi, tức là thầy chết có thể do người làm phép mà có thể đi hay dừng theo lệnh người sống, có thể qua thời gian mấy tháng, có vẻ như không có lý trí nào cả. Nói là do tác dụng của một thứ cảm ứng gì hay là tác dụng của một loại điện quang nào, cũng khó hiểu. Các thương nhân Quý Châu làm nghề chở gỗ, mỗi mùa xuân khi có nước chở bè được, họ ghép gỗ thành bè, xuôi về vùng Thường Đức, Hồ Nam. Họ bán hết gỗ rồi, lại theo đường bộ trở về Quý Châu. Có người ốm chết dọc đường, đường xa, không để gì đưa xác về quê, những người đồng hành có người có thuật hành thi. Phải hai người mới làm phép được. Một người đi trước dẫn đường, một người tay cầm bát nước đi theo sau (Trong bát nước phải có phù chú). Nước không

sánh đồ thì thầy chết không ngã. Thầy chết không khác gì người sống, chỉ có điều là không biết nói. Thầy đi đứng cũng hơi khác người sống, người sống đi thì đi, người sống dừng thì dừng, hoàn toàn theo người sống. Trời tối, vào ngủ quán trọ, chủ trọ thấy thì phải chuẩn bị phòng riêng cho thầy chết. Những việc dân thầy này xảy ra luôn, cho nên các chủ quán trọ vùng này thường chuẩn bị sẵn phòng cho thầy chết. Hai người sống ngủ trên giường thì thầy chết đứng bên cửa, ngạn ngữ Hồ Nam nói: "Ba người ngủ trọ, hai người ăn cơm" là chỉ việc này. Một ngày trước khi về đến nhà, thầy chết sẽ báo mộng cho người nhà. Người nhà chuẩn bị áo quan khâm liệm. Thầy về đến nhà thì đứng sừng sững cạnh áo quan, người đưa thầy đổ bát nước xuống đất, thầy sẽ đổ xuống ngay. Phải gấp rút khâm liệm, nếu không thầy sẽ thối rữa (tùy theo thời gian đã chết dài ngắn, thầy chết biến dạng tương ứng). Mùa thu năm Kỷ Dậu niên hiệu Tuyên Thống, Lục An Dương Khoan Phu ở trọ ở Hồ Nam đã từng tận mắt chứng kiến ở ngoại thành Trường Sa. Trạch sinh ở Dương Hoàng, Quý Châu đã từng đóng quân ở ranh giới Tứ Xuyên. Một hôm, bên ngoài doanh trại nhốn nháo cao lên. Hỏi thì nghe nói có người giải thầy chết đi qua, thầy chết có thể tự đi được. Bèn ra xem thì thấy một người cầm cái phướn vải đi trước, một thầy chết, cứng thẳng, đi theo sau, lảo lồi bước. Quát bắt dừng lại, hỏi thì nói, người này chết đường, không thể chuẩn bị áo quan, đành phải làm phép cho thầy đi, về nhà sẽ khâm liệm. Hỏi dùng phép gì thì nói, tôi làm nghề này không thể tiết lộ bí mật. Hỏi còn phải đi bao xa, thì nói rằng cần đi 4,5 ngày nữa. Hỏi đêm ngủ thế nào thì nói sẽ cho thầy đứng bên cửa. Trạch sinh cho người khâm nghiệm thì quả đúng là thầy chết. Lúc đó, tất cả doanh trại bỏ trống nhà mà ra xem,

nhiều người tận mắt nhìn thấy. Lại hỏi dân địa phương thì họ nói, chuyện này thường xảy ra, không có gì là lạ.

Chà lẽ người đã chết rồi mà có thể đi được sao? Người đưa thầy chết làm sao có thể cho thầy chết đi được? Để hiểu rõ, xin đọc chương 6 "Lặn sâu vào hang tối: "Chân tướng của việc cầu thần nhập xác" (hạ).

3

MA LỰC CỦA CÔ ĐỒNG ÁO ĐEN - HIỆN TƯỢNG SIÊU THƯỜNG VÀ CÔNG DỤNG CHỦ YẾU CỦA PHONG TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

HIỆN TƯỢNG SIÊU THƯỜNG CHỦ YẾU TRONG TẬP TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

Phong tục tập quán "giáng thần phụ thể" tức là: cầu thần nhập xác, sở dĩ kéo dài không ngớt, sở dĩ được mọi người mê tín tin tưởng rằng có quỷ thần tồn tại, một trong những nguyên nhân chủ yếu của nó có liên quan với hiện tượng siêu thường khiến cho rất nhiều người không hiểu được tồn tại của phong tục cầu hồn nhập xác.

SIÊU TRÍ LỰC

Hiện tượng siêu trí lực trong phong tục cầu thần nhập xác chủ yếu biểu hiện ở tính đặc thù của tri thức mà cô đồng nhận được trong trạng thái mê cuồng. Bình thường tri thức mà con người ta có được là nhờ học tập một khâu bắt buộc không thể thiếu. Đó là một quy luật không thể đảo ngược được. Thế mà trong trạng thái mê cuồng, tri thức mà người lên đồng có được lại có thể làm đảo ngược quy luật này, không cần phải trải qua quá trình học tập (hoặc giả chí ít cũng có thể nói là không nhìn thấy quá trình này). Hiện tượng siêu trí lực này, trong phong tục cầu hồn nhập xác chủ yếu được biểu hiện ở 3 mặt sau:

1. KHÔNG HỌC MÀ TỰ BIẾT ĐÁNH CÔN QUYỀN

Ví dụ, những "Mê đồng tử" sau khi được thánh nhập được sai đánh côn múa quyền" không thuật nào không biết"⁽¹⁾; người biểu diễn thần quyền Nghĩa hòa "chưa từng được học nghề" vậy mà sau khi thánh nhập lập tức có thể "cầm dao mà múa"⁽²⁾, "một đêm mà thành"⁽³⁾, lại ví như những người "Đấu âm quyền" chưa từng được học qua võ thuật đã kể ở phần tiền sau khi được thánh nhập cũng có thể biểu diễn được những động tác võ thuật ở trình độ khó v.v.. đều thuộc vào loại hiện tượng này. Trong thời kỳ Dân quốc ở Bắc Bình có một loại tôn giáo bí mật dân gian tự xưng là "Thái Cực thần giáo", các giáo chủ tập luyện chủ yếu để diễn tập "thần quyền". sau

⁽¹⁾ "Thần báo nguyệt sau" số 2 quyển 4 trang 75

⁽²⁾ "Nghĩa hòa đoàn" (I) trang 40

⁽³⁾ "Nghĩa hòa đoàn" (I) trang 444.

khi niệm chú cầu thần lập tức có thể không dạy mà tự biết¹⁾. Có người lần đầu tiên nhìn thấy hiện tượng "không học tự biết múa võ" của trò chơi quái quỷ "mê hoặc" này, trong lòng rất nghi ngờ, không mấy tin tưởng, cho rằng họ vốn đã biết kỹ thuật từ trước, họ cầu thần niệm chú v.v., chẳng qua chỉ là cố ý làm ra mà thôi. Về sau nhìn thấy con em nhà láng giềng cũng tới tham gia trò này, mà con em nhà láng giềng từ xưa chưa hề hiểu gì về võ thuật cả, sau khi nó được thánh nhập vào rồi lại có thể biểu diễn được những quyền pháp vô cùng thuần phục, đã khiến họ không thể không tin²⁾.

2. KHÔNG HỌC MÀ TỰ BIẾT NÓI BIẾT HÁT

Hiện tượng này cũng tương đối đột xuất ở trong tục cầu thần nhập xác ví như thường "Thượng Đào viên" của dân tộc Động lúc bình thường không biết ca hát, sau khi thần hồn nhập định cũng có thể đối đáp trôi chảy. Người "Tác Miêu Gia Đạo" bình thường không biết hát mấy, sau khi trở thành "Miêu Gia Đạo" (tức là nhập vào cõi âm) thì ca hát rất giỏi; một số nghệ nhân dân gian của dân tộc Tạng thông qua việc cầu hồn nhập xác không học mà tự biết nói biết hát các bài sử thi "Cách tát nhĩ vương" v.v... đều thuộc vào loại này cả.

Căn cứ vào sự điều tra của một số học giả, ở Tây Tạng lão nghệ nhân Trát Ba ở Xương Đô và nữ nghệ nhân Ngọc Mai, huyện Ná Khúc Tổ biết nói biết hát sử thi "Cách tát nhĩ vương" đều là những người một chữ bẻ đôi không biết, nhưng có thể diễn xướng thao thao bất tuyệt năm sáu chục bộ "Cách tát nhĩ vương" là tới mấy triệu chữ; Ông Tài Nhượng Vượng Đồi 57 tuổi, người làng

¹⁾ Lý Thế Du: "Hiện đại Hoa bắc bí mật tôn giáo" (trang 8)

²⁾ "Dân tục" kỳ 23 trang 29

Đường Cổ Lạp, thị trấn Cách Nhĩ Mộc, tỉnh Thanh Hải, một chữ không biết có thể tụng xướng 120 bộ "Cách tát nhĩ vương". Họ tự xưng là nhà kể truyện thánh truyền, không thừa nhận các câu chuyện là do học được. Họ cho rằng lúc nhỏ đã nằm mộng, sau đó bị ốm, trong mộng đã từng nhận được chỉ ý của thần, của đại vương Cách tát nhĩ hoặc các chiến tướng khác của ngài, trong khi ốm hoặc sau khi ốm khỏi lại qua chùa Lạt Ma đọc kinh cầu nguyện rồi từ đó biết ca hát Cách tát nhĩ, do vậy mà biết nói biết hát. Như ông Trái Ba tự kể rằng năm lên 9 tuổi khi lên núi chăn cừu đã nằm mộng thấy đại tướng Đan Mã của Cách tát nhĩ dùng sức tách đôi bụng mình lấy ra toàn bộ ngũ tạng, nhét sách của Cách tát nhĩ vào. Sau khi tỉnh mộng trở về đến nhà thì bị ốm một trận kịch liệt, trong thời gian ấy thần trí không tỉnh táo, nói hát kể lể các câu chuyện của Cách tát nhĩ một cách lộn xộn lung tung. Người nhà đã đưa Trát Ba tới chùa Biên Ba mời phật sống Cam Đon đọc kinh cầu nguyện, đến năm 13 tuổi mới dần dần tỉnh táo, sau đó liền bắt đầu kiếm sống bằng nói hát. Ngọc Mai cũng tự kể lúc 16 tuổi một lần nàng lên núi chăn cừu, sau khi ngủ say thì nằm mơ thấy một con yêu quái ở trong hồ nước đen cùng với tiên nữ ở trong hồ nước trắng tranh cướp nàng. Tiên nữ nói với yêu quái rằng: này (chỉ Ngọc Mai) là người của Cách tát nhĩ chúng ta. Ta phải dạy nàng thuộc bài công tích anh hùng của Cách tát nhĩ không sót một câu để rồi truyền thụ cho nhân dân toàn Tây Tạng. Sau khi Ngọc Mai tỉnh dậy nàng bị ốm mất một tháng, mê man bất tỉnh, trong miệng liên tục nói lảm nhảm về những câu chuyện của Cách tát nhĩ. Sau khi ốm khỏi liền biết nói biết hát. Lão Nghệ nhân Dũng Châu hơn 60 tuổi, người huyện Ná Khúc Ban Qua, tự kể năm 13 tuổi, từng mời phật sống Mã Nhân Ba Thiết ở chùa Đạt Long tới gọi hồn nhập xác rồi bỗng

biết nói biết hát, từ đó cứ liên tục nằm mộng, ban đêm mộng thấy cái gì ban ngày nói ra cái ấy, về sau những nội dung nói và hát càng ngày càng phong phú lên nhiều. Lão nghệ nhân Tang Châu hơn 60 tuổi người Mặc Trúc Công ca cũng nói rằng sau khi tỉnh mộng, sau khi được chỉ thị của chùa Lạt Ma rồi mới biết nói biết hát. Lại căn cứ vào "Quát dị chí" đăng tải: "Phong tục của Sơn Đông vào tháng giêng chọn ra 5 người con gái khác họ, trên 10 tuổi, cùng ngủ một chõng, dùng chăn đắp cho chúng, dùng quạt quạt cho chúng. Lâu dần chúng nằm mộng, hoặc như thích thêu thùa chữ nghĩa, hoặc thích theo nghiên bút, hoặc như trông coi việc nhạc tấu, trong nháy mắt đã ngủ dậy... Kể từ đây trở đi việc nữ công âm luật thư trát không học tự biết". Những điều phản ánh "nữ công âm luật thư trát không học tự biết" cũng chính là hiện tượng siêu trí lực trong phong tục gọi hồn nhập xác.

Ngoài những thứ này ra, việc "không học mà tự biết nói" trong hiện tượng "Long Châu kê quỷ" cũng đáng để nêu ra.

Ở vùng Bằng Tường, Long Châu, tỉnh Quảng Tây không ít người đều nhìn thấy tình hình như sau: "Một người đường hoàng đứng đắn, chẳng biết làm thế nào, bỗng chốc sinh ra điên loạn, tay phát run, chân đi lẩy bẩy giống hệt như con gà dùng móng quắp lấy đồ vật. Đôi mắt không ngừng trợn lên trắng dã, nói toàn những câu quỷ quái loạn bậy, có khi còn học theo lối gà gáy. Đó chính là cái gọi là "Ma gà". Đối với việc sản sinh ra "Ma gà", người dân của vùng này cho rằng người sống đã trúng phải giải độc của gà. Bởi vì "Ma gà" cho dù là sốt cao cũng có thể chạy ra ngoài, chạy thẳng một mạch đến nhà người được coi là thả ma gà ra, gọi một người đàn bà nào đó của nhà này nghe nói đó chính là người thả Ma gà ra

làm "Mẹ". Nếu người đàn bà này dùng tay sờ lên đầu của con "Ma gà", thì "Ma gà" sẽ khôi phục lại trạng thái bình thường. Hoặc có người cho rằng đó là linh hồn của người chết chui vào trong thân người sống để lấy ra và thay thế linh hồn, thân thái vốn có của người sống, khiến cho người sống biến thành người chẳng ra người quý không ra quý. Một con người hé trở thành "Ma gà" thường thường có thể nói ra những lời mà lúc thường không thể nói được hoặc bất chước cử chỉ thần thái của người khác. Có người đã chính mắt nhìn thấy con "ma gà" như thế này: Một bà già đã 109 tuổi, bình thường chỉ có thể nói được tiếng Choang và tiếng bạch thoại Quảng Đông. Sau khi trở thành "Ma gà" đột nhiên lại nói được tiếng phổ thông tiêu chuẩn, hơn thế toàn thân tràn đầy sức sống thanh xuân, một mặt kêu gào loạn xạ, một mặt chạy nhảy điên cuồng. Người nhà cho rằng cụ bị bệnh thần kinh vội vàng cử một kiện tướng về môn chạy dài đuổi theo cụ, thế nhưng không sao đuổi kịp được. Cuối cùng tự thân bà cụ trượt ngã, nghỉ ngơi giây lát bò dậy, lại khôi phục trạng thái bình thường, mọi thứ trở lại như cũ. Còn có một nhân viên khai thác thu mua từ phương bắc xuống phương nam, một hôm trúng phải ma gà, đột nhiên nói một mạch tiếng Choang và tiếng Việt, hơn thế cử chỉ thần thái cực kỳ giống một nông dân đã bị chết mấy năm về trước⁽¹⁾.

Ở nước ngoài cũng thấy có hiện tượng siêu thường "không học tự biết nói biết hát" ví như tục gọi hồn nhập xác ở Trung Quốc. Ví dụ giáo phái Sa Man, của người A - Y - nỗ Nhật Bản, khi cử hành nghi thức lên đồng, có khi đã biết nói ra những lời theo lí thì

⁽¹⁾ Hoàng hôn: "Thần y kỳ công mật phương lục", Nhà xuất bản Dân tộc Quảng Tây xuất bản lần thứ nhất tháng 8 năm 1990 trang 27-28.

không thể nói được. Một người khác trong giáo phái Sa Man khi lên đồng đã có thể sử dụng ngôn ngữ Còrias, mọi người xung quanh khi thấy vô cùng ngạc nhiên không lí giải được. Nói tóm lại, căn cứ vào sự khảo sát của một số nhà nhân chủng học thì vụ sự của các dân tộc trên thế giới, sau khi đi vào trạng thái mê sảng, đại bộ phận đều có thể nói ra và hát ra những thứ mà lúc bình thường căn bản họ không hề biết.

3. KHÔNG HỌC MÀ TỰ MÌNH CÓ THỂ VIẾT RA ĐƯỢC

Theo sách "Diệu Hương thất từng thoại" nói; có người đã dùng nữ từ không biết chữ lên đồng⁽¹⁾ đồng tiền có thể làm được thơ. Đây chính là một sự việc điển hình "không học mà tự viết được chữ". Các hiện tượng tương tự "không học mà tự viết được chữ" này, trong nền văn hiến cổ đại Trung Quốc không nhìn thấy nhiều, thế nhưng ở nước ngoài thì hầu như nước nào cũng nghe thấy có ví dụ: Ở bang Misuri, thành phố Xanhlui, nước Mỹ đầu thế kỷ 20 có một bà tên gọi là Farôn, bà học sơ sơ được chút thi thư, đối với lịch sử hiểu biết không nhiều, đối với lịch sử diễn biến ngôn ngữ, một môn học văn cao siêu và phức tạp, càng không hiểu biết tí gì. Vậy mà thông qua việc gọi hồn nhập xác bà đã có thể viết ra được một cuốn tiểu thuyết và được đánh giá rất cao. Nội dung được viết trong quyển tiểu thuyết này là chuyện nước Anh thời trung thế kỷ, bà Farôn dùng văn tự đương thời viết thành, văn tự này từ nhỏ là chưa hề được học qua⁽²⁾ cuối thế kỷ 19 một học giả người Mỹ được mệnh danh là người cha của ngành tâm lí học, ông Uyliam - Jiêm-xơ đã

⁽¹⁾ Một loại hình mê tín tự viết chữ theo chỉ thị của thần

⁽²⁾ Lâm Vũ. Cổ Nguyệt biên soạn: "Thế giới thần bí" Công ty xuất bản văn hoá quốc tế Bản in lần thứ nhất tháng 5 năm 1991, trang 51.

từng tiến hành nghiên cứu đối với Paipô phu nhân, một cô đồng nổi tiếng đường thời. Ông cử bà làm thành viên chủ yếu của hội nghiên cứu tâm linh, để tiến hành biểu diễn vu thuật. Khi bà ở vào trạng thái mê sảng, chịu sự khống chế của một "kẻ giao lưu" nào đó, bà có thể dùng một loại ngôn ngữ mà trong trạng thái tỉnh táo bà chưa hề được học qua để nói chuyện lại còn có thể tự động viết chữ, sáng tác nhạc, vẽ tranh, mà trong khi tỉnh bà không có kỹ năng này, bởi vì từ xưa bà chưa hề được bồi dưỡng và huấn luyện về mặt này.

SIÊU THỂ LỰC

Hiện tượng siêu thể lực biểu hiện là người "lên đồng", người "vũ tiên đồng" v.v.. có thể liên tục nhảy múa quay cuồng trong mấy tiếng đồng hồ liền, cường độ mệt mỏi của họ đã vượt xa giới hạn chịu đựng của con người bình thường; người "đấu âm quyền", người biểu diễn Nghĩa hòa thần quyền sau khi thánh nhập "sức mạnh gấp mấy lần lúc bình thường"⁽¹⁾, dũng mãnh hơn người"⁽²⁾; "Cầm được cây gố lớn để múa, không biết gì đến sức nặng của gố"; người "thỉnh trác thần" "chân chạy như điên, bụi mù mịt theo chân; người "đi nhanh" ở trạng thái mê ảo "đi nhanh hơn người thường rất nhiều" v.v.. Sách "Lĩnh biểu kỷ man" viết: "Người Chương miên bắc làm lễ cầu phúc đều mời thần "Bạch mã Lệnh công". Lệnh công nếu phát lệnh, người làm phép thuật bỗng như điên dại, tuy người yếu đuối không mặc nổi áo vẫn có thể nhảy vọt hơn một trượng, trèo lên được đỉnh mái nhà". Những tư liệu điều tra lịch sử xã hội các dân tộc thiểu số Trung Quốc đã chứng tỏ, một số vũ sư của dân tộc Lạc

⁽¹⁾ "Nghĩa hoà đoàn" (I) trang 353

⁽²⁾ "Nghĩa hoà đoàn" (I) trang 404

Ba, khi lên đồng giúp chữa bệnh, trước tiên đặt một chiếc thúng đan bằng tre rộng từ 1,4 đến 1,5m (cao ước 20cm) ở vị trí nào đó ở bên cạnh hố lửa vũ sư thân khoác tám tấm mầu hồng, tay cầm đại đao, mũi đao chúi xuống dưới (có người tay cầm sào tre hoặc gậy gỗ) hước vào trong chiếc thúng. Dựa vào một bên hố lửa, bắt đầu quay ở trong thúng, đồng thời toàn thân tự quay đảo, chân không rời đất cứ bước từng bước chuyển theo.

Lúc này vũ sư giống như người dẫn đường, làm ra thần thái của người đang trong mộng miệng đọc thần chú. Có khi quay cuồng 2 giờ đồng hồ rồi mới nghỉ ngơi hút thuốc, có khi có thể quay cuồng từ lúc trời tối cho tới lúc gà gáy sáng. Cái mà họ thể hiện ra cũng là một hiện tượng siêu thể lực. Ở một vùng đất ở miền tây Thổ Nhĩ Kỳ, một số người được thần nhập sai khiến có thể nhảy xuống vực sâu mà không bị thương, có thể nhổ bật cả rễ cây to vác lên lưng bước qua đường hiểm núi cực kỳ hẹp. Những điều này đều thuộc một loại với những kỳ tích mà các tăng nhân khổ luyện biểu diễn khi được thần nhập sai khiến.

SIÊU NGHỊ LỰC

Cái gọi là siêu nghị lực ở đây chủ yếu là nói tới năng lực của những người đã được thần nhập trong trạng thái mê sảng có thể chống lại sự đau đớn vượt quá sức chịu đựng của người thường. Ví dụ dùng kim xuyên qua má, dùng kiếm xuyên qua bụng và nhảy vào nước sôi lửa cháy mà không thấy đau v.v.. Có học giả không thừa nhận đây là một hiện tượng siêu nghị lực, mà cho rằng đây là một loại năng lực trải qua huấn luyện mà có được, hoặc là vũ sư sử dụng một phương pháp khoa học nào đó để phục vụ cho hoạt động

vu thuật của mình. Ví như thông qua sự huấn luyện nhất định có thể lấy kim xuyên qua má, lấy kiếm xuyên qua bụng mà có thể chịu đựng được sự đau đớn; có thể để chân trần đi qua đi lại trên đồng kính thủy tinh vỡ, bước lên trên thang dao sắc nhọn, dùng răng cắn đứt dây thép nung đỏ; hoặc là trong nghi thức đốt lửa rắc ít nước thuốc có thể làm tắt lạnh trước khi bước lên giết gà lấy máu gà bôi vào dao, dùng máu gà đã đông phủ kín những lưỡi dao sắc nhọn v.v... Không thể phủ nhận, thông qua huấn luyện có thể có được một số khả năng chống lại được sự đau đớn. Thế nhưng, những điều này không thể đủ để chứng minh khả năng chống lại sự đau đớn của người được thần nhập đều là kết quả của sự huấn luyện. Hàng loạt sự thực chứng minh, những người được thánh nhập ở trong trạng thái mê cuồng được khả năng chống lại sự đau đớn thực ra không cần đến phải trải qua huấn luyện, mà là nhờ ở trạng thái mê cuồng mà có được. Ở Trung Quốc, một số Sa Man⁽¹⁾ nào đó lên đồng dùng kim xuyên thủng 2 bên má trái và phải mà không cảm thấy đau là như vậy đó; Người "lên đồng" lấy dao tự cắt lưỡi mình", "lấy bó hương lửa đang cháy nhét vào mồm nhai, mồm mũi đều ngùn ngụt bốc khói" cũng không hề đau đớn⁽²⁾ là như vậy đó. Người "chơi đất vật trâu" lao đầu chảy tóe máu mà không biết đau đớn là như vậy đó, pháp sư của dân tộc Động khi đánh đuổi tà ma, "làm như cần phải uống nước, người nhà đem tới bát nước to, người đó uống và nhai nát cả bát nước vào trong bụng ăn hết; Lại như Thiên mã thần tướng cần thức ăn của ngựa, nhà người bệnh dùng đầu vuông đựng đầy thóc đưa đến, ông ta liền nằm phủ phục giống như ngựa ăn

⁽¹⁾ Sa Man là thầy cúng nam làm phép để lên đồng. Sa Man còn gọi là Man, trong đạo Sa Man lưu hành ở Á châu và một số nơi ở Cực bắc Châu Âu (người dịch chú thích).

⁽²⁾ "Trung Hoa phong tục chí" (thiên hạ)

thóc, ăn hết cả thóc cả dậu; Lại như thân tướng đòi dôi chầu sành lên dậu, liền chạy vào trong nhà bếp của người bệnh đem cái kiềng 3 chân trên bếp lửa lật ngược lại dôi lên dậu rồi chạy đi"⁽¹⁾ là như vậy đó; Ngoài ra việc "xếp đạo xếp thương" của Nghĩa hòa đoàn, Đại Đạo hội cùng đều là như vậy cả.

Trong sử liệu của phong trào Nghĩa hòa đoàn có không ít những ghi chép như thế này: Người biểu diễn Nghĩa hòa thân quyền qua việc đốt hương, nuốt bùa, niệm chú, thỉnh thần, sau khi thánh nhập, toàn thân liền chao đảo đâm dao đập thương⁽²⁾. Lại căn cứ vào sử liệu của Đại Đạo hội và Hồng Thương hội, hai hội này cũng có tục "thánh nhập đâm dao, đập thương". Phép đâm dao đập thương của Đạo dao hội và Hồng Thương hội chia ra làm 2 giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là huấn luyện thời gian tịch hóa tiến hành ở trong tượng đường do giáo sư dắt dẫn, các hội viên sau khi tắm gội súc miệng rồi vào hương đường đốt hương lễ bái, giáo sư niệm tụng phù chú trước, sau đó bắt các hội viên quỳ gục đầu ở trước ban thờ thần. Ngày thứ nhất phải quỳ trong thời gian đốt cháy nén hương dài 3 ngón tay. Ngày thứ hai phải quỳ thời gian đốt cháy nửa cây hương. Lấy đó mà suy thời gian càng sâu thì quỳ càng lâu. Loại nghi thức này đại để phải chấp hành liên tục liền 49 ngày, qua sự truyền thụ những câu chú linh nghiệm, hơn thế, sau khi cho uống một đạo bùa giấy giống như một đạo ma pháp⁽³⁾, mới có thể bước vào giai đoạn thứ hai, giai đoạn luyện tập võ thuật.

⁽¹⁾ Đại từ điển tôn giáo và thần thoại các dân tộc Trung Quốc trang 106

⁽²⁾ "Sơn Đông Nghĩa hòa đoàn điều tra tư liệu tuyển biên" trang 290

⁽³⁾ Phép uống bùa có 2 cách: một loại là uống khô tức là đem một tờ giấy vàng vẽ bùa lên vỏ nát, uốn bụng nuốt một hơi. Một loại là uống nước đem bùa ngâm vào trong cốc đổ nửa bát nước, dùng tay xé nát vụn thành bột, uống để dằn không tổn sức.

Sự huấn luyện của giai đoạn thứ 2, phổ biến nhất trước tiên là dấm gạch, sau đó dấm vào dao, cuối cùng là tránh được súng đạn. Giai đoạn này cần phải kiên trì liên tục từ 6 đến 7 tuần lễ, thông thường là tiến hành ở ngoài nhà, trên đồng ruộng. Trình tự nói chung là: ở giữa bãi tập bày 1 chiếc bàn, những thành viên mới nhập hội xếp hàng ở trước bàn. Giáo sư rửa tay thấp hương quỳ xuống cầu nguyện thần linh phù hộ, sau đó đốt một đạo bùa, bỏ tàn tro vào trong nước chia đều cho các thành viên nước uống. Các thành viên mới sau khi uống bùa, niệm chú, lễ bái thần linh rồi, quỳ xuống đất, giáo sư đặt ở trên đỉnh đầu mỗi người một viên gạch, sau đó dùng búa đập mạnh vào viên gạch, để cho gạch vỡ nát ra mà không bị thương. Nếu gạch chưa vỡ nát, mà người đội gạch cảm thấy đau đớn, người đó có thể bị giáo sư khiển trách, nói rằng tư tưởng và hành vi của anh ta không đứng đắn. Chỉ có những người đạt được thành công trong việc huấn luyện đập gạch, không tỏ ra đau đớn trước mặt quần chúng, mới được phép nhập vào huấn luyện đập dao đập thương.

Việc huấn luyện đập dao so với đập gạch càng nguy hiểm hơn. Những thành viên tham gia huấn luyện đập dao cần phải cời trần. Trước tiên thầy dạy thấp hương khấn nguyện, các tín đồ quỳ trước ban thờ cầu bái thần linh. Sau khi ăn bùa thầy dạy tập túc cầm dao đặt lên bàn quát lớn "Thượng pháp". Các hội viên đập dao lập tức niệm "kim hộ thân, vô lượng phật, ngũ lôi cương" hoặc các câu chú thượng pháp như "Vô lượng chân phật bảo mạng hộ thân, hanh cấp nhĩ tướng"¹⁾ bảo mạng hộ thân"... Sau đó thầy dạy hít một hơi

¹⁾ Hanh Cấp nhĩ tướng hai vị tướng gác cổng trong truyền phong thần (người dịch chú)

dài "pháp khí" rồi thổi từ từ trên mũi dao nhọn, tức thì dựng dao thẳng lên, quay tròn trên không trung, trong miệng lập tức phát ra tiếng hô nặng nề "Hanh Cáp". Tiếp đó đâm dao vào bụng, nghi thức như trên hội viên hít khí căng bụng, thầy dạy chém mạnh ba nhát dao vào da bụng mỗi người. Nếu họ muốn khảo nghiệm đập dao đập thương, thế thì, những chỗ dao chém của họ phải không được để lại dấu tích gì, hoặc nhiều nhất chỉ để lại được một dấu ấn màu trắng.

Huấn luyện chống súng đạn là giai đoạn nguy hiểm nhất. Người tập luyện đều phải có hàng chữ nổi trên cánh tay trái, sau khi ăn bữa niệm chú, thầy giáo liền đứng ở một chỗ cách xa người tập luyện cự ly khoảng 15 bước, cầm súng bắn vào người luyện tập. Người tập luyện liền hô to "Có thần bảo hộ", súng không thể bắn bị thương ta được"... dừng mảnh lao lên phía trước, không hề bị tổn thương. Trong vòng khảo nghiệm này những người chết đều bị coi là con người có lòng dạ xấu xa khác chí hướng²⁹.

Cho dù "Chặt dao lao súng" của Nghĩa hòa đoàn, Đại đao hội, Hồng thương hội không hề thần kỳ tới mức "đao súng không thủng" như họ mê tín, thế nhưng loại hiện tượng chặt dao lao súng này quả thực là có tồn tại. Thời kỳ vận động Nghĩa hòa đoàn một số quan viên triều nhà Thanh đã tận mắt nhìn thấy loại "để trần thử dao" với cảnh tượng "Có tiếng la hét, da không bị thương"³⁰. Năm 20 của thế kỷ 20 một cán bộ được Quốc dân đảng cử về công tác ở vùng nông

²⁹ Sái Thiệu Khanh: "Trung Quốc bí mật xã hội" Nhà xuất bản Nhân dân Chiết Giang, năm 1989 trang 161 - 163. "Đất Kinh" kỳ thứ 25, trang 75 - 77.

³⁰ "Nghĩa hòa đoàn" (I) trang 460

thôn khu Hoài Bắc cũng chính mắt nhìn thấy hiện tượng này và đã có ghi chép tường tận⁽²⁾.

Những ví dụ ở nước ngoài tương tự chống được đau đốn cũng không phải là hiếm: Nghi thức đâm đạp lên lửa của tôn giáo đều thịnh hành ở các nước trên thế giới, đã có lịch sử mấy ngàn năm rồi. Chính ngày nay vẫn còn đang lưu hành ở khắp nơi như Ấn Độ, Malaixia, Nhật Bản, Haoai, Phi Líp Pin, Tân Tây Lan, bán đảo Ban Căng v.v.. đều thường thấy nhất là người giẫm đạp trên lửa phải dứt khoát bước qua một đống lửa, hoặc là men theo một con đường nhỏ đá vụn cháy rực mà tiến lên, hoặc là phải bước qua 1 lạch ngấm dưới đó than đá đang cháy bùng. Nghe nói hầu hết các người đi trên lửa đều không có dấu vết bị bỏng. Có được năng lực chống lửa của con người, điều quan trọng nhất là phải ở vào trạng thái thần hồn điên đảo của mê ngủ hoặc mang tính tôn giáo. Nếu ai đột nhiên thoát ly khỏi trạng thái này thì sẽ lập tức mất hết năng lực chống lửa. Các giáo đồ Áo ở I Răng sau khi thần nhập có thể dùng lưỡi dao sắc nhọn đâm vào bụng suốt từ trái sang phải mà không biết đau đốn. Sau khi thần hết nhập lập tức cứng đờ ngã lăn xuống, thở thoi thóp rên rỉ, thế nhưng chỉ sau 7 ngày lại bình phục như cũ. Các tín đồ của phái Tiết thánh khiết tự do ngũ tuần ở nước Mỹ trong hội lễ bái sau khi bước vào trạng thái mê cuồng không ước hẹn mà cùng đi tới một số hộp dẹt có nhốt rắn độc, bắt rắn độc ra chơi đùa, cho dù sau khi bị rắn cắn cũng không cảm thấy đau đốn. Trong rất nhiều tình huống, các tín đồ cuồng tín nhất có thể mở chiếc bình đựng hạt mã tiền hàm chứa nhiều thành phần chất độc mạnh, đổ một ít vào trong cốc, thêm vào một ít nước, sau đó uống một hơi

(2) "Đông phương tạp chí số 16.

cạn sạch. Sau khi uống xong không những không xuất hiện cơ gân, kinh giât hoặc các chứng tật nào khác, mà còn có thể nhảy đi nhảy lại, vỗ tay ca hát, bởi vì cảm giác đau đớn của nó đã bị ức chế bởi trạng thái thần hồn điên đảo mang tính chất tôn giáo.

SIÊU THỊ LỰC

Siêu thị lực nói ở đây chủ yếu chỉ năng lực nhìn thấu qua thân thể con người và nhắm mắt cũng có thể nhìn thấy được các đồ vật. Căn cứ vào tư liệu điều tra lịch sử xã hội của dân tộc Đông, xưa kia trong dân tộc Đông mỗi lần có người bị ốm liền đi mời pháp sư tới "Giáng đồng tử" trừ tà đuổi ma cho họ. Trong đám quần chúng, pháp sư chọn lấy một người làm "đồng tử", dùng tấm vải đỏ che đầu phủ mặt đưa ra đứng ở ban thờ thần rồi làm thuật pháp. Người ngồi đồng sau khi được pháp sư làm phép, tựa như thần nhập vào, thần hồn dần nhập định, toàn thân run rẩy, rồi đứng dậy nhảy điên cuồng. Hành động của người đó đều do pháp sư sai bảo, giống như đuổi tà, đuổi theo đường đi của tà ma, tuy trên đầu bị choàng kín khăn vậy mà mà trèo núi, qua cầu, qua sông... cũng đều có thể vượt qua bình thường. Người theo sau một mặt đánh thanh la, gõ trống đuổi gáp đi thẳng tới nơi tà ma ở, "chiến đấu kịch liệt với tà ma, cướp lại hồn phách của người bệnh, rồi mới thu cờ yên tĩnh, thu binh trở về"¹¹. Điều tương tự với tình hình lấy khăn trùm mặt mà vẫn có thể đi lại bình thường như "giáng đồng tử" còn có những người diễn tập Nghĩa hòa thần quyền và đấu âm quyền. Sau khi họ bị thần nhập rồi, mặc dù nơi biểu diễn chật hẹp lại đứng chật người xem, cùng với biên độ động tác lớn lại phải nhắm chặt mắt, nhưng trong

¹¹ Tôn giáo đại từ điển các dân tộc Trung Quốc trang 106 và thần thoại

quá trình biểu diễn chưa hề làm bị thương một quần chúng nào hoặc người biểu diễn đâm lộn vào nhau bao giờ.

SIÊU TRÍ NHỚ

Một số nghệ nhân dân gian của dân tộc Tạng vừa kể trên đây thông qua những ví dụ sau khi thần nhập rồi không học mà tự biết nói biết hát "Cách tât nhĩ vương" trên thực tế cũng có thể coi là một biểu hiện của hiện tượng siêu kí ức lực (sức ghi nhớ ghê ghớm), bởi vì các nghệ nhân đã thể hiện ra một loại trí nhớ kinh người. Từ mấy ngàn năm về trước, đạo Bà la môn Ấn Độ đã sử dụng phương thức lên đồng để huấn luyện tín đồ thanh niên. Các tín đồ trải qua huấn luyện có thể ghi nhớ được toàn bộ kinh Vệ Đà²¹, cũng chứng tỏ có trí nhớ đến ghê người. Kinh Vệ Đà tuy chỉ có 4 bộ, nhưng kinh văn vô cùng phức tạp, chỉ riêng bộ thứ 3 đã có 153 826 từ đơn.

LỤC NHỚ SỰ VIỆC ĐÃ QUA, VẠCH RÕ NHỮNG ĐIỀU BÍ ẨN RIÊNG TƯ CỦA CON NGƯỜI, DỰ TRẮC ĐƯỢC TƯƠNG LAI.

Từ cổ chí kim, ở trong và ngoài nước đã có không ít người tin tưởng vào sự "linh nghiệm", lục nhớ sự việc đã qua, vạch rõ những ẩn dấu riêng tư, dự trắc được tương lai của con người trong phong tục gọi hồn nhập xác như lên đồng, đoán chữ trên cát (phù ky), bói hình (viên quang) v.v.. Theo "Côn Minh huyện chí" ghi chép năm Vạn Lịch triều Minh nói: Có đạo sỹ nói thường vào cõi âm rồi báo

²¹ Kinh Vệ Đà là tác phẩm văn học và là bộ kinh tôn giáo của Ấn Độ gồm có 4 bộ được làm ra vào khoảng 2000 hoặc 1000 n.ám trước công nguyên (người dịch chú)

về những việc dấu diếm của nhân gian, các việc làm của con người, cõi âm đều biết rõ hết. "Giang Hoài dị nhân lục" của Ngô Thục đời Tống, nói: "Ấn sỹ ở Mân Trung là Trương Tiêu có phép thuật có thể thông với minh phủ nằm lịm năm ba ngày như chết mà thân thể không lạnh. Lúc tỉnh nói nhiều chuyện ở âm gian, hoặc nói về chuyện mai sau mọi thứ đều nghiệm cả". Dân tộc Bồ Y tới nay vẫn còn tồn tại một loại "thuật thần du" cổ xưa. Tức là vào đêm rằm tháng bảy âm lịch, một chàng trai trong trại ra giếng múc một bát nước về, khi đi qua miếu thần của trại nhặt bỏ một ít tro hương và tro tiền giấy của miếu vào bát, rồi đốt hương hóa giấy cầu thần trại phù hộ "thần du" thành công. Trước hết bát nước đó được bưng tới vu sư (thầy cúng) sau khi vu sư tiếp nhận bát người liền vào bếp lấy con dao thái rau tới trước ban thờ thần niệm chú. Trên bải thi hành thuật "thần du" đã tập trung già trẻ toàn trại hơn nữa lại có từ một đến bốn cô gái nhỏ đảm nhiệm làm kẻ thần du. Các cô gái ngồi trên ghế cò, dùng khăn vải đen trùm mặt, vu sư đem bát "nước thần" đó đưa cho (các) cô gái mỗi người uống một ngụm, số nước còn lại thì vừa niệm chú vừa phun lên thân (các) cô gái, người khác bịt chặt tai (các) cô gái. Trong giây lát, (các) cô gái bèn rung động hai chân, đếm các đốt ngón tay. Điều đó có nghĩa là (các) cô gái đã bước vào thần giới. (Các) cô gái sau khi đã bước vào thần giới rồi có hai loại biểu hiện: Một là chuyên cầu thần hỏi quẻ, cầu tự cho mọi người trong trại, hoặc là gọi vong linh của những người đã chết hàng trăm năm, vài chục năm trở về trước, bản thân mình thay mặt thân chủ đối thoại với người thân của người quá cố. Hai là (các) cô gái đối hát với tình nhân của quỷ thần hoặc hồn sống của tình nhân để thổ lộ hết tâm can. (Các) cô gái thường thông thạo tình hình của người chết như thuộc những ngón tay vậy, hơn nữa trong đối thoại với tình

nhân có thể bộc lộ ra những điều bí ẩn khó nói (đây là điều đại cấm kỵ của các thiếu nữ dân tộc Bồ Y⁽¹⁾). Một số vụ sư của dân tộc Hán, trong trạng thái mê huyền có thể dùng "tên tục" của người chết mà chỉ các thành viên trong gia đình mới biết để gọi người âm trở về, thậm chí còn có thể dùng "bí danh" của người chết mà ngay người nhà cũng đã quên từ lâu rồi để xưng hô với người chết.

Ở nước ngoài, càng có rất nhiều người tin tưởng vào độ "chính xác" của việc lục nhớ sự việc đã qua, vạch rõ những ẩn dấu riêng tư, chiêm bốc dự trắc tương lai trong phong tục thánh nhập của "hội giáng thân", "thuật nghiêng bàn", "tiểu chuyển bàn", "linh vận bàn", "ngưng thị thủy tinh cầu" v.v.. Con người đặc biệt rất tin tưởng vào những liên lạc được với người đã chết do những lời tuyên bố của các "tâm linh sử". Bởi vì những lời tự đội g viết ra trong trạng thái thần trí hoảng hốt có thể miêu tả chính xác các nhân vật và sự kiện hữu quan mà lúc bình thường, họ không thể nào biết được⁽²⁾.

Điều khiến cho người ta khó hiểu là vụ sư ở nước này cũng có khả năng gọi hồn người chết giúp cho người ở nước khác được. Sách "Quỷ thoại" nói: "Nước ta từ xưa đã có thuật gọi hồn người chết, thông thường luật này đều do các cô đồng đảm nhận. Thế nhưng những người giả dối chiếm số đông số người thật trăm người chỉ có 1, 2. Thời kỳ gần đây việc nghiên cứu linh hồn học ở châu Âu cũng có việc gọi vong hồn. Nghe nói có vị đại thần xưa làm Khâm sứ ở Châu Âu đã từng gọi được vong hồn của người chết do vụ sư gọi thay, từng hỏi đáp với khâm sứ, âm thanh hết giống như

⁽¹⁾ "Đại từ điển và thần thoại các dân tộc Trung Quốc", trang 35

⁽²⁾ "Khoa học nhân thể Trung Quốc" kỷ thứ 1 năm 1991 trang 88.

người còn sống, hơn nữa lại còn có thể thuật lại được những việc lật vật trong gia đình, không có điều nào sai lầm cả, thật là kỳ dị! Người Tây Âu từ trước không học ngôn ngữ Đông Á mà lại có thể sử dụng thổ âm phương Đông gọi được quỷ phương Đông về, điều ấy người giả dối không có thể làm được. Hơn thế, xa xôi cách trở trùng dương, cự ly mấy vạn dặm, trong thời gian ngắn ngủi, vong hồn lập tức đến ngay, sao lại không gọi thuật ấy là thần diệu được. Tiên linh quá cố của người ta qua đời đã mấy chục mùa nóng lạnh, bình thường không nghe được tiếng cầu khẩn của con cháu: con cháu xuân thu tế tự, tuy chí hiếu, chí thành cầu nguyện cũng chưa hề nghe thấy hồn nói gì cứ làm sao pháp sư mới gọi, lập tức đã về ngay, còn chịu nghe theo lời sai khiến nữa chẳng phải là sợ với người thân mà thân với người sợ, theo lý ấy cuối cùng là bởi vì sao? Nếu nói âm dương cách trở không thể tùy tiện gần gũi con cháu thế thì tại sao đôi với vụ sư lại không cách trở, gọi một tiếng đã tới liền, vậy một cái đã đi liền chẳng phải là vụ sư có tài thao thuật, thần diệu uy quyền, đến thẳng được cõi u minh đó sao? Những linh hồn được gọi, tuy không muốn đến cũng không dám không đến, tuy cách trở trùng dương, ngàn dặm vạn dặm, hồn cũng không dám ngại xa, cũng chẳng dám vi phạm thời gian. Than ôi. Trong trạng thái u minh, những sự tích của quý thân, nếu không tự nói, ai có thể biết được sự chứa đựng sâu xa. Ngày xưa vua Đường vương nhớ Quý phi nhờ đạo sĩ Lâm Củng đã lấy lòng thành kính gọi được hồn về. Đó chẳng phải là thủy tổ của pháp thuật ư?

Ở đây muốn kể là ở châu Âu có thuật chiêu vong (gọi người đã chết), các đại sứ của nước Trung Hoa cũ đã từng mời các vụ sư ở đó chiêu gọi quỷ thần tiên tổ giúp họ. Vụ sư này không những gọi được vong hồn của người đã mất mà còn thuật lại được gia cảnh,

nhất thiết không có điều nào sai sót. "Đối với những hiện tượng thần kỳ này, tác giả không có cách gì giải thích được, cũng là tình thực"¹¹. Có điều, vu thuật của ngoại quốc có thể gọi quỷ hồn của người Trung Quốc, vu sư của Trung Quốc cũng như vậy, có thể gọi được quỷ hồn của nước ngoài. Tác giả có một người bạn học từng kể rằng, năm trước ông dẫn hai người bạn nước ngoài tới vùng tây bắc Vân Nam để khảo sát dân tục, một vị vu sư ở nơi đó đã gọi được hồn các vong linh trong nhà của hai người "bạn nước ngoài" để hỏi đáp. Các sự việc nói ra không điều nào sai sót, khiến cho hai người bạn nước ngoài phải kinh ngạc đến há miệng trợn mắt!

Ý NIỆM CHÍ ĐỘNG

"Ý niệm chí động" còn gọi là "Tâm linh thị động", chỉ những hiện tượng trong những tình huống không có tác dụng của thị giác hoặc không dùng thể lực mà có thể đem được vật thể từ nơi này di động đến một nơi khác. Hiện tượng "ý niệm chí động" trong phong tục cầu hồn nhập thánh cũng rất đột xuất. Ví dụ, các vật thể tự chuyển động trong khi "phù ky", mời thần ghế, mời thần bàn, mời thần đĩa, mời thần thúng v.v. tự chuyển động, đại bộ phận đều do tác dụng của "ý niệm chí động". Các vật thể tự di động trong phong tục thánh nhập hoặc thánh không nhập dưới đây cũng tựa hồ như cũng có liên quan với "ý niệm chí động": Phụ nữ dân tộc Lê trước đây lấy chồng lâu không có con, lập tức mời nương mẫu (người hành nghề tôn giáo) tới cầu tự. Sau khi nương mẫu và người giúp việc tới nhà đương sự, người giúp việc dắt người phụ nữ này từ cửa

¹¹ Từ Hoa Long: Trung Quốc quỷ Văn hoá Nhà xuất bản Văn nghệ Thượng Hải xuất bản lần 1 tháng 9/1991 trang 170.

trước kéo ra cửa sau (người phụ nữ giả vờ như có vé không bằng lòng để kéo) lần lượt đi lại cứ thế dắt kéo cho tới khi người phụ nữ này mệt mỏi kiệt sức mới thôi. Trong quá trình kéo, nường mầu đứng ở bên cạnh đọc thần chú. Sau khi dừng kéo nường mầu dùng mũi tên một chiếc, gạo một bát, rồi đem đầu mũi tên cắm vào trong bát, sau khi niệm thần chú liền nhìn thấy những hạt gạo từ trong bát men theo thân mũi tên bò lên. Căn cứ vào đó để phán định tình hình sinh con sau này. Nếu thấy hai hạt gạo bò lên, tương lai có thể được hai con. 5 hạt gạo bò lên thì có thể sinh được 5 con. Trong phụ nữ dân tộc Khương trước đây truyền thuyết kể một loại người bị "độc bang"¹¹ gắn vào mình, có thể bắt chiếc trục gỗ cán mì nhảy múa. "Tân Đường Thư - Phương ký truyện" nói: "Giữa thời Thiên Bảo, có người tên là Tôn Tăng Sinh nổi tiếng là giỏi, có thể bắt được đá động đây, bắt được người bằng cỏ tự đi. Dương Quý phi mừng lắm, nhiều lần gọi vào trong cung".

Sách Ngộ Trung Cổ ngữ" nói:

"Một tên vương thần du thủ du thực ở Hàng Châu, đã từng mắc tội đáng chết. Có tà thuật, có thể làm được người gỗ tắm rửa ngụp lặn... "Theo Hắc Long Giang chí cáo - Địa lý quyền" chép: "Đạt Hồ Nhĩ, người Mông Cổ mất đồ vật, Lạt Ma dùng thùng trối mình vào ghế, quỳ xuống mà khóc, chiếc ghế quay lộn như bay lên. Dừng lại ở một nhà nào, thì báo rằng nhà ấy ăn cắp, tìm không thấy, lại đọc chú, ghế lại tự di chuyển rồi dừng lại ở mấy nhà khác nữa, cũng vẫn không tìm được người bị mất đồ vật phải đổ hòm xiêng ra tìm, mất của lại nhiều hơn.

¹¹ "Độc bang" còn gọi là "Độc dươc miêu" là những tinh linh không nhìn thấy, thích cờ bạc, ngày ngủ đêm xuất, dùng phụ nữ làm vật thế thân.

Ý niệm chuyển động trong phong tục gọi hồn nhập xác của nước ngoài cũng không lấy gì là lạ. Các vật thể di động tự động viết chữ vẽ họa, lác lư chuyển động v.v. trong thuật chuyển vận nhỏ, linh vận bàn v.v. cũng chính là kết quả của ý niệm chí động. Một số người da đỏ ở Mỹ, nếu như có người bị ốm thì người nhà phải đi mời vu y tới chữa bệnh. Ở trong ngôi nhà tối om mọi người quỳ xuống thành 1 vòng miệng lẫn rầm ca hát. Vu y có hai chiếc gậy làm bằng xương bò và da rắn. Ở đuôi mỗi chiếc gậy buộc một nắm đuôi ngựa. Người nhà có bệnh chưa gặp hai chiếc gậy này, nhưng bỗng nhiên chúng bắt đầu tìm đến xoay quanh ngôi nhà người có bệnh. Việc này họ cho là có ma quỷ sai gậy tới đánh. Gậy chuyển động ở trong nhà một vòng, đánh vào đầu mỗi người... Cuối thế kỷ 19 một vụ sự vật lý nổi tiếng của I ta li a người phụ nữ mù chữ Pô ra ti nô cũng có khả năng "ý niệm chí động". Tại một ngôi nhà tối tăm bà ngồi ở bên cạnh một chiếc bàn thử bắt chiếc bay trên không trung và làm cho đồ vật ở trong nhà di động ở một cự ly nhất định. Bà nhìn lên với trạng thái thần chí hoảng hốt.

Nhưng hiện tượng siêu thường trong phong tục tập quán gọi hồn nhập xác, ngoài những sự việc kể trên còn có truyền cảm thính tư duy, siêu thính lực v.v.. Đối với những hiện tượng siêu thường này chúng ta sẽ phân tích tẽm ở chương thứ 6 kết hợp với những nội dung có liên quan.

CÔNG DỤNG CHỦ YẾU CỦA TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

"Giáng thần phụ thể" ở nhiều mặt, nó được dùng ở các phép như thông thần kỳ phúc (cúng bái tổ tiên), gọi hồn đuổi ma, tìm

bệnh chữa bệnh cũng được dùng ở việc gieo quẻ hỏi sự truy tìm vật mất cùng với thi phóng ma pháp và phản ma pháp v.v..

THÔNG THẦN

Thông thần là công cụ cơ bản nhất trong "giáng thần phụ thể", cũng là nhân tố tiên quyết để cho việc thánh nhập được thực hiện. Ở chương thứ nhất chúng ta đã nói tới vụ sự là do nhu cầu "thông thần", ứng vận mà sinh ra, bởi vì giữa người và thần không thể trực tiếp giao lưu được đòi hỏi phải có một sứ giả có thể thông được với thần linh để thống nối liên hệ giữa người với thần, tức thì liền xuất hiện vụ sự. Còn vụ sự sở dĩ có thể thông giao được với thần, dựa theo cách nói của những người hữu thần luận là do vì vụ sự được sự giúp đỡ của thần, do đó mới có thể đem lời cầu nguyện của con người truyền lên trên cho thần, lại đem chỉ ý của thần truyền đạt cho người. Đây là tiền đề của công năng khác được thực hiện của giáng thần phụ thể, xa rời tiền đề này, các công năng khác của tục này sẽ không có cách nào thực hiện được.

DỰ TRI VẤN SỰ⁽¹⁾

Đây là một trong những công dụng chủ yếu của tục giáng thần phụ thể. Những người có tư tưởng mê tín cho rằng vụ sự có thể hỏi được các sự việc để biết trước. Điều "dự tri vấn sự" nói chung có 3 phương thức: Một loại là dựa vào năng lực dự tri đặc biệt để đoán trước họa phúc lành dữ (cát hung) trong tương lai; một loại là

⁽¹⁾ Đối với vấn đề "dự tri vấn sự", ở một phần trước chương này đã đề cập, nhưng ở đó chủ yếu là từ góc độ những hiện tượng siêu thường mà bàn, còn ở đây thì năng về phân tích công dụng và các mặt liên hệ của n

thông qua chiêm tinh, bốc phệ, giải mộng v.v. để chỉ rõ tương lai cho con người; Một loại là thần thông qua cô đồng được thánh nhập tuyên phán rõ tương lai. Ở nước ta bất luận là lên đồng, đánh đồng thiếp hay là lên đồng tiên viết chữ, bói hình v.v.. đều bao hàm loại công dụng này. Về mặt này, ngoài rất nhiều ví dụ đã nêu ra ở chương 1, chương 2 trên kia ra, lại ví như "vấn tiên" của dân tộc Miêu, "xem hương" của dân tộc Đồng, "thỉnh thần" của dân tộc xa, "âm bốc" và "vấn hoa" của dân tộc Choang v.v.. cũng có công dụng "dự tri vấn sự"⁽¹²⁾ rất đột xuất.

"Vấn tiên" tức là hoạt động hỏi công việc để vong linh tổ tiên chỉ bảo do tiên nương (cô đồng) chủ trì. Loại hoạt động này 1 năm có 4 mùa, ban ngày ban đêm đều có thể tiến hành bất cứ lúc nào. Khi "vấn tiên" cần phải có ít nhiều hương, giấy, tiền, gạo, rượu, thịt, hoặc trứng rán, đậu phụ đặt ở trên bàn vuông. Tiên nương ngồi cạnh bàn vuông, lưng hướng về phía sau nhà miệng hát bài tiên nương ca, hai chân rung động. Điều này đã biểu thị nhập vào âm giới để đi tìm các bậc tiên tổ cố công. Lúc này con cháu trong nhà đốt tiền giấy, hướng về vong linh của tổ tiên ở âm giới xin hỏi các việc cát hung họa phúc cùng với các việc quái dị. Còn tiên nương thì làm môi giới giữa âm giới và dương giới, thay mặt tiên tổ quá cố đối đáp các việc họa phúc cát hung cho các con cháu ở dương gian biết; đồng thời thay mặt cho vong linh cha ông tiên tổ ở cõi âm phán xét những dự trắc hoặc giải thích những họa phúc cát hung và các hiện tượng quái dị có liên quan tới con cháu các ngài; trả lời các vấn đề mùa con cháu hỏi như cầu cát hoa hung, tìm phúc tránh nạn v.v..

⁽¹²⁾ Dự tri (dự đoán biết trước) vấn sự (hỏi sự)

Khi tiên nương tìm vong hồn cần phải nhảy múa tiên và hát tiên ca¹¹.

Đồn rằng, một số người trong khu vực dân tộc Động có khả năng "Xem hương". Gia đình người "Xem hương" có bàn thờ, khi xem hương trước hết đốt hương hóa giấy, dùng khăn che kín đầu ngồi trên ghế, thỉnh thần giáng lâm. Sau khi thần giáng lâm, người cầu xem hương muốn hỏi điều gì thì nêu ra điều đó, thần liền đi tra hỏi, rồi đem các vấn đề đó ra giải thuyết. Nếu khổ chủ bị người dùng pháp thuật trùg trị hoặc trùg tà, thần liền có thể chỉ ra. Chỉ cần làm theo thầy dạy thì sẽ kiến hiệu.

"Thỉnh thần" của dân tộc Xa là do một "thần đồng" một tay cầm hương thơm, một tay cầm cốc rượu mời thần nhập. Sau khi thần nhập, "thần đồng" nhảy lên bàn, mở miệng kể mình là loại thần gì, hỏi vì việc gì mà gọi thần đến đây. Người cầu thần đem việc kể ra, thần sẽ ứng nghiệm.

"Âm bốc" là trong những phương thức bói của dân tộc Choang. Ngày xưa, trong dân tộc Choang gặp khi người nhà có chuyện bất an, mẹ chồng hoặc nàng dâu liền hẹn mấy người phụ nữ đến nhà cô đồng hỏi quẻ. Cô đồng đặt hương án để người bốc ngồi ở cạnh án gơ hai tay đặt lên hương án, bàn tay úp xuống dưới, đầu gục, mắt nhắm, phủ phục trên cánh tay. Cô đồng tay đưa một nén hương, niệm chú, đốt tiền giấy, vừa đốt tiền giấy vừa múa hương trước mặt. Trong giây lát, người hỏi quẻ không tự chủ được nữa đều lắc lư, hoặc ca hát, rồi nói muốn chuyện trò với thần nhân ở âm gian. Người xung quanh nhìn thấy cảnh tượng này cho rằng thần ở

¹¹ Đại từ điển tôn giáo và thần thoại. Các tộc dân Trung Quốc trang 469-471.

âm gian của người hỏi bốc đích thực đã được mời đến dần dần đem các việc cần hỏi nêu ra. ví dụ như phần mộ của thân nhân qua đời như thế nào, cuộc sống của âm gian ra sao, cùng với nguyên nhân bệnh tật của người nhà v.v. người hỏi bốc có hỏi, vong linh tất sẽ trả lời. Trả lời xong cô đóng lại niệm chú, hơn thế còn dùng ngón tay chấm vào "nước phép" điểm ở sau gáy người mẹ chồng (hoặc nàng dâu) hỏi bốc, trong chốc lát mẹ chồng (hoặc nàng dâu) tỉnh táo trở lại¹¹.

Dân tộc Choang ở một số nơi cho rằng, bất luận nam nữ già trẻ đều là một bông hoa trong vườn hoa của thần "Hoa bà" quản việc sinh nở ở trên trời. Do đó, muốn biết việc tương lai của nhà mình hoặc công việc của thân nhân đã quá cố thì cần phải tìm cô đồng "vấn hoa". Cách thức là: Cô đồng ở nhà mình dùng bàn bát tiên làm bàn thờ, người vấn hoa trước tiên đặt tiền, gạo (hoặc bột mì) dâng lên cô đồng, rồi tự thân đốt 3 nén hương cắm vào trong lư hương thờ thần. Sau khi cô đồng hỏi rõ năm tháng sinh đẻ của người vấn hoa rồi phủ phục trước bàn thờ, trong miệng lầm rầm đọc, tay chân rung động không ngừng, một hồi lâu mới "hoàn dương" tỉnh lại, đem tình hình lên trời vấn hoa để kể lại cho người hỏi hoa biết. Nếu muốn hỏi những việc thân nhân người quá cố, chỉ cần đem ngày tháng năm sinh của người mất nói cho vu bà (cô đồng) biết là được¹².

Tục cầu thần nhập xác như các thuật giáng thần hội, tiểu chuyển bản, linh vận bản, khuynh trắc thuật v.v... của nước ngoài cũng có công dụng "dự tri vận sự" rất mạnh mẽ. Sớm từ thời kỳ cổ

¹¹ "Các dân tộc Trung Quốc" trang 780 Đại từ điển Tôn giáo và thần thoại

¹² "Đại từ điển tôn giáo và thần thoại" trang 764

Hy Lạp, một trong những tác dụng chủ yếu của thần vụ chính là thông qua việc nhập thánh mà dự tri vận sự. Các dân tộc nguyên thủy người Ca - Ren của Phigi¹² còn có những "nhà tiên tri" chuyên môn, những "nhà tiên tri" chuyên môn này có thể tự đi vào một loại trạng thái để phát ra những lời dự trắc, phương pháp là bản thân co quắp toàn thân và tứ chi lại, quay vòng trên mặt đất, trong miệng nhổ ra nước bọt trắng. Trạng thái hưng phấn này phát ra đầy đủ, người đó liền dần dần bình tĩnh lại sau đó mới nói ra lời dự báo¹³. Ở khu vực người Udmurti ở lưu vực sông Vônga đã có những "nhà chiêm mộng". Mọi người tới hỏi quẻ bói ở họ, tin tưởng họ có thể thông giao được với thần linh và họ còn có thể giúp đỡ người ta cầu biết được tương lai. Khi bói họ làm ra những động tác trong trạng thái như điên như cuồng.

TRỊ BỆNH

Chữa bệnh chiếm vị trí rất quan trọng trong công dụng của phong tục cầu thần nhập xác. Từ cổ đại chí kim ở trong và ngoài nước đều có không ít người tin tưởng vào những người được thánh nhập có "khả năng linh thiêng" của siêu nhân, có thể trị được bệnh. Công dụng chữa bệnh do thánh nhập, trên thực tế nên phân ra công dụng tìm nguyên nhân bệnh, tìm phương thức (hoặc tìm cách chữa), bốc thuốc và trực tiếp trị bệnh.

Tình hình thông qua việc gọi hồn nhập xác để tìm nguyên nhân gây bệnh trong việc trình bày ở trên đã nói tới ở nhiều chỗ, không nhắc lại nữa, ở đây chỉ nêu ra chuyện cô đồng "Giác Mẫu"

¹² Phigi là một nước thuộc châu đại dương phía bắc Niu Di Lân (người dịch chú)

¹³ "Văn hóa nhân loại học" của Lâm Thuê Tường trang 333

của dân tộc Môn Ba hỏi thánh về nguyên nhân bệnh tật, bổ sung thêm những thí dụ về cách tìm bệnh và phương pháp trị bệnh của dân tộc Bồ Y qua "dã mẹ nạp", của dân tộc Miêu thống qua "gió quạt đưa cô gái bay đi" tra hỏi nguyên nhân bệnh tật và những ví dụ về phương pháp chữa chạy đã được bổ sung.

Tương truyền "Giác Mẫu" là con gái của thiên thần, tổng cộng nàng có 9 chị em, họ đều ở trên đỉnh ngọn núi thần Nam Già Ba Ngõa, quanh năm tuyết phủ, Giác Mẫu là hóa thân ở nhân gian của thần. Nàng tuyên bố linh hồn của nàng có thể lìa xa được thể xác, để tới chỗ chị em và mẹ của nàng hỏi về nguyên nhân gây bệnh và cách chữa chạy cho người ốm. Do đó, người ốm thường tới mời nàng làm phép hồi thần. Khi Giác Mẫu thỉnh thần, khoác trên đôi vai một tấm vải hồng dài 6 thước rộng 2 thước rồi buộc ở trước ngực. Trên tấm phàn trước mặt nàng trải 1 chiếc chiếu, trên chiếu đặt 1 khúc gỗ nằm ngang, trên khúc gỗ nằm ngang đó buộc 10 chiếc gậy gỗ và 9 cành cây. Trên mỗi gậy gỗ đều treo các vật như bùa hộ thân, chuỗi ngọc, đao dài, nỏ và ống đựng mũi tên v.v.. ở phần dưới 9 gậy gỗ đặt đều 9 hộp trúc bên trong đựng chuối, mía, đào, chanh, gừng... ở trước hộp chia đều 9 cái nổi nhỏ, ngoài ra có 1 cái hộp đựng đầy ngô, trên cắm hoa tươi. Trước khi thỉnh thần, Giác Mẫu hỏi năm sinh tuổi gì của người bệnh, sau đó ngồi ngay ngắn trên ghế, tay cầm 1 bát rượu, dùng tàu lá chuối vẩy rượu xuống đất, số rượu còn lại đều uống hết. Tiếp đó Giác Mẫu dùng 2 tay xoa mặt, toàn thân phát run lên, dùng âm điệu ê a kéo dài hát ròn: "A mạch... Lap tổ.. Lap tổ". Sau đó hầu như bước vào trạng thái hôn mê, biểu thị linh hồn đã bay lên. Nàng dùng câu hát kể lễ thần có điều gì cản dận, hoặc bản thân Giác Mẫu muốn làm gì sau khi nàng nói ra có 1 người giúp việc, lập tức làm theo ngay. Sau khi Giác

Mẫu mới được thần rồi, sau khi đã hồi han được nguyên nhân bệnh tật (người nào đã bắt mất linh hồn của người bệnh đi) và cách thức chữa chạy rồi, tìm được linh hồn rồi, nàng mới bay về¹.

Trong dân tộc Bô Y hể có người ốm, thường mời người "đá mê nạp" tức là mời 1 bà trung niên giả làm thần để hỏi các nguyên nhân gây bệnh. Tương truyền người phụ nữ "đá mê nạp" này là do một thần tiên ở trên trời xuống trần nhập vào bà. Khi thần nhập vào bà liên tục hát hơi, toàn thân run rẩy. Lúc này người trong nhà sẽ bày ra 1 chiếc bàn bát tiên ở giữa nhà, cạnh bàn đặt 1 chiếc ghế, điều bà ngồi xuống, cầm 1 chiếc quạt đưa vào tay bà, dùng 1 tấm lụa xanh trùm lên đầu lên mặt bà ta, rồi đặt 1 đầu thóc gạo lên trên bàn bát tiên, trên đầu cắm 3 nén hương và 1 con dao thái rau. Tức thì bà bắt đầu thay thân tiên ở trên trời nói chuyện. Mọi người gọi bà là "Đại thần". Đại thần ngồi ở trên ghế 2 chân không ngừng đập đập trên đất, trong tay dùng đưa chiếc quạt, miệng lẩm bẩm niệm chú. Lúc này, mọi người nhao nhao mời Đại thần phán tính việc lành dữ cho mình, đông đảo nhất là gia đình người bệnh cầu đại thần tính toán xem người bệnh đã phạm phải quỷ thần "Sát khí" gì. Sau khi đại thần nói ra loại sát khí của quỷ thần nào mà người đó phạm phải, thì "Thần" mới trở về trời, người đàn bà "đá mê nạp" cũng "trở về dương gian", tỉnh lại².

"Gió quạt đưa cô gái bay đi" là 1 trong những phương thức chủ yếu bốc quẻ hỏi bệnh của dân tộc Miêu ở vùng đông nam đất Kiềm. Sau khi Cô đồng dùng vải đen trùm đầu ngồi ngay ngắn ở

¹ "Đại từ điển tôn giáo và các dân tộc Trung Quốc" trang 420

² "Bô y tộc phong tục chí" của Tân Hà, nhà Xuất bản Học viện Dân tộc Trung ương xuất bản lần 1, tháng 10 năm 1987, trang 104-105.

trên 1 chiếc ghế, ở bên cạnh có 1 người dùng chiếc quạt nan quạt cho mát. Người ngồi quạt được gọi là "Lăng", là bạn của cô đồng cùng đi tới âm gian, đồng thời làm người dẫn đường. Quạt một lúc không lâu, cô đồng bắt đầu rung nhẹ đôi chân, trong miệng không ngừng hát câu "Đi đi! Đi tới chân trời xanh tận cùng bao la v.v.." Sau đó 2 chân càng rung nhanh hơn, tiếng kêu lập bập, trong miệng không ngừng gào thét cầu hướng đạo: "Đi đi! Lăng à, đi nhanh lên Lăng à!" Lăng cũng cất cao giọng: "Muốn đi ư! Mau theo ta đi!" đồng thời tay quạt càng nhanh hơn. Tức thì cô đồng vừa hát vừa múa biểu thị linh hồn của cô đã bay lên trời thăm hỏi tổ tiên linh thiêng ở trên trời của người bệnh vì duyên cớ gì mà con cháu sinh bệnh. Có phải là vì đã đắc tội với tổ tiên hay không? Hoặc có điều gì sai phạm với ma quỷ? Linh hồn của tổ tiên đều nhất nhất trả lời bằng hừ⁽²⁾.

"Phù kê" là phương thức chủ yếu để cầu phương thức và cách chữa chạy của cô đồng thánh nhập. Căn cứ vào "Bắc Đông Viên bút lục tam biên" nói: "Ở trên Nam An Đường, vào năm đói, Dương Phong quân đã phát 3 ngàn thạch gạo ngô tẻ bán, con cháu ông sinh bệnh chân đau không đi lại được. Một hôm Phong quân cầu thần, thần viết ra một phương thuốc: Dùng mấy củ khoai sọ thái ra lược chín buộc vào 2 chân. Chỉ trong ba ngày, chân sẽ đi lại được như thường". Có 1 người đạo thân muốn cầu Tế công cầm hút thuốc phiện, Tế công đã viết 12 chữ trên sa bàn: "Xa rồi chuỗi tiêu sẽ bình bình yên yên cất con nghiện". Người này lại mời Tế công "từ bi" giải thích cách dùng phương này. Tế công nói dùng lê, chuỗi tiêu, hồng, táo mỗi thứ một vài quả cùng nấu cho nát ra, khi lên cơn

⁽²⁾ "Đại từ điển tôn giáo và truyền thuyết" trang 474.

nghiện thì ăn, sẽ lập tức cắt con nghiện. Dùng phép "phù kê" chữa bệnh thì người lên đồng bắt người ốm quỳ ở trước đàn lên đồng dùng chữ thần quay vòng ở trước mặt người bệnh, gọi đó là "điểm chữ", hoặc lại dùng son đỏ viết phù chú lên trên tờ giấy vàng, lại dùng một ít tro ở trong lư hương nhúm đưa cho người bệnh, sau đó dùng chữ đồng tiền nói rõ cách uống. (Đại đế là đem tro bùa hoá trộn với tro hương cùng uống). Lại còn 1 phương pháp khác nữa chính là "cho đơn", tức là do 1 cô đồng trước đàn nhập thánh ru lệnh lấy 1 ít tàn hương đem đến, sau khi dùng bút tiên quay mấy vòng liền ra lệnh cho người thả trà xuống phía dưới bài vị của lão mẫu, nói rõ cần phải thả vào trong thời gian bao lâu. Trong thời gian này, phàm người nào bước tới đàn đều phải gặt đầu 100 cái hoặc số lần nào đó đã được chỉ định. Sau khi đủ thời gian rồi mới đem ra uống.

Phương thức thông qua cô đồng nhập thánh để trực tiếp chữa bệnh chủ yếu có 4 loại sau đây:

1. GIÁNG THẦN GỌI HỒN TRỪ ĐUỐI MA BỆNH.

Tình trạng cô đồng nhập thánh gọi hồn về trừ bệnh rất phổ biến ở nước ta, mà điển hình nhất là dân tộc Miêu và dân tộc Di. Do họ sống lâu dài trong hoàn cảnh rừng bái vu quỷ, không những họ có quan niệm ma thiêng rất mạnh, còn rất coi trọng linh hồn của con người. Họ cho rằng quan hệ giữa sinh bệnh và "hồn" rất mật thiết. Bất luận là nam hay nữ, là già hay trẻ, hễ cứ sinh bệnh thì đều là hồn rời khỏi chỗ. Hồn đã rời đi thì cần phải gọi hồn về. Chỉ cần gọi được về nhập vào thân thể như cũ thì bệnh sẽ dần khỏi, con người sẽ bình phục lại sức khỏe. Lấy phong tục gọi hồn chữa bệnh trong xã hội của dân tộc Miêu ở Quý Châu còn để lại, làm ví dụ.

Dân tộc Miêu ở trong khu vực này, hề cứ có người mất hồn mà sinh bệnh liền phải đi mời quý sư đến để gọi hồn chữa bệnh. Trước khi gọi hồn trị bệnh, trước hết Quý sư rải 1 lượt tro lên mặt đất, dùng cỏ lúa ước lượng độ dài ngắn của đầu chân người lạ hồn, đem thuốc tắt đo xong giao cho người giúp việc đứng bên cạnh. Khi quý sư gọi hồn, ngồi ở trên ghế thấp, dùng khăn vải phủ kín mặt, 2 chân không ngừng rung động, trong miệng ngân nga du dương bài hát chiêu hồn uyển chuyển, thúc giục "người hướng đạo âm gian" của quý sư hướng theo phía đông tiến lên đuổi theo dấu tích của hồn. Sở dĩ phải truy đuổi theo hướng đông là bởi vì theo quan niệm của dân tộc Miêu ở khu vực Quý Châu, sau khi hồn bị lạc, phương hướng mà nó tìm về là phương đông mà cha ông tổ tiên của nó đã từng cư trú. Do vậy hồn bị lạc bao giờ cũng men theo phương hướng này mà đi "Âm gian hướng đạo" phát hiện được dấu chân của hồn bị lạc lập tức báo cho Quý sư biết. Quý sư lập tức lấy cỏ lúa đo trái, đo phải, lượng trước lượng sau, sau đó đưa cho người giúp việc ấn chứng. Nếu dài ngắn tương đối phù hợp liền nhận định về phương hướng truy đuổi đã đúng. Quý sư lại ra lệnh cho "Âm gian hướng đạo" nhanh chóng đuổi theo cho tới khi tìm được và nắm bắt được hồn lạc. Sau khi bắt được hồn lạc rồi, Quý sư nói với người giúp việc bên cạnh: "Hồn ở đây rồi nè! Hồn ở đây rồi nè!". Người giúp việc lập tức đem đến 1 con vịt đã được chuẩn bị từ trước. Lúc này chỉ nhìn thấy tay trái Quý sư nắm chặt lấy con vịt, ngón tay cái và ngón tayỏ của tay phải thọc mạnh vào trong bụng vịt tương nháy mắt quả tim vịt bị móc ra ngoài. Người giúp việc lập tức dùng vạt áo của người bệnh gói tim vịt lại. Điều này có nghĩa là hồn lạc đã được gọi

về. Sau đó, Quý sư vò mạnh lên đầu gối, nhẹ nhàng nhảy lên, lật chiếc khăn trùm đầu ra, nháy nháy mắt, hồi phục lại bộ mặt cũ...¹³.

Lên đồng bắt quỷ ma chữa bệnh là phương thức chủ yếu để chữa bệnh của dân tộc thờ đạo Tát Mãn. Ngoài ra, phương thức này cũng rất đột xuất ở trong dân tộc thờ Vu đạo của dân tộc Di và dân tộc Choang. Ví dụ, nếu có người thường xuyên đau ốm, dân tộc Di liền cho rằng đây là do ác quỷ nhập vào mà sinh ra, liền phải mời vu sư lên đồng bắt quỷ. Thế nhưng cách làm của dân tộc Di ở các nơi lại không thấy giống nhau. Lên đồng bắt ma của các vu sư dân tộc Di ở Ngụy Sơn, Vân Nam cần dùng 1 con dê, 1 con gà, 1 cái vại đất có nắp và 1 miếng vải đỏ có thể dầy trùm lên miệng vại được. Ban ngày, Vu sư dẫn họ hàng người bệnh mổ dê tế sơn thần hoặc thần thổ địa. Đến buổi tối, Vu sư bày bàn thờ ở trong nhà hoặc trong sân đoạn bày hương án và thắp dầu lên trong thangka đựng lương thực, rồi cắm bên trên 2 con dao dài hơn 1 thước vót bằng 2 cành đào và 1 cái sừng dê (trên cao khác 1 đường ngang, dùng tro gỗ bôi đen) trước bàn án đốt 1 đồng lửa. Vu sư cởi bỏ áo trên, mặc quần ngắn, đi chân đất, tuyển chọn mấy thanh niên trai tráng đứng ở bên cạnh bàn án. Sau đó Vu sư tự gõ vào cái trống bịt da dê, miệng đọc thần chú, mời chúng thần nhập về. Thế là Vu sư lập tức biến mất trạng thái bình thường, nói năng loại xì lam nhảm, toàn thân run rẩy, vừa ca vừa múa. Khi nhảy tới cao trào, tay Vu sư cầm con dao lệnh, lấy tro than ở trong đồng lửa bôi trên mặt mình, ngồi trên bàn án. Lúc này, mấy tráng trai đứng ở bên cạnh lập tức giết 1 con gà trống nhỏ, đem chặt chân gà, cánh gà nướng cho Vu sư uống

¹³ Mã Bình An: "Trung Quốc Vu thuật" Tam Liên thư diêm Thượng Hải phân diêm xuất bản lần 1 tháng 7 năm 1990 trang 125 - 126

rượu. Sau khi rượu đủ, Vu sư ra lệnh cho các chàng trai đốt đuốc lên, tay cầm cành liễu, cành đào quật mạnh khắp tứ phía ở trong nhà người bệnh hò hét inh ỏi để đuổi ma. Cuối cùng, trong miệng Vu sư nhả ra bọt giải trắng, nằm lăn xuống đất, 2 tay nắm chặt dao lệnh, biểu thị ác quỷ làm loạn đã bị bắt. Các chàng thanh niên đem chiếc vải dầy đã được chuẩn bị sẵn đưa đến, 2 tay Vu sư cầm dao lệnh đâm mạnh lên trên vai, biểu thị đã bắt được ác quỷ nhốt vào trong vai, đẩy tấm vải đỏ lên rồi buộc chặt lại, khiêng tới trước hương án, lấy 1 con dao cạo tóc rạch 1 vết nhỏ ở trên đầu lưỡi của mình lấy máu nhỏ giọt lên tấm vải đỏ, sau đó đẩy vai lại, lấy 2 con dao vót bằng 2 cành đào cắm ở trong thangka đầu, rồi cùng khiêng vai ra đường rẽ ngoài đồng, đào 1 hố đất, đập đất, rồi cắm dao cành đào lên để cho người qua đường bước qua, biểu thị rằng không cho ma ác lại về đây hại người nữa. Dân tộc Di ở Đại Tiểu Lương Sơn Xuyên Điền⁽¹⁾, nhập thánh bát quỷ trừ ma cần dùng lợn, dê, gà mỗi thứ 1 con, rượu 1 vò còn dùng các vật như 1 cái vải dầy, 1 cành cây nửa đem mời Vu sư tới nhà làm phép. Nghe nói, Vu sư có thể bắt ma quỷ đặt vào trong vai⁽²⁾.

2. ĐỐT BÙA NIỆM CHÚ NHẬP THÁNH TRỊ BỆNH

Phép đốt bùa niệm chú nhập thánh trị bệnh có người cũng gọi là phép chữa bệnh Chúc Do. Nói về phép chữa bệnh Chúc Do, đã có học giả khảo chứng trong 1 cuốn sách gọi là "Tổ Vốn". Chúc Do của đời sau thủy tổ khởi đầu của đời Tống - là một thuật thần bí kỳ dị khó lường, trên thực tế chẳng qua chỉ là phép dùng phù chú chữa

⁽¹⁾ Điền là biệt hiệu Văn Nam, Xuyên Điền là Từ Xuyên Văn Nam (người dịch chú)

⁽²⁾ "Đại từ điển tôn giáo" các dân tộc Trung Quốc" trang 650

bệnh mà khỏi. Nhưng thuật này không khinh truyền cho ai, cũng không tùy tiện dễ dàng chữa bệnh cho người. Nhưng nghe nói hễ đã chữa thì bệnh nặng mấy cũng khỏi ngay. Người bệnh tuy mê man bất tỉnh, người trị bệnh lăm nhăm ở bên cạnh, đốt lửa liên tục, rồi lấy rượu phun vào, độ 1 lát, pháp sư gọi đứng liền đứng, bảo đi liền đi, hoặc bảo chạy rồi quay lại liền ngã vật xuống ngủ liền, lay cũng không tỉnh. Tới lúc tỉnh, bệnh đã hết, trong quá trình chữa bệnh người bệnh hoàn toàn không biết. Đây là 1 loại phương pháp chữa bệnh không dựa vào thuốc và thủ thuật (gồm cả việc không uống bùa) mà chỉ dựa vào việc đốt bùa niệm chú gọi hồn thánh nhập. Phương pháp chữa bệnh tương tự ở nước ngoài có 3 loại hình thức như sau: Hoặc là Vu y dẫn người bệnh xuất thần mà người bệnh vẫn tỉnh táo; Hoặc là Vu y dẫn người bệnh vào trạng thái xuất thần mà tự mình vẫn tỉnh táo; Hoặc là Vu sư cùng với người bệnh đồng thời bước vào trạng thái xuất thần. Trong đạo Sa Man, Vu y bước vào trạng thái xuất thần, lúc này ông ta bị 1 loại sức mạnh siêu tự nhiên "thao túng" còn người bệnh lúc này thì thông qua Sa Man thỉnh giáo ở sức mạnh siêu nhiên để nhận được lời dạy bảo đặng giải quyết khốn khó bệnh tật. Có khi Vu y chỉ dắt dẫn người bệnh bước vào trạng thái xuất thần để cho bản thân người bệnh tự hỏi sức mạnh siêu nhiên về nguyên nhân của bệnh tật, liên tưởng tới biện pháp giải quyết. Vu y và người bệnh cũng có thể đều bị sức mạnh siêu nhiên thao túng, cũng giống như kiểu sùng bái Tsar⁴¹ vậy. Khi Vu y và người bệnh đều ở vào trạng thái xuất thần, giữa họ đã bắt đầu tiến hành đối thoại, xác định khi Tsar "tỉnh linh thao túng" tặng

⁴¹ Một vật được sùng bái của đạo Ba Tư

ăn huệ cho người bệnh thì cần phải cúng những thứ gì để giảm nhẹ sự đau khổ của người bệnh.

3. GỌI HỒN NHẬP XÁC VÀ NHỮNG ĐỘNG TÁC THỦ THUẬT MANG TÍNH CHẤT TƯỢNG TRUNG

Phương thức chữa bệnh này ở nước ta chủ yếu thấy ở trên nghi thức lên đồng chữa bệnh của một số dân tộc thiểu số. Căn cứ vào sách "Hắc Long Giang chí cảo", ở trong các dân tộc thiểu số như dân tộc Mãn, Ngạc Ôn Khắc, Ngạc Luân Xuân v.v. ở Hắc Long Giang (dân tộc Hán cũng có) "Vu phong" thịnh hành, trong nhà có người ốm, không biết đến việc chữa thuốc, chỉ biết mời thầy cúng vào nhà tụng kinh, ăn mặc như một phùng sĩ, có tiếng trống kèm theo, nhảy múa, hỏi nguyên nhân bệnh vì đâu; rồi giường chiếu được do, ấn xoa vào người bệnh vài lượt rồi dần dần khỏi. Hoặc nhờ Lạt Ma chữa cho cũng tương tự như vậy cả". Nghi thức tôn giáo tiến hành chữa bệnh hoặc tế tự trong dân tộc Mông Cổ gọi là "Hành bác". Hành bác chữa bệnh nói chung được tiến hành trong nhà người bệnh. Lấy việc Hành bác chữa bệnh cận đại làm ví dụ, nghi thức này đại thể có 3 trình tự cơ bản cầu nguyện thỉnh thần, nhập thần và tiễn thần. Khi Hành bác, thầy cúng hoặc cô đồng phải mặc pháp y, tay cầm trống 1 mặt vào nhà. Khi bắt đầu cầu nguyện thỉnh thần, bệnh nhân ngồi ở trên giường. Cô đồng hành lễ ca hát hướng về thần linh ở 4 phương tám hướng. Tiếp đó bước vào giai đoạn thánh nhập. Sau khi qua 1 hồi lâu, cô đồng ca hát nhảy múa, tình cảm xúc động, bước chân múa ngày càng hăng hái. Lúc này có người hát đầu dâng rượu tiếp đó cô đồng phải nghiêng thỉnh thân linh, bước chân nhảy múa càng cuồng nhiệt hơn, và bắt đầu rung người, miệng phun bọt trắng, hai mắt trắng dã. Khi đã đạt tới cao

trào, động tác cuồng loạn, cuối cùng lao vọt ra ngoài cửa, ngã vật ra chứng tỏ thần linh đã nhập vào. Lúc này có người vực cô đồng ngồi xuống trước tượng thần, hỏi cô (hoặc thầy) nguyên nhân gây bệnh cùng các vấn đề khác của người bệnh, xin được bói quẻ và dạy bảo. Cô đồng (hoặc thầy đồng) nhất nhất đều trả lời rõ. Có cô đồng lúc này dùng miệng cắn chặt 1 thỏi sắt đã nung đỏ, sau đó thổi khí nóng vào chỗ đau của người bệnh, hoặc để chân trần dẫm lên thỏi sắt nung đỏ, sau đó dẫm vào chỗ đau của người bệnh. Cũng có thầy đồng dùng phương pháp thay tiền ma chết, tức là dùng cỏ hoặc giấy sau khi làm thành tượng phỗng rồi thì đem đốt đi, để thay người bệnh trừ bỏ một bệnh họa. Còn có phép "gọi hồn" v.v.. Khi tiễn thần, thầy đồng tiếp tục nhảy múa và ca hát cầu nguyện rồi tiễn biệt các thần đã được mời đến. Sau khi tiễn chư thần đi rồi, thầy đồng dần dần tỉnh lại rồi chúc tụng cầu phúc cho người bệnh và mọi người có mặt. Sau cùng chủ nhà mời thầy đồng cùng mọi người ăn cơm, nghi thức "Hành bác" được tuyên bố kết thúc¹¹. Dân tộc Duy Ngô Nhĩ ở Mông Cổ cũng có phương pháp chữa bệnh tương tự như kể trên. Họ cho rằng các loại bệnh tật đều bị các tinh quái ma quỷ nhập vào mà sinh ra, chỉ có mời vu sư lên đồng đuổi ma mới có thể chữa khỏi. Một trong những phương pháp lên đồng đuổi ma chữa bệnh của thầy cúng, chính là để cho người bệnh nằm xuống sau đó vừa đọc thần chú vừa day vào chỗ đau của người bệnh, tiếp đó đi chân trần dẫm lên "cái bay chém đất" đã nung đỏ (một công cụ giống như cái cuốc của dân tộc Duy Ngô Nhĩ) rồi mới đưa chân đạp vào chỗ đau của người bệnh. Cứ làm y như vậy nhiều lần cho tới khi "cái bay chém đất" nguội lạnh mới thôi.

¹¹ "Đại từ điển tôn giáo về thần thoại các dân tộc Trung Quốc" trang 449

Ở nước ngoài cũng có kiểu chữa bệnh gọi hồn nhập xác và những thủ thuật mang tính chất tượng trưng. Trong lời dẫn của cuốn sách này đã nêu ra ví dụ "thầy thuốc" người BuXiManCôn, Châu Phi chữa bệnh cho người tộc mình chính là một thí dụ. Trong quá trình chữa bệnh "Thầy thuốc" đã nhảy múa xung quanh bệnh nhân: ông nhảy tới trước mặt người ốm, sau đó đưa chân dứng vào thân thể người bệnh, 1 tay đặt ở trước ngực người đó, một tay đặt ở sau lưng để dẫn ra dịch thể của tội ác. Người Vifôtô dân tộc nguyên thủy ở rừng tây bắc Amazôn. Nam Mỹ đối với 1 số bệnh tật khó chữa cũng cầu dựa "vào phương pháp cực đoan": Ban đêm, ở trong nhà tối om, vu sư mượn sự kích thích của cô ca (tên khoa học là Cocain, chất ma tuý gây kích thích), khiến cho bản thân bước vào trạng thái hưng phấn điên cuồng. Ông ta đánh trống múa may rồi gõ đập trên ván sàn, lúc ngừng lúc tiếp, phát ra những tiếng gào khóc danh sắc cho tới khi ông ta gọi được tinh linh mà ông ta cần đối thoại. Thông qua kỹ thuật huyết sáo, lúc này những người xung quanh nghe thấy cả 4 phương 8 hướng đều có tiếng kêu của động vật và chim chóc. Đây là "biểu hiện của thần linh đã tới". Cuối cùng, khi chuẩn đoán nguyên nhân bệnh dưới sự giúp đỡ của thần linh ông đã quá mệt mỏi nằm vật ra đất. Sau chừng nửa giờ, khi tỉnh dậy, ông liền bắt đầu chữa bệnh, ông chấp 2 tay lại, miệng lẩm nhẩm đọc thần chú, xoa và cắn chỗ đau, hút lấy rồi nhổ ra 1 thể lỏng màu đen. Cuối cùng, biến ra thành 1 mũi kim nhọn hoặc 1 chiếc gậy những thứ này đều là "hoá thân của thần linh quỷ ác". Ngoài ra, các tín đồ của đạo Cơ Đốc tin rằng nếu được tay thánh sờ vào có thể chữa khỏi bệnh. Trong truyền thuyết dân gian nước ta cùng với 1 số người có tư tưởng mê tín ở nước ta tin tưởng sau khi được bàn tay của vu sư sờ vào có thể chữa được bệnh, có thể quy

vào phương pháp chữa bệnh này. Như dân tộc Diệc ở làng A Lạp, thị trấn Côn Minh, tỉnh Vân Nam, nếu trẻ con có thói quen khóc đêm liền đưa đứa trẻ tới nhận làm con nuôi 1 nhà người thân, bắt đứa trẻ phải lễ bái 1 thầy cúng già. Đến giờ, người mẹ của đứa trẻ liền đem đứa trẻ, xách 2 bình rượu, 1 bọc điểm tâm, 1 bó thuốc khô, tới nhà vu sư, cầu xin cô đồng dùng tay xoa miết lên trên đầu đứa bé và đặt cho cháu một cái tên. Mọi người tin tưởng rằng qua sự tiếp xúc của "bàn tay thánh" đứa trẻ sẽ cảm ứng được một loại pháp lực siêu nhiên thì ít mắc bệnh mà dễ nuôi⁽¹⁾. Sở dĩ có thể sản sinh ra quan niệm và phong tục kể trên là bởi vì ở trong con mắt các tín đồ Cơ Đốc giáo và các tín đồ phi tôn giáo mê tín quỷ thần, thì bản thân Jêsu, Giáo chủ, Hoàng Đế và vu sư chính là hóa thân của thần.

4. CẦU THẦN NHẬP XÁC KÈM THÊM THUỐC VÀ NHỮNG ĐỘNG TÁC THỦ THUẬT MANG TÍNH CHẤT TƯỢNG TRUNG

Phép trị bệnh này là một loại phương thức chữa bệnh mà các vu y quen dùng để tăng cường hiệu lực của bệnh bằng vu thuật của rất nhiều dân tộc trong và ngoài nước. Ví dụ, một số "thần y" của dân tộc Cao Sơ khi chữa bệnh cho người cần trước hết nhìn sắc mặt của người bệnh, bắt mạch, sau đó mới "thỉnh thần". Họ miệng đọc chú ngữ, hai tay đồng nắm 1 nắm, tây vót 1 nắm giống như làm ảo thuật, từ trong túi áo lấy ra các loại "Tiên đan tiên bột" cho người bệnh uống. "Hương đầu" của "Tứ đại môn" khám bệnh cho người cũng là trước hết hỏi han nguyên nhân bệnh tình sau đó cho dùng thuốc để phối hợp chữa bệnh. Vu sư của dân tộc Dao chữa bệnh cho

⁽¹⁾ Trương phúc: Sự suy bái Tát Ma và Nữ thần của dân tộc Di làng A Lạp, Vân Nam". Xem "Báo Đại học sư phạm Vân Nam" số 1 năm 1992.

người đã dùng niệm chú nhảy múa để đuổi ma tà, cũng dùng thảo dược thay tế đông y, hoặc phương pháp tâm cát v.v.. Vu sư của dân tộc Miêu đồng thời với việc chữa bệnh đuổi ma, kiêm dùng thảo dược chữa bệnh, đối với người có vết thương bên ngoài cách chữa chạy đặc biệt. Ngoài ra, vu sư của các dân tộc kể trên và 1 số dân tộc khác, có người còn sử dụng các phương pháp như trích thịt lấy máu, phóng huyết chỉnh xương, dùng tay xoa bóp, lấy ngón tay bóp vào "bệnh căn" trên thân của người bệnh, phối hợp với việc gọi hồn nhập xác và sử dụng thuốc để tiến thành chữa bệnh. Ở nước ngoài từ lâu ở khu vực Nhật Nhĩ Man cổ đại, nghi thức dùng thuốc cộng với việc thánh nhập để tiến hành chữa bệnh rất thịnh hành. Các vu y khi chữa bệnh cho người đã niệm chú và cho uống thuốc được thảo. Ở chỗ người Slaphơ pháp thuật trừ bệnh rất khó phân biệt. Thuật vu y dân gian gần đây của Ốtstrâylia càng phát đạt, các vu y quen thuộc với việc dùng các loại cây thuốc, thậm chí còn dùng thang tế, xoa bóp, chườm nóng, trích máu v.v. để chữa các loại vết thương và xương gãy. Một số dân tộc ở các đảo Thái Bình Dương như người Mèranixia và Pòrinixia cũng đều thịnh hành thuật vu y. Thuật vu y nói ở đây đã bao hàm phương thức dùng thuốc và gọi hồn nhập thánh để tiến hành chữa bệnh.

VUI CHƠI GIẢI TRÍ

Công dụng của trò giải trí trong phong tục "giáng thần phụ thể" bao gồm 2 loại giải trí thần và giải trí người. Phong tục thánh nhập (lên đồng ban đầu là 1 nghi thức hoạt động vu thuật đơn thuần hoặc tôn giáo đơn thuần, nó chỉ có công dụng giải trí thần mà tuyệt nhiên không có nhân tố giải trí người. Đến sau này, theo sự phát

triển của xã hội, phong tục thánh nhập do hoạt động của vụ thuật thuần túy, tôn giáo thuần túy, có một bộ phận chuyển hóa thành hoạt động vui chơi giải trí dân gian, từ 1 phần giải trí thần đơn thuần chuyển thành giải trí người. Giống như phong tục tập quán thánh nhập như lên đồng đánh đồng thiếp v.v.. Sớm nhất là hoạt động giải trí thần mang tính chất vụ thuật đơn thuần mang tính chất tôn giáo đơn thuần về sau mới dần dần biến thành hoạt động vừa có phần giải trí thần lại vừa có phần giải trí người. Như hiện nay ở một số địa phương mỗi khi gặp ngày nhàn hạ qua tết, giả sử không thăm bệnh chữa bệnh, không bốc quẻ xem lành dữ, cũng còn có thể tiến hành các nghi thức lên đồng. Con người xem đáng điệu múa vui nhộn của các người lên đồng làm vui, thán hoặc còn hỏi thần 1 số việc làm vui. Tục chơi trâu đất, nhảy đồng cóc, mời thần bàn v.v. từ lúc ra đời cho đến nay chính là 1 loạt hoạt động mang tính vui chơi giải trí đơn thuần. Khởi đầu của sự phát minh ra tục "phù kê" chẳng qua chỉ là một loại trò chơi của chị em phụ nữ, về sau lại là sự tương tác của vui chơi giải trí với bốc bốc xem lành dữ. Một số nơi ở Nhật Bản cũng tồn tại phong tục tập quán lên đồng gọi hồn với ý nghĩa chủ yếu là vui chơi giải trí, và tổ chức hoạt động thần bí mang tính chất giải trí đơn thuần¹¹. Thế nhưng hoạt động văn hóa tinh thần dân gian này chủ yếu còn theo tín ngưỡng nguyên thủy, tiến hành theo quỹ tích hoạt động tự vui chơi.

PHONG TỤC GỌI HỒN NHẬP XÁC VỚI ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ VÀ QUÂN SỰ

¹¹ "Cần đồ hấp dẫn của tôn giáo hiện đại (Tiểu Điển Tân (Nhật) nhà xuất bản công nhân: lần thứ 1 tháng 5 năm 1989 trang 47.

Hiện tượng dùng phương thức gọi hồn nhập xác thi hành ma pháp và phản ma pháp ở trong dân gian thì đâu đâu cũng đều thấy cả, nó được vận dụng rộng rãi vào nhiều mặt ở trong đời sống. Ở đây tạm thời không cần thiết phải kể nhiều. Không những thế, phong tục thánh nhập vào cô đồng còn được vận dụng một cách rộng rãi vào trong cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, về điểm này rất nổi bật ở nước ta.

Theo "Tấn thư - Triệu Vương Luân truyện" ghi "Luân và Tư đều mê hoặc bởi vu qui, nghe theo thuyết yêu tà, Tú sai nha môn Triệu Phụng giả làm lời thánh Tuyên đế, ra lệnh cho Luân sớm vào Tây cung. Lại nói rằng Tuyên đế ở núi Mong, nói là mưu phản sẽ thành. "Hán thư - Quảng Lăng Lệ Vương Tư truyện". Viết thời Chiêu đế, Tư thấy thánh thượng còn trẻ mà không có con, liền có ý đồ xấu. Thấy đất Sở có vu sư, Tư đã đón cô đồng Lý Nữ Tu, lên đồng niệm chú. Nữ Tu khóc lóc nói: "Lý Vũ Đế nhập vào ta" Tả hữu đều phủ phục Nữ Tú nói "Ta tất sẽ lập Tư làm thiên tử". Tư đã thưởng cho Nữ Tu nhiều tiền và sai cầu nguyện ở Vu Sơn". Lý Nữ Tu vì thực hiện đã tâm có ý đồ thoán nghịch của Tư nên đã giả vờ làm thần làm quỷ, rồi tự xưng là hồn Vũ Đế nhập vào để hù dọa tả hữu do đó đã được trọng thưởng của Tư. Hai sử liệu kể đã phản ánh sự thực vu sư và phương sĩ đã tham gia vào cuộc đấu tranh chính trị trong nội bộ triều đình từ đời Hán trở đi. Lại căn cứ vào ghi chép trong "Toàn Hậu Hán Văn - Hoàn Tử Tân luận": "Ngày xưa Sở Linh vương kiêu sa dâm dật khinh thường người dưới, khinh hiễn chuộng quỷ, tin ở đạo của vu thuật, trai giới khiết tiên để thờ thượng đế, lễ minh thần, bản thân cầm lông vũ làm lễ cầu phúc nhảy múa ở trước đàn. Người Ngô tới đánh quân tới cấp báo. Mà Linh vương vẫn ca múa như thường, chỉ ngoảnh cổ lại nói: "Quả

nhân đang tế trời, lễ minh thần, đang cầu sẽ được phù hộ, không dám đi cứu!" Khi quân Ngô kéo đến đã bắt sống thái tử và hậu cơ của Linh vương". Thời kỳ phong trào Nghĩa Hòa đoàn, phong trào thánh nhập cô đồng của Nghĩa Hòa đoàn càng là cơ sở quan trọng trong việc tiến hành những quyết sách quân sự của bọn thống trị vương triều nhà Thanh hủ bại bất lực theo "Canh tĩ quốc biến ký" do Lý Hy Thánh tuyển chọn, nói đại thần Tài Y, Cương Nghị v.v., triều Thanh vô cùng tin tưởng: thuật của Nghĩa Dân, thuật ấy rất thần diệu, có thể báo thù được huyết hận". Ngay đến cả Từ Hi thái hậu cũng bị nó mê hoặc, đã "đưa cho 10 vạn lượng vàng, Tài Y lập tức; lập đàn, sớm chiều lễ bái. Thái hậu cũng xây đền ở trong nội cung", và cuối cùng đã quyết định đánh sứ quán người nước ngoài ở Dân Căng ngoại thành phía đông.

Giai cấp thống trị đã như vậy, việc khởi sự của nông dân khởi nghĩa và các tổ chức tôn giáo bí mật dân gian cũng như vậy. Phong tục gọi hồn nhập xác đã trở thành công cụ quen dùng của các thủ lĩnh nông dân khởi nghĩa và các tổ chức tôn giáo bí mật dân gian. Cuối thời Đông Hán, khi quân Xích My Sơn Đông khởi nghĩa, các thầy cúng ở trong quân đội cũng rất giống các mục sư tòng quân ở trong quân đội châu Âu. Khi Quan Xích My tây chinh Trương An, không ít quan binh lòng nhớ cố hương, nhân tâm ly tán, thủ lĩnh mời thầy cúng lên đồng ở trong quân đã mời được anh linh của Thành Dương Cảnh Vương, kêu gọi quân Xích My vì thiên tử đánh hạ kinh sư, lập tức có công hiệu ngay. Theo "Duy huyện chí cảo" ghi: Năm 16 Đạo Quang (trước chiến tranh nha phiến 4 năm), ở vùng Lai Châu tỉnh Sơn Đông, mùa xuân có nạn đói lớn, mùa hạ có ôn dịch, mùa đông lại tuyết lớn rất nhiều người chết đói, chết bệnh, chết rét. Tức thì ngày mồng 8 tháng giêng năm Đạo Quang 17

(1837) liên phát sinh cuộc bạo động do Bạch Liên giáo do Mã Cương đứng đầu. Họ đã tập hợp được mấy chục ngàn người vào huyện thành Duy huyện, mưu sát huyện quan không đạt. Khi họ khởi sự, tin tưởng sâu sắc nhất định sẽ có thiên binh thiên tướng tới viện trợ, hơn thế mấy người lãnh đạo chủ yếu trong bọn họ tin tưởng bản thân họ đều là Bạch hổ tinh, Mảo tinh, Chúc nữ tinh xuống trần tât sẽ thành công. Thế nhưng kết quả họ đã lập tức thất bại, bị giết chết gần ngàn người. Lại theo "Cổ kim quái dị tập thành" Nói: "Thượng đế của đạo Cơ đốc thời Gia Khánh, châu Cửu Thao người đất Việt rá. Hồng Tú Toàn Phùng Văn Sơn ông làm thầy. Cửu Thao chết, suy tôn Tú Toàn làm giáo chủ. Năm Bình Thân Đạo Quang, Tú Toàn, Văn Sơn truyền đạo tới Quảng Tây, cư trú ở núi Bằng Hóa nơi tiếp giáp Vũ Tuyên. Khi Tú Toàn ốm nằm nguy kịch, đột nhiên đỡ, nói ta ốm chết nằm ở dưới đất đã 7 ngày. Nay bắt đầu tỉnh, có thể biết được các việc mai sau, việc đời sẽ rối ren đại loạn, duy chỉ có thờ đạo của thượng đế hoặc làm lính giáo chủ, thì có thể được miễn, hơn thế, sau khi chết có thể lên được cõi cực lạc ở trên thiên đàng. Lễ bái thượng đế Nộp vàng bạc, cúng hương nến, có thể chuộc được mọi tội ác đã qua". Năm 1748 (năm 13 Càn Long) một cánh quân ở Lão Trai, Phúc Kiến đã khởi sự chống lại quan. Một trong những người tổ chức khởi nghĩa lần này là cô đồng ở nông thôn, cô vốn "có thể lên đồng, lại có thể múa kiếm gọi ma". Các tín đồ khởi sự mượn thuật lên đồng của cô để tuyên truyền tôn chỉ "Di Lặc hạ thế", "Thế thiên hành sự", "Khuyên phú tế bản" Vào năm Gia Khánh ở vùng Hòa Châu An Huy. Giáo đầu Phương Vinh Thăng, đạo Viên Đốn giả thác lời thần tuyên truyền tai họa tuyên bố tình tú các triều đã chuyển kiếp cứu thế

"nhập vào thân thể các anh hùng hảo hán" mượn thân thể người để khởi sự.

Hình thức mượn phong tục thánh nhập làm công cụ khởi nghĩa, thì ngay các cuộc khởi nghĩa của các dân tộc thiểu số cũng không ngoại lệ. Ví dụ Thao Yên, người anh hùng khởi nghĩa của dân tộc Cơ Nặc sở dĩ trở thành lãnh tụ của cuộc đại khởi nghĩa dân tộc năm 1941 là bởi vì ông đã biết lợi dụng đầy đủ phong tục cô đồng nhập thánh. Một ngày trong năm 1940, bá phụ Môn Bá của Thao Yên đột nhiên run rẩy, nửa đêm đập đập đánh đánh kêu gào âm ỉ, nói rằng quý thần muốn để cho ông lãnh đạo dân tộc Cơ Nặc. Thế nhưng suốt mấy ngày mà người hưởng ứng rất ít, ông liền tự nói không thể làm người lãnh đạo được, tức thì sau khi đã giết chết 1 con chó đem máu chó bôi lên trên cửa, để biểu thị cự tuyệt lời phán của quý thần, để cho ông làm người lãnh đạo. Kết quả, trong vòng một năm 2 người con trai của Môn Bá lần lượt chết đi, Thao Yên hiểu biết rất rõ quá trình của các sự kiện phát sinh ra ở trong nhà người bác, tức thì đã lấy lý do ý chí của quý thần khó chống lại được, đã chủ động đảm nhiệm nhiệm vụ nặng nề của người bác. Quả nhiên, ở trong nhà mình ông đã phát run toàn thân. Chính trong lúc này Thao Yên còn gặp phải mấy sự việc kỳ lạ: Ông đánh được một con nhạn trắng, khi lột da đã phát hiện trong cổ một sợi vàng dài ước hai ngón tay chó, một con bò vàng nhỏ của ông sau khi bị người ta chém chết thì phát hiện ở trong dạ dày của nó có rất nhiều lông thú và đầu tóc người... Mấy sự kiện cộng lại càng khiến cho sự run rẩy của Thao Yên tràn đầy tính chất thần bí. Còn Thao Yên lúc này lại mở miệng ca hát, ban ngày hát, ban đêm cũng hát, ông hát rằng ông là đại biểu của thần tổ toàn dân tộc Cơ Nặc. Do đó nhân dân dân tộc Cơ Nặc đang lúc bế tắc đường đi, cũng ca hát theo

Thao Yêu đang toàn thân run rẩy. Từ đây đã bắt đầu phát sinh cuộc đại khởi nghĩa của dân tộc Cơ Nặc¹¹.

THỰC DỤNG

Thực dụng của phong tục gọi hồn nhập xác chỉ là nói khi so với việc vui chơi giải trí mà thôi. Trên thực tế việc thông thần, bốc quẻ vận sự, chữa bệnh, thánh nhập cô đồng với dấu tranh chính trị và quân sự đã nêu ở trên, cũng thuộc về công dụng thực dụng cả. Ngoài cái đó ra, công dụng thực dụng của phong tục thánh nhập còn biểu hiện ở chỗ phong tục thánh nhập đã được vận dụng 1 cách rộng rãi ở rất nhiều mặt trong đời sống xã hội. ví dụ như khoa cử, giảng đạo, truyền đạo, thi hành ma pháp với kẻ thù hoặc phản ma pháp, thậm chí đến cả việc cầu mưa, cầu nắng, rửa tội, cầu tự v. v.. Ví dụ ở một số thôn làng thuộc huyện Kỳ Tinh Hà Bắc trước đây nếu gặp đại hạn lâu liền hỏi tới "Mã Tử" khi nào có thể mưa. Lúc bình thời, "Mã Tử" chẳng có gì khác lạ với người thường, tới lúc cầu mưa, thánh nhập vào, liền trở thành một con người khác hẳn. Khi gục đầu khấn vái ở trong miếu, ông tựa hồ như thánh nhập vào. Theo ghi chép trong "Trung Hoa phong tục chí" gần đây ở nước ta thịnh hành việc "phù kẻ" có liên quan tới việc "Đệ tử của Loạn tiên tuyên truyền người nhập đàn có thể tẩy trừ được tội lỗi trước kia, mai sau có thể lên trời thành Phật" Loại hiệu triệu như vậy cuối cùng có thể khiến cho người ngu lờ đờ bước đi như cò. Phụ nữ dân tộc Hách Triết nếu quá 30 tuổi mà chưa sinh con, tức thì cho rằng bản thân mình không có linh hồn thứ ba, cần phải thỉnh Sa Man lên

¹¹ Bối cảnh sản sinh ra vụ Sự của nhân tộc Cơ Nặc" (Đo Ngọc Đình) xem "xã hội khoa học Văn Nam kỳ thứ 6 năm 1988.

đồng tìm hồn. Khi lên đồng, chúng thần trên đường trở về, sau khi người cầu tự nấp ở đằng sau lưng Sa Man, buộc giải bay ở trên quần hoặc mũ của thần thành 1 nút, lúc ấy không để cho Sa Man biết. Sa Man về nhà, bước tới trước ngu thần, hỏi nút nào đó do ai buộc. Người buộc nút liền quỳ xuống dùng rượu rảy vào thân thần, cúi đầu cầu nguyện, nếu có con tait sẽ cúng bò, ngựa lợn, cừu v.v., để hoàn nguyện. Sa Man đánh trống cầu nguyện trước thần rồi bắt người cầu tự qua 3, 4 ngày thì đến nhà Sa Man lên đồng để lấy linh hồn của thai. Phong tục thánh nhập cô đồng có khi còn trở thành vũ khí để cho chị em phụ nữ tiến hành một loại phản kháng nào đó hoặc thực hiện một loại dục cầu nào đó. Ví dụ một vị vu sư dân tộc Di ở làng A Lạp, thị trấn Côn Minh, tỉnh Vân Nam, có khi bà làm cơm ở trong nhà, mệt mỏi quá chừng, liền đang rộng 2 tay, hát xì hơi rồi bắt đầu nói huyền thiên, có những hành động khác với lúc bình thường, đây chính là triệu chứng thần sắp sửa nhập vào cô. Lập tức, người chồng của cô liền phủ phục ở dưới chân cô mà vái cô. Cô từ người vợ biến thành "bá chúa", không làm việc vặt trong nhà nữa. Tình trạng tương tự, trong một số phụ nữ ở một số nước như Etiôpia.. cũng tồn tại¹¹. Ở miền đông Châu Phi một số linh hồn thường nhập vào thân thể phụ nữ dân tộc Kma. Số phụ nữ này dùng những ngôn ngữ mơ hồ không rõ, nói 1 số câu "Lung tung lang tang". Bản thân của ngôn ngữ tay hàm hồ chẳng rõ, thế nhưng yêu cầu của họ rất rõ ràng. Điều mà các chị yêu cầu là những lễ vật đến từ nam giới (nói chung là người chồng) và sự quan tâm của họ. Ví dụ như để cho chồng mua mũ nón, quần áo v.v.. Điều này thật quá đúng như lời nói của nhà nhân loại học nước Anh là I. M. Luis, hiện

¹¹ Xem "Kim chi" (thượng) trang 149

tượng nhập thánh thường thường là một loại thủ đoạn "Phụ nữ và các giai tầng bị áp bức khác, trạng thái đánh mất mục tiêu và tình dục không được thỏa mãn; khi không có cách khống chế hữu hiệu khác, thì sẽ lợi dụng nó, để thi hành một loại áp bức thần bí nào đó, đối với những người có quyền thế".

4

THỦ PHÁP VÀ ĐẠO CỤ CỦA MA THUẬT SƯ: THỦ ĐOẠN CHỦ YẾU CỦA THÁNH NHẬP CÔ ĐỒNG

Khảo sát các loại phong tục tập quán gọi hồn nhập xác ở các nơi trên thế giới, nói chung có 3 loại hình thức: 1 là "Tinh linh phụ thể", tức là thân xác của cô đồng hoặc người làm pháp thuật bị tinh linh chiếm giữ. Hai là "linh hồn xuất khiếu" tức là linh hồn của vu sư hoặc người làm phép lìa xa thể xác đi tới thế giới tinh linh. Ba là "tinh linh phụ thể" và "linh hồn xuất khiếu" cùng kết hợp, tức là sau khi tinh linh nhập vào thân xác của vu sư hoặc người làm phép, liền dẫn đưa linh hồn của vu sư hoặc người làm phép thuật đi tới thế giới linh thể siêu tự nhiên. Thế nhưng, đứng ở thủ đoạn cụ thể của việc thánh nhập cô đồng mà nói, thì có muôn màu muôn vẻ, biến đổi

khôn lường, do sự khác nhau bởi các chủng loại ngôi đồng mà sinh ra sự khác nhau.

CUỒNG VŨ

Cuồng vũ là một trong những thủ đoạn chủ yếu của việc thánh nhập cô đồng có sớm và phổ biến nhất. Sở dĩ nó vận dụng được lâu dài và phổ biến như vậy, là bởi vì nó đã có liên quan chặt chẽ không thể tách rời với nhảy múa nghi thức đã tiến hành trong xã hội nguyên thủy, và việc nhảy múa nguyên thủy cũng khiến cho con người dễ sinh ra bệnh Hysteria¹⁾ (cũng tức là con người cho rằng ma quỷ nhập vào trong con người)

Chúng ta đều biết, nghi thức là một bộ phận lớn trong đời sống xã hội nguyên thủy, số nghi thức này có cái đã liên quan tới tất cả các hành vi sinh hoạt cơ bản và lớn lao như sinh đẻ, hôn nhân, chết chóc; Có nghi thức đã liên quan tới những tai nạn cực kỳ to lớn của con người do thiên nhiên gây ra như hạn hán, lụt lội, động đất, chiến tranh v.v.. mà bất kỳ nghi thức nào hoặc ít hoặc nhiều cũng đều có liên quan tới vũ đạo nguyên thủy, mỗi loại nghi thức hầu như đều có sự thích ứng tương đối với vũ đạo nguyên thủy, ví dụ nghi thức kết hôn có múa hôn lễ, nghi thức mai táng có múa chôn cất, nghi thức cầu mưa có múa cầu vũ, nghi thức xuất chinh có xuất chinh vũ...

Việc nghiên cứu đối với các điệu múa nguyên thủy (đặc biệt là các điệu múa tôn giáo nguyên thủy) chúng tôi: các điệu múa tôn giáo nguyên thủy, hình thức vũ đạo cổ xưa này là một trong những

¹⁾ Bệnh điên, thần kinh.

phương thức đầy vồ thể xác. Khi một vị Sa Man nhảy múa đến độ tinh thần quá mệt mỏi, chứng mê ngất mang tính chất đông cứng⁽¹⁾ bao giờ cũng không thể tránh được việc xuất phát ra⁽²⁾. Từ đây mà nhìn, thông qua việc nhảy múa cuồng loạn dẫn tới phát sinh ra bệnh Hysteria là một kết quả tất nhiên. Vốn dĩ bệnh Hysteria là một loại bệnh mang tính chất tinh thần, nhưng đối với người nguyên thủy trình độ văn hóa khoa học thấp mà nói, kết quả tất nhiên này không những được coi là triệu chứng có quỷ thần nhập vào người, còn bị người ta coi là đã tìm ra được một con đường thông suốt tiến hành thẩm thấu qua lại trao đổi giữa vu sư với thần theo lối nhìn của người nguyên thủy, sự thẩm thấu giao lưu qua lại giữa vu với thần không phải là có thể tiến hành một cách có hiệu quả ở bất kỳ lúc nào, địa điểm nào, nó đòi hỏi phải trải qua một đường thông nhất định. Chỉ có men theo 1 đường thông đặc biệt nhất định mà bước xuống thì loại thẩm thấu và qua lại này mới có thể thực hiện được, mà cuồng vũ chính là một thông đạo quan trọng thẩm thấu và qua lại giữa vu với thần. Ví dụ đối với hiện tượng đau ốm, người nguyên thủy cho rằng sinh bệnh đau ốm là do ma ám của ác quỷ ác thần dẫn đến, mà con người lại không thể trực tiếp giao thiệp với ác quỷ ác thần này được, chỉ có thông qua vu sư đi cầu trợ sức mạnh của thần linh mới có thể xua đuổi được ma bệnh. Để đạt được mục đích này, con người thường phải tiến hành những nghi thức nhất định, do vu sư ở bên cạnh bệnh nhân vừa niệm chú, vừa nhảy múa, chỉ có nhảy đến khi nào mồ hôi vã ra như tắm, hoàn toàn bước vào trạng thái mê sảng thần hồn điên đảo, thực hiện được sự liên hệ với tổ

⁽¹⁾ Một trong những hình thức biểu hiện của bệnh Hysteria

⁽²⁾ "Thần thoại Côn Luân và văn hoá Tát Mãn" của Lữ Vi. Xem "Dân gian Văn học Luận đàn" số 3 năm 1989.

linh, dựa vào sức mạnh siêu tự nhiên của vong linh tiên tổ đuổi cút được ma bệnh mới dừng lại. Chính bởi công dụng của việc nhảy múa nguyên thủy, cầu thông được mối liên hệ giữa con người với thần là một trong những nguồn gốc chủ yếu khiến cho vu thuật trở thành pháp bảo có sức mạnh, vì thế vũ đạo đã trở thành thủ đoạn quan trọng thẩm thấu và giao lưu giữa vu và thần của người nguyên thủy. Hiện tượng cổ xưa nay cũng vẫn còn biểu hiện rất rõ rệt ở bản thân vu sư của một số dân tộc nguyên thủy hoặc dân tộc lạc hậu. Ví dụ, các vu sư của vùng Trung Á, Xibêria phần đông là thông qua tiếng trống chiêng thúc dục và những tiết tấu của điệu múa mà dẫn tới thánh nhập vào thần. Theo tiếng trống chiêng càng ngày càng thúc giục gấp, bước chân nhảy múa của các vu sư ngày càng nhanh, cho tới khi họ bước vào trạng thái mê sảng thân thể của họ theo tiếng ca và tiếng chiêng trống quay cuồng, lại một lần nữa nhảy múa, dậm dáp, quay cuồng, làm ra các tư thế động tác điên loạn kịch liệt. Cuối cùng họ ngã vật ra đất, toàn bộ tâm thần tiến sâu vào một thế giới không thể nhìn thấy được. Các vu sư Ấn Độ, Mã Lai thường thường cải trang thành con hổ, thông qua nhảy múa đạt tới trạng thái mê sảng.

Nếu nói vũ đạo là thủ đoạn quan trọng của việc thánh nhập vào cô đồng ban đầu chỉ là thứ của riêng của các vu sư ở các nơi trên thế giới, thế thì về sau, vũ đạo theo nghi thức tôn giáo này còn trở thành một hiện tượng rất được lưu hành trong hoạt động thường nhật của các bộ lạc nguyên thủy hoặc các dân tộc lạc hậu ở khắp nơi trên thế giới. Không những là vu sư, cho dù là những người thường cũng có thể thông qua vũ đạo mà giao lưu thẩm thấu với thần. Ví như những người trong một số bộ lạc da đỏ ở bình nguyên châu Mỹ chính là "lấy vũ đạo làm thủ đoạn để liên hệ với thế giới

tinh linh"¹¹ trong vòng quay nhanh của vũ đạo và thực hiện sự giao lưu thần bí với thần linh. Người By Xy Man ở Phi Châu vì để thực hiện việc dẫn thánh nhập hồn họ đã nhảy tới mức học máu mũi, ngã lảo đảo xuống đất mới thôi. Người KaNô ở Panama trước khi cô gái xuất giá, nghi thức quan trọng tổ chức cho các cô dâu, trước hết là bắt đầu vũ đạo, chị em phụ nữ xếp thành hàng bước lên trước, lại dùng những động tác nhảy múa nhanh tới mức cổ quái rồi từ từ thoái lui. Các nam giới lập tức bước theo sau, còn các vụ sư trước sau vẫn dẫn đầu. Người ta đã đốt lên 1 đồng lửa, ngọn lửa bốc lên cao rực rực, đủ tới độ cao 40 thước Anh, ánh lửa đỏ rực như tia chớp điện đã làm tăng thêm cảm giác cổ quái thần bí của một cảnh tượng... tiếng hò hét inh tai không dứt, tiếng sáo chơn trâu réo rắt, lại cộng thêm tiếng ca hát ngâm thơ vang lên khiến cho sự điên cuồng của con người đã tăng lên không ngớt cho tới khi hoàn toàn quên hết tất thảy, không khống chế nổi mình nữa mới thôi. Hoặc trong công việc chuẩn bị cho sự kiện săn bắn hoặc chiến đấu trọng đại, mỗi một dân tộc nguyên thủy đương đại đều có thể phát cuồng trong vũ đạo. Loại vũ đạo quần thể này khiến họ tựa như đã đạt được những tính chất đặc sắc độc đáo, phi phạm, để phân biệt những cảm thụ của linh tính này với sinh hoạt thể tục bình thường, mọi người tin tưởng rằng trong đó có 1 loại thần lực siêu tự nhiên đã truyền cho cả quần thể. Do đó "Vũ đạo đối với họ mà nói chính là một công việc vô cùng nghiêm túc, cũng có người nói đó là trò vui giải trí, hơn là nói nó là 1 loại nghi thức tôn giáo và chú ngữ đặc thù"¹².

¹¹ "Cộng giáo thế giới" (L.M Hop f (Mỹ) nhà xuất bản tri thức số 1 tháng 4 năm 1991 trang 34.

¹² "Tư tưởng nguyên thủy" (La Vi Buliuro (Pháp) trang 243.

Phong tục tập quán cầu hồn nhập thánh không những đã phát sinh mối liên hệ mật thiết với tôn giáo nguyên thủy mà còn có mối liên hệ mật thiết với tôn giáo cận hiện đại nữa. Thông qua Vũ đạo cầu hồn thánh nhập không những là nội dung không thể thiếu được trong nghi thức tôn giáo nguyên thủy, mà còn là nội dung không thể thiếu được trong nghi thức của rất nhiều tôn giáo cận hiện đại. "Tôn giáo có thể khiến cho con người điên cuồng", phương thức biểu đạt của rất nhiều tôn giáo cận hiện đại chính là tiến hành những nghi thức hoạt động giống như diễn kịch, thông qua nhảy múa trong thời gian dài để tìm thấy sự vui mừng điên dại, từ đó đạt tới trạng thái đột phát mê sảng hoang hốt về tinh thần, Chân lý của Vũ đạo, đối với các tín đồ Cơ đốc thời kỳ đầu mà nói, đã có 1 ý nghĩa thần thánh và thần bí, sử dụng truyền đạo bằng hình thức hưng phấn (một loại phương thức truyền đạo, lấy tình cảm tôn giáo cuồng nhiệt châm ngòi), liền trở thành đặc sắc chủ yếu của việc truyền đạo cơ đốc thời kỳ đầu. Các tín đồ cho rằng, thần và người trong trạng thái tinh thần mê huyền rất dễ dung hợp vào nhau, do đó, họ sùng bái hát linh ca, nhảy linh vũ với hình thức sùng bái cuồng nhiệt, dùng tiếng ca kích động nhảy múa để đạt tới trạng thái tiêu tan mất cả lý trí. Phàm những tín đồ tham gia các nghi thức tôn giáo thường thông qua vũ đạo làm cho thân hồn của mình điên đảo, thần kinh hưng phấn tới độ, từ đó làm ra bộ chân thực, biểu diễn ra các loại động tác cổ quái, nói ra rất nhiều câu ngay đến mình cũng không thể hiểu được tiến thêm nữa họ cảm thấy "thánh linh" đã nhập vào thân thể họ, thánh linh đã xuất hiện. Loại phương thức này từ thời kỳ tăng lữ còn chưa tách ra khỏi thể tục, khi cử hành nghi thức cơ đốc đã từng có tác dụng chủ đạo. Sau khi nghiên cứu kỹ càng tỷ mỉ quyển kinh "Tân ước" sớm nhất, Ăngghen đã viết:

"Hình thức thời kỳ đầu của đạo Cơ đốc là hình dạng gì, đọc thử cái gọi là "Tôn khải thị lục", thì có thể có 1 khái niệm. Thời kỳ giáo nghĩa vừa mới manh nha cuồng nhiệt hỗn loạn thô thiển, cái gọi là đạo đức của đạo Cơ đốc chỉ có một điều là cấm dục; Trái lại huyền tưởng của dự đoán thì rất nhiều⁽¹⁾". Sự cuồng nhiệt hỗn loạn thô thiển mà Ăngghen đã nói ở đây đã bao hàm sự cuồng vũ trong truyền đạo mang tính chất hưng phấn. Nghi thức lễ Mi sa của đạo thiên chúa trước đây đa số là thông qua vũ đạo đạt tới mê cuồng để thực hiện sự giao lưu tinh thần với thánh linh, mê cuồng được đạo thiên chúa coi là dấu hiệu của thánh đồ. Phái Xô phi của đạo Islam cũng thường thường lấy cuồng vũ làm thủ đoạn của gọi hồn thánh nhập. Một người được mục kích đã báo cáo rằng vào năm 20 và năm 30 của thế kỷ này đã nhìn thấy nghi thức thánh nhập của phái Xô phi trong dân tộc Ha xai khơ ở gần Ta Ca ông nói: "Khi người múa cuồng vũ đã vào cao trào như say như mê, một người phụ nữ đứng dựa tường được Pakxisai đem một thỏi than hồng vào trong nhà, trải ở chính giữa. Người phụ nữ quay tròn loạn xạ lao tới phía thỏi than rất nhanh, dùng chân trần dẫm trên thỏi than đó. Pakxisai đứng ở bên cạnh thỏi than, không để cho các phụ nữ chơi quá lâu, ông đã đẩy họ ra để nhường đường cho người ở phía sau. Sau đó các phụ nữ lần lượt liếm vào lưỡi liềm đã được nung đỏ. Trong đó một người phụ nữ mất nhìn thỏi than, thân mật nói chuyện với thần linh giống hình con rắn⁽²⁾. Trên thảo nguyên xa xôi ở bắc Xibêri, đạo Sa Man còn giữ được vũ đạo tôn giáo thần bí của họ. Các nhà sư cấm bát đi khát thực ở Âu Châu, Thổ Nhĩ Kỳ hiện đại vẫn còn nhảy

⁽¹⁾ "Mác Ăngghen toàn tập" Tập thứ 19 trang 330

⁽²⁾ Chuyển dẫn từ "Tư liệu tôn giáo thế giới" số 1 năm 1991 trang 44, lấy sự ca hát và câu nguyện làm phần cố định của nghi thức tôn giáo.

những điệu múa thần bí tương tự ở trong tu viện của họ, và lấy phần ca hát và cầu nguyện làm phần cố định của nghi thức tôn giáo.

Loại dùng vũ đạo làm thủ đoạn gọi hồn thánh nhập này bắt đầu từ thời viên cổ cũng đã là sự đặc sắc rõ rệt của hoạt động vu thuật dân gian Trung Quốc. Trong "Ca vũ trữ tình tụng thần của dân thời sơ khai", Lỗ Tấn tiên sinh đã nói: "Tổ tiên thời nguyên thủy xa xưa, sống quần cư, họ chỉ lấy âm thanh tư thái để tự diễn đạt tình ý mà thôi... về sau có vu sư, làm nhiệm vụ thông với thần, thịnh hành ca vũ cầu thần linh ban phước, ca tụng thần ở trong nhân quần, tác dụng của họ ngày càng rộng lớn". Căn cứ vào "Thuyết văn giải tự" đời Hán, "Vu" là người chăm sóc tinh linh không nhìn thấy hình tích và có thể dùng vũ đạo để gọi tinh linh; là người qua vũ đạo đi vào trạng thái mê cuồng, song lại có thể truyền đạt ý nguyện của tinh linh cho mọi người biết... Rất nhiều tư liệu dân tộc học nước ta đã nói rõ một cách đầy đủ, từ xưa đến nay, nghi thức lên đồng của các dân tộc nước ta không có cái nào không tiến hành trong hình thức tay vùng chân múa. "Việc thờ thần của vu tất phải lấy ca múa", dẫn đến "ca múa là phụng tục của vu thuật"⁽¹⁾. Việc chính thần bằng ca múa này mãi cho tới thời cận hiện đại vẫn là như vậy. Các vu sư khi tiến hành nghi thức lên đồng, thường thường không thể thiếu được việc cầm trống hoặc cầm dao kiếm múa 1 cách điên cuồng, từ đó sa vào trạng thái mê huyền. Sự đặc sắc của loại "cô đồng nhảy nhót phán lời thần thánh" này còn ảnh hưởng đến một số nghi thức tôn giáo và vũ đạo dân gian của nước ta. Ví dụ một số pháp sư đạo giáo của địa phương khi làm tế lễ vừa nhảy múa vừa đọc kinh, có khi còn làm các động tác làm cho thần vui. Mọi người cho rằng

⁽¹⁾ "Thượng thư - y huấn".

việc ca vũ của các pháp sư đạo giáo có thể thông thần, tiêu diệt được tai nạn. Do dân tộc Hách Triết mỗi khi có bệnh nặng liền mời Sa Man lên đồng và cầu mùa màng bội thu, chức thọ cũng lên đồng, vì thế có thuyết nói nguồn gốc vũ đạo Hách Triết bắt nguồn từ múa lên đồng của Tát Mãn thời cổ xưa.

CHE MẶT

Thủ đoạn cầu hồn thánh nhập này chủ yếu thấy ở trong một số dân tộc thiểu số ở miền nam nước ta. Các vụ sư dân tộc Miêu ở một số địa phương, quá trình chủ yếu của việc đánh đồng thiếp (tắm âm) của họ là dùng khăn đầu che mặt, đọc thần chú đếm bốc gạo, chẳng bao lâu toàn thân run lẩy bẩy, 2 mắt trợn ngược tức là đã bước vào "cõi âm gian". Phương pháp bước vào cõi âm của các vụ sư dân tộc Miêu ở Châu Khê, Quý Châu là: đốt hương lên, dùng một chiếc khăn vuông bằng vải chup kín đầu, nhón lấy mấy hạt gạo đặt vào trong miệng nhai nuốt... Các vụ sư dân tộc Miêu huyện Đài Giang. Quý Châu đánh đồng thiếp chỉ đòi hỏi người cầu thuật này bỏ ra một bát cơm, một bát nước lạnh, vụ sư dùng một đoạn khăn trùm kín mặt là có thể tiến hành được. Các vụ sư dân tộc Thủy khi vào cõi âm. Đốt hương giấy, dùng khăn vải che kín đầu, dùng nến vàng đốt ở trong bát, hút thuốc lá, không bao lâu đã bất tỉnh nhân sự, tiến vào cõi âm gian. Các vụ sư của dân tộc Mao Nam khi tiến hành nghi thức "giáng đồng" hoặc lên "phù kê" có người cùng bịt kín đầu người ngồi đồng một vuông vải trắng, không bao lâu người ngồi đồng đã ngủ lản ra đất. Các vụ sư của dân tộc Mò Lao⁽¹⁾ được

⁽¹⁾ Mò lao tộc thiểu số ở Quảng Tây, ngôn ngữ Hán Tạng, chi Hán Thái, nhóm đồng Thái (Người dịch chú)

coi là những người do quỷ thần nhập vào mà nói năng loạn xạ. Lại bởi vì khi "vấn quỷ" phải dùng khăn che mặt cho nên lại gọi là "Bố bà" (vải bà). Các vụ sư ở một số địa phương Quảng Tây dùng chân đắp kín phụ nữ dùng thổ âm đọc chú, phụ nữ hôn mê lập tức cho là hồn sống của người khác đã nhập vào thân xác. Số phụ nữ này có thể ca có thể hát, tên gọi là "áp cảm". Điều này với việc chọn ra 5 cô gái khác họ vào tháng giêng trong tục cũ ở Sơn Đông đã kể ở trên lấy khăn che kín, lấy quạt để quạt lát sau thì mê man... phương thức giống nhau...

QUẠT GIÓ

Đây là thủ đoạn gọi hồn thánh nhập kết hợp với việc phủ mặt, phần nhiều được nhìn thấy ở trong dân tộc thiểu số miền nam nước ta. Ví dụ như "việc chăn trâu đất" của dân tộc Đông đã nói ở trên, chính là dùng vải dày phủ kín đầu của người "chăn trâu đất", sau đó dùng quạt quạt, thân hồn người "chăn trâu đất" dần dần nhập định. "Đả mê nạp" của dân tộc Bồ Y cần dùng một miếng lụa xanh phủ kín đầu người "đả mê nạp", cầm 1 chiếc quạt đưa vào trong tay người đó. Người "đả mê nạp" ngồi ở trên ghế, 2 chân không ngừng đập ở trên đất, trong tay đưa đều chiếc quạt, miệng đọc thần chú bắt đầu thấy mặt cho thần trên ở trên trời mà trò chuyện. "Quạt gió đưa các cô gái bay đi" của dân tộc Miêu ở vùng đông nam đất Kiềm chính là sau khi cô đồng dùng vải đen phủ kín đầu, ngồi ngav ngán trên ghế, bên cạnh có một người dùng quạt nan quạt cho, quạt không lâu cô đồng bắt đầu 2 chân rung động nhẹ nhàng... Việc hành pháp của cô đồng huyện Mã Quan tỉnh Vân Nam, tay cầm quạt

trắng, nhắm mắt ngồi trên ghế, lát sau thân thể dao động ngã nghiêng, lúc đó gọi là thánh nhập.

KHÍ HUN

Các chủng loại "Khí" trong khí hun chủ yếu là dùng khói của rễ cây, thân cây, lá cây, quả cây v.v.. các loại thực vật đốt lên: khói của nến, rượu cồn v.v. đốt lên và khí nước sôi bốc lên v.v.. Dùng khí hun làm thủ đoạn để gọi hồn nhập xác thì từ cổ tới kim, từ trong nước ra ngoài nước ở đâu cũng đều có cả. Một số vụ sư trong dân tộc Tây Tạng thông qua khói hun của cành cây bách khiến mình ở vào trạng thái hôn mê rồi thông giao được với quỷ thần. Một số vụ sư của dân tộc Thủy và dân tộc Miêu đã lấy vải che mặt lại đốt nến vàng, miệng hít khói mù sau đó niệm chú, hát vu ca, bông chốc hát hơi hoặc nước mắt trào ra khỏi khóe mắt, đột nhiên tuyên bố thân linh hoặc quỷ hồn nào đó đã tới. Vụ sư dân tộc Miêu ở một số địa phương thông qua rượu cồn hoặc khói thuốc lá thơm đã khiến cho bản thân mình đi vào trạng thái hôn mê mà đạt tới mục đích giao tiếp với quỷ hồn và thần linh. Người bệnh hứa nguyện hầu thần của dân tộc Mãn được gọi là "Đài thần". Trước khi họ trở thành Tát Mãn mới do Tát Mãn cũ cử hành nghi thức cho họ, đã hun khói cho họ, quạt hương thơm cho họ, lúc này Tát Mãn cũng còn phải tụng kinh người "Đài Thần" nếu xuất hiện trạng thái hôn mê, cuồng dại, như vậy là có đầy đủ triệu chứng trở thành Sa Man. Các vụ sư mới làng A Lạp, thị trấn Côn Minh, tỉnh Vân Nam cần phải trải qua kiểm nghiệm "Hạ thần", xem cô đồng đã có thể nói chuyện "Hiển Thánh" được chưa, người nào có thể mới được xác nhận. Tức thì

vào đến tết Trung nguyên¹¹, mọi người ở bên trong 1 công phòng chung đốt lên 1 đồng lá cây bách, trùm 1 tấm khăn xanh lên trên đầu vu sư mới, trong lỗ mũi nhét mấy hạt tiêu, để cho cô đồng hít sâu được luồng khí đặc hun người kia, trong thời gian hút xong 1 liều thuốc, toàn thân cô đồng run rẩy, tay chân ngứa ngáy, dần dần sa vào trạng thái hôn mê. Thủ đoạn đánh đông thiếp của vu sư dân tộc Miêu ở cùng Gia Nghi huyện Dung Giang Quý Châu lại càng ly kỳ: Vu sư dùng 1 tấm vải đen buộc trên đầu, tay cầm 1 mảnh giấy mỏng bên trên bôi nền vàng, đem 1 đầu giấy đốt lên, đặt vào trong miệng dùng răng nhai tắt, lại đốt lên, lại nhai tắt... Cứ như vậy làm đi làm lại 6, 7 lần, đã nhìn thấy vu sư chân tay khe khẽ run rẩy, thế rồi ngày càng rung mạnh đạt tới mức độ điên cuồng.

Thủ đoạn dùng nước nóng đun sôi để cầu hồn thánh nhập từ lâu đã thấy ở Cổ Hy Lạp. Tương truyền điện thờ thần A pô - lôn của Dai - phây, Cổ Hy Lạp, dựng lên 1 chiếc giường, khoan thủng 1 lỗ nhỏ, đổ nước sôi ở dưới cho hơi nước không ngừng từ dưới bốc lên trên. Tại lỗ nhỏ ở trên giường đặt 1 đài tam giác, tầng lữ ngồi ở bên trên, khi họ bị hơi nóng bốc lên làm cho mộng lung say ngất, nói là thần bắt đầu nhập vào. Vào thế kỷ 2 sau Công nguyên, tầng lữ ở trong 1 số miếu thần Hy Lạp đã đào 1 cái động bên trong có khối lưu hoàng bốc lên. Các tầng lữ đã qua 1 số ngày cấm thực, thân thể yếu đuối bước vào trong động, hít phải hơi lưu hoàng, không lâu liền xuất hiện trạng thái thần khí hoảng hốt mê sảng liền bói quẻ dự đoán cho người.

¹¹ Tết của đạo giáo vào ngày 15 tháng 7 âm lịch (người dịch chú)

CHĂM CHÚ NHÌN BÁT NƯỚC, GƯƠNG CỎ, THỦY TINH THỂ²

Chăm chú nhìn vào bát nước, gương cỏ làm thủ đoạn gọi hồn nhập xác đã sớm nhìn thấy trong thuật bói "Viên quang" cận đại nước ta. Về điểm này ở phần trên đã kể tới nhiều. Các cô đồng dân tộc Hán ở 1 số địa phương nước ta, cũng sử dụng thủ đoạn nhìn chăm chú vào bát nước để tiến hành đánh đồng thiếp. Con mắt của họ chăm chú nhìn vào bát nước sau đó đột nhiên con người cứng lạnh nằm lãn trên giường, cao giọng hát vu ca. Một số vu sư của dân tộc Choang đã dùng phương pháp nhìn chăm chú vào gương để tiến hành đánh đồng thiếp. Cách làm cụ thể là vu sư để cho một người mệnh hợp đi vào côi âm ngồi ở trên 1 ghế cao, phía trước mặt bày ra 1 chiếc bàn đặt 1 tấm gương vuông cỡ trung bình, ở bên trái gương vuông đặt 1 bát gạo, trên gạo cắm 3 nén nhang. Sau đó cô đồng công khai ra lệnh cho người đi vào côi âm tập trung sức chú ý nhìn vào gương vuông, và đứng ở đằng sau người đi âm đốt bùa niệm chú nhóm 1 nắm gạo ở trong bát rắc vãi lên trên đầu trên gáy người ngồi đồng. Một lát sau người đi vào côi âm liền thể hiện trạng thái cuội ngựa chân dầm chân đạp, rồi nói ra những cánh vật ở côi âm gian mà mình đã nhìn thấy ở trong gương. Các tín đồ Mật tông dân tộc Tạng khi tiến hành bói "Viên quang" có người giỏi dùng thủy tinh, có người thích dùng pha lê, còn mượn sự giúp đỡ của 1 người tiến hành nhìn thấu qua bát nước hoặc một chiếc mâm tròn màu đen cũng không ít³. Ở nước ngoài, sớm từ thế kỷ 2 sau công nguyên, các nhân viên thần chức trong các miếu thần Hy Lạp

³ "Hải Nam phong" kỳ 4 năm 1989 trang 31

đã sử dụng phương pháp nhìn chăm chú vào gương cổ để thánh nhập vào thân, để bói hỏi cho tín đồ. Hiện tượng chăm chú nhìn vào thủy tinh cầu tiến hành việc gọi hồn thánh nhập tới nay vẫn còn rất được phổ biến ở Âu Mỹ. Trong 1 số thổ dân ở các vùng Châu Phi, châu Đại Dương, châu Á v.v., cũng có thể nhìn thấy khá nhiều. Ví dụ người Xéc Man ở Đông Nam Á, Mã Lai Á và một số vụ sư của thổ dân châu Úc khi chữa bệnh cho người cũng thông qua việc chăm chú nhìn vào thủy tinh thể khiến bản thân mình bước vào huyền cảnh.

DƯỢC VẬT

"Công cụ của tôn giáo thường dùng chính là thuốc hưng phấn, thuốc huyền ảo và thuốc ma túy". Người nguyên thủy và những người nghiện ma túy hiện tại đều phát hiện, các loại dược vật dẫn tới việc cải biến trạng thái tinh thần là con đường tắt thông tới "thiên đàng". Ma túy khiến họ đắm chìm trong ảo giác do đó, ảo dược đã trở thành thủ đoạn quan trọng để gọi hồn nhập xác của rất nhiều dân tộc nguyên thủy.

Trong các loại thuốc dẫn tới ảo giác được sử dụng thông thường nhất được người ta tôn sùng nhất đó là cồn. Vụ sư già được gọi là "Ô" của dân tộc Độc Long nước ta nghề của họ là tiến hành dự báo và tế thần sau khi uống rượu say họ vừa hát vừa múa, tự xưng là ma núi nhập vào. Uống rượu cũng là một thủ đoạn gọi hồn nhập xác mà các vụ sư của dân tộc Tạng, dân tộc Miêu thường hay sử dụng. Một số vụ sư dân tộc Tạng dùng rượu làm thuốc dẫn tới ảo giác. Một số vụ sư dân tộc Miêu thông qua cồn hoặc khói thuốc đốt khiến cho mình bước vào trạng thái hôn mê. Thổ dân châu Mỹ cũng

có rất nhiều người dùng cồn làm thủ đoạn cầu tìm ảo giác. Người da đỏ Mèhicô vì để tìm ảo giác đã uống rượu bia tự mình nấu bằng cây tiên nhân chuông. Trong các người da đỏ vùng Bắc Mỹ, ngoài người Pôvêburô ở Tây Nam ra, đều thấy có giáo nghĩa theo hình thức tửu thần và phong tục mộng ảo, sản sinh ra sức mạnh siêu tự nhiên. Ở Cổ Ấn Độ trong cúng tế, dùng đồ uống có nồng độ mạnh là hiện tượng rất cổ xưa, thông thường, chỉ có thầy cúng chủ trì cúng tế mới có tư cách uống đồ uống đó. Mục đích là đem sức sống thần bí dâng hiến cho thần. Ở Mêranixia, con người sau khi uống rượu Kava chế bằng rễ hồ tiêu Kava, lập tức bước vào trạng thái hân hoan sung sướng vô cùng, phạm những gì con người có thể thiết tưởng ra được, các vật ở trong cốc đều có thể biểu đạt được. Sở dĩ con người ai nấy đều thích dùng rượu cồn làm thủ đoạn gọi hồn thánh nhập là bởi vì rượu cồn có thể dẫn 1 loại cảm giác tự tin khuếch trương và gọi mở; là bởi vì "rượu có thể kích phát được những quan năng thần bí của nhân tính", nó có thể làm tê liệt ý thức, kích phát ảo giác, hưng phấn tính tình, dẫn tới kích phát những ý thức tiềm ẩn khiến cho tâm lý phát sinh ra tác dụng biến thái, thậm chí không ít nhà thơ họa và thi nhân cổ kim trong ngoài nước đều thích tiến hành sáng tác sau khi đã uống 1 trận say sưa. Đây là 1 con đường nóng bỏng dẫn tới ảo giác.

Ngoài rượu cồn ra, uống các loại thuốc hưng phấn, thuốc gây ảo giác ma túy khác nấu bằng rễ, thân lá, quả, hoa thực vật để tiến hành việc thánh nhập hoặc dẫn tới linh hồn xuất khiếu cũng là 1 loại hiện tượng cực kỳ phổ biến. Ở nước ta, một số vụ sư của dân tộc Tạng, có người đã dựa vào việc ăn cành non và quả cây đỗ tùng đã được hun nóng, hoặc dựa vào việc uống 1 loại thuốc hỗn hợp ma túy, chế bằng cành lá đại ma Ấn Độ hoặc hồ tiêu hồng để gọi hồn

nhập xác. Trong đại ma (cây gai) bao hàm thành phần có tác dụng như ma túy, những thành phần này chủ yếu tồn tại ở bộ phận đỉnh của hoa nở, đặc biệt là lượng độc cây cái lớn nhất "Thần nông bản thảo kinh" đã chỉ ra: "Ma bôn có sức mạnh như hổ... ăn nhiều khiến cho con người nhìn thấy ma quỷ, chạy như điên cuồng, dùng lâu sẽ thông được với thần mình". Ma bôn tức là hạt đại ma. Một số vụ sự của dân tộc Choang thì lại thích uống nước hoa cà độc được. Cà độc được là một loại thuốc gây ảo giác rất mãnh liệt, sau khi uống vào không lâu, con người có thể sản sinh ra các chứng tạng như ảo giác, ảo thị, tâm thần rối loạn, không tự chủ được mình. Lý Thời Trân nói: "Tương truyền loại hoa này ngâm vào rượu ống, khiến hoặc cho người ta cười, khiến cho người ta múa, rất linh nghiệm". Hoa cà độc được là thành phần chủ yếu của "thuốc mê" và "Thảo mã tán". Trong 1 số dân tộc thiểu số ở miền nam nước ta còn có thuốc gây ảo giác chế bằng quả cây mã tuần, trong quả của nó cũng hàm chứa độc tố gây ảo giác với lượng lớn. Ngoài ra lượng đáng tử (củ nâu), vân thực, xương bồ v.v.. cũng là thuốc vật gây ảo giác của nước ta. Điều này đã sớm được chứng minh trong "Nông thần bản thảo kinh" và "Cửu Ca thiếu tư mệnh". "Nông thần bản thảo kinh" nói: "Lương đáng tử... khiến cho người đi khỏe mạnh nhìn thấy ma, ăn nhiều có thể khiến con người cuồng tẩu". "Vân thực... Hoa chủ nhìn thấy có quỷ linh, ăn nhiều có thể khiến cho con người cuồng tẩu". Lương đáng và Cà độc được cùng thuộc họ cà, thành phần hóa học gần giống nhau. Vân thực thuộc thực vật họ đậu. Trong "Cửu Ca Thiếu tư mệnh", thiếu tư mệnh tự xưng là "Tôn". Tôn tức là xương

bổ, ăn những vật này vào đều có thể khiến cho người ta nhìn thấy hình người hình thành "quỷ thần"⁽¹⁾

Sử dụng thuốc gây ảo giác thực vật làm thủ đoạn gọi hồn nhập xác hoặc hiện tượng dẫn tới linh hồn xuất khiếu ở nước ngoài cũng đã có từ lâu. Đặc biệt nổi bật nhất là ở châu Mỹ. Căn cứ vào tư liệu ghi chép về dân tộc của cư dân gốc ở Nam Mỹ, trong quá trình "Sa Man"⁽²⁾ thì hành vụ thuật đã theo đuổi trạng thái hưng phấn mà sản sinh ra ảo giác, là bởi vì Sa Man ở lúc đó đã sử dụng tễ ma túy và tễ hưng phấn. Loại ma túy và thuốc gây hưng phấn này có thể từ một số cỏ và cây có nhựa độc. Ví dụ: Các vụ sư người da đỏ ở lưu vực sông Amazo, Côlôbia và bình nguyên Ôrino đã đem loại thuốc gây ảo giác vật có kiểm tính lấy ra từ trong thực vật được gọi là "Á hách" ứng dụng vào trong các nghi thức cử hành lễ trở thành người lớn lễ táng, nghi thức cúng tế và chữa bệnh cho người. Sau khi uống "Á hách" rồi, lập tức bước vào trạng thái say mê và trạng thái hưng phấn mang tính chất kích thích hơn thế, và xuất hiện các loại ảo giác màu sắc đẹp tuyệt vời, cảm thấy như nhìn thấy hổ lang, mãng và còn mình thì như cưỡi gió bay lượn ở trên không, vân du khắp 4 phương, thậm chí còn gặp gỡ với thần linh và tiên tổ nữa. Người In Ca của Pê Ru sau khi dùng ma túy bằng thảo dược điên cuồng, dẫn tới hôn mê lăn xuống đất, trong miệng lẩm nhẩm phát ra những lời sấm của thần linh. Người Braxin thích dùng mui hít khói mủ cây thực vật thuộc họ đậu để dẫn tới ảo giác, cầu xin thần linh dạy bảo. Đàn ông Anumama ở một vùng biên giới Braxin và Goatemala, thích dùng được vật lấy từ một loại dây leo trên cây rừng. Sau khi

⁽¹⁾ Thạch trầm, Tân kỳ Cương: "ý nghĩa Vụ thuật Tát Mân của thần thoại mặt trăng" xem "Luận đàm văn học dân gian" số 3 năm 1988 trang 26 - 27.

⁽²⁾ Sa Man là Mân vụ sư thời nguyên thủy (người dịch)

uống họ sẽ nảy sinh ra một loại Sa Man siêu tự nhiên mà phụ nữ không bao giờ có, khiến cho con người cảm thấy đau đớn, hơn thế còn gào thét quái ác, bò trên đất, trong miệng lảm nhảm như đang chuyện trò với ma quỷ vô tình. Ở Tân Đại lục, loại thực vật mà người ta quen thuộc còn có độc thảo họ cà, hoa cà độc dược v.v, mà nhìn thấy ảo cảnh. Ngoài ra người Pích Cơ Mị ở Phi châu khi cần cầu hồn thánh nhập cũng đã ăn cỏ và rễ cây có tác dụng sinh ảo giác. Người Na Ma Hô tơ ton ở Phi châu cũng hút cỏ mang tính ma túy, đặc biệt là trong khi cử hành nghi thức, nó có thể làm cho con người bước vào mộng cảnh, tâm thần hết hoảng. Các vu thần của Pörinixia trước khi làm phép cũng cần uống một loại thuốc chế từ thân rễ thực vật có chất ma túy, gây nên ảo giác.

Ngoài những thực vật có tính gây ảo giác, có tác dụng ma túy kể trên, những thực vật gây ảo giác có chất ma túy còn có thuốc lá, nấm độc dẫn tới ảo giác chủ yếu thấy ở nước ta và một số dân tộc nguyên thủy ở châu Mỹ và châu Á.

Tìm hiểu về tác dụng gây ảo giác của Trung Quốc cổ đại đối với nấm độc đã đạt tới trình độ tương đối tinh thông sâu sắc. Sách "Bão Phác tử" nói: "Thanh vân chi... ăn vào khiến cho con người ngàn tuổi chẳng già, có thể cưỡi mây bay lên trời, nhìn thấy ma quỷ. Từ hơn 3 ngàn năm về trước, người da đỏ ở châu Mỹ đã nhận thức được hiện tượng siêu nhiên sau khi ăn nấm độc. Có điều họ cho rằng đây là quỷ thần mượn cái đó để hiển linh. Người Ma sát khơ ở bang Da kha ca, miền đông Mêhicô khi chẩn đoán và chữa bệnh cũng ăn các loại nấm, rồi tạo các ảo giác. Ngoài ra, người Tõn gu và người Akhút ở Xibêri đã cho ảo giác sinh ra sau khi ăn nấm độc liền là ý chí của thần. Do đó ăn nấm độc đã trở thành nghi thức

tất yếu trong sự giao tiếp giữa người trong toàn tộc với thần, mỗi khi chị em phụ nữ dùng vỉ khâu đục chế thành lập xường, tập thể đàn ông sau khi sử dụng liên nhảy múa như điên như dại, như cuồng như si. Một số vụ sư của Ấn Độ có được phương pháp thần dụ chính là nhờ ăn nấm độc.

Một trong những yếu tố chung của tôn giáo của người da đỏ châu Mỹ chính là hút thuốc bằng tẩu thuốc linh thiêng trong nghi thức tôn giáo. Hút thuốc hầu như là một phần của mỗi lần tiến hành nghi thức. Khi mọi người tụ tập lại ở một chỗ để thương lượng thảo luận về hòa bình, chiến tranh hoặc săn bắn: khi các vụ sư tiến hành nghi thức chữa bệnh, đều cần phải hút thuốc. Ví dụ các vụ sư thổ dân Uy tu ở tây bắc sông A ma Zôn dựa vào tác dụng ma túy của hút thuốc nước, khiến cho bản thân mình bước vào trạng thái nửa điên cuồng. Họ tay cầm đồ gỗ, đập trên sàn gỗ, thỉnh thoảng lại phát ra tiếng kêu thét và tiếng gào điên cuồng, cho tới khi họ mới được quỷ hồn quen thuộc tới mới thôi. Trong nghi thức nhận chức của các vụ sư trong cư dân thổ dân ở châu Nam Mỹ và khu vực biển Caribê có thể nhìn thấy tình hình thế này: Các vụ sư trẻ sau khi tuyệt thực một thời gian dài, đem dung dịch cỏ thuốc đổ vào mồm vào mũi, để bước vào huyền cảnh, nghe nói họ có thể vì vậy mà lên được trời, giao tiếp với thần linh. Các vụ sư người Va Rao ở khu vực Ô Rinôkhơ Goatêmala thuộc châu Mỹ làm ra những chiếc thuốc lá cuộn dài từ 50 đến 70 centimét hút liên tục đi vào trạng thái thần chí hôn mê, để xin được giao tiếp với các thần sống ở giữa các dãy núi.

Uống nước tiên nhân chương (cautus) để tiến hành thánh nhập hoặc dẫn tới linh hồn xuất khẩu cũng là một yếu tố chung khác của tất cả tôn giáo của người da đỏ châu Mỹ. Về điểm này ở

Mêhicô lại càng nổi bật hơn. Những người thuộc dân tộc Hwidzo Mêhicô cực kỳ sùng bái thực vật loại xương rồng "Xiguy". Loại xương rồng này có tác dụng hưng phấn, có thể giúp đỡ người uống, người dùng này, dùng bước đi vào ảo cảnh đối thoại với thần tiên. Mỗi khi gặp những hoạt động tôn giáo, trong đa số tình huống người ta đều dùng nó để uống. Những người Axikhơ ở Mêhicô vì để có được trạng thái hôn mê hoặc xuất hiện ảo tưởng trong tôn giáo họ phải sử dụng 1 loại tiên nhân chuông tên gọi là "Piýt". Trong một số bộ lạc người da đỏ Mêhicô, người ta, cũng thường thường thông qua nghi thức uống "Piýt" hoặc "Tiên nhân chuông Maxkhơ để có được cảm giác đặc biệt như phiêu diêu tiên cảnh mà theo họ nói là chí cao tôn giáo". Người da đỏ ở một số nơi trong nước Mỹ cũng có nghi thức tôn giáo nhai cành xương rồng cánh "Piýt". Người ta trước hết cắt đứt phần ngọn nhai nát phần thân, sẽ đạt được một loại cảm giác phiêu diêu tự nhiên⁽¹⁾.

Đáng đề cập tới là, ngoài các dược vật chữa do kể trên trong người da đỏ châu Nam Mỹ và nước ta, còn có tập tục lấy cóc làm thuốc gây ảo giác. Lý Thời Trân "Bản thảo cương mục", quyển 42 "Thiên dư"⁽²⁾ từng dẫn ở "Cấu lâu thân thư" ghi chép về phép của thêm bảo, nói: Cóc to 1 con... dùng than lửa nướng từ sáng đến trưa, bỏ lửa, thả cóc vào một chén nước, thấy nổi lên một vật to bằng hạt bồ kết, có ánh vàng. Con người nào nuốt vào có thể vượt qua được sông hồ. "Cái gọi là vượt qua được sông hồ" chính là sau khi ăn cóc vào liền có ảo giác như vậy. Phân tích dược lí hóa học hiện đại đã chứng minh trong nhựa cóc có thành phần kiềm thuộc

⁽¹⁾ "Dân tộc dịch tễ" số 4 năm 1979 trang 56

⁽²⁾ Thiên dư: con cóc

hợp Indole⁽¹⁾ như amine hữu sắc có 5 gốc OH Amin hữu sắc của cóc và một số thành phần tương đồng gây ảo giác của nấm độc. Amin hữu sắc có 5 gốc OH là chất dẫn hóa học quan trọng trong hệ thống trung khu thần kinh, dẫn tới chứng bệnh điên loạn, mê sảng tinh thần đi thường. amin hữu sắc cóc là hợp chất diễn sinh amin hữu sắc có gốc OH có thể sản sinh ra ảo giác sắc màu và tác dụng như ma túy. Các vụ y và đạo gia Trung Quốc suốt đời nghiên cứu thuốc từ xưa vẫn liệt "Thiêm dư" là một trong những dược vật tối quan trọng trong trung dược và đã nhiều lần ứng dụng lâm sàng, hiển nhiên là đã có sự tìm hiểu tinh thông sâu sắc về tác dụng gây ảo giác và ma túy của thiêm dư. Khảo cổ phát hiện, người da đỏ ở châu Nam Mỹ cũng đã lột ra một khối lượng lớn da cóc, đốt thành tro uống để dẫn tới gây ảo giác trong khi tiến hành nghi thức tôn giáo.

THẦN ĐÀN VU ÂM

Cái gọi là "Thần đàn vu âm" là chỉ các loại thanh âm tạo ra khi gọi hồn nhập xác bao gồm tiếng hát, tiếng đọc chú, tiếng trống, tiếng chuông, tiếng lệnh v.v. Các cô đồng cho rằng những âm thanh này có tác dụng thần kỳ là thông thần, dẫn thánh nhập vào thân thể và đuổi tà trừ ác. Sở dĩ các vụ sư có thể nói chuyện được với quỷ thần, thậm chí có thể đuổi được ma quỷ chính là do những âm thanh này đã có tác dụng quan trọng. Điều này đã phản ánh sự sùng bái tín ngưỡng của mọi người đối với thần lực thanh âm⁽²⁾. Hiện tượng sùng bái tín ngưỡng đối với thần lực của thanh âm này

⁽¹⁾ Chất hóa học hữu cơ C₈H₇N Không sắc hoặc kết tinh vàng nhạt, làm hương liệu, thuốc nhuộm và thuốc uống (người dịch chú)

⁽²⁾ Đặng Quang Hoa: "Na dân vu âm" và "Thuyết vu hịch" khởi nguồn âm nhạc. Xem "Học báo Đại học sư phạm Quý Châu" số 2 năm 1990

thực ra không phải là hiện nay mới mẻ. Từ thời kỳ đầu của xã hội loài người nó đã tồn tại ở trong các loại hoạt động vu thuật đương thời. Căn cứ vào sử liệu, thời kỳ viễn cổ, nhân loại đã coi âm thanh là rất thần diệu, cho rằng phàm các vật thể có thể phát ra được âm thanh đều đem theo quỷ thần, đều có thể thông thần được. Con người thậm chí còn cho rằng ngay cả thế giới cũng do âm thanh sáng tạo ra. Người Ai Cập cổ tin tưởng chắc chắn rằng thần thánh không phải dùng tư tưởng và hành động mà là dùng âm thanh để sáng tạo ra thế giới. Những âm thanh phát ra từ trong miệng của thần đã sản sinh ra 4 thiên sứ khác, họ có quyền lực giống nhau, và sáng tạo ra nhân loại, chinh đốn lại thế giới. Do đó, đối với âm thanh, con người rất sùng bái trong xã hội nguyên thủy từ khi con người bắt đầu có hoạt động vu thuật, âm thanh đã có liên hệ mật thiết với thần linh, với phong tục tập quán gọi hồn nhập xác. Sài Lạc trong "Bốn vạn năm âm nhạc" đã nói: "Theo người nguyên thủy âm nhạc là bản lĩnh duy nhất mà thần thánh ban cho con người, khiến họ có thể thông qua âm nhạc để quy định những phương thức lễ nghi, và nối liền giữa mình với thần thánh rồi lại thông qua âm nhạc để khống chế các loại thần linh". Sự tín ngưỡng sùng bái đối với thần lực của âm thanh này cùng với hiện tượng cổ xưa dùng âm thanh làm thủ đoạn gọi hồn nhập xác cho đến nay vẫn còn nhìn thấy ở khắp các nơi trên thế giới. Ví dụ, việc lên đồng ở các nơi trong nước ta, đại đa số dùng âm thanh trống, chiêng, thanh la làm thủ đoạn quan trọng để cho thánh nhập vào cơ đồng. Các cơ đồng trong âm thanh rộn rã của tiếng trống, chiêng, thanh la cùng các tiết tấu đã bắt đầu nhảy các điệu múa, trong miệng đọc chú thể là thánh nhập vào. Phương thức lên đồng "ở 1 số nơi tại Hồ Bắc là: dùng 1 người gõ thanh la, 1 người lầm rầm đọc chú, đọc chú xong

người lên đồng nhảy như điên cuồng tự xưng là thần đã nhập vào mình. Việc "xem hương" thời xưa ở Thượng Hải đại thể cũng tương tự như vậy. Đầu hương của 4 cửa lớn, dùng để báo hiệu thần tiên giáng trần. Ở Đài Loan có 1 loại hoạt động nhảy đồng, phương pháp là đồng tiên vừa đánh trống vừa cầu nguyện, bên cạnh có người gõ thanh la. Không lâu toàn thân đồng tiên run rẩy, tượng trưng thánh đã nhập vào. Ở một số địa phương khác còn dùng sự rung dây đàn liên tục không ngừng để đạt tới mục đích này. Việc gọi hồn nhập xác của các dân tộc nguyên thủy ở rất nhiều nơi thuộc 5 đại châu cũng là thông qua việc đánh trống da, tay múa chân đập, từ đó bước vào trạng thái mê cuồng như say. Rất nhiều người có nghề chữa bệnh ở Châu Phi cũng thường thường tay đánh trống hoặc các loại pháp cụ khác, điên cuồng nhảy múa dẫn tới hốt hoảng về tinh thần. Các Sa Man người Lapu ở khu vực phía Bắc châu Âu cũng mượn trống thánh tiến hành việc gọi hồn nhập xác. Loại trống thánh này dùng nguyên tấm gỗ xẻ làm thành, ở giữa rỗng, nhìn thì giống như một cái bát gỗ. Đầu mặt bằng hoặc phía trên của nó bịt da trâu; trên mặt lồi khắc 2 lỗ nhỏ, ở giữa 2 lỗ có thể làm tay nắm. Bên trên mặt trống dùng màu đỏ vẽ 1 hình tiêu biểu cho thần chúa cứu thế, các sứ đồ truyền giáo cùng với các động vật mà họ biết. Khi tiến hành tế lễ, Sa Man nắm vào nắm tay trên thân trống rồi đem 1 cái vòng dặt lên vị trí có vẽ hình mặt trời. Sau đó họ dùng dùi trống gõ trên mặt trống, rồi hát một bài "TSô khơ" theo tiếng địa phương, mọi người khác có mặt đều đồng thanh hát theo. Tiếng hát và tiếng trống ngày một mạnh mẽ. Cuối cùng, Sa Man gào cao trống qua đầu giống hệt như ở trạng thái mê sảng rồi nằm lăn xuống đất, như linh hồn của họ đã rời khỏi thân xác của họ đưa mình tới một đất nước sẽ đem lại cho mình trí tuệ cần thiết. Đồng thời, tất cả mọi

người có mặt tiếp tục hợp ca, cần chú ý đừng có điều gì quấy rầy họ. Lúc này, ngay một con ruồi cũng không được phép tiếp cận họ. Nếu không họ sẽ có thể vì chưa đạt tới một thời gian thích đáng đã thức tỉnh mà chết. Tới khi thần chi của họ được khôi phục, họ liền có thể kể ra được những tin tức cần biết¹¹. Trong truyền thuyết của người da đỏ, phân đông đều cho rằng tiếng trống có ma lực đặc biệt. Ví dụ người Rapôran tin tưởng các vụ sư trong bộ lạc dùng trống để sản sinh ra ma lực, nếu có trợ lực của tiếng trống, họ có thể tùy tâm sở dục, có thể khiến cho linh hồn chạy tới nơi khác xa xôi hoặc du ngoạn ở trên trời hoặc đi ngầm ở dưới đất được.

Trong lịch sử nhận thức của nhân loại, âm nhạc cũng được coi là 1 loại ân huệ của thần thánh ban phát cho con người, nó cũng có thể được dùng để trực tiếp giao tiếp với thế giới thần linh, đồng thời nó cũng có thần lực khám phá và hủy diệt các ma bệnh. Chính bởi vì như vậy, hoạt động lên đồng từ xưa tới nay đều được tiến hành trong hình thức kết hợp giữa ca, vũ, nhạc. Tác dụng của âm nhạc trong phong tục tập quán gọi hồn nhập xác cũng đã phản ánh sự tín ngưỡng và sùng bái của nhân dân đối với ma lực của âm thanh.

NIỆM CHÚ ĐỐT BÙA

Trong các thủ đoạn gọi hồn nhập xác, niệm thần chú chiếm địa vị trung tâm, vô cùng quan trọng, bởi vì niệm chú đã cấu thành bộ phận quan trọng nhất trong các loại nghi thức. Không có 1 nghi thức nào không niệm chú, thế nhưng, trái lại đã có niệm chú mà không cần đến nghi thức.

¹¹ "Người nguyên thủy trong diệt vong" (Timoxi Sêpholin Mỹ) Nhà xuất bản Đồng phương số 1 tháng 3 năm 1989 trang 272.

Niệm chú sớ dĩ có tác dụng quan trọng đến như vậy, có liên quan tới sự sùng bái tín ngưỡng của người nguyên thủy đối với ngôn ngữ. Trong xã hội nguyên thủy sức sản xuất cực kỳ thấp kém, ngôn ngữ là công cụ để đoàn kết các thành viên trong dân tộc, có sức mạnh thúc đẩy xã hội phát triển. Bản thân của ngôn ngữ chính là một trong những thủ đoạn sản xuất, nó thậm chí có thể chiếm địa vị thứ nhất trong tất cả các thủ đoạn sản xuất lúc đó. Một bầy người nguyên thủy đi chân đất, tay không, hoặc trong tay cầm 1 cành cây chưa qua gia công, năng lực sát thương rất thấp kém, họ hợp sức lại truy đuổi dã thú thì chỉ có sử dụng âm hiệu bằng tay hoặc ngôn ngữ mới có thể thống nhất được hành động, hợp tác mật thiết mới săn bắt được dã thú. Thứ nữa, người nguyên thủy không thể lý giải được những nguyên nhân hạn hán lụt lội cùng với săn bắt được ít hay nhiều mà cho rằng có linh hồn, có quỷ thần làm chúa tể ở bên trong và cho rằng thiện thần đem lại mưa thuận gió hòa, đem lại được mùa cho con người; ác thần đem lại thiên tai nhân họa cho con người, tức thì liền biểu lộ tình cảm cầu xin thiện thần, chủ rủa ác thần. Sau khi họ cầu nguyện và chú rủa rồi, cũng có khả năng vừa hay gặp năm được mùa, thu được kết quả tốt đẹp. Người nguyên thủy nhìn thấy ngôn ngữ có thể chi phối được hành động của con người khiến cho những dã thú khó bị săn bắt đã bị con người săn bắt được. Cầu nguyện hoặc chú rủa có thể đem lại lợi ích, liền căn cứ vào đó tạo ra những liên tưởng sai lầm cho rằng những kết quả tốt đẹp này đều do tác dụng của ngôn ngữ, đều do cầu nguyện hoặc chú rủa mà có được, từ đó họ cho rằng ngôn ngữ đã có ma lực, nó có thể đem lại hạnh phúc hoặc tai nạn cho nhân loại, nó có thể chi phối được tự nhiên. Loại sùng bái tín ngưỡng đối với ma lực ngôn ngữ này, trong quá trình phát triển về sau, liền tập trung thể hiện ở

trên mặt lời chú. Lời chú đã trở thành 1 loại ngôn ngữ có sức mạnh ghê gớm không thể chế ngự được, để vào những mục đích đặc biệt, nó có thể khiến cho những đồ vật bình thường có khả năng vu thuật. Thế nhưng tác dụng quan trọng nhất của lời chú còn là sức mạnh dùng lời lẽ và từ ngữ thần bí để ra lệnh sai khiến một loại siêu nhiên nào đó, do vậy lời chú cũng đã trở thành thủ đoạn quan trọng thông giao với thần linh đuổi tà ma của các vụ sư. Cho nên từ cổ chí kim, các loại phong tục gọi hồn nhập xác không có thứ nào không được tiến hành trong âm thanh của lời chú và vu ca (dùng thanh điệu đặc thù ngâm hát lời chú) loại hiện tượng phổ biến này đang được thể hiện 1 cách đột xuất ở sức mạnh thần kỳ, xua đuổi ma quỷ.

Lấy lá bùa làm thủ đoạn gọi hồn nhập xác, trên thực tế cũng là 1 loại phản ánh sự sùng bái ngôn ngữ. Rất có thể bùa thoát đầu chỉ là văn tự hóa của lời chú về sau vì để khu biệt với những lời nói chung chung, vì để tăng tính thần bí và uy lực mạnh mẽ của lá bùa, mới dùng văn tự biến hình, hoặc vẽ thêm những đường nét trên mặt bùa khiến lá bùa trở thành 1 loại đồ hình giống như văn tự mà không phải là văn tự, giống như ngữ cú và không phải là ngữ cú¹¹. Lá bùa đã là sự sùng bái đối với ngôn ngữ, thế thì bùa cũng vậy, đã có đầy đủ ma lực khổng lồ chế ngự tự nhiên, chi phối thiên nhiên, thông giao với thần linh xua đuổi quỷ thần. Rất nhiều phong tục tập quán gọi hồn nhập xác kể trên đều không tách khỏi việc đốt bùa ăn bùa, ý nghĩa của nó chính là ở đây.

¹¹ "Nữ Vu và Vũ thuật" (Vương quý Nguyên) Nhà xuất bản nhân dân Hà Bắc bản in lần thứ nhất tháng 6 năm 1991 trang 187.

ĐẠO CỤ

Trong phong tục tập quán gọi hồn nhập xác, các đạo cụ thường được sử dụng như trống thần, thanh la thần, gậy thần, đao thần, kiếm thần, mặt nạ, trang phục (áo, quần, mũ, giày, khăn) bàn ghế v.v.. Số đạo cụ này mỗi chữ có tác dụng riêng. Đao thần, kiếm thần chủ yếu là khi gọi hồn nhập xác dùng để tác chiến với ma quỷ và ác thần. Áo thần của Sa Man Agutơ treo những thangka người nhỏ bằng đồng hoặc bằng sắt, dùng để tránh tà. Các vu sư Ngạc Luân Xuân, Ngạc Ôn Khắc, Hách Triết, Tích Bá, dân tộc Mãn đại bộ phận đều thích dùng vải màu sắc sọc dài làm quần cho thần, là bởi vì sắc hoa đều có tác dụng tránh tà. Trên áo bào thần Sa Man dân tộc Mãn. Ngạc Luân Xuân, Ngạc Ôn Khắc đều có rất nhiều vị tượng trưng như gương đồng, lệnh đồng và chó v.v.. Số vật tượng trưng này đều có hàm ý nhất định: Chó là trợ thủ, có thể bảo hộ Sa Man. Gương đồng là kính chiếu yên, Sa Man lợi dụng ánh sáng chiết xạ mặt trời trên gương đồng để đâm chết ma ác. Lệnh đồng là "tinh linh". Những vật tượng trưng này có âm thanh phát ra có thể trấn áp yêu ma, tăng cường khí thế lên đồng.

Thời cổ đại ở nước ta trong dân chúng tồn tại phổ biến 1 loại tín ngưỡng như sau: Vu sư làm người môi giới giao tiếp giữa thế giới thần quỷ với dân gian, trong việc thông thiên hiềm hóc nó không thể tách rời sự giúp đỡ của những con thú thần. Trong "Sơn Hải kinh" khi vu sư bước vào thế giới thần linh cưỡi trên những con thú thần như Rắn, Rồng mà đi. Ngoài Thần và Rồng ra, các động vật khác như ngựa, trâu, chó v.v.. đều có những tác dụng như vậy. Trương Quang Trục trong bài "Hoa văn" Động vật trên đồ đồng

Thương Chu" đồng triền "Trung Quốc thanh đồng Thời đại" đã chỉ ra: "Hoa văn động vật trên đồ đồng đời Thương Chu chính là hình tượng các động vật tiền đồ đồng của dân tộc Di đã giúp đỡ vu sư thông giao với thiên địa". Đương nhiên các thú thần mà các vu sư cưỡi trên mình nó để lên trời xuống đất quyết không phải là động vật thật mà chỉ là một số vật tượng trưng. Số con vật tượng trưng này chính là hình vẽ cầm thú trên trang phục của các Sa Man và là những vật thực như xương, cánh loài cầm thú và trống thần, bàn thần v.v...). Về điểm này, từ trong rất nhiều phong tục tập quán thánh nhập cô đồng hiện nay đang còn tồn tại chúng ta có thể nhìn thấy rất rõ. Ví dụ:

Trên phục trang của Sa Man dân tộc Mãn còn khảm nạm hình vẽ của các loại cầm thú hoặc những xương, cánh của chúng. Những thứ này chính là vật tượng trưng của thú thần, cầm thần mà Sa Man của dân tộc Mãn mượn để thông thiên nhập địa. Dựa vào sự giúp đỡ của thú thần, cầm thần này Sa Man mới được bay lên trời chui xuống đất. Ví dụ Sa Man nếu muốn lượn trên trời, quần áo trang sức bằng lông chim cánh chim khoác trên thân đã tượng trưng cho chim và cánh của chim. Sa Man lúc này đã hóa hình thành chim.

Trong chương thứ 2, chúng ta đã bàn tới người "đấu âm quyền", người "hát 7 cô gái", người "làm thần hái hoa" đều là cưỡi ngựa từ nhân gian bước vào tiên giới. Những con "ngựa mà họ cưỡi, trên thực tế chính là ghế dài. Cách làm lấy ghế dài tượng trưng cho "ngựa" chúng ta còn có thể nêu ra rất nhiều ví dụ. Như dân tộc Miêu huyện Phổ Định, tỉnh Quý Châu, hàng năm từ mồng 1 đến ngày rằm tết Xuân ngày nào cũng đều cử hành hoạt động "Thỉnh biểu nhi thần". Khi "Thỉnh biểu nhi thần", người "Thỉnh biểu nhi

thần" ngồi trên chiếc ghế dài có 4 chân tương đối vững chắc. Chiếc ghế dài y như một con tuần mã, mà người ở địa phương lại gọi "Biểu nhi thần" là "Mã thị thần", người "Thỉnh biểu nhi thần" cưỡi ở trên "ngựa", với sự dẫn dắt của "Mã thị thần" đi du ngoạn ở các thành thị mà tổ tiên của mình cư trú. Hoạt động "thả bầy cô gái" của dân tộc Đông, huyện Lê Bình, cũng là để cho người ngồi ở trên ghế dài, lấy ghế dài làm ngựa, đưa con người tới những nơi mà vong linh tiên tổ chùa họ cư trú.¹¹

Trống thần là công cụ để giao tiếp với thần linh được sử dụng rộng rãi của các vụ sư một số dân tộc và Tát Man của dân tộc tín thờ đạo Tát Man. Từ người Clăng Ran đến người Ai chi Mô ở Xibêri, từ người An Tai đến người Yênisai đều như vậy cả. Trống thần được họ coi là thần mã. Người Yagutor và người Mông Cổ cũng coi trống thần là ngựa thần của Tát Man. Họ cho rằng Sa Man cưỡi trên ngựa thần (trống thần) tức là đã bay lên thiên đàng, cũng có thể chui xuống địa ngục. Dân tộc Đạt Vát Nhĩ¹² cho rằng trống thần thông hướng về những hướng khác nhau có những đặc tính khác nhau. Khi lên trời cầu thần trống là chim, khi xuống đất cầu thần trống là ngựa, khi xuống nước cầu thần trống là thuyền. Trống tay (còn gọi là trống nắm) của Sa Man dân tộc Năm, Mãn ngữ là "Ni Mãn cầu". Người dân trước của dân tộc Mãn cho rằng, Tát Man có thể ngồi "Ni Mãn Cầm" mà bay được lên trời. Người dân của dân tộc Tạng xưa kia cũng cho rằng vụ sư của họ có thể cưỡi trống bay lên trời được.

¹¹ "Mã Mã tử" với tín ngưỡng dân gian của Hoàng Cường xem "Văn hoá dân gian Trung Quốc" (Tập 1) nhà xuất bản Học Lâm in lần thứ nhất tháng 6 năm 1991 trang 210.

¹² Phân bố ở Hắc Long Giang, Nội Mông Cổ và Tân Cương (người dịch chú)

Gậy thần thực ra không phải là Sa Man của tất cả các dân tộc đều phải có đủ. Gậy thần là Sa Man Buriator người Mông Cổ cầm, một đầu có hình đầu ngựa, còn đầu kia lại là hình móng ngựa, thậm chí có chiếc gậy thần ở giữa còn khắc chạm hình yên ngựa, còn treo cả chuông, dây vải và các loại da thú, lông thú, ý nghĩa là để tượng trưng sự thần tốc của Sa Man tiến lên truy đuổi Tinh Linh. Một số dân tộc của nước ta và Bắc Á cũng có nơi coi gậy thần là ngựa thần. Khi Sa Man truy tìm linh hồn mất tích, liền cưỡi lên gậy thần giống hệt như cưỡi lên con ngựa hoặc con hươu, hoặc là truy bắt 1 con rắn đã chịu xuống đất, một con ếch đã nhảy xuống nước, một con thần lân chui vào núi v.v... Cũng như vậy, gậy thần là 1 trong những đạo cụ gọi hồn nhập xác của người Huệ Kiều nhĩ ở Mèhicô, vụ sự của họ thông qua 1 chiếc được gọi là gậy thánh "Mộc nãi đa lực" có thể đối ngoại với thần tiên ở trên trời và lên trời.

TỰ GIÀY VÒ MÌNH

Tự giày vò mình cũng được rất nhiều các dân tộc nguyên thủy và 1 số vụ sự của các dân tộc hiện đại ở các nơi trên thế giới coi là thủ đoạn để cầu hồn nhập xác. Tự giày vò mình bao gồm tuyệt thực, làm cho suy tàn thân thể, vào trong núi sâu hang tối tu hành và cuồng vũ v.v... Do đói rét, tự chuốc lấy khổ hạnh và cô độc cũng dễ khiến cho con người đi vào trạng thái mê cuồng cho nên 1 số cách làm này đa số đã được các vụ sự sử dụng. Ví dụ người Ra pô Ran coi việc độc cư và đoạn thực là 1 điều kiện quan trọng để thông giao với thần và nhìn thấy ảo ảnh. Trong họ nếu có người hi vọng trở thành vụ sự tất phải xa rời dân thường một mình ẩn cư ở một nơi xa xôi tĩnh mịch, dụng tâm huyền tưởng và lặng yên cầu nguyện.

Do vì đoạn tuyệt trò truyền, đoạn tuyệt ăn uống, suy nghĩ quá độ và tưởng tượng sai lệch, tức thì những hình người hỗn tạp, những hình vật quái đản đều đã xuất hiện ở trước mắt. Thêm vào đó những linh tinh mà họ vốn tín ngưỡng liền lập tức cho đó là linh hồn thật, tức thì tứ chi thân thể liền co rúm lại, biến thành trạng thái khác hẳn lúc thường, rồi sau đó vì luôn luôn diễn tập mà trở thành thói quen. Một số vụ sư ở các nơi trong tỉnh Hà Bắc khi khám xét chữa chạy cho người bằng cách đánh đồng thiếp nằm yên ở trong một phòng, không ăn không uống để biểu thị hỗn phách đã rời xa, đi về cõi âm gian tìm đòi linh hồn của người bệnh. Chờ sau độ nửa ngày hoặc cả ngày mới bắt đầu tỉnh, sau đó báo cho gia đình người bệnh rằng hồn của người bệnh, không phải là gửi ở nơi nào đó không thể trở về được mà là ở âm gian chịu tội chưa mãn hạn. Sau đó hóa bùa niệm chú nghĩ cách gọi hồn, cho rằng như vậy bệnh tật sẽ có thể khôi phục. Tại 1 số nơi ở Ấn Độ và NePan những người theo chủ nghĩa khổ hạnh cũng thường thông qua nhục thể cấm dục, thông qua ở ẩn cô độc để đạt được sức mạnh thần bí không thể tưởng tượng được. Chính vì cấm dục để cầu đạo người ta mới vào trong núi sâu hang thẳm liễu lĩnh tu hành. Phái Xô Pi của đạo Islam thông qua việc trừng phạt bản thân mà đạt được thủ đoạn gọi hồn nhập xác thì có nhiều dạng, trong đó có dạng chịu đói rét, khát, mặc quần áo thô cùng với dùng roi đánh vào bản thân, nhấn nhục phơi nắng và chịu cảnh giá rét v.v...

Cách làm tự tàn phá thân thể để thực hiện được việc gọi hồn nhập xác hoặc nhìn thấy ảo ảnh ở châu Mỹ, đặc biệt là ở bắc Mỹ thể hiện rất đột xuất. Đa số nam giới người da đỏ Cơ Rao nước Mỹ đều có thể tìm được thế giới ảo giác của Tát Man. Họ đã giày vò và cắt xé thân thể, cắt đứt thịt trên thể xác cho tới khi nhìn thấy xương

lời ra, để dẫn tới cảnh giới ảo giác của Tát Man. Ở thảo nguyên miền tây bắc Mỹ, người ta dùng sự giầy vò đáng sợ để truy tìm lấy ảo tượng. Họ đã đem da ở trên vai cắt thái thành miếng dài, chặt đứt ngón tay, dùng dây da xuyên qua da vai treo mình lên trên cột cao, thậm chí trong một số thời gian không ăn không uống. Ở các khu vực thảo nguyên khác, đàn ông lớn tuổi chỉ có trải qua ảo tưởng mới ra khỏi cửa nhà bước vào xã hội. Có khi, họ trói chặt 2 tay, đứng nghiêm, không hề nhúc nhích hoặc ở 1 chỗ rất nhỏ cầm cọc làm mốc, đứng ở đó cho tới lúc được chúc phúc mới có thể di động. Ở những bộ lạc khác, có khi người ta cố ý treo mình ở những nơi vách cao núi thẳm và những nơi đầy nguy hiểm. Bất kể như thế nào, những sự kiện này đều phải làm một cách đơn độc. Nếu như họ toan tính quá khổ hình để tìm ảo tượng thì người khác cần phải cùng đi với anh ta, trói anh ta lại, rồi treo anh ta lên cho tới khi được trải nghiệm siêu tự nhiên. Sau đó người giúp việc bỏ đi, để lại một mình anh ta tiếp nhận sự thử thách nghiêm ngặt của nhân cách.

TRỢ THỦ

Trợ thủ trong việc gọi hồn nhập xác đã có tác dụng rất quan trọng, cho nên vụ sư khi tiến hành thánh nhập đa phần đều phối hợp đầy đủ với trợ thủ. Trong những người trợ thủ này, có người là vụ sư, có người không phải. Sau khi vụ sư được thánh nhập, liền ở vào trạng thái không còn tri giác, cực kỳ dễ dàng bỏ ngã, miệng nói lảm nhảm, lời nói không dễ gì hiểu được, lúc này đòi hỏi người trợ thủ giúp đỡ và giải thích. Sa Man của dân tộc Mãn khi thỉnh t'ánh nhập thể cần phải có trợ thủ dựa vào diện mạo, tiếng nói của Sa Man để phán đoán xem thánh được mời về là loại thánh nào. Khi Sa Man

Man nhảy múa truyền đưa những khí giới mà họ cần, trả lời đối đáp khi cần thiết. Sau khi thần biểu diễn còn phải mời thần trở về một cách rất kính cẩn. Nói tóm lại, bất kỳ chi tiết nào trong việc mời thần và tiễn thần, người giúp đỡ cần phải yên lặng phối hợp nhịp nhàng với Sa Man, không được để có thiếu sót, cho nên trong dân gian có câu nói "Ba phần Sa, bảy phần người giúp việc". Từ câu nói này có thể nhìn được thấy tính chất quan trọng của người giúp việc. Vu sư "Nữu bố" dân tộc Lạc Ba khi đuổi quỷ cần phải có 1 người trợ thủ để đối thoại với mình. Các vu sư dân tộc Miêu của 1 số nơi ở Quý Châu khi làm hành phép còn cần có 1 vị thông sư giúp đỡ, thông sư có thể giúp đỡ vu sư nói chuyện với quỷ thần. Vu sư của dân tộc Di, nếu là nữ, khi thánh nhập thường lấy người chồng đến làm trợ thủ. Ở nước ngoài, 1 số vu sư khi thánh nhập cũng thường không thể tách rời trợ thủ. Ví dụ vu sư người Aynu Nhật Bản khi thánh nhập, người đầu tiên không thể thiếu được chính là người trợ thủ của Sa Man để giải thích chỉ thị của thánh cho mọi người hiểu. Sớ sĩ người này cần thiết có mặt ở hiện trường là bởi vì chỉ ít về mặt lý luận mà nói Tát Man khi mê sảng đã không còn nhớ được đã nói những gì. Người trợ thủ này thông thường là 1 người đã tương đối già. Ông ta thông hiểu được lời thánh nói, cũng đã thành thạo ngôn ngữ của lớp người già, bởi vì khi Sa Man cử hành nghi thức đã đề cập tới rất nhiều ngôn ngữ như vậy. Các tế sư người Bô Ri ni xia sau khi thần linh nhập thể, gào thét âm ỉ, dùng những ngôn ngữ nói nghe không rõ để biểu lộ ra ý chí của thần. Một vị tế sư có kinh nghiệm khác có mặt tại nghi thức này liền đem những điều thánh nhập vào, tế sư giải thích cho mọi người cùng nghe.

5

LẤN SÂU VÀO HANG TỐI. CHÂN TƯỢNG CỦA VIỆC CẦU THẦN NHẬP XÁC (THƯỢNG)

Từ lâu vẫn tồn tại những cách nhìn nhận khác nhau vấn đề cầu thần nhập xác: Một số người coi đó hoàn toàn là mê tín, hết sức hoang đường; một số người thì cho rằng những hiện tượng khác thường trong quá trình cầu thần nhập xác là do quỷ thần tạo ra. Sau khi vận dụng lý luận thuật thôi miên và khoa học nhân thể để nghiên cứu tục cầu thần nhập xác, chúng tôi cho rằng, tục cầu thần nhập xác không phải chỉ thuần túy là mê tín hoang đường, trong đó chứa đựng những nguyên lý khoa học sâu xa; những hiện tượng khác thường xuất hiện trong việc quá trình cầu thần nhập xác cũng không phải do quỷ thần tạo ra, mà là do thuật thôi miên đã khơi dậy những công năng dị thường vốn tiềm ẩn trong cơ thể con người.

QUÁ TRÌNH CẦU THẦN NHẬP XÁC CŨNG LÀ QUÁ TRÌNH THÔI MIÊN

Có thể qua mây mịt dưới đây mà thấy được quá trình cầu thần nhập xác cũng tức là quá trình thôi miên.

1 - Nguyên lý thôi miên cho thấy, trạng thái thôi miên là do người thôi miên dùng phương pháp ám thị mà tạo ra. Khi đi vào trạng thái thôi miên, người bị thôi miên không có phản ứng gì trước kích thích của ngoại giới, tiếng động chung quanh ồn ào đến mấy cũng không thể làm người đó tỉnh ra được. Thế nhưng người bị thôi miên lại giữ được "quan hệ cảm ứng" với người thôi miên, lời nói thậm thỉ thậm chí một hiệu tay của người thôi miên cũng tạo ra được những hiệu quả mãnh liệt ở người bị thôi miên, có thể sai khiến anh ta làm những động tác, hành động nều đó¹.

Người dẫn thần quyền Nghĩa hòa sau khi hôn nhập xác "như mè như cuống, múa quyền đâm chân, gọi không thưa"² mà chỉ nghe theo lệnh của đại sư huynh (đàn sư) bảo tiến thì tiến, bảo lùi thì lùi. Người biểu diễn "đấu âm quyền" không hề phản ứng gì trước những lời bàn luận của những người chung quanh, nhưng lại chấp hành rất chính xác những chỉ lệnh của người chủ trì, người chủ trì bảo đâm quyền thì đâm quyền, bảo múa còn thì múa còn. Họ thể hiện rất rõ quan hệ cảm ứng" giữa người thôi miên với người bị thôi miên. Sau khi đi vào trạng thái mè cuống, những người "Đấu địa có

¹ Sách "Thôi miên và giấc mơ" của Văn Văn Bàng, Nguyễn Phương Phú trang 145. NXB Khoa học in lần thứ I tháng 3 năm 1995.

² Sách "nghĩa hòa toàn" (1) trang 240

ngưu", "xương thất cô nương", "Phù ki" v.v..., cũng có những hiện tượng như thế.

2. Khi ở trong trạng thái thối miên, người bị thối miên suy giảm sức phán đoán, do đó mà rất dễ không nhận những ám thị có tính ảo giác tích cực hoặc tiêu cực của người thầy thối miên về động tác, thị giác hoặc âm thanh¹. Họ hoàn toàn tuân theo không chút do dự mọi mệnh lệnh của thầy thối miên, làm được những việc mà lúc thường không thể làm được, thậm chí không hề phản kháng những việc phản đạo đức. Với họ không có gì là hợp lý hay không hợp lý. Ví dụ, thầy thối miên đưa cho người bị thối miên một cái ghế băng bảo anh ta rằng mẹ anh ta đến, bảo anh ta ôm hôn mẹ, thế là người bị thối miên hoàn toàn tin theo, cứ thế ôm cái ghế băng mà hôn. Đưa cho anh ta một chén nước lã bảo là ngọt, thế là người bị thối miên uống và luôn mồm khen ngọt, bảo anh ta ghét một anh A nào đó, thế là anh ta không hề biết đến mặt tốt của anh A; bảo anh ta quay sang trái anh ta không bao giờ quay sang phải. Nói với anh ta rằng anh ta đang ở trên Bắc Băng dương, thì không những anh ta rét run lên mà thân mình anh ta nổi cả da gà. Nói rằng anh ta bị điện giật, thế là anh ta co dúm thân hình lại. Người bị thối miên là trẻ con, bảo nó biến thành bà già thế là nó có dáng bộ hệt như bà già, vốn là một người không hề biết một chữ, bảo nó làm nhà van, thế là nó múa bút viết văn trắng giang đại hải, vốn là người chậm chạp lấy bấy ít nói, bảo nó làm một nhà hùng biện, thế là nó đang dần dần thuyết, thao thao bất tuyệt, hấp dẫn người nghe². Một nhà thối miên Liên Xô trước đây đã từng ám thị cho người bị thối miên

¹ Sách "Tâm linh học của LG Jms (Anh) trang 310 NXB nhân dân Liêu Ninh.

² "Đồng phương tạp chí" số 2 quyển 14.

rằng anh ta hiện là Raphaen, bao anh ta lấy tư cách Raphaen để vẽ. Thế là anh ta vẽ tranh đúng như phong cách Rapaen còn như chuyện gái biến thành trai người biến thành chó, thành bò v.v... là chuyện rất bình thường, không có gì là lạ. Những hiện tượng như vậy, trong thuật thôi miên gọi là "biến đổi nhân cách". Những người biểu diễn thần quyền Nghĩa Hòa, đấu âm quyền, múa tiên đồng, đấu địa cổ ngư, mời thần ếch v.v... trước khi cầu thần nhập xác, sau khi hồn nhập xác tự khắc sẽ coi mình là thần chứ không còn là người nữa. Vì thần linh đã nhập hồn vào của anh ta, cho nên trong trạng thái mê cuồng, được ám thị là Tôn Ngộ Không thì sẽ có thể leo trời, nhào lộn, được ám thị là võ tướng thì sẽ vung đao múa thương, được ám thị là Trư Bát Giới thì sẽ có thể dùng miệng ngoạm cỏ, nhai cỏ, được ám thị là thần trâu địa cổ thì sẽ có thể bò trên đất, dùng đầu húc nhau; được ám thị là thần ếch thì sẽ bám tứ chi vào đất, biết lộn biết nhảy v.v...

3. Người bị thôi miên khi đi vào trạng thái thôi miên có thể có hiện tượng không có cảm giác đau đớn.

Mọi người đều biết rằng, cảm giác đau hầu như là không thể nào thích ứng được. Khi sự kích thích đem lại tác động vào cơ thể người, người ta tất yếu sẽ có phản xạ co rúm lại có tính phòng ngự. Thế nhưng khi đã đi vào trạng thái thôi miên, chỉ cần nhận được ám thị của thầy thôi miên thế là một bộ phận nào đó của của cơ thể anh ta mất dần cảm giác đau đớn. Dùng kim châm anh ta. Anh ta không hề sợ sệt gì, vẫn "điềm nhiên như không", không hề có cảm giác đau đớn, càng không lộ vẻ tránh né gì¹¹. Anh ta có thể chịu phẫu

¹¹ Sách "Tìm hiểu phép lạ thôi miên" của Thái Khải Dương, Dương chí Phương NXB Tri thức - in lần thứ 1 trang 1.

thuật mà không cần những biện pháp gây tê, gây mê. Những thí dụ về việc nhờ thôi miên mà có sức chịu đau như thế rất nhiều. Ví dụ, năm 1731, "Những tín đồ cuồng nhiệt của giáo phái Gian - xan" đã tạo ra một độ cứng rắn khác thường nhờ thôi miên tại nhà thờ Pharits ở Xanhmê-tát: Đặt những tảng đá lớn lên ngực rồi dùng búa tạ đập vụn những tảng đá đó. Hiện tượng siêu nghị lực đã nói trong chương hai sách này đều như vậy cả. Theo đó, những người dẫn thần quyền Nghĩa Hòa sau khi cầu thần nhập xác, trong trạng thái mê cuồng, có thể "khắp người bất cứ bộ phận nào cũng dao chém không đứt, thương đâm không thủng... chỉ qua một đêm là có thể không sợ gây đập dao chém". "Người lên đồng" có thể dùng dao cắt lưỡi mình "mà không đau", "người giáng đồng" dùng dao chém mình, dùng kim đâm thủng lưỡi mình mà không chảy máu", "Người đầu địa cổ ngư" đập đầu nổi bọc máu mà không có cảm giác đau v.v... tất cả đều là qua thôi miên mà có sức chịu đau. Khi khảo sát nghi thức "đầu âm quyền" ở thôn Mộ Nặc chúng tôi đã từng chứng kiến những hiện tượng chịu được sự đau đớn như vậy: để kiểm tra xem người biểu diễn đã thực sự đi vào trạng thái mê cuồng hay chưa, người chủ trì có lúc đã dùng hương đang cháy dúi vào mu bàn chân người biểu diễn, người đã thực sự đi vào trạng thái mê cuồng không hề có cảm giác đau đớn¹.

4. Khi thôi miên, người quá yếu, khó tập trung sức chú ý hoặc thần kinh quá nhạy, vì sức cảm thụ thấp, rất khó thôi miên hoặc không thể thôi miên được². Trong cầu thần nhập xác cũng có tình

¹ "Tuyển biên tư liệu điều tra Nghĩa Hoà đoàn - Sơn Đông" của bộ môn lịch sử căn đại Trung Quốc. Khoa sử, trường Đại học Sơn Đông. Tề Lo Thư xã xuất bản năm 1980- trang 200-203.

² Sách "Thuật thôi miên" trang 142.

hình đó. Sách "quyển sự tập ký" ghi lại: "khi luyện quyền pháp, thấy dạy quyền vẽ một vòng tròn trên đất, người muốn thụ giáo bước vào vòng tròn đó lay ba lay, nhâm mắt đứng yên; thấy dạy ghé vào tai niệm thần chú... ít lâu sau, ai ngã ngất trên đất thì dạy, ai không ngất là không thể dạy được, đuổi đi". Người không ngất ngã, là người sức cảm thụ thấp, không thể thôi miên được, nên thầy dạy cho rằng không dạy được, mà đuổi đi. Lại như người chưa giáng tiên nhập xác "trong" múa tiên đồng", người chưa đi vào trạng thái mê cuồng trong "đấu âm quyền", người mà thân hình không "nhún lên nhún xuống" trong "đấu địa cổ ngư", người mà "hai chân không run lên" trong "xương thất cô nương" "thỉnh thần hoa nhài" đều là sức cảm thụ thấp, không thể thôi miên được.

5. Người cao tuổi và trẻ con trước tuổi đi học đều có sức cảm thụ thôi miên thấp. Nhóm tuổi từ 7 đến 20 tuổi là có sức cảm thụ cao nhất⁽¹⁾ vì vậy những người diễn luyện thần quyền Nghĩa Hòa "đều ở tuổi 12, 13"⁽²⁾ hoặc "đều là trẻ con 13, 14 tuổi"⁽³⁾, nhưng người "múa tiên đồng", người "đấu địa cổ ngư", người "cần thần ếch", người "viên quang" đều là trẻ con trên mười tuổi, những người "xương thất cô nương", "thỉnh nguyệt cô", cho đến những người "thỉnh Từ cô" "thỉnh trúc lam thần", "thỉnh thần dưa, "thỉnh thần bầu" v.v... đều là những cô gái chàng trai 18 - 19 tuổi.

⁽¹⁾ Nghĩa Hoà đoàn nghiên cứu "của Đồi Huyền Chi NXB Văn Hải Đài Loan, tái bản năm 1967... trang 217. Sách "Thuật thôi miên" của Mã Đăng Tường NXB phổ cập khoa học 5-1989, trang 143.

⁽²⁾ Sách "Cảnh tỷ Tây hành ký sự" của Dương Ấn

⁽³⁾ Sách "Quyển sự tập ký"

CƠ SỞ SINH LÝ, CƠ SỞ TÂM LÝ, CƠ SỞ VẬT LÝ VÀ CƠ SỞ VĂN HÓA CỦA VIỆC CẦU THẦN NHẬP XÁC

Quá trình cầu thần nhập xác sở dĩ có thể tạo ra những hiện tượng siêu thường là vì có cơ sở sinh lý, cơ sở tâm lý, cơ sở vật lý và cơ sở văn hóa khách quan của nó.

1. Tính phổ biến của công năng đặc dị của cơ thể con người và quan hệ của nó với thời miên.

Qua nhiều tài liệu thực nghiệm khoa học và sự thí nghiệm bản thân, có thể thấy cơ thể con người, ngoài những công năng thông thường mọi người đều thấy ra, hầu như người người đều có những công năng đặc dị nào đó. Điều này đã trở thành nhận thức chung của nhiều chuyên gia học giả trong ngoài nước. Có những học giả còn nói rõ rằng "công năng đặc dị là cơ năng vốn có của cơ thể con người", là tiềm năng mà người người đều có¹. Nhưng với đại đa số người, những nhân tố cản trở sự xuất hiện của công năng đặc dị quá nhiều, nhiều người không thể giải thích một cách khoa học những công năng đặc dị, mà thường coi nó là thần quái, do đó làm cho công năng đó lâm vào trạng thái bị bóp nghẹt, tác dụng năng động tự giác của nó không thể phát huy được, dần dà, những công năng đặc dị của người đi vào trạng thái tiềm phục không tự giác, làm cho thông tin nói chung không thể vượt qua những trở ngại đó mà truyền vào ý thức được. Chỉ có một số ít có thiên bẩm mới có thể sản sinh công năng đặc dị. Mà một khi những nhân tố cản trở sự xuất hiện công năng đặc dị được những tác dụng mới giới nào đó

¹ "Tìm hiểu về khí công" của Băng Minh, NXB Phụ nữ nhi đồng miền Bắc, ban 1988, trang 125.

loại trừ thì người ta có thể có những công năng đặc dị như số ít những người có thiên bẩm. Theo kết quả nghiên cứu ít nhất những môi giới dưới đây có thể hàn dài hoặc tạm thời khơi dậy những công năng đặc dị vốn có nhưng tiềm ẩn của cơ thể con người:

(1). Nhờ huấn luyện. Vì công năng đặc dị là vốn có nhưng tiềm ẩn, cho nên nhiều người có thể nhờ huấn luyện mà khơi gợi dậy được bản lĩnh đó. Với trẻ thơ, điều này dễ thấy nhất. Theo thông báo, trường Đại học Bắc Kinh đã tùy tình hình chọn ra 40 trẻ em trên dưới 10 tuổi, qua một thời gian huấn luyện ngắn, kết quả 60% các cháu đã có năng lực nhận biết hình vẽ ở những mức độ khác nhau nhưng phải bằng thị giác. Những thực nghiệm ở nước ngoài cũng cho thấy 72% trẻ em có năng lực nhìn không phải bằng mắt. "Điều đáng chú ý nhất là khả năng đó xuất hiện ở trẻ em 7 đến 12 tuổi" ¹¹.

Không chỉ trẻ em, mà người lớn qua một thời gian huấn luyện hoặc tu luyện dài hơn cũng có thể khơi dậy những công năng đặc dị. Ví dụ như những tín đồ Phật giáo, Hồi giáo có thể nói trước được tình hình tương lai, có thể thấy rõ được ý nghĩa người khác, có thể dùng ý niệm mà sai khiến người khác, vật khác. "Những kỳ tài dị năng" càng cần qua sự tu luyện lâu dài mới khơi dậy được. Phương thức tu luyện bao gồm cả việc cầu nguyện, tọa thiền, minh tưởng v.v...

¹¹ "Nghiên cứu và vận dụng công năng đặc dị của cơ thể người" của Xina Ôtstran đơ (Mỹ). NXB tri thức thế giới 5-1989 trang 150

(2) Nhờ rèn luyện khí công. Luyện tập khí công có thể "khởi dậy, tăng cường những tiềm lực nội tại của cơ thể người mà tạo ra những trí năng khác thường"¹².

Nhiều nhà khí công nhờ luyện tập mà có năng lực nhìn từ xa, nghe từ xa, thậm chí truyền cảm bằng ý niệm v.v...

Đến như "tách vàng phá đá, "nóng lạnh không xâm phạm được", "dao kiếm không đâm chém được", "sức có thể nâng nghìn cân" v.v.. đã trở thành những điều thường thấy. Không riêng các bậc thầy khí công mà ngay cả người thường, những công năng đặc dị tiềm ẩn trong cơ thể họ, cũng có thể qua rèn luyện mà khởi dậy hoặc tăng cường. Đây đã là hiện tượng mà mọi người đều biết, khỏi cần nói dài.

(3) Đột nhiên xuất hiện sau khi khỏi bệnh hoặc chữa lành vết thương. Hiện tượng sau khi qua một cơn bệnh nặng (hoặc ốm lâu) hoặc sau khi chữa lành vết thương nặng mà đột nhiên xuất hiện những công năng đặc dị là việc từng thấy nhiều ở trong ngoài nước, xưa và nay. Ví dụ: Sách "Phụng Thiên thông chí", ghi "Vương Dư Khả, tự là Nam Vân, người Liễu Tây, năm 30 tuổi bị bệnh nặng, sau đó bỗng phát cuồng, có thể cầm bút viết thi văn và nói những việc kỳ lạ ngoài nhân thế, sa đà nghiện rượu, có người hỏi việc đời xưa, trả lời lập tức như tiếng dội...". Sách "Bác Đông viên bút lục tam biên" viết: "Tiến sĩ họ Lý, khi chưa thi đỗ bị bệnh điên. Sau khi khỏi bệnh thì có thể sai khiến được ma quỷ, thường nói trước việc tương lai không sai một tí nào..."

¹² "Tìm hiểu về khí công" trang 132.

Ở quê hương nhà khí công nổi tiếng nước ta là Nghiêm Tân, có một người phụ nữ tên là Ngụy Đình Dung, sau ba ngày phát sốt cao đến hôn mê, đã xuất hiện những công năng đặc dị. Ở huyện Văn Sơn tỉnh Vân Nam có một phụ nữ tên là Lý Gia Anh, thời trẻ đi bị một cơn bệnh nặng, hơn mười năm mới khỏi, sau khi khỏi bệnh đã có năng lực là dùng tay mình chữa bệnh cho người khác. Theo báo cáo của Xivari Lãngpurúttxô, nhà thần kinh học và thầy thuốc chữa bệnh tâm thần nổi tiếng nước Pháp, có một cô gái 14 tuổi vì mọi mặt vốn rất bình thường, không biết vì lý do gì đã mắc chứng bệnh Istêri. Trước hết là tiêu hóa kém sau đó ăn thức ăn đặc thì nôn ọc, gầy đi rất nhanh mà lại hay bị co giật. Sau ba tháng thì mù cả hai mắt. Thế mà ít lâu sau, cô gái bỗng có năng lực "nhìn" rất kỳ lạ. Theo kết quả khám nghiệm của Lãngpurúttxô và thầy thuốc gia đình. Cô gái có thể dùng mũi và dải tai trái để nhìn".

Có nhiều dẫn chứng ở nước ngoài cho thấy sau khi chữa lành vết thương thì bỗng xuất hiện công năng đặc dị. Một linh mục ở miền nam Italia tên là Phi-ô sinh năm 1887. Bắt đầu từ 20 tháng 9 năm 1915, ông cảm thấy tay chân và hai mạng sườn đau dữ dội. Thầy thuốc tìm không ra nguyên nhân. Một ngày năm 1918, trong khi đang cầu nguyện ở nhà thờ, ông bỗng cảm thấy toàn thân đau dữ dội ngã đi ngã lộn xuống đất, tay chân và hai mạng sườn chảy máu. Sau cơn bệnh, vết thương chưa bao giờ lành hẳn, nhưng lại có khả năng kỳ lạ là dùng tay chữa khỏi bệnh cho người khác. Vô số bệnh nhân đã được ông chữa khỏi.

Hô-côts là một người Hà Lan. Một ngày năm 1941 trong khi đang sơn cửa sổ ở tầng bốn, đã vô ý ngã từ tầng cao xuống. Người thợ 30 tuổi đó lập tức được đưa đến bệnh viện, qua khám nghiệm

biết được anh ta gãy xương vai, chấn thương sọ não nghiêm trọng, hộp sọ bị tổn thương. Qua cấp cứu chạy chữa, anh ta đã thoát chết. Và từ họa gặp phúc, từ đó anh có khả năng đặc biệt nhìn được từ xa, nhìn qua vật cản và biết trước được tình hình tương lai.

Một người có năng lực đặc dị nổi tiếng thế giới là Y.u.r.i Caioo có thể từ xa nhìn mà làm cho các dụng cụ ăn như cùi đĩa, phước sét cong, gãy, làm cho đồng hồ chạy nhanh lên hay chậm đi tùy ý muốn thậm chí làm cho máy tính ngừng hoạt động, lại có thể đọc được ý nghĩ của người khác, biết trước điều lành điều dữ v.v..

Trong lời kể của anh, anh cho biết nguyên nhân dẫn đến anh có năng lực kỳ lạ đó là hồi nhỏ anh bị một vật sáng như bạc từ không trung đập vào mặt, thấy đau dữ dội trong óc, ngất đi, sau khi tỉnh lại thì anh đột nhiên có năng lực kỳ lạ kia.

4. Do thần hoặc khách vũ trụ ban cho. Đây là một quan điểm xuất hiện và lưu hành trong cơn sốt khí công. Nhiều thầy khí công và nhiều người có những năng lực kỳ lạ nói rằng những năng lực đặc dị của mình là do thần hoặc những người khách vũ trụ trao cho. Ví dụ, một giảng viên của một trường Đại học nọ ở Bắc Kinh là người có năng lực tư duy lô gích rất giỏi, có tác phong khoa học rất nghiêm túc, lại có những năng lực rất kỳ lạ. Năng lực kỳ lạ đó là kết quả của công phu luyện tập khí công, lại được "một sư phụ từ thế giới u minh" truyền dạy cho. Mùa thu năm 1987, khi mà trình độ khí công của ông đột ngột nâng cao, ông bỗng nhìn thấy sư phụ của thế giới u minh", "Người thầy thuộc có năng lực đặc dị" tỉnh Sơn Đông Trương Kế Tường nói rằng năng lực đặc dị của ông là do một sinh mệnh cao cấp là nữ, một sinh mệnh có tiếng nói nhưng vô hình, nói thạo tiếng phổ thông, có thể điều khiển ông tự động viết

chữ. Nghe nói những sinh mệnh cao cấp hơn người trên hành tinh này là kẻ đã từ xa điều khiển con người làm ra những chuyện kỳ lạ. Một người Bắc Kinh họ Lưu được coi là nhà Dịch học trẻ tuổi, nhà khí công đã nói rằng công năng đặc dị của anh ta là do một vị hòa thượng chỉ mặc quần để trần phẩn nửa người phía trên trao cho. Đêm mùng 4 tháng 7 năm 1987, trong khi anh ta đang tính toa thì đột nhiên phát hiện được vị hòa thượng đó trong tâm mắt của mình, liền sau đó mấy ngày đều như vậy. Từ đó, anh được vị hòa thượng truyền thụ công pháp cao cấp - công Palamông. Người thầy khí công nổi tiếng Nghiêm Tân có một đồ đệ họ Trần thì được một cụ già râu tóc bạc trắng, mặc quần áo trắng, đi giày trắng dạy cho những năng lực đặc dị. Cụ già này từ trong mây đột ngột hạ giáng mà truyền phép lạ cho. Tóm lại những bậc thầy khí công tài giỏi và những người có năng lực đặc dị đều tin rằng có một "người thứ ba" chỉ huy mình hành động. Trương Kế Tường gọi "người thứ ba" đó là "sinh mệnh cao cấp". Nghiêm Tân thì gọi là sư phụ. Trong thư tịch cổ thường có ghi chép về một nhân vật nào đó gặp được "dị nhân" và được truyền dạy những kỹ năng đặc dị nào đó. Ví dụ sách "Đông Thiên bát lục" ghi một người con gái họ Hà ở Vĩnh Châu được một "dị nhân" cho quả đào, ăn vào thì không bao giờ thấy đói nữa, không cần phải bài tiết nữa, từ đó có thể biết trước được họa phúc của người khác" ⁽¹⁾ v.v...

Những câu chuyện kỳ lạ đó về khí công và năng lực đặc dị đã được nhiều thông tin ngày nay chứng nghiệm. Ngay cả một số nhà văn có tên tuổi ngày nay cũng lấy những hiện tượng thần hoặc

⁽¹⁾ "Đông thiên bát lục" quyển 14.

khách vũ trụ truyền thị công năng đặc dị cho người đời làm đề tài cho tác phẩm của mình.

Chuyện thần hoặc khách vũ trụ truyền dạy cho người đời những công năng đặc dị đã trở thành một hiện tượng có tính thế giới. Bậc thầy thông linh nổi tiếng thế giới là Mía-Xon có năng lực đặc dị rất cao siêu cũng nói rằng năng lực kỳ lạ của ông là có liên quan với "một chuyện lạ mà ông đã gặp lúc lên sáu. Chập tối một hôm nọ, bố ông bảo ông ra phố đi mua một bao thuốc lá. Trời đã tối, hành lang ngôi nhà gỗ nhỏ của ông chìm trong bóng tối. Đột nhiên, trên cầu thang xuất hiện một bóng người mặc áo trắng: "Con ơi, ta từ thiên đường tới, là tín sứ của con... Đến đây bảo cho con biết tương lai của con..." Bóng người nói xong thì biến mất, và bóng người với lời nói kia như một tia chớp hoặc một tiếng sét, Mai - xan ngất xỉu ngã trên đất, không còn tri quái gì. A - li - cơ là người mà cả Braxin hầu như ai cũng biết, có thể mổ xẻ chữa bệnh cho người mà không cần gây mê, không cần vô trùng, tùy tiện dùng một con dao thái rau, cắt vỏ quả mà mổ, thế mà mổ đến đâu bệnh khỏi đến đó, lại không cần khâu, không chảy nhiều máu, vết mổ tự nhiên liền miệng, khỏi hẳn. A - Li - Cơ giải thích bản lĩnh của mình rằng có hẳn "hồn của mấy thầy thuốc nhập vào" ông ta. Một số người có công năng đặc dị, kể cả Y.u.Ri Cai.Lơ đều nói rằng năng lực đặc biệt của họ bắt nguồn từ những khách vũ trụ đến bằng đĩa bay.

Được khơi dậy trong trạng thái thôi miên. Thuật thôi miên có lịch sử rất lâu đời. Các phương pháp khống chế tâm trí người cổ xưa đó được ghi lại rất nhiều tuy nhiên văn bản cổ đại của Ai Cập, Ba Tư, Hy Lạp, La Mã, Ấn Độ Thư tịch cổ nước ta cũng ghi lại những nghi thức tôn giáo bao gồm cả thuật thôi miên để tạo ra những sức

mạnh siêu tự nhiên. Nhưng do hạn chế của trình độ văn hóa khoa học đương thời và do ảnh hưởng của quan niệm thần linh mê tín, người xưa chưa thể nhận thức đúng đắn thực chất của thuật thôi miên mà qui mọi hiện tượng siêu tự nhiên cho vu thuật và thần linh. Hơn một năm trước đây, cụ thể là đầu những năm 40 thế kỷ 19, Thầy thuốc người Anh Pu - lăi đơ mới giải thích được hiện tượng thôi miên một cách khoa học, sau đó, những năm 80 thế kỷ 19, một số học giả nước ngoài nghiên cứu về thần linh mới đưa ra được quan điểm "thôi miên có thể xúc tiến được những siêu cảm giác". Mãi đến những năm 70 thế kỷ này, nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài qua nhiều thực nghiệm thấy rằng nhiều người chịu thí nghiệm đã có những công năng đặc dị, có thể đọc được ý nghĩ người khác, có thể tiên đoán tương lai người khác, qua đó mới khẳng định rõ ràng được rằng "thuật thôi miên là công cụ hữu hiệu để khơi dậy ESP (công năng đặc dị của cơ thể người)" nhiều thông tin sau đó (kể cả những báo cáo được đưa ra ở nước ta trong cơn sốt vì khí công và công năng đặc dị) đã chứng minh đầy đủ tính chính xác của quan điểm đó.

Điều đáng chú ý là phần lớn những năng lực kỳ lạ được khơi dậy nhờ thôi miên phần lớn chỉ là những hiện tượng tạm thời, nó chỉ tồn tại trong trạng thái thôi miên, một khi đã mất tác dụng thôi miên, thì nó lại lui vào trạng thái tiềm ẩn. Tác dụng của thôi miên ở đây chỉ có giá trị một tác dụng môi giới, nó có thể từ bỏ những nhân tố cản trở sự xuất hiện những công năng đặc trị vốn có của cơ thể con người, làm cho những người ở trong trạng thái thôi miên có thể có những công năng đặc dị ở những tầng bậc khác nhau.

Những tầng bậc khác nhau của công năng đặc dị được khơi dậy trong trạng thái thôi miên là do những mức độ khác nhau của trạng thái thôi miên tạo ra. Mức độ của trạng thái thôi miên có thể chia làm ba bậc: độ nhẹ, độ vào và độ sâu. Cụ thể là:

Độ thôi miên nhẹ: Người bị thôi miên ở trạng thái thư giãn, cơ bắp toàn thân chùng, có cảm giác chân tay nặng nề, không thể nào mở mắt ra được, rất buồn ngủ không thể nói năng, đi lại, không có hiện tượng quên.

Độ thôi miên vừa: Có phần quên, có thể có ảo giác dùng kim châm vào da thịt ít cảm thấy đau, sau khi tỉnh lại không thể tiếp tục thực hiện mệnh lệnh đã dự định trước. Không có sự vận động tùy ý, tự chủ.

Độ thôi miên sâu: Có thể nói năng, đi lại, mở mắt nhưng hoàn toàn mất cảm giác, hoàn toàn mất trí nhớ, thể hiện tính ám thị cao độ, mất hẳn khả năng ức chế và phán đoán, tuyệt đối chấp hành mệnh lệnh của người thôi miên một vật thể cụ thể tồn tại đây mà bảo anh ta nhìn không thấy thì anh ta sẽ nhìn mà không thể thấy cái gì cả, thậm chí có thể chấp hành những mệnh lệnh dự định phức tạp hơn.

Thực nghiệm thôi miên cho thấy, độ thôi miên càng sâu, càng có thể thay đổi nhân cách nhiều hơn và kỷ ức trong trạng thái thôi miên càng suy giảm đến mức độ mất hẳn - Người sau khi đã cấu thần nhập xác, trong trạng thái mê cuồng thể hiện một siêu trí lực, siêu thể lực, siêu nghị lực và có những năng lực tiên tri, dùng ý nghĩ để sai khiến người vật rất kỳ lạ, nhưng sau khi tỉnh lại thì hoàn toàn quên hết mọi thứ vừa xảy ra trong trạng thái mê cuồng và mọi năng lực siêu thường vừa có đều hoàn toàn mất hẳn. Tầng bậc của những

công năng đặc dị hoàn toàn tùy thuộc ở mức độ sâu nóng của trạng thái thôi miên.

2. Tính ám thị: cơ sở tâm lý và cơ sở vật lý của thuật thôi miên.

Thôi miên sở dĩ có thể khơi dậy những công năng đặc dị của cơ thể người, trước hết vì những công năng đó vốn tiềm ẩn sẵn trong cơ thể người, lại vì tự thân con người tồn tại phổ biến cái tâm hướng mang tính có thể ám thị và chủ động tiếp nhận ám thị, lại vì ám thị có tính hiệu quả rất mạnh.

Ám thị là một hiện tượng tâm lý đặc thù cố hữu của loài người. Kết quả nghiên cứu cho thấy, loài người tồn tại phổ biến năng lực ám thị, có thể nó là một thứ bản năng vốn có được di truyền qua gien. Tâm lý ám thị là hiện tượng tâm lý phản ứng thuận chiều của người ta trước những kích thích xã hội được khống chế. Người ta sống trong xã hội, luôn luôn ở trong hoàn cảnh ám thị, đồng thời cũng không ngừng ảnh hưởng đến người khác bằng ám thị, do đó mà giữa người với người có ảnh hưởng lẫn nhau và tác dụng lẫn nhau. Trong đời sống hàng ngày, mỗi lời nói việc làm đều chịu sự chi phối một cách không tự giác một cái hiện trạng, một biểu hiện bên ngoài, một lời nói, một tín hiệu hoặc một sự chi phối khác của xã hội, khiến tâm lý, hành vi của chúng ta chịu ảnh hưởng mà tiếp nhận một ý kiến, một quan niệm, hoặc nói năng theo một cách nào đó, hoặc hành động theo một kiểu nào đó. Ví dụ, lắng nghe nhạc người ta có thể bắt theo nhịp nhạc một cách không tự giác; trong hội trường nhiều người, một người ngáp có thể làm cho nhiều người khác ngáp theo. Đang đi trên đường phố, bất ngờ gặp một đoàn biểu tình tuần hành người ta có thể đi theo, không biết

nhằm mục đích gì, với ý nghĩa gì. Một kiểu quần áo, một trào lưu tư tưởng được lưu hành một thời, rất dễ hấp dẫn nhiều người khác học theo một cách vô ý thức v.v... Như nhiều thực nghiệm tâm lý học xã hội đã chứng minh, dưới tác dụng của ám thị người ta tiếp nhận lời khuyên của người khác, tán thành ý kiến người khác mà thường thường không phải do tác dụng của yếu tố nhận thức. Ngay cả tình cảm yêu hoặc ghét nảy sinh trong khi thưởng thức nghệ thuật cũng được thực hiện không phải qua con đường tri giác lý tính⁽¹⁾.

Pê-Khơ-Chê lép cho rằng, ám thị khác với thuyết phục, nó đi vào thế giới tâm linh người ta không phải bằng "cửa chính" mà là qua "cửa sau" như vậy tránh được con mắt phê phán của người giữ cửa. Nhiều tài liệu khoa học và thực tế đời sống đã chứng tỏ sự tồn tại phổ biến của hiện tượng chịu ảnh hưởng của ám thị. Mặt khác, tính chất chịu ảnh hưởng ám thị đó của người ta không phải là tiêu cực, bị động, người ta vốn có tâm hướng chủ động tiếp nhận ám thị. Các nhà thôi miên đều có nhận xét rằng những người ốm yếu, muốn được cứu chữa càng dễ tiếp nhận ám thị hơn dễ bị thôi miên hơn những người chỉ muốn thử nghiệm trạng thái thôi miên xem sao. Điều này chứng tỏ người ta có thể chủ động tiếp nhận ám thị⁽²⁾. Chính là vì người ta vốn có tính ám thị lại có tâm hướng chủ động tiếp nhận ám thị. Trên cơ sở đó thuật thôi miên mới có tác dụng hiệu ứng.

Đương nhiên, thuật thôi miên có tác dụng hiệu ứng còn là vì ám thị có tính hữu hiệu rất mạnh. Điều này thể hiện ở chỗ ám thị có tác dụng vật lý to lớn, có thể có ảnh hưởng đến hệ thống thần kinh

⁽¹⁾ "Tìm hiểu thôi miên".

⁽²⁾ "Tìm hiểu thôi miên".

thực vật của người bị ám thị, ví dụ như gây nôn ọe, toát mồ hôi, nhịp tim nhanh lên hoặc chậm đi, thậm chí có thể làm cho cơ thể người ta mất thăng bằng dẫn đến tử vong. Nhiều thực tế cuộc sống đã chứng minh điều này. Ở nước ngoài đã từng có người bị nhốt nhăm vào xe ướp lạnh, máy làm lạnh chưa mở thế mà người đó đã "chết rét". Đây rõ ràng là vì sức mạnh to lớn của ám thị đã phá hoại cơ chế bảo hộ sinh vật của người đó mà làm cho y chết đột ngột. Mùa đông năm 1943, hai học sinh gái trong trường học việc của một nhà máy ở thành phố Yê-ra-bu-ga Liên Xô cũ đã lần lượt nhận được hai "lá thư nặc danh", trong thư có những dòng chữ nguệch ngoạc nói rằng vì một nguyên nhân, vào ngày giờ nọ, họ sẽ bị ma bệnh trừng phạt: toàn thân co rút, khản giọng mất khả năng nói, tai điếc, đầu và tay đau đớn... kết quả đúng vào ngày giờ đã nói, tất cả đều ứng nghiệm như thư đã viết. Chuyên gia chữa bệnh tâm lý nổi tiếng của Liên Xô trước đây là B. Lai-vi đã kể lại trong lời nói đầu cuốn sách "Người chứng kiến vụ thuật" của thầy thuốc người Mỹ Ga-ri-lat câu chuyện như sau: Một tên phạm tội giết người đã bị tuyên án tử hình, người ta bảo sẽ xử tử y bằng cách cắt đứt tĩnh mạch. Cảnh sát giải y đến pháp trường và cho y nhìn thấy công cụ hành hình: một con dao mổ, rồi bịt mắt y lại, tiếp đó cho một người dùng sống dao dí vào tĩnh mạch cánh tay y (không hề làm xước da) rồi tưới vào mu bàn tay y một tia nước ấm, nước gió xuống cái chậu dưới đó phát ra tiếng kêu tí tách. Tất cả những cái đó tạo ra trong tâm lý phạm nhân một thứ tình cảm mới và rồi đây chết rồi chết hẳn. Qua giải phẫu thi thể, người ta phát hiện ra rằng y chết vì tim bị tê liệt. Điều đó chứng tỏ tác dụng vật lý to lớn của ám thị.

Ám thị vì sao có tác dụng vật lý mạnh đến thế? Tài liệu nghiên cứu trong ngoài nước chứng tỏ, hầu cứ một bộ phận nào của cơ thể

người đều có liên hệ với tâm lý. nhân tố tâm lý có thể thẩm thấu hữu hiệu vào bất cứ bộ phận nhỏ nhất nào của cơ thể người. Liên hệ thông suốt trong não. Thêm vào đó là năng lượng dư thừa lớn tích tụ trong não (nói chung người ta chỉ khai thác sử dụng 5 - 20%) đã tạo ra trong toàn bộ quá trình tiến hoá một cảm quan rất mạnh trong cơ thể người, cảm quan này có khi thể hiện thành một kỳ tích liên hệ tâm linh, có khi thể hiện thành bệnh tật. Dưới tác dụng của ám thị tích cực, có thể làm cho người ta tin tưởng, huy động được tiềm lực lớn lao của cơ thể người ⁽¹⁾, còn dưới tác dụng của ám thị tiêu cực tâm lý bình thường và trạng thái sinh lý của người có thể bị nhiễu loạn phá hoại, khiến người ta tàn phế hoặc chết.

Sinh lý học đã giải thích hiện tượng này ra sao?

W.B.Kan-Nông chỉ rõ, sợ hãi cũng như giận dữ sẽ cùng với thần kinh giao cảm vận động mãnh liệt. Loại vận động này thường là có tác dụng đối với cơ thể người nó có thể làm cho khí quan biến dị, làm cho thần kinh giao cảm rối loạn, có khi chỉ trong mấy tiếng đồng hồ mà làm cho dung lượng máu giảm đi tiếp đó là huyết áp giảm thấp. Kết quả nó có thể phá hoại khi quan tuần hoàn máu đến mức không thể chữa khỏi được. Kết quả nghiên cứu mấy trường hợp tinh thần bị tổn thương khi ra chiến trường ⁽²⁾ và những thí dụ vừa kể trên đây đều chứng minh tính chính xác của giả thuyết trên đây chính là tác dụng phá hoại đối với cơ năng cơ thể người do ám thị tiêu cực gây ra.

⁽¹⁾ Xem thêm chương 7: "Bí mật của việc thầy mo chữa bệnh"

⁽²⁾ "Nhân loại học kết cấu" của Khơ-loa đơ - Lê-vi, Stơ-Raos (Pháp) NXB Văn hóa nghệ thuật trung tâm 2.1989, trang 2.

3. Thuật thôi miên: phương pháp hữu hiệu để thôi miên khơi dậy công năng đặc dị của cơ thể con người.

Thôi miên có thể khơi dậy những công năng đặc dị của cơ thể con người, ngoài cơ sở tâm lý và sinh lý đã nói trên còn do người thôi miên đã sáng tạo phát triển và áp dụng một hệ thống phương pháp thôi miên và nguyên lý ám thị có hiệu quả. Người ta tuy bản năng có tính có thể ám thị nhưng đồng thời cũng tồn tại phổ biến tính chống lại ám thị. Tính chống ám thị này có thể bắt nguồn từ bản năng ưu việt ý thức tự do, thói quen, cá tính v.v... chủ yếu thể hiện thành phòng tuyến luân lý của cá thể đối với kích thích của ám thị. Ám thị có hiệu quả hay không tùy thuộc ở chỗ có khắc phục được trở lực của ba phòng tuyến ấy hay không? ⁽²⁾ việc sáng tạo phát triển và vận dụng thuật thôi miên và nguyên lý ám thị có thể giúp ích cho việc khắc phục trở lực của ba phòng tuyến nói trên. Người thôi miên nếu tuân thủ chặt chẽ qui luật ám thị thì có thể dễ dàng đưa người bị thôi miên vào trạng thái thôi miên và khơi dậy được trong người bị thôi miên những công năng đặc dị vốn có những tiềm ẩn trong cơ thể người đó. Trái lại, có thể thất bại.

NGHIỆM CHỨNG VÀ GIẢI THÍCH NHỮNG HIỆN TƯỢNG SIÊU THƯỜNG TRONG VU THUẬT GIÁNG THẦN BẰNG NHỮNG THÀNH QUẢ NGHIÊN CỨU THUẬT THÔI MIÊN VÀ KHOA HỌC NHÂN THỂ

Đi sâu nghiên cứu và phát triển thuật thôi miên và khoa học nhân thể có thể giúp chúng ta tìm được những dẫn chứng chứng tỏ

⁽²⁾ "Tìm hiểu thôi miên" trang 152.

ràng, những công năng đặc dị vốn có những tiềm ẩn của cơ thể con người như thị giác siêu thường (bao gồm nhìn xa, nhìn qua vật cản, nhìn vật siêu nhỏ v.v...) thính giác siêu thường, vị giác siêu thường, xúc giác siêu thường, khứu giác siêu thường, trí nhớ siêu thường, trí lực siêu thường, thể lực siêu thường, nghị lực siêu thường, truyền cảm tư duy, sai khiến bằng ý niệm, dự đoán tương lai, nhìn rõ quá khứ v.v... đều có thể khơi động được trong trạng thái thôi miên. Ví dụ:

Trong trạng thái thôi miên, tay chân và cơ thể người bị thôi miên có thể cứng như gỗ, có thể bắc như bắc cầu qua hai cái giá mà không hề uốn cong, có thể chịu được một sức tải lớn hơn lúc bình thường rất nhiều, có thể cho người đứng lên bụng mà chịu đựng được một thời gian dài. Một nghiên cứu sinh gái nặng 52 kg, sau khi cứng đờ trong trạng thái thôi miên sâu, bắc thẳng ngang qua hai cái ghế băng, cho một bạn học trai nặng 65 kg đứng thẳng lên bụng mà cô ta vẫn bằng thẳng như thường. Một vận động viên, có sức nắm đo được 100 bảng, anh huy động toàn lực cũng không thể vượt qua 100 bảng, thế mà, sau khi đưa anh ta vào trạng thái thôi miên, người thôi miên bảo anh ta: "Anh rất khỏe, khỏe hơn bao giờ hết, khỏe đến mức anh cũng lấy làm lạ." Sau đó đo sức nắm của bàn tay anh ta, kim chỉ thị vượt qua 120 bảng một cách rất dễ dàng.

Người bị thôi miên sau khi đi vào trạng thái thôi miên sâu, qua chỉ lệnh ám thị, nhắm mắt lại cũng nhận ra được những vật gói trong khăn tay hoặc hòm giấy, gọi ra được rất chính xác tên vật gói kín trong đó, cũng có thể "nhìn thấy" được tình hình nhà bên kia bức tường, nói đúng nhà đó sắp đặt đồ đạc ra sao, có những người nào và họ đang làm những việc gì. Một học giả nước ta đã từng thôi

miền một sinh viên gái cận thị đến 500 độ. Thế mà trong trạng thái thôi miên, cô ta có thể đọc được những chữ Anh trong một quyển sách giáo khoa tiếng Anh để cách xa một mét mà không cần đeo kính.

Nhà tâm linh học Liên Xô cũ Lê-ô nit- L Van xiliep cuối những năm 50 đã cho biết một bệnh nhân trúng độc rượu còn ở bệnh viện tinh thần Pô-lô-sơ đã có thị lực khác thường. Người ta đã cho bệnh nhân đó vào trạng thái thôi miên và cho anh ta dùng tay để đọc những tiêu đề trên báo "Sự thật". Cuối cùng anh ta đã đọc được không chỉ những tiêu đề cả những chữ in nhỏ trên báo qua vật cản là một tờ giấy cơ-rô-ki.

Trong trạng thái thôi miên độ vừa, thính giác của người bị miên hết sức nhạy, có thể nghe được những âm thanh hết sức nhỏ mà người thường không thể nghe thấy được, thậm chí cả những lời ám thị mà người thôi miên nghĩ thầm anh ta cũng cảm thụ được. Một nhà thôi miên Nhật Bản đã làm thử nghiệm như sau: Đặt một cái đồng hồ đeo tay cách xa người bị thôi miên hai mét, thế mà người đó vẫn nghe rõ tiếng tích tắc của cái đồng hồ. Thí dụ trên đây có thể giải thích tại sao trong trạng thái mê cuồng, người cầu thần nhập xác có thể "nghe thấy" được lời thăm thì niệm chú của thầy mo.

Về vị giác siêu thường: Ví dụ, để năm thứ mùi vị khác nhau trong năm thứ dụng cụ khác nhau, dùng nước lã pha thật loãng những mùi vị đó, người thường không thể nào phân biệt được vị gì, thế mà người bị thôi miên có thể nếm biết được rất đúng vị chua vị ngọt.

Cộng hưởng cảm giác: Người thôi miên và người bị thôi miên ở một phòng ngăn cách tường, người thôi miên dơ tay lên, người bị thôi miên cũng dơ tay lên, người thôi miên vui hay buồn

giận thì người bị thôi miên cũng vui hay buồn giận, những người chứng kiến có thể quan sát trực tiếp vẻ mặt của họ mà nhận ra. Người thôi miên dùng kim đâm vào da thịt mình, người bị thôi miên cảm thấy đau mà kêu to lên.

Nhớ lại việc đã qua: Thuật thôi miên cho thấy, não người như một máy nhiếp ảnh, mỗi một việc trong quá khứ được ghi lại trong bức tranh tâm lý như một tấm ảnh, do đó, thuật thôi miên có thể đưa lại những ấn tượng đã quên lâu năm trở lại trong ý thức tri giác thậm chí có thể kể lại chuẩn xác những chi tiết hết sức nhỏ. Trong trạng thái thôi miên, người thôi miên ra chỉ lệnh: "Anh có thể nhớ lại một phần những việc đã qua, hơn nữa anh có thể nhớ lại cả những chi tiết nhỏ. Anh nhớ lại đi!" "Anh nhớ lại rồi đấy..." Quả nhiên chỉ giây lát sau người bị thôi miên nhớ lại những chi tiết đó.

Truyện cảm tư duy: Trong trạng thái thôi miên độ vừa, người thôi miên và người bị thôi miên mỗi người ở trong một căn phòng khác nhau, mọi tưởng tượng động tác của người thôi miên đều được người bị thôi miên cảm nhận được hoàn toàn chính xác. Những năm 30, Lê-ôn nít L.Va xi-biép đã hàng mấy trăm lần dùng ý nghĩ của mình ra lệnh cho người bị thôi miên: "Hãy gác chân này lên chân kia!" "Dơ tay lên!" "Tiến lên phía trước".

Những mệnh lệnh dễ được tiếp thu, ông để cho người chịu thử nghiệm đi vào trạng thái thôi miên nhẹ. Có lúc ông còn bịt mắt họ lại. Dân tộc Bồ Y có một loại bà mo gọi là "nhã nha" có năng lực truyền cảm tư duy rất mạnh. "Nhã nha" là thầy bói, thầy đuổi ma của dân tộc Bồ Y, thường là những phụ nữ sau khi đã thành niên đột nhiên bị ốm nặng một trận, sau khi khỏi bệnh thì có hồn thầy mo nhập xác, nói năng quái đản, tự xưng là người phát ngôn của một

thầy mo nào đó. Sau khi đã thành bà mo, người nhà bên lập cho bà một cái "vu quỳnh" (một cái hòm gỗ giống như bàn thờ thần), treo trên vách, cắt người giấy, ngựa giấy và đồ cúng đặt vào trong hòm, ngựa giấy dùng đinh ghim ghim chân lại. Nếu có ai muốn nhờ bà mo đoán số mình, chỉ cần đốt giấy hương dưới "vu quỳnh" nhờ những cái đinh ghim chân ngựa giấy, thế là bà mo bất cứ lúc đó làm ruộng ngoài đồng hay đi chơi đâu đó cũng sẽ lập tức chạy về nhà và đi vào thế giới thần linh trở thành người phát ngôn của thầy mo nào đó mà bói cho người cần bói, chỉ rõ bên mê, nói rõ lành dữ, ngay cả những người lạ mới từ phương xa đến cũng có thể nói rõ lai lịch và tình hình gia đình người đó ⁽¹⁾.

Cứ thế, chúng ta cuối cùng đã tìm ra cái chìa khóa khám phá bí mật của quá trình cầu thần nhập xác và những hiện tượng siêu thường xuất hiện trong quá trình đó không phải là sự linh nghiệm của bói toán, khiêu thần, tẩu âm phù ki v.v.. mà là năng lực biết trước trong công năng đặc dị tiềm ẩn trong con người ta đã phát huy tác dụng. Nhớ lại việc cũ, nói chuyện với "vong linh" là sự nhạy cảm phi thường tiềm ý thức và năng lực dao cảm đã "nhìn thấy" được những "hình ảnh lưu lại" những "thông tin ghi lại" ⁽²⁾. Những

⁽¹⁾ "Trung quốc các dân tộc tôn giáo di thần thoại đại từ điển" trang 37

⁽²⁾ Người hoặc vật đều để lại những tin tức nơi đã đi qua. Những tin tức này còn lại tin tức lưu lại. Qua những tin tức này có thể nhận ra người hoặc vật đã qua. Công an phá án thường dùng những khí tài đặc biệt để hai thác tin tức lưu lạc mà xác định những đặc điểm bên ngoài nhất định của tội phạm, giúp cho việc phá án. Có những nhà khí công thuộc người có năng lực đặc dị có thể nhận ra được những tin lưu lại. Người được thôi miên cũng vậy. Giới khoa học nước ta, các nhà khí công, nhiều chuyên gia về khoa học nhân thể đã khẳng định sự tồn tại của những hình ảnh lưu lại, những "tin tức lưu lại". Nhiều tài liệu nghiên cứu khoa học, nhiều tài liệu thực hiện và khảo sát cũng đã chứng minh sự tồn tại của hiện tượng nói trên.

khi vật di động, chuyển động, lay động trong phù ki, mời thần tử cô, mời thần làn tre, mời thần dừa, thần bàn, thần ghế... là kết quả của sự sai khiến bằng ý niệm. Những người "Khiêu thần", "xướng thất cô nương" v.v... Không học mà biết múa, múa gây múa quyền, không học mà biết hát; những người phù ki không biết chữ mà viết được chữ, đó là sự phát huy của trí lực siêu thường. Những người "vũ tiên đồng" "đâm âm quyền", những người biểu diễn "thần quyền Nghĩa Hòa", những người "đấu địa cổ ngư" có thể "giáo đâm không thủng, dao chặt không đứt", "sức mạnh hơn lúc bình thường, đến mấy lần" đó là sự trở tài của nghị lực siêu thường, thể lực siêu thường; người không biết chữ nào mà sau khi cầu thần nhập xác có thể diễn xướng "Tát cánh nhĩ vương" đó là công tích của trí nhớ siêu thường, trí lực siêu thường; thấy mo thăm thì niệm chú, mà những người cầu thần nhập xác ở cách xa mấy mét nghe được, đó là nhờ thánh giác siêu thường giúp đỡ... Đến đây thì hẳn chúng ta không nên tin ở kỳ tích của các thầy mo, của thần hay ma nữa. Nếu thật sự có kỳ tích xuất hiện thì nhất định nó đã thể hiện đầy đủ sức mạnh vĩ đại và tiềm lực lớn lao của con người.

Chính bạn là thần, thần chính là bạn!

6

LẤN SÂU VÀO HANG TỐI CHÂN TƯỢNG CỦA VIỆC CẦU THẦN NHẬP XÁC (HẠ)

PHÂN TÍCH MẤY HIỆN TƯỢNG "THẦN BÍ" TRONG TỤC GIÁNG TRẦN

Trong chương trên, chúng tôi đã vận dụng những thành quả nghiên cứu về thuật thôi miên và khoa học nhân thể để giải thích sơ lược về những hiện tượng siêu thường trong tục cầu thần nhập xác. Những hiện tượng siêu thường xuất hiện trong quá trình cầu thần nhập xác vốn là do thuật thôi miên khởi động những công năng đặc dị tiềm ẩn trong cơ thể người tạo ra, nhưng các thầy mo, đạo sĩ lại nói rằng những hiện tượng đó là thần bí, là biểu hiện của những cội nguồn siêu tự nhiên nào đó của con người. Những hiện tượng đó xưa kia và hiện nay vẫn được những người duy tâm, hữu thần lợi

dụng để truyền bá, và củng cố tín ngưỡng tôn giáo của họ, nhất là để gieo rắc quan niệm về sự tồn tại của thế giới siêu tự nhiên và con người là có linh hồn siêu tự nhiên. Để triệt để đập tan những luận điệu đó, lột trần những bí mật về giáng thần nhập xác, đồng thời cũng để chứng minh thêm về tục giáng thần nhập xác vốn không phải thần túy mê tín, hoang đường, mà trong đó có những nguyên lý khoa học sâu xa, dưới đây xin phân tích thêm về mấy hiện tượng thần bí trong tập tục cầu thần nhập xác.

THẾ GIỚI QUỶ THẦN TRONG TÂM LÝ MÊ CUỒNG

Những tập tục cầu thần nhập xác khác nhau, cũng như các loại hình sân khấu khác nhau, loại thì dùng lời nói bình thường, loại thì dùng lời hát, loại dùng động tác hoặc dùng cả hai ba thứ để đưa thế giới quỷ thần trong tâm lý mê cuồng từ hậu trường lên sân khấu trình diễn:

Núi dao, biển lửa, cầu Nại hà, ải Quỷ môn, địa ngục... là những cửa ải hiểm nghèo trên con đường mà những người khiêu thần, tấu âm kể rằng họ phải đi qua để vào thế giới quỷ thần. Những tên quan ải mà người ta nghe thấy phải rung mình sợ hãi.

Trái hẳn với những người khiêu thần, tấu âm, lời ca mà những kẻ "xướng thần tiên" hát, lại thể hiện niềm vui được du lịch thế giới thần tiên:

Các cô gái, chàng trai "xướng thần cô nương" ruổi ngựa vượt qua những sông dài biển rộng, vượt qua vô số những núi cao rừng đẹp để đi vào thế giới thần tiên. Trong thế giới thần tiên này, lớp lớp vườn hoa, những đình đài lẩn gác vàng son rực rỡ, thấp thoáng

trong mây mù, ở đây đàn sáo tung bùng, tràn ngập cảnh sắc thiên đường tiên cảnh. Bảy tiên nữ trong truyền thuyết dân gian đưa khách trần đạo chơi tiên cảnh. Trên đường, lúc thì các cô hát tình ca với khách, khi thì cùng khách chấp chới múa vui. Những lời ca trong vắt, những điệu múa uyển chuyển làm cho các cô các cậu khách trần đắm đuối say mê. Một tiếng gà từ trần gian vẳng đến báo hiệu đã đến giờ chia tay. Các tiên cô tiễn khách chặng này, rồi chặng khác, các cô gái, chàng trai lưu luyến bịn rịn lại ca lên những lời ca tiễn biệt rồi mới lưu luyến chia tay bảy nàng tiên, rồi khỏi thế giới thần tiên, dùng dằng lên đường về hạ giới.

Nhiều dân tộc nguyên thủy ở châu Mỹ cũng có tình hình như thế. Thổ dân Êquator sau khi uống thuốc mê do các "âm mẫn" phát cho, cũng đi vào tiên cảnh. Mọi thứ trên trời đều cực kỳ tốt đẹp: Củ sắn không phải sinh ra dưới đất mà lớn lên trên cành cây, dễ thu hái hơn nhiều; săn bắn cũng đơn giản, dễ dàng hơn trần thế, vì động vật muôn thú trên trời đều dịu dàng dễ bảo, thấy người không bỏ chạy...

Với những người hữu thần, duy tâm, những âm ty địa phủ, những tiên đường thiên cảnh, những thần tiên ma quái, mà người ta "thấy được" trong trạng thái mê cuồng đều là có thật. Thật sự có một thế giới của quỷ thần. Chúng ta tất nhiên là không tin. Cái thế giới của quỷ thần trong tâm lý mê cuồng kia chỉ là giấc mơ do con người (thời miên), tạo ra và là những ảo ảnh của giấc mơ đó; nó chỉ là cảm giác thần hợp chủ quan và cảnh giới tinh thần mà không có một thực tế khách quan nào thích ứng với nó.

Những nghiên cứu và thực nghiệm thời miên cho thấy, trong trạng thái thời miên độ vừa và độ sâu, khi người thời miên ám thị có

thể thấy cái gì, thì lập tức người bị thôi miên nảy sinh ảo giác về cái đó "nhìn" thấy cái ảo tượng đó. Ví dụ, chỉ cái gậy mà bảo là con rắn, hoặc chỉ vật khác mà bảo là sư tử, hổ báo... thì người bị thôi miên liền cảm thấy sợ hãi, có dáng vẻ sợ hãi. Nếu người thôi miên ám thị là phía trước một con voi khổng lồ đang đấu nhau với một con chuột nhắt, người bị thôi miên sẽ trông thấy cảnh ấy và trên nét mặt lộ vẻ vui mừng. Cái cảm giác nhìn thấy trong trạng thái thôi miên kia một khi xuất hiện trong một người giáng thần nhập xác vẫn tin là có thể giới thần thật thì người đó sẽ thể nghiệm thấy có quỷ thần nhập xác mình. Vì vậy, nhiều tín đồ tôn giáo, nhiều thầy mo và những kẻ mê tín quỷ thần trong khi tĩnh tọa, đọc kinh cầu nguyện trước tượng thần, dần dần sẽ đi vào trạng thái mê cuồng mà "nhìn thấy" thần Phật, "nghe Phật" nói hoặc thể nghiệm thấy thần Phật nhập xác mình.

Đương nhiên, thực chất thế giới quỷ thần trong tâm lý mê cuồng đã chỉ là giấc mơ do con người (qua thôi miên) tạo ra và là những ảo giác, ảo ảnh nảy sinh quá độ từ giấc mơ, thì nó sẽ mang màu sắc rõ rệt của ảo giác, ảo ảnh, mà lại còn có cả một số đặc trưng của giấc mơ. Phơ-rớt đã nói, giấc mơ khiến cho những ước vọng bị dồn nén được thỏa mãn. Một triết gia Hy Lạp nói cụ thể hơn: Khi tỉnh, mọi người đều sống trong cùng một thế giới, nhưng trong khi ngủ, ai đi con đường riêng của người đó. Người ốm mơ thấy mình khỏe mạnh, người con trai mơ thấy cô gái mà anh ta yêu, chính khách có dã tâm mơ thấy giàu sang và quyền lực. Mơ ước của chúng ta bao giờ cũng lấy nguyện vọng làm nhân lõi. Vô luận trong trường hợp nào, chỉ cần nguyện vọng của người nằm mơ làm chủ tri giác của anh ta, thì anh ta sẽ có một giấc mơ để thỏa mãn ước vọng của anh ta. Bức tranh mơ đó thường là có quan hệ với tư tưởng thâm

kín của người mơ. Những ý nghĩ thâm kín đó chỉ sự kiềm chế của đời sống văn hóa và xã hội mà không thể không ẩn giấu trong sự giả dối, không dám bộc lộ công khai, chỉ có thể bộc lộ ra bằng phù hiệu trong mộng ảo. Thế giới quỷ thần trong tâm lý mê cuồng của người ta cũng biểu lộ như thế.

Dưới mắt những người hữu thần trong thế giới hiện thực, âm ty địa phủ là một thế giới tội ác đáng sợ. Ở đó, mọi người đều xấu xa và bạo ngược, không có gì có thể gọi là chính nghĩa và lương thiện. Nhưng trong tâm lý mê cuồng của người giáng thần nhập xác, âm phủ có mặt tội ác, đồng thời cũng có mặt nhân gian hóa. Một số nơi ở âm phủ, người chết vẫn có thể sống như ở trần gian. Có nơi thậm chí còn tốt đẹp hơn cả nhân gian, càng hòa bình hơn, yên ổn hơn, cho nên người chết thậm chí không muốn trở lại dương thế nữa.

Dưới mắt những người hữu thần, diêm vương của âm phủ là đáng sợ, không ai dám trêu vào, ngay với những tên quỷ sứ, người chết cũng phải quỳ nạp dưới chân chúng. Ai đụng đến chúng, kẻ đó sẽ khốn khổ khôn nạn. Ở thế giới hiện thực, có lúc chúng ta cũng thấy một số biểu hiện phản kháng nào đó đối với ma quỷ, như xua tà đuổi quỷ, đánh quỷ, chửi quỷ, nhưng hiện tượng đó không phổ biến, hơn nữa đều nảy sinh trong hoàn cảnh bất đắc dĩ. Nhưng trong tâm địa những người giáng thần nhập xác, diêm vương quỷ sứ không đáng sợ. Vì vậy các thầy mo "tấu âm", dám dùng lý lẽ để lên án những ma quỷ bắt hồn người bệnh, quát đuổi ma quỷ quay về âm ty. Các thầy mo "khiêu thần" dám lấn vào âm phủ múa cón múa quyền, chiến đấu quyết liệt chống lại thần ác ma ác, cướp lại linh hồn những người bệnh bị bắt đi.

Ở thế giới hiện thực, thần tiên là không thể thấy không thể gần, không thể thân, không thể yêu, với với cao không với được. Nhưng những người "xương thất cô nương" những người "thỉnh nguyệt cô" trong trạng thái mê cuồng thì thần tiên là thấy được, gần được, thân được, yêu được. Quan hệ quân thân phụ tử trong thế giới hiện thực là có đẳng cấp rõ ràng nghiêm ngặt nhưng dưới mắt những người "giáng tiên đồng", "đấu âm quyền"... trong trạng thái mê cuồng, thì quân thân phụ tử đều chỉ là những người tập quyền, nhất luật bình đẳng trước "sư phụ" (thần. Cho nên được xưng gọi là "sư huynh"¹¹).

Tóm lại, ở nhân gian có nhiều trường hợp bất bình đẳng, trong thế giới quỷ thần của tâm lý mê cuồng, những tệ hại của xã hội tông pháp phong kiến quân chủ đã được khắc phục. Người ta khao khát tự do, ở đây có thể thoát ra ngoài sự áp bức của thế lực tự nhiên và thế lực xã hội, người ta khao khát bình đẳng, ở đây khát vọng được thỏa mãn; ở đời người ta muốn tránh được khó khăn, tai họa, thì trong thế giới quỷ thần có thể sai khiến ma quỷ.

Sự thật về những ảo giác, ảo ảnh cho con người (qua thời miên) tạo ra vừa kể trên đây đã xé toạc cái áo khác "thần bí" nói rằng những công năng đặc dị là do thần cho và các trò "thuật Thiệu quân" (thuật kiến thần), "thuật du thần" v.v... trao cho:

Trong sử liệu cổ đại nước ta có nhiều chỗ nói về thuật thiệu quân (thuật kiến thần) và trong nhiều tiểu thuyết chí quái cổ đại cũng có những đoạn miêu tả tình tiết thần du:

¹¹ Trong tập tục cầu thần nhập xác luyện thần quyền Nghĩa Hòa và đấu âm quyền, nhiều khi cha con cùng ra trường luyện gọi nhau bằng "sư huynh".

Sau khi vợ yêu là Lý phu nhân mất, Hán Vũ đế thường mơ thấy bà, rất muốn được gặp lại bà, thế là triệu Lý Thiếu Quân và bảo rằng: Trẫm nhờ Lý phu nhân, có thể gặp lại được không? Thiếu Quân đáp, có thể trông thấy từ xa, không thể cùng trong màn trướng. Vua nói: chỉ cần trông thấy là đủ. Người hãy đưa bà đến đây. Thiếu Quân nói: Phía bắc Hắc hà, có nơi gọi là ám hải chi đô. Ở đây có loại đá gọi là tiềm anh, màu xanh, chất nhẹ như lông vũ, trời rét thì đá ấm, trời nóng thì đá lạnh. Dùng đá đó khắc thành tượng người, sống động không khác người thật, tượng đá đó đến đây tức là phu nhân đến đây. Loại người đá này có thể truyền dịch ngôn ngữ, có tiếng không có khí, cho nên biết là rất thần dị. Vua nói: có thể tìm được loại đá ấy không? Thiếu Quân nói: Xin được ban một trăm lâu thuyền lớn một nghìn người biết lội nước trèo cây, đều huấn luyện cho họ tinh thông đạo thuật, mang thuốc bất tử, đến ám hải mười năm rồi về. Những người ngày xưa đến đó, có người đi hẳn không về, có bốn năm người nhờ giả vờ chết mà thoát về được. Khi đã tìm được đá ấy thì sai người theo hình vẽ cũ mà khắc tượng phu nhân, khắc xong đặt trong màn mỏng, sẽ được thấy như phu nhân đang sống. Vua mừng lắm, hỏi Thiếu Quân: có được gần không? Thiếu Quân nói: Ví như giữa đêm khuya mơ thấy mà vẽ, không thể nhìn gần được. Loại đá này rất độc, chỉ nên ngắm nhìn từ xa, không thể đến gần. Đừng coi nhẹ tấm thân chí tôn vạn thặng, không được mê hoặc bởi vật yêu quái ấy. Vua nghe theo lời can, được nhìn thấy phu nhân. Sau đó Thiếu quân sai nghiền tượng đá đó làm thành thuốc viên, vua uống rồi không nhớ và mơ thấy như trước nữa. Thế rồi cho dựng kinh đài, thờ cúng theo lệ hàng năm.

... "Cổ kim đồ thư tập thành - Thần dị diễn" quyển 305 dẫn theo "Thập di ký"

Ở làng Bắc doanh nhà Hán có một đạo sĩ có thể giúp người ta gặp lại người đã chết. Cùng quận có một người vợ chết đã mấy năm, nghe nói vậy đã tìm đến, nói rằng: xin làm sao cho tôi được gặp lại người vợ đã mất, được thế thì chết cũng không ân hận gì. Đạo sĩ nói: Người có thể đi gặp được, nếu nghe thấy tiếng trống, phải ra ngay, không được nén lại. Thế rồi bảo người đó cách đi gặp. Một lát sau thì được gặp và trò chuyện với vợ, buồn vui ân tình như khi còn sống. Một hồi lâu thì nghe thấy tiếng trống, hận rằng không được ở lại. Khi đi ra cửa, (người vợ) bỗng túm lấy vạt áo, xé rách ở cửa mà đi. Hơn một năm sau, người đó chết, người nhà đem chôn, khi quật mộ vợ thấy vợ, phía dưới nắp áp quan có vạt áo (của người chồng).

...*"Cổ kim đồ thư tập thành. Thần dị điểm' quyển 41 dẫn theo "Sưu thần ký".*

Thái Chân nhị tiểu, tự Cổ Tiểu tên Ngọc Hoàn. Sau vụ biến Mã Ngôi. Minh Hoàng ngày đêm tưởng nhớ hình hài tiểu tụy. Có một đạo sĩ có thuật thiếu quân xin được gặp. Nhà vua ân sủng đến cực độ hy vọng được gặp lại Ngọc Hoàn, được thế thì dù có chết cũng không ân hận gì. Đạo sĩ đem bút mực từ trong tay áo ra, đòi lụa vàng, đọc chú, khua bút vẽ hình một phụ nữ, như thiên sư vẽ bùa, chỉ gần như hình người mà thôi. (Đạo sĩ) bảo vua phải trai giới, ôm cái hình đó mà ngưng thần định chí, nhớ lại ngày xưa suốt ba ngày ba đêm. Không gián đoạn. Đạo sĩ nói: Được rồi. Nhà vua dờ ra xem thì hết như Dương quý phi ngày trước. Vua rất mừng. Đạo sĩ cười nói: Chưa được đâu. Xin dùng màn ngũ sắc, dựng đài vây màn mà cúng, đòi 24 cô gái tuổi 15, 16 rất đoan chính, đồng thanh hát bài "Tứ kiến bộ hư ca". Đạo sĩ lại đốt bùa niệm chú, hút lấy khói hà

vào hình vẽ. Nhà vua lại sai các cô gái cũng hà hơi như thế. Buổi tối, mời vua tự cầm nến đi vào màn. Trước đó đạo sĩ chỉ vào đá ngũ sắc, bảo cân lấy một tí, nghiền cực nhỏ trộn với các thứ thuốc, vẽ hoa ngũ sắc vào ngoài cây nến, gọi là nến hoàn hình. Sau khi vua đã vào màn, đạo sĩ bảo người hầu lui ra, đóng trái cửa lại, dùng khoá rậm khóa lại. Thế là Thái Chân hiện hình gặp vua, khóc mà nói rằng: Là chúa cả thiên hạ mà không bảo vệ được một người phụ nữ yếu đuối, còn mặt mũi nào mà gặp lại thiếp? Lờn thề với trăng ở Trăm hương đình nay vứt bỏ đâu rồi? Vua cũng rơi lệ, nói vụ biến Mã Ngôi là ngoài ý muốn, họ đòi hỏi gât quá. Thái Chân thấy như được cởi mở, ân ái với vua còn hơn cả ngày thường...

"Cổ kim đồ thư tập thành, thần dị điểm" quyển 305

Năm Giáp thân dưới thời Sùng Trinh có người họ Tiết hiệu là Quân Lượng từ Ngô Giang đến quận ta. Người này có thuật Lý thiếu quân, gọi hồn được, lại giỏi vẽ hình. Cách làm là, viết ngày sinh chết của người đã khuất dựng bàn thờ ở buồng kín, treo cái gương lớn ở án, đặt giường Hồ dưới án, về phía nam. Gương dán giấy trắng. Niệm chú đốt bùa bảy bảy bốn chín ngày, khi nào nhìn thấy trong gương bốc khói thì vong hồn sẽ từ dưới án từ từ hiện hồn, dung mạo hết như khi còn sống, theo hồn mà vẽ lại rồi thì hồn lại từ từ biến mất.

"Dẫn am tòa ngữ?"

Lý phu nhân của Hán Vũ đế đã gặp, người vợ quá cố mà người Doanh Lăng Bến Hải đời Hán đã gặp, Dương Quý phi mà Đường Minh hoàng đã gặp, vong hồn mà người họ Tiết đã giúp người khác trông thấy... đã nói trong những ví dụ trên đây đều là ảo ảnh ảo giác mà con người đã tạo ra. Chính là đạo sĩ đã dùng thuật

thời miên và lối ám thị mà làm cho Hán Vũ đế, Đường Minh Hoàng v.v... nảy sinh ảo giác. Thực chất những cái này ngang cả người xưa cũng đã thấy rõ. Bài "Tập chí" trong "Cẩn huyện chí" đã ghi rằng, dưới thời Hồng Vũ, chùa Thiện Ninh huyện Cẩn có một đạo sĩ họ Chu biết thuật thần du. Tương truyền canh năm nửa đêm ông ta thần du ở kinh đô, sáng sớm thì bay lượn trong không trung. Mà thực ra, thân xác ông ta vẫn nằm như ngủ say bình thường, tỉnh lại thì cũng cười nói đi lại như thường". Người viết đoạn này cho rằng đó chẳng qua là một thứ ảo thuật, một loại thuật thần du. Theo quan điểm của người ngày nay, đó chẳng qua chỉ là "thể nghiệm thoát thể" trong trạng thái thôi miên mà thôi.

Sự thôi miên không chỉ có thể gây ra ảo giác, ảo ảnh cho một người, mà cũng có thể làm cho nhiều người có ảo giác, ảnh cùng một lúc. Đây tức là hiện tượng mà người đời này gọi là dùng thôi miên gây ảo giác tập thể.

Hiện tượng dùng thôi miên tạo ra ảo giác tập thể đã có từ xưa. Theo "Tân Đường thư, có người gọi là Minh Sùng Nghiễm, thời nhỏ đã theo học pháp thuật với một viên quan nhỏ dưới quyền của bố, lúc đó đang làm huyện lệnh. Đầu thời Đường Cao tông, người đó được cất nhắc làm huyện thừa ở huyện Hoàng An. Nhờ pháp thuật cao cường, ông ta nổi tiếng gần xa. Đường Cao tông do vậy đã vời ông ta, bổ nhiệm ông ta làm chức văn học ở phủ Ký vương. Để thử pháp thuật ông ta. Đường Cao tông đã cho cung nữ tấu nhạc ở một cái hầm ngầm, sau đó đòi Minh Sùng Nghiễm đến, bảo ông ta cho ngừng tiếng nhạc. Minh Sùng Nghiễm dùng gỗ đào họa hai đạo bùa, dùng dao cắm vào phía trên hầm ngầm, tiếng nhạc bỗng ngừng lại ngay. Các cung nữ nói rằng họ trông thấy một con rồng kỳ quái,

sợ quá không thể tấu nhạc được nữa. Ở đây Minh Sùng Nghiễm đã dùng cách thôi miên tập thể, làm các cung nữ có ảo giác mà sợ hãi không dám tấu nhạc nữa.

Sách "Dạ đàm tùy lục" ghi lại một chuyện thôi miên tập thể của chính tác giả đã từng thấy tận mắt.

"Tôi đọc Thái bình quảng ký và các sách chí dị, thấy trong đó vô số chuyện kỳ quái. Lại thường nghe người ta kể nhiều chuyện, có vẻ rất đáng tin. Tôi tin nhưng vẫn ngờ. Ngờ rằng người xưa viết chuyện không có thật, thôi khỏi phải bàn. Còn chuyện ngày nay, nhiều người là người đứng đắn, cẩn trọng, chẳng hề bịa chuyện bịp người. Thế mà tôi đã 40 tuổi chưa bao giờ tận mắt trông thấy những chuyện lạ như thế. Nhớ lại trước đây, tôi theo cha tôi làm quan ở Nghi Quân. Hồi đó ông nội làm quan ở Ô Lan, bố mẹ tôi đón bà nội đến ở trong dinh quan Nghi Quân. Vừa lúc đó, quan đầu huyện họ Trương đưa đến một người làm trò ảo thuật. Xem ra pháp thuật người đó thường thôi. Cha tôi, vì ông Trương, đã gói hai lạng bạc tặng người đó. Người đó không nhận, nói: hôm nay làm trò, có đến cả trăm người xúm lại xem, mà chưa thấy ai khen. Do đó thấy rõ ràng sở học còn kém cỏi, chưa đủ làm cho người ta thấy lạ, đâu dám nhận trọng thưởng. Tuy vậy, tiểu nhân hồi nhỏ được gặp một vị nhân, học được thuật giảng tiên, đêm nay xin đem hiến, may ra được bà lớn cho một bữa ăn. Cha tôi đồng ý, cho dọn cơm rượu thiết đãi. Trời gần tối người làm trò chọn ba gian nhà trống trong vườn, quét dọn rất sạch sẽ, cửa sổ chỗ nào hở cho vít kín, tường vách chỗ nào long lở cũng trát kín. Cả đến một chỗ hở chỉ bằng chôn kim cũng vít kín hoàn toàn, lại căng màn trướng để bịt kín cửa, cửa sổ. Sau khi lên đèn, vẽ một cái cửa ở vách phía tây, giống

như vòng ngọc khuê. Trước cửa đặt một cái bàn thấp chân. Trên đó đặt cái lư hương, đốt hương tử giáng, không ngớt khói. Ngoài ra không có gì khác cả. Chọn hai em bé thông minh nhanh nhẹn, buộc trái đào lại, để chân trần, gọi là Thanh phong, Minh nguyệt, cho hai em đứng quay lưng lại trước cái bàn. Bà nội tôi cùng với mẹ tôi và các cô, các chị em gái, buông rèm ngồi ở gian phía đông. Cha tôi cùng mấy anh em tôi ngồi chỗ ngoài xem, tất tất đều phải nghe theo lệnh người làm trò. Sang canh ba, người làm trò đốt hương vào lò, đốt bùa trên ngọn nến, cho hai em bé cúi thấp xuống nhìn qua hai đuôi vào cái cửa vòng ngọc dưới bàn. Hỏi: Thấy cái gì? Trả lời: Mở cửa rồi. Người làm trò ngậm nước phun vào trên vách. Rồi lại hỏi gấp thấy cái gì? Em bé nói: Đang trải tóc, đánh phấn, rồi lại nói đã mặc áo. Người làm trò nói, thế thì có thể ra được rồi. Lại ngậm nước phun ba lần, thì nhác thấy một người con gái đứng sau ban, cao khoảng 5 xích, mặc áo đỏ rực, váy trắng, mặt mũi rất tươi xinh, mỉm cười ra vẻ e lệ. Người làm trò bảo; Bà lớn đang ở đây, phải chào bà lớn. Người con gái vén áo vái hai vái. Người làm trò lại nói: Bà lớn rất tôn quý, sao không bái lạy mà chỉ vái qua loa xong chuyện. Người con gái lấy tay áo che miệng, mỉm cười bất động. Người làm trò cũng cười nói, thấy đông người, xấu hổ rồi. Rồi sai em bé tiến lên, kéo tay áo lới ra trước bàn. Em bé cố sức kéo, người con gái cố sức chống lại, dằng co hồi lâu. Người làm trò làm ra vẻ cuống, nói: người ta tu tiên, tính què mùa, hãy buông ra, tôi sẽ có cách. Em bé buông tay, cô gái lại trở về chỗ cũ. Người làm trò lại phun nước lên vách, bỗng thấy một người con gái bước ra, buông hai búi tóc, trẻ hơn người trước, trông lại xinh tươi hơn, mặc áo xanh nhạt, dưới hông đeo một vòng lá cây, dài hơn một xích, để trần đôi chân mà móng tay móng chân đều dài bốn năm thốn. Đứng

song song sái bàn, nhìn cô gái áo đỏ mà cười. Người làm trò nói: Chị cô ở trốn hoang vắng tối tăm lâu ngày, quen thói quê mùa, thấy bà lớn không biết nghi lễ. Cô là người biết lễ phép nhất, có thể bày cho chị cô thì lễ, đừng trái nghi lễ, làm cho ta phải tội lây. Cô gái đẩy cổ trước đi vòng ra trước bàn, ấn đầu bắt quì lạy, cử chỉ dịu dàng đẹp dễ. những người xem đều ngậy ra. Lạy xong, lại trở về chỗ cũ. Người làm trò lại phun nước, sau đó biến ẩn đi. Thế là (cha tôi) cho phép thuật người đó là thần, tặng thưởng rất hậu. Hồi kỹ hai em bé, khi nắm tay áo kéo thì biết có thật là người không. Em bé nói, không biết được có phải là người hay không, nhưng cầm lấy cánh tay, cứ như là nắm phải nắm bóng, sức lực lại rất yếu, mới kéo bốn, năm cái đã mồ hôi đầm đìa, thở hổn hển. Nếu người làm trò không bảo buông tay ra thì chỉ kéo vài cái là có thể kéo đến trước mặt bà lớn rồi. Hồi đó, tôi mới 14 tuổi, thế mà đến nay vẫn nhớ như in. Tôi đã từng kể việc đó với người khác, không ai đoán định được. Có người nói đó là thuật che mắt, không có gì là lạ. Nhưng thuật che mắt thì chỉ có thể che được mắt thôi, không thể nắm bắt được vật thật. Đó là điều không thể hiểu được.

Phân tích tình hình đã miêu tả trong sách, thì đó là dùng thuốc để thôi miên tập thể. Thuốc đó có thể là ngày xưa có sẵn, là "hương mê hồn" chế tạo bằng các thứ cây cỏ có tác dụng ma túy, gây ra ảo giác. Trong tiểu thuyết võ hiệp truyền thống Trung Quốc, chúng ta thường thấy có những tình tiết như thế này. Bọn gian dân trộm cắp thường lén vào nhà người ta để làm chuyện bậy bạ, thường dùng một cái ống nhỏ thổi vào nhà người ta một thứ hương lạ làm say ngất người ta. Người trong nhà ngủ thấy mùi hương đó, vừa nhắm mắt lại là không biết gì nữa. Đó là do "hương mê hồn" tạo ra.

Tác dụng ma túy và gây ảo giác của hương mê hồn rất mạnh, chỉ cần thổi vào ai một tí bột hoặc là hun người bằng hương có trộn bột hương mê hồn thì sẽ rất nhanh có ảo giác, bảo nghĩ đến cái gì thì sẽ lập tức thấy cái đó⁽¹⁾, bảo làm cái gì thì ngoan ngoãn làm việc đó, không bao giờ chống lại. Chính vì hương mê hồn có tác dụng gây ảo giác mạnh như vậy, cho nên người làm trò vừa kể mới phải vít kín mọi kẽ hở dù chỉ bằng lỗ tròn kim, lại phải căng màn trướng để che thật kín. Làm thế là cốt để những người tò mò xem bên ngoài khỏi hôn mê.

Hiện tượng thôi miên tập thể để tạo ảo giác có rất nhiều ở nước ngoài. Cuối thế kỷ 19, vương triều Rômannốp ở nước Nga sắp đến ngày tận thế, giáo phái Ma ri Oan ra đời, giáo chủ maluévani là một người có hiểu biết, các tín đồ bị hấp dẫn bởi tính thần bí của ông mà trúng mê, có người đã nổi chứng co giật như Itstêri, có người mất lý trí quất đánh chính mình. Họ tập thể đi vào trạng thái mê sảng hoảng hốt. Khi bị xã hội lên án, thậm chí đã có những vụ tự sát tập thể. Những người dự cái lễ hội giáng thần Âu Mỹ đều thừa nhận họ đã thấy các vong linh. Nói tập thể nhìn thấy vong linh, trên thực tế là tập thể bị thôi miên mà nảy sinh ảo giác, "thực ra là chỉ thấy được hình ảnh của tinh thần trong tâm, trong mắt mà thôi".

Cái gọi là lên trời, thực chất cũng chỉ là dùng thuốc thôi miên, mà tạo ra ảo giác và ảo ảnh. Đó là kết luận của nhiều cuộc nghiên cứu về thuật thăng thiên của nhiều học giả nước ngoài. Những nghiên cứu của các học giả cho thấy, trên thế giới không đâu có

⁽¹⁾ Ví dụ về việc "lên trời" mà Thẩm Quạt đã tận mắt nhìn thấy nói ở phần trên đây, hầu như cũng là dùng hương mê tạo ra ảo giác, bảo nghĩ đến cái gì thì thấy cái đó hiện ra. Có thể giải thích bằng việc này, không phải là thật sự lên trời.

thuật thăng thiên thật sự. Tục thăng thiên hoàn toàn là do các nhà tôn giáo và các thầy mo phía ra. Cái mà thầy mo gọi là "phi hành", thực tế chỉ là qua ý niệm và thuốc tạo ra ảo giác mà cảm thấy được trên trời gặp gỡ các thần linh, còn có thể người đó không thể bay khỏi mặt đất được. Lên trời xuống đất chỉ là những từ chế tưởng tượng nhờ nghi thức phép thuật, còn thân xác của họ đâu có lìa khỏi mặt đất! Ví dụ, các thầy mo đạo Tát măn ở Altoá chỉ định một cây bạch hoa, trên đó khắc nhiều dấu ấn, mỗi một khắc dấu như vậy chỉ một tầng trời. Thấy mo làm phép rồi dẫm chân lên một cái dấu nào đó rồi nói ông ta đã lên đến tầng trời thứ mấy. Các thầy mo người Ya-cút và người Tec gan dùng lá cây tạo ra dáng như mây, ngồi lên trên đó, làm ra vẻ từ từ bay lên cao. Vừa làm như vậy, họ vừa nói với những người có mặt ở đó rằng ông ta đang ngồi trên lớp mây đó để bay lên trời. Các thầy mo ở đại lục châu Âu đã phổ biến sử dụng loại thuốc mỡ và dầu cao thực vật chứa a - trô-pin tạo ra ảo giác. Nhưng loại cây cỏ này gồm có cỏ man tơ la, các loại cỏ độc loại lang đăng, độc hồi, long quỳ, các cây độc họ cà, hoa mạn đà la v.v... các loại cây cỏ này có loại kiềm sinh vật rất mạnh. Đặc điểm nổi bật nhất của Atrôpin là được hấp thụ qua lớp da lành lặn. Trước khi cưỡi lên cái cán chổi để "bay", các thầy mo dùng dầu cao bôi vào mình, lúc đó là "từ từ cất bước, rồi bay bổng như ý muốn", nhưng thực ra là họ ngủ lịm, khi được gọi dậy cứ khăng khăng nói là họ đã bay đi rất xa trở về. Một số thầy mo người Anh diêng cũng dùng thuốc tạo ảo giác mà "bay khắp trời nam biển bắc". Khi thuốc đã có tác dụng, họ sẽ có cảm giác điên cuồng, hai chân nhẹ bổng, phình to lên, như si như say, phơi phới bay lên. Về tục thăng thiên, từ đời Minh ở nước ta đã có người biết rõ chân tơ kẽ tóc. Sách "Tĩnh tà kỷ thực" viết "Cuối đời Minh, người ta đua nhau tập đạo Thiên chúa,

chỉ có quan thập di Ngô tiện Qui không bị mê hoặc. Những người theo đạo đem thuật thăng thiên để lừa ông. Ông nói: Tôi phải trải qua việc đó thì mới tin. Một buổi tối giáo chủ mời ông đi chơi cung trăng. Ông đi theo. Vừa mới ra khỏi cửa, cảm thấy cứ như cuỗi gió mà đi, lát sau đến một nơi, thấy có lầu son gác tía, đàn sáo tung bừng, thật đúng là cảnh chưa từng có ở nhân gian. Một hồi lâu sau, giáo chủ thúc về. Ông Ngô không chịu. Bỗng nghe từ không trung có tiếng gọi, nói mày cũng muốn tin vào ma đạo sao. Nhìn kỹ thì ra ông bố đã qua đời. Thế là giật mình ngã sấp xuống, thấy mình nằm trên ngọn cây như mê như tỉnh. Giáo chủ thì không thấy đâu nữa. Ông Ngô biết rằng đó chỉ là ảo giác, đã viết bài "Phủ tà thuật" ghi lại việc đó. "Cái tục thăng thiên", "Hồng đăng chiếu" đã nói trên là một kiểu "Ti pháp môn" trong ảo thuật truyền thống, tục gọi là "phiến hí", tức là lợi dụng bóng đêm để che đậy, dùng sợi dây màu đen kéo người thiếu nữ lên không trung, dùng ánh đèn đỏ lúc ẩn lúc hiện như quay múa trên không. Các học giả ngày nay của nước ta, đương nhiên càng không thể nào tin cái gọi là "thuật thăng thiên", họ cho rằng, cái gọi là "phép cuỗi hải"¹, phần lớn là thuật thần du của Đạo giáo.

Thực chất của cái gọi là thần ban cho những năng lực kỳ lạ, cũng chỉ là những ảo giác, ảo ảnh đã được tạo ra bằng sức người (thời miên, khí công, du già, tĩnh tọa, tọa, thiên...) mà tuyệt đối không phải là do thần sai quỷ khiến. Cái cảm giác "thần dạy cho" mà các nhà khí công và những người có năng lực đặc dị nói, có thể xuất hiện trong khi tập khí công, du già. Trong quá trình thời miên

¹ "Tức là thuật cuỗi lên vật gì mà bay. "Hải" tức là giấy - cũng muốn nói đi nhanh.

hoặc cầu thần nhập xác thì khỏi phải nói, ngay trong việc tập khí công, khi người tập đi vào trạng thái nhập tĩnh cao độ, thì họ thường có một thể nghiệm tâm lý hết sức lạ, họ cảm thấy như mình đang phôi phôi bay trên không, như trông thấy được Phật Như Lai "Quan Thế Âm", "Thái Thượng lão quân", "Ông già râu trắng"... vì có người luyện công thiếu kiến thức, cứ tưởng họ đã tìm ra được bí mật của việc luyện công, có người cho rằng mình đã trộm biết được thiên cơ, đã đắc đạo. Nhiều học giả cho rằng, những thể nghiệm tâm lý đặc biệt này là do người luyện công đã khơi dậy được sức mạnh ý niệm trong tầng sâu ý thức của mình, khi đi vào trạng thái của mình mà cảm thấy một trạng thái mông lung như có như không. Thực nghiệm chứng minh rằng: khi ở trong trạng thái khí công, hoạt động trình tự của lớp vỏ đại não tăng cường rất mạnh, tạo cơ sở sinh lý cho sự thể nghiệm tâm lý đặc thù. Dưới góc độ tâm lý học, sự sản sinh những thể nghiệm tâm lý đặc thù này còn có một cơ sở vật chất nhất định. Điều này biểu hiện ở chỗ những thể nghiệm tâm lý đặc thù ấy là thể hiện cụ thể phương thức hoạt động của đại não dưới ý thức đặc thù của trạng thái khí công, là công năng của đại não, cũng là kết quả tất nhiên của hoạt động tự thân của đại não⁽¹⁾. Do đó, qui những thể nghiệm tâm lý đặc thù nói trên cho sự tồn tại của linh hồn và coi việc có những công năng đặc dị là nhờ sự có thần linh, là cái gì siêu tự nhiên là hoàn toàn không có căn cứ.

⁽¹⁾ Xem "Bí mật của khí công và công năng đặc dị" của Từ Tài Chương, Ngụy Bình Trương Nghĩa Tân, NXB Đại lục Sơn Đông, 1990, trang 239-241.

BÍ MẬT CỦA THÂY CHẾT ĐI ĐƯỢC

Cái “thây chết đi” nói trong mục “thây chết đi” của chương 2 sách này, quyết không phải là thây chết thật, mà là người chết giả hoặc ngất lịm. Nếu không dù người đưa thây có bản lĩnh đến đâu cũng quyết không thể làm cho người chết trong quan tài, càng không thể làm cho người chết trong quan tài sống lại, càng không thể nói gì đến việc xua đuổi thây chết chạy hết nơi này đến nơi khác.

Bí mật của thây chết đi được là ở chỗ, người làm phép chuẩn bị sẵn một thứ thuốc có thể làm người ta chết giả. Loại thuốc đó khi bôi vào thân người hoặc cho người ăn, thì có thể qua miệng, hoặc da, làm cho thuốc phát huy tác dụng của nó trong cơ thể người, khiến người ta tim đập chậm lại, huyết áp tụt xuống, thở yếu, chân tay tê dại và thần trí mê sảng. Thế là chết giả bị coi là chết thật, cho vào quan tài chôn xuống đất. Đương nhiên quan tài và mộ không được vít thật kín, mà phải để chỗ thông hơi. Nếu không thể người chết giả sẽ chết thật. Sau khi quật mộ đưa người chết ra. Người làm phép dùng thuốc giải, giải thoát người chết giả, làm cho nó sống lại. Muốn đưa những người này làm thây chết đi, thì trước hết phải cứu sống lại đã, sau đó bôi thuốc tạo ra ảo giác, khiến người đó nhất thời mất trí nhớ, thần trí mê sảng, không thể có biểu hiện tình cảm gì. Nó loạn choạng bước đi, nghe người làm phép chỉ huy mà không thể nói năng gì được. Nhưng người không biết rõ sự thật cứ tưởng là hồn ma ám vào, mượn xác hoàn hồn.

Thế thì, tại sao phải cho thây chết đi? Mục đích của việc này là những tay buôn lậu hoặc tham quan ô lại thời xưa muốn đưa vàng

hoặc thuốc phiện lậu vào nội địa. Để bịt mắt người vào cửa khẩu, họ đưa thầy chết từ quan tài, từ huyết mộ đây, xua nó đi để dọa bịt quan lại, đưa vàng hoặc thuốc phiện lậu vào cửa khẩu.

Những chuyện "mượn xác hoàn hồn", "thầy chết đi" bữa này không chỉ có ở nước ta. Nó rất thịnh hành hiện nay ở Ha.i.ti trong quần đảo Tây Ấn và phía nam nước Mỹ, trong những người da đen. Mà cái trò mượn xác hoàn hồn hoặc thầy chết đi ở những địa phương này là khởi nguồn từ tôn giáo bản địa Tây Phi, đạo Vu du. Những người đem theo đạo Vu du này bị bọn thực dân bắt đưa đến châu Mỹ vào họ đã truyền loại tà thuật ấy vào châu Mỹ.

"Vu du" tiếng Y-Yây là Vu du, nguyên có nghĩa là "tinh linh". Đạo Vu du sùng bái tinh linh và vu thuật. Cái tinh linh mà họ sùng bái nhất là thần rắn, vì vậy, khi tế lễ, họ múa rắn. Cái vu thuật mà họ mê tín nhất là thuật hoàn hồn cho thầy chết.

Mấy năm trước, nhà thực vật Đa-vít đang học tiến sĩ ở khoa sinh trường đại học Ha-phút-Mỹ từng đến ha-i-ti để khảo sát và nghiên cứu loại tà thuật này. Ông thấy một cảnh như sau ở một vùng lạc hậu thuộc Ha-iti: Thấy mo đưa đến một thứ thuốc tự chế, cho vào cơm và cho một người khỏe mạnh ăn. Ăn xong người đó trúng độc, nôn oẹ rồi dần dần khó thở, và chẳng bao lâu mê sảng rồi "chết". Sau khi người đó "chết" thấy mo cho người đặt vào quan tài, đem chôn phía sau núi. Đến tối, thấy mo lại cho người đào mộ, đưa người đó ra, đổ thuốc vào, làm cho người đó sống lại. Vị học giả thế là hỏi thấy mo về việc "chết" rồi lại sống lại kia, nhưng thầy mo nhất định không chịu nói ra cái bí mật đó. Về sau vị học giả đã dùng nhiều tiền mua chuộc một thầy mo khác. Thấy tiền, ông thầy mo sáng mắt ra, đồng ý bào chế cho vị học giả một liều thuốc như

vậy, nhưng từ chối không chịu cung cấp công thức. Qua sự phân tích nghiên cứu sau đó của vị học giả, cái loại thuốc làm "chiết người" kia là một loại thuốc ma túy rất độc - độc tố hà đồn-, nó được chiết xuất từ loại cá biệt hà đồn rất độc, nhất là nội tạng của cá rất độc, nó có thể làm yếu công năng của đại não và quá tình trao đổi vật chất của đại não, làm cho người cũng như một số động vật rơi vào trạng thái ngủ đông và đưa đến cảm giác giống như chết thật. Trong loại thuốc này còn có độc tố chiết xuất từ con cóc, có thể làm cho người ta ảo giác, lại còn một thành phần ảnh hưởng đến công năng của tim và hệ thần kinh.

Còn thuốc hồi sinh, về sau vị học giả khảo sát và nghiên cứu, biết rằng: sau khi cái "thầy được hoàn hồn" kia tỉnh lại, thấy mo buộc ông ta uống thứ thuốc cao do sơn dược và chất mạn đà la có tác dụng tạo ra ảo giác mạnh, thế là người đó ở trong trạng thái trúng độc, chìm đắm trong mê sảng, để cho người khác điều khiển. Sơn dược tác dụng trung hòa làm chậm loại độc tố có thể làm người ta chết.

BÍ MẬT CHỮA BỆNH CỦA THẦY MO

Những người sinh trưởng ở nông thôn, nhiều người biết rằng, có người bệnh, vào bệnh viện chữa đủ cách không khỏi, thế mà thầy mo lại chữa được.

Vì sao thầy mo chữa được bệnh? Có ba nguyên nhân:

Một là, một số thầy mo sau khi cầu thần nhập xác, có năng lực đặc dị chữa được bệnh.

Hai là, một số thầy mo bản thân có năng lực đặc dị, là người có năng lực đặc dị. Hai loại thầy mo này chữa được bệnh, không có gì là lạ. Nhưng họ buồn thần bán thánh, làm ra vẻ điên dại, ngu ngốc, múa chân múa tay, cầu thần niệm chú, cốt để bịp người thật đáng ghét.

Ba là, thầy mo dùng phương pháp ám thị để chữa bệnh. Đây là cách chính mà thầy mo đã dùng để chữa bệnh.

Trên đây chúng tôi đã nói ám thị hoặc tự ám thị có thể làm cho cơ năng của người mất thăng bằng. Trái lại, dùng cách ám thị tương ứng hoặc tự ám thị có thể khôi phục năng bình thường của người. Như trên đã nói, các khí quan khác của người chịu sự chi phối của đại não trong khi sự ám thị tốt có thể làm cho sự chi phối của đại não được phát huy, làm cho sự trao đổi năng lượng đã bị rối loạn có thể trở lại bình thường. Chính vì vậy, những ám thị tốt rất có lợi cho chữa bệnh. Chính là dựa trên cơ sở khoa học đó mà người ta sáng tạo ra tâm lý liệu pháp. Một số thầy thuốc giỏi dùng ám thị hoặc tự ám thị đã dùng tâm lý liệu pháp chữa khỏi bệnh tâm thần hoặc thần kinh. Ví dụ chuyên gia tâm lý liệu pháp nổi tiếng của Liên Xô cũ Pê-khi-xê-lép đã dùng tâm lý liệu pháp chữa khỏi bệnh cho nhiều người. Có một người bệnh, do một cơn bệnh tinh thần mà bị bại liệt suốt 9 tháng liền không thể đi lại được, nằm trong bệnh viện đã một tháng rưỡi, Pê-khơ-xê-lép và các trợ thủ của ông ta đã thôi miên bệnh nhân, sau đó dùng ám thị bảo anh ta đứng dậy, và dắt tay anh ta đi một vòng trong phòng bệnh, nói với anh ta rằng chúng bại liệt đã khỏi rồi. Chờ khi bệnh nhân qua khỏi trạng thái thôi miên, những người có mặt kinh ngạc thấy rằng anh ta đã thật sự vui vẻ tự mình đi về phòng bệnh. Tiếp sau đó Pê-khơ-xê-lép lại

dùng cách ám thị khi người bệnh ở trạng thái tỉnh táo, ám thị anh ta rằng bệnh tinh thần gây ra động kinh đã tiết nọc, và quả nhiên anh ta khỏi hẳn bệnh. Một bệnh nhân nữ, một cánh tay bị co giắt, không thể nào chữa khỏi bằng các cách chữa thông thường. Pê-khơ-xê-lép đã dùng thôi miên làm duỗi thẳng cánh tay mình cho mọi người thấy. Ở đây nhân tố tinh thần đã có tác dụng đối với sinh lý của người.

Cách chữa bệnh bằng khí công đang thịnh hành ở nước ta hiện nay, cũng bao hàm những thành phần của cách chữa bằng ám thị tâm lý, chữa bệnh bằng tâm lý. Cách chữa khí công coi trọng việc điều thần, coi trọng bình tâm tĩnh khí, vứt bỏ ý niệm vụ lợi, làm cho tâm tình vui vẻ, nhằm đảm bảo trạng thái tâm lý bình thường và lấy việc ám thị hoặc tự ám thị tốt. Những người luyện công, cần phải giữ lòng tin kiên định đối với tác dụng chữa khỏi bệnh, làm khỏe người của một công pháp nào đó. Tin thì linh, thành tâm thì linh. Trong luyện công, dùng một động tác nào đó và huyệt vị nào đó mà bài tiết bệnh khí ra ngoài, hoặc vận khí đến vùng bệnh, dùng khí xung vùng bệnh v.v.. Những ám thị tốt ấy và những tự ám thị tốt ấy đã làm giảm hoặc chữa khỏi không ít những bệnh khó chữa.

Bí mật của tâm lý liệu pháp (ám thị liệu pháp), trên thực tế từ lâu đã được các thầy mo và nhiều người khác biết rõ. Từ bao thế kỷ này, nó đã được lưu ý truyền nhiều nơi trên thế giới dưới hình thức chữa bệnh bằng vu thuật, ma thuật, thần chú v.v... Theo sử liệu, năm thứ năm niên hiệu Nguyên Thù (năm 118 trước công nguyên), Hán Vũ đế lâm bệnh nặng. Thời đó có một thầy mo Thượng quận cầu thần ở Cung Cam Tuyền, truyền đạt lời thần cho thiên tử: "Bệnh

sẽ khỏi, không lo...". Vũ đế nghe vậy, rất mừng. Bệnh đã khỏi quá nửa. Khi đến Cam Tuyền cảm tạ thần thì bệnh đã khỏi hẳn. Sử liệu này cho thấy thầy mo đã mượn "lời thần" giải tỏa áp lực tâm lý và tinh thần của Vũ đế, mà làm khỏi bệnh. Cho uống một viên thuốc giải phiền đó chính là cái lý của tâm lý liệu pháp. Ở châu Phi có bộ lạc "Khổng" đã dùng nghi thức phức tạp để chữa bệnh cho người trong lạc bộ. Nghi thức đó bao gồm hát vu ca và nhảy múa, đưa phần lớn thành viên bộ lạc vào trạng thái thay đổi ý thức. Người ta nói rằng nghi thức này đã làm sống dậy một "năng lượng chữa bệnh". Những người duy linh chủ nghĩa ở Bơ-ra-xin cũng dùng vu ca, âm nhạc và vũ đạo để chữa bệnh. Họ cho rằng, trong trường hợp đó, thực thể linh hồn sẽ "hòa nhập vào" người chữa bệnh, nhờ đó mà làm cho những thành viên đang bị bệnh tật dầy vò trong cộng đồng khôi phục được sức khỏe. Cả hai hình thức chữa bệnh vừa nói trên thực tế đều là tâm lý liệu pháp.

Tâm lý liệu pháp là đặc điểm chung của cách chữa bệnh nhiều tôn giáo ở nước ta, chủ trương "thượng chương thứ quá"¹¹ tức là tự sám hối, nó cũng như phù chú, có tác dụng như tâm lý liệu pháp kiểu vu thuật. Nếu một người ốm lâu, thuốc thang châm chích không khỏi, dùng bùa ngải cũng vô hiệu, thế thì chỉ còn cách sám hối kiểu tôn giáo là tốt nhất, nó có thể làm cho người bệnh trút bỏ được tâm lý có tội, nhờ vậy mà được nhẹ nhõm khỏe mạnh. Cách làm "đăng tờ thú tội" này đòi hỏi người bệnh tìm nguyên nhân bệnh tật từ phía tội lỗi của mình, xin thần minh tha thứ. Cách làm này được đạo thiên sư sử dụng phổ biến. Việc kiểm thừa lỗi lầm phải bắt đầu từ 7 tuổi là khi đã bắt đầu có ý thức, những lỗi lầm có ý

¹¹ "Thượng chương thứ quá" nghĩa là đăng tờ thú tội - ND

thức cũng như là làm điều ác, do đó trời phạt tội mà ốm đau. Làm vậy không hoàn toàn vô lý. Một người, vốn có mặc cả tâm lý là mình có tội thì gánh nặng tâm lý đó sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, lâu dần thành bệnh. Sám hối rồi sẽ như được giải thoát. Điều này cũng giống như cách sám hối của Đạo Thiện chúa¹¹. Ở Ấn Độ từ xưa cũng có cách chữa bệnh tôn giáo đại loại như thế. Đạo Phật, đạo Ấn Độ coi những mê loạn tâm trí là phiền não, và cho rằng chữa thần trí mê loạn thì phải chữa những phiền não của tâm. Nhà tâm lý học Mỹ A-Water nói: "Các tôn giáo châu Á, vô luận là đạo Phật, đạo Ấn Độ hay đạo giáo đều có thể nói là tâm lý liệu pháp".

Đương nhiên, các thầy mo, các tôn giáo dùng tâm lý liệu pháp chữa khỏi bệnh cho người là nhờ công liệu của ám thị, nhưng không chỉ có thế, hiệu quả chữa bệnh còn do sự mê tín, sùng bái của bệnh nhân đối với quỷ thần, với vu thuật và các thầy mo, nhà tu hành. Về điểm này, có thể lấy linh nghiệm của giáo sư Trần Vinh Tường, người Hoa ở Ốt-trây-lia để nói rõ. Năm 1985, giáo sư Trần Vinh Tường về nước giảng dạy, đã kể lại câu chuyện như sau: ở trong bệnh viện của ông có một bệnh nhân, ông đã dùng nhiều cách, kể cả dùng ám thị, mà bệnh vẫn không có dấu hiệu thuyên giảm rõ rệt. Vì vậy người nhà bệnh nhân xin đưa bệnh nhân về nhà để chữa bằng vu thuật, giáo sư Trần đã ghi lại quá trình chữa trị của thầy mo. Thấy rằng, ngoài những cách chữa bằng vu thuật dân gian ra, thầy mo không có cách gì khác, thế mà bệnh chuyển biến tốt. Qua quan sát tiếp, giáo sư Trần phát hiện ra rằng bệnh nhân rất sùng bái thầy mo rất tin tưởng thầy mo. Thầy mo nói ma quỷ đã bị

¹¹ "Sinh tử - hưởng lạc - tự do" của Triệu Hiến Thanh. Lưu Minh Thoa, Trường tập VI NXB Văn hoá Quốc tế 12 - 1988 trang 184.

đuổi đi, thế là bệnh khỏi. Kết quả này đương nhiên không phải do tài chữa bệnh của thầy mo, mà là do thầy mo đã dùng được ảnh hưởng quyền uy của thần linh và của chính mình, lại do lòng tin của bệnh nhân đối với thần linh và thầy mo đã nâng eo hiệu quả chữa trị tâm lý. Từ sự sùng bái vu thuật của bệnh nhân, có thể thấy vu thuật đã tăng thêm lòng tự tin cho bệnh nhân (mặc dù sự tự tin này là mù quáng) làm cho người bệnh lạc quan và tin tưởng. Đây thực sự là một sự ám thị rất tốt. Ám thị tốt này thúc đẩy sự điều chỉnh trạng thái tâm lý bệnh tật theo hướng khỏe mạnh. Đúng như Ma-li-nốp-sky đã nói: Nếu anh đem toàn lực để duy trì - lòng tin vào thắng lợi, tức là nếu anh tin ở giá trị của vu thuật, thì anh sẽ đứng cảm tiến lên. Nếu khi ốm đau có thể dựa được vào vu thuật mà lại tin rằng anh sẽ khỏe mạnh trở lại, thì có thể anh sẽ cơ thể khỏe mạnh hơn... Nói "tin thì linh" chính là như vậy. "Tin thì linh" bản thân nó đã là một sự ám thị tâm lý, một sự huy động sức mạnh tâm lý.

Nhìn từ góc độ ám thị, quyền uy là một cách ám thị quan trọng. Quyền uy tức là cảm giác tín nhiệm đối với một cơ cấu, một người, một quan niệm nào đó sau khi đã kinh qua khảo nghiệm. Người ta có thể tự giác hay không tự giác, trực tiếp hoặc gián tiếp cho rằng lời nói, việc làm quyền uy là đáng tin cậy, rất dễ dàng chấp nhận tiếp thu hoàn toàn không cần phân tích. Trong những người mê tín quỉ thần bản thân thầy mo đã có tác dụng ám thị mang tính quyền uy. Đây không chỉ là vì thầy mo biết cách làm thế nào để người ta tin tưởng vào mình trong quá trình chữa trị, mình có tài cầu nhập xác siêu tự nhiên, lại vì thầy mo đã từng thật sự chữa khỏi bệnh cho người. Thầy mo đã là sứ giả của quỉ thần, thế thì ý thần mà truyền đạt cho bệnh nhân, càng có quyền uy không thể nghi ngờ

được. Do đó mà, "chỉ cần người trong xã hội tin thấy mo là thần thông quảng đại. Nếu thấy mo mượn uy tín của mình và cùng tâm lý sùng bái kính nể của người khác đối với mình, thì thấy mo sẽ có quyền uy, lấy đó để chi phối tín đồ, thì điều đó không có gì là kỳ lạ cả" ⁽¹⁾. Một số thầy mo đã dùng tàn nhang, bột mì, hoặc một số những vật khác vốn không có tác dụng được lý gì mà có thể chữa một số bệnh, đó chính là tác dụng của tâm lý mê tín, của những ám thị quyền uy. Các thầy mo khoe rằng họ có thể tiêu trừ tai họa, bệnh tật, là thần tiên tượng để toàn năng, điều đó làm cho trong lòng những bệnh nhân mê tín, sùng bái quỷ thần không còn lo lắng sợ hãi nữa. Tinh thần của họ được an ủi, có chỗ dựa, do đó mà tin rằng bệnh sẽ được chữa khỏi. Và chính điều này đã tăng thêm khả năng chữa được bệnh. Có người đã từng chứng kiến chuyện "nước thần Bê-tuyn", câu chuyện xảy ra ở một vùng nông thôn hẻo lánh. Do ngu muội mê tín hàng trăm hàng ngàn người đã đua nhau đi lấy "nước thần Bê- tuyn" về uống. Qua điều tra, một số người bệnh đã có chuyện biến tốt nhờ dùng thứ "nước thần đó": "ăn uống khá hơn, đỡ hôi hóp, ngủ tốt hơn" v. v.. ⁽²⁾ ám thị quyền uy đã có sức mạnh thần kỳ đến thế.

Trên đây là những bí mật chủ yếu của việc thầy mo chữa khỏi bệnh.

ĐIỀU KHÓ HIỂU VỀ IT-TÊ-RI LÂY LAN

Hiện tượng It-Stê-rilây lan đã từng xảy ra nhiều lần ở trong nước ngoài nước thời xưa và thời nay. Dịch It-stê-ri được ghi lại

⁽¹⁾ Phát lợi dịch: "Kim chi"

⁽²⁾ Lý chí An Điển Nhạ hoa: Bước đầu tìm hiểu ám thị liệu pháp và y học tâm lý.

sớm nhất trong lịch sử là "Nạn dịch khiêu vũ" ở nước Italia thời trung cổ, nhất là vào mùa hè, không phải là tết nhất lễ lạt gì, thế mà người ta đổ xô ra đường, nhảy múa cuồng nhiệt cho đến khi kiệt sức, mệt lả, Is-stê-ri có tên khoa học là "bệnh cuồng" (ý bệnh) nó là một chứng bệnh tinh thần, nhưng ở những vùng văn hóa lạc hậu, người ta gọi là do quỷ ám. Ví dụ, khoảng năm 1919, ở Pa-pu-a đã phát sinh "Bệnh dịch" It-stê-ri lây lan mà người ta gọi là "sùng bái Uy la la". Những người mắc chứng bệnh này, phần lớn đều thấy váng đầu hoa mắt, mồm mệch rã rời. Đi đứng loạng choạng. Khi bệnh phát sinh có người bước nhanh mấy bước rồi đứng lại miệng lắp bắp nói những câu không ai hiểu là gì, rồi đầu lắc lại, ở phần trên của cơ thể cũng lắc lư, hai chân thì vẫn bám chắc vào mặt đất. Một số người khác, bước nhanh mấy bước ... đứng lại, hai tay chống nạnh, lúng búng nói những lời không ai hiểu là gì, đầu lắc trái lắc phải, thân mình cũng lắc lư. Tình trạng đó kéo dài khoảng một phút. Chứng bệnh này, ở địa phương coi là bị ma ám. Những hiện tượng đại loại như vậy cũng đã từng xảy ra ở một số vùng khác, ngay cả ngày nay cũng vậy. Ngày 11 tháng 11 năm 1978, một đội sản xuất nọ ở tỉnh Sơn Tây có hơn 30 xã viên lên núi trồng cây, trong khi giải lao một cô gái bỗng cảm thấy mặt nóng bừng, mồm miệng tê dại tiếp đó là nói lảm nhảm, khóc rồi lại cười, ôm đầu chạy vung lên. Những xã viên có mặt tại chỗ lúc đó rất lấy làm lạ trước hiện tượng đó, bàn tán rằng có lẽ họ đã làm "kích động thần núi". Ngày hôm sau lại có hai người nữa. Những ngày tiếp theo ngày nào cũng có mấy người như vậy, vừa khóc vừa cười, nói năng lảm nhảm, có ngày có đến 24 người bị. Cả làng sợ hãi. Vì sau một đội y tế của bệnh viện tinh thần Thái Nguyên được phái đến mới dập tắt được nạn dịch.

Một khối lớp ba trường tiểu học nọ ở huyện Cao tỉnh Giang Tô, chỉ một ngày sau khi xem một bộ phim rừng rợn có đến 33 học sinh bị bệnh, có em mù mắt, có em điếc tai, có em hai mắt nhắm nghiền mà không nói năng gì, có người cứng đờ như khúc gỗ, có em chạy vung lên, có em vượt tường leo lên mái nhà, liền hai tuần lễ rung động toàn trường, nhà trường không thể không ngừng học, cho học sinh sơ tán về nhà.

Những cơn dịch It-stê-ri đương nhiên không phải là do ma ám, mà chỉ là một chứng bệnh tinh thần lây lan thành dịch, trong một thời gian ngắn, do "sự truyền nhiễm tâm lý" mà người này lan sang người khác, nối nhau thành một bệnh dịch tinh thần. Nó thường phát sinh ở những vùng văn hóa lạc hậu xa xôi hẻo lánh. Cái cơ lý lây lan hiện tượng It-stê-ri là bị ám thị cái nhân tố tâm lý đặc biệt vốn có của người ta. Khi bị ám thị người ta thường mất đi cái cảm giác có tính độc lập, mà bắt chước người khác nảy sinh sự lây lan đặc biệt. Lo sự lây lan cho nhau người ta thường có chung một tình trạng tâm lý giống nhau và dùng ánh mắt, động tác tay chân, nhịp thở v.v., để truyền cho nhau cái cảm giác tâm lý chung ấy và nhận được những thông tin ở mức độ gọi là chuẩn cảm giác (tức là ấn tượng khi chưa đạt đến mức độ cảm biết). Sở dĩ chịu ám thị mà có cái năng lượng như vậy là vì nó có tác dụng vật lý rất mạnh. Điều này đã được bàn đến trong mục thứ hai, tiết thứ hai chương trên "ám thị - Cơ sở tâm lý và cơ sở vật lý của thời miên" Liên hệ với nội dung mục đó, chúng ta sẽ thấy được bản chất của hiện tượng It-stê-ri lây lan và cơ lý của nó.

NGƯỜI BỊ THÔI MIÊN TRONG TRẠNG THÁI THÔI MIÊN SÂU" VÌ SAO "KHÔNG HỌC MÀ BIẾT"

Người bị thôi miên ở trạng thái thôi miên sâu sở dĩ "không học mà biết" là vì hai nguyên nhân. Thứ nhất đó có thể là kết quả những thông tin mà cơ thể con người đã tiếp nhận trong hoàn cảnh tự nhiên qua hàng triệu năm tiến hóa và tích trữ loại, được giải phóng trong những điều kiện nhất định. Trạng thái thôi miên là một điều kiện để những thông tin nguyên thủy được phát ra. Theo quan điểm toàn tức luận sinh vật, sinh vật là một hệ thống lớn do nhiều hệ thống nhỏ tương đối độc lập hợp thành, giữa các hệ thống lớn nhỏ có quan hệ đối ứng toàn tức (thông tin đầy đủ), tức là: Bất cứ một bộ phận tương đối độc lập nào của cơ thể sinh vật đều chứa đựng đầy đủ toàn bộ thông tin của cả cơ thể, là sự thu nhỏ theo tỷ lệ của toàn thể. Kết cấu và đơn vị công năng nhỏ nhất của sinh vật là tế bào, cũng là một tiểu hệ thống, trong đó vật chất di truyền DNA cũng chứa đựng đầy đủ thông tin toàn bộ của cơ thể sinh vật. Đồng thời, có thể sinh vật không những có đặc trưng thông tin không gian đầy đủ, mà trong động vật cao cấp còn có đặc trưng thông tin thời gian đầy đủ. Lịch sử phát triển phôi thai của người là hình ảnh thu nhỏ của lịch sử hàng tỷ năm từ khi có đơn bào sinh vật đầu tiên cho đến khi con người xuất hiện. Do đó, trong cơ thể con người được bảo tồn toàn bộ thông tin đầy đủ các tác dụng tương hỗ giữa con người với hoàn cảnh chung quanh trong suốt quá trình tiến hoá⁽¹⁾. Nhưng con người đã là một đơn vị tiếp nhận, ghi chép và tích trữ

⁽¹⁾ Cho đến nay, con người vẫn ở trong quá trình không ngừng tiến hóa.

thông tin, đồng thời lại là một đơn vị phát thông tin ⁽²⁾. Khi ở trong trạng thái thôi miên sâu, do sự nhập tình cao độ, người ta có thể có sự điều hòa, thống nhất cao độ giữa thân và tâm lúc đó, những thông tin vũ trụ đã thu nhập trong quá trình tiến hoá của nhân loại được giữ lại trong đại não sẽ được phát ra, tạo ra hiện tượng "không học cũng biết" đặc biệt kia ⁽³⁾. Hiện tượng người "Vũ tiên đồng" không học mà biết múa mà còn đánh quyền là như vậy.

Thứ hai, trạng thái thôi miên, có thể thức tỉnh tiềm ý thức. Trong trạng thái thôi miên lớp vỏ đại não ở trong trạng thái nội ức chế tương đối, làm mở toang cánh cửa tiềm ý thức, lúc đó mọi ký ức nguyên thủy đều hoạt động. Chính vì như vậy, một số nghệ nhân dân gian của dân tộc Tạng khi ở trạng thái thần nhập xác (thôi miên) mới có thể hát "Cách tạt nhĩ vương", những người "tổ miêu gia đạo" bình thường không biết hát, khi đã trở thành "miêu gia đạo" (tức là đi vào trạng thái thôi miên). Rất giỏi hát. Tất cả là do kết quả của việc tiềm ý thức được thức tỉnh. Về vấn đề này, đồng chí Phan Đình Trí đã phân tích rất thấu triệt trong bài "sùng bái cốt thần của người Miêu Đan Trại". Có thể dẫn lại ở đây một đoạn. Trong bài viết, tác giả cho rằng: Người "tổ miêu gia đạo" từ bé sống trong môi trường văn hóa dân gian sùng bái cốt thần, sùng bái linh hồn, quan niệm thần linh nhiều lần tiềm nhập vào ý thức của người, mặt khác, những sự vật ngoại giới ngày ngày kích thích vào cảm quan, tạo ra sự hưng phấn của đại não, hình thành hoạt động tâm lý lớp ngoài, nó lại dồn nén quan niệm thần linh vào tầng sâu ý thức tạo thành tiềm ý thức.

⁽²⁾ Đương nhiên bao gồm cả tiềm ý thức phát sinh qua tác dụng tương hỗ giữa cơ thể người với hoàn cảnh chung quanh.

⁽³⁾ Xem thêm "bí mật của khí công và công năng đặc dị" trang 255.

Tiềm ý thức đó chỉ hiện ra trong điều kiện nhất định. trong hoàn cảnh văn hóa dân gian và hoạt động dân gian đặc định nào đó, tạo ra hình chiếu tâm linh. Người không tin quỉ thần, không thể có tiềm ý thức quỉ thần, cũng không thể tạo ra hình chiếu quỉ thần. Thành tâm thì "thiêng" càng tin quỉ thần, càng dễ nảy sinh hình chiếu quỉ thần. Đứa trẻ mồ côi cả cha mẹ, rất dễ làm "Miêu gia đạo", và một khi đã làm "Miêu gia đạo" thì không dễ gì giải thoát. Đó là thể hiện của tiềm ý thức. Khi làm "Miêu gia đạo", lấy ngón tay nút tai lại, không thể nghe được âm thanh gì khác, mà lại như nghe tiếng nhạc ngựa xuất chinh, lại mơ màng nghe thấy tiếng người dẫn đường hát bài "lên đàng". Lúc đó, người khác quạt cho hoặc dùng khói hương xông cho, thế là dần dần hôn mê. Phần lớn vỏ đại não dần dần bị ức chế, yếu đi rồi ngừng hoạt động. Trong mơ màng, hình như vẫn nghe tiếng nhạc ngựa và tiếng hát thúc dục vẫn tiếp tục kích thích. Thế là ý thức tăng sau hưng phấn lên. Trong tình hình hoàn toàn không còn sự khống chế của lý trí, những ảo ảnh trong tiềm ý thức, hình chiếu tâm linh xuất hiện, thế là hình thành cái gọi là "ma ám", "thần linh nhập xác". Lúc đó, người đó sẽ biết hát như trong giấc mơ (có khi trong giấc mơ người ta soạn được những bài hát), cũng có khi gặp được cả những vong linh. Có học giả phân tích tâm lý cho rằng, sự "ma ám" và ảo ảnh này là tiềm ý thức đòi hỏi truyền lại của chủng tộc, do những gien di truyền trong nhiều đơn vị Men xen (Mende Cian units) tạo ra. Qua việc làm "miêu gia đạo, có thể thấy những gien di truyền này chỉ có thể tạo ra cơ sở hoặc điều kiện tiền đề để ra linh cảm (giỏi hát) và ảo ảnh (gặp vong linh người chết), còn việc thực hiện sự linh cảm hoặc ảo ảnh đó là do hoàn cảnh dân tục hoặc sự từng trải của cá nhân đặc định nào đó quyết định. Chỉ những người sùng bái cóc thần (miên

gia đạo) mới có thể làm được "Miêu gia đạo". Những kẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ dễ làm được. Bởi vì họ đã đau buồn lâu dài vì mất cả bố lẫn mẹ, luôn luôn tưởng nhớ bố mẹ và nuôi ảo tưởng có thể xuống âm cung gặp lại bố mẹ. Tâm lý đó bị dồn nén lâu ngày, tạo ra tiềm ý thức. Vì vậy khi làm "miêu gia đạo", có thể xuất hiện ảo ảnh bố mẹ xuất hiện. Sự xuất hiện ảo ảnh đó lại làm cho họ đau buồn hơn, làm cho hoạt động tiềm ý thức kia càng mạnh. Có những trí thức dân tộc Miêu làm "miêu gia đạo" mà không được, chỉ cảm thấy mơ mơ màng màng, như là có người thúc dục xuống "âm phủ", nhưng không thể nào đi được. Vì sao vậy? Chỉ vì những người đó bình thường vốn không tin quỷ thần, không sùng bái "Miêu gia đạo", không có ước mong xuống "âm phủ" gặp lại bố mẹ. Khi trong trí não không có quỷ thần, thì không có tiềm thức "miêu gia đạo". Tất nhiên sẽ không thể sản sinh được "hình chiếu tâm linh", cũng như người bình thường không thể thấy những ảo ảnh mà con bệnh tâm thần đã thấy vậy.

Tác giả hết sức tán đồng quan điểm của Phan Đình Tri về hoạt động tiềm ý thức và "hình chiếu tâm linh" trong hoàn cảnh văn hóa dân tộc đặc định (sự sùng bái cốt thân, sùng bái linh hồn). Dùng quan điểm này để giải thích hiện tượng không bình thường "không học mà biết" "hát" "Cách tát nhĩ vương" của một số nghệ nhân Tây Tạng là có lý. Những nghệ nhân dân gian này từ nhỏ sống trong hoàn cảnh văn hóa khác (Cách tát nhĩ vương), nội dung "Cách tát nhĩ vương" lần này rồi lần khác tiềm nhập vào ý thức của họ. Như ông già Trát Ba và Ngọc Mai đã nói ở một phần trên, họ từ nhỏ vốn được nghe hát "Cách tát nhĩ vương", thậm chí một số hiện vật các quan hệ với Cách tát nhĩ, như di tích cổ, hiện vật cổ, tranh vẽ, tượng đắp... cũng lưu lại trong đầu óc họ những ấn tượng rất sâu

sắc. Tất cả những cái đó không thể không nhập vào tầng sâu ý thức của họ mà hình thành tiềm ý thức. Đồng thời, những sự vật ngoại giới thường ngày kích thích cảm quan, làm lớp vỏ đại não hưng phấn, tạo ra hoạt động tâm lý lớp ngoài, hoạt động tâm lý lớp ngoài lại dồn ép nội dung "Cách tát nhĩ vương" mà họ nghe được vào tầng sâu ý thức, trở thành một thứ tiềm ý thức. Khi nghệ nhân tự giác hoặc không tự giác đi vào trạng thái hôn mê thần nhập xác (tức trạng thái miên hoặc tự thôi miên), lớp vỏ đại não ở trong trạng thái nội ức chế tương đối làm mở cánh cửa tiềm ý thức, tiềm ý thức về nội dung "Cách tát nhĩ vương" sẽ hoạt động thế là sẽ xuất hiện tình hình "không học mà biết" hát "Cách tát nhĩ vương". Qua đây có thể thấy, cái gọi là nghệ nhân dân gian "không học mà biết" hát "Cách tát nhĩ vương", vốn không phải thật sự là "không học mà biết", mà là tiềm ý thức về nội dung "Cách tát nhĩ vương" trong được thức tỉnh dưới trạng thái thôi miên cũng tức là phát huy phi thường ý thức về "Cách tát nhĩ vương" trong trạng thái thôi miên (đương nhiên cũng có tác dụng của gien di truyền nào đó). Nếu không có những điều kiện trên, tuyệt đối không thể có hiện tượng không bình thường "không học mà biết". Xưa nay chưa hề có bất cứ một người nào không biết một tí gì về sử thi "Cách tát nhĩ vương", cũng không ưa thích sử thi đó mà tự nhiên vô cớ bỗng biết hát "Cách tát nhĩ vương". Thực tế là những người diễn xướng "Cách tát nhĩ vương", từ nhỏ đều yêu thích câu chuyện "Cách tát nhĩ vương", từ nhỏ lại được nghe các nghệ nhân lớp trước diễn xướng "Cách tát nhĩ vương" lại do những nguyên nhân khác, họ dần dần hát được "Cách tát nhĩ vương". Cũng như giáo sư người Anh R.A.Sư Thai An đã nói: "Khi nghệ nhân diễn xướng mời thần nhập xác mà đi vào cảnh ảo, tất cả những ảo giác đó là nội dung ký ức của nghệ nhân, cũng

là do tất cả những gì mà nghệ nhân đã học được, thu nhận được suốt trong quá trình bôn tẩu ngược xuôi tạo ra cho".

Cùng một lý do như vậy, ngoài những người làm "Miêu gia đạo" và những nghệ nhân diễn xướng sử thi "Cách tấ nhĩ vương", tất cả những hiện tượng "không học mà biết" đã nói trên kia đều có thể coi là kết quả sự thức tỉnh của tiềm ý thức trong trạng thái thôi miên. Như người Bằng Tường, Long Châu sống trong môi trường văn hóa ma gà biến sắc, vì quan niệm "ma gà" đi sâu vào trong ý thức một số người, do đó khi mắc bệnh, lên cơn sốt cao, hôn mê bất tỉnh (cũng như đi vào trạng thái thôi miên), tiềm ý thức bị ma gà ám của những người ấy liền hiển hiện ra, thế là họ tự coi mình là ma gà, đương nhiên cũng có những triệu chứng ma gà ốm như đã nói. Còn như những người không học mà nói được tiếng phổ thông, tiếng Choang, tiếng Việt mà lúc bình thường họ không nói được, cũng là những thứ ngôn ngữ thường ngày họ nghe được đi dần vào tầng sâu ý thức của họ, trở thành tiềm ý thức và khi ở trong trạng thái ma gà ám, tiềm ý thức đó được thả ra.

Đương nhiên, những thông tin vũ trụ mà con người đã nhận được trong quá trình tiến hóa và tiềm ý thức sản sinh nhờ tác dụng tương hỗ giữa cơ thể người với hoàn cảnh chung quanh không phải chỉ được giải phóng trong trạng thái nhập tĩnh cao độ ở trạng thái khí công hoặc trạng thái thôi miên. Trong những điều kiện đặc định không phải là nhập tĩnh, nó cũng có thể được giải phóng. Hiện tượng "học giả thành ngọc" là như vậy.

Gọi là "học giả thành ngọc" là những người vừa là "thành ngọc" vừa là "học giả". Là "thành ngọc" vì là trí năng của nó thấp kém hoặc tinh thần phát triển không trọn vẹn mà không phải là

thằng ngốc thật sự. Là "học giả" là chỉ trên cơ sở trí năng thấp kém mà lại có tài năng đặc biệt hơn người. Nhưng tài năng này chỉ tồn tại ở một mặt nào đó của trí lực, mà không phải là "học giả" thật sự.

Hiện tượng "học giả thằng ngốc" rất hiếm ở nước ta cũng như ở nước ngoài, nhưng thỉnh thoảng vẫn xuất hiện. Ví dụ như nước Pháp có "học giả thằng ngốc" Phu lơ-ri. Anh ta là một người mù tiên thiên, bị cha mẹ vứt bỏ từ khi còn rất nhỏ và một bệnh viện đã thu dung anh ta. Ở đó, người ta muốn dạy anh ta một số hành vi chính đáng nào đó, nhưng không có kết quả gì. Nhưng anh ta có thể làm những phép tính rất phức tạp có đến mười mấy hàng số một cách rất chính xác. Anh ta đã biểu diễn tài năng đặc biệt đó trước các nhà tiên văn học, các nhà kiến trúc và các nhà chủ ngân hàng. Và lần nào cũng vậy, anh đã tìm ra đáp án chỉ trong vài giây đồng hồ.

Năm 1849, ở bang Alapama nước Mỹ có một lãnh chúa tên là Pin-ton. Nhà ông ta có một nô lệ gái đã sinh ra một thằng con gọi là Tôm-vi gits. Thằng Tôm này cũng có tài năng tương tự như Phulo-ri, nước Pháp.

Tôm cũng là một người mù và miệng luôn luôn rỏ dãi. Từ nhỏ nó chưa hề được học gì về dương cầm, thế mà nó có thể mò mẫm biểu diễn dương cầm như một nghệ sĩ dương cầm thật sự. Bất cứ người ta biểu diễn nhạc khúc gì, anh ta chỉ cần nghe một lần là có thể diễn lại, cả những chỗ người ta biểu diễn sai, anh ta cũng có thể lặp lại không hề khác đi một tí nào.

Nước ta cũng phát hiện có "học giả thằng ngốc": M có trình độ phát triển thấp kém về ngôn ngữ, hành vi, tinh thần. Năm 1895, M đã 11 tuổi, mà không nói được một câu nào ra hồn. Năng lực tự

lo liệu về sinh hoạt cũng rất kém, mặc quần áo và đại tiểu tiện vẫn phải có người lớn giúp đỡ. Năng lực tư duy trừu tượng và tư duy hình tượng càng cực kỳ thấp kém, một bức tranh giản đơn nhất cũng không hiểu gì. Diễn đạt tình thần mừng giận, buồn, vui đều không thể diễn đạt được bằng ngôn ngữ. Thế mà M lại rất giỏi suy ngày tháng, tính nhẩm và trí nhớ con số càng cực giỏi. Nó tính nhẩm và trí nhớ con số càng cực giỏi. Nó có thể tính ra ngày thứ, khí tiết của một trăm năm từ 1900 đến 2000 một cách rất nhanh chóng. Chuẩn xác, tính năm nhuận tháng nhuận và tính đổi từ ngày âm lịch ra dương lịch và ngược lại rất chính xác. Tuy rằng năng lực tính bằng giấy bút rất kém, nhưng tính nhẩm lại rất tài, chỉ trong vòng 5 giây đồng hồ, nó có thể tính chính xác những phép tính nhân trong phạm vi 4 hàng số, những phép chia số chẵn mà số chia và số thương hai hàng số, bình phương lập phương của bất cứ số nào trong phạm vi 316, lũy thừa cao mà chỉ số là số âm, khai phương bất cứ số nào của những số từ 2 đến 5 hàng số v.v... Trí nhớ con số của M càng đáng sợ. Những sách mà M đã đọc, em nhớ rất chính xác chương nào bắt đầu từ trang nào, số trang của bất cứ tiết nào trong chương, bất cứ hỏi xuôi, hỏi ngược hay hỏi khi xuôi khi ngược. M đều có thể trả lời nhanh chóng và chính xác. Mặc dù M chưa hề được đến nhà trẻ, nhà mẫu giáo hay lớp học tiểu học nào, phụ huynh M cũng chưa hề dạy em về cái gì.

Vì hiện tượng "học quả thành ngược" nhiều nhà nghiên cứu trong ngoài nước cho rằng, vì chế độ giáo dục hiện hành không thu nhận những "học giả thành ngược". Hàng ngày không có việc gì làm, không có gì để suy nghĩ, cho nên những người đó đã dồn tất cả thời gian và tính lực để học một kỹ năng nào đó, dần dần hình thành thói quen học tập tự cường hóa. Hơn nữa, việc ưa thích và si mê

riêng vì một kỹ năng nào đó, sẽ tạo ra tác dụng đẩy lùi các kỹ năng khác về mặt trí lực, làm cho trí lực các mặt khác bị ức chế mà lui tụt, dẫn đến trạng thái dị dạng của cấu tạo trí lực¹¹. Quan điểm này có đúng không, không dám bàn vì tác giả chưa có nghiên cứu gì về vấn đề này. Nhưng hiện tượng "học giả thăng ngốc" có thể có ích cho việc nghiên cứu hiện tượng siêu thường" không học mà biết", và trên một bình diện khác, nó cũng chứng minh hiện tượng "không học mà biết" là có thật.

¹¹ Xem "bí mật về học giả thăng ngốc" của Quách Giáo tạp chí "Thông tin tâm lý học" số 3 năm 1987.

7

BẢN HỢP TẤU NHIỀU TẦNG VỀ THẦN TIÊN THẬT GIẢ: TÍNH BỊP BỌM VÀ HẠN CHẾ CỦA TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

Cầu thần nhập xác không phải toàn là thuật thôi miên. Một số người, trong đó có những nhà tôn giáo, tín đồ tôn giáo có dụng ý xấu, vốn không biết thôi miên, nhưng khi thấy việc cầu thần có thể mê hoặc lòng người, có thể lợi dụng nên đã vờ vĩnh cầu thần nhập xác để mưu lợi riêng. Còn việc cầu thần nhập xác bằng thôi miên, không phải là trò bịp, tuy rằng có thể làm xuất hiện những công năng đặc dị như trên đã nói, nhưng những công năng đặc dị đó cũng có hạn chế rất lớn.

I. MỘT SỐ MÁNH BỊP TRONG TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

Những mảnh khóc bịp bọm trong tục cầu thần được thấy phổ biến ở trong, ngoài nước. Những hoạt động cầu thần nhập xác như

kiêu thần, tẩu âm, phù ki, vũ tiên đồng v.v... nhiều khi là bịp bợm. Ví dụ như dân tộc Lạc Ba có một loại thầy mo gọi là "Nhữ Quách Bô", nếu phát hiện ai đó có tật bệnh gì là ông ta nhảy múa trong một cái lồng tre, cầu thần nhập xác rồi có "bối tìm trong chỗ đau của bệnh nhân, bắt ra cho được một con sâu và nói rằng bắt được sâu rồi bệnh sẽ chóng khỏi. Loại thầy mo gọi là "Na mu xa" của dân tộc Tu lung thì hun khói, tự làm cho mình đi vào trạng thái hôn mê, rồi lắc chuông nhảy múa, mời thần nhập xác sau đó giả vờ đón nhận thuốc thần từ trên trời, gió mấy giọt lên đầu người bệnh, rồi vờ xem thuốc đang chạy trong cơ thể bệnh nhân thế nào. Thuốc dừng lại ở đâu thì nói là thuốc đã tìm được nguồn gốc của bệnh ở đó. Thầy mo dùng miệng hút gốc bệnh ra, hoặc thổi vào bệnh nhân một cái, dùng ngón tay dẩy ép gốc bệnh ra ngoài. Trong khi đó, thầy mo lấy một viên sỏi, viên đá hoặc một đoạn dây đã mang sẵn trong người ra, đưa cho mọi người xem, nói đó là nguồn gốc bệnh, rồi tiện tay ném vào lò lửa đốt đi. Các trò "không sợ đao thương" của Nghĩa Hòa đoàn, Đại đao hội, Hồng thương hội phần lớn cũng là bịp bợm. Khi thì lấy đạn giả đổi đạn thật tức là đưa đạn thật cho mọi người xem, nhưng khi bắn ra lại là đạn giả¹, khi thì đặt ngược viên đạn, không gây nguy hiểm cho người. Một số "quan vong bà" (bà bắt vong) dân tộc Hán, dân tộc Choang cứ khoe rằng họ có thể dùng pháp thuật bắt linh hồn người chết về, mượn cái miệng của chính cái bà mo ấy để nói chuyện với người thân. Một số người thấy cái "bà bắt vong" có thể nói ra được một vài chuyện kín trong gia đình mình thế là hoàn toàn tin tưởng. Thực ra là trước khi bắt vong, các "bà bắt vong" cũng như các thầy bói, thầy tướng, đã điều

¹ Xem sách "Sơn Đông dân tục" trang 374 - 375.

tra tìm hiểu kỹ các khách hàng của mình, dò la, thăm hỏi bằng nhiều cách, tìm cho ra một số việc riêng trong nhà người ta. Ngoài việc dò la tìm hiểu tình hình gia đình khách hàng, họ còn biết tùy cơ ứng biến, nói dựa đoán mò, nếu không rất dễ lộ tẩy. Có bà mo đã đến nhà người ta bắt vong, cầu thần xem bệnh, sau khi đã cầu thần rồi, bà ta nói: "thảo nào nhà có người ốm, không được dùng thớt cối chắt cửa chuồng lợn". Con cả của gia chủ ngay lúc đó bê cái thớt cối ném vào hố phân. Gia chủ lại hỏi "Bà còn dạy gì nữa không?" Bà mo đòi 100 đồng, nói là để giúp nhà chủ cầu thần, hứa nguyện. Chủ nhà nói, chỉ cần được thần phật phù hộ, cần gì có nấy. Bà mo đột nhiên nói: "Đã bảo móng một ngày rằm phải cúng, mà không nghe. Có thủ lợn để đó mà không cúng. Thảo nào trụ cột gia đình ốm". Chủ nhà nói trong nhà làm gì có thủ lợn, nếu có thì đã cúng rồi! Bà mo nói: "Nói là sai rồi mà cứ không nhận sai, xem treo cái gì trên xà nhà đấy?" Chủ nhà nói đó là hũ hạt cà giống. Bà mo nghe vậy, biết đã lỡ lời, bèn nói: "Bà lão hôm nay bị bung tai bịt mắt, không nhìn rõ hũ hạt cà giống, "Cả nhà chủ trở mắt, há mồm (1). Một vùng nọ có một "thần đồng". Nghe nói có tài cầu thần chữa bệnh. Một nông dân mắc bệnh lao đã lâu, vợ đi mời "thần đồng" về cầu thần. Bệnh trạng của bệnh nhân "thần đồng" đã biết rõ từ lâu. Sau khi thần giáng, "thần đồng" vờ vĩnh nói "Cả nhà đệ tử làm nạn lớn, nếu đuổi được tà, bắt được quỷ, thì họa lớn có thể trở thành nạn nhỏ". Nhà bệnh vội vã theo lời "thần đồng" đuổi tà bắt ma. Kết quả, bệnh vẫn ngày càng nặng và người bệnh chết. Đã chết người rồi, mà người nhà bệnh nhân vẫn rất cảm ơn "Thần đồng", "linh nghiệm", chỉ vì "Thần đồng" nói "Cả nhà lâm nạn lớn", thế mà bây giờ chỉ chết có một người, may nhờ sức thần đã biến nạn lớn cả nhà thành họa nhỏ. Sở dĩ vị "thần đồng" kia có thể lừa bịp được là vì nhà bệnh

ngu nuôi đã dành, lại nhờ "thần đồng" biết tùy ứng biến. Tục mời thần xin chữ của đạo Nhất quán cũng là một trò bịp. Trò bịp này phải tổ chức huấn luyện tam tài một cách nghiêm ngặt, bí mật. Tam tài là chỉ ba loại người phù ki: thiên tài, nhân tài và địa tài. Người cầm vòng ki, dùng bút gỗ cho lời dạy của thần trên mặt cát là thiên tài; người cầm ván gỗ gạt phẳng mặt cát và hát đàn huấn gọi là nhân tài, người chép lại đàn huấn gọi là địa tài. Tam tài là những tín đồ nam nữ được bí mật huấn luyện kỹ. Thiên tài phải huấn luyện lâu nhất, thường là khoảng một năm. Trong thời gian đó, thiên tài phải học thuộc kinh điển của đạo, học thuộc lòng những câu đàn huấn, lại phải tập phù ki, tập viết chữ trên mặt cát. Phải qua kiểm tra diễn tập lâu dài, đủ tiêu chuẩn rồi mới được phù ki trước mọi người. Trước khi phù ki, thầy điểm truyền trong đạo báo cho thiên tài biết mục đích của việc phù ki, thiên tài theo ý đồ của thầy, soạn huấn từ sẵn. Nếu là đệ độ người vào đạo thì địa tài, nhân tài phải bí mật tìm hiểu tình hình đó mà đưa vào đàn huấn, nhằm bịp người vào đạo, làm cho tín đồ tin rằng huấn từ là của tiên Phật. Khi phù ki, thiên tài nhắm mắt, sau khoảng hơn 10 phút, thiên tài giả vờ tiên Phật nhập xác và giáng bút, viết thơ "lâm đàn" trên mặt cát miệng thì nói ta là thần linh gì đó. Nhân tài ngồi bên trái cầm ván gỗ vừa niệm vừa gạt phẳng mặt cát, địa tài bên phải vội ghi chép lại. Vì ít người hiểu rõ bí mật của việc phù ki, lại do sự tuyên truyền thần bí trong đạo và do không khí thần bí của việc thỉnh thần giáng đàn, nhiều tín đồ tin thật, không nghi ngờ gì ngày càng tin hơn.¹¹ Lại như sách "Quyển sự tập ký" của Tả Nguyên Đốc Giới đã ghi, thời kỳ phong trào Nghĩa Hoà đoàn "khi mới lập đàn, có lúc không có ai

¹¹ Xem sách "Xã hội bí mật Trung Quốc" trang 180 - 181.

vào học, thường phải cho hai ba tên phỉ vờ làm ra vẻ giáng đàn, cầm dao đi các nhà gần đó, trông thấy có trẻ con là xông vào kéo đi. Người nhà ra giữ lại tên phỉ miệng lảm nhảm lời thần, nói rằng trẻ đó là có duyên trời. Người nhà tin là mệnh thần, không dám trái, bắt đắc dĩ phải cho con nhập đàn, do vậy dần dần đông lên và trẻ nhỏ quanh vùng đều bị vơ vét vào đàn". Lại như người Thia-ia Đài Loan, nếu muốn cầu xin thần cái gì thì đem mực đích báo rõ với thần xin thần cho chỉ thị. Cách làm là dùng hai chiếc đũa tre cắm vào giữa hai ngón chân rồi đặt ngang một cái ống tre lên đầu hai chiếc đũa. Nếu cái ống tre đỡ được trên đầu đũa thì cho rằng thần trả lời đồng ý, nếu cái ống tre rơi xuống thì cho rằng thần trả lời không đồng ý. Cách làm ấy phần lớn có nhân tố người làm.

Những trò bịp khéo, thường có thể mê hoặc một số người trong một thời kỳ nhất định. Trái lại, nếu bịp không khéo thì rất dễ bị lộ tẩy tại chỗ. Một vùng nọ ở Triết Giang trước đây có một người tự xưng là "bán tiên", có tài bắt ma. Một hôm, thôn bản cho người đến mời ông ta đi đuổi ma cho cháu của một người ốm nặng, vị "bán tiên" đó cho người nhà của người bệnh về trước, một mình ông ta thông thả đi sau đến nhà người bệnh. Tất nhiên ông ta không có tài bắt ma, do đó ông ta vừa đi vừa nghĩ cách bịp người. Sắp vào làng, đi đến cạnh một con ngòi, thì thấy mấy đứa bé đang tranh nhau một con cá màu đen, bỗng nghĩ ra kế, bỏ tiền ra mua con cá. Để người ta không trông thấy, ông ta bỏ con cá vào túi quần, buộc lại. Sau khi đến nhà người bệnh, thừa lúc cả nhà đang lúc húi chuẩn bị, ông ta bí mật cho con cá vào một cái hũ đặt trước bếp.

Chẳng bao lâu, khi việc làm lễ thỉnh thần được hoàn tất chu đáo, vị "bán tiên" giỏi bắt ma kia liền múa bảo kiếm, miệng lảm

nhắm chú, rồi ngáp liên hồi, nói ông ta được Trương thiên sư gọi đến đây bắt ma đuổi tà. Ông ta trở bảo kiểm về phía trước, nói ở trước bếp có một con ngư tinh. Người nhà tìm trong cái hũ đặt trước bếp, quả nhiên bắt ra được một con cá màu đen, kêu to: "Đây rồi, đây rồi. Bán tiên thật là linh nghiệm". Tin loang nhanh ra cả làng. Giữa lúc đang ồn ào, phía đầu thôn có hai đứa bé khoảng mười tuổi cũng chen vào đám đông, trong thấy ở trên liền nói to lên "Ồi tướng ngư tinh gì! Con cá đen này là chúng tôi vừa mới bán cho thầy ở đầu nương ngoài kia, ở miệng con cá còn bịt râu rách ra kia!". Mọi người nhìn kỹ, quả nhiên thấy miệng con cá bị râu rách. Giữa lúc đang nửa tin nửa ngờ, một thanh niên xe toạc áo dài của "bán tiên" nhìn kỹ thì thấy trong áo trong của "bán tiên" còn dính nhoe nhoét nhiều vảy cá đen, và một mùi tanh nồng nặc phả vào mũi mọi người. Thế là trò bịp bị lộ trần.

Những trò bịp kiểu câu thần nhập xác nước ta cũng có ở nước ngoài. Thấy mo người Tát-sma-ni ở Ôtstrây-lia có thể rời vào trạng thái co giật như lên cơn động kinh. Coi đó là điểm hiệu của việc ma quỷ nhập xác và người ta cho rằng lúc đó thầy mo có thể chữa bệnh được. Có lúc thầy mo giả vờ hút từ trong vết thương của bệnh nhân ra một mẩu đá hoặc một mẩu xương, nói đó là nguyên nhân của tật bệnh. Mỗi một Xa-Man người Khoa-Khút sơn, bờ biển tây bắc châu Mỹ đều có những mảnh khóc hơi khác với địch thủ của mình. Có xa-man có thể hút ra chất độc, có người lại khôi phục được linh hồn đã mất. Cách được ưa nhất là dùng một con "nhũ trùng" nhỏ nhỏ tật bệnh trong người ra. Để chuẩn bị biểu diễn trò này, sa-man nhét vào giữa răng và môi trên một cục nhung đen. Khi được mời đi chữa bệnh, trước hết ông ta lấy nước súc miệng kỹ, để chứng minh rằng trong miệng ông ta không có gì. Sau đó ông ta nháy múa và

hút độc ra, sau đó cắt rách phía trong hai má, làm miệng đầy bọt máu. Ông ta nhốt cục bông nhúng đẫm máu vào bát và tưởng tượng là đã hút ra được nọc độc gây bệnh. Khi ông ta đã rửa sạch "nhũ trùng", ông ta coi đó là bằng chứng đã trừ được tật bệnh. Các xa-man Bắc Á thì làm đủ trò để làm những người chứng kiến sợ hãi. Xa-man thường coi cái gọi là "phúc ngữ" là tài giỏi, có lúc lấy cái bìa quang, đựng đầy máu, bí mật buộc vào bụng đến lúc lấy dao vờ đâm vào bụng, để cho máu tuôn ra. Có người đã từng khảo sát tại chỗ một thầy mo Luân Đôn hồi thập kỷ 80 thế kỷ 19 tên là Uylam Ai cơ lin tôn. Đồn rằng ông ta có thể làm cho bàn đá tự động viết chữ. Nhưng kết quả khảo sát cho thấy ông ta đã chơi "trò chơi thông minh" trên bàn đá". Phương pháp gọi là "phương pháp ngoại khoa tinh thần" mà các "thầy thuốc ngoại khoa tinh thần" của Phi-lip-pin, trên thực tế chung qui chỉ là một cách làm thành thạo dùng bàn tay mà sờ phủ tạng của gà hoặc động vật như khác. Họ làm ra như vẽ như đi vào thể tạng và tứ chi của người bệnh và dùng tay vút bộ khí quan sinh bệnh. Với phương pháp trị bệnh ngoại khoa đó, họ tuyên bố có thể chữa khỏi các chứng bệnh kết khối cứng kể cả mọi loại ung thư. Các thầy thuốc ngoại khoa này đều được các trợ thủ giúp đỡ. Các trợ thủ của họ bí mật đưa cho họ một lọ thuốc nhỏ bằng chất dẻo trong đó chứa thuốc nhuộm làm bằng hạt cau hoặc máu động vật, làm cho người bị hại tưởng nhầm rằng trên cơ thể họ đã chảy máu thật. Thầy thuốc chữa bằng ngoại khoa nắn nhũn phần mềm, da, hoặc mỡ của bệnh nhân. Với những người chưa được huấn luyện, thì có vẻ như tay của thầy thuốc đã luồn vào cơ thể bệnh nhân. Để có thể bịp được người, các thầy mo mới của nhiều địa phương phải được luyện về thể tay, ma thuật những trí thức của các thầy thuốc giang hồ (bao gồm cả nghệ thuật vờ hôn mê, vờ

ngất, nghệ thuật hát vu ca, nghệ thuật gọi nồn mưa v.v...) lại còn phải biết cả việc dùng ống nghe khám bệnh và cách đỡ đẻ, biết sử dụng như thế nào những "người đang nằm mơ", tức là nghe trộm người ta nói chuyện và bí mật báo cho thầy mo biết rõ triệu chứng bệnh, nguyên nhân bệnh v.v...

II. ẢO THUẬT TRONG XIẾC VÀ TRÒ BỊP CẦU THẦN NHẬP XÁC

Mánh khóc bịp trong tục cầu thần nhập xác không chỉ có những trò vụng về như đã nói, còn bao gồm cả việc lợi dụng những nguyên lý, những thành quả nghiên cứu của các khoa thanh học, hóa học, quang học, lực học và cả những trò ảo thuật trong xiếc. Vì ảo thuật có thể lấy giả làm thật, cho nên nhiều thầy mo xưa nay đã lợi dụng ảo thuật để bịp người, ví dụ dùng những trò đại loại như "tiên hái đậu" để biến ra thuốc viên, bịp rằng đó là thần tiên thưởng cho để chữa bệnh cho mọi người. Lại còn dùng ảo thuật làm công năng đặc dị để lừa mình dối người.

Ảo thuật được manh nha từ thời thượng cổ, đến thời kỳ chế độ nô lệ thì đã có một bước phát triển lớn. Ngay ở nước ta, ngay từ thời Chu, ảo thuật đã phát triển đến một trình độ rất cao. Theo "Thiên chu Mục vương" sách liệt tử: "Thời Chu Mục vương, tử Tây Vực có" hóa nhân" đến, có thể vào lửa vào nước, xuyên qua vàng, đá, lật ngược núi sông, di chuyển thành ấp, cưỡi trên không mà không rơi, và vào đá không vướng, thiên biến vạn hóa, không thể nói hết".

Thời Hán là thời ảo thuật Trung Quốc đạt đến đỉnh cao. Thời Hán Vũ đế, ảo thuật được truyền từ Tây vực đến, trong đó những trò như cắt đứt lưỡi rồi nối lại, phun ra lửa, đổi đầu trâu, ngựa v.v...

Những ảo thuật Tây vực này hòa nhập với ảo thuật Trung Quốc, tạo thành một thứ ảo thuật giàu bản sắc dân tộc, lấy ảo thuật Trung Quốc làm chính.

Rõ ràng là cái trò leo núi đao, xuống biển lửa, nuốt lửa, phun lửa, liếm sắt nung đỏ, dùng dao, đinh đâm thủng bụng, má, ngực... mà các thầy vu thuật biểu diễn khi giáng thần, có khi là những công năng đặc dị của việc giáng thần nhập xác (bằng thời miên), có khi là kết quả việc luyện khí công nhưng phần lớn là những trò bịp vụng về và những ảo thuật "cao siêu". Thuộc loại công năng đặc dị nhờ thời miên như trò "múa dây xích" của thầy mo người Khương, "cắn lưỡi cày nung đỏ" của thầy mo người Choang"

Xưa kia người Khương ốm nặng, mời thầy bắt ma chữa bệnh, phải làm trò múa dây xích. Trước hết, thầy cho dây xích vào lửa, để khoảng một giờ, chờ cho dây xích đỏ rực lên và pháp thuật bắt đầu. Thầy múa dây xích đỏ đó bằng những động tác nhanh nhẹn mà linh hoạt. Sau khi múa một hồi, thầy vắn dây xích ba vòng vào cổ mình, sau lại vắn ba vòng vào cổ người bệnh. Trò cắn lưỡi cày đỏ của người Choang là nung đỏ lưỡi cày sắt, dùng tay hoặc mũi kiếm lấy â, cắn đầu lưỡi cày đang rực đỏ bằng răng, quay một vòng rồi bỏ xuống, thế mà răng và môi không hề bị bỏng. Tác giả sách này đã nhiều lần xem những cuộc biểu diễn kiểu này và những cuộc biểu diễn đâm lên lửa hoặc dùng tay cầm những sợi xích đỏ rực của các nhà khí công.

Những ảo thuật "cao siêu" như "mò nổi dầu", "xuống biển lửa", "leo núi đao", "cắt đứt lưỡi", "phun ra lửa" (bằng miệng) v.v... "mò nổi dầu" hoặc là cho đám vào nổi dầu, vì đám nặng hơn dầu, cho nên chìm xuống đáy nổi. Khi đốt lửa, vì đám ở đáy nổi chịu

nóng trước, nổi bọt lên trên trông như dầu đang sôi sùng sục, nhưng thật ra dầu chưa nóng, cho tay vào dầu vẫn không hề bị bỏng; hoặc là cho một loại thuốc địa phương gọi là "xúy can từ" vào nổi dầu, khí đốt lửa. "xúy can từ" và dầu sẽ tạo ra một phản ứng hoá học, làm dầu nổi bọt như đang sôi lên, nhưng thật ra dầu trong nồi chưa nóng, cho tay vào không thể bỏng được. Ngoài ra còn có thể cho rượu trong, vôi vào nổi dầu, làm cho dầu sôi già. Trò "xuống biển lửa" là đốt đỏ than củi trên mặt đất, sau đó gạt than ra, thấy mo niêm chú bước xuống than mà hai chân không bỏng. Thật ra thì trước khi "vào biển lửa", thấy mo dùng nước vẽ bùa, bí mật cho muối và chất keo dính vào nước, sau đó dùng nước bùa rửa chân mấy lần, làm cho trên chân dính một lớp muối. Khi sắp bước lên "biển lửa", lại tưới nước muối lên than, không những làm cho khối bốc mù mịt mà cũng làm giảm nhiệt độ rất nhiều. Vì tinh thể muối truyền nhiệt chậm, cho nên bước lên than mà chân không bỏng; cũng có khi phun nước hoàng đàn lên than hồng, bôi băng sa lên bàn chân, cả hai đều có tác dụng phòng chống bỏng. lúc đó có thể nhảy lên than hồng, gạch nung đỏ hoặc sắt nung đỏ. "Lên mũi dao" là dùng máu gà, máu chó bôi lên lưỡi dao, máu gà máu chó đông kết, làm dao trở nên cùn đi; hoặc là lấy giấy vàng đặt lên lưỡi dao, do đó chân trần dẫm lên mũi dao mà không đứt. Cái gọi là "cắt lưỡi" là ngậm ngân châu vào miệng, ngân châu hỗn hợp với nước bọt, đỏ như máu, thấy mo rạch lưỡi dao trên mặt lưỡi, rồi nhỏ "máu đỏ" lôm ra, người xem cứ tưởng là lưỡi thấy bị đứt, tuôn máu tươi ra, thực tế thì lưỡi không hề thương tổn gì. Còn "miệng phun ra lửa" là thấy mo ngậm bột tùng hương vào miệng, tay cầm một cây hương đang cháy hoặc diều thuốc lá đang cháy, phun bột tùng hương ra, bột tùng hương gặp lửa bốc thành lửa cháy. Nhưng dù bịp

giỏi hay ảo thuật tài đến đâu cũng vẫn có thể bị lật tẩy. Năm 1550, một nhà ảo thuật lớn tên là Nô-stan-mus có thể hiện hình các vị đế vương các triều đại xưa trước mặt công chúng, có thể nói là thần kỳ. Thế mà hai trăm năm sau, nhà vật lý học Rô-bốt Xung, với sự giúp đỡ của trợ thủ trốn trong phòng bên cạnh, lợi dụng sự phản xạ của hệ thống gương đặt nghiêng, đã phơi bày hết những bí mật kia. Đây chỉ là một trò ảo thuật. Ảo thuật hiện đại có tiết mục hình người ẩn hiện. Nó dùng những nguyên lý quang học làm cho người biểu diễn lúc hiện rõ, lúc ẩn mất, rất kỳ ảo khó lường. Việc các thầy thông linh cho quỷ thần hiển linh cũng có vẻ lạ kỳ lắm. Thế mà từ mấy chục năm trước, nhà ảo thuật Mỹ nổi tiếng thế giới Đặng Ninh Căn đã phơi bày tính chất bịp bợm của cái trò giáng thần ấy. Mảng ánh sáng được coi là quỷ thần hiển linh hiện ra trên màn, thực ra là do người ẩn sau màn tạo ra. Anh ta ngồi trong một cái tủ, khi tấm màn trước tủ kéo lên, mọi người có thể nhìn rõ toàn thân anh ta bị trói chặt trên một cái ghế tựa. Sau khi hạ màn, từ trong tủ, anh ta dơ tay lên (tay ghế là có thể di động được) trên tay cầm một gậy có thể thò dài thụt ngắn được mà khua. Trên đầu gậy buộc một mảnh vải, trên đó dùng sơn phát sáng vẽ hình ảnh vị thần. Từ ngoài mà nhìn người ta rất dễ cảm thấy quỷ thần hiển linh. Một cách hiển linh khác là dùng sơn phát quang vẽ hình quỷ thần lên mặt trong của áo người biểu diễn. Trong bóng tối, người biểu diễn đứng trên một ghế, dương mặt trái của áo anh ta lên, từ ngoài có thể nhìn thấy hình ảnh vị thần hiện ra trong không trung. Còn như hiện tượng cái bàn có thể tự di chuyển là vì dưới cổ tay người biểu diễn có buộc những cái móc câu; cái bàn đá có thể tự viết chữ, là người biểu diễn hai tay bị người khác đè chặt, nhưng sau khi tắt đèn, anh ta lè cái bút vốn ngậm trong miệng ra, dùng răng cắn bút mà viết chữ trên mặt đó.

Năm 1976, một nhà xuất bản ở New York nước Mỹ đã xuất bản cuốn sách "Đằng áo đen của tâm linh", quyển sách do một linh môi (người làm trung gian giữa người sống với quỷ thần) chuyên làm chuyện bịp bợm đã đổi nghề viết. Ông ta đã lột trần những mảnh khóc bịp bợm của những linh môi mạo danh, kể rõ những linh môi đó đã làm thế nào để người ta có thể tin rằng mình đã được gặp lại những người thân đã chết.

III. HẠN CHẾ CỦA NHỮNG CÔNG NĂNG ĐẶC DỊ CÓ ĐƯỢC KHI GIÁNG THẦN

Giáng thần nhập xác có thể khơi dậy được những công năng đặc dị, nhưng những công năng đặc dị ấy bị hạn chế rất lớn. Điều đó thể hiện như sau:

Trước hết, tỷ lệ thành công trong việc tạo ra công năng đặc dị bằng huấn luyện đặc biệt hay luyện khí công phụ thuộc nhiều vào tình cảm, tinh thần và tinh lực người được huấn luyện. Mọi thực nghiệm về công năng đặc dị cho thấy chỉ khi nào người được huấn luyện tập trung chú ý, tâm tình cởi mở, vui vẻ, tính lực dồi dào thì mới gọi dậy được những công năng đặc dị và đưa những công năng đó đến thứ bậc cao. Cũng như trong luyện khí công, trong cầu thần nhập xác có khơi dậy được công năng đặc dị hay không và công năng đó ở thứ bậc cao thấp thế nào cũng tùy thuộc ở tình cảm, tinh thần, khí chất, tinh lực, độ nhạy cảm thời miên v.v... của người được giáng thần (kể cả người tự thôi miên mình, phần lớn là các thầy mo, thầy cúng). Nếu có tâm lý mong đợi kỳ tích, tin quý thần, tình cảm xúc động thì có thể đem lại kỳ tích. Trái lại, nếu không có những điều kiện trên, thì người được thôi miên khó đi vào trạng thái thôi

miên và những công năng đặc dị vốn có, đang tiềm ẩn trong bản thân khó mà khơi dậy được, ngay cả trong trường hợp khơi dậy được cũng khó đạt đến thứ bậc cao. Có những người giảng thần nhập xác khó đi vào trạng thái mê cuồng, hoặc vào được trạng thái đó, nhưng những hiện tượng siêu trí lực, siêu nghị lực, siêu thể lực v.v... là do thiếu những điều kiện trên. Tóm lại những công năng đặc dị được gọi dậy dưới các tác dụng môi giới khác và những công năng đặc dị nhờ giảng thần nhập xác (thời miên) mà có đều có nhiều hạn chế. Hơn nữa, những công năng đặc dị nhờ giảng thần nhập xác mà có cũng chỉ tồn tại được trong trạng thái mê cuồng (thời miên), khi đã ra khỏi trạng thái đó, thì sẽ không còn nữa. Điều này đã trình bày trong các chương trên.

Thứ nữa, trong trạng thái mê cuồng ở độ sâu, trường ý thức của người giảng thần nhập xác bị thu hẹp đến cực độ, mất hẳn sức tự chủ và sức phán đoán, trí giác cũng bị tê liệt, ngoài liên hệ đơn tuyến với thấy thời miên ra, không thể có phản ứng gì với các kích thích khác, về mặt đờ dãn, không chút sinh khí. Trong tình hình đó, giá trị sử dụng công năng đặc dị hết sức có hạn. Điển hình nhất như những người diễn thần quyền Nghĩa Hòa, vũ tiên đồng, cầu đồng, lên đồng, những siêu trí lực, siêu nghị lực, siêu nghị lực của họ đều chỉ là những thứ hoa lá không có mấy tí giá trị sử dụng. Vì trí giác tê liệt, mất sức tự chủ và sức phán đoán, cho nên họ có thể "không học mà biết", "sức khỏe hơn người"... nhưng trong thực tế lại không dùng được những tài năng. Cái gọi là "bài đao bài thương" không phải thật sự là đao chém không đứt, súng bắn không trúng, mà chỉ là chịu được đòn côn quyền, đao kiếm ở một mức độ rất có hạn. Thế mà trong phong trào Nghĩa Hòa đoàn, khi người ta thấy những người diễn luyện thần quyền. Nghĩa hòa có thể có những công năng

thần kỳ như đã nói mà không giải thích được, liền quí cho thần linh mà sùng bái cuồng nhiệt. Dưới ảnh hưởng của tư tưởng mê tín phong kiến, đã khuếch đại tác dụng của nó quá mức, ngu muội tưởng rằng "sức thần" đó có thể chống lại pháp lớn súng tốt của giặc tây, tạo ra cái cục diện "già trẻ đều tin", "cả nước như cuồng". Đến mức trong chiến đấu các thành viên Nghĩa Hòa "nuốt phù chú, thấp hương cầu thần, nhảy múa loạn xạ... rồi cầm dao, gậy súng kíp... hướng về hướng đông nam mà bái lạy, lẩm nhẩm đọc chú..."⁽¹⁾. Trong chiến đấu, họ tin rằng súng bắn không chết, điên cuồng rồ dại xông pha như trúng tà "lao vào trận liên quân dùng súng bắn lại chết như ngã rạ"⁽²⁾. Những tình hình như thế còn xuất hiện không ít trước sau phong trào Nghĩa Hòa đoàn, trong các tôn giáo dân gian bí mật như đạo Kim Đan, Vũ Thánh môn và Tại Lý giáo, Đại Đạo hội, Hồng Thương hội, thậm chí cả trong thời kháng Nhật, trong chiến tranh giải phóng. Ví dụ năm thứ 17 đời Quang Tự (1891). Đạo Kim Đan, Vũ Thánh môn và Tại Lý giáo ở Nhật Hà đẩy lên một phong trào bạo động lớn chống lại vương công Mông Cổ và đạo Thiên chúa. Khi đứng trước quan quân, giáo chủ "mặc áo màu, đội khăn đạo múa gương làm phép như điên như dại" còn quần chúng tin đồ thì "mình đeo túi bào đỏ", áo đỏ đai vàng, "miệng đọc thần chú" mà "xông lên không tránh đạn". Mãi đến giữa thế kỷ 20, những trò mê tín như vậy trong các tôn giáo dân gian bí mật vẫn còn, cuộc bạo động của Đại Đạo hội ở Minh Đức, Phúc Kiến. Trước bạo động, người ta bảo hội viên ai nấy đều phải đeo bùa hộ mệnh đảm bảo đao chém không chết, súng bắn không trúng ra, người ta còn phát cho mỗi hội viên một bùa hộ thân in dấu gỗ trên giấy vàng

⁽¹⁾ "Sử liệu lưu trữ về Nghĩa Hoà đoàn" (quyển thượng) trang 93

⁽²⁾ "Nghĩa Hoà đoàn" (1) trang 149.

để dán trước nhà. Trước khi xuất trận lại tề tập trước bàn thờ thần để lễ bái. Mỗi người lại được lĩnh một tờ "bùa bảo mệnh"; rồi đốt ngay tại chỗ, nuốt tro đó với nước lã và ai cũng ngậm đọc thần chú bản mệnh. Ngoài ra còn phát cho mỗi người một lọ nước bùa để khi chiến đấu quyết liệt thì uống vào nhằm để tránh đạn và khỏi sợ. Tiếp đó, mọi người xếp hàng dọc, theo nhau bước qua một cái hũ hương nghi ngút khói đặt giữa đất, mỗi người đều một tay cầm vũ khí, một tay cầm lá cờ 7 ngôi sao. Máy vị đầu lĩnh đi phía trước đều múa cờ 7 sao theo nhịp, các hội viên cũng theo nhịp đó mà múa cờ 7 sao.

Sau đó pháp sư mặc áo cà sa đỏ rực, đầu đội vành thép (vương cô), tay trái cầm vỏ ốc có thể phát hiệu lệnh tiến, thoái, tay phải cầm một cái vòng thép, trên đó dính những mảnh đồng lá mỏng, lác kêu leng keng. Pháp sư lẩm nhẩm đọc:

"Một lớp núi, hai lớp núi, ba lớp núi, phía trước hơn lên thành muôn núi.

Tổ Chu công bịt súng không bắn được, tiêu Hoa đào biển đạn thành bùn.

Trong tiếng thần chú "Đao thương vô hiệu" đó của pháp sư, các thành viên Đại Đao hội ùn ùn xông lên như bị ma đuổi⁽¹⁾. Kết quả thế nào có thể tưởng tượng mà biết được. Do ngu muội và mê tín, các giáo chủ và giáo đồ tôn giáo dân gian chỉ có thể diễn một màn kịch đau buồn.

⁽¹⁾ "Xã hội bí mật Phúc Kiến" của Kiến Lập Xương, NXB. Nhân Dân Phúc. Kiến- tháng 2 năm 1989, trang 287-289.

8

VIỆC LÀM XẤU CỦA YA ĐANG VÀ XA OA; TÁC HẠI CỦA TỤC CẦU THẦN

Kinh "Tân cựu ước toàn thư" của đạo Cơ đốc nói rằng, thủy tổ của loài người là Ya đang và Xu oa đã nghe theo rắn xúi dục trái lệnh thượng đế, làm việc xấu là ăn vụng "quả cấm" cây "biết thiện ác" trong vườn Y diện, mà phạm tội. Hành vi tội lỗi đó tiếp diễn mãi, để lụy cho con cháu đời sau. Do đó, có thể nói mọi khổ đau trên đời này đều do tội lỗi của con người đưa đến. Đó tức là cái gọi là nguyên tội". Thuyết về nguyên tội đương nhiên không thể tin được. Mọi khổ đau trên đời không phải đều do tội lỗi của con người tạo ra. Nhưng chúng ta nói tục cầu thần nhập xác là một tội ác, thế thì những tai họa do nó mang lại có thể coi là hậu quả tội lỗi của con người. Bởi vì, chính các thầy mo, nhà tôn giáo đã làm việc xấu là bày ra, truyền lại và phát triển tệ tục cầu thần nhập xác, do đó mới làm cho con người phải chịu hậu quả tai hại của nó. Mặc dù những công năng đặc dị do việc cầu thần nhập xác tạo ra cũng có ích lợi nhất định. Đại loại như không học mà tự biết hát, dự báo

tương lai, tìm nguyên nhân mất của v. v. .. nhưng chúng ta nên thấy rằng, tác hại của tặc cầu thần nhập xác vượt xa lợi ích của nó mang lại. Những tác hại đó là:

Tặc cầu thần nhập xác phá hoại nghiêm trọng tinh thần và sức khỏe của người cầu thần nhập xác.

Hiệu quả lợi ích của tục cầu thần nhập xác được xây dựng trên cơ sở làm tổn hại tinh thần và sức khỏe của người tự thôi miên (thầy mo) và người bị thôi miên. Những kết quả nghiên cứu tâm lý học hiện đại cho thấy: những ám thị và tự ám thị tiêu cực có thể làm rối loạn nghiêm trọng công năng của trung khu thị giác, thính giác, vận động v.v... trong đại não, làm cho những công năng tương ứng mất cân bằng, tế bào thần kinh mất đi năng lực làm việc bình thường, không thể tiếp nhận và xử lý những thông tin ngoại giới, không thể phản ứng tương ứng với những kích thích ngoại giới, đưa đến hậu quả có hại cho sức khỏe, tạo ra sự giải thể tinh thần và những phản ứng tâm lý không bình thường do nó tạo ra. Những ám thị tiêu cực như ma quỷ ám trong tục cầu thần nhập xác phá hoại nghiêm trọng tinh thần và sức khỏe của người cầu thần nhập xác là như vậy. Nhiều người ngồi đồng đã thừa nhận, thân đã nhập xác thì họ lập tức ngất đi, mặt mày tái xám, ánh mắt đờ đẫn. Sau khi mê đi thì nói năng lảm nhảm, hơn nữa, thân vừa nhập xác là lập tức run lên, trước là run tay rồi run cả chân, rồi run toàn thân, vô cùng khó chịu, có lúc cắn cả lưỡi, khi tỉnh lại không thể nhớ được mình làm những gì, đến mấy hôm sau vẫn mệt lả, như vừa ốm nặng một trận.

Một lần cầu thần nhập xác làm cho người ta mệt lả mấy ngày, thế thì cầu thần nhập xác nhiều lần hậu quả càng nghiêm trọng. Nhà khí công nổi tiếng nước ta là Nghiêm Tân cho rằng: "Trạng

thái mê cuồng có thể làm cho người ta cứng đờ toàn thân, bất tỉnh nhân sự, vừa hại sức khỏe lại rất hại tinh thần, tim co bóp dồn dập, cơ bắp toàn ở trong trạng thái căng thẳng một thời gian dài, cứ làm mãi nhiều lần như vậy, nguy hại rất lớn". Sử liệu Nghĩa Hòa đoàn cho biết: "Những người luyện quyền mà ma quỷ nhập xác trở thành điên dại nghe nói đến luôn luôn". Con một nhà nợ ở Tân Phụ, Hà Đông, tuổi mới 15, 16, luyện quyền ở đám mồ mả chập chùng của nghĩa địa Các Tiên, hướng về Đông vái ba vái, đọc chú, nói: quỷ ma chết oan đòi mạng, tìm người thế thân. Cứ nói làm nhảm như vậy 8 ngày liền, không ăn uống gì, cứ chạy đến nghĩa địa Các Tiên nằm sấp ngất đi, người xóm lại xem đông nghìn nghịt. Lại như Vương Tử một trẻ em luyện quyền ở lò Gia Trang, tuổi 14, 15 hồng sáng sớm ngày hôm kia lao đến Trung Các đường ở cửa cống, gõ cửa đòi vào, cầm lấy bao tải gai đòi cầm lấy trăm quan tiền, tìm được cái then cửa sắt của hiệu cầm đồ, nắm chặt trong tay, gặp ai đánh nấy, quát nhà hàng cầm đồ phải đánh võ với nó. Người của hiệu cầm đồ thấy nó có vẻ như người điên, đã đưa cho nó một trăm đồng tiền và để cho nó cứ cầm cái then cửa đi. Tiếp đó gọi trưởng xóm lân tìm đến nhà đứa bé, đòi lại then cửa và dặn người nhà trông nom nó cẩn thận. Ai ngờ trưởng xóm vừa đi thì Vương Tử lại phóng như bay, tay cầm cái bao gai, bảo là áo tiên bát quái, đến thẳng cửa hiệu cầm đồ đòi cầm, lấy tiền, phải nhờ nhiều người mới đưa được nó về nhà nó. Nghe nói đứa bé này cứ đi lang thang lúc nhanh lúc chậm ở trong ấp, hầu như không thể chững lại được. Ra khỏi ấp thì chạy lồng lên như con hươu chạy hoảng, bất kì chỗ thấp chỗ cao. Hôm qua đã ra khỏi ấp rơi xuống một cái hố, xuýt nữa chết đuối, người ta vớt lên thì đã thấy đau mất một ngón chân, không biết mất ở đâu vì lẽ gì. tính đến nay nó đã không ăn uống gì đã mười ngày rồi. Thấy

mo thấy thuốc đã dở hết phép mà chẳng ăn thua gì, cứ nói là một ma con gái ám v.v... Quyền thuật hại người thật không thể nói hết. Có người còn tệ hơn nữa, có người luyện quyền, sau khi niệm chú và bùa thì gặp ai đánh nấy, suốt ngày không lúc nào ngơi, kết quả phát điên mà chết"

Sau mấy lần đến huyện Quảng Nam tỉnh Vân Nam khảo sát tại chỗ tục cầu thần nhập xác, tôi đã thu được không ít chuyện như sau: một số người thần kinh vốn bình thường, sau lần tham gia việc "đi âm phủ" và hát "bảy nàng tiên" thì hễ ngửi thấy mùi hương là ngất đi. Ở xã Ngũ Châu có một thầy giáo dân lập tên là Vương Vận Văn, sau khi vợ chết đã "đi âm phủ gặp vợ" nhiều lần do đó thần kinh đại não bị tổn thương nghiêm trọng, hễ đốt hương là ngất đi. Một cô gái của một thôn nọ, một lần một mình ra đồng làm việc, gặp mưa chạy vào hang núi để trú mưa, vừa lúc đó thì đột nhiên có vẻ như lên cơn "t hất cô nương" vì không ai biết mà cứu chữa kịp thời, nên bị chết trong hang.

Vì cầu thần nhập xác nguy hại như vậy cho nên một số dân tộc không phải hễ động có việc là cầu đồng ngay. Ví dụ, bói quá âm (cho hồn lìa khỏi xác tạm thời đi âm phủ) là hình thức bói cao nhất của người dân tộc Miêu bất cứ tật bệnh gì cũng có thể dùng bói quá âm để tìm ra nguyên nhân bệnh. Nhưng người Miêu cho rằng khi quá âm, hồn lìa khỏi xác, người ta nhất thời là cái xác sống, rất có hại cho sức khỏe, rất tổn thọ, hại người, khi lên trời, xuống âm phủ, ngộ nhỡ gặp linh hồn tổ tiên ông bà mình thì sẽ hỏi han thăm viếng, không nở rồi, có khi hồn không về nữa, thế là chết. Vì vậy, nhiều người không dám quá âm, chỉ khi nào gặp hướng đạo quá âm thật giỏi, biết dẫn hồn trở về thì mới quá âm.

Cầu thần nhập xác (thôi miên) có thể chữa được một số bệnh nhưng đối với một số bệnh khác thì nó lại làm nặng thêm, thậm chí vốn không có bệnh mà nó làm ra bệnh.

Ví dụ các bệnh tinh thần phân liệt, một số bệnh tinh thần, tâm thần khác, bệnh tim, bệnh xơ cứng động mạch v.v... Những người có các chứng bệnh đó, nếu cầu thần nhập xác sẽ nảy sinh ảo giác, vọng tưởng, làm rung động tinh thần mà dẫn đến những hậu quả xấu.

TỆ TỤC GIẢNG THẦN TẠO ĐIỀU KIỆN CHO NHỮNG HOẠT ĐỘNG TỘI PHẠM MÊ TÍN BỊP BỌM

Các thầy mo, nhà tôn giáo hoặc một số người có dụng ý xấu đã lợi dụng tâm lý mê tín việc cầu thần nhập xác mà lừa bịp người lành thu lợi lớn hoặc tiến hành những hoạt động bịp bợm khác. Những hiện tượng như thế không thiếu bất cứ ở nước ta hay nước ngoài, thời xưa hay thời nay. Ví dụ sách "Điểm thạch trai thạch ấn họa báo hội đồ thực tích" cho biết. Một mẹ già ở một vùng nọ khoe rằng Linh cô nhập xác mình, đi bói cho người khác lấy nhiều tiền. Một hôm vợ một người nọ, nhân chồng vắng nhà đã mời mẹ đến bói. Mẹ ngồi chưa ấm chỗ thì nghe trong bụng mẹ có tiếng kêu chiếp chiếp mọi người đều kinh ngạc. Mẹ làm ra vẻ ngơ ngác, rồi nghiêng giọng nói, chồng bà có tình nhân ở đất khách, nhưng kiếm cho tôi mười nghìn đồng tiền vàng hương, tôi sẽ làm phép cho bà, ly gián quan hệ của chồng bà với người tình, làm cho ông ấy hồi âm, trở về quê với bà. Người kia bị mẹ mê hoặc nhưng vì nhà nghèo xin giảm tiền vàng hương. Trong khi đang cò kè thêm bớt thì em chồng người đàn bà về nhà, biết chuyện, cười người đàn bà đại và

đuôi mụ bói đi. Nhưng mụ không đi, chửi lại người em chồng cho hai bà già lục khảm trong người mụ thì được hai cái còi và một hình nhân bằng gỗ. Thì ra tiếng chiếp chiếp vừa rồi là do mụ bóp hai cái còi. Mọi người thấy rõ trò bịp của mụ và mụ cũng thấy lời đũa chuột, ôm đầu đi thẳng... Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân ra đời, chính phủ đã nghiêm cấm các tập tục mê tín bao gồm cả việc cầu thần nhập xác. Nhưng mấy năm gần đây do ảnh hưởng của những tư tưởng, thói quen xấu, những tập tục mê tín lại ngóc đầu dậy và bọn người bất lương lại dở ngôn bịp đóng bóng ra kiếm lợi bất chính. Theo "Giải phóng Nhật báo" số ra ngày 21 tháng 2 năm 1987, mấy năm nay tập tục mê tín đã lan tràn ở mười huyện ngoại ô Thượng Hải, thành một mối hại lớn, nhất là ở các vùng tiếp giáp với hai tỉnh Giang Tây và Triết Giang, hoạt động mê tín rất nghiêm trọng. Một số vùng nông thôn ven đường sắt Hàng Châu Thượng Hải, bọn xấu đã "liên hiệp hàng ngang" mưu lợi bất chính. Tạp chí "Xã hội" số 1 năm 1990, tên Cung Bội Hồng ở tổ 1 thôn Lộc Khê xã Lục Tảo huyện Nam Hồi ngoại ô Thượng Hải, đã lập "khán đài" trong nhà tiến hành hoạt động mê tín, trong nhà y thường xuyên có người lui tới "câu tiên" chữa bệnh, tên họ Cung đã qua đó thu lợi lớn. Chỉ tính từ tháng 2 năm 1988 đến nay y đã lừa bịp người ta mà đút túi một vạn nhân dân tệ, chưa kể các loại hoa quả, bánh kẹo, đường sữa v.v... ở nước ngoài, những chuyện dùng trò bịp để lấy tiền không thể hết. Điển hình nhất phải kể đến A-lêch-xan-đơ thời đế quốc La Mã cổ đại. Nhà vô thần luận Liu-san thời đó đã viết bài "A-lêch-xan-đơ - tên tiên tri giả" đã tố cáo tên bịp bợm giang hồ đó một cách sâu sắc.

Bài văn nói rằng A-lêch-xan-đơ khôi ngô, to lớn tướng mạo đường hoàng, có vẻ ngoài của một vị thần. Ông ta có trí nhớ rất tốt,

học văn nguyên bác, có tài nói dối, lừa bịp, mạo hiểm, giỏi ăn nói, vờ lương thiện. Khi còn là một chàng trai trẻ tuấn tú, để có nhiều tiền, y đã không do dự đem bán cái dáng vẻ đẹp đẽ của mình. Trong quan hệ của y với những người theo đuổi y, y quen biết một tên bịp bợm biết ma thuật. Tên bịp kia đã giữ A-lêch-xan-đơ bên cạnh làm người hầu và người giúp việc, truyền dạy ma thuật cho y.

Khi A-lêch-xan-đơ mặt mũi đầy râu rìa, cái vẻ ngoài anh tuấn mà y dựa vào đó để kiếm sống không còn nữa, y bắt đầu rong ruổi khắp nơi làm ma thuật, bịp người. Trong khi đi đây đó, y bắt gặp những người con măng xà to lớn nhưng hết sức hiền lành, thuần dịu có thể đem chúng cho phụ nữ nuôi, có thể ngủ chung với trẻ nhỏ. Y mua về một con măng xà tốt nhất và nghĩ cách làm giàu to với con rắn khổng lồ đó. Y quyết định xây ngôi miếu thần tiên tri lợi dụng tâm lý sợ hãi và muốn giàu sang sung sướng của một số người, triển khai những hoạt động thần bảo, lừa người ta tự đến dâng cúng, biếu tặng vàng bạc. Y chọn quê hương mình, một giải đất cạnh thành A-pô-nô tơ cốt ở bờ nam Bắc Hải làm trung tâm hoạt động, chôn một số tấm biển bằng đồng cạnh ngôi miếu cổ Các-xi-ton, tuyên truyền khắp nơi rằng thần mặt trời và con trai của thần là A khơ lấy phi át sắp giáng lâm và định cư ở A-pô-nô tơ cốt. Tin đó lan truyền đi thế là dân trong vùng lo dựng miếu thờ. Khi cuối trở về quê hương, A-lêch-xan-đơ bình thường rất ít nói, có lúc giả vờ phát điên miệng xui bọ làm người ta phát khiếp. Trong lúc đó, y ngấm khâu một cái đầu rắn bằng vài sợi gai ở trong nhà, để phối hợp với con măng xà đã mua về bịp người lấy tiền. Trong đêm, y ngấm hút rỗng những quả trứng gà, cho vào vỏ một con rắn con, rồi dùng bạch lap bít kín lại. Ngày hôm sau, y cỡi trần vừa đi vừa nhảy ra chợ, đầu bù tóc rối trèo lên tế đàn cao tít, chúc phúc cho mọi người. Mọi người

xúm lại lạy bái thần linh. Lợi dụng dịp đó A-lêch-xan-đơ nói mấy câu không thể nào hiểu được, nhưng luôn nhắc đến thần A-kho-lơ-phi át. Y vừa nói lảm nhảm vừa chạy đến bên một cái hồ bùn cầu xin thần giáng lâm vào thành phố. Y xin các thị dân một cái chén, vươn tay lấy quả trứng dẫu sẵn trông người ra, nói y đã nắm được thần A-kho-lơ-phi-át (vì thần thoại nói thần đã từng hoá thân thành con rắn). Khi mọi người đang nửa tin nửa ngờ, y xé vỡ quả trứng ra, quả nhiên từ trong quả trứng, một con rắn nhỏ bò ra, con rắn không những ngo nguẩy mà còn quấn vào tay y. Sự kiện này lập tức làm náo nức tất cả già trẻ gái trai có mặt tại chỗ lúc đó, họ đồng thanh hoan hô, vui mừng, chào đón thiên thần giáng lâm lúc đó, A-lêch-xan-đơ chạy vội về nhà, chui vào căn buồng nhỏ đã bố trí sẵn cái đầu rắn và con măng xà khổng lồ, Y ôm con măng xà cho nó quấn quanh cổ mình cho đuôi nó quấn qua người vòng qua trước ngực và rồi quét xuống đất, còn cái đầu thì giấu vào nách y, còn cái đầu rắn giả kia thì thò ra cạnh đám râu của y, trông cứ như con rắn có dáng người. Trong căn buồng tranh tối tranh sáng, những con người xúc động kinh ngạc và hy vọng được thiên thần ban phúc lành kia, theo thứ tự lần lượt chen qua gian phòng. Mọi người kinh ngạc nhất là con rắn con lập tức biến thành con măng xà khổng lồ hình người, mà người ta có thể tự tay sờ lên thân và đuôi con rắn khổng lồ. Mọi người hoàn toàn tin tưởng. Tin tức lan nhanh dân các vùng đều đến cầu xin thiên thần phù hộ. Sau khi đã lừa bịp được người A-lêch-xan-đơ bắt đầu phát ra những lời tiên tri và những lời thần dạy. Y yêu cầu mọi người ghi những điều muốn hỏi và nhất là những điều muốn biết vào một cái trục uốn, cuộn lại dùng bạch lap phong kín, đưa cho y đưa vào điện thờ sau đó cho trợ tế lần lượt theo thứ tự mà tuyên bố và đưa cuộn trục cuộn vẫn giữ nguyên lớp bạch lap phong

kín trả cho từng người, trong đó đã có lời giải đáp. Thực ra thì y đã dùng một cái kim dài đã nung nóng mở phong bạch lập ra, theo câu hỏi mà diễn đáp án. Mọi người vô cùng vui mừng và thỏa mãn trước tình hình đó. Cho nên người đến xin chỉ thị của thần rất đông, có người một lần xin hỏi rất nhiều thứ. Mỗi một câu chỉ thị của thần nạp một Đơ-ra-khơ-ma lẻ hai A pô lôt. Số tiền tuy không lớn nhưng tích tiểu thành đại, mỗi năm y thu về 7 đến 8 vạn Đơ-ra-khơ-ma. A-lêch-xan-đơ chia một phần khoản thu nhập đó cho những người hầu hạ, người giúp việc, người dò la tình hình, người biên chép chỉ thị của thần, người làm ấn niêm phong và người giải thích ý thần. Tuyệt đại bộ phận y cho vào túi riêng của y.⁽¹⁾

Ngoài những kẻ lợi dụng mê tín để lấy tiền một số thầy mo, thầy tôn giáo và bọn vô lương khác còn lợi dụng trò bịp cầu thần nhập xác để làm nhục phụ nữ. Theo "Trung san tịch tà kỷ thực" một người nọ ở vùng Tương Đàm ép vợ và con dâu theo đạo thiên chúa... qua kẻ hở trên bàn, người con dâu thấy mẹ chồng ngồi đối diện với giáo chủ vẽ mặt sượng sùng xấu hổ, giáo chủ ngậm nước vào miệng phun lên không rồi cời trần truồng ra nằm xuống đất... làm xong cái trò đồi bại ấy, giáo chủ lại ngậm nước phun, người mẹ chồng lúc đó mới như tỉnh cơn mê. Đây là một tội ác lớn mà giáo sĩ truyền giáo ngoại quốc đã phạm ở Trung Quốc trong lịch sử cận đại. Đầu thế kỷ 20 này, lại có một việc làm rung động cả nước Nhật. "Giáo chủ phụ" của Đại bản giáo là Xuất khản Vương tam Lang, cũng là một tên đầu sỏ tội phạm lợi dụng giáng thần nhập xác để hoạt động phạm pháp. Y thường dùng phép "chấn hồn quỷ thần" để làm nhục phụ nữ, lừa lấy vàng bạc. Những chuyện ghê tởm

⁽¹⁾ "Vô thần luận sử thoại" do Khang Hy Thái chủ biên tiết 4 chương 1, quyển hạ

ấy vẫn tồn tại ở Trung Quốc ngày nay. Những sự thật về mặt này, đã được nêu ra trong "lời dẫn" sách này. Ngoài đó ra, còn có thể dẫn ra nhiều thí dụ khác. Như một gã thầy cúng ở vùng sơn trại vùng núi non biên giới phía nam Tứ Xuyên đã lợi dụng tâm lý muốn có con trai, miệng đọc kinh đọc chú, bịa ra chuyện nói y đã lên tiên, đã gặp Ngọc Hoàng, đã hóa công quả, có thể chữa khỏi bách bệnh, nói láo rằng thần tiên sai y đi giao phối ba năm, chỉ sinh con trai không sinh con gái, để duy trì nòi giống người. Một số phụ nữ đã mắc lừa y. Một vùng nọ ở Triều Dương, Liêu Ninh, một gã lao động cải tạo được thả, vừa 38 tuổi tự xưng là Thần hán trăm tuổi, khoe rằng có thể gọi đại tiên nhập xác, rồi lại nhập vào phụ nữ, thì có thể chữa khỏi mọi bệnh của phụ nữ và làm cho người đó sống lâu. Những trò bịp thô lậu vùng về đến thế mà vẫn có người tin. Một đảng viên nông thôn đã mời "thần hơn trăm tuổi" kia về "chữa bệnh" cho vợ và đưa con gái vừa thành niên của mình, để cho y chà đạp nhân phẩm vợ con.

Dùng trò bịp cầu thần nhập xác để làm hại người chống lại mình hoặc kẻ thù của mình cũng là một trò bịp quen dùng của các thầy mo hoặc của kẻ có dụng ý xấu. Ví dụ Mi-man-chai ở Man-kinh-tai, châu tự trị dân tộc Tái ở xi-xoang-ban-na, vốn là người Ma-chai, năm 1944 bị vu là quỷ tì bà⁽¹⁾, bị đuổi khỏi Man-chai-mi. Man-chai xin được cư ngụ ở Man-kinh-tia, người đứng đầu Man-kinh-tai đồng ý, nhưng đòi Mè-man-chai phải sấm gà, lợn cúng ma. Mi-man-chai nuốt nước mắt vay người đứng đầu tiền mua một con lợn, 20 con gà, 10 bát rượu, 20 đôi nến để tế ma trai. Thế là sau đó cả nhà Mi-man-chai phải đi làm không công cho người cầm đầu

⁽¹⁾ Người bị quỷ tì bà ám, có thể hại người.

trại, để trừ nợ. Sau nấy năm vất vả cả nhà Mi-man-chai coi như đã trừ hết nợ, lại đào được một cái ao lớn để thả cá và trồng được một đám cây lồng đèn (?). Sau cải cách ruộng đất, Mi-man-chai không phải nghe theo sự sai bảo của địa chủ nữa. Địa chủ Trách Nham Thiêu rất ức vì việc đó, lại muốn chiếm đoạt cái ao thả cá và vườn cây lồng đèn của Mi-man-chai, thế là tìm mọi cách để làm hại Mi-man-chai. Năm 1959, cô gái Ngọc Han của Mi-man-chai ốm. Trách Nham Thiêu liền tung ra dư luận nói Mi-man-chai là ma tì bà, chính là Mi-man-chai làm Ngọc Han ốm, nhưng rất may là Ngọc Han chóng khỏi, cho nên Trách Nham Thiêu không thể đuổi ma tì bà Mi-man-chai được. Tuy vậy, tên địa chủ vẫn đòi Mi-man-chai mua một con lợn, 20 con gà, 20 quả trứng để cúng ma. Năm 1963, Ngọc Khiếu Bính ốm, Trách Nham Thiêu liền xúi dục Ngọc Khiếu Bính cầm một nắm xôi, trong đó kẹp một đồng bạc thật đến nhà Mi-man-chai. Cùng lúc đó, bọn địa chủ phú nông khắp trại đều nói Mi-man-chai là quỷ tì bà và rồi suốt cả đêm hòa nhau đến dỡ nhà Mi-man-chai, đuổi cả 4 hộ thân thích của Mi-man-chai ra khỏi Mạn-kinh-tại. Thế là Trách Nham Thiêu chiếm được đám rừng cây lồng đèn và cái ao cá của Mi-man-chai...

Dân tộc Cảnh Pha cũng có loại quỷ ác gọi là quỷ tỳ bà. Người ta đồn loại quỷ ác này thường ám các phụ nữ trung niên, ban đêm ra đường cản người. Người bị quỷ ấy cản sẽ sinh bệnh, phải giết lợn mổ bò cúng ma. Người ta nói, ai gặp loại quỷ đó phần lớn bị cản chết, do đó người Cảnh Pha rất sợ giữ tỳ bà. Nếu thấy mơ nói quỷ đó ám vào ai, thì người đó sẽ bị đuổi ra khỏi trại. Cô gái nào bị loại quỷ đó ám thì suốt đời không được lấy chồng, có khi người bị quỷ tỳ ám mà bị giết chết. Theo tài liệu điều tra lịch sử xã hội dân tộc Cảnh Pha, thì ở trại Bang Ngõa, huyện Lũng Xuyên, tỉnh Vân nam, con

trai của Sơn quan Tảo Đồ ốm, thấy mo gieo bói nói bị hai người đàn bà trại dưới bị quỷ tà bà ám cần phải. Mặc dầu đã giết bò cúng ma, người đó cũng vẫn chết. Tảo Đồ nổi giận cầm súng đến nhà hai người đàn bà kia, bắn chết 3 người nói là bị quỷ tà bà ám. Những phụ nữ bị thấy mo nói là bị quỷ tà bà ám, phần lớn là những người không được thầy mo ư.

Dân tộc Bạch có loại quỷ gọi là quỷ âm mưu. Nghe nói loại quỷ này bám vào người nào thì người đó sẽ có bản lĩnh đưa người khác đến chỗ chết. Nếu người bị quỷ ám kia viết họ tên ai đó vào một mảnh giấy, vẽ bùa lên rồi đốt đi, thế là người đó và không chết cũng ốm nặng. Có điều là chính người bị quỷ âm mưu ám cũng không tự biết được là mình bị quỷ ám mà phải do thầy mo tính ra mới biết. Trước khi thăm bệnh, thầy mo lấy một ít xương tóc người hoặc một chiếc giày rách vứt xuống ao hay chôn xuống đất, xong rồi thầy mới thăm bệnh, đọc chú, cầu thần. Khi thần đã nhập vào người rồi, sẽ đi mò ở ao hay đào đất, khi phát hiện được xương người tóc người, thầy mo muốn vu cho ai là quỷ âm mưu thì người đó lập tức bị coi là quỷ âm mưu.

Qua đây có thể thấy, cái gọi là quỷ âm mưu, hoàn toàn là do thầy mo phịa ra để hại người, là một thủ đoạn hèn hạ để làm hại người mà thầy không sai bảo được hoặc có thù oán gì với thầy mo. Xưa kia, trong những thôn làng của dân tộc Hà Nhì, hề có người ốm, là đi mời thầy mo chữa bệnh. Thấy mo thường qui tội gây bệnh cho một phụ nữ nào đó trong làng. Người bị vu cáo có thể bị đánh chết ngay tại chỗ. Họ là những người thấy mo thù ghét.

Trong quan niệm của dân tộc Lê, có một loại phụ nữ bị "quỷ cấm" (quỷ hại người) ám, người ta gọi những phụ nữ đó là "mụ

cấm". Những phụ nữ bị quỷ cấm ám (phần lớn là trung niên hoặc nhiều tuổi), đều không biết mình bị quỷ ám. Loại quỷ này thường lìa xác mà đi lang thang ở nhà người khác hoặc ra đường tìm mỗi muốn bắt ai thì "tung cái bao cấm" lên người đó, thế là người đó bị ốm. Xưa kia, trong thôn trại hề phát hiện được "mụ cấm" thì người ta xúm lại lẳng nhục hoặc trừng phạt đến chết. Có ba cách trừng phạt: Một là người đầu trại phạt đứng ra cùng với lũ cấp dưới công khai giết chết. Hai là gia đình "mụ cấm" phải giết trâu đen, chó đen, gà đen lấy máu, gọi là "ba loại máu đen" (tam hắc huyết), nhờ "đạo công" (loại đầu mục cấp dưới người đầu trại?) rửa sạch linh hồn, tức là khua chiêng, đánh trống, tưới máu đen lên người để đuổi quỷ. Ba là, khênh "mụ cấm" ra suối mà ngâm, trên đường đi dùng thương phấn (?) mà đánh vào giá võng, băng ca. Khi ngâm xuống nước, phải lột hết áo quần, cho trôi theo nước, rồi dùng áo quần mới sạch mặc cho. Ngâm rửa xong thì nhà phải đóng cửa ba ngày, để trở thành người đàn bà linh hồn trong sạch. Những người bị chỉ là "mụ cấm" là những người bị "đạo công" thù ghét.

Những hiện tượng vì chữa bệnh bằng cầu thần nhập xác mà chết đã xảy ra không ít. Ví dụ, ở ngoại ô Thượng Hải có một nông dân mắc một chứng bệnh khó chữa, một bà mo nói "bảo đảm chữa bệnh này". Sau hai tháng chữa trị, người bệnh đã chết trong khi chữa. Một cô gái làng Ngõa Tà, huyện Ninh, tỉnh Cam Túc bị đau ruột thừa cấp tính ở nhà mời bà mo "pháp quan" chữa 3-4 ngày, kết quả bệnh tình nặng thêm, đã chết trên đường chuyển đến bệnh viện. Đương nhiên, có nơi người ta đã giết chết thầy mo vì chữa làm chết người. Ví dụ, dân tộc Lạc-Ba có loại thầy mo gọi là "Nữu bố" Nếu nhiều lần cầu thần chữa khỏi được bệnh thì tiếng tăm lừng lẫy, được tín nhiệm. Nhưng người cầu thần mà chết, "Nữu bố" "sẽ bị coi là đã

ăn mất người bệnh", vì "Nữu bố" đã biến thành quỷ ác rồi. Thế là Nữu Bố không những bị căm ghét, mà thường thường còn bị giết chết. Tương truyền dân tộc Nô có một loại thầy mo gọi là "Ni-Ma". Các thầy mo này có thể dùng mắt thường mà thấy được các loại yêu ma hại người, lại có thể biết rõ tình hình đời sống dưới âm phủ của người đã chết. Vì thế các thầy mo này không những có thể xem bệnh chữa bệnh cho người ốm mà còn có thể xuống âm ty tìm bắt hồn phách đã mất đi đem về. Do đó, thầy Ni-Ma cũng có thể hại người, bắt hồn người để người ta phải chết. Nếu ai đêm ngủ mơ thấy chim sẻ bay đến, sáng sớm hôm sau lại gặp Ni-Ma, hoặc là trong khi ốm đau, thậm trí thất thường, gọi tên một Ni Ma nào đó, thế là những người đó sợ hãi cho rằng linh hồn đã bị Ni Ma bắt mất rồi, phải mời một Ni Ma khác chiêu hồn cho. Vì Ni ma có thể chữa bệnh, hoàn hồn, lại vì Ni ma, có thể bắt mất hồn, và chữa bệnh thì đòi nhiều tiền, cho nên người ta nói chung thường có tâm lý xa lánh Ni ma giữ thái độ "kính nhi viễn chi". Trong lịch sử đã từng có chuyện vì nghi ngờ Ni Ma bắt hồn, do đó mà đánh đuổi Ni Ma, giết chết Ni Ma.

Những hiện tượng trừng phạt thầy mo đã được nghe nói nhiều trong các dân tộc nguyên thủy ở nhiều nơi trên thế giới. Vì thầy mo có ma lực lớn, người ta nể sợ. Một cộng đồng càng cảm thấy được lực lượng của thầy mo lớn thì càng cần đến lực lượng đó. Vì vậy, địa vị của thầy mo trong xã hội thường được thừa nhận là đặc biệt, nhưng vì lực lượng siêu phàm đó của thầy mo, người ta khó mà chịu đựng được, do đó thầy mo lại thường bị phản đối, thậm chí bị làm hại.

Đương nhiên chúng ta không thể coi việc các thầy mo dùng được các thủ đoạn bịp bợm là trách nhiệm mà chỉ riêng các thầy mo

phải gánh chịu. Chúng ta phải biết rằng, các thầy mo bịp được người ta, còn vì người ta ngu muội. Câu chuyện người đảng viên nông dân tin lời tên tội phạm, coi nó là "thần hán trăm tuổi" đem vợ con cho nó hại đã nói lên, cho thấy rõ điều đó. Càng đáng buồn hơn nữa, mẹ con người đã bị tên "thần hán trăm tuổi" kia dày đạp lại "cảm thấy tốt đẹp"! Sự ngu muội đã đến độ không còn biết sỉ nhục là gì? Tháng 2 năm 1980, ở Tứ Xuyên đã xảy ra một vụ án nghiêm trọng, dùng thủ đoạn mê tín lừa bịp lấy tiền và giết chết một lúc 13 người của hai gia đình, vụ án đã xảy ra ở huyện Kỳ Giang tỉnh Tứ Xuyên. Vụ án chứng tỏ sự ngu muội đã đưa đến kết quả bi thảm thế nào. Tên tội phạm Tạ Hiến Cát tự xưng là "khôi tinh xuống trần", "thường xuyên qua lại giữa trần gian với thượng giới, báo trời những việc thiện ác của trần gian và phổ độ chúng sinh". Bí thư công xã A-liệt huyện Chúc Kim là Trương Thịnh Hoàng và công nhân công ty thăm dò địa chất mỏ than Quý Châu là Trương Thanh Hồng hết sức tin lời bịp bợm của tên Tạ Hiến Cát lo sợ việc bịp người lấy tiền của y bị bại lộ quyết định dùng câu chuyện hoang đường "lên trời thành tiên" đưa cả hai gia đình họ Trương ngu muội kia đi giết. Hai kẻ họ Trương ngu xuẩn tin lời bịp, cùng với nó tổ chức đưa vợ con "lên trời thành tiên". Kết quả 8 đứa con cả trai lẫn gái của Trương Thịnh Hoàng bị lừa vào một cái hang núi giết sạch. Hai đôi vợ chồng thì bị tên Tạ trói chặt bằng thừng, buộc thêm đá, đẩy xuống sông sâu. May sao Trương Thanh Hồng khi vừa rơi xuống nước thì chợt tỉnh, cố sức dấy thoát được, tố cáo với chính quyền. Tên Tạ bị xử tử theo luật pháp.

Vụ án "máu thần tiên" mà báo "Pháp chế Tứ Xuyên" đưa tin thật đáng cho mọi người suy nghĩ: Một nông dân huyện Lăng Trung tự xưng là "Ngọc hoàng đại đế" phong cho mẹ là "Vương

Mẫu nương nương", chị gái là "Vương Diệu Chân", đứa con lớn 13 tuổi là "Đại tướng quân" đứa con trai bé lên tám là "Tiểu hoàng đế" và định đưa tất cả lên trời. Cơm no rượu say, chải chuốt trang điểm xong, "Ngọc hoàng đại đế" đem cả đám "quần tiên" nằm xếp hàng liền nhau dưới đất đập chết, xéo chết. Vợ y, em trai y, tất cả 3 người không chịu được, chạy thoát được, "Ngọc hoàng đại đế" chưa kịp vào Linh lôi điện đã phải vào nhà lao. Đáng buồn là, không ít người trong làng cho rằng chỉ vì công phu tu luyện chưa đủ, nên lão ta chưa lên trời được!

Bên cạnh những tổn thất vừa kể trên, phải tính đến những lãng phí rất lớn do tục cầu thần nhập xác gây ra. Sách "Chính đức quỳnh đài chí" nói rằng Đông Pha (Chu Đông Pha, tức Tô Thức nhà chính trị, nhà văn lớn đời Tống-ND) nói, dân địa phương "ôm không uống thuốc, chỉ giết bò cúng lễ, có nhà giết đến mười mấy con, người chết vẫn không thể sống lại. May mà không chết, thì của cải cũng về tay thầy mo" Sách "Hắc long giang chí cảo" cũng nói xưa kia cầu thần". Thần nói tế bằng ngựa thì giết ngựa, tế trâu thì giết trâu, tế cừu thì giết cừu, thường giết rất nhiều mà người ốm vẫn chết, nhà cũng khánh kiệt". Đến nỗi một số người hiểu biết phải kêu lên: "Đừng bảo cầu thần mà thiệt bữa ăn thường".

Ngày 29 tháng 3 năm 1990, xã Đại Dao huyện Lưu Dương tỉnh Hồ Nam làm lễ đón tiếp Khâu tiên cô, số người tham gia lên đến 7000 người, đội ngũ 6-7 người một hàng xếp dài đến 2 km, cờ màu cỡ to 500 lá, hương án, kiệu thần 20 bộ. Từ 5 giờ sáng đến 10 giờ đêm, đoàn rước tế đi qua 32 thôn thuộc 3 xã, trên chặng đường hơn 50 km, hết 17 tiếng đồng hồ. Trong đoàn người đi rước, có đảng viên, đoàn viên, cán bộ về hưu. Trước những hoạt động mê tín

như vậy, các ngành các cấp vẫn bật đèn xanh, nông dân bỏ cây bừa, học trò bỏ học, nhà máy pháo hoa cấp cho mỗi công nhân viên chức một nghìn quả pháo đỏ... Những khoản lãng phí lớn do hoạt động cầu thần nhập xác như vậy gây ra ở Trung Quốc xưa nay không ít, ngay cả nước Trung Quốc ngày nay cũng không phải diễn ra ngẫu nhiên và chỉ ở một vài nơi. Nó diễn ra nhiều không chỉ ở những vùng biên giới lạc hậu mà ở cả những vùng đã thoát khỏi nghèo đói, bắt đầu bước lên đoạn đường no đủ, nhưng vẫn chưa thoát khỏi ngu muội, mức độ lãng phí của nó, có thể tưởng tượng mà thấy được.

TỆ TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC THỨC ĐẨY SỰ HÌNH THÀNH VÀ DUY TRÌ TÂM LÝ MÊ TÍN

Tệ tục cầu thần nhập xác và những “thể nghiệm thần bí” của nó đã có tác dụng thúc đẩy sự hình thành và duy trì tâm lý mê tín.

1. TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC VỚI SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ MÊ TÍN CỦA NHÂN LOẠI THỜI XA XƯA

Sự hình thành và phát triển tâm lý mê tín của loài người từ thời xa xưa, theo một số nhà nhân loại học là do sự hiểu sai của người nguyên thủy về giấc mơ, những hiện tượng lạ, những ảo giác, những cơn điên và những hiện tượng khác cùng loại. Kết quả nghiên cứu về tôn giáo nguyên thủy, xã hội sử nguyên thủy, nhân loại học văn hóa cổ đại cho thấy, quan điểm đó về cơ bản là đúng. Nhưng quan điểm đó chung chung quá. Tác giả cho rằng, sự ra đời, phát triển của tâm lý mê tín của loài người thời xưa, có thể chia làm hai giai đoạn, một là giai đoạn phát sinh sơ bộ, hai là giai đoạn hình thành toàn diện. Trong giai đoạn thứ hai, “Những thể nghiệm thần bí của việc cầu thần nhập xác có tác dụng tăng cường sự hình thành

toàn diện tâm lý mê tín của nhân loại thời kỳ đầu. Nói cụ thể hơn, ở giai đoạn phát sinh sơ bộ tâm lý mê tín của nhân loại, vì người ta cho rằng những giấc mơ, những ảo giác, những cơn điên và những hiện tượng lạ như động đất, lụt lội, núi lửa phun lửa v.v... là do một lực lượng thần bí nào đó tạo ra, do quỉ thần điều khiển, và tưởng rằng có một thế giới quỉ thần. Cho nên mới nảy sinh tâm lý mê tín quỉ thần. Nhưng sự mê tín quỉ thần ở giai đoạn này chủ yếu là xuất phát từ tâm lý sợ hãi (trong đó đương nhiên cũng chứa đựng cả những sự cầu khẩn vu vơ). Trong những hiện tượng lạ nói trên, trong ý nghĩ của người nguyên thủy, quỉ thần xuất hiện dưới hình ảnh những kẻ gây ra nguy hại, mà chưa thấy những tác dụng "thiện" thể hiện đối với con người, mà chỉ tạo ra sự hủy hoại đối với tự nhiên. Điều này tuy chưa ảnh hưởng trực tiếp đến sự mê tín của người nguyên thủy đối quỉ thần, từ sự sợ hãi, người ta cũng có thể mê tín quỉ thần, trái lại rõ ràng đã ảnh hưởng đến sự sùng bái quỉ thần hơn nữa, bởi vì sự mê tín, sùng bái quỉ thần không chỉ vì sợ hãi, mà còn xuất phát từ chỗ mong có lợi. Hướng gì sự sản sinh và phát triển tâm lý mê tín của loài người thời nguyên thủy tất cả chỉ xây dựng trên cơ sở tưởng tượng. Thế giới quỉ thần mà họ tưởng tượng cũng không phải là hoàn thiện. Tuy thế, cùng với sự xuất hiện tục cầu thần, đi âm phủ v.v... xuất hiện, người ta không những thấy quỉ thần tạo ra được những kỳ tích chữa bệnh, trừ hoạ, dự báo tương lai v.v... cho người, mà còn thấy được người và quỉ thần có thể giao lưu trong thế giới quỉ thần siêu tự nhiên. Điều này khiến cho tâm lý mê tín quỉ thần phát triển từ sự sợ hãi sang sự sùng bái, vừa sợ hãi vừa kính nể. Cơ sở của tâm lý mê tín không chỉ còn lại sự tưởng tượng, mà còn có cả những "thể nghiệm chân thực". Trên cơ sở mới này, thế giới quỉ thần phong phú hơn, hoàn thiện hơn. Rất có thể thế

giới quỷ thần và những đề tài thần thoại liên quan đến sự chết chóc đều là kết quả của những thể nghiệm của người cầu thần nhập xác: Trong trạng thái xuất thần, người ta du lịch đến thế giới khác. Những chỗ họ đã qua, những người họ đã gặp ở đó, họ đã miêu tả tỉ mỉ. Vì thế cái thế giới u minh chưa biết và đáng sợ kia đã có hình dạng, và được tổ chức theo một hình thức đặc thù nào đó, cuối cùng thể hiện ra một kết cấu nào đó, cùng với thời gian, nó dần dần được người ta quen biết và chấp nhận. Trái lại, những cư dân siêu tự nhiên của cái thế giới u minh kia cũng trở nên có thể trông thấy được, chúng đều có một hình dạng, một nhân cách nào đó, thậm chí xây dựng lên cả một bộ truyện ký. Cứ thế, lâu dần, thế giới u minh không còn là không thể biết được nữa. Những lời kể lại những cuộc du lịch thế giới thần linh của các thầy mo và của những người cầu thần nhập xác đã có tác dụng rất lớn đối với việc "tinh thần hóa" thế giới u minh. Cái thế giới ấy không ngừng được làm phong phú thêm bằng nhiều hình thức và nhân vật kỳ diệu ⁽¹⁾. ví dụ cảnh quan thiên đường và vị thần bảo vệ thể hiện trong thần thoại Côn Lôn nước ta rất có thể là những thể nghiệm ảo giác của các thầy mo cổ đại được ghi chép lại. Vì Cốc thần nói là được trông thấy trong khi làm "Miêu gia đạo" của dân tộc Miêu chưa hẳn hoàn toàn là bịa đặt mà rất có thể là một "hình chiếu tâm linh" (ảo ảnh), mà cũng có thể là một ảo ảnh khách quan, càng làm cho người ta tin rằng có một vị Cốc thần thật, càng làm cho người ta sùng bái Cốc thần hơn nữa. Thực chất của "thế giới quỷ thần" là như vậy. Lại như những chuyện kể về thể nghiệm xuất thần trong một số sử thi và Xa-man trong văn học truyền miệng dân gian của Xi-bê-ri, Trung Á,

⁽¹⁾ "Thần bí chủ nghĩa vụ thuật dữ văn hoá phong thượng" trang 49-50.

Pölinixia và các bộ lạc Bắc Mỹ có nhiều chỗ rất giống nhau, ví dụ để triệu được linh hồn người chết trở về, Xa-man phải vượt nghìn gian khổ, xuống tận địa ngục, các anh hùng sử thi cũng phải chịu đựng muôn nghìn gian nguy thử thách mới tìm được linh hồn người chết trở về. Ec-phut đã phải vượt qua bao nhiêu nguy hiểm khó khăn mới tìm được và đưa được linh hồn vợ trở về là một ví dụ.

Chính là dưới tác dụng tăng cường của những "thí nghiệm "Thần bí" trong tục lệ cầu thần nhập xác mà tâm lý mê tín mới hình thành toàn diện.

2. SỰ LAN TRÀN VÀ DUY TRÌ TỤC LỆ CẦU THẦN NHẬP XÁC VÀ TÂM LÝ MÊ TÍN

Nhìn lịch sử Trung Quốc và nước ngoài qua các thời đại, thì thấy tác dụng của quỷ thần không phải lúc nào và ở đâu cũng linh nghiệm. Tác hại của sự mê tín không thể nào kể hết. Những thủ đoạn lợi dụng mê tín không ngừng được vạch trần. Thế mà, đến nay, trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21, tâm lý mê tín vẫn còn đất sống. Tại sao vậy? Nguyên nhân của hiện tượng này rất nhiều. Sự phát triển cao của kinh tế hàng hóa làm cho cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Dịp may vận rủi của người ta thay đổi trong chốc lát và đời sống của người ta ở đâu, lúc nào cũng trở nên bấp bênh, người ta chỉ còn gửi gắm hy vọng vào sự phù hộ của thần linh và vận may trong kiếp khác. Thế là tư tưởng tôn giáo có điều kiện đi sâu và cắm rễ sâu trong tâm lý người ta. Ở nước ta, di độc mê tín phong kiến chưa được quét sạch, văn hoá khoa học còn rất lạc hậu. Ở nước ta, từ lâu đã hình thành một quan niệm "thần linh vô tội", vì thế nếu cầu thần mà không được thì cũng không bao giờ dám đổ lỗi cho thần mà chỉ quay lại "kiểm tra mình, trách cứ mình". Cần phải nói

thêm rằng, sự trỗi dậy và phát triển của tệ tục cầu thần, đến những thể nghiệm thần bí, do đó đã làm tăng thêm tâm lý mê tín. Đây cũng là một nhân tố quan trọng không thể coi thường làm cho tâm lý mê tín lan tràn và phát triển. Điều này thể hiện ở:

Trước hết, cùng với sự phát triển của nhân loại, tục lệ cầu thần, dưới tác dụng của các thầy mo, các nhà tôn giáo, đã từ hình thức "khiêu thần" thời viễn cổ, dần dần phát triển sang các hình thức "tẩu âm", "phù ki", "vũ tiên đồng", "xướng thần tiên", "thỉnh lam thần", "viên quang", "nhập định", "tiểu chuyển bản", "linh vận bản", "khuyh trắc thuật", "hội giáng thần" v.v... rất phong phú. Một phần các hình thức này không chỉ tồn tại phổ biến ở nước ngoài mà được bảo tồn khá hoàn chỉnh ở một số vùng nông thôn nước ta, ngay cả ngày nay. Mấy năm gần đây, những hoạt động ấy còn phát triển lên nữa. Nếu nói rằng với tục "khiêu thần" cổ đại, chỉ có các thầy mo là có thể nghiệm về thế giới quỷ thần, thế thì, sự xuất hiện của các hình thức đa dạng vừa kể, rất nhiều người có thể thể nghiệm được sự tồn tại của thế giới quỷ thần, tâm lý mê tín lan tràn mạnh mẽ. Theo tài liệu điều tra, ở nước Mỹ cứ 5 người dân thì có 4 người đã từng có thể nghiệm tâm lý từ linh cảm đến đối thoại với người chết. Ở Mỹ cũng vậy, ở các nước Phương Tây khác cũng vậy. Số người tin đạo ở Phương Tây số dĩ nhiên như vậy, ngoài nguyên nhân xã hội ra, còn có quan hệ với tình hình trên.

Thứ nữa, sự phát triển và có thêm nhiều dạng thức cầu thần đã làm cho một số người vốn không tin hoặc nửa tin nửa ngờ, do tác dụng kích thích trực quan mà thay đổi lập trường hoặc càng mê tín hơn. Đó cũng là nguyên nhân lan tràn và duy trì tâm lý mê tín. Ví dụ theo tài liệu điều tra, ở nước ta một số người từ chỗ nửa tin nửa

ngờ đến chỗ hoàn toàn tin, chỉ vì nguyên nhân họ thấy trong "vũ tiên đồng", có người không học hành gì mà biết múa quyền đánh côn, trong "xường thất cô nương", có người không học hát mà biết hát, trong "đầu âm quyền", có người sau khi cầu thần nhập xác, "sức khỏe tăng lên gấp mấy lần lúc bình thường", sau lên đồng, một số người có sức chịu đau kỳ lạ và những hiện tượng kỳ lạ khác như đũa tự nhiên nhảy múa trong trò "cầu thần đũa" v.v... Chính là tác dụng kích thích trực quan của những hiện tượng "thần bí" đó đã làm nhiều người thay đổi thái độ từ nửa tin nửa ngờ đến chỗ tin hoàn toàn. Một học giả Đài Loan đã hỏi một số tín đồ đạo Nhất quán rằng yếu tố gì đã làm cho họ tin đạo, có đến 70% số người được hỏi trả lời là vì họ tận mắt thấy những hiện tượng kỳ lạ trong "phù kỳ". Có nhiều thí dụ cho thấy có người chưa tin hẳn, thậm chí chưa bao giờ tin quí thần, chỉ vì tai nghe mắt thấy những hiện tượng kỳ lạ, thần bí nào đó trong những cuộc cầu thần mà thay đổi thái độ.

Quyển 6 sách "Cận ngũ thập niên kiến lục" của Chu Vận Dung kể: "Ông Lư họ ta, xưa nay không tin vu thuật. Ông từng đến nhà người tá điền họ Trần ở thôn Ngưu Lộ vào lúc nhà này mời thầy cúng cầu hồn ông bố đã mất. Ông Lư chưa vào đến nhà người kia thì thấy cúng nói với chủ nhà họ Trần ở sân rằng: "Ông chủ họ Chu sắp đến, hãy chuẩn bị trà nước đón tiếp và giao nạp 14 đầu 3 thùng thóc tô". Chủ nhà cười là nói vu vơ nhưng cũng lấy làm lạ là tại sao thầy cúng lại biết số tô phải nạp. Đến khi ông Lư vào đến nhà thì mọi người đều kinh ngạc cho thấy cúng là thần. Ông Lư hỏi việc gì mà lộ lên thế? Người tá điền họ Trần kể lại sự việc, ông Lư cũng lấy làm lạ. Từ đó ông Lư rất tin vu thuật còn hơn cả người khác". Tạp chí "vũ trụ phong" (số B) đưa tin, một "người vô thần"

nhất quán, sau mấy lần nghe kể chuyện về phù ky, đã tò mò đến tận nơi xem, sau đó bênh vực cho hoạt động phù ky.

Năm 1955, giáo sư danh dự khoa Hóa học, trường đại học Pen - xin - va - ni a, nước Mỹ tên là Rô - bốt - Halơ đã xuất bản một quyển sách rất không bình thường. Tên gọi đầy đủ của cuốn sách là: "Nghiên cứu thực nghiệm về hiện tượng quỷ thần đã chứng minh sự tồn tại của quỷ thần và sự giao lưu giữa quỷ thần với người sống: Học thuyết thế giới quỷ thần và thiên đường, địa ngục, đạo đức và thượng đế và ảnh hưởng của kinh thánh đối với đạo đức tín đồ Cơ đốc giáo." Bộ sách này là một mớ tạp phí lù lỏn về nghiên cứu tâm linh và thần học. Trong sách, Hai - lơ đã kể ông đã bắt đầu nghiên cứu về tâm linh như thế nào, kết quả từ là một người hoài nghi học thuyết vô thần mà biến thành một tín đồ ngoan đạo. Không những ông đã kể lại những biểu diễn xuất sắc của những người cầu thần, mà ngay bản thân ông ta cũng biến một người cầu thần. Những người nói trên đã thay đổi lập trường từ không tin quỷ thần sang tin quỷ thần, qui đến cùng là có những nguyên nhân xã hội, nhưng không chỉ giản đơn đưa ra nguyên nhân xã hội là đủ. Nếu nói rằng nguyên nhân xã hội đã khiến một số người có tâm lý mê tín, làm tâm lý đó lan tràn và duy trì lâu dài thì chưa đủ, bởi vì nếu không có sự trỗi dậy của tục cầu thần không phát triển phong phú và có những thể nghiệm thần bí thì tình hình trên sẽ xuất hiện chậm hơn nhiều. Chính là vì tục cầu thần nhập xác đã tạo ra những tác dụng kích thích trực quan và thể nghiệm thần bí và vì ảnh hưởng của tâm lý "quỷ thần vô tội", cho nên tác dụng của quỷ thần không linh nghiệm là chuyện thường thấy mà người ta vẫn tin quỷ thần, chỉ chú ý đến những chuyện linh nghiệm mà không nhấn mạnh những trường hợp không linh nghiệm. Như nhiều lời tiên đoán của những

kẻ cầu thần, phần lớn những người nói lấp lửng, giải thích thế nào cũng được, làm nhiều người tin là đúng, còn cái phần không được thực tế chứng minh thì người ta quên, không nói đến. Thậm chí có người cầu thần để mong tránh được tai họa, gặp phúc may mà không kết quả gì, thậm chí có người chết ngay trong khi thấy mo đang giở trò phù phép, thế mà người ta lại khẳng định đó là ý trời, hoặc lại qui tội cho người gặp họa: "bình sinh có tội, không được quỷ thần tha thứ", có người lại qui tội không thành kính tin tưởng hoặc đã có điều gì "bất cung" với quỷ thần, ví dụ phải chăng mình đã vi phạm điều cấm kỵ gì, hoặc phải chăng thấy cúng đã làm sai chỗ nào.v. v... mà chưa bao giờ nghi ngờ sự linh nghiệm của quỷ thần, không hề giảm lòng tin và sự sùng bái đối với quỷ thần. Như vậy gọi là "bên trong kiểm điểm tự trách mình", "bên ngoài tìm những hiện tượng khác thường". Vì những lý do trên, tác giả cho rằng, ngoài nguyên nhân xã hội, còn một nguyên nhân quan trọng khác nữa: sự ngóc đầu dậy của tục cầu thần, sự phát triển phong phú của các hình thức cầu thần, làm cho càng nhiều người nghe thấy nhiều hơn về thế giới quỷ thần và có thể nghiệm thần bí, do đó tăng thêm tâm lý mê tín. Bởi vì , trong tình hình nước ta hiện nay, tục lệ cầu thần nhập xác đang có cơ ngóc đầu dậy ở một số vùng nông thôn, làm thế nào để ngăn chặn, triệt tiêu ảnh hưởng tăng cường tâm lý mê tín do những hoạt động cầu thần nhập xác tạo ra.

9

NHỮNG CƠN ĐIÊN NHẢY MÚA, NHỮNG ĐỢT IT-STÊ-RI, THUỐC TẠO ẢO GIÁC VÀ NHỮNG CÁI KHÁC

*(nguồn gốc, sự hình thành,
sự truyền tiếp và sự lan rộng của tục cầu thần)*

Nguồn gốc, sự hình thành, sự truyền tiếp và sự lan rộng của tục cầu thần nhập xác là một vấn đề rất khó. Cho đến nay, chưa có học giả nào khảo cứu chứng minh. Vì tục giáng thần nhập xác có thể là có nguồn gốc từ xã hội thị tộc mẫu hệ khi chưa có chữ viết, những người dân nguyên thủy chưa có thể ghi lại sự thật lịch sử ấy. làm cho ngày nay chúng ta hoàn toàn không có tài liệu gì về nguồn gốc của tục cầu thần, gây khó khăn rất lớn cho chúng ta trong việc tìm hiểu nguồn gốc, sự hình thành, sự truyền tiếp và lan rộng của tục cầu thần thời nguyên thủy. Chúng ta chỉ có thể dựa vào thành quả nghiên cứu của các khoa lịch sử xã hội nguyên thủy, lịch sử tôn

giáo nguyên thủy, khảo cổ học, dân tộc học, văn hóa nhân loại học để đưa ra một số suy đoán.

THỜI KỲ KHỞI NGUỒN VÀ THỜI KỲ HÌNH THÀNH TỤC CẦU THẦN

1. TRUNG KỲ XÃ HỘI THỊ TỘC MẪU HỆ - THỜI KỲ KHỞI NGUỒN CỦA TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

Tục cầu thần nhập xác rất có thể là ra đời cùng với sự ra đời của các thầy mo. Vì thế, tìm hiểu thời kỳ khởi nguồn của tục cầu thần nhập xác không thể không nói đến thời kỳ khởi nguồn của thầy mo.

1) Về thời kỳ lịch sử thầy mo ra đời¹¹⁾

Vì vấn đề thầy mo ra đời từ bao giờ, quan điểm của các nhà khoa học không nhất trí. Có người cho rằng quan niệm quỷ thần ra đời thì thầy mo ra đời; có thuyết cho rằng thầy mo ra đời vào trung kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ, có thuyết lại cho rằng vào văn kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ, có người lại cho rằng sơ kỳ xã hội phụ hệ cũng chưa có thầy mo, đến văn kỳ xã hội nguyên thủy thì thầy mo mới phân hóa từ trong các tù trưởng... Tác giả tán thành quan điểm của giáo sư Tống trong sách "thầy mo và vu thuật" cho rằng thầy mo xuất hiện vào trung kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ, vì nó gần lịch sử hơn các thuyết khác. Qua những phát hiện khảo cổ học từ rất nhỏ ở một số vùng châu Âu, thấy rằng, mặc dù từ trung kỳ thời đại đồ đá cũ, đã có tục chôn người chết (đa số các nhà khoa học cho rằng, tập tục

¹¹⁾ Tài liệu về vấn đề này, chủ yếu dựa vào phần "Sự ra đời của thầy mo" trong tác phẩm "Thầy mo và vu thuật" của giáo sư Tống Triệu Lan

này chứng tỏ ngay từ thời đó đã có quan niệm tín ngưỡng linh hồn, cho nên nơi chôn người chết), nhưng chưa phát hiện được bằng chứng gì nói rõ thời kỳ đó đã có thầy mo. Sau đó ở Pháp, ở Tây Ban Nha đã phát hiện được nhiều tranh vẽ trên vách hang động thuộc thời kỳ đồ đá cũ (tức trung kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ), trong đó có rất nhiều hình mặt lạ hình thú, hình nhảy múa những điệu múa thần bí. Về những hình vẽ này, có người cho là phản ảnh của điệu vũ totem. Những câu chuyện thần thoại dẫn dưới đây và những thực tế hiện còn có thể cho chúng ta suy đoán rằng, đó là hình ảnh những thầy mo thời trung kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ.

Trước hết, nhiều thần thoại, truyền thuyết đều nói các vụ sư trước hết là phụ nữ. Dân tộc Mông Cổ truyền nói Xa - man (Tát - măn - cũng có nghĩa là vụ sư) trước hết là bà mo. Các dân tộc Duy Ngô Nhĩ, Ngạc Ôn Khắc, Tích Bá, người Thiết Lạc Đốn ở An tai.v.v... đều truyền rằng Xa - man đầu tiên là nữ.

Người Ya - khút ở xibiri cho rằng trước hết là các bà mo rồi sau mới có thầy mo.

Thứ hai, lịch sử tôn giáo thế giới cho thấy, các vụ sư của các dân tộc Trung Quốc và nước ngoài là phụ nữ. Trong các dân tộc nước ta đã lưu truyền phổ biến phụ nữ làm bà mo, dân tộc Hán như vậy, các dân tộc Choang, Bố Y, Đông, Dao, Miêu, Lê, Tày, Bạch, Di, Khương, Ngạc Ôn Khắc, Ngạc Xuân Luân, Hách Tích, Tích Bá. v.v... tất cả đều như vậy. Theo thống kê, từ năm 1900 đến 1945, dân tộc Ngạc Xuân Luân có tất cả 39 xa man, trong đó 24 người là nữ. Ở nước ngoài trong các giáo chủ các tôn giáo dân gian mới xuất hiện trong thế giới cận đại, hiện đại của Nhật Bản, "số nữ chiếm một tỷ lệ hết sức lớn" và "hầu như toàn bộ những giáo chủ nữ ấy,

đều có thể nghiệm "thần linh nhập xác", hình như là phụ nữ Nhật Bản có bản chất giỏi làm sứ giả của thần linh"¹¹. Có người đã nghiên cứu về án tử hình 1258 yêu vu (vu sư làm bậy) của miền Tây nước Đức từ 1562 đến 1864. Kết quả cho thấy 80 % những vụ sư bị hành hình là nữ. Tính chất phổ biến vụ sư là nữ ấy cho thấy, sự ra đời của vụ sư có nguồn gốc rất xa xưa.

Lại nữa, một số dân tộc tuy có nam vu (thầy mo), nhưng khi tiến hành những hoạt động tôn giáo, các thầy mo phải cải trang thành nữ. Như nam xa - man của dân tộc Mãn, khi mời thần đều phải mặc áo nữ vu. Các nam vu các dân tộc Dao, Lê, khi hầu thần thì trước ngực phải đeo vú giả của nữ vu.

Các nam xa - man người Ya - khút Xibêri cũng phải đeo vú giả bằng kim loại trước ngực, khi làm phép phải đeo tóc giả phụ nữ. Trong các tín đồ đạo Islam vùng Trung Á, cho đến nay, các xa - man cải trang thành nữ vu như vậy, mới nhìn rất buồn cười, nhưng chính nó đã cho thấy, các vụ sư đã xuất hiện trong nữ giới của xã hội thị tộc mẫu hệ. Trong xã hội thị tộc mẫu hệ, phụ nữ không chỉ là lực lượng chính trong sản xuất, đời sống sinh đẻ, mà còn là cái gốc của huyết thống, phụ nữ quản lý mọi việc của thị tộc, là thủ lĩnh của thị tộc, do đó vụ sư do chủ thị tộc kiêm nhiệm là hợp lý hợp tình. Nhưng cùng với sự xuất hiện chế độ phụ quyền, nữ vu đã dần được nam vu thay thế. Nhưng trong lĩnh vực này, vai trò thống trị của phụ nữ tương đối vững chắc. Ngay sau khi đi vào xã hội phụ quyền, các nữ vu vẫn còn thế lực nhất định, trong một số xã hội, vai trò nữ vu vẫn được duy trì, thậm chí trong nhiều dân tộc, các xa -

¹¹ "Bí mật cơn sốt tôn giáo hiện đại" của Tiểu Điền Tấn (Nhật). NXB Công nhân, tháng 5 năm 1989, trang 60-61

man vẫn phải cải trang thành nữ giới. Trên thực tế, đây là cuộc đấu tranh giữa mẫu quyền và phụ quyền phản ánh trong vấn đề vu sư.

2) Vu sư ra đời vì nhu cầu liên lạc với thần

Vì nhu cầu liên lạc với thần, vu sư đã ra đời. Sự ra đời của vu sư còn có quan hệ mật thiết với việc hình thành quan niệm sùng bái tổ tiên. Đó là vì:

Ở trung kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ, vì huyết thống được tính theo mẫu hệ và quan niệm huyết thống của mọi người rất mãnh liệt, đặc biệt là vì trong phạm vi thị tộc mẫu hệ, những thành viên trong gia tộc cùng lao động, cùng sinh hoạt, cho nên quan niệm huyết thống của họ càng trở nên trực tiếp và thân mật. Trong những cộng đồng như vậy, người nữ tù trưởng và những nữ thủ lĩnh khác càng có điều kiện chăm sóc con cái của gia tộc mình. Như thế người ta rất tôn kính những nữ thủ lĩnh trong gia tộc mình, thậm chí những nữ thủ lĩnh đó chết rồi vẫn được các thế hệ sau tôn kính. Và thế là quan niệm sùng bái tổ tiên hình thành. Đương nhiên người ta sùng bái tổ tiên không chỉ đơn thuần để tưởng nhớ, mà quan trọng hơn là cầu mong được linh hồn tổ tiên từ trong cõi u minh, phù hộ độ trì con cháu, làm cho họ tránh được tai họa và bất hạnh. Nói khác đi, người ta sùng bái tổ tiên tức là muốn gửi gắm hy vọng của mình vào vong linh tổ tiên. Nhưng giữa người và quỷ thần không thể có liên hệ trực tiếp. Thế mà cần có một loại sứ giả làm môi giới giữa quỷ thần với người sống. Chính là để đáp ứng nhu cầu đó, sứ giả trung gian giữa quỷ thần với người sống - sư đã ra đời. Thế thì tốt nhất nên chọn ai đây? Không nghi ngờ gì nữa, người đáng chọn nhất phải là nữ tù trưởng hay nữ thủ lĩnh khác. Trong truyền thuyết một số dân tộc, ở thời viễn cổ, giữa trời và đất có thang trời, bất cứ

ai cũng có thể treo thang đó mà lên trời. Về sau thang gãy, người thường không thể lên trời được nữa. Vậy là sự liên hệ giữa trời và đất, giữa thần với người, phải có một loại người trung gian đảm nhiệm, người trung gian đó là nữ vu. Một bức tranh thần mà xa - man dân tộc Tích Bá còn lưu truyền đến nay đã làm chứng cho sự suy đoán này: phần trên bức tranh đó, có một phụ nữ đội mũ thần, mặc áo thần, tay cầm trống thần, đang đứng trên tầng mây. Người ta nói, người phụ nữ đó là "thế hệ xa - man thứ nhất". Thế hệ xa - man thứ nhất có thể từ đất nối thông với trời, từ người liên hệ với thần. Bức tranh cổ xưa ấy như đang nói rõ cho chúng ta biết, sự xuất hiện của vu sư là nhằm thỏa mãn nhu cầu liên hệ với thần. Người vu sư thứ nhất là một thầy thuốc liên hệ được với thần¹¹, hình thức cầu thần nhập xác sớm nhất là "Khiêu thần"¹², người vu sư sớm nhất là nữ tù trưởng của gia tộc hoặc nữ thủ lĩnh khác của gia tộc.

Cần nhấn mạnh rằng, vu sư đầu tiên là nữ gia tộc trưởng hay thủ lĩnh khác của gia tộc, không chỉ vì trong xã hội đương thời, nữ tù trưởng hay nữ thủ lĩnh giữ địa vị thống trị, mà còn là vì trong xã hội nguyên thủy, phụ nữ dễ có bệnh tâm lý hoặc sinh lý hơn nam giới. Ngoài ra, người thời đó quan niệm nữ giới tự nhiên có tính thần.

Theo kết quả nghiên cứu, trong xã hội cổ đại (ngay cả trong xã hội hiện đại cũng thế), phụ nữ dễ có bệnh tâm lý hay sinh lý hơn nam giới. Lấy bệnh tâm thần làm ví dụ, bất cứ cổ hay kim, ở Trung Quốc hay ở nước ngoài, nữ giới chiếm đại đa số. Theo thống kê

¹¹ "Vu và vu thuật" của Tống Triệu Lân, NXB Nhân dân tử Xuyên, tháng 5/1989, trang 62.

¹² Hình vẽ nữ xa - man nổi trên rất giống người khiêu thần của nhiều dân tộc hiện

không đầy đủ, số nữ bệnh nhân tâm thần trong các bệnh viện hiện đại gấp 8 lần nam giới, nếu kể cả người chưa được vào bệnh viện thì số nữ bệnh nhân tâm thần gấp 20 lần nam giới. Nguyên nhân của bệnh tâm thần rất phức tạp, sự sợ hãi, sự tức giận, hưng phấn, v. v. ... do nhiều sự kích thích khác nhau gây ra, rất dễ tạo ra phản ứng đối với phụ nữ, đó là do đặc trưng tâm lý và sinh lý của phụ nữ quyết định⁽¹⁾. Hiện tượng "Thần động" là chỉ hiện tượng cảm thấy xung quanh chuyển động một cách thần bí. Hiện tượng này thường được những thiếu nữ đang ở thời kỳ thanh xuân cảm nhận được.

Những thiếu nữ này vốn không có ý niệm làm cái gì sai xấu, nhưng vì sự khác thường của tâm lý và sinh lý của họ, mà họ tự nhiên cảm thấy những vật chung quanh chuyển động một cách thần bí. Chính vì lẽ đó, không phải ai cũng làm được xa - man của người A- y -nu Nhật Bản, mà chỉ thiếu nữ cảm thấy một sự rung động tình cảm khó mà khống chế được có thể làm xa - man, đa số xa - man là những thiếu nữ mười mấy tuổi, tức là trước sau tuổi dậy thì. Có một xa-man người A-y-ny tên là Hồ Tư Khoa, khi ở tuổi 14, 15, ngày nào cũng vậy vào buổi chiều cô cảm thấy phải hát to lên những điều mà cô cảm thấy. Cô lại thấy một luồng khí rất mạnh chạy trong cơ thể mình. Những người lớn tuổi bảo cô là cô có nguyện vọng được làm nghi thức xa-man...

Nói chung bất luận là bệnh tâm lý hay bệnh sinh lý, tất cả đều có nghĩa là một sự không bình thường. Đặc biệt những biểu hiện khác thường của những người mắc bệnh tâm thần, thần kinh, dưới con mắt nguyên thủy, là thần đã nhập vào người đó. Đây chính là

⁽¹⁾ "Bệnh tâm thần It-stêri phụ nữ" của Hoàng Vĩ Dân, tạp chí "Tự nhiên với con người" số 1 năm 1990

cơ sở để người nguyên thủy quan niệm rằng, những ai mắc bệnh tâm thần mới có thể làm xa-man được. Thêm vào đó người phụ nữ lại đáp đối sống những ngày sạch sẽ và những ngày không sạch sẽ,⁽¹⁾ cũng tức là phụ nữ thường xuyên qua lại giữa lĩnh vực thần thánh và lĩnh vực thế tục, làm cho người nguyên thủy cho rằng phụ nữ là có "tinh thần" tự nhiên. Vì thế, phụ nữ không phải đơn tính như nam giới, mà là loại người thần có tính chất lưỡng thể. Phụ nữ không chỉ có thể bị thần đến nhập xác, diễn đạt ý chí của thần mà lại có tài với thần nhập xác, dẫn dắt thần làm những việc mà con người cần. Đã vậy, phụ nữ đảm nhiệm trước hết sứ mạng qua lại giữa hai lĩnh vực thần và người, đương nhiên chẳng cần phải nhờ ai mới làm tròn được chức trách của mình. Chính vì lẽ đó, bộ lạc Indian nước Mỹ chủ yếu trao cái chức hàm vinh dự Xa-man cho những phụ nữ đã từng có biểu hiện mê cuồng. Chọn họ vì họ có khuynh hướng thiên bản và có biểu hiện mê cuồng.

Tổng kết những điều vừa nói, vu sư đã ra đời vào trung kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ, vu sư ra đời để đáp ứng nhu cầu liên hệ với quỷ thần, thế thì tục cầu thần nhập xác phải bắt đầu xuất hiện thời kỳ giữa của xã hội thị tộc mẫu hệ

2. MỘT KỲ XÃ HỘI THỊ TỘC PHỤ HỆ - THỜI KỲ HÌNH THÀNH CỦA TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

Nhiều tài liệu khảo cổ chứng minh rằng, ngay từ thời đại đồ đồng (tương đương một kỳ xã hội thị tộc phụ hệ), hình thức "khiêu thần" trong tục cầu thần nhập xác rất có thể đã hình thành xa-man với tư cách là người chuyên làm việc cầu thần rất có thể đã sáng tạo

⁽¹⁾ "Thần thoại cón lớn và văn hóa xa-man" của Lã Vi, tạp chí "Dân gian văn học luận đàn" số 3, 1989.

ra những hình thức "khieu thần" phức tạp hơn, những trang phục chuyên dùng cho việc "khieu thần" và những lời thần chú, lời cầu khẩn tương ứng. Ví dụ cụm bích họa hang đá dày đặc cuối thời đại đồ đá mới, đến đầu thời đại đồ đồng ở Hạ Lan Sơn tỉnh Minh Hạ cho thấy những hình nhân vật kỳ lạ, toàn thân chính diện hướng về đám đông, có người trên đầu có vật trang sức, hai cánh tay cong cong dơ cao, năm ngón tay xòe ra, hai chân dang rộng hết cỡ, mũi bàn chân vênh lên, năm ngón chân xòe rộng, giống như con nhái đang bơi, dưới háng có khí quan sinh dục nữ được phóng đại. Có học giả đã nghiên cứu hình tượng những nhân vật kỳ lạ đó, cho rằng nhìn hình tượng, những nhân vật này có vẻ cố gắng nện để rằng mình có bản lĩnh hơn người, có vẻ như nâng lực phi phạm nổi thông được trời đất qui thần, có phép lực có vẻ như truyền đạt được ý chí của trời cho người, lại bày tỏ được nguyện vọng của người với trời, là loại người có thể nối thông được quan hệ thần-người, trời đất. Từ chỗ thái độ của những hình tượng nhân vật kỳ dị này không phải là biểu hiện hành vi thường mà là đang làm uy làm phép hàng thuận phục ma. Tư thế đặc biệt của những hình tượng ấy có lẽ là đang làm việc "thông thần" (liên hệ với thần". Không chỉ ở Hạ Lan Sơn, mà ở Phong nhai huyện các tỉnh Sơn Tây, ở Ân Sơn, thảo nguyên Y lan xa pu, thảo nguyên Xu ni to chơ xi xi lin cô lư Nội Mông, ở Thiên Sơn huyện Mu Lây Tân Lương... đều có những bích họa hang động, có hình dáng như ở Hạ Lan Sơn hoặc gần giống như thế. Những hình vu sư ở Xu-ni-to-chơ-xi Nội Mông có phong cách gần với hình vu sư ở Hạ Lan Sơn nhất, đều vẽ chính diện, quay mặt về đám đông, đều loa thố, đều ở thế múa hay cầu khẩn, phần lớn có dáng nhái bơi, tứ chi xòãi ra ngoài, ngón chân ngón tay xòe, đến cuối thân điểm người và nhái hợp thể hoặc nhân tố người và nhái.

Đặc điểm này muốn nói người và nhái biến hình lẫn nhau. Vu sư biến hình thành nhái, không chỉ ngoại hình, mà toàn bộ thân, tâm đang chuyển biến thành động vật. Đó là mời hồn nhập xác trong Tác Mãn giáo. Nhưng bích họa hang động ở Hạ Lan Sơn, trên ý niệm là cầu nhái nhập thể. Người Y-a-khét Xi bê ri cho rằng xa-man bình thường chỉ có thể biến thành chim, cá, chỉ có những xa-man có phép thuật phi phạm mới có thể biến thành nhái. Vu sư phải bắt chước nhái, bởi vì trong quan niệm Vu giáo nguyên thủy, con nhái có "thần tính" nhất. Trong sử thi An tai "Matay cara" là người hầu của chúa địa ngục. Vì nhái là động vật lưỡng thể, cho nên xa-man cho rằng biến hình thành nhái thì có thể lặn như nhái xuống địa ngục để chiêu hồn người ốm và người chết, hoặc có thể vọt cao như nhái lên trời để gặp thần linh. Những bích họa hang động hình vu sư ở Hạ Lan Sơn chứng tỏ rằng vu giáo vùng thảo nguyên Tây Bắc có nguồn xa dòng dài. Đương nhiên những hình vẽ vu sư ở Hạ Lan Sơn và các vùng khác đã kể không phải là đầu nguồn của vu giáo, mà chỉ là phản ánh nghệ thuật xã hội thị tộc mẫu hệ phát triển đến giai đoạn cuối xã hội nguyên thủy¹¹. Nó cũng chứng tỏ rằng ngay từ cuối thời đại đồ đá mới, chậm nhất là thời đại đồ đồng, hình thức "khiêu thân" trong tục cầu thần nhập xác đã hình thành. Lại như những bích họa hang động thuộc thời đại đồ đồng mới phát hiện được ở bờ sông Ô-ca vùng dân tộc Mông Cổ ở Puriato, trên những bức vẽ trên đá này phát hiện được những thần khí và thần phục mà xa-man hiện nay đang dùng. Xa-man tay cầm trống thần, mình mặc thần phục (thắt lưng có tua rủ), đầu đội mũ thần hình sừng thú, hai tay giơ cao lên trời như đang cầu khẩn. Những bích

¹¹ "Bước đầu tìm hiểu những bích họa vu sư Hạ Lan Sơn" của Cái Sơn Lâm, tạp chí "Ninh Hạ xã hội khoa học" số 3-1992.

họa trên đá như thế cũng phát hiện được ven hồ Bai-can và khu vực hậu Bai-can. Đáng chú ý là tư thế của những hình người nhỏ bé trên các bích họa hang đá ở vịnh Xa-can-tra-pa và vịnh A-ya, họ đang làm nghi thức khiêu thần và là nhảy múa tập thể.

NƠI KHỞI NGUỒN CỦA TỤC CẦU THẦN

Tục cầu thần nhập xác khởi nguồn ở một nơi hay ở nhiều nơi? Các học giả nước ta người thì cho rằng Tát Mãn giáo khởi nguồn ở Đông bắc, người thì nói ở Tây nam, ở Tây Bắc. Nhưng chưa có đủ căn cứ để nói tục giảng thần nhập xác có nhiều nơi khởi nguồn. Kết quả nghiên cứu về Tát Mãn giáo, cho thấy tục cầu thần nhập xác rất có thể bắt nguồn rất xa xưa từ Tát Mãn giáo Bắc Á (bao gồm Xibêri của Nga và đông Bắc của Trung Quốc). Lý do chủ yếu là:

Thứ nhất, Tát Mãn giáo là một tôn giáo nguyên thủy mang tên Tát Mãn vì xuất hiện Tát Mãn dùng phép thuật hôn mê của làm cho "thần linh nhập xác". Nhiều học giả nghiên cứu Tát Mãn giáo đều cho rằng, Tát Mãn giáo sớm bắt nguồn từ trong các dân tộc Bắc Á ở trung kỳ xã hội thị tộc nô lệ. Chữ Xa-Man (Tát Mãn) trong ngôn ngữ Thôngcuts không những chỉ "vu sư" mà còn có nghĩa là "kích động không yên" "điên cuồng" "hôn mê". Thuật "hôn mê" là đặc điểm tối thiểu của đạo Xa Man. Không có pháp luật "hôn mê" thì không có Tát Mãn giáo. Từ "hôn mê" trong thuật ngữ Tát mãn giáo, tùy ngữ cảnh khác nhau, có thể có ba nội dung ý nghĩa khác nhau: Một là biểu hiện biến hóa dị thường của tinh thần khi xa-man làm vu thuật, ý là hôn mê. Hôn mê là một quá trình trước hết là điên cuồng, dần dần đi vào trạng thái thôi miên, đến cao trào thì ngã ra ngất lịm. Trạng thái hôn mê (mất trí giác) với nghĩa chặt chẽ,

nói chung chỉ là hiện tượng tạm thời hoặc không tồn tại, trên thực tế bán hôn mê hoặc có vẻ như hôn mê: Hai là chỉ một trong những vụ thật xa-man, ý nghĩa "tinh linh ám vào xác" hoặc là "linh hồn rời xác", cho rằng lúc đó xa-man đưa linh hồn đi gặp tinh linh, là một trong những cách liên hệ với thần; Ba là chỉ một trong những bước của vị thuật xa-man, tương đương với quá trình gọi là "hạ thần" (hoặc "thỉnh thần", "giáng thần", "quá âm", "hạ âm", "du âm")¹¹ v.v... Thuật "hôn mê" từ lâu đã hình thành ở Bắc Á dưới thời đại đồ đồng. Nội dung những bích họa hang đá ở Hạ Lan Sơn, ở bờ sông Ô ca, hồ Bai-can v.v... (thuộc thời đại đồ đồng) là chứng minh hùng hồn. Nhìn nghi thức khiêu thần của Tát Mãn giáo hiện nay thấy rõ không thể không dùng "hôn mê". Từ đó suy ra ngày xưa, những bích họa hang động nói trên đã phản ánh nghi thức "khiêu thần" cổ lão ở Bắc Á, chắc chắn cũng phải bao hàm của thật "hôn mê".

Thứ hai, đánh trống tay mà nhảy múa cuồng nhiệt, đó là đặc điểm trước sau như một của nghi thức "khiêu thần" từ xưa đến nay. Nếu tìm được nơi khởi nguồn của trống tay xa-man, cũng tức là tìm được bằng chứng mạnh mẽ của nơi khởi nguồn nghi thức "khiêu thần" Tát Mãn giáo. Gần đây nhà khoa học Hung ga ri Da ôs ky phát hiện được trên vách đá thuộc thượng dụ sông Yê-mis-xia trong lãnh thổ Nga một hình khắc cái trống thời đại đồ đồng. Ông cho rằng đó là hình trống Tát-Mãn, nó hết sức giống trống vẽ màu của xa-man Ye ni sei O styak cổ Á. Hình khắc trống trên vách đá đã được phát hiện ở tây nam hồ Bai-can mà hồ Bai-can tức là Bắc hải của thời đại đế quốc Hung Nô. Nói cách khác, đặc điểm phát hiện của cái trống khắc bà Bờm giới phía bắc của đế quốc Hung nô. Phát

¹¹ Dẫn theo "Bách khoa toàn thư Pretagne" bản dịch của Cẩm Tú, bản in năm 1980.

hiện này của Đa ôsky trùng hợp với thuyết của nhà khoa học cận đại Mi-nôn-nông cho rằng vùng quanh hồ Bap can là trung tâm khởi nguồn của trống tay Tát Mãn¹¹.

Vì những lý do trên tác giả cho rằng nghi thức khiêu thần, hình thức cầu thần nhập xác sớm nhất rất có thể khởi nguồn từ Bắc Á.

KHỞI NGUỒN CỦA TỤC CẦU THẦN VÀ BỆNH TINH THẦN

Khi nghiên cứu Tác Mãn giáo trên phạm vi thế giới, nhiều nhà nghiên cứu chú ý rằng, họ gặp trước hết những người đàn ông và đàn bà của thần kinh rất dễ bị kích thích, có khi thần kinh rõ ràng là không bình thường hoặc hoàn toàn là phát điên. Trong thế kỷ 20 người ta phát hiện được rằng các vụ sư Bắc Á, Ốt -trây-ly-a và châu Đại Dương đều là những con bệnh tinh thần. Nhưng một số nhà nghiên cứu thì lại cho rằng, Xa Man cái vùng trên thế giới, kể cả các Xa Man của Xa Man giáo phía Bắc Á đều là những người khỏe mạnh cả về tâm lý và sinh lý. Ví dụ, các Xa Man người Ấn độ Bắc Mỹ, trong đời sống thường ngày đều không có gì cách biệt với người khác.

Tác giả cho rằng, vấn đề người như thế nào thì có thể làm Xa Man không thể nói chung chung được. Chúng tôi cho rằng không thể nói Xa Man đều là người hoàn toàn khỏe mạnh về tâm lý và sinh lý, cũng không thể nói họ đều là những người điên, những người có bệnh tâm thần. Nhưng ở đây cần chỉ rõ, những Xa Man khỏe mạnh cả về tâm lý và sinh lý tính tình thường là "vui giận thất

¹¹ "Hung nô tôn giáo tín ngưỡng cây kỳ lưu biến" của Tạ Kiến "Tây oan sở nghiên cứu ngôn ngữ lịch sử viện nghiên cứu trung ương quốc lập" quyển 43 phần 4.

thường" và rất "nhạy cảm"; những Xa Man có bệnh tâm thần di truyền đại hoặc có chứng itstêri thì phần lớn đều thuộc dạng bệnh nhẹ mà không phải là nặng. Nếu loại Xa Man khỏe mạnh kia mà không phải là "mùng giận thất thường" và "nhạy cảm" thì không dễ gì đi vào trạng thái thôi miên hoặc tự thôi miên đến mức mê cuồng. Còn loại có bệnh tâm thần nặng thì không thể nắm vững và điều tiết bệnh tật của mình một cách chủ động. Xa Man khác với người con bệnh tâm thần và những người lên cơn itstêri ở chỗ họ có năng lực chủ động điều tiết thời gian phát bệnh.

Dương nhiên vấn đề chúng ta cần bàn ở đây không phải là cái chức Xa Man ấy phần lớn do những người như thế nào đảm nhiệm, mà chủ yếu là nguồn gốc của tục cầu thần nhập xác có quan hệ gì với bệnh tinh thần hay không. Thế thì, nguồn gốc của tục lệ cầu thần nhập xác ấy có quan hệ gì với chứng bệnh tinh thần hay không?

Từ thực tế là Xa Man các vùng trên thế giới có những người có bệnh tinh thần và tục cầu thần nhập xác khởi nguồn từ vùng đất có hoàn cảnh địa lý đặc biệt Bắc á, chúng ta có thể suy đoán rằng, nguồn gốc của tục cầu thần nhập xác rất có thể là có quan hệ với chứng bệnh tinh thần "itstêri vùng cực" khá phổ biến trong các dân tộc Bắc Á, kể cả vùng Bắc cực và Xibêri.

"Chứng bệnh tinh thần" itstêri vùng cực" là chứng bệnh dễ phát sinh trong các dân tộc ở những vùng nói trên. Nó đặc biệt dễ phát sinh trong phụ nữ đã thành niên, nhất là phụ nữ đã có chồng. Khi phát bệnh, người bệnh bị co rút cơ bắp, mất đồ ăn, có người bỗng sợ hãi cuồng chạy.

Một số thầy thuốc cho biết, chứng "itstêri vùng cực" có trạng thái tinh thần rất giống như Xa Man khi khiêu thần¹⁾.

Tài liệu nghiên cứu cho thấy, người At-skimô Bắc cực là một dân tộc rất khỏe mạnh, nhưng lại rất dễ mắc chứng bệnh này. Trước khi phát bệnh không có triệu chứng gì báo trước, thường là vào cuối mùa thu, cơn bệnh thường kéo dài mấy phút cho đến nửa tiếng rồi đột nhiên khỏi, cũng như đột nhiên phát bệnh vậy. Có người đã miêu tả chứng bệnh đó như sau: Một phụ nữ ngồi trên mặt đất, mắt trừng trừng nhìn về phía trước ngơ ngác trước tất cả những gì diễn ra chung quanh, thân mình lắc lư, mép xùi bọt, kêu ré lên, nói lảm nhảm. Thế mà con bà ta và hàng xóm láng giềng coi như không có việc gì (vì đã thấy nhiều hiện tượng như vậy nên coi thường).

Vì chứng trạng của bệnh tinh thần "it-stêri vùng cực" rất giống trạng thái Xa Man khiêu thần, có thể thấy, tục cầu thần nhập xác cũng sản sinh một cách ngẫu nhiên như nhiều phong tục khác vậy²⁾. Có lẽ một số người mắc chứng "itstêri vùng cực" nhẹ trong các dân tộc Bắc Á thời xa xưa ấy, đã ngẫu nhiên học được cách chủ động gọi ra, duy trì và chấm dứt chứng bệnh đó, và tục cầu thần nhập xác ra đời. Ngày nay chúng ta không thể hiểu được "tình hình cụ thể và quá trình cụ thể" của việc ra đời ngẫu nhiên đó, nhưng qua tình hình các Xa Man vùng Bắc Á phần lớn là những người đã từng mắc bệnh hoặc "tinh thần rối loạn và các dân tộc vùng Bắc Á thường mắc bệnh "itstêri vùng cực", chúng là hầu như có thể nhìn ra được ít nhiều.

¹⁾ "Nguồn gốc Tác Mãn giáo và quan niệm qui thần" của Tô-ca-rép (Liên Xô) xem tạp chí "tài liệu tôn giáo thế giới" số 3 1989.

²⁾ Trung quốc dân tục học luận văn tập" NXB Văn nghệ dân gian TQ-7-1986.

Từ góc độ các xa man Bắc Á là những người mắc chứng It-steri và thường hôn mê, có người còn có chứng điên chứng ta có thể dự đoán, trong cùng xã hội thị tộc mẫu hệ ở Bắc Á, các nữ tù trưởng hoặc các nữ thủ lĩnh đương thời chắc chắn có người mắc chứng bệnh ấy, những người đó mặc dầu có địa vị thống trị đặc biệt nhưng không thể như vậy mà không mắc chứng bệnh kia. Trong xã hội chúng ta ngày nay, người như vậy nhất định không thể được giao trọng trách lãnh đạo, nhưng ở thời đó những người như vậy lại được cho là có những trí thức bí mật và có sức mạnh siêu tự nhiên. Bởi vì, "với trí tuệ của người thời đại dã man, những người ở trong trạng thái hôn mê rất tự nhiên được coi là người nối thay cho quý thần. Những động tác trong cơn co giật, những lời gào thét không có mạch lạc gì, tất cả như những chứng triệu gì đó, hình như họ đã mất hết ý chí, một cái gì đó không chế thân thể của họ. Người ta thấy vậy cho rằng hồn ma hay thần linh đang qua miệng người mà phát biểu và chính thần linh ma quỷ đang điều khiển con người họ¹⁾. Chính vì lẽ đó, trong một giai đoạn lịch sử nhất định, hầu như ở các nơi đều lưu truyền quan niệm cho rằng bệnh thần kinh là do một lực lượng siêu tự nhiên nào đó gây ra, tức là người ta tin rằng, chính thần linh nhập vào xác người mới như vậy. Mà những nữ tù trưởng, nữ thủ lĩnh, do nhiều lần lên cơn bệnh mà ngẫu nhiên học được cách chủ động điều tiết chứng bệnh ấy tự nhiên được người ta tưởng tượng là họ không những có thể liên lạc được với quỷ thần mà còn có thể chủ động làm cho quỷ thần nhập vào xác người. Các Xa Man thời đó và cả sau đó nữa của vùng Bắc Á (trên thực tế, các Xa Man các vùng khác trên thế giới cũng vậy) phần lớn do những người tinh

¹⁾ "Từ liên tôn giáo thế giới" số 3 năm 1989, trang 21.

thần rối loạn đám nhiệm. Người ta cứ cho rằng họ là người môi giới trung gian giữa thần với người. Còn như những người bệnh tâm thần đã khờ hoặc những người tuy tâm lý và sinh lý đều khỏe mạnh nhưng "thường" mừng giận thất thường" và "nhảy cảm" mà làm xa man là việc xảy ra sau khi xuất hiện những Xa Man tinh thần rối loạn. Với những người đã mắc bệnh rồi lại đã khỏi bệnh, thì trong thời đại thượng cổ, trong điều kiện không có điều kiện chạy chữa gì, tật bệnh và chết chóc uy hiếp nghiêm trọng sự sinh tồn của con người, thế mà họ ốm rồi lại tự khỏi, thì chắc chắn là có thần linh bảo vệ, chắc chắn là họ đã tiếp xúc với quỷ thần, do đó, họ có đủ tư cách làm sứ giả trung gian giữa quỷ thần với người, là điều đương nhiên. Thêm vào đó, họ và những người "nhảy cảm" đều rất dễ bị người khác thôi miên, cũng rất dễ tự thôi miên mình⁽¹⁾.

Chính những người này được các xa man già coi là xứng đáng làm Xa Man mới. Qua đây thấy được quan hệ giữa nguồn gốc của tục cầu thần nhập xác với chứng bệnh tinh thần.

NGUỒN GỐC CỦA TỤC CẦU THẦN VỚI VŨ ĐẠO NGUYÊN THỦY VÀ THUỐC THỰC VẬT GÂY ẢO GIÁC

Nguồn gốc tục cầu thần nhập xác không những rất có thể có quan hệ với bệnh tinh thần, mà còn rất có thể có quan hệ với vũ đạo nguyên thủy và thuốc thực vật tạo ảo giác.

⁽¹⁾ Theo nhiều tài liệu nghiên cứu - về chứng "itstêri vùng cực" rất phổ biến trong các dân tộc Bắc Á. Những người ốm khỏi không ít là đã mắc chứng bệnh này mà thích ảo tưởng và đề ám thì một trong những đặc điểm chủ yếu của chứng "itstêri vùng cực". Vì vậy những người đã mắc chứng "itstêri" rất dễ bị thôi miên hoặc tự thôi miên. Còn những người tính tình "nhảy cảm" thì vốn là người có tính chất dễ bị thôi miên hoặc tự thôi miên.

Sở dĩ nguồn gốc của tục cầu thần nhập xác có quan hệ với vũ đạo nguyên thủy thường thường có thể làm cho người ta mắc chứng it-stê-ri. Trong chương 4 chúng ta đã nói rằng, nghi thức là một phần rất quan trọng trong đời sống xã hội nguyên thủy, nhiều hoạt động của người nguyên thủy không tách rời được với nghi thức. Vũ đạo nguyên thủy liên quan mật thiết với nghi thức vì vũ đạo nguyên thủy rất dễ gây ra chứng it-stê-ri cho người ta.

Những nghiên cứu về vũ đạo nguyên thủy, nhất là vũ đạo tôn giáo nguyên thủy cho thấy: Khi một Xa Man nhảy múa đến kiệt sức, hôn mê đến ngất lịm là không thể tránh khỏi... Hình thức khiêu thần trong phong tục cầu thần nhập xác có thể ra đời trong vũ đạo nguyên thủy, nhất là trong vũ đạo tôn giáo nguyên thủy. Chính vì như vậy, nhảy múa điên cuồng là thủ đoạn quan trọng để những người khiêu thần đưa thần đến nhập xác. Đương nhiên, mặc dầu các vụ sư nguyên thủy đã thấy được rằng nhảy múa đến cuồng dại có thể gây ra chứng it-stê-ri nhưng họ đã học được cách chủ động điều tiết và chấm dứt chứng trạng ấy, cũng như những người mắc chứng "itstêri vùng cực". Sau nhiều lần làm thử rồi mới biết chủ động điều tiết các cơn it-stê-ri. Chỉ có khi các vụ sư vô số lần làm thử, dần dần biết chủ động điều tiết và chấm dứt cơn itstêri mới có thể nói rằng tục cầu thần nhập xác đã ra đời trong những cơn cuồng vũ.

Còn nói rằng, nguồn gốc tục cầu thần nhập xác có quan hệ với thuốc cây cỏ tạo ảo giác, là vì dùng các thuốc thực vật gây ảo giác như nấm độc, cây tiên nhân chương Nam Mỹ v.v... có thể tạo ra những ảo giác ly kỳ cổ quái và ca hát nhảy múa cuồng loạn. Như đã nói trên, dùng thuốc thực vật gây ảo giác đã thành một phong tục trong nhiều bầy người nguyên thủy. Lấy thí dụ việc ăn nấm độc,

nhiều nhà nhân loại học, khảo cổ học đã khảo cứu, cho thấy từ hơn 3000 năm trước, người Indian cổ sống ở châu Mỹ đã nhận thức được những phản ứng khác thường do ăn nấm độc nhưng họ lại tưởng rằng quỷ thần dùng thứ thuốc đó để hiển linh. Thế nhưng người Indian cổ có lẽ chưa phải là dân tộc sử dụng nấm độc sớm nhất. Có học giả đã cho rằng, tập tục ăn nấm độc là họ đã học được từ miền Bắc châu Á. Những nghiên cứu về thời tiền sử đã chứng minh rằng người Indian là từ bắc phần châu Á qua cầu nối lục địa ở eo biển Be-ring mà di cư sang châu Mỹ, lại còn vì trước khi di chuyển, họ đã có tục ăn nấm độc. Bởi vì trong quá trình di chuyển, họ đã mang đến nền văn hoá săn bắt hái lượm từ thời đại đá cũ sang thời đại đá giữa. Có lẽ trong sinh hoạt săn bắt hái lượm, họ đã nếm các loại cây cỏ mà ngẫu nhiên phát hiện ra tác dụng mê huyền của các loại nấm độc. Tác dụng mê huyền này làm cho họ đi vào những thí nghiệm thần bí, thể nghiệm thấy giữa họ và thần linh có sự hòa nhập vào nhau, sự giao lưu với nhau và họ không ngừng điều tiết lượng sử dụng để đạt được một cỡ sở hợp lý. Và trên cơ sở đó hình thành phong tục dùng nấm độc để cầu thần nhập xác. Phong tục này vẫn được duy trì trong thổ dân Mông Cổ ở Xi bê ri, một số người trong các Xa Man của họ vẫn giữ thói quen ăn nấm độc để sắm vai thần linh.

CÁCH THỨC TRUYỀN NỐI TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

Trên đây chúng ta đã nói, tục cầu thần nhập xác có thể có quan hệ với bệnh tinh thần "istêri vùng cực", với vũ đạo nguyên thủy và thuốc thảo mộc gây ảo giác và nó khởi nguồn trước hết là ngẫu nhiên. Vậy thì, những kết quả ngẫu nhiên đó đủ để phong tục

cầu thần nhập xác truyền nói mãi sao? vì vấn đề này, trong các tiết 3, 4 trên đây chúng tôi đã ít nhiều đề cập, có thể có độc giả đã thấy được phần nào. Để làm sáng tỏ hơn vấn đề này, xin trình bày thêm dưới đây.

Tác giả cho rằng, chỉ dựa vào những yếu tố ngẫu nhiên nói trên thì tục cầu thần nhập xác khó mà truyền nói. Bởi vì "hành vi của người, chỉ dựa vào sự xung động nhất thời thì khó mà được tiếp nối. Hành vi ngẫu nhiên chỉ đưa lại kết quả ngẫu nhiên, muốn duy trì lâu dài, điều cần thiết không phải là một xung động ngẫu phát, mà là phải có những kết luận lôgic rút ra qua tổng kết"⁽¹⁾. Sở dĩ tục cầu thần nhập xác phát sinh ngẫu nhiên được truyền nói, chính là vì các vụ sư thời kỳ đầu từ những hiện tượng hôn mê ngẫu nhiên mà mò mẫm, làm thử nhiều lần, tổng kết ra một qui luật nào đó. Qua vô số lần làm thử, các vụ sư dần dần nắm được qui luật dùng vũ đạo và thuốc thảo mộc mà chủ động gọi ra, duy trì và chấm dứt trạng thái "hôn mê" theo ý muốn, làm cho mình khi tiến hành nghi thức cầu thần đạt được trạng thái "hôn mê" mà bề ngoài có vẻ như mất hết lý trí, nhưng trong khi đó lại vẫn có thể điều tiết trạng thái đó một cách chủ động mà không sa vào tình trạng điên cuồng, mất hết trí lực. Thế là hiện tượng "hôn mê" đã từ là một xung động ngẫu nhiên được nâng lên thuật "giáng thần" có thể huấn luyện mà nắm được. Thêm vào đó, các vụ sư thời kỳ đầu đó, qua vô số lần làm thử, đã phát hiện ra rằng những người ốm lâu đã khỏi bệnh và những người "nhạy cảm" dễ học "thuật giáng thần" hơn những người khác và đã chọn loại người này làm người kế nghiệp làm vụ sư. Điều này

⁽¹⁾ "Lịch sử tôn giáo" (thượng) của cơ-rô-vi-lép (Liên Xô). NXB Khoa học TQ 12-1984 trang 31.

về khách quan đã đảm bảo cho "thuật hôn mê" được kế thừa. Từ đó, "cầu thần nhập xác" đã từ là một việc làm ngẫu nhiên trở thành một thứ hoạt động có thể chủ động tiến hành khi cần thiết. Đương nhiên, học được thuật gọi ra, duy trì và chấm dứt trạng thái hôn mê, không phải là việc đơn giản, muốn nắm được thuật đó, phải qua một quá trình học tập, huấn luyện gian khổ. Các vụ sư kế nhiệm phải trải qua một giai đoạn chuẩn bị lâu dài, chính là để học được thuật gọi ra, duy trì và chấm dứt trạng thái "hôn mê" một cách chủ động. Ví dụ, các vụ sư "quá âm" của dân tộc Miêu phải qua một quá trình "diên đại" kéo dài đến mấy năm. Thời gian này chủ yếu là để học thuật tạo ra và điều tiết sự "hôn mê". Các Xa Man mới của các dân tộc Mãn, Ngự Luân Xuân v.v... trước khi chính thức hành nghề, phải nhận một Xa Man già làm thầy, học nghi thức dân thần, bao gồm việc học khiêu thần, học lời khấn tế thần. Làm quen với những hoạt động tôn giáo của Xa Man giáo v.v... Cứ thế, mỗi đợt khoảng 10 ngày, mà phải học liên tục 3 năm, phải học khiêu thần đến mức thần trí rối loạn, cho rằng linh hồn của Xa Man đã nhập vào xác mình¹⁾. Phần lớn các bà mo (nữ vụ) dân tộc Di xã A- lập thành phố Côn Minh đều hành nghề từ hồi còn trẻ. Việc huấn luyện Xa Man mới thường được tiến hành ngay tại đàn tràng, họ phải theo các vụ sư già kiến tập nghi thức bắt ma đuổi tà, làm thành thạo các nghi lễ tế thần. Ngày nông công rồi rỗi, phải theo các vụ sư già nhảy múa vũ vũ, hát "vu khúc", "thần khúc", luyện "vũ điệu". Mời thần là chương trình sau cùng. Đây là điều quan trọng nhất đối với các vũ nữ, không nắm được "ngón" này, không thể làm bà mo được: Mời thần nào thì hát điệu gì, cầu thần gì thì theo điệu gì, tất cả đều

¹⁾ "Tất Mãn giáo nghiên cứu" Thu Phổ chủ biên, NXB nhân dân Thượng hải 1 1995 trang 60-61.

có chương trình chặt chẽ, không có năm ba năm thì không thể nắm được.

Ở Bắc Mỹ, học thuật "hôn mê" cũng là con đường chủ yếu để trở thành Xa Man mới. Một số tập đoàn vụ sư bí mật của người Indian nước Mỹ, chỉ cho những người đã trải qua một quá trình huấn luyện đặc biệt vào tập đoàn của họ. Việc "huấn luyện đặc biệt" này bao gồm việc học tập và huấn luyện thuật "hôn mê". Người Alan ta ở Ốt strây-lia thì muốn trở thành vụ sư, phải làm "lễ gia nhập máu" hoặc thần linh trực tiếp tham dự, hoặc do vụ sư già chủ trì. Dù trong tình hình nào thì người xin ra nhập cũng phải đâm thủng lưới mình, mặc quần áo riêng, tuân theo những cấm kỵ riêng, dùng những pháp khí riêng và phải "gặp gỡ thần linh".

CON ĐƯỜNG TRUYỀN BÁ TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

Trên đây, từ những góc độ khác nhau đã chứng minh rằng tục cầu thần nhập xác đã ra đời và hình thành ở khu vực Bắc Á thời viễn cổ. Thế thì, làm sao phong tục đó lại trở thành một hiện tượng văn hóa lịch sử có tính chất thế giới? Nguyên nhân có thể có nhiều, ở đây xin bàn riêng về vấn đề con đường truyền bá tục lệ.

Tác giả cho rằng, sự hình thành hiện tượng văn hóa lịch sử có tính thế giới này là kết quả sự truyền bá Tát Mãn giáo cùng với thuật cầu thần và tục cầu thần nhập xác do nó tạo ra từ khu vực Bắc Á, nơi ra đời của nó, đi các vùng khác trên toàn thế giới. Một trong những lý do chủ yếu là những nhân vật loại Mi-man-chai, dùng phương thuật "hôn mê" mà làm cho "tinh linh nhập xác", có thể gặp ở khắp mọi vùng của thế giới. Đương nhiên có những học giả không tán thành quan điểm này. Những tác giả mục từ "Tát Mãn

giáo" trong "Bách khoa toàn thư Bơ-rơ-ta-nơ" nổi tiếng đã cho rằng: "Những hiện tượng có một số đặc điểm nào đó giống như Tát Mãn giáo có thể thấy ở trong các dân tộc nguyên thủy toàn thế giới. Chỉ với những đặc điểm cô lập như vậy, không nhất định đều là Tát Mãn giáo, nhưng nhân vật trung tâm của hệ thống này - Các thuật số, thầy mo chữa bệnh và những nhân vật cùng loại khác - có thể dùng trạng thái hôn mê mà liên lạc với một thế giới khác. Nhưng khác với Tát -Mãn giáo, họ có chức vị đó là nhờ sự kiên trì học tập và sự vận dụng tri thức lý tính. Tuy rằng với tư cách là tư tế, họ chủ trì các buổi tế lễ, có địa vị quyền uy và có năng lực làm vu thuật, nhưng kết cấu và đặc tính những hoạt động siêu tự nhiên của họ là hoàn toàn không giống Tát-mãn giáo".

Chỉ dựa vào "kết cấu và đặc tính những hoạt động siêu tự nhiên" của các thuật sĩ, vu y các vùng khác trên thế giới và cái cách để có địa vị ấy không giống với các Xa man Bắc Á mà phủ nhận Tát mãn giáo là một hiện tượng văn hóa lịch sử có tính chất thế giới cầu thần nhập xác là do Tát-Mãn giáo có nguồn gốc Bắc Á đã truyền bá tục cầu thần nhập xác ra các vùng khác của thế giới) là không đủ sức thuyết phục ¹¹. Bởi vì Tát Mãn giáo Bắc á trong quá trình truyền bá ra ngoài ở những giai đoạn khác nhau, khu vực khác nhau, tất nhiên phải có những biến dị trong kết cấu và đặc tính hoạt động siêu tự nhiên của nó. Do đó không nhất thiết những kết cấu và đặc tính hoạt động siêu tự nhiên của xa-man các vùng đều giống hoàn toàn các xa-man Bắc Á cổ đại. Nếu nói rằng đây chỉ là một sự suy đoán, thế thì vô số những sự thật về các cuộc di dân trong lịch

¹¹ Mà thực ra, chức vị xa-man Bắc Á cũng chỉ có thể có được nhờ sự học tập và vận dụng tri thức lý tính.

sử xã hội nguyên thủy thế giới có thể trả lời rất tốt câu hỏi Tát-Mãn giáo có cội nguồn Bắc Á cùng với tục cầu thần nhập xác của nó đã truyền bá như thế nào của phát triển thành một hiện tượng văn hoá lịch sử có tính chất thế giới.

Trước hết hãy xem Tát-Mãn giáo và tục cầu thần nhập xác của nó đã truyền vào nội địa Trung Quốc như thế nào.

Tát-mãn giáo có nguồn gốc Bắc Á và tục cầu thần nhập xác của nó truyền bá vào nội địa Trung Quốc có thể có nhiều khả năng. Ví dụ, Bản giáo Tây Tạng vốn là Tát-Mãn giáo là hình thức đại phương Tây Tạng. Về sau, Bản giáo không chỉ lưu hành ở khu vực trung tâm Tây Tạng mà được truyền bá rộng rãi ra các vùng lân cận, bao gồm cả các vùng của người Hán, người Duy Ngô Nhĩ, người Na-xi thậm chí đến cả những vùng tiếp giáp với Ấn Độ.

Trong những thẻ gỗ khắc chữ phát hiện được từ lòng đất miền nam Tân Lương đã có ghi chép về hoạt động Bản giáo. Vùng người Na-xi- ở Vân Nam cũng là một vùng chịu ảnh hưởng khá lớn của Bản giáo.

Lại ví như, bắt đầu từ thời đại đồ đá mới, bộ lạc Để Khương vốn sống ở vùng Cam Thanh Hà Hoàng đã theo dãy núi Hoàng Đoạn mà di cư xuống phía nam. Vì Cam Thanh Hà Hoàng tiếp giáp với các thảo nguyên Mông Cổ ở phía bắc, cho nên trong văn hóa của bộ lạc Để Khương có những nhân tố văn hóa thảo nguyên phương bắc cũng lan xuống phía nam. Như các vụ sư dân tộc Bạch Nhi khiêu thần thì đánh trống da cừu. Có người cho rằng đó là do người Để Khương mang đến.

Lại ví như, thế kỷ 4 sau công nguyên, chính quyền Hung Nô ở miền bắc sụp đổ. Nhiều bộ chủng Hung Nô di dân xuống phía nam, đến vùng Trung nguyên của người Hán và sống chung lẫn với người Hán. Theo một số học giả cận đại, tín ngưỡng tôn giáo của người Hung nô cổ đại là nguyên hình của Tát Mãn giáo Bắc Á. Sau khi theo dân tộc mà di cư xuống Trung Nguyên, các vụ sư Hung Nô đã có ảnh hưởng sâu sắc ở Trung Nguyên.

Thiên "Phong thiên thư" trong "Sử ký" ghi: "Vũ sư cứu thiên, tế lễ cứu thiên". Sách "Tam phụ cổ sự" ghi: "Vu sư người Hồ thờ cứu thiên ở thần minh đài". Hán thư - Địa lý chí" ghi "Huyện Triều Na thuộc quận An Định nhà Hán có 15 ngôi nhà thờ Đao Tuấn, trong nhà thì có vu sư người Hồ đọc chú". Những người hoạt động mê tín thời Hán đều dùng phù chú mưu lợi đã truyền bá tục cầu thần nhập xác ấy ra khắp các vùng toàn quốc là chuyện rất tự nhiên dễ hiểu.

Chúng ta xem lại Tát - Mãn giáo Bắc Á và cầu thần nhập xác của nó đã truyền bá sang Nam Bắc Mỹ như thế nào.

Vì vấn đề này, có học giả cho rằng thuật "hôn mê" Tát - mãn giáo rất có thể đã được người Châu Á mang đến Bắc Mỹ và Nam Mỹ từ đợt sóng di dân lần thứ nhất. Nhiều phát hiện mới về khảo cổ học đã chứng minh có những đợt di dân lớn hơn, liên tục từ Bắc Á sang Bắc Mỹ. Người ta tính toán, đợt di dân đầu tiên từ châu Á sang Bắc Mỹ đã diễn ra cách đây 1400 năm. Tát Mãn giáo và phương thuật hôn mê của nó đã tồn tại rất lâu trước đó, và những xa - man châu Á di cư hiển nhiên đã mang theo thuật "hôn mê" sang Châu Mỹ. Có lẽ vì những nguyên nhân đó, những xã đoàn bí mật và

những tổ chức thần bí của người Indian đã nắm được phương thuật hôn mê và hoạt động cầu thần của các xa - man.

Tục cầu thần nhập xác tồn tại trong các dân tộc nguyên thủy ở châu Âu, châu Đại Dương, châu Phi và ở các nước văn minh cổ trên thế giới cũng có thể lấy các đợt di dân trong lịch sử xã hội nguyên thủy để giải thích.

Châu Âu, từ Rumania ngày nay đến vùng Hắc hải, Lý hải, cho mãi đến vùng hồ Bai - can và miền nam Xibêri, cho đến những thảo nguyên mênh mông phía đông Liên Xô cũ là rất quan trọng đối với toàn châu Âu nếu nhìn từ góc độ nhân loại học, sử học và nghệ thuật học. Các dân tộc du mục chuyển dịch không ngừng trên các thảo nguyên không bờ bến, đã biến các thảo nguyên thành những tuyến đường giao thông cũng như các đại dương đã có tác dụng giao lưu vậy. Ba thế kỷ trước công nguyên, các dân tộc du mục phía Bắc châu Á đã khi liên tục, khi gián đoạn chuyển dần tới các vùng mà sau này trở thành các trung tâm văn minh châu Âu. Năm 735, các bộ lạc Hung Nô với số nhân khẩu khá lớn đã đến được ven biển Đen, họ đã qua Trung Á, đi vào vùng sông Đông và sông Dni - bo. Tục cầu thần nhập xác ở châu Âu rất có thể là do những dân du mục ấy mang đến trong những thời kỳ nói trên (thậm chí có thể sớm hơn). Ví dụ các vụ sư dân tộc La phu ở phía Tây bắc châu Âu, khi hành lễ cũng đánh trống, múa hát, cùng với tiếng hát, họ dơ cao trống quá đầu rồi nằm rạp xuống như trong trạng thái hoảng hốt hôn mê. Khi tỉnh táo trở lại, họ có thể nói ra những thông tin cần thiết. Mà người La phu vốn là một dân tộc châu Á di cư dần sang phía tây từ thời đại băng hà và định cư ở phần cực bắc châu Âu.

Ở châu Đại Dương, năm 1977 và 1980 A.G Thorne đã hai lần nêu ra quan điểm có những đợt di dân cổ đại từ châu Á sang châu Úc. Ông cho rằng ở châu Úc có hai đợt di dân khác nhau, không liên quan gì đến nhau. Một là đường phía Nam, một loạt người cao to có những khung xương thô lớn, đã từ Đông Nam Á đến, có thể là từ Gia va đi qua Timo mà vào châu Úc. Một nữa là từ phía Bắc, có thể là từ Hoa Nam Trung Quốc đến. Đây là những người có thân hình nhỏ nhắn hơn, họ qua Đông Dương, Cali ma tan và tân Chi nê mà vào miền đông bắc Ốt - Strây - lia. Hai đoàn người khác nguồn gốc này hồi cư với nhau và tạo ra thổ dân Ốt - strây - lia. Quan điểm này đã hé cho thấy, những người Đông Nam Á và người Hoa Nam Trung Quốc vốn đã nắm được thuật "hôn mê" đã di dân đến Ốt - strây - lia trong thời cổ.

Ở châu Phi và các nước văn minh cổ - khoảng 2000 năm trước, người Ấn đã từ Lý hải và đại thảo nguyên nam Nga, chia thành nhiều bộ lạc đã đến Hy Lạp, tiểu Á, Ai cập, I ran, Ấn độ, Yô ga của Ấn độ, tục giảng thần Cơ đốc giáo cổ có lẽ cũng liên quan đến những người Ấn Âu này. Có học giả cho rằng, Yô ga Ấn độ là một thực hành tôn giáo của Tát - Mãn giáo nguyên thủy. Tục cầu thần nhập xác ở châu Phi thì có thể là từ Ai cập truyền đến.

VĨ THANH

I

Luật hình nước ta quy định rõ ràng, những hành vi lợi dụng tâm lý mê tín, và các tổ chức mê tín để tiến hành hoạt động phản cách mạng, làm tổn hại trị an xã hội, tổn hại sức khỏe và thân thể công dân phải bị trừng trị theo pháp luật. Qua sự phân tích, xem xét theo nhiều tầng nấc nhiều góc độ tục nhập thần nhập xác trên đây, trừ những hoạt động tôn giáo bình thường (như phật giáo Tây tạng dùng phép bói viên quanh Cách tát nhĩ để bói tâm tìm linh đồng chuyển kiếp) thì tục cầu thần nhập xác phần lớn đã thành thủ đoạn chủ yếu của một số người có ý dụng xấu nhằm làm nguy hại cho trị an xã hội, cho sức khỏe công dân, thậm chí chống phá cách mạng. Những hoạt động tội lỗi cầu thần nhập xác làm thủ đoạn làm hại trị an xã hội, phá hoại sức khỏe công dân đã được vạch trần trong phần trên: lấy cầu thần nhập xác để tiến hành hoạt động chống phá cách mạng cũng rất đáng ghê sợ. Ví dụ một thời gian trước sau ngày giải phóng toàn quốc các tổ chức đồng thiện xã ở các vùng trong toàn quốc đã lợi dụng các vu thuật thần đàn, ky ngữ để gieo rắc dư luận chính trị chống lại việc hợp tác với chính quyền mới, tiến tới xây dựng các cứ điểm bí mật, hòng gây phiền loạn vũ trang đã được chính quyền nhân dân kịp thời phát hiện và trừng trị. Hồi mới giải phóng, Nhất Quán đạo cũng lợi dụng phù ki gieo rắc dư luận phản

cách mạng, điên cuồng hoạt động chống cộng chống nhân dân, trở thành một thế lực phản động tiến hành hoạt động lật đổ chính quyền mới. do đó năm 1951, chính quyền nhân dân đã chính thức ban bố lệnh cấm. Trong thời kỳ cải cách ruộng đất, có số bà mo thần hán đã mượn lời thần giọng quý, dả kích ám hại những người tích cực trong cải cách ruộng đất. Có người đã lợi dụng cầu thần nhập xác để li gián quan hệ giữa dân tộc Hán với dân tộc thiểu số, uy hiếp dọa nạt quần chúng làm rối lòng dân, phá hoại sản xuất.

Mấy năm gần đây, các tổ chức mê tín lợi dụng giảng thần nhập xác để hoạt động phá hoại có cơ phát triển trong đó hoạt động của Nhất Quán đạo càng nổi bật. Theo điều tra của cơ quan có trách nhiệm, Nhất Quán đạo một số địa phương lại lợi dụng phù ki để gieo rắc dư luận chính trị phản động, công kích Đảng và chủ nghĩa xã hội, phá hoại chính sách cải cách mở cửa, âm mưu xưng vương đế, thay đổi triều đại, hết sức điên cuồng. Vì tục cầu thần nhập xác đã tạo điều kiện thuận lợi cho những trò bịp cầu thần nhập xác làm hại nghiêm trọng sức khỏe và tinh thần của người giảng thần nhập xác và có hại cho trị an xã hội, vì tục cầu thần nhập xác có tác dụng đẩy sự hình thành và duy trì tâm lý mê tín, cho nên chúng ta không can thiệp tục cầu thần nhập xác thuộc hoạt động tôn giáo bình thường, nhưng kiên quyết chống lại những trò bịp cầu thần nhập xác và những phần tử lợi dụng thủ đoạn cầu thần nhập xác để hoạt động phạm pháp, kiên quyết thủ tiêu những tập tục cầu thần nhập xác trừ những hoạt động tôn giáo bình thường. Điều này không thể chần chừ và không thể mơ hồ.

II

Tục câu thần nhập xác có liên hệ mật thiết với thời miên và những công năng đặc dị của cơ thể con người. Rời bỏ thuật thôi miên và khoa học nhân thể thì không thể nào chỉ ra được thực chất và chân tướng của việc câu thần nhập xác. Cho đến nay người ta chưa có nhận thức nhất trí đối với thuật thôi miên và công năng đặc dị của cơ thể con người. Có người coi đó là hết sức thần diệu, có người nửa tin nửa ngờ, có người hoàn toàn phủ định... Những người có thái độ phủ định, phần lớn là vì những biểu hiện của thôi miên và công năng đặc dị không phù hợp với cách hiểu của họ về thế giới hiện thực. Khi niềm tin cũ bị sự vật mới uy hiếp, họ thà không thừa nhận sự vật mới, chứ không chịu thay đổi quan niệm cũ. Có người trong bụng thì thừa nhận thôi miên và công năng đặc dị, nhưng lại không dám công khai bày tỏ quan điểm của mình sợ người khác chế diễu, mất uy tín vốn có của mình. Vì vậy, để vệ bảo ý kiến cố chấp hoàn toàn vô lý của mình và địa vị tín ngưỡng cá nhân, họ đành lấy những "lý luận" như trò "lừa bịp", "chuyện ngẫu nhiên", "ảo giác" "cảm giác sai" v.v... Để phủ định thuật thôi miên và công năng đặc dị của cơ thể người. Nhưng cũng như với thứ tôn giáo đã chinh phục thế giới đế quốc La Mã và chi phối đại bộ phận văn minh nhân loại 1800 năm nay mà chỉ nói là câu chuyện hoang đường do những tên bịp bợm nặn ra là xong¹⁾, hiện tượng thôi miên và công năng đặc dị quyết không thể đưa cái "lý luận" coi là "trò bịp" mà phủ nhận được. Nếu không xuất hiện những kỳ tích, thì những hiện tượng thôi miên và công năng đặc dị kia không thể lưu truyền rộng rãi đến thế từ xưa tới nay. Nếu không có những công

¹⁾ "Bản về lịch sử cơ đốc giáo nguyên thủy" của Ăng ghen, trang 2.

năng đặc dị, thế thì tôn giáo nguyên thủy, chưa nói gì đến tôn giáo đủ màu kiểu hiện đại, không thể nào duy trì được. Nhìn bề ngoài, những "lý luận" kia có vẻ rất khoa học, thực ra là phản khoa học, là những thành kiến chủ quan không tôn trọng thực tế khách quan, là tiếng rên yếu ớt do đau khổ vì nhận thức mất cân bằng. Nó chỉ có thể làm cho những người duy tâm và những người hữu thần vui mừng. Chúng ta không thể tiếp tục để cho thái độ thuyết giáo, huân thị đó chiếm ưu thế trong ta nữa. Một duy vật chân chính, không thể chỉ lên án mê tín một cách giản đơn mà phải dùng khoa học và thái độ khoa học để mổ xẻ và nói rõ mê tín. Thái độ khoa học tức là vứt bỏ thiên kiến cá nhân và khắc phục yêu ghét. Chúng ta phản đối hóa việc thần thánh hóa thời miên, công năng đặc dị của nhân thể và tục cầu thần nhập xác, nhưng chúng ta cũng phản đối thái độ phủ định trông ra có vẻ ngạo mạn nhưng thực tế là yếu hèn ba hiện tượng nói trên. Việc tục cầu thần nhập xác ngóc đầu dậy và một số người thần thánh hóa thuật thôi miên và công năng đặc dị có tác dụng nguy hại rất lớn cho sự nghiệp xây dựng "hai thứ văn minh" (Văn minh vật chất và văn minh tinh thần - Người dịch). Muốn xây dựng tốt "hai thứ văn minh", muốn thật sự triệt để phá bỏ tâm lý mê tín, thì chúng ta phải nhìn thẳng vào thực tế, phải nghiên cứu thuật thôi miên và công năng đặc dị của con người và tục cầu thần nhập xác, tìm rõ nguyên nhân của chúng, vạch rõ chân tướng của chúng, làm cho mọi người hiểu rõ và đứng về phía khoa học. Chỉ có như vậy mới có ích cho sự nghiệp xây dựng "hai thứ văn minh" của chúng ta.

III

Đến đây, việc tìm hiểu phong tục cầu thần nhập xác tạm dừng. Nhưng như vậy không có nghĩa là chúng ta đã nghiên cứu đến đầu đến đũa phong tục đó. Trái lại, việc nghiên cứu vấn đề này chỉ mới bắt đầu. Sách này chưa làm rõ được nhiều điều khó hiểu của tục cầu thần nhập xác. Ví dụ các vấn đề cơ chế tạo ra những biến đổi tâm lý và sinh lý thôi miên (ám thị), thực chất của "những hình ảnh còn lại", "những thông tin còn lại" v. v.... vì nó đề cập đến hiện tượng sống vô cùng phức tạp của cơ thể con người. Cho đến nay, con người ta đã tìm ra những vũ khí lợi hại có thể hủy diệt bản thân nhân loại hàng ngàn vạn lần thì lại đang ở giai đoạn hết sức mơ hồ, khiến cho hàng loạt những vấn đề như vậy, với chúng ta đến nay vẫn là một "mớ thần bí" (lời của Ravaxi). Muốn mở tung cái "mớ thần bí" này, chỉ dựa vào khoa học xã hội là không đủ, cần có sự tham gia của các chuyên gia tâm lý học, sinh lý học, thần kinh học, nhân thể học và các chuyên gia nghiên cứu về thôi miên. Điều này có lẽ phải trông đợi vào sự cố gắng chung của mấy thế hệ nữa mới mong thực hiện được. Nhưng chúng ta tin rằng cái ngày đó sẽ đến. Chúng ta chờ đợi cái ngày đó đến sớm!

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	5
LỜI TỰA TỔNG TẬP VĂN HOÁ THIÊN BÍ TRUNG HOA	7

Phần I (CUỐN BÍ ẨN CỦA CHIÊM MỘNG)

13

LỜI NÓI ĐẦU (CUỐN BÍ ẨN CỦA CHIÊM MỘNG)	15
---	----

QUYỂN THƯỢNG

21

I. CỘI NGUỒN VÀ SỰ BÍ HIỂM CỦA THUẬT ĐOÁN MỘNG	23
--	----

1. Thuyết "Vạn vật hữu linh" của E.P Taylor 23
2. Quan niệm về hồn, mộng của người xưa 25
3. Mê tín điểm mộng chuyển hoá thành
thuật đoán mộng 30
4. Sự liên hệ và khác biệt giữa mê tín điểm mộng và thuật
đoán mộng 32

II. QUAN HỆ GIỮA CÁC LOẠI HÌNH CHIÊM, BÓI VỚI ĐOÁN MỘNG	34
---	----

III. HOẠT ĐỘNG ĐOÁN MỘNG THỜI AN. CHU	39
---------------------------------------	----

1. Bàn qua về lý luận đoán mộng 39

2. Hoạt động đoán mộng sớm nhất	41
3. Thái độ của người đời Chu đối với đoán mộng	45
IV. NHỮNG PHƯƠNG PHÁP ĐOÁN MỘNG CHỦ YẾU	49
1. Giải thích trực tiếp về hình tượng giấc mộng	49
2. Giải thích, giải bày cặn kẽ về hình tượng giấc mộng	53
V. PHẢN MỘNG	68
VI. THẾ NÀO GỌI LÀ MỘNG LÀNH (CÁT) VÀ MỘNG DỮ (HUNG)	75
VII. NGUỒN GỐC VÀ NGHỊ THỨC CỦA VIỆC CẦU MỘNG LÀNH VÀ TRỪ MỘNG DỮ	81
VIII. CẤM KỴ VÀ ÁC MỘNG	87
IX. PHÙ CHÚ TRỪ ÁC MỘNG	93
X. VƯƠNG SUNG - NHÀ TƯ TƯỞNG PHÊ PHÁN THUẬT ĐOÁN MỘNG SỚM NHẤT	101
XI. VƯƠNG PIÊU BÀN VỀ MỘNG	113
1. Phân loại các giấc mộng	114
2. Nguyên nhân sinh lý, bệnh lý của mộng	116
3. Nguyên nhân tâm lý tinh thần của mộng	118
4. Phê phán sự đoán mộng cát, hung	120
5. Sách "Tiêm phu luận - mộng liệt"	123
XII. CHÂU TUYỀN ĐOÁN MUỖI TRÚNG CHÍN	126
XIII. TRƯỜNG TRUNG ĐÔI MÙ SẮT CHIÊM NGHIỆM TẤT ĐÚNG	131

BÍ ẨN CỦA CHIÊM MỘNG & VU THUẬT	633
---------------------------------	-----

XIV. ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC ĐOÁN MỘNG VỚI HOÀNG ĐẾ VÀ HOÀNG TỘC NHÀ THANH	134
---	-----

XV. TÁC DỤNG XÃ HỘI TIÊU CỰC CỦA ĐOÁN MỘNG QUA CÁC VÍ DỤ VỀ MỘNG	139
--	-----

1. Tuyên truyền tư tưởng "Thu mệnh trời" và "Thông giao với thần linh" của kẻ thống trị	140
---	-----

2. Ứng hợp với chính trị	142
--------------------------	-----

3. Tuyên dương mộng có thể ứng nghiệm điều hung, cát, cổ xúy thuyết, định mệnh	145
--	-----

4. Truyền bá mê tín phong kiến, đánh lừa quần chúng	149
---	-----

XVI. MÊ TÍN ĐOÁN MỘNG CHUYỂN SANG GIẢI THÍCH MỘNG BẰNG KHOA HỌC	157
---	-----

1. Tại sao FREUD viết "giải thích mộng"	157
---	-----

2. Mộng là sự thoả mãn của dục vọng	163
-------------------------------------	-----

3. Tài liệu và nguồn gốc của mộng	166
-----------------------------------	-----

4. Quan hệ giữa mộng và tính dục	171
----------------------------------	-----

5. Đánh giá lý luận giải thích mộng của Freud ra sao	175
--	-----

QUYỂN TRUNG

I. CHÚNG TRIỆU MỘNG TRỜI	181
--------------------------	-----

1. ẩn ý của văn hoá trời	181
--------------------------	-----

2. Điềm hung cát khi có mộng trời	185
-----------------------------------	-----

II. MỘNG THẤY ĐẤT VÀ ĐỊA MẠO ĐẤT	191
1. Thuật xem tướng đất cổ đại của Trung Quốc	191
2. Dùng hướng đất trong mộng xem cát hung	194
3. Mộng và sự sùng bái sơn thần	197
III. SÙNG BÁI NƯỚC, LỬA VÀ ĐOÁN MỘNG HUNG CÁT	201
IV. PHẬI VÀ ĐOÁN MỘNG	208
V. TẾ CÂY VÀ CHIÊM MỘNG	214
VI. MỘNG THẤY RỒNG - ĐIỂM BÁO TỐT LÀNH	219
VII. TỪ "ĐÔN HOÀNG GIẢI MỘNG TIÊU" XEM MỐI QUAN HỆ VỢ CHỒNG ĐỜI ĐƯỜNG	225
VIII. ĐOÁN MỘNG VÀ NGUỒN GỐC CỦA TÊN GỌI	230
IX. THẦN THOẠI - GIÁC MỘNG CỦA DÂN TỘC THỜI VIỄN CỐ	235
1. Mộng - vườn ươm sản sinh ra thần thoại	236
2. Thần thoại đoán mộng thời cổ đại ở Trung Quốc	242
X. ĐOÁN MỘNG MUÔN MẪU MUÔN SẮC VÀ VĂN HỌC MỘNG ẢO	251
1. Văn hoá đoán mộng thời Tiên Tần	252
2. Thơ và từ về mộng ảo thời kỳ Đường, Tống	257
3. Hỷ khúc mộng ảo thời kỳ Nguyên, Minh	262
4. Tiểu thuyết viết về mộng trong thời kỳ Minh, Thanh	266
XI. NGHI ÁN VỀ CUỘC GẶP GỠ TRONG MỘNG GIỮA ĐẾ VƯƠNG VÀ NỮ THẦN	268

BÍ ẨN CỦA CHIÊM MỘNG & VU THUẬT	635
---------------------------------	-----

XII. BÍ ẨN VỀ MỘNG TRONG HỒNG LÂU MỘNG	270
1. Mộng tỉnh đục trong lầu hồng	271
2. Nguyên nhân mộng di của Giả Bảo Ngọc	275
3. Câu đối thác mộng trong Hồng Lâu Mộng	277

QUYỂN HẠ

I. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN "NGẠC MỘNG" TRONG CHU LỄ VÀ CÁCH PHÒNG TRỪ	285
1. ác mộng sản sinh ra như thế nào?	286
2. Tránh ác mộng như thế nào?	288
II. Y HỌC TRUYỀN THỐNG TRUNG QUỐC BÀN VỀ MỘNG	293
1. Mộng là một hình thức vận động tinh khí	293
2. Đặc trưng sinh lý của hình tượng mộng	294
3. Y học Trung Quốc tìm tòi và luận bàn về mộng	299
III. SỰ HUYỀN BÍ CỦA ẢO MỘNG VÀ ĐOÁN, BÓI MỘNG	300
IV. ĐOÁN MỘNG VÀ DƯỠNG SINH, KHÍ CÔNG	303
1. Khí công cổ đại Trung Quốc xâm nhập vào thuật đoán mộng	304
2. ảnh hưởng của đoán mộng với dưỡng sinh	306
3. Đạo của Lão Tử với Mộng	307
4. Mộng và đạo của Trang Tử	308
5. Mộng giác và mộng cảnh	308
V. TRƯỞNG TÀI BÀN VỀ MỘNG	310

VI. SÁCH "MỘNG TRAI" CỦA TÔ ĐÔNG PHA	312
VII. TÂM LINH CẢM ỨNG ĐẶC BIỆT KỶ LA	314
VIII. MỘNG VỚI DỰ KIẾN KHOA HỌC VÀ PHÁT MINH	318
1. Cảnh mộng xuất hiện như thế nào	318
2. Mộng và tính dự báo	319
3. Mộng và tính sáng tạo	321
4. Điều kiện để giấc mộng có được tính sáng tạo và tính dự báo	324

Phần II

(CUỐN VU THUẬT THẦN BÍ)

LỜI NÓI ĐẦU (CUỐN VU THUẬT THẦN BÍ)	329
PHẦN DẪN	341
I. ĐÁM NẮM ĐỘC LOÈ LOỆT: NHỮNG CHÙNG LOẠI CHỦ YẾU CỦA TỤC CẦU HỒN (THƯỢNG)	353
1. Khiêu thần	353
2. Vũ tiên đồng	359
3. Đấu địa cổ ngư khiêu oai thần	369
4. Tẩu âm	372
5. Tứ đại môn	376
6. Xương thần tiên	379
II. ĐÁM NẮM ĐỘC LOÈ LOỆT: NHỮNG CHÙNG LOẠI CHỦ YẾU CỦA TỤC CẦU HỒN (HẠ)	391
1. Phù kỵ	391

BÍ ẨN CỦA CHIÊM MÔNG & VU THUẬT	637
2. Viên quang	403
3. Lên trời (thăng không)	408
4. Đi nhanh (khoái hành)	411
5. Thây chết đi (hành thi)	413
III. MA LỰC CỦA CÔ ĐỒNG ÁO ĐEN: HIỆN TƯỢNG SIÊU THƯỜNG VÀ CÔNG DỤNG CHỦ YẾU CỦA PHONG TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC	416
Hiện tượng siêu thường chủ yếu trong tập tục cầu thần nhập xác	416
Siêu trí lực	417
Siêu thể lực	423
Siêu nghị lực	424
Siêu thị lực	430
Siêu trí nhớ	431
Lực nhớ những sự việc đã qua, vạch rõ những điều bí ẩn riêng tư của con người, dự trắc được tương lai	431
Ý niệm chi động	435
Công dụng chủ yếu của tục cầu thần nhập xác	437
Thông thần	438
Dự tri vấn sự	438
Trị bệnh	442
Vui chơi giải trí	446
Phong tục gọi hồn nhập xác với đấu tranh chính trị và quân sự	455
Thực dụng	456

IV. THỦ PHÁP VÀ ĐẠO CỤ CỦA MA THUẬT SỬ THỦ ĐOẠN CHỦ YẾU CỦA THẦN NHẬP CÔ ĐỒNG	464
Cuồng vũ	465
Che mặt	472
Quạt gió	473
Khí hun	474
Chăm chú nhìn bát nước, gương cổ, thủy tinh thể	476
Dược vật	477
Thần đàn vu âm	484
Niệm chú đốt bùa	487
Đạo cụ	490
Tự giầy vò mình	493
Trợ thủ	495
V. LẤN SÂU VÀO HANG TỐI CHÂN TƯỚNG CỦA VIỆC CẦU THẦN NHẬP XÁC (THƯỢNG)	497
Quá trình cầu thần nhập xác cũng là quá trình thôi miên	498
Cơ sở sinh lý, cơ sở tâm lý, cơ sở vật lý và cơ sở văn hóa của việc cầu thần nhập xác	503
Nghiệm chứng và giải thích những hiện tượng siêu thường trong vu thuật giáng thần bằng những thành quả nghiên cứu thuật thôi miên và khoa học nhân thể	516
VI. LẤN SÂU VÀO HANG TỐI CHÂN TƯỚNG CỦA VIỆC CẦU THẦN NHẬP XÁC (HẠ)	522
Phân tích mấy hiện tượng "thần bí" trong tục giáng thần	522
Thế giới quỷ thần trong tâm lý mê cuồng	523

BÍ ẨN CỦA CHIÊM MỘNG & VU THUẬT	639
Bí mật của "thây chết đi được"	539
Bí mật chữa bệnh của thầy mo	541
Điều khó hiểu của It-tê-ri lây lan	547
Người bị thôi miên trong trạng thái "thôi miên sâu "vì sao" không học mà biết"	550
VII. BÀN HỌP TẤU NHIỀU TẦNG VỀ THẦN TIÊN THẬT GIÀ: TÍNH BỊP BỌM VÀ HẠN CHẾ CỦA TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC	559
Một số mảnh bịp trong tục cầu thần nhập xác	559
Ảo thuật trong xiếc và trò bịp cầu thần nhập xác	566
VIII. VIỆC LÀM XẤU CỦA YA DANG VÀ XA OA: TÁC HẠI CỦA TỤC CẦU THẦN	574
Tệ tục cầu thần nhập xác phá hoại nghiêm trọng tinh thần và sức khỏe của người cầu thần nhập xác	578
Tệ tục giáng thần tạo điều kiện cho những hoạt động tội phạm mê tín bịp bợm	590
Tệ tục cầu thần nhập xác thúc đẩy sự hình thành và duy trì tâm lý mê tín	578
IX. NHỮNG CƠN ĐIÊN NHẢY MÚA, NHỮNG ĐỢT IT-STÊ-RI THUỐC TẠO ẢO GIÁC VÀ NHỮNG CÁI KHÁC: NGUỒN GỐC, SỰ HÌNH THÀNH, SỰ TRUYỀN TIẾP VÀ SỰ LAN RỘNG CỦA TỤC CẦU THẦN	590
Thời kỳ khởi nguồn và thời kỳ hình thành tục cầu thần	598
Nơi khởi nguồn của tục cầu thần	608
Khởi nguồn của tục cầu thần và bệnh tinh thần	610

Nguồn gốc của tục cầu thần với vũ đạo nguyên thủy và thuốc thực vật gây ảo giác	614
Cách thức truyền nối tục cầu thần nhập xác	616
Con đường truyền bá tục cầu thần nhập xác	619
VĨ THANH	625

ĐẠI DIỄN TÍCH VĂN HOÁ THÂN BÍ TRUNG HOA

DIÊU VĨ QUÂN

DIÊU CHU HUY

BÍ ẨN CỦA CHIÊM MỘNG & VU THUẬT

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

VŨ AN CHUƠNG

Biên tập: NGUYỄN THẾ VINH

Biên tập tái bản: NGUYỄN VĂN TOẠI

Trình bày bìa: KIEN THUC DESIGN

Sửa bản in: THU TRANG

In 1000 cuốn khổ 14,5 x 20,5cm tại Xưởng in Công ty Thanh Xuân

Số đăng ký KHXB: 152-XB-QLXB/01-VHTT do Cục Xuất bản ký ngày 18/02/2004.

Giấy trích ngang KHXB do NXB Văn hoá Thông tin ký ngày 23/02/2004.

In xong và nộp lưu chiểu quý III/2004.

Văn hóa Trung Hoa không chỉ nổi tiếng vì lâu đời, phong phú, mà còn được người Trung Quốc và nước ngoài ngưỡng mộ vì tính chất thần bí sâu đậm của nó. Nói thần bí, có nghĩa là thần kỳ và bí ẩn. Tất cả những nền văn hóa mang màu sắc thần bí, đều có thể gọi là *Văn hóa thần bí*.

Trong lâu đài văn hóa, không có một nền văn hóa nào khiến người ta say mê, đớp lấy hồn vía, lôi kéo người ta đi sâu tìm hiểu, khiến người ta ngạc nhiên thán phục như *Văn hóa thần bí*.

Văn hóa thần bí là một kho biển ảo thần kỳ, người theo nghiệp học nhìn thấy ở đây ánh hào quang của trí tuệ; người cầm quyền qua đây mà tổng kết những quyền mưu gìn giữ chính quyền; người kinh doanh lấy từ đây vô vàn của cải; kẻ mộng muội thì xin ở đây sợi dây để tự trói mình ...

VƯƠNG NGỌC ĐỨC

Trích lời tựa Tổng tập **ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA**

ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA



Cover design: Nghiem Hoang Anh

Tìm đọc Tổng tập **ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA**

TRACH CÁT thần bí	Bí ẩn của Chiêm mộng & Vu thuật	Bí ẩn của TƯỚNG THUẬT
Bí ẩn của BÁT QUÁI	Bí ẩn của Phong thủy	QUYỀN MƯU thần bí

Bí ẩn của

Chiêm mộng & Vu thuật

0701 817



Giá: 90.000 đ